UỶ BAN NHÂN DÂN HUYỆN HÓC MÔN

# PHỤ LỤC

## BÁO CÁO KẾT QUẢ XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI NÂNG CAO ĐẾN NĂM 2024 CỦA HUYỆN HÓC MÔN, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

*Huyện Hóc Môn, tháng 11/2024*

# DANH SÁCH PHỤ LỤC

**Phụ lục 1:** Danh mục văn bản chỉ đạo điều hành của Huyện ủy, Ban chỉ đạo xây dựng nông thôn mới huyện, Ủy ban nhân dân huyện. ..... 1

**Phụ lục 2.1:** Bảng tổng hợp kết quả thực hiện các tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao đến năm 2024 của huyện Hóc Môn, thành phố Hồ Chí Minh *(theo Biểu 4, Mẫu số 10, Văn bản hợp nhất số 20/VBHN-BNNPTNT ngày 13/6/2024 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)* ..... 19

**Phụ lục 2.2:** Bảng đánh giá chung các tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao đến năm 2024 của huyện Hóc Môn, thành phố Hồ Chí Minh ..... 33

**Phụ lục 2.3:** Bảng tổng hợp kết quả thực hiện các tiêu chí huyện nông thôn mới nâng cao đến năm 2024 của huyện Hóc Môn, thành phố Hồ Chí Minh *(theo Biểu 2, Mẫu số 10, Văn bản hợp nhất số 20/VBHN-BNNPTNT ngày 13/6/2024 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)* 49

**+ 19/19 tiêu chí xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao** ..... 63

**Phụ lục 3:** Hệ thống chỉ tiêu của Tiêu chí 1 - Quy hoạch. ..... 63

**Phụ lục 4:** Danh mục các quyết định phê duyệt đồ án quy hoạch tỷ lệ 1/2000 của 10 xã nông thôn mới nâng cao huyện Hóc Môn. ..... 64

**Phụ lục 5:** Hệ thống chỉ tiêu 2.1, 2.2, 2.3 của Tiêu chí 2 – Giao thông. ..... 66

**Phụ lục 6:** Tiêu chí 3 - Thủy lợi và phòng, chống thiên tai - Danh mục công trình thủy lợi thực hiện bảo dưỡng, duy tu trên địa bàn các xã, huyện Hóc Môn. ..... 67

**Phụ lục 7:** Tiêu chí 4 - Điện – Thống kê tỷ lệ hộ có đăng ký trực tiếp và được sử dụng điện sinh hoạt, sản xuất đảm bảo an toàn, tin cậy và ổn định trên địa bàn các xã, huyện Hóc Môn. ..... 71

**Phụ lục 8:** Tiêu chí 5 - Giáo dục - Kết quả phân luồng hướng nghiệp năm học 2022-2023 ... 72

**Phụ lục 9:** Tiêu chí 5 - Giáo dục - Kết quả phân luồng hướng nghiệp năm học 2023-2024 ... 73

**Phụ lục 10:** Tiêu chí 5 - Giáo dục - Danh sách các trường trên địa bàn 10 xã xây dựng nông thôn mới nâng cao huyện Hóc Môn. ..... 74

**Phụ lục 11:** Tiêu chí 7 - Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn - Danh sách các chợ, siêu thị, cửa hàng tiện ích trên địa bàn huyện. ..... 77

**Phụ lục 12:** Tiêu chí 9 - Nhà ở dân cư –Thống kê tỷ lệ nhà đạt chuẩn và diện tích nhà ở bình quân 10 xã nông thôn mới. ..... 84

**Phụ lục 13:** Tiêu chí 13 - Tổ chức sản xuất và phát triển kinh tế nông thôn - Hoạt động của hợp tác xã trên địa bàn huyện. ..... 85

**Phụ lục 14:**. Tiêu chí 13 - Tổ chức sản xuất và phát triển kinh tế nông thôn - Danh sách sản phẩm OCOP trên địa bàn huyện Hóc Môn ..... 89

**Phụ lục 15:** Chỉ tiêu 13.6 - Danh sách mã số vùng trồng nội địa huyện Hóc Môn. ..... 91

**Phụ lục 16:** Tiêu chí 14 - Y tế - Danh sách văn bản triển khai ..... 92

**Phụ lục 17:** Tiêu chí 15 - Hành chính công. ..... 101

**Phụ lục 18:** Tiêu chí 16 - Hệ thống chính trị và Tiếp cận pháp luật - Bảng tổng hợp kết quả cán bộ, công chức xã đạt chuẩn. ..... 129

**Phụ lục 19:** Tiêu chí 16 - Hệ thống chính trị và Tiếp cận pháp luật - Bảng tổng hợp văn bản đánh giá, xếp loại chất lượng tổ chức đảng 10 xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021 – 2023. ..... 143

**Phụ lục 20:** Tiêu chí 16 - Hệ thống chính trị và Tiếp cận pháp luật - Bảng tổng hợp các văn bản

xếp loại chất lượng chính quyền các xã, giai đoạn 2021 – 2023..... 145

**Phụ lục 21:** Tiêu chí 16 - Hệ thống chính trị và Tiếp cận pháp luật - Thống kê xếp loại chất lượng tổ chức chính trị - xã hội của các xã nông thôn mới. ..... 146

**Phụ lục 22:** Tiêu chí 16 - Hệ thống chính trị và Tiếp cận pháp luật - Bảng tổng hợp công tác tập huấn nông thôn mới 10 xã nông thôn mới..... 148

**Phụ lục 23:** Tiêu chí 17 - Môi trường - Bảng tổng hợp cơ sở sản xuất, nuôi trồng thủy sản, làng nghề đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường của 10 xã nông thôn mới nâng cao trên địa bàn huyện Hóc Môn ..... 149

**Phụ lục 24:** Tiêu chí 17 - Môi trường - Bảng tổng hợp đăng ký thu gom chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn huyện Hóc Môn. ..... 150

**Phụ lục 25:** Tiêu chí 17 - Môi trường - Bảng tổng hợp hộ thực hiện thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt tại 10 xã nông thôn mới nâng cao huyện Hóc Môn. ..... 151

**Phụ lục 26:** Tiêu chí 17 - Môi trường - Bảng tổng hợp thông tin công tác phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn trên địa bàn huyện Hóc Môn..... 152

**Phụ lục 27:** Tiêu chí 17 - Môi trường - Bảng tổng hợp các đơn vị thu gom và vận chuyển chất thải sinh hoạt trên địa bàn huyện Hóc Môn..... 153

**Phụ lục 28:** Tiêu chí 17 - Môi trường - Tổng hợp số lượng cơ sở chăn nuôi tại 10 xã nông thôn mới trên địa bàn huyện Hóc Môn. ..... 155

**Phụ lục 29:** Tiêu chí 17 - Môi trường - Bảng tổng hợp các trường hợp sử dụng hình thức hỏa táng tại 10 xã nông thôn mới nâng cao trên địa bàn huyện Hóc Môn. ..... 156

**Phụ lục 30:** Tiêu chí 17 - Môi trường - Bảng tổng hợp chất thải nguy hại từ các cơ sở sản xuất kinh doanh, chăn nuôi (ngoài cụm công nghiệp) trên địa bàn huyện Hóc Môn..... 157

**Phụ lục 31:** Tiêu chí 17 - Môi trường - Bảng tổng hợp thông tin về chất thải y tế nguy hại trung tâm y tế huyện Hóc Môn. ..... 239

**Phụ lục 32:** Tiêu chí 17 - Môi trường (chỉ tiêu 17.12) - Bảng tổng hợp kết quả thực hiện chỉ tiêu Đất cây xanh sử dụng công cộng tại điểm dân cư nông thôn. ..... 240

**Phụ lục 33:** Tiêu chí 18 – Chất lượng môi trường sống (chỉ tiêu 18.4 và 18.5) - Bảng tổng hợp kết quả thực hiện an toàn thực phẩm của các xã xây dựng nông thôn mới nâng cao..... 241

**Phụ lục 34:** Tiêu chí 18 - Chất lượng môi trường sống (chỉ tiêu 18.7) - Bảng tổng hợp tỷ lệ hộ có nhà tiêu, nhà tắm, bể chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch của 12 xã, thị trấn trên địa bàn huyện Hóc Môn..... 242

**Phụ lục 35:** Tiêu chí 19 – Kết quả đánh giá thi đua Ban chỉ huy Quân sự 10 xã nông thôn mới nâng cao năm 2021, 2022, 2023. ..... 243

**+ 9/9 tiêu chí huyện nông thôn mới nâng cao gắn với đô thị hoá** ..... 244

**Phụ lục 36:** Tiêu chí 2 - Giao thông - Danh mục các tuyến đường huyện của huyện Hóc Môn. ..... 244

**Phụ lục 37:** Tiêu chí 3 - Thủy lợi và phòng chống thiên tai - Các văn bản chỉ đạo thực hiện. ..... 246

**Phụ lục 38:** Tiêu chí 3 - Thủy lợi và phòng chống thiên tai - Danh mục công trình thủy lợi đầu tư trong giai đoạn 2021 – 2025..... 249

**Phụ lục 39:** Tiêu chí 4 - Điện - Kế hoạch đầu tư xây dựng công trình điện lực giai đoạn 2021-2025. ..... 252

**Phụ lục 40:** Tiêu chí 8 - Chất lượng môi trường sống - Danh sách văn bản chỉ tiêu 8.6 & 8,8 bộ tiêu chí huyện NTM nâng cao. ..... 259

**Phụ lục 41:** Tiêu chí 8 - Chất lượng môi trường sống - Danh sách các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm thuộc quản lý của huyện. ..... 260

**Phụ lục 42:** Tiêu chí 9 - Hệ thống chính trị - An ninh, trật tự - Hành chính công - Văn bản đánh giá, xếp loại chất lượng đảng bộ huyện Hóc Môn (năm 2021, 2022, 2023). ..... 294

**Phụ lục 43:** Tiêu chí 9 - Hệ thống chính trị - An ninh, trật tự - Hành chính công - Bảng tổng hợp các văn bản xếp loại chất lượng chính quyền huyện giai đoạn 2021 – 2023. ..... 295

**Phụ lục 44:** Tiêu chí 9 - Hệ thống chính trị - An ninh, trật tự - Hành chính công - Văn bản đánh giá, xếp loại chất lượng mặt trận tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội huyện (năm 2021, 2022, 2023) ..... 296

**Phụ lục 45:** Tiêu chí 9 - Hệ thống chính trị - An ninh, trật tự - Hành chính công - Nội dung chỉ tiêu 9.4 "huyện đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo quy định" thuộc bộ tiêu chí quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 ..... 297

**Phụ lục 46:** Tiêu chí 9 - Hệ thống chính trị - An ninh, trật tự - Hành chính công - Kết quả thực hiện tiêu chí 9.6 huyện nông thôn mới nâng cao – có dịch vụ công trực tuyến ..... 305

**Phụ lục 47:** Tiến độ các công trình thuộc đề án xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 – 2025 ..... 307

**Phụ lục 48:** Danh mục đề xuất bổ sung các công trình cơ sở hạ tầng để đảm bảo thực hiện đạt mục tiêu chương trình xây dựng nông thôn mới gắn với đô thị hóa trên địa bàn huyện Hóc Môn giai đoạn 2021 – 2025 ..... 317

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN HÓC MÔN

**Phụ lục 1**

**DANH MỤC VĂN BẢN CHỈ ĐẠO ĐIỀU HÀNH CỦA HUYỆN ỦY - BAN CHỈ ĐẠO XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI - ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN**

| STT | Số phát hành | Ngày ban hành | Trích yếu |
|---|---|---|---|
| **VĂN BẢN CỦA HUYỆN ỦY** | | | |
| 1 | 314-QĐ/HUHM | 06/9/2021 | Quyết định kiện toàn Ban Chỉ đạo Chương trình xây dựng nông thôn mới huyện |
| 2 | 567-CV/VPHU | 18/11/2021 | Góp ý của UV.BTVHU đối với dự thảo Báo cáo thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia về xây dựng Nông thôn mới (phục vụ giám sát của Ban Nội chính Thành ủy) |
| 3 | 8-BC/BCĐ | 22/11/2021 | Báo cáo thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng Nông thôn mới giai đoạn 2020 - 2025 theo Kết luận số 79-KL/TU của BTV.TU (phục vụ giám sát theo Kế hoạch số 15-KH/BNCTU ngày 08/11/2021 của Ban Nội chính Thành ủy) |
| 4 | 708-CV/VPHU | 22/03/2022 | Về chuẩn bị kỹ nội dung cho Hội nghị của Ban Chỉ đạo xây dựng Nông thôn mới huyện (tổ chức ngày 24/3/2022) |
| 5 | 224-TB/VPHU | 18/04/2022 | Thông báo kết luận của đồng chí Trần Văn Khuyên - Bí thư Huyện ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân huyện, Trưởng Ban Chỉ đạo xây dựng nông thôn mới huyện tại buổi họp giao ban Ban Chỉ đạo xây dựng nông thôn mới huyện |
| 6 | 529-CV/HUHM | 22/06/2022 | Về tăng cường lãnh đạo thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn xã Tân Xuân giai đoạn 2021 - 2025 hướng đến xây dựng xã nông thôn mới kiểu mẫu |
| 7 | 522-QĐ/HUHM | 22/06/2022 | Quyết định kiện toàn Ban Chỉ đạo Chương trình xây dựng nông thôn mới huyện |
| 8 | 260-TB/VPHU | 14/07/2022 | Thông báo kết luận của đồng chí Trần Văn Khuyên - Bí thư Huyện ủy, Chủ tịch HĐND huyện tại Hội nghị giao ban Ban Chỉ đạo xây dựng nông thôn mới huyện đánh giá tiến độ thực hiện 06 tháng đầu năm 2022 |
| 9 | 880-CV/VPHU | 11/8/2022 | Khẩn trương chỉ đạo giải quyết dứt điểm các công trình tồn đọng trong xây dựng nông thôn mới |
| 10 | 608-CV/HUHM | 20/09/2022 | Triển khai thực hiện Phong trào thi đua "Cả Thành phố chung sức xây dựng nông thôn mới gắn với đô thị hóa trên địa bàn vùng nông thôn Thành phố Hồ Chí Minh" giai đoạn 2021 - 2025 |
| 11 | 1045-CV/VPHU | 23/12/2022 | Chỉ đạo rà soát, hệ thống các tiêu chí, chỉ tiêu thuộc Bộ tiêu chí Nông thôn mới, Nông thôn mới nâng cao cấp xã, huyện giai đoạn 2021 - 2025 |
| 12 | 320-TB/VPHU | 11/01/2023 | Kết luận của đồng chí Trần Văn Khuyên - Bí thư Huyện ủy, Chủ tịch HĐND huyện tại Hội nghị giao ban Ban chỉ đạo xây dựng nông thôn mới huyện năm 2022 |
| 13 | 42-BB/VPHU | 12/01/2023 | Biên bản bàn giao nhiệm vụ liên quan công tác Nông thôn mới, công tác xây dựng Đảng, vận động Nhân dân, công tác văn phòng |
| 14 | 769-QĐ/HUHM | 10/02/2023 | Quyết định kiện toàn Ban Chỉ đạo Chương trình xây dựng nông thôn mới huyện |
| 15 | 336-TB/VPHU | 22/03/2023 | Thông báo kết luận của đồng chí Trần Văn Khuyên - Bí thư Huyện ủy, Chủ tịch HĐND huyện tại Hội nghị chuyên đề về thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng Nông thôn mới gắn với đô thị hóa trên địa bàn huyện năm 2023 và giai đoạn 2021 - 2025 |
| 16 | 369-TB/VPHU | 30/06/2023 | Thông báo kết luận của đồng chí Trần Văn Khuyên - Bí thư Huyện ủy, Chủ tịch HĐND huyện, Trưởng Ban Chỉ đạo Chương trình xây dựng nông thôn mới huyện tại Hội nghị giao ban định kỳ 6 tháng đầu năm 2023 |
| 17 | 1309-CV/VPHU | 15/08/2023 | Cử nhân sự tham gia Tổ công tác về Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 |

| | | | |
|---|---|---|---|
| 18 | 218-KH/HUHM | 25/09/2023 | Kế hoạch Hội nghị gặp gỡ, đối thoại giữa Lãnh đạo huyện với Hội viên Hội phụ nữ năm 2023 với chủ đề "Phụ nữ tham gia xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh" |
| 19 | 956-CV/HUHM | 06/10/2023 | Cử công chức đảng viên tham dự Lớp bồi dưỡng Chương trình xây dựng nông thôn mới, Nông thôn mới thông minh |
| 20 | 404-TB/VPHU | 17/11/2023 | Thông báo kết luận của đồng chí Trần Văn Khuyên - Bí thư Huyện ủy, Chủ tịch HĐND huyện tại Hội nghị gặp gỡ, đối thoại giữa Lãnh đạo huyện với Hội viên phụ nữ năm 2023 với chủ đề "Phụ nữ tham gia xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh" |
| 21 | 1441-CV/VPHU | 22/11/2023 | Cử nhân sự tham gia Văn phòng Điều phối Chương trình xây dựng nông thôn mới huyện |
| 22 | 1555-TB/HUHM | 30/11/2023 | Thông báo kết luận của Ban Thường vụ Huyện ủy về chủ trương đầu tư các dự án vốn ngân sách Thành phố bổ sung có mục tiêu và các công trình phúc lợi từ nguồn vốn khen thưởng xã đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020 |
| 23 | 1479-CV/VPHU | 14/12/2023 | Cử nhân sự tham gia Tổ công tác về Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 |
| 24 | 1085-QĐ/HUHM | 27/12/2023 | Quyết định giải thể Ban Chỉ đạo của Huyện ủy về Chương trình xây dựng nông thôn mới |
| 25 | 1618-CV/VPHU | 17/04/2024 | Giải quyết các khó khăn, vướng mắc trong thực hiện Bộ tiêu chí nông thôn mới huyện, xã giai đoạn 2021-2025 |
| **VĂN BẢN BAN CHỈ ĐẠO XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI HUYỆN** | | | |
| 1 | 21/BCĐXDNTM | 12/03/2020 | Báo cáo kết quả thực hiện Kế hoạch chỉ đạo, điều hành thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn huyện Hóc Môn năm 2019 và nhiệm vụ, phương hướng thực hiện trong năm 2020 |
| 2 | 42/BC-BCĐXDNTM | 14/04/2020 | Báo cáo kết quả lãnh đạo thực hiện Đề án xây dựng nông thôn mới Quý I và nhiệm vụ giải pháp trọng tâm Quý II năm 2020 |
| 3 | 43/BCĐXDNTM | 15/04/2020 | Góp ý dự thảo kế hoạch đẩy mạnh công tác truyền thông, thông tin tuyên truyền Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn Thành phố giai đoạn 2020-2025 |
| 4 | 44/BCĐXDNTM | 16/04/2020 | Kiện toàn thành viên Ban Chỉ đạo của Thành ủy về Chương trình xây dựng nông thôn mới Thành phố |
| 5 | 54/BCĐXDNTM | 14/05/2020 | Góp ý dự thảo báo cáo kết quả thực hiện Thông báo số 316-TB/TU ngày 07/12/2016 của Ban Thường vụ Thành ủy về việc tiếp tục thực hiện chủ trương hỗ trợ cho các xã xây dựng nông thôn mới |
| 6 | 57/BCĐXDNTM | 22/05/2020 | Báo cáo số liệu xây dựng nông thôn mới giai đoạn 201-2020 trên địa bàn huyện Hóc Môn |
| 7 | 63/BCĐXDNTM | 03/06/2020 | Góp ý dự thảo báo cáo sơ kết 6 tháng đầu năm thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn Thành phố; phương hướng, nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2020 |
| 8 | 70/BCĐXDNTM | 25/06/2020 | Góp ý dự thảo Báo cáo tổng kết thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn Thành phố giai đoạn 2016-2020 và phương hướng nhiệm vụ thực hiện giai đoạn 2021-2025 |
| 9 | 73/KH-BCĐXDNTM | 02/07/2020 | Kế hoạch chỉ đạo, điều hành thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn huyện năm 2020 |
| 10 | 82/CV-BCĐ | 17/07/2020 | Báo cáo tiến độ triển khai xây dựng các công trình cơ sở hạ tầng thuộc danh mục đề án nâng cao chất lượng các tiêu chí xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020 và đề xuất nguồn vốn thực hiện Chương trình giai đoạn 2021-2025 |
| 11 | 88/BC-BCĐXDNTM | 29/07/2020 | Báo cáo kết quả lãnh đạo thực hiện Đề án xây dựng nông thôn mới 6 tháng đầu năm và nhiệm vụ giải pháp trọng tâm 6 tháng cuối năm 2020 |
| 12 | 95/BCĐXDNTM | 14/08/2020 | Đề cử điều chỉnh nhân sự tham gia thành viên Ban chỉ đạo của Thành ủy về Chương trình xây dựng nông thôn mới |
| 13 | 99/BCĐXDNTM | 24/08/2020 | Kiến nghị đính chính tổng mức đầu tư dự án nâng cấp, mở rộng tuyến Ấp đông 3-5 và đường ĐT 6-1 nằm trong 16 công trình giao thông thuộc Đề án xây dựng nông thôn mới trên địa bàn huyện giai đoạn 2013-2015 |
| 14 | 101/BCĐXDNTM | 31/08/2020 | Góp ý dự thảo báo cáo kết quả thực hiện Thông báo số 316-TB/TU ngày 07/12/2016 của Ban Thường vụ Thành ủy về tiếp tục thực hiện chủ trương hỗ trợ cho các xã xây dựng nông thôn mới. |

| | | | |
|---|---|---|---|
| 15 | 105/BCĐXDNTM | 08/09/2020 | Góp ý dự thảo kết luận của Ban Thường vụ Thành ủy về tiếp tục thực hiện chủ trương hỗ trợ cho các xã xây dựng nông thôn mới |
| 16 | 107/BCĐXDNTM | 15/09/2020 | Tham dự Hội thi Tìm hiểu về Chương trình OCOP và Hội thi tuyên truyền về nông thôn mới trên địa bàn Thành phố năm 2020 |
| 17 | 115/BC-BCĐXDNTM | 05/10/2020 | Báo cáo kết quả thực hiện Kế hoạch chỉ đạo, điều hành thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới 9 tháng đầu năm 2020 |
| 18 | 117/BC-BCĐXDNTM | 12/10/2020 | Báo cáo kết quả thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn huyện 9 tháng đầu năm và nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm 3 tháng cuối năm 2020 |
| 19 | 119/CV-BCĐ | 15/10/2020 | Góp ý về kiện toàn thành viên Ban Chỉ đạo của Thành ủy về Chương trình xây dựng nông thôn mới Thành phố |
| 20 | 118/BCĐXDNTM | 15/10/2020 | Góp ý dự thảo Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới hướng tới xây dựng đô thị văn minh trên địa bàn vùng nông thôn Thành phố, giai đoạn 2021-2025 |
| 21 | 123/BCĐXDNTM | 20/10/2020 | Tham dự hội thi "tuyên truyền về nông thôn mới trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh năm 2020" |
| 22 | 128/CV-BCĐ | 03/11/2020 | Góp ý dự thảo "bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao và bộ tiêu chí xã nông thôn mới kiểu mẫu theo đặc thù vùng nông thôn Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2021- 2025 |
| 23 | 129/CV-BCĐ | 03/11/2020 | Đề xuất thẩm định, xét công nhận xã Tân Hiệp đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2016-2020 |
| 24 | 133/CV-BCĐ | 11/11/2020 | Báo cáo tiến độ thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn huyện Hóc Môn |
| 25 | 135/BCĐXDNTM | 17/11/2020 | Cử cán bộ tham gia đoàn khảo sát, học tập kinh nghiệm xây dựng nông thôn mới tại các tỉnh phía Bắc |
| 26 | 139/VPĐPNTM | 08/12/2020 | Đề nghị xét, công nhận xã Tân Hiệp đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2016-2020 |
| 27 | 140/KH-BCĐXDNTM | 10/12/2020 | Kế hoạch đẩy mạnh công tác truyền thông, thông tin tuyên truyền Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn huyện Hóc Môn giai đoạn 2020-2025, hướng đến xây dựng nông thôn mới kiểu mẫu |
| 28 | 4/BCĐXDNTM | 05/01/2021 | Góp ý dự thảo "Bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao và Bộ tiêu chí xã nông thôn mới kiểu mẫu theo đặc thù vùng nông thôn Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2021-2025" |
| 29 | 5/BCĐXDNTM | 05/01/2021 | Góp ý dự thảo "Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới gắn với đô thị hóa trên địa bàn vùng nông thôn Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2021-2025" |
| 30 | 7/BC-BCĐXDNTM | 08/01/2021 | Báo cáo kết quả thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn huyện năm 2020 và nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm năm 2021 |
| 31 | 18/BC-BCĐXDNTM | 02/02/2021 | Báo cáo kết quả thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn huyện giai đoạn 2016-2020 |
| 32 | 20/QĐ-BCĐ | 04/02/2021 | Quyết định về việc ghi nhận xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới năm 2020 |
| 33 | 29/BCĐXDNTM | 10/03/2021 | Rà soát thành viên tham gia Ban Chỉ đạo của Thành ủy về Chương trình xây dựng nông thôn mới Thành phố |
| 34 | 33/BCĐXDNTM | 17/03/2021 | Kiến nghị đính chính tổng mức đầu tư dự án nâng cấp, mở rộng tuyến Ấp Đông 3-5 và đường ĐT 6-1 nằm trong 16 công trình giao thông thuộc Đề án xây dựng nông thôn mới trên địa bàn huyện Hóc Môn giai đoạn 2013-2015 (lần 2) |
| 35 | 37/BC-BCĐXDNTM | 30/03/2021 | Báo cáo kết quả thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn huyện Quý I và nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm Quý II năm 2021 |
| 36 | 44/BCĐXDNTM | 16/04/2021 | Đề xuất chương trình, Bộ tiêu chí xây dựng nông thôn mới theo đặc thù Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2021-2025 định hướng đến năm 2030 |
| 37 | 50/VPĐPNTM | 05/05/2021 | Đề xuất danh mục đầu tư các công trình cơ sở hạ tầng thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới gắn với đô thị hóa trên địa bàn huyện giai đoạn 2021-2025 |
| 38 | 52/VPĐPNTM | 13/05/2021 | Báo cáo tiến độ thực hiện Đề án nâng cao chất lượng các tiêu chí xây dựng nông thôn mới huyện |

| | | | |
|---|---|---|---|
| 39 | 62/BCĐXDNTM | 19/05/2021 | Thực hiện Thông báo số 273/TB-VPĐP ngày 10/5/2021 của Văn phòng Điều phối Chương trình xây dựng nông thôn mới Thành phố |
| 40 | 63/BCĐXDNTM | 19/05/2021 | Tham dự lớp đào tạo, bồi dưỡng cán bộ xây dựng nông thôn mới trên địa bàn Thành phố năm 2021 |
| 41 | 69/BCĐXDNTM | 28/05/2021 | Rà soát thành viên tham gia Ban Chỉ đạo của Thành ủy về Chương trình xây dựng nông thôn mới Thành phố |
| 42 | 94/VPĐPNTM | 06/07/2021 | Báo cáo kết quả thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn huyện 6 tháng đầu năm và phương hướng nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2021 |
| 43 | 158/BC-BCĐXDNTM | 03/12/2021 | Báo cáo kết quả thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn huyện Hóc Môn giai đoạn 2020 - 2025 theo Kết luận số 79-KL/TU của Ban Thường vụ Thành ủy |
| 44 | 4/BC-BCĐXDNTM | 14/01/2022 | Báo cáo kết quả thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới theo kết luận số 79-KH/TU của Ban Thường vụ Thành ủy |
| 45 | 8/QĐ-BCĐ | 27/01/2022 | Quyết định về việc ghi nhận xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới năm 2021 |
| 46 | 16/BCĐ | 09/03/2022 | Góp ý dự thảo kế hoạch chỉ đạo, điều hành thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn Thành phố năm 2022 |
| 47 | 20/BCĐXDNTM | 24/03/2022 | Kiến nghị đính chính tổng mức đầu tư dự án nâng cấp, mở rộng tuyến Ấp Đông 3-5 và đường ĐT 6-1 nằm trong 16 công trình giao thông thuộc Đề án xây dựng nông thôn mới trên địa bàn huyện giai đoạn 2013-2015 (lần 3) |
| 48 | 21/BC-VPĐP | 31/03/2022 | Báo cáo kết quả thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn huyện |
| 49 | 37/BCĐXDNTM | 19/05/2022 | Triển khai thực hiện chế độ báo cáo trên phần mềm hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu phục vụ Chương trình nông thôn mới |
| 50 | 42/CV-BCĐ | 02/06/2022 | Đề cử nhân sự tiếp nhận và phụ trách báo cáo trên phần mềm hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu phục vụ Chương trình nông thôn mới |
| 51 | 48/CV-BCĐ | 20/06/2022 | Góp ý dự thảo các Bộ tiêu chí xây dựng nông thôn mới gắn với đô thị hóa trên địa bàn vùng nông thôn Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2021-2025 |
| 52 | 52/CV-BCĐ | 28/06/2022 | Cử nhân sự tham gia lớp đào tạo, bồi dưỡng cán bộ xây dựng nông thôn mới trên địa bàn Thành phố năm 2023 |
| 53 | 51/CV-BCĐ | 28/06/2022 | Báo cáo kết quả thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn huyện Hóc Môn trong 6 tháng đầu năm và phương hướng nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2022 (thay bản đã gửi) |
| 54 | 56/BCĐ | 06/07/2022 | Cử nhân sự tham gia lớp đào tạo, bồi dưỡng cán bộ xây dựng nông thôn mới trên địa bàn TP năm 2022 |
| 55 | 77/BCĐ | 08/09/2022 | Đề xuất điển hình tiên tiến trong phong trào thi đua "xây dựng nông thôn mới, nông thôn kiểu mẫu", giai đoạn 2021-2025 (lần 2) |
| 56 | 81/BCĐ | 14/09/2022 | Báo cáo tình hình thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia về xây dựng nông thôn mới trên địa bàn các xã 9 tháng đầu năm 2022 (lần 02) |
| 57 | 84/BCĐ | 28/09/2022 | Đề xuất điển hình tiên tiến trong phong trào thi đua "Xây dựng nông thôn mới, nông thôn kiểu mẫu", giai đoạn 2021-2025 |
| 58 | 87/CV-BCĐ | 04/10/2022 | Nghiên cứu vận dụng Thông tư số 53/2022/TT-BTC ngày 12/8/2022 của Bộ Tài chính để triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn huyện Hóc Môn |
| 59 | 88/CV-BCĐ | 04/10/2022 | Báo cáo kết quả thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn huyện Hóc Môn trong 9 tháng đầu năm và phương hướng, nhiệm vụ 3 tháng cuối năm 2022. |
| 60 | 110/CV-BCĐ | 23/12/2022 | Báo cáo kết quả thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn huyện Hóc Môn năm 2022 và phương hướng nhiệm vụ năm 2023 |
| 61 | 1/QĐ-BCĐ | 06/01/2023 | Quyết định về việc ghi nhận xã đạt chuẩn văn hoá nông thôn mới năm 2023 |

| | | | |
|---|---|---|---|
| 62 | 66/CV-BCĐ | 07/06/2023 | Đề cử thành viên tham gia khảo sát, học tập mô hình nông thôn mới nâng cao, kiểu mẫu, nông thôn mới thông minh, thành phố hoàn thành nông thôn mới tại các tỉnh miền trung |
| 63 | 74/CV-BCĐ | 30/06/2023 | Báo cáo kết quả thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn huyện 6 tháng đầu năm 2023 và phương hướng, nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2023 |
| 64 | 115/CV-BCĐ | 17/10/2023 | Báo cáo kết quả thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn huyện 9 tháng đầu năm 2023 và phương hướng, nhiệm vụ 3 tháng cuối năm 2023 |
| 65 | 141/QĐ-BCĐ | 13/12/2023 | Quyết định về việc thành lập Tổ Công tác về Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn huyện giai đoạn 2021-2025 |
| 66 | 4/QĐ-BCĐ | 08/01/2024 | Quyết định về việc ghi nhận xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới năm 2023 |
| 67 | 26/CV-BCĐ | 31/01/2024 | Báo cáo các khó khăn, vướng mắc và kiến nghị giải pháp tháo gỡ trong thực hiện các tiêu chí huyện nông thôn mới nâng cao, xã nông thôn mới nâng cao và nông thôn mới kiểu mẫu trên địa bàn huyện |
| 68 | 53/CV-BCĐ | 26/03/2024 | Báo cáo kết quả đạt được và các khó khăn, vướng mắc trong thực hiện Bộ tiêu chí huyện nông thôn mới nâng cao, Bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao và Bộ tiêu chí xã nông thôn mới kiểu mẫu gắn với đô thị hóa giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn huyện |
| 69 | 76/CV-BCĐ | 26/04/2024 | Báo cáo kết quả thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn huyện Quý I năm 2024 |
| 70 | 85/CV-BCĐ | 04/05/2024 | Đăng ký ngày tổ chức Hội nghị chuyên đề về giải quyết các khó khăn, vướng mắc trong thực hiện các tiêu chí và đẩy nhanh thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn huyện năm 2024 |
| 71 | 94/CV-BCĐ | 15/05/2024 | Đăng ký ngày tổ chức Hội nghị chuyên đề về giải quyết các khó khăn, vướng mắc trong thực hiện các tiêu chí và đẩy nhanh thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn huyện năm 2024 |
| 72 | 102/CV-BCĐ | 22/05/2024 | Báo cáo kết quả đạt được và các khó khăn, vướng mắc trong thực hiện Bộ tiêu chí huyện nông thôn mới nâng cao, Bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao và Bộ tiêu chí xã nông thôn mới kiểu mẫu gắn với đô thị hóa giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn huyện Hóc Môn |
| 73 | 104/CV-BCĐ | 24/05/2024 | Khẩn trương báo cáo các khó khăn, vướng mắc và đề xuất giải pháp tháo gỡ trong thực hiện các Bộ tiêu chí nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 sau Hội nghị chuyên đề về nông thôn mới của UBND huyện |
| 74 | 115/CV-BCĐ | 05/06/2024 | Triển khai thực hiện Kế hoạch chỉ đạo, điều hành thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn huyện năm 2024 |
| 75 | 118/CV-BCĐ | 10/06/2024 | Thời gian, quy trình và phân công nhiệm vụ hoàn thiện hồ sơ đề nghị công nhận đạt các tiêu chí nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 |
| 76 | 144/CV-BCĐ | 08/08/2024 | Phân công nhiệm vụ hoàn thiện trình tự, thủ tục, hồ sơ xét, đề nghị công nhận huyện đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, xã nông thôn mới nâng cao, xã nông thôn mới kiểu mẫu giai đoạn 2021-2025 |
| 77 | 145/CV-BCĐ | 08/08/2024 | Báo cáo kết quả thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn huyện Hóc Môn trong 6 tháng đầu năm và phương hướng, nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2024 |
| **VĂN BẢN ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN** | | | |
| 1 | 3694/UBND-TCKH | 23/03/2020 | Đăng ký nhu cầu kinh phí thực hiện điều chỉnh cục bộ 04 Đồ án quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 và điều chỉnh tổng thể 01 Đồ án quy hoạch chung xây dựng nông thôn mới xã Xuân Thới Thượng nhằm phù hợp với dự án đường Vành đai 3 đi qua địa bàn huyện Hóc Môn |

| | | | |
|---|---|---|---|
| 2 | 3795/UBND | 23/03/2020 | Triển khai hướng dẫn thực hiện chỉ tiêu về nước sạch trong Bộ tiêu chí Quốc gia nông thôn mới các cấp giai đoạn 2021-2025 |
| 3 | 4027/UBND | 23/03/2020 | Tập trung thực hiện Chương trình mục tiêu Qquốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn huyện |
| 4 | 4708/UBND-QLĐT | 23/03/2020 | Ý kiến về hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư dự án Khu nhà ở nông thôn mới xã Tân Hiệp, huyện Hóc Môn của Công ty TNHH đầu tư phát triển Hưng Gia Phúc |
| 5 | 1442/UBND-KT | 26/03/2020 | Rà soát các dự án thuộc Đề án nâng cao chất lượng các tiêu chí xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020 trên địa bàn huyện không đủ điều kiện thực hiện trong năm 2021 |
| 6 | 1323/UBND | 31/03/2020 | Thẩm tra nội dung bổ sung theo góp ý của Đoàn kiểm tra, thẩm định kết quả xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020 đối với xã Tân Xuân và xã Thới Tam Thôn |
| 7 | 3625/CV-UBNDHHM | 15/04/2020 | Góp ý dự thảo kế hoạch tập huấn, bồi dưỡng nâng cao kiến thức cho cán bộ các cấp, người dân và cộng đồng tham gia thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới gắn với đô thị hóa trên địa bàn vùng nông thôn Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2023-2025 |
| 8 | 3021/CV-UBNDHHM | 24/04/2020 | Triển khai thực hiện tiêu chí số 3 về thủy lợi và phòng, chống thiên tai thuộc Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 |
| 9 | 398/CV-UBNDHHM | 20/05/2020 | Góp ý dự thảo Kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình nâng cao chất lượng, hiệu quả thực hiện tiêu chí an ninh trật tự trong xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 |
| 10 | 7154/CV-UBNDHHM | 21/05/2020 | Góp ý dự thảo Kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình khoa học và công nghệ phục vụ xây dựng nông thôn mới đến năm 2025 |
| 11 | 5488/BC-UBNDHHM | 26/05/2020 | Báo cáo tổng hợp ý kiến tham gia vào kết quả thẩm tra hồ sơ đề nghị xét, công nhận đạt chuẩn nông thôn mới cho xã Tân Hiệp giai đoạn 2016-2020 |
| 12 | 5489/TTr-UBNDHHM | 26/05/2020 | Tờ trình về việc thẩm định, xét, công nhận xã Tân Hiệp đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2016-2020 |
| 13 | 5610/BC-UBND | 26/05/2020 | Báo cáo về việc thẩm tra hồ sơ đề nghị xét, công nhận đạt chuẩn nông thôn mới cho xã Tân Hiệp giai đoạn 2016-2020 |
| 14 | 9/UBND-QLĐT | 26/05/2020 | Ý kiến bổ sung đối với hồ sơ đề nghị thực hiện dự án Khu nhà ở nông thôn mới tại xã Tân Hiệp của Công ty TNHH Đầu tư phát triển Hưng Gia Phúc |
| 15 | 64/UBND | 26/05/2020 | Thẩm tra nội dung bổ sung theo góp ý của Đoàn thẩm tra kết quả xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020 đối với xã Tân Hiệp |
| 16 | 782/UBND-QLĐT | 26/05/2020 | Góp ý kế hoạch tổng rà soát, đánh giá tình hình thực hiện các đồ án quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/2000, quy hoạch chung xây dựng nông thôn mới tỷ lệ t/5000 đã được duyệt nhưng không còn phù hợp trên địa bàn huyện Hóc Môn |
| 17 | 797/KH-UBND | 26/05/2020 | Kế hoạch tổ chức chương trình văn nghệ "Mừng Xuân Tân Sửu - Mừng Đảng quang vinh", chào mừng Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng và "Giao lưu Tiếng hát nông thôn mới các xã" trên địa bàn huyện |
| 18 | 1080/UBND | 26/05/2020 | Khắc phục các chỉ tiêu, tiêu chí tiếp cận pháp luật năm 2020 và xây dựng xã - thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật gắn với đề án nâng cao chất lượng các tiêu chí nông thôn mới năm 2021 |
| 19 | 1113/KH-UBND | 26/05/2020 | Kế hoạch tổng rà soát, đánh giá tình hình thực hiện các đồ án quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/2000, quy hoạch chung xây dựng nông thôn mới tỷ lệ 1/5000 đã được duyệt trên địa bàn huyện Hóc Môn |
| 20 | 2566/CV-UBNDHHM | 29/05/2020 | Báo cáo giải trình về hiệu chỉnh bổ sung số liệu hồ sơ minh chứng kết quả thực hiện các tiêu chí, chỉ tiêu nông thôn mới của 03 xã Bà Điểm, Nhị Bình, Xuân Thới Sơn |
| 21 | 348/KH-UBNDHHM | 08/06/2020 | Kế hoạch đẩy nhanh thực hiện đạt các tiêu chí huyện nông thôn mới nâng cao, xã nông thôn mới nâng cao và xã nông thôn mới kiểu mẫu trên địa bàn huyện Hóc Môn năm 2024, năm 2025. |

| | | | |
|---|---|---|---|
| 22 | 2455/KH-UBNDHHM | 18/06/2020 | Kế hoạch tham gia các hoạt động kỷ niệm 325 năm Thành lập Thành phố Sài Gòn - Thành phố Hồ Chí Minh (1698 - 2023) và kỷ niệm 47 năm Ngày Thành phố Sài Gòn - Gia định chính thức vinh dự mang tên Chủ tịch Hồ Chí Minh (02/7/1976 - 02/7/2023); các hoạt động tôn vinh vai trò của gia đình trong đời sống xã hội; Ngày hội văn hoá - thể thao nông thôn mới cấp Thành phố lần thứ I năm 2023 |
| 23 | 1928/CV-UBNDHHM | 24/06/2020 | Báo cáo các công trình xây dựng nông thôn mới gặp khó khăn, vướng mắc |
| 24 | 5678/CV-UBNDHHM | 09/07/2020 | Có ý kiến hồ sơ trình Hội đồng nhân dân Thành phố về "dự thảo Nghị quyết thông qua Đề án Xây dựng nông thôn mới trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2021-2025" |
| 25 | 3385/CV-UBNDHHM | 15/07/2020 | Khẩn trương thực hiện chế độ báo cáo trên phần mềm hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu phục vụ Chương trình Nông thôn mới của Thành phố |
| 26 | 3971/KH-UBND | 28/07/2020 | Kế hoạch kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện các công trình xây dựng thuộc Đề án nâng cao chất lượng các tiêu chí xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020 trên địa bàn các xã năm 2020 |
| 27 | 708/QĐ-UBND | 04/08/2020 | Quyết định về việc công nhận xã đạt chuẩn Văn hóa nông thôn mới năm 2021 |
| 28 | 5200/CV-UBNDHHM | 11/08/2020 | Hướng dẫn thực hiện các tiêu chí Nông thôn mới |
| 29 | 4578/CV-UBNDHHM | 13/08/2020 | Đề xuất danh mục đầu tư công trình cơ sở hạ tầng thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới gắn với đô thị hóa trên địa bàn huyện hóc môn giai đoạn 2021-2025 |
| 30 | 3185/UBND-KT | 25/08/2020 | Đề xuất danh mục công trình sử dụng vốn khen thưởng (01 tỷ đồng) đối với 02 xã Xuân Thới Sơn và Tân Hiệp đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2016-2020 |
| 31 | 3198/UBND | 25/08/2020 | Có ý kiến đối với kết quả thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới trên địa bàn huyện Bình Chánh |
| 32 | 2876/CV-UBNDHHM | 16/09/2020 | Duyệt dự toán kinh phí thực hiện Chương trình "Giao lưu tiếng hát nông thôn mới" năm 2023 trên địa bàn huyện Hóc Môn |
| 33 | 1928/CV-UBNDHHM | 25/09/2020 | Phối hợp khảo sát đánh giá công tác huy động nguồn lực thực hiện tiêu chí 3.2 trong xây dựng nông thôn mới |
| 34 | 2546/CV-UBNDHHM | 25/09/2020 | Nộp trả Ngân sách Thành phố vốn đầu tư nông thôn mới (giai đoạn 2010-2015) còn thừa không còn nhu cầu sử dụng |
| 35 | 5499/BC-UBNDHHM | 09/10/2020 | Báo cáo kết quả triển khai thực hiện Bộ tiêu chí huyện nông thôn mới nâng cao, Bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao, Bộ tiêu chí xã nông thôn mới kiểu mẫu gắn với đô thị hóa trên địa bàn vùng nông Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn huyện Hóc Môn |
| 36 | 1085/CV-UBNDHHM | 19/10/2020 | Về tập trung đẩy nhanh tiến độ giải quyết các công trình nông thôn mới còn tồn đọng của giai đoạn 2013-2015, giai đoạn 2016-2020 |
| 37 | 1149/CV-UBNDHHM | 19/10/2020 | Cử nhân sự tham gia Văn phòng điều phối Chương trình xây dựng nông thôn mới |
| 38 | 2769/CV-UBNDHHM | 05/11/2020 | Duyệt chủ trương và khái toán kinh phí Chương trình "Giao lưu Tiếng hát nông thôn mới năm 2024" |
| 39 | 2915/CV-UBNDHHM | 05/11/2020 | Góp ý quy định các tiêu chí, chỉ tiêu của Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới, huyện nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 phân cấp UBND Thành phố quy định cụ thể và sửa đổi, bổ sung một số tiêu chí, chỉ tiêu của Bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao và Bộ tiêu chí huyện nông thôn mới nâng cao gắn với đô thị hóa trên địa bàn vùng nông thôn Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2021-2025 |
| 40 | 729/BC-UBNDHHM | 19/11/2020 | Báo cáo kết quả rà soát các tiêu chí thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về huyện, xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025 |
| 41 | 5352/TTr-UBNDHHM | 10/12/2020 | Tờ trình về việc giải thể Ban Chỉ đạo Chương trình xây dựng nông thôn mới huyện |
| 42 | 2622/CV-UBNDHHM | 16/12/2020 | Phối hợp tổ chức Chương trình "Giao lưu Tiếng hát Nông thôn mới" năm 2023 trên địa bàn huyện |
| 43 | 5008/BC-UBNDHHM | 22/12/2020 | Báo cáo tiến độ các công trình xây dựng cơ bản trong Đề án xây dựng nông thôn mới trên địa bàn các xã |
| 44 | 5119/TTr-UBNDHHM | 22/12/2020 | Tờ trình về việc thông qua dự thảo Kế hoạch tổ chức thực hiện phong trào thi đua "Cả Thành phố chung sức xây dựng nông thôn mới gắn với đô thị hóa trên địa bàn vùng nông thôn Thành phố Hồ Chí Minh" trên địa bàn huyện Hóc Môn giai đoạn 2021-2025 |

| | | | |
|---|---|---|---|
| 45 | 5682/CV-UBNDHHM | 22/12/2020 | Triển khai thực hiện các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về chương trình xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 |
| 46 | 3325/BC-UBND | 28/12/2020 | Báo cáo kết quả khắc phục kết luận thanh tra tình hình thực hiện thanh, quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành các công trình, dự án thuộc đề án xây dựng nông thôn mới tại huyện Hóc Môn. |
| 47 | 3403/BC-UBND | 28/12/2020 | Báo cáo kết quả kiểm tra thực hiện giảm nghèo bền vững, xây dựng xã nông thôn mới, xã - thị trấn văn minh đô thị và kiểm tra việc quản lý, sử dụng Quỹ Xóa đói giảm nghèo (Quỹ 140), Quỹ Quốc gia về việc làm (Quỹ 61), Quỹ hỗ trợ giải quyết việc làm cho người có đất bị thu hồi (Quỹ 34) năm 2020 trên địa bàn huyện Hóc Môn |
| 48 | 3299/CV-UBNDHHM | 04/01/2021 | Kiến nghị giải quyết vướng mắc, khó khăn trong quá trình thực hiện đánh giá, công nhận đạt các tiêu chí nông thôn mới trên địa bàn huyện (lần 2) |
| 49 | 3111/KH-UBNDHHM | 05/01/2021 | Kế hoạch kiểm tra kết quả thực hiện Bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao và Bộ tiêu chí xã nông thôn mới kiểu mẫu trên địa bàn 10 xã nông thôn mới |
| 50 | 5658/CV-UBNDHHM | 25/01/2021 | Nộp trả Ngân sách Thành phố vốn đầu tư nông thôn mới giai đoạn 2010-2015 |
| 51 | 1486/UBND-QLĐT | 26/01/2021 | Chấn chỉnh công tác tổng rà soát, đánh giá tình hình thực hiện các đồ án quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/2000, quy hoạch chung xây dựng nông thôn mới tỷ lệ 1/5000 đã được duyệt trên địa bàn huyện |
| 52 | 1879/CV-TUQ | 04/02/2021 | Triển khai hướng dẫn thực hiện thẩm định các tiêu chí, chỉ tiêu lĩnh vực lao động, xã hội thuộc Bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao trên địa bàn vùng nông thôn Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2021-2025 |
| 53 | 4720/UBND | 23/02/2021 | Thay đổi địa điểm tổ chức Chương trình tiếng hát nông thôn mới năm 2022 trên địa bàn huyện Hóc Môn (Chương trình 2) |
| 54 | 3493/CV-UBNDHHM | 24/02/2021 | Giải trình cho Thanh tra Thành phố về dự thảo kết luận thanh tra của Đoàn Thanh tra nông thôn mới xã Bà Điểm |
| 55 | 5495/TTr-UBNDHHM | 10/03/2021 | Tờ trình về chủ trương đầu tư các dự án từ vốn Ngân sách Thành phố bổ sung có mục tiêu và các công trình phúc lợi từ nguồn vốn khen thưởng xã đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2016-2020 |
| 56 | 1614/CV-UBNDHHM | 19/03/2021 | Đề nghị đính chính tổng mức đầu tư dự án nâng cấp, mở rộng tuyến ấp Đông 3-5 và đường ĐT 6-1 thuộc đề án xây dựng nông thôn mới trên địa bàn huyện Hóc Môn giai đoạn 2013-2015 |
| 57 | 3438/UBND-KT | 24/03/2021 | Đánh giá thực hiện Tiêu chí số 3 về Thủy lợi và phòng chống thiên tai thuộc Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 |
| 58 | 2993/UBND | 29/03/2021 | V/v góp ý dự thảo báo cáo tổng kết thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn thành phố giai đoạn 2016-2020 |
| 59 | 5136/TTr-UBNDHHM | 12/04/2021 | Tờ trình xin ý kiến về đề xuất khen thưởng tại Hội nghị triển khai Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới gắn với đô thị hóa trên địa bàn vùng nông thôn Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2021-2025 của UBND Thành phố |
| 60 | 3626/CV-UBNDHHM | 15/04/2021 | Triển khai Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 đối với các đơn vị hành chính cấp huyện, xã hình thành sau sắp xếp |
| 61 | 1414/CV-UBNDHHM | 19/04/2021 | Góp ý dự thảo Kế hoạch thực hiện Chương trình chuyển đổi số trong xây dựng nông thôn mới, hướng tới nông thôn mới thông minh trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2021-2025 |
| 62 | 5230/KH-UBNDHHM | 11/05/2021 | Kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình tăng cường bảo vệ môi trường, an toàn thực phẩm và cấp nước sạch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới trên địa bàn huyện giai đoạn 2021-2025 |
| 63 | 2494/CV-UBNDHHM | 17/06/2021 | Đề cử thành viên tham gia khảo sát học tập mô hình nông thôn mới nâng cao, kiểu mẫu, nông thôn mới thông minh, thành phố hoàn thành nông thôn mới tại các tỉnh miền Trung |
| 64 | 2040/CV-UBNDHHM | 18/06/2021 | Cung cấp thông tin huyện đạt chuẩn nông thôn mới và đăng ký huyện phấn đấu đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao |

| | | | |
|---|---|---|---|
| 65 | 2884/CV-UBNDHHM | 16/08/2021 | Đề xuất danh mục đầu tư công trình cơ sở hạ thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới gắn với đô thị hoá trên địa bàn huyện Hóc Môn giai đoạn 2021-2025 |
| 66 | 3655/TTr-UBNDHHM | 28/10/2021 | Tờ trình về việc kiện toàn và bổ sung thành viên Ban Chỉ đạo xây dựng nông thôn mới huyện Hóc Môn |
| 67 | 1853/CV-UBNDHHM | 18/11/2021 | Triển khai thực hiện Kế hoạch chỉ đạo, điều hành thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới năm 2023 của Uỷ ban nhân dân Thành phố và Uỷ ban nhân dân huyện |
| 68 | 3473/BC-UBND-KT | 23/11/2021 | Báo cáo kết quả thực hiện kiến nghị của Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam huyện về kết quả giám sát việc thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn xã Tân Xuân giai đoạn 2016-2020 và 2021-2025 hướng đến xây dựng nông thôn mới kiểu mẫu |
| 69 | 4209/CV-UBNDHHM | 14/12/2021 | Cử công chức tham dự lớp bồi dưỡng Chương trình xây dựng nông thôn mới, nông thôn mới thông minh |
| 70 | 205/CV-UBNDHHM | 20/12/2021 | Rà soát, hệ thống các tiêu chí, chỉ tiêu thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới và nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025 (lần 2) |
| 71 | 4834/UBND-KT | 22/12/2021 | Trình HĐND Thành phố thông qua nhu cầu vốn đầu tư công trung hạn danh mục công trình phúc lợi khen thưởng cho 04 xã còn lại trên địa bàn huyện Hóc Môn đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2016-2020 |
| 72 | 6025/UBND | 24/12/2021 | Đề nghị dời việc tổ chức các suất biểu diễn nghệ thuật (phục vụ ngoại thành, nông thôn mới) từ Quý IV năm 2021 sang năm 2022 |
| 73 | 5311/UBND | 27/01/2022 | Triển khai thực hiện nội dung kết luận của Bí thư Huyện ủy, Trưởng Ban Chỉ đạo Chương trình xây dựng nông thôn mới huyện tại buổi họp giao ban Ban Chỉ đạo Chương trình xây dựng nông thôn mới huyện ngày 12/11/2020 |
| 74 | 7338/BC-UBNDHHM | 21/02/2022 | Báo cáo về kết quả thực hiện theo Công văn số 88-CV/VPHU ngày 11/8/2022 của Văn phòng Huyện uỷ về khẩn trương chỉ đạo giải quyết dứt điểm các công trình tồn đọng trong xây dựng nông thôn mới (cập nhật đến ngày 20/12/2022) |
| 75 | 3121/KH-UBNDHHM | 24/03/2022 | Kế hoạch chỉ đạo, điều hành thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn huyện Hóc Môn năm 2022 |
| 76 | 1739/CV-UBNDHHM | 07/04/2022 | Phối hợp tổ chức Chương trình "Giao lưu Tiếng hát Nông thôn mới" năm 2024 trên địa bàn huyện Hóc Môn |
| 77 | 4788/CV-UBNDHHM | 13/05/2022 | Góp ý dự thảo Kế hoạch tổ chức Hội nghị triển khai Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới gắn với đô thị hóa trên địa bàn vùng nông thôn Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2021-2025 |
| 78 | 376/CV-UBNDHHM | 20/05/2022 | Khắc phục các chỉ tiêu, tiêu chí tiếp cận pháp luật năm 2022 và xây dựng xã - thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật gắn với Đề án nâng cao chất lượng các tiêu chí nông thôn mới năm 2023 |
| 79 | 3729/UBND | 23/05/2022 | Hướng dẫn thực hiện công tác một số nội dung của Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 |
| 80 | 5582/TTr-UBNDHHM | 25/05/2022 | Tờ trình kết quả thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn huyện Hóc Môn giai đoạn 2020-2025 theo Kết luận 79-KL/TU của Ban Thường vụ Thành ủy |
| 81 | 4746/CV-UBNDHHM | 13/06/2022 | Rà soát danh mục công trình phúc lợi sử dụng vốn khen thưởng (01 tỷ đồng) đối với các xã đạt chuyển nông thôn mới giai đoạn 2016-2020 |
| 82 | 1214/UBND-TCKH | 24/06/2022 | Quyết toán nguồn vốn nông thôn mới giai đoạn 2016-2020 |
| 83 | 2226/TTr-UBNDHHM | 29/06/2022 | Tờ trình về việc thẩm định xét, công nhận xã Xuân Thới Sơn đạt chuẩn nông thôn mới, giai đoạn 2016-2020 |
| 84 | 5053/CV-UBNDHHM | 12/07/2022 | Góp ý dự thảo Kế hoạch thực hiện xây dựng nông thôn mới kiểu mẫu trên địa bàn vùng nông thôn Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2025 |
| 85 | 4291/CV-UBNDHHM | 14/07/2022 | Về việc thực hiện Kế hoạch số 218-KH/HU ngày 25/9/2023 của Huyện ủy Hóc Môn về Hội nghị gặp gỡ, đối thoại giữa lãnh đạo huyện với hội viên phụ nữ năm 2023 với chủ đề "Phụ nữ tham gia xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh" |

| | | | |
|---|---|---|---|
| 86 | 4322/CV-UBNDHHM | 14/07/2022 | Cung cấp Phiếu khảo sát, đánh giá tình hình thực hiện tiêu chí xã nông thôn mới và xã nông thôn mới nâng cao trong lĩnh vực thông tin và truyền thông năm 2023 |
| 87 | 1123/BC-UBNDHHM | 19/07/2022 | Báo cáo về kết quả thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn huyện (phục vụ kiểm toán Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 của Kiểm toán Nhà nước) |
| 88 | 1275/CV-UBNDHHM | 19/07/2022 | Đề xuất chấp thuận kiến nghị đính chính tổng mức đầu tư dự án Nâng cấp, mở rộng tuyến Ấp Đông 3-5 và đường ĐT 6-1 thuộc Đề án xây dựng nông thôn mới trên địa bàn huyện Hóc Môn giai đoạn 2013-2015 |
| 89 | 2228/TTr-UBNDHHM | 29/07/2022 | Tờ trình về việc thẩm định xét, công nhận xã Bà Điểm đạt chuẩn nông thôn mới, giai đoạn 2016-2020 |
| 90 | 2227/TTr-UBNDHHM | 29/07/2022 | Tờ trình về việc thẩm định xét, công nhận xã Nhị Bình đạt chuẩn nông thôn mới, giai đoạn 2016-2020 |
| 91 | 3133/CV-UBNDHHM | 04/08/2022 | Triển khai thực hiện các chỉ tiêu về hợp tác xã, Tổ hợp tác và trình thu thập, tổng hợp và tính toán tiêu chí về thu thập thuộc Bộ tiêu chí Quốc gia về nông thôn mới giai đoạn 201-2025 |
| 92 | 1848/CV-UBNDHHM | 18/08/2022 | Đề xuất bổ sung danh mục đầu tư các công trình cơ sở hạ tầng thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới gắn với đô thị hoá trên địa bàn huyện Hóc Môn giai đoạn 2021-2025 |
| 93 | 3291/CV-UBNDHHM | 15/09/2022 | Góp ý và đề xuất theo dự thảo Đề án xây dựng nông thôn mới gắn với đô thị hóa trên địa bàn vùng nông thôn Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2021-2025 |
| 94 | 2844/BC-UBNDHHM | 16/09/2022 | Báo cáo kết quả kiện toàn Văn phòng Điều phối Chương trình xây dựng nông thôn mới huyện Hóc Môn giai đoạn 2021-2025 |
| 95 | 3566/UBND-KT | 23/09/2022 | Trình HĐND Thành phố thông qua nhu cầu vốn đầu tư công trung hạn danh mục công trình phúc lợi khen thưởng cho 06 xã trên địa bàn huyện Hóc Môn đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2016-2020 |
| 96 | 5487/BC-UBNDHHM | 26/09/2022 | Báo cáo về việc thẩm tra hồ sơ đề nghị xét, công nhận đạt chuẩn nông thôn mới cho xã Tân Hiệp giai đoạn 2016-2020 |
| 97 | 2399/CV-UBNDHHM | 06/10/2022 | Rà soát, đề xuất bổ sung danh mục cấp thiết phải đầu tư và nhu cầu nguồn vốn ngân sách đầu tư phát triển để đảm bảo thực hiện đạt mục tiêu Chương trình xây dựng nông thôn mới gắn với đô thị hóa trên địa bàn huyện giai đoạn 2021-2025 |
| 98 | 4531/CV-UBNDHHM | 13/10/2022 | Đề xuất hướng dẫn thực hiện các tiêu chí Nông thôn mới |
| 99 | 1346/QĐ-UBNDHHM | 01/11/2022 | Quyết định về việc thành lập Tổ công tác hỗ trợ Ban Quản lý nông thôn mới các xã trong thực hiện đầu tư công trình nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 |
| 100 | 2495/CV-TUQ | 03/11/2022 | Triển khai Hướng dẫn số 4888/SVHTT-XDNSVHGD ngày 27/9/2023 thực hiện và phương pháp đánh giá các tiêu chí văn hóa trong Bộ tiêu chí xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 |
| 101 | 3530/TTr-UBNDHHM | 03/11/2022 | Tờ trình về việc đề nghị khen thưởng cá nhân có thành tích xuất sắc trong thực hiện phong trào thi đua "Cả nước chung sức xây dựng nông thôn mới" ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn |
| 102 | 438/CV-TUQ | 04/11/2022 | Góp ý dự thảo Kế hoạch tổ chức Lễ trao quyết định công nhận sản phẩm OCOP trên địa bàn Thành phố năm 2022 và Ngày hội Văn hóa Thể thao nông thôn mới Thành phố Hồ Chí Minh năm 2023 |
| 103 | 3135/CV-UBNDHHM | 04/11/2022 | Triển khai thực hiện tiêu chí số 3 về Thủy lợi và Phòng, chống thiên tai thuộc Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 |
| 104 | 292/CV-UBNDHHM | 08/11/2022 | Về tập trung chỉ đạo duy trì và nâng cao chất lượng xây dựng nông thôn mới đối với huyện và 10 xã nông thôn mới; phấn đấu hoàn thành mục tiêu của Chương trình nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn huyện |
| 105 | 3658/UBND-QLĐT | 28/11/2022 | Ý kiến đối với hồ sơ đề nghị thực hiện dự án Khu nhà ở nông thôn mới tại xã Tân Hiệp của Công ty TNHH Đầu tư phát triển Hưng Gia Phúc (tiếp theo) |
| 106 | 4495/CV-UBNDHHM | 13/12/2022 | Về việc đề nghị giảm kinh phí thực hiện điều chỉnh tổng thể Đồ án quy hoạch chung xây dựng nông thôn mới xã Xuân Thới Thường nhằm phù hợp với dự án đường Vài đai 3 đi qua địa bàn huyện Hóc Môn |

| | | | |
|---|---|---|---|
| 107 | 4153/CV-UBNDHHM | 14/12/2022 | Phối hợp thực hiện công tác khảo sát, đánh giá tình hình thực hiện tiêu chí xã nông thôn mới và xã nông thôn mới nâng cao trong lĩnh vực thông tin và truyền thông năm 2023 |
| 108 | 3265/KH-UBNDHHM | 15/12/2022 | Kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn huyện Hóc Môn giai đoạn 2021-2025 kết hợp với thực hiện đạt tiêu chí đô thị thuộc đề án đầu tư xây dựng huyện Hóc Môn thành quận (hoặc thành phố) trực thuộc Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2021-2030 |
| 109 | 3052/CV-UBNDHHM | 28/12/2022 | Về vốn đầu tư các công trình thuộc Đề án nâng cao các tiêu chí xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020 |
| 110 | 1572/UBND | 30/12/2022 | Đề xuất đầu tư các công trình phúc lợi cho các xã, huyện đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2016-2020 |
| 111 | 5750/CV-UBNDHHM | 09/01/2023 | Góp ý dự thảo Kế hoạch lấy ý kiến sự hài lòng của người dân về kết quả xây dựng nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao và nông thôn mới kiểu mẫu gắn với đô thị hóa trên địa bàn huyện giai đoạn 2021-2025 |
| 112 | 1854/TTr-UBNDHHM | 19/01/2023 | Tờ trình xin ý kiến về dự thảo Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới gắn với đô thị hoá trên địa bàn huyện Hóc Môn giai đoạn 2021-2025 kết hợp thực hiện đạt các tiêu chí đô thị thuộc Đề án đầu tư - xây dựng huyện Hóc Môn thành quận (hoặc thành phố) trực thuộc Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2021 - 2030 của UBND huyện |
| 113 | 326/CV-TUQ | 02/02/2023 | Rà soát, đánh giá tình hình thực hiện tiêu chí xây dựng xã nông thôn mới nâng cao, xã nông thôn mới kiểu mẫu trong lĩnh vực thông tin và truyền thông |
| 114 | 9051/QĐ-UBNDHHM | 03/02/2023 | Quyết định về việc kiện toàn nhân sự Văn phòng Điều phối Chương trình xây dựng nông thôn mới huyện Hóc Môn |
| 115 | 723/CV-UBNDHHM | 08/02/2023 | Khắc phục các chỉ tiêu, tiêu chí tiếp cận pháp luật năm 2023 và xây dựng xã - thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật gắn với Đề án nâng cao chất lượng các tiêu chí nông thôn mới năm 2024 |
| 116 | 5680/BC-UBNDHHM | 09/02/2023 | Báo cáo kết quả thực hiện Chương trình khoa học và công nghệ phục vụ nông thôn mới trên địa bàn huyện Hóc Môn năm 2023 |
| 117 | 4840/CV-UBNDHHM | 13/02/2023 | Đề xuất danh mục đầu tư công trình cơ sở hạ tầng thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới gắn với đô thị hóa trên địa bàn huyện Hóc Môn giai đoạn 2021-2025 |
| 118 | 4094/CV-UBNDHHM | 15/02/2023 | Đề xuất danh mục công trình cơ sở hạ tầng mang tính chất cấp bách trên địa bàn xã Trung Chánh góp phần xây dựng huyện nông thôn mới nâng cao gắn với đô thị hóa trên địa bàn huyện giai đoạn 2021-2025 |
| 119 | 4154/CV-UBNDHHM | 15/02/2023 | Đăng ký tham gia lớp đào tạo, bồi dưỡng cán bộ xây dựng nông thôn mới trên địa bàn Thành phố năm 2023 |
| 120 | 4423/UBND-KT | 28/02/2023 | Cử cán bộ tham dự lớp tập huấn về nông thôn mới |
| 121 | 3585/CV-UBNDHHM | 03/03/2023 | Kiến nghị giải quyết vướng mắc, khó khăn trong quá trình thực hiện đánh giá, công nhận đạt các tiêu chí nông thôn mới trên địa bàn huyện |
| 122 | 701/CV-UBNDHHM | 08/03/2023 | Thực hiện công tác duy tu, bảo dưỡng, vận hành công trình sau đầu tư trên địa bàn xã thuộc Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới |
| 123 | 4056/CV-UBNDHHM | 15/03/2023 | Góp ý dự thảo Đề án xây dựng nông thôn mới trên địa bàn vùng nông thôn Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2021-2025 |
| 124 | 4093/CV-UBNDHHM | 15/03/2023 | Đề xuất danh mục đầu tư công trình cơ sở hạ tầng thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới gắn với đô thị hóa trên địa bàn huyện giai đoạn 2021-2025 |
| 125 | 232/QĐ-UBNDHHM | 04/04/2023 | Quyết định về việc công nhận xã đạt chuẩn "Văn hoá nông thôn mới" năm 2022 |
| 126 | 2546/CV-UBNDHHM | 06/04/2023 | Kiến nghị giải quyết vướng mắc, khó khăn trong quá trình thực hiện đánh giá, công nhận đạt các tiêu chí nông thôn mới trên địa bàn huyện |
| 127 | 2625/CV-UBNDHHM | 06/04/2023 | Góp ý dự kiến mục tiêu, nhiệm vụ thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới năm 2024 giao các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương |

| | | | |
|---|---|---|---|
| 128 | 4363/CV-UBNDHHM | 14/04/2023 | Đề xuất danh mục đầu tư công trình cơ sở hạ tầng thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới gắn với đô thị hóa trên địa bàn huyện Hóc Môn giai đoạn 2021-2025 |
| 129 | 2492/CV-UBNDHHM | 17/04/2023 | Đề nghị hướng dẫn thực hiện các tiêu chí thuộc Bộ tiêu chí huyện nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025, Bộ tiêu chí xã nông thôn mới kiểu mẫu giai đoạn 2021-2025 của Thành phố Hồ Chí Minh |
| 130 | 2618/BC-UBNDHHM | 17/04/2023 | Báo cáo kết quả thực hiện Nghị quyết số 24/2021/QH15 của Quốc hội về phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu Quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 và Nghị quyết số 25/2021/QH15 của Quốc hội về phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn huyện từ tháng 7/2021 đến hết tháng 6/2023 |
| 131 | 408/CV-UBNDHHM | 20/04/2023 | Phối hợp thực hiện kế hoạch chỉ đạo, điều hành thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh năm 2022 |
| 132 | 3188/KH-UBNDHHM | 04/05/2023 | Kế hoạch tham gia các hoạt động kỷ niệm 326 năm thành lập Thành phố Sài Gòn - Chợ Lớn - Gia Định - Thành phố Hồ Chí Minh (1968 - 2024) và Kỷ niệm 48 năm Ngày Thành phố Sài Gòn - Gia Định chính thức vinh dự mang tên Chủ tịch Hồ Chí Minh (2/7/1976 - 2/7/2024); các sự kiện tôn vinh vai trò của gia đình trong đời sống xã hội; Ngày hội Văn hóa - Thể thao nông thôn mới cấp Thành phố lần thứ II |
| 133 | 573/CV-UBNDHHM | 08/05/2023 | Báo cáo tiến độ triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 |
| 134 | 3043/CV-UBNDHHM | 16/05/2023 | Lấy ý kiến nội dung hướng dẫn xét, công nhận Chỉ tiêu "16.1, Cán bộ, công chức xã đạt chuẩn", Chỉ tiêu "16.2. Chính quyền xã được xếp loại hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên" của Tiêu chí "Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật" trong xây dựng xã nông thôn mới nâng cao gắn với đô thị hóa trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2021-2025 |
| 135 | 2079/CV-UBNDHHM | 24/05/2023 | Góp ý dự thảo xây dựng tiêu chí điển hình tiên tiến trong phong trào thi đua xây dựng nông thôn mới, nông thôn kiểu mẫu giai đoạn 2021-2025 |
| 136 | 2120/CV-UBNDHHM | 24/05/2023 | Báo cáo các công trình xây dựng nông thôn mới gặp khó khăn, vướng mắc (lần 2) |
| 137 | 2816/TTr-UBNDHHM | 24/05/2023 | Kiện toàn ban chỉ đạo chương trình xây dựng nông thôn mới huyện |
| 138 | 2267/TTr-UBNDHHM | 29/05/2023 | Tờ trình về việc kiện toàn Ban Chỉ đạo xây dựng nông thôn mới huyện Hóc Môn |
| 139 | 2683/QĐ-UBNDHHM | 01/06/2023 | Quyết định về việc kiện toàn nhân sự Văn phòng điều phối chương trình xây dựng nông thôn mới huyện Hóc Môn |
| 140 | 1322/TTr-UBNDHHM | 07/06/2023 | Tờ trình về việc xem xét, thống nhất Báo cáo kết quả đạt được và các khó khăn, vướng mắc trong thực hiện Bộ tiêu chí huyện nông thôn mới nâng cao, Bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao và Bộ tiêu chí xã nông thôn mới kiểu mẫu gắn với đô thị hóa giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn huyện |
| 141 | 1412/CV-UBNDHHM | 07/06/2023 | Chấp thuận cho tổ chức đoàn tham dự Đại hội, Đại biểu MTTQ Việt Nam thị trấn Phước Cát, huyện Phước Cát, tỉnh Lâm Đồng nhiệm kỳ 2024-2029 và Hội nghị trao đổi kinh nghiệm trong xây dựng Nông thôn mới, đô thị văn minh |
| 142 | 1619/CV-UBNDHHM | 07/06/2023 | Góp ý dự thảo Kế hoạch thực hiện Chương trình chuyển đổi số trong xây dựng nông thôn mới, hướng tới nông thôn mới thông minh trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh năm 2024 |
| 143 | 5805/CV-UBNDHHM | 22/06/2023 | Triển khai thực hiện tiêu chí cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn trong bộ tiêu chí quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 của Bộ Công thương |
| 144 | 4144/BC-UBND | 28/06/2023 | Báo cáo kết quả khắc phục Kết luận thanh tra về tình hình thực hiện thanh quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành các công trình, dự án thuộc đề án xây dựng nông thôn mới tại huyện Hóc Môn |
| 145 | 1713/BC-UBND | 30/06/2023 | Báo cáo phục vụ công tác kiểm tra tình hình quản lý sử dụng vốn nông thôn mới tại huyện Hóc Môn |
| 146 | 2138/UBND | 30/06/2023 | Tăng cường hiệu lực, hiệu quả trong công tác quản lý, sử dụng nguồn vốn nông thôn mới trên địa bàn huyện |

| | | | |
|---|---|---|---|
| 147 | 2155/KH-UBND | 30/06/2023 | Kế hoạch kiểm tra thực hiện giảm nghèo bền vững, xây dựng xã nông thôn mới, xã - thị trấn văn minh đô thị và kiểm tra việc quản lý và sử dụng Quỹ Xóa đói giảm nghèo (Quỹ 140), Quỹ Quốc gia về việc làm (Quỹ 61), Quỹ hỗ trợ giải quyết việc làm cho người có đất bị thu hồi (Quỹ 34) trên địa bàn huyện |
| 148 | 1679/CV-TUQ | 04/07/2023 | Góp ý dự thảo hướng dẫn thực hiện và phương pháp đánh giá các tiêu chí văn hóa trong Bộ tiêu chí xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 |
| 149 | 3014/KH-UBNDHHM | 05/07/2023 | Kế hoạch triển khai thực hiện Đề án "Nâng cao đời sống kinh tế của nông dân gắn với hoạt động du lịch nông nghiệp, phát triển nông thôn mới" năm 2024 trên địa bàn huyện Hóc Môn |
| 150 | 3662/QĐ-UBNDHHM | 05/07/2023 | Quyết định về việc kiện toàn nhân sự Văn phòng Điều phối Chương trình xây dựng nông thôn mới huyện Hóc Môn |
| 151 | 1187/CV-UBNDHHM | 07/07/2023 | Báo cáo kết quả thực hiện nguồn vốn chi thường xuyên nhằm thực hiện Chương trình tăng cường bảo vệ môi trường, an toàn thực phẩm và cấp nước sạch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn huyện |
| 152 | 4244/CV-UBNDHHM | 14/07/2023 | Tham dự lớp bồi dưỡng Chương trình xây dựng nông thôn mới, nông thôn thông minh |
| 153 | 4261/CV-UBNDHHM | 14/07/2023 | Đẩy nhanh triển khai kế hoạch thực hiện chương trình và các bộ tiêu chí xây dựng nông thôn mới gắn với đô thị hóa trên địa bàn vùng nông thôn thành phố giai đoạn 2021 - 2025 |
| 154 | 1916/BC-UBNDHHM | 18/07/2023 | Báo cáo triển khai kế hoạch chỉ đạo, điều hành thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh |
| 155 | 1970/KH-UBNDHHM | 18/07/2023 | Kế hoạch triển khai thực hiện chương trình khoa học và công nghệ phục vụ xây dựng nông thôn mới trên địa bàn huyện đến năm 2025 |
| 156 | 2043/CV-UBNDHHM | 18/07/2023 | Góp ý dự thảo Quyết định thành lập Tổ công tác về Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 |
| 157 | 7095/CV-UBNDHHM | 21/07/2023 | Tham dự Hội thi tuyên truyền về nông thôn mới trên địa bàn Thành phố năm 2022 |
| 158 | 4314/TTr-UBND | 25/07/2023 | Tờ trình về việc kiện toàn Ban Chỉ đạo Chương trình xây dựng nông thôn mới huyện |
| 159 | 4946/UBND-TNMT | 27/07/2023 | Báo cáo kết quả thực hiện các tiêu chí về môi trường trong xây dựng nông thôn mới của xã Xuân Thới Sơn, huyện Hóc Môn |
| 160 | 5565/CV-UBNDHHM | 09/08/2023 | Chấp thuận chủ trương đầu tư dự án khu nhà ở nông thôn mới tại xã Tân Hiệp, huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh của Công ty TNHH đầu tư phát triển Hưng Gia Phúc |
| 161 | 5639/BB-UBNDHHM | 09/08/2023 | Biên bản về việc họp rút kinh nghiệm theo Kết luận thanh tra số 06/KL-TTTP-P7 ngày 25/8/2022 của Thanh tra Thành phố về thanh tra toàn bộ các dự án đầu tư xây dựng công trình do Ban Quản lý xây dựng nông thôn mới xã Bà Điểm làm chủ đầu tư |
| 162 | 5214/CV-UBNDHHM | 11/08/2023 | Đề xuất bố trí vốn chuẩn bị vốn chuẩn bị đầu tư cho công trình Nông thôn mới |
| 163 | 3354/BC-UBNDHHM | 15/08/2023 | Báo cáo về những khó khăn, vướng mắc trong triển khai, thực hiện Nghị quyết số 25/2021/QH15 của Quốc hội về phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn huyện Hóc Môn từ tháng 7/2021 đến hết tháng 6/2023 |
| 164 | 2870/CV-UBNDHHM | 16/08/2023 | Triển khai thực hiện Bộ tiêu chí huyện nông thôn mới nâng cao |
| 165 | 6227/UBND-QLĐT | 24/08/2023 | Điều chỉnh chủ trương đầu tư và báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình xây dựng nông thôn mới xã Xuân Thới Sơn giai đoạn 2016-2020 |
| 166 | 1146/TTr-UBNDHHM | 31/08/2023 | Tờ trình về việc thẩm định, công nhận xã Tân Xuân đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2016-2020 |
| 167 | 1145/TTr-UBNDHHM | 31/08/2023 | Tờ trình về việc thẩm định, công nhận xã Thới Tam Thôn đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2016-2020 |
| 168 | 5396/UBND-KT | 26/09/2023 | Ý kiến đối với kết quả thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới trên địa bàn huyện Cần Giờ |
| 169 | 4707/CV-UBNDHHM | 27/09/2023 | Phối hợp rà soát, đánh giá tình hình thực hiện các đồ án quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/2000, quy hoạch chung xây dựng nông thôn mới tỷ lệ 1/5000 đã được duyệt nhưng không còn phù hợp trên địa bàn huyện Hóc Môn |

| | | | |
|---|---|---|---|
| 170 | 2223/BC-UBNDHHM | 29/09/2023 | Báo cáo tổng hợp ý kiến tham gia vào kết quả thẩm tra hồ sơ đề nghị xét, công nhận đạt chuẩn nông thôn mới cho xã Xuân Thới Sơn, giai đoạn 2016-2020 |
| 171 | 2224/BC-UBNDHHM | 29/09/2023 | Báo cáo tổng hợp ý kiến tham gia vào kết quả thẩm tra hồ sơ đề nghị xét, công nhận đạt chuẩn nông thôn mới cho xã Nhị Bình, giai đoạn 2016-2020 |
| 172 | 3532/QĐ-UBNDHHM | 03/10/2023 | Quyết định về giao bổ sung dự toán chi không thường xuyên năm 2023, kinh phí tổ chức các hoạt động kỷ niệm 325 năm thành lập Thành phố Sài Gòn - Thành phố Hồ Chí Minh (1698 - 2023) và kỷ niệm 47 năm Ngày Thành phố Sài Gòn - Gia Định chính thức vinh dự mang tên Chủ tịch Hồ Chí Minh (02/7/1976-02/7/2023); các hoạt động tôn vinh vai trò của gia đình trong đời sống xã hội; Ngày hội Văn hóa - thể thao nông thôn mới cấp Thành phố lần thứ I năm 2023 |
| 173 | 1463/QĐ-UBNDHHM | 04/10/2023 | Quyết định về việc phê duyệt quyết toán chi phí lập quy hoạch chi tiết xây dựng nông thôn mới xã Xuân Thới Thượng tỷ lệ 1/2000, 1/5000, huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh (phần Quy hoạch xây dựng) |
| 174 | 1412/CV-TUQ | 04/10/2023 | Thay đổi địa điểm tổ chức chương trình Tiếng hát nông thôn mới năm 2023 trên địa bàn huyện Hóc Môn (Chương trình 1) |
| 175 | 2676/QĐ-UBND | 05/10/2023 | Quyết định về việc kiện toàn nhân sự Văn phòng Điều phối Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới huyện Hóc Môn |
| 176 | 2339/CV-UBNDHHM | 06/10/2023 | Hướng dẫn thực hiện các tiêu chí thuộc Bộ tiêu chí huyện nông thôn mới nâng cao, Bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao (Tiêu chí 1) trên địa bàn huyện Hóc Môn giai đoạn 2021-2025 |
| 177 | 5477/TTr-UBNDHHM | 09/10/2023 | Tờ trình về việc duyệt chủ trương đầu tư các dự án từ nguồn vốn ngân sách thành phố bổ sung có mục tiêu và các công trình phúc lợi từ nguồn vốn khen thưởng xã đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2016-2020 |
| 178 | 5184/TTr-UBNDHHM | 11/10/2023 | Tờ trình về đề xuất trình Hội đồng nhân dân huyện phê duyệt chủ trương đầu tư các dự án từ nguồn vốn ngân sách thành phố bổ sung có mục tiêu và các công trình phúc lợi từ nguồn vốn khen thưởng xã đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2016-2020 |
| 179 | 5018/CV-UBNDHHM | 12/10/2023 | Thực hiện Báo cáo sơ kết phong trào thi đua "Cả Thành phố chung sức xây dựng nông thôn mới gắn với đô thị hóa trên địa bàn vùng nông thôn Thành phố Hồ Chí Minh" giai đoạn 2021-2025 |
| 180 | 2654/CV-UBNDHHM | 16/10/2023 | Đẩy nhanh quyết toán công trình hoàn thành các công trình nông thôn mới trên địa bàn huyện |
| 181 | 3565/UBND-KT | 23/10/2023 | Ý kiến đối với danh mục công trình sử dụng vốn khen thưởng (01 tỷ đồng) cho 04 xã trên địa bàn huyện Hóc Môn đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2016-2020 |
| 182 | 1733/BC-UBND | 25/10/2023 | Báo cáo về thực trạng hệ thống lưới điện trên địa bàn huyện và công tác phối hợp với ngành điện thực hiện tiêu chí 4 - điện trong thực hiện chương trình nông thôn mới trên địa bàn huyện |
| 183 | 4706/KH-UBNDHHM | 27/10/2023 | Kế hoạch tổng rà soát, đánh giá tình hình thực hiện các đồ án quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/2000, quy hoạch chung xây dựng nông thôn mới tỷ lệ 1/5000 đã được duyệt nhưng không còn phù hợp trên địa bàn huyện Hóc Môn |
| 184 | 3881/CV-UBNDHHM | 02/11/2023 | Hướng dẫn thực hiện các tiêu chí thuộc Bộ tiêu chí huyện nông thôn mới nâng cao, Bộ tiêu chí xã nông thôn mớ nâng cao (Tiêu chí 1) trên địa bàn huyện Hóc Môn giai đoạn 2021-2025 |
| 185 | 1727/QĐ-UBNDHHM | 03/11/2023 | Quyết định kiện toàn nhân sự Văn phòng Điều phối Chương trình xây dựng nông thôn mới huyện Hóc Môn |
| 186 | 1121/CV-UBNDHHM | 07/11/2023 | Góp ý Kế hoạch Chương trình giao lưu Tiếng hát Nông thôn mới huyện Hóc Môn |
| 187 | 92/KH-UBNDHHM | 08/11/2023 | Kế hoạch tổ chức Hội nghị tổng kết và kết quả thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn huyện năm 2023 và triển khai phương hướng, nhiệm vụ năm 2024 |
| 188 | 269/TTr-UBNDHHM | 20/11/2023 | Tờ trình kiện toàn thành viên Ban Chỉ đạo Chương trình xây dựng nông thôn mới huyện |
| 189 | 279/CV-UBNDHHM | 20/11/2023 | Cung cấp thông tin về kết quả thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn huyện trong năm 2021-2022, theo đề nghị của Kiểm toán nhà nước |

| | | | |
|---|---|---|---|
| 190 | 338/BC-UBNDHHM | 20/11/2023 | Báo cáo về kết quả thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn huyện trong năm 2021-2022 |
| 191 | 6666/HD-UBNDHHM | 21/11/2023 | Hướng dẫn khen thưởng thành tích trong phong trào thi đua "Cả thành phố chung sức xây dựng nông thôn mới gắn với đô thị hóa trên địa bàn vùng nông thôn Thành phố Hồ Chí Minh" giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn huyện Hóc Môn |
| 192 | 5712/CV-UBNDHHM | 22/11/2023 | Đề xuất không thực hiện công trình mương tiêu nội đồng ấp 4-6 thuộc Đề án nâng cao chất lượng các tiêu chí xây dựng nông thôn mới xã Xuân Thới Sơn, huyện Hóc Môn, giai đoạn 2016-2020 |
| 193 | 6135/UBND | 24/11/2023 | Góp ý dự thảo hướng dẫn thực hiện tiêu chí môi trường thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới các cấp giai đoạn 2021-2025 |
| 194 | 4411/UBND-KT | 27/11/2023 | Ý kiến đối với kết quả thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới trên địa bàn huyện Cần Giờ |
| 195 | 1119/UBND | 28/11/2023 | Tham mưu thực hiện đối với đề xuất, kiến nghị của người dân về kết quả xây dựng nông thôn mới giai đoạn nâng chất lượng các tiêu chí trên địa bàn xã Bà Điểm |
| 196 | 3494/UBND-QLĐT | 28/11/2023 | Ý kiến đối với hồ sơ đề nghị thực hiện dự án khu nhà ở nông thôn mới tại xã Tân Hiệp của Công ty TNHH đầu tư phát triển Hưng Gia Phúc |
| 197 | 2221/BC-UBNDHHM | 29/11/2023 | Báo cáo về việc thẩm tra hồ sơ đề nghị xét, công nhận đạt chuẩn nông thôn mới cho xã Nhị Bình, giai đoạn 2016-2020 |
| 198 | 4012/KH-UBNDHHM | 01/12/2023 | Kế hoạch thực hiện xây dựng xã nông thôn mới kiểu mẫu trên địa bàn huyện Hóc Môn |
| 199 | 646/QĐ-UBNDHHM | 04/12/2023 | Quyết định về việc công nhận xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới năm 2020 |
| 200 | 2676/KH-UBNDHHM | 05/12/2023 | Kế hoạch chỉ đạo, điều hành thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn huyện Hóc Môn năm 2024 |
| 201 | 889/CV-UBNDHHM | 07/12/2023 | Góp ý dự thảo Kế hoạch thực hiện nông thôn mới kiểu mẫu trên địa bàn vùng nông thôn Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2025 |
| 202 | 5867/BC-UBNDHHM | 08/12/2023 | Báo cáo về kết quả thực hiện kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước về Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn huyện |
| 203 | 5860/BC-UBNDHHM | 08/12/2023 | Báo cáo sơ kết phong trào thi đua "Cả Thành phố chung sức xây dựng nông thôn mới gắn với đô thị hóa trên địa bàn vùng nông thôn Thành phố Hồ Chí Minh" trên địa bàn huyện Hóc Môn giai đoạn 2021-2025 |
| 204 | 24/CV-UBNDHHM | 08/12/2023 | Báo cáo số liệu các nguồn vốn đã đầu tư cho Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn huyện giai đoạn 2021-2025 (năm 2021 và 2022) |
| 205 | 5016/CV-UBNDHHM | 12/12/2023 | Phân công chuẩn bị nội dung ghi hình, phỏng vấn phục vụ xây dựng phóng sự phát sóng về Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới gắn với đô thị hóa trên địa bàn vùng nông thôn Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2021-2025 |
| 206 | 3266/BC-UBNDHHM | 15/12/2023 | Báo cáo sơ kết phong trào thi đua "Cả Thành phố chung sức xây dựng nông thôn mới gắn với đô thị hoá trên địa bàn vùng nông thôn Thành phố Hồ Chí Minh" trên địa bàn huyện Hóc Môn giai đoạn 2021-2025 |
| 207 | 596/KH-UBNDHHM | 19/12/2023 | Kế hoạch tổ chức Hội nghị chuyên đề về thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn huyện Hóc Môn trong năm 2023 và giai đoạn 2021-2025 |
| 208 | 653/CV-UBNDHHM | 19/12/2023 | Góp ý dự thảo kế hoạch chỉ đạo, điều hành thực hiện chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh năm 2023 |
| 209 | 7396/CV-UBNDHHM | 20/12/2023 | Rà soát, hệ thống các tiêu chí, chỉ tiêu thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới và nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025 |
| 210 | 1555/UBND-KT | 25/12/2023 | Đề xuất danh mục công trình sử dụng vốn khen thưởng (01 tỷ đồng) đối với các xã đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2016-2020 |

| | | | |
|---|---|---|---|
| 211 | 2225/BC-UBNDHHM | 29/12/2023 | Báo cáo tổng hợp ý kiến tham gia vào kết quả thẩm tra hồ sơ đề nghị xét, công nhận đạt chuẩn nông thôn mới cho xã Bà Điểm, giai đoạn 2016-2020 |
| 212 | 2220/BC-UBNDHHM | 29/12/2023 | Báo cáo về việc thẩm tra hồ sơ đề nghị xét, công nhận đạt chuẩn nông thôn mới cho xã Xuân Thới Sơn |
| 213 | 145/CV-TUQ | 03/01/2024 | Triển khai hướng dẫn đánh giá tiêu chí có liên quan lĩnh vực thông tin và truyền thông trong các Bộ tiêu chí xây dựng nông thôn mới gắn với đô thị hóa trên địa bàn vùng nông thôn Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2021-2025 |
| 214 | 1705/CV-TUQ | 05/01/2024 | Phối hợp tổ chức Chương trình giao lưu tiếng hát nông thôn mới năm 2022 trên địa bàn huyện Hóc Môn (chương trình 2) |
| 215 | 835/CV-UBNDHHM | 08/01/2024 | Góp ý dự thảo Kế hoạch chỉ đạo, điều hành thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh năm 2024 |
| 216 | 2495/KH-UBNDHHM | 18/01/2024 | Kế hoạch triển khai thực hiện Đề án "nâng cao đời sống kinh tế của nông dân gắn với hoạt động du lịch nông nghiệp, phát triển nông thôn mới giai đoạn 2023-2025" trên địa bàn huyện Hóc Môn |
| 217 | 5741/CV-UBNDHHM | 22/01/2024 | Đề xuất danh mục đầu tư các công trình cơ sở hạ tầng thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới gắn với đô thị hóa trên địa bàn huyện Hóc Môn giai đoạn 2021-2025 |
| 218 | 5848/CV-UBNDHHM | 22/01/2024 | Góp ý dự thảo Đề án "Nâng cao đời sống kinh tế của nông dân gắn với hoạt động du lịch nông nghiệp, phát triển nông thôn mới giai đoạn 2022-2025 trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh" |
| 219 | 4129/QĐ-UBNDHHM | 01/02/2024 | Quyết định về việc kiện toàn nhân sự Văn phòng Điều phối Chương trình xây dựng nông thôn mới huyện Hóc Môn |
| 220 | 639/CV-TUQ | 01/02/2024 | Triển khai Hướng dẫn số 2543/HD-SVHTT ngày 04/6/2024 của Sở Văn hóa và thể thao Thành phố thực hiện và phương pháp đánh giá và hồ sơ thẩm định công nhận các tiêu chí lĩnh vực văn hóa, thể thao nông thôn mới gắn với đô thị hóa giai đoạn 2021-2025 |
| 221 | 87/QĐ-UBNDHHM | 02/02/2024 | Quyết định về việc công nhận xã đạt chuẩn "Văn hóa nông thôn mới" năm 2023 |
| 222 | 5509/QĐ-UBNDHHM | 05/02/2024 | Quyết định về việc khen thưởng các tập thể có thành tích xuất sắc trong 5 năm thực hiện cuộc vận động toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh |
| 223 | 1737/KH-UBNDHHM | 19/02/2024 | Kế hoạch chỉ đạo điều hành thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng Nông thôn mới trên địa bàn huyện Hóc Môn năm 2023 |
| 224 | 548/CV-UBNDHHM | 20/02/2024 | Tổ chức thực hiện phong trào thi đua "Cả huyện chung sức xây dựng nông thôn mới gắn với đô thị hóa trên địa bàn huyện Hóc Môn" giai đoạn 2021-2025 |
| 225 | 4300/UBND-QLĐT | 28/02/2024 | Chấn chỉnh, nâng cao công tác quản lý chất lượng công trình xây dựng, đẩy nhanh tiến độ các dự án nông thôn mới trên địa bàn huyện Hóc Môn |
| 226 | 4204/BC-UBNDHHM | 01/03/2024 | Báo cáo kết quả kiểm tra thực hiện Bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao và Bộ tiêu chí xã nông thôn mới kiểu mẫu giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn 10 xã nông thôn mới |
| 227 | 4024/CV-UBNDHHM | 15/03/2024 | Đề xuất hỗ trợ xây dựng nông thôn mới tại Lào |
| 228 | 1593/CV-UBNDHHM | 19/03/2024 | Góp ý dự thảo biên bản kiểm toán Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng Nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 tại Thành phố Hồ Chí Minh |
| 229 | 1304/KH-UBND | 26/03/2024 | Kế hoạch thực hiện Kế hoạch số 24-KH/HU của Huyện ủy về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững huyện gắn với xây dựng xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới, xã văn hóa văn minh đô thị, thị trấn đạt chuẩn văn minh đô thị giai đoạn 2021-2025 |
| 230 | 2640/UBND | 29/03/2024 | Góp ý Đề án nâng cao đời sống kinh tế của nông dân gắn với hoạt động du lịch nông nghiệp, phát triển nông thôn mới giai đoạn 2020-2025 |
| 231 | 462/CV-TUQ | 01/04/2024 | Thực hiện rà soát, đánh giá tiêu chí xây dựng xã nông thôn mới nâng cao, xã nông thôn mới kiểm mẫu trong lĩnh vực thông tin và truyền thông |

| | | | |
|---|---|---|---|
| 232 | 2795/CV-TUQ | 03/04/2024 | Góp ý Kế hoạch chương trình "Giao lưu Tiếng hát nông thôn mới" năm 2024 |
| 233 | 649/KH-UBNDHHM | 08/04/2024 | Kế hoạch tổ chức Hội nghị chuyên đề và giải quyết các khó khăn, vướng mắc trong thực hiện các tiêu chí và đẩy nhanh thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn huyện năm 2024 |
| 234 | 3514/KH-UBNDHHM | 15/04/2024 | Kế hoạch thực hiện Chương trình chuyển đổi số trong xây dựng nông thôn mới, hướng tới nông thôn mới thông minh trên địa bàn huyện đến năm 2025 |
| 235 | 591/CV-UBNDHHM | 08/05/2024 | Triển khai Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 đối với các đơn vị hành chính cấp huyện, xã hình thành sau sắp xếp |
| 236 | 5446/CV-UBNDHHM | 10/05/2024 | Đề xuất khen thưởng các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới gắn với đô thị hóa trên địa bàn vùng nông thôn Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2021 - 2025 |
| 237 | 2993/CV-UBNDHHM | 16/05/2024 | Đề cử nhân sự tham gia Ban chỉ đạo thực hiện Đề án nâng cao đời sống kinh tế của nông dân gắn với hoạt động du lịch nông nghiệp, phát triển nông thôn mới giai đoạn 2023-2025 |
| 238 | 354/BC-UBNDHHM | 20/05/2024 | Báo cáo kết quả rà soát các tiêu chí thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về huyện, xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025 |
| 239 | 2013/UBND-KT | 24/05/2024 | Góp ý dự thảo Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới gắn với đô thị hóa trên địa bàn vùng nông thôn Thành phố Hồ Chí Minh, giai đoạn 2021-2025 |
| 240 | 2222/BC-UBNDHHM | 30/05/2024 | Báo cáo về việc thẩm tra hồ sơ đề nghị xét, công nhận đạt chuẩn nông thôn mới cho xã Bà Điểm, giai đoạn 2016-2020 |
| 241 | 1253/UBND | 31/05/2024 | Giải quyết các vướng mắc liên quan đề xuất điều chỉnh 16 công trình giao thông thuộc Đề án xây dựng nông thôn mới 06 xã trên địa bàn huyện Hóc Môn giai đoạn 2013-2015 |
| 242 | 3038/CV-UBNDHHM | 05/06/2024 | Rà soát, bổ sung, kiện toàn nhân sự phụ trách tham gia Ban Chỉ đạo thực hiện Đề án "Nâng cao đời sống kinh tế của nông dân gắn với hoạt động du lịch nông nghiệp, phát triển nông thôn mới giai đoạn 2023-2025" |
| 243 | 5067/CV-UBNDHHM | 12/06/2024 | Thuận chủ trương, duyệt kinh phí tập luyện tham gia Hội thi tuyên truyền về nông thôn mới trên địa bàn Thành phố năm 2023 |
| 244 | 4691/CV-UBNDHHM | 13/06/2024 | Tham dự Hội thi tuyên truyền về nông thôn mới trên địa bàn Thành phố năm 2023 |
| 245 | 2045/KH-UBNDHHM | 18/06/2024 | Kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới gắn với đô thị hóa trên địa bàn huyện Hóc Môn giai đoạn 2021-2025 kết hợp thực hiện đạt tiêu chí đô thị thuộc Đề án đầu tư - xây dựng huyện Hóc Môn thành quận (hoặc Thành phố) trực thuộc Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2021-2030 |
| 246 | 1310/TTr-UBNDHHM | 19/06/2024 | Về việc ban hành Quyết định điều chỉnh, bổ sung quy chế làm việc của Ban Chỉ đạo Chương trình xây dựng nông thôn mới huyện |
| 247 | 7123/CV-UBNDHHM | 21/06/2024 | Về triển khai thực hiện các tiêu chí, chỉ tiêu thuộc Bộ tiêu chí Nông thôn mới, Nông thôn mới nâng cao cấp xã, huyện giai đoạn 2021-2025 |
| 248 | 6273/UBND | 24/06/2024 | Điều chỉnh chủ trương đầu tư và Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình xây dựng nông thôn mới xã Xuân Thới Sơn giai đoạn 2016-2020 |
| 249 | 591/UBND | 24/06/2024 | Khắc phục các chỉ tiêu, tiêu chí tiếp cận pháp luật năm 2021 và xây dựng xã - thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật gắn với Đề án nâng cao chất lượng các tiêu chí nông thôn mới năm 2022 |
| 250 | 995/UBND | 24/06/2024 | Chuẩn bị nội dung cho Hội nghị của Ban Chỉ đạo xây dựng nông thôn mới huyện trong Quý I năm 2022 |
| 251 | 5256/UBND-KT | 25/06/2024 | Điều tra thu nhập hộ tại các xã xây dựng nông thôn mới năm 2021 |
| 252 | 4148/UBND | 28/06/2024 | Phối hợp tổ chức Chương trình "Giao lưu Tiếng hát nông thôn mới" năm 2020 trên địa bàn huyện Hóc Môn |
| 253 | 5390/CV-UBNDHHM | 10/07/2024 | Thực hiện kết luận của đồng chí Trần Văn Khuyên - Bí thư Huyện ủy, Chủ tịch HĐND huyện tại Hội nghị gặp gỡ, đối thoại giữa lãnh đạo huyện với hội viên phụ nữ năm 2023 với chủ đề "Phụ nữ tham gia xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh" |

| | | | |
|---|---|---|---|
| 254 | 5017/CV-UBNDHHM | 12/07/2024 | Đề xuất khen thưởng tại Hội nghị triển khai Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới gắn với đô thị hóa trên địa bàn vùng nông thôn TPHCM "giai đoạn 2021-2025 |
| 255 | 5711/KH-UBNDHHM | 22/07/2024 | Kế hoạch tổ chức thực hiện phong trào thi đua " Cả Thành phố chung sức xây dựng nông thôn mới gắn với đô thị hóa trên địa bàn vùng nông thôn Thành phố Hồ Chí Minh" trên địa bàn huyện Hóc Môn giai đoạn 2021-2025 |
| 256 | 1123/CV-UBNDHHM | 31/07/2024 | Nộp trả ngân sách thành phố kế hoạch vốn đầu tư nông thôn mới (giai đoạn 2010-2015) còn thừa không còn nhu cầu sử dụng |

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN HÓC MÔN

Phụ lục 2.1

# BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC TIÊU CHÍ XÃ NÔNG THÔN MỚI NÂNG CAO ĐẾN NĂM 2024 CỦA HUYỆN HÓC MÔN, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

*(theo Biểu 4, Mẫu số 10, Văn bản hợp nhất số 20/VBHN-BNNPTNT ngày 13/6/2024 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)*

| Số tt | Tên tiêu chí | Nội dung tiêu chí | Yêu cầu đạt chuẩn NTM nâng cao (TP. HCM) | Kết quả thực hiện của 10 xã nông thôn mới | | | | | | | | | | Kết quả chung của các xã NTM nâng cao (số xã đạt) |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Bà Điểm | Đông Thạnh | Thới Tam Thôn | Xuân Thới Thượng | Xuân Thới Đông | Xuân Thới Sơn | Nhị Bình | Tân Xuân | Tân Hiệp | Tân Thới Nhì | |
| | | | | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | |
| 1 | Quy hoạch | 1.1. Có quy hoạch chung xây dựng xã còn thời hạn hoặc đã được rà soát, điều chỉnh theo quy định của pháp luật về quy hoạch (trong đó có quy hoạch khu chức năng dịch vụ hỗ trợ hoặc thúc đẩy, dẫn dắt phát triển kinh tế nông thôn) | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | 10/10 |
| | | 1.2. Có quy chế quản lý và tổ chức thực hiện quy hoạch xây dựng và quản lý xây dựng theo quy hoạch | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | 10/10 |
| | | 1.3. Có quy hoạch chi tiết xây dựng trung tâm xã hoặc quy hoạch chi tiết xây dựng điểm dân cư mới phù hợp với tình hình kinh tế - xã hội của địa phương và phù hợp với định hướng đô thị hóa theo quy hoạch cấp trên | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | 10/10 |
| | | 2.1. Tỷ lệ đường xã được bảo trì hàng năm, đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp và có các hạng mục cần thiết (biển báo, biển chỉ dẫn, chiếu sáng, gờ giảm tốc, cây xanh…) theo quy định | 100% | 100% | 100% | 100% | 100% | 100% | 100% | 100% | 100% | 100% | 100% | 10/10 |

| Số tt | Tên tiêu chí | Nội dung tiêu chí | | Yêu cầu đạt chuẩn NTM nâng cao (TP. HCM) | Kết quả thực hiện của 10 xã nông thôn mới | | | | | | | | | | Kết quả chung của các xã NTM nâng cao (số xã đạt) |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | Bà Điểm | Đông Thạnh | Thới Tam Thôn | Xuân Thới Thượng | Xuân Thới Đông | Xuân Thới Sơn | Nhị Bình | Tân Xuân | Tân Hiệp | Tân Thới Nhì | |
| | | | | | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | |
| 2 | Giao thông | 2.2. Tỷ lệ đường ấp và đường liên ấp | Được nhựa hóa hoặc bê tông hóa và bảo trì hàng năm, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện | 100% | 100% | 100% | 100% | 100% | 100% | 100% | 100% | 100% | 100% | 100% | 10/10 |
| | | | Có các hạng mục cần thiết theo quy định (biển báo, biển chỉ dẫn, chiếu sáng, gờ giảm tốc, cây xanh…) và đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp | 100% | 100% | 100% | 100% | 100% | 100% | 100% | 100% | 100% | 100% | 100% | 10/10 |
| | | 2.3. Tỷ lệ đường hẻm, tổ được nhựa hóa hoặc bê tông hóa, đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp, đảm bảo đi lại thuận tiện quanh năm | | 100% | 100% | 100% | 100% | 100% | 100% | 100% | 100% | 100% | 100% | 100% | 10/10 |
| | | 2.4. Tỷ lệ đường trục chính nội đồng được cứng hóa đáp ứng yêu cầu sản xuất và vận chuyển hàng hóa thuận tiện quanh năm | | 100% | 100% | 100% | 100% | 100% | 100% | 100% | 100% | 100% | 100% | 100% | 10/10 |
| | | 3.1. Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động | | ≥90% | 100% | 95,4% | 100% | 91,9% | 100% | 100% | 100% | 100% | 95% | 100% | 10/10 |
| | | 3.2. Tổ chức thủy lợi cơ sở hoạt động hiệu quả, bền vững | | ≥1 | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | 10/10 |

| Số tt | Tên tiêu chí | Nội dung tiêu chí | Yêu cầu đạt chuẩn NTM nâng cao (TP. HCM) | Kết quả thực hiện của 10 xã nông thôn mới | | | | | | | | | | Kết quả chung của các xã NTM nâng cao (số xã đạt) |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Bà Điểm | Đông Thạnh | Thới Tam Thôn | Xuân Thới Thượn | Xuân Thới Đông | Xuân Thới Sơn | Nhị Bình | Tân Xuân | Tân Hiệp | Tân Thới Nhì | |
| | | | | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | |
| 3 | Thuỷ lợi và phòng, chống thiên tai | 3.3. Tỷ lệ diện tích cây trồng chủ lực của địa phương được tưới tiên tiến, tiết kiệm nước | 100% | 100% | 100% | 100% | 100% | 100% | 100% | 100% | 100% | 100% | 100% | 10/10 |
| | | 3.4. Tỷ lệ công trình thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng được bảo trì hàng năm | 100% | 100% | 100% | 100% | 100% | 100% | 100% | 100% | 100% | 100% | 100% | 10/10 |
| | | 3.5. Thực hiện kiểm kê, kiểm soát các nguồn nước thải xả vào công trình thủy lợi | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | 10/10 |
| | | 3.6. Đảm bảo yêu cầu chủ động về phòng chống thiên tai theo phương châm 4 tại chỗ | Khá | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | 10/10 |
| 4 | Điện | 4.1. Hệ thống điện đạt chuẩn | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | 10/10 |
| | | 4.2. Tỷ lệ hộ có đăng ký trực tiếp và được sử dụng điện sinh hoạt, sản xuất đảm bảo an toàn, tin cậy và ổn định | 100% | 100% | 100% | 100% | 100% | 100% | 100% | 100% | 100% | 100% | 100% | 10/10 |
| 5 | Giáo dục | 5.1. Tỷ lệ trường học các cấp (mầm non, tiểu học, THCS, hoặc trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là THCS) đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 1 và có ít nhất 01 trường đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 2 | 100% | 100% | 100% | 100% | 100% | 100% | 100% | 100% | 100% | 100% | 100% | 10/10 |
| | | 5.2. Duy trì và nâng cao chất lượng đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | 10/10 |
| | | 5.3. Đạt chuẩn và duy trì đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học và trung học cơ sở | Mức độ 3 | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | 10/10 |

| Số tt | Tên tiêu chí | Nội dung tiêu chí | Yêu cầu đạt chuẩn NTM nâng cao (TP. HCM) | Kết quả thực hiện của 10 xã nông thôn mới | | | | | | | | | | Kết quả chung của các xã NTM nâng cao (số xã đạt) |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Bà Điểm | Đông Thạnh | Thới Tam Thôn | Xuân Thới Thượn | Xuân Thới Đông | Xuân Thới Sơn | Nhị Bình | Tân Xuân | Tân Hiệp | Tân Thới Nhì | |
| | | | | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | |
| | | 5.4. Đạt chuẩn xóa mù chữ | Mức độ 2 | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | 10/10 |
| | | 5.5. Tỷ lệ học sinh (áp dụng đạt cho cả nam và nữ) tốt nghiệp trung học cơ sở được tiếp tục học trung học (phổ thông, giáo dục thường xuyên, trung cấp) | ≥90% | 100% | 99,78 % | 99,82 % | 99,87 % | 99,14 % | 99,7 % | 97,29 % | 99,78 % | 98,7 % | 98,41 % | 10/10 |
| | | 5.6. Cộng đồng học tập cấp xã được đánh giá, xếp loại | Khá trở lên | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | 10/10 |
| | | 5.7. Có mô hình giáo dục thể chất cho học sinh rèn luyện thể lực, kỹ năng, sức bền | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | 10/10 |
| 6 | Văn hoá | 6.1. Xã có nhà văn hóa hoặc hội trường đa năng và sân thể thao phục vụ sinh hoạt văn hóa, thể thao của toàn xã | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | 10/10 |
| | | 6.2. Có lắp đặt các dụng cụ thể dục thể thao ngoài trời ở điểm công cộng; có điểm vui chơi, giải trí và thể thao cho trẻ em và người cao tuổi theo quy định; các loại hình hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao được tổ chức hoạt động thường xuyên | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | 10/10 |
| | | 6.3. Di sản văn hóa được kiểm kê, ghi danh, bảo vệ, tu bổ, tôn tạo và phát huy giá trị đúng quy định | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | 10/10 |
| | | 6.4. Tỷ lệ ấp đạt tiêu chuẩn văn hóa theo quy định và đạt chuẩn nông thôn mới | ≥80% | 100% | 100% | 92,30% | 100% | 100 | 100% | 85% | 86% | 100% | 100% | 10/10 |

| Số tt | Tên tiêu chí | Nội dung tiêu chí | Yêu cầu đạt chuẩn NTM nâng cao (TP. HCM) | Kết quả thực hiện của 10 xã nông thôn mới | | | | | | | | | | Kết quả chung của các xã NTM nâng cao (số xã đạt) |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Bà Điểm | Đông Thạnh | Thới Tam Thôn | Xuân Thới Thượn | Xuân Thới Đông | Xuân Thới Sơn | Nhị Bình | Tân Xuân | Tân Hiệp | Tân Thới Nhì | |
| | | | | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | |
| 7 | Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn | Có mô hình chợ thí điểm bảo đảm an toàn thực phẩm, hoặc chợ đáp ứng yêu cầu chung theo tiêu chuẩn chợ kinh doanh thực phẩm | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | 10/10 |
| 8 | Thông tin và Truyền thông | 8.1. Có điểm phục vụ bưu chính đáp ứng cung cấp dịch vụ công trực tuyến cho người dân | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | 10/10 |
| | | 8.2. Có đài truyền thanh ứng dụng công nghệ thông tin - viễn thông và hệ thống loa đến các ấp | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | 10/10 |
| | | 8.3. Tỷ lệ thuê bao sử dụng điện thoại thông minh | ≥90% | 92% | 95% | 90% | 93% | 98,5% | Đạt | 90,2 % | 93% | 92,9% | 98,5% | 10/10 |
| | | 8.4. Có dịch vụ báo chí truyền thông | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | 10/10 |
| | | 8.5. Có ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành phục vụ đời sống kinh tế - xã hội | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | 10/10 |
| | | 8.6. Có mạng wifi miễn phí ở các điểm công cộng (khu vực trung tâm xã, nơi sinh hoạt cộng đồng, điểm du lịch cộng đồng,…) | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | 10/10 |

| Số tt | Tên tiêu chí | Nội dung tiêu chí | | Yêu cầu đạt chuẩn NTM nâng cao (TP. HCM) | Kết quả thực hiện của 10 xã nông thôn mới | | | | | | | | | | Kết quả chung của các xã NTM nâng cao (số xã đạt) |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | Bà Điểm | Đông Thạnh | Thới Tam Thôn | Xuân Thới Thượn | Xuân Thới Đông | Xuân Thới Sơn | Nhị Bình | Tân Xuân | Tân Hiệp | Tân Thới Nhì | |
| | | | | | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | |
| 9 | Nhà ở dân cư | 9.1. Nhà tạm, dột nát | | Không | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | 10/10 |
| | | 9.2. Tỷ lệ hộ có nhà ở kiên cố hoặc bán kiên cố | | 100% | 100% | 100% | 100% | 100% | 100% | 100% | 100% | 100% | 100% | 100% | 10/10 |
| 10 | Thu nhập | Thu nhập bình quân đầu người *(triệu đồng/ người)* | Năm 2021 | ≥72 | | | | | | | | | | | |
| | | | Năm 2022 | ≥76 | | | | | | | | | | | |
| | | | Năm 2023 | ≥80 | | | | | | | | | | | |
| | | | Năm 2024 | ≥84 | 88,14 | 86,26 | 87,79 | 86,94 | 93,68 | 87,28 | 87,68 | 88,64 | 89,77 | 96,18 | 10/10 |
| | | | Năm 2025 | ≥88 | | | | | | | | | | | |
| 11 | Nghèo đa chiều | Tỷ lệ nghèo đa chiều giai đoạn 2021 - 2025 (tỷ lệ hộ nghèo, hộ cận nghèo có chỉ số thiếu hụt về thu nhập thuộc tiêu chí thu nhập chuẩn nghèo Quốc gia giai đoạn 2021 - 2025) | | <0,3% | 0% | 0% | 0% | 0% | 0% | 0% | 0% | 0% | 0% | 0% | 10/10 |
| 12 | Lao động | 12.1. Tỷ lệ lao động qua đào tạo (áp dụng đạt cho cả nam và nữ) | | ≥85% | 87 | 94.1 | 86.7 | 92.8 | 87.73 | 86.7 | 95.4 | 86,6 | 87 | 90.3 | 10/10 |
| | | 12.2. Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ (áp dụng đạt cho cả nam và nữ) | | ≥35 % | 40 | 68.2 | 36 | 55.1 | 35.3 | 35.3 | 51.2 | 35,9 | 58 | 35.7 | 10/10 |

| Số tt | Tên tiêu chí | Nội dung tiêu chí | Yêu cầu đạt chuẩn NTM nâng cao (TP. HCM) | Kết quả thực hiện của 10 xã nông thôn mới | | | | | | | | | | Kết quả chung của các xã NTM nâng cao (số xã đạt) |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Bà Điểm | Đông Thạnh | Thới Tam Thôn | Xuân Thới Thượng | Xuân Thới Đông | Xuân Thới Sơn | Nhị Bình | Tân Xuân | Tân Hiệp | Tân Thới Nhì | |
| | | | | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | |
| 13 | Tổ chức sản xuất và phát triển kinh tế nông thôn | 13.1 Xã có Hợp tác xã hoạt động hiệu quả và theo đúng quy định của Luật Hợp tác xã, hoặc xã có tổ hợp tác hoạt động hiệu quả, theo đúng quy định của pháp luật và có hợp đồng hợp tác, tiêu thụ sản phẩm chủ lực của địa phương, có hợp đồng liên kết theo chuỗi giá trị ổn định; xã có mô hình liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm chủ lực đảm bảo bền vững | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | 10/10 |
| | | 13.2. Có sản phẩm OCOP được xếp hạng đạt chuẩn hoặc tương đương còn thời hạn | ≥1 | 3 | 4 | 5 | 5 | 1 | 4 | 5 | 3 | 3 | 5 | 10/10 |
| | | 13.3. Có mô hình kinh tế ứng dụng công nghệ cao, hoặc mô hình quản lý sức khoẻ cây trồng tổng hợp (IPHM), hoặc mô hình nông nghiệp áp dụng cơ giới hóa các khâu, hoặc mô hình liên kết theo chuỗi giá trị gắn với đảm bảo an toàn thực phẩm | ≥1 | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | 10/10 |
| | | 13.4. Ứng dụng công nghệ số để thực hiện truy xuất nguồn gốc các sản phẩm chủ lực của xã | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | 10/10 |
| | | 13.5. Tỷ lệ sản phẩm chủ lực của xã được bán qua kênh thương mại điện tử | ≥10% | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | 10/10 |
| | | 13.6. Vùng nguyên liệu tập trung đối với nông sản chủ lực của xã được cấp mã vùng | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | 10/10 |

| Số tt | Tên tiêu chí | Nội dung tiêu chí | Yêu cầu đạt chuẩn NTM nâng cao (TP. HCM) | Kết quả thực hiện của 10 xã nông thôn mới | | | | | | | | | | Kết quả chung của các xã NTM nâng cao (số xã đạt) |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Bà Điểm | Đông Thạnh | Thới Tam Thôn | Xuân Thới Thượn | Xuân Thới Đông | Xuân Thới Sơn | Nhị Bình | Tân Xuân | Tân Hiệp | Tân Thới Nhì | |
| | | | | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | |
| | | 13.7. Có triển khai quảng bá hình ảnh điểm du lịch của xã thông qua ứng dụng Internet, mạng xã hội | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | 10/10 |
| | | 13.8. Có mô hình phát triển kinh tế nông thôn hiệu quả theo hướng tích hợp đa giá trị (kinh tế, văn hoá, môi trường) | ≥1 | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | 10/10 |
| | | 13.9. Có kế hoạch triển khai, kế hoạch bảo tồn phát triển làng nghề, làng nghề truyền thống (nếu có) gắn với hạ tầng về bảo vệ môi trường | Đạt | Trên địa bàn huyện không có làng nghề | | | | | | | | | | 10/10 |
| | | 13.10. Có tổ khuyến nông cộng đồng hoạt động hiệu quả | Đạt | Ủy ban nhân dân huyện đã chỉ đạo 10/10 xã hiện đang tiến hành rà soát, triển khai thành lập Tổ khuyến nông cộng đồng xã sau khi có hướng dẫn cụ thể của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Thành phố. Hiện nay, tuy chưa thành lập Tổ khuyến nông cộng đồng xã, nhưng 10/10 xã có thành lập Câu lạc bộ nông dân sản xuất, kinh doanh giỏi;... | | | | | | | | | 10/10 |
| 14 | Y tế | 14.1. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế (áp dụng đạt cho cả nam và nữ) | ≥95 % | 96,84 | 97,73 | 96,3 | 97,22 | 97,1 | 96,45 | 96,37 | 97,5 | 95,8 | 97,93 | 10/10 |
| | | 14.2. Xã triển khai thực hiện quản lý sức khỏe điện tử | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | 10/10 |
| | | 14.3. Xã triển khai thực hiện khám chữa bệnh từ xa | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | 10/10 |
| | | 14.4. Xã triển khai thực hiện tốt sổ khám chữa bệnh điện tử | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | 10/10 |

| Số tt | Tên tiêu chí | Nội dung tiêu chí | | Yêu cầu đạt chuẩn NTM nâng cao (TP. HCM) | Kết quả thực hiện của 10 xã nông thôn mới | | | | | | | | | | Kết quả chung của các xã NTM nâng cao (số xã đạt) |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | Bà Điểm | Đông Thạnh | Thới Tam Thôn | Xuân Thới Thượn | Xuân Thới Đông | Xuân Thới Sơn | Nhị Bình | Tân Xuân | Tân Hiệp | Tân Thới Nhì | |
| | | | | | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | |
| | | 14.5. Tỷ lệ dân số có sổ khám chữa bệnh điện tử | | ≥90% | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | 10/10 |
| 15 | Hành chính công | 15.1. Ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết thủ tục hành chính | | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | 10/10 |
| | | 15.2. Có dịch vụ công trực tuyến một phần | | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | 10/10 |
| | | 15.3. Giải quyết các thủ tục hành chính đảm bảo đúng quy định và không để xảy ra khiếu nại vượt cấp | | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | 10/10 |
| 16 | Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật | 16.1. Cán bộ, công chức xã đạt chuẩn | | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | 10/10 |
| | | 16.2. Đảng bộ, chính quyền xã được xếp loại chất lượng hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên | | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | 10/10 |
| | | 16.3. Tổ chức chính trị - xã hội của xã được xếp loại chất lượng hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên | | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | 10/10 |
| | | 16.4. Xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo quy định | a) Ban hành văn bản theo thẩm quyền để tổ chức và bảo đảm thi hành Hiến pháp và pháp luật trên địa bàn | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | 10/10 |
| | | | b) Tiếp cận thông tin, phổ biến, giáo dục pháp luật | | | | | | | | | | | | |
| | | | c) Hòa giải ở cơ sở, trợ giúp pháp lý | | | | | | | | | | | | |

| Số tt | Tên tiêu chí | Nội dung tiêu chí | | Yêu cầu đạt chuẩn NTM nâng cao (TP. HCM) | Kết quả thực hiện của 10 xã nông thôn mới | | | | | | | | | | Kết quả chung của các xã NTM nâng cao (số xã đạt) |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | Bà Điểm | Đông Thạnh | Thới Tam Thôn | Xuân Thới Thượn | Xuân Thới Đông | Xuân Thới Sơn | Nhị Bình | Tân Xuân | Tân Hiệp | Tân Thới Nhì | |
| | | | | | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | |
| | | 16.5. Đảm bảo bình đẳng giới; phòng chống bạo lực gia đình; phòng chống bạo lực trên cơ sở giới; phòng chống bạo lực, xâm hại trẻ em trong gia đình; bảo vệ và hỗ trợ những người dễ bị tổn thương. Đảm bảo quyền lợi trẻ em được tham gia các hoạt động văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao, đặc biệt quan tâm, cung cấp dịch vụ an sinh xã hội cho phụ nữ và trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt | 16.5.1. Đảm bảo phòng chống bạo lực, xâm hại trẻ e trong gia đình, bảo vệ và hỗ trợ những người dễ bị tổn thương. Đảm bảo quyền lợi trẻ em được tham gia các hoạt động văn hóa văn nghệ, thể dục, thể thao | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | 10/10 |
| | | | 16.5.2. Đảm bảo bình đẳng giới, phòng ngừa, ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới. Quan tâm cung cấp dịch vụ an sinh xã hội cho phụ nữ và trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | 10/10 |

| Số tt | Tên tiêu chí | Nội dung tiêu chí | Yêu cầu đạt chuẩn NTM nâng cao (TP. HCM) | Kết quả thực hiện của 10 xã nông thôn mới | | | | | | | | | | Kết quả chung của các xã NTM nâng cao (số xã đạt) |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Bà Điểm | Đông Thạnh | Thới Tam Thôn | Xuân Thới Thượn | Xuân Thới Đông | Xuân Thới Sơn | Nhị Bình | Tân Xuân | Tân Hiệp | Tân Thới Nhì | |
| | | | | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | |
| | | 16.6. Có kế hoạch và triển khai kế hoạch bồi dưỡng kiến thức về xây dựng nông thôn mới cho người dân, đào tạo nâng cao năng lực cộng đồng gắn với nâng cao hiệu quả hoạt động của Ban Phát triển ấp | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | 10/10 |
| | | 16.7. Có mô hình điển hình về phổ biến, giáo dục pháp luật và mô hình điển hình về hòa giải ở cơ sở | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | 10/10 |
| | | 16.8. Tỷ lệ mâu thuẫn, tranh chấp, vi phạm thuộc phạm vi hòa giải cơ sở được hòa giải thành | ≥90% | 100% | 93% | 90% | 100% | 100% | 95% | 95% | 95% | 90% | 100% | 10/10 |
| | | 16.9. Tỷ lệ người dân thuộc đối tượng trợ giúp pháp lý tiếp cận và được trợ giúp pháp lý khi có yêu cầu | ≥90% | 100% | 100% | 100% | 100% | 100% | 100% | 100% | 100% | 100% | 100% | 10/10 |
| | | 17.1. Khu kinh doanh, dịch vụ, chăn nuôi, giết mổ (gia súc, gia cầm), nuôi trồng thủy sản có hạ tầng kỹ thuật về bảo vệ môi trường | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | 10/10 |
| | | 17.2. Tỷ lệ cơ sở sản xuất - kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường | 100% | 100% | 100% | 100% | 100% | 100% | 100% | 100% | 100% | 100% | 100% | 10/10 |
| | | 17.3. Cảnh quan, không gian xanh - sạch - đẹp, an toàn; không để xảy ra tồn đọng nước thải sinh hoạt tại các khu dân cư tập trung | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | 10/10 |

| Số tt | Tên tiêu chí | Nội dung tiêu chí | Yêu cầu đạt chuẩn NTM nâng cao (TP. HCM) | Kết quả thực hiện của 10 xã nông thôn mới | | | | | | | | | | Kết quả chung của các xã NTM nâng cao (số xã đạt) |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Bà Điểm | Đông Thạnh | Thới Tam Thôn | Xuân Thới Thượn | Xuân Thới Đông | Xuân Thới Sơn | Nhị Bình | Tân Xuân | Tân Hiệp | Tân Thới Nhì | |
| | | | | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | |
| 17 | Môi trường và an toàn thực phẩm | 17.4. Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn không nguy hại trên địa bàn được thu gom, xử lý theo quy định | ≥98% | 99% | 98% | 100% | 98% | 100% | 98% | 100% | Đạt | 99% | 98,3% | 10/10 |
| | | 17.5. Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt bằng biện pháp phù hợp, hiệu quả | ≥50% | 100% | 100% | 100% | 90% | 100% | 100% | 100% | 100% | 100% | 100% | 10/10 |
| | | 17.6. Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn | ≥70% | 90% | 90% | 100% | 70% | 80% | 100% | 90% | 80% | 70% | 90% | 10/10 |
| | | 17.7. Tỷ lệ chất thải rắn nguy hại trên địa bàn được thu gom, vận chuyển và xử lý đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường | 100% | 100% | 100% | 100% | 100% | 100% | 100% | 100% | 100% | 100% | 100% | 10/10 |
| | | 17.8. Tỷ lệ chất thải hữu cơ, phụ phẩm nông nghiệp được thu gom, tái sử dụng và tái chế thành nguyên liệu, nhiên liệu và các sản phẩm thân thiện với môi trường | ≥80% | 90% | 85% | 100% | 100% | 100% | 90% | 90% | 90% | 80% | 95% | 10/10 |
| | | 17.9. Tỷ lệ cơ sở chăn nuôi bảo đảm các quy định về vệ sinh thú y, chăn nuôi và bảo vệ môi trường | ≥95% | 98% | 98% | 100% | 95% | 100% | 100% | 97% | 96% | 95% | 100% | 10/10 |
| | | 17.10. Mai táng, hỏa táng phù hợp với quy định; nghĩa trang, cơ sở hỏa táng (nếu có) đáp ứng các quy định của pháp luật và theo quy hoạch | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | 10/10 |
| | | 17.11. Tỷ lệ sử dụng hình thức hỏa táng | ≥10% | 35% | 22,8 % | 21% | 26,3 % | 50,4 % | 31,6 % | 52,63 % | 32,98 % | 33% | 33,8 % | 10/10 |

| Số tt | Tên tiêu chí | Nội dung tiêu chí | Yêu cầu đạt chuẩn NTM nâng cao (TP. HCM) | Kết quả thực hiện của 10 xã nông thôn mới | | | | | | | | | | Kết quả chung của các xã NTM nâng cao (số xã đạt) |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Bà Điểm | Đông Thạnh | Thới Tam Thôn | Xuân Thới Thượn | Xuân Thới Đông | Xuân Thới Sơn | Nhị Bình | Tân Xuân | Tân Hiệp | Tân Thới Nhì | |
| | | | | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | |
| | | 17.12. Đất cây xanh sử dụng công cộng tại điểm dân cư nông thôn | ≥4m$^2$/ người | 4,07 | 5,19 | 4,30 | 6,36 | 7,07 | 7,52 | 10,71 | 5,16 | 5,61 | 9,07 | 10/10 |
| | | 17.13. Tỷ lệ chất thải nhựa phát sinh trên địa bàn được thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý theo quy định | ≥90% | 95% | 95% | 100% | 95% | 100% | 96% | 94% | 100% | 90% | 91,5% | 10/10 |
| 18 | Chất lượng môi trường sống | 18.1. Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn từ hệ thống cấp nước tập trung | ≥65% | 100% | 100% | 90% | 100% | 100% | 100% | 100% | 100% | 100% | 100% | 10/10 |
| | | 18.2. Cấp nước sinh hoạt đạt chuẩn bình quân đầu người/ngày đêm | ≥80 lít | 94,5 lít | 130 lít | 80 lít | 82 lít | 90 lít | ≥80 lít | ≥80 lít | 100 lít | 80 lít | 90 lít | 10/10 |
| | | 18.3. Tỷ lệ công trình cấp nước tập trung có tổ chức quản lý, khai thác hoạt động bền vững | ≥40% | Đạt | Đạt | 100% | Đạt | 100% | Đạt | Đạt | 100% | 90% | 100% | 10/10 |
| | | 18.4. Tỷ lệ chủ thể hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm hàng năm được tập huấn về an toàn thực phẩm | 100% | 100% | 100% | 100% | 100% | 100% | 100% | 100% | 100% | 100% | 100% | 10/10 |
| | | 18.5. Không để xảy ra sự cố về an toàn thực phẩm trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý của xã | Không | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | 10/10 |
| | | 18.6. Tỷ lệ cơ sở sơ chế, chế biến thực phẩm nông lâm thủy sản được chứng nhận về an toàn thực phẩm | 100% | 100% | 100% | 100% | 100% | 100% | 100% | 100% | 100% | 100% | 100% | 10/10 |
| | | 18.7. Tỷ lệ hộ có nhà tắm, thiết bị chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh, nhà tiêu an toàn và đảm bảo 3 sạch | 100% | 100% | 100% | 100% | 100% | 100% | 100% | 100% | 100% | 100% | 100% | 10/10 |

| Số tt | Tên tiêu chí | Nội dung tiêu chí | Yêu cầu đạt chuẩn NTM nâng cao (TP. HCM) | Kết quả thực hiện của 10 xã nông thôn mới | | | | | | | | | | Kết quả chung của các xã NTM nâng cao (số xã đạt) |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Bà Điểm | Đông Thạnh | Thới Tam Thôn | Xuân Thới Thượng | Xuân Thới Đông | Xuân Thới Sơn | Nhị Bình | Tân Xuân | Tân Hiệp | Tân Thới Nhì | |
| | | | | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | |
| | | 18.8. Tỷ lệ bãi chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn đảm bảo vệ sinh môi trường | 100% | 100% | 100% | 100% | 100% | 100% | 100% | 100% | 100% | 100% | 100% | 10/10 |
| 19 | Quốc phòng và An ninh | 19.1. Nâng cao chất lượng hoạt động của Ban Chỉ huy quân sự xã và lực lượng dân quân; hoàn thành các chỉ tiêu quân sự, quốc phòng | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | 10/10 |
| | | 19.2. Không có hoạt động xâm phạm an ninh quốc gia; không có khiếu kiện đông người kéo dài trái pháp luật; không có công dân cư trú trên địa bàn phạm tội nghiêm trọng trở lên hoặc gây tai nạn (giao thông, cháy, nổ) nghiêm trọng trở lên; có mô hình camera an ninh và các mô hình (phòng, chống tội phạm, tệ nạn xã hội; bảo đảm trật tự, an toàn giao thông; phòng cháy, chữa cháy) gắn với phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc hoạt động thường xuyên, hiệu quả | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | 10/10 |
| **TỔNG CỘNG** | | | **91** | **91** | **91** | **91** | **91** | **91** | **91** | **91** | **91** | **91** | **91** | **10/10** |

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN HÓC MÔN

**Phụ lục 2.2**

# BẢNG ĐÁNH GIÁ CHUNG CÁC TIÊU CHÍ XÃ NÔNG THÔN MỚI NÂNG CAO ĐẾN NĂM 2024 CỦA HUYỆN HÓC MÔN, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

| Số tt | Tên tiêu chí | Nội dung tiêu chí | Yêu cầu đạt chuẩn NTM nâng cao (TP.HCM) | Kết quả thực hiện của 10 xã nông thôn mới | Kết quả tự đánh giá các xã NTM nâng cao (số xã đạt) | Văn bản đánh giá của Phòng, ban thuộc huyện |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Quy hoạch | 1.1. Có quy hoạch chung xây dựng xã còn thời hạn hoặc đã được rà soát, điều chỉnh theo quy định của pháp luật về quy hoạch (trong đó có quy hoạch khu chức năng dịch vụ hỗ trợ hoặc thúc đẩy, dẫn dắt phát triển kinh tế nông thôn) | Đạt | 10/10 xã đã có quy hoạch chung xây dựng nông thôn mới xã được phê duyệt năm 2014, đến nay đã đến hạn rà soát và được Ủy ban nhân dân các xã báo cáo kết quả rà soát, thống kê các chức năng quy hoạch khác so với quy hoạch cấp trên và cung cấp đủ hồ sơ kèm theo đảm bảo theo hướng dẫn của Sở Quy hoạch – Kiến trúc. | 10/10 | - Công văn số 2692/QLĐT ngày 12/8/2024, Công văn số 2719/QLĐT ngày 13/8/2024, CV số 2692/QLĐT ngày 12/8/2024, Công văn số 2714/QLĐT ngày 13/8/2024 và Công văn số 2678/QLĐT ngày 09/8/2024 của Phòng Quản lý đô thị huyện |
| | | 1.2. Có quy chế quản lý và tổ chức thực hiện quy hoạch xây dựng và quản lý xây dựng theo quy hoạch | Đạt | 10/10 xã đã có quy định quản lý theo quy hoạch chung xây dựng nông thôn mới xã được Ủy ban nhân dân huyện phê duyệt, trong đó quy định về quản lý quy hoạch không gian kiến trúc cảnh quan nông thôn mới và cung cấp đủ hồ sơ kèm theo. | 10/10 | |
| | | 1.3. Có quy hoạch chi tiết xây dựng trung tâm xã hoặc quy hoạch chi tiết xây dựng điểm dân cư mới phù hợp với tình hình kinh tế - xã hội của địa phương và phù hợp với định hướng đô thị hóa theo quy hoạch cấp trên | Đạt | Hiện nay, trên địa bàn huyện có 36 đồ án quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2.000, phủ kín khu vực đô thị có diện tích 6.216ha; 08 đồ án quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/2000 điểm dân cư nông thôn, có diện tích 2.977,35ha; 10 đồ án quy hoạch xây dựng xã nông thôn mới tỷ lệ 1/5000 | 10/10 | |
| 2 | Giao thông | 2.1. Tỷ lệ đường xã được bảo trì hàng năm, đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp và có các hạng mục cần thiết (biển báo, biển chỉ dẫn, chiếu sáng, gờ giảm tốc, cây xanh…) theo quy định | 100% | 76/76 tuyến đường xã được bảo trì hàng năm, đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp và có các hạng mục cần thiết (biển báo, biển chỉ dẫn, chiếu sáng, cây xanh…) | 10/10 | - Công văn số 2377/QLĐT ngày 17/7/2024 , Công văn số 2384/QLĐT ngày 18/7/2024, Công văn số 2333/QLĐT ngày 16/7/2024, Công văn số 2330/QLĐT ngày 16/7/2024, Công văn số 2328/QLĐT ngày 16/7/2024, Công văn số 2334/QLĐT ngày 16/7/2024, CV số 2378/QLĐT ngày 17/7/2024, Công văn số 2332/QLĐT ngày 16/7/2024, Công văn số 2329/QLĐT ngày 16/7/2024 và Công văn số 2331/QLĐT ngày 16/7/2024 của Phòng Quản lý đô thị huyện . |
| | | 2.2. Tỷ lệ đường ấp và đường liên ấp: Được nhựa hóa hoặc bê tông hóa và bảo trì hàng năm, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện | 100% | 300/300 tuyến đường ấp và đường liên ấp được nhựa hóa hoặc bê tông hóa và bảo trì hàng năm, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện | 10/10 | |
| | | 2.2. Tỷ lệ đường ấp và đường liên ấp: Có các hạng mục cần thiết theo quy định (biển báo, biển chỉ dẫn, chiếu sáng, cây xanh…) và đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp | 100% | 300/300 tuyến đường ấp và đường liên ấp có các hạng mục cần thiết theo quy định (biển báo, biển chỉ dẫn, chiếu sáng, cây xanh…) và đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp | 10/10 | |
| | | 2.3. Tỷ lệ đường hẻm, tổ được nhựa hóa hoặc bê tông hóa, đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp, đảm bảo đi lại thuận tiện quanh năm | 100% | 2.248 tuyến đường hẻm, tổ được nhựa hóa hoặc bê tông hóa, đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp, đảm bảo đi lại thuận tiện quanh năm | 10/10 | |
| | | 2.4. Tỷ lệ đường trục chính nội đồng được cứng hóa đáp ứng yêu cầu sản xuất và vận chuyển hàng hóa thuận tiện quanh năm | 100% | 64/64 tuyến đường trục chính nội đồng được cứng hóa đáp ứng yêu cầu sản xuất và vận chuyển hàng hóa thuận tiện quanh năm | 10/10 | |

| Số tt | Tên tiêu chí | Nội dung tiêu chí | Yêu cầu đạt chuẩn NTM nâng cao (TP.HCM) | Kết quả thực hiện của 10 xã nông thôn mới | Kết quả tự đánh giá các xã NTM nâng cao (số xã đạt) | Văn bản đánh giá của Phòng, ban thuộc huyện |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 3 | Thuỷ lợi và phòng, chống thiên tai | 3.1. Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động | ≥90% | 10/10 xã đạt từ 92,75% đến 100% diện tích sản xuất nông nghiệp được tưới tiêu chủ động | 10/10 | - Công văn 813/KT ngày 07/8/2024, Công văn số 720/KT ngày 18/7/2024, CV số 740/KT ngày 25/7/2024 , 719/KT ngày 18/7/2024, CV số 796/KT ngày 02/8/2024, Theo Công văn số 738/KT ngày 25/7/2024, CV số 750/KT ngày 26/7/2024, Công văn số 717/KT ngày 18/7/2024, Công văn số 739/KT ngày 25/7/2024 và Công văn số 718/KT ngày 18/7/2024 của Phòng Kinh tế huyện. |
| | | 3.2. Tổ chức thủy lợi cơ sở (nếu có) hoạt động hiệu quả | ≥1 | Trên địa bàn huyện có 7/10 xã có công trình thuỷ lợi (trong đó, 05/10 xã hợp đồng với Công ty TNHH Một thành viên Quản lý Khai thác Dịch vụ Thủy lợi; 02/10 xã thành lập Tổ thủy lợi cộng đồng, hoạt động điều tiết công phục vụ tưới tiêu); 03/10 xã không có công trình thủy lợi | 10/10 | |
| | | 3.3. Tỷ lệ diện tích cây trồng chủ lực của địa phương được tưới tiên tiến, tiết kiệm nước | 100% | 10/10 xã đã thống kê được diện tích cây trồng mang lại hiệu quả kinh tế cao của địa phương là rau muống nước, rau ăn lá, hoa lan, cây kiểng. Phương pháp tưới là dùng nước mặt từ công trình thủy lợi (rau muống nước), dùng phương pháp tưới từ nước ngầm (rau ăn lá, hoa lan, cây kiểng) hoặc trồng bằng phương pháp thủy canh (rau ăn lá) | 10/10 | |
| | | 3.4. Tỷ lệ công trình thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng được bảo trì hàng năm | 100% | Hiện tại trên địa bàn huyện không có vùng sản xuất nông nghiệp để triển khai công trình thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng áp dụng thiết kế mẫu, thiết kế điển hình theo Đề án "Phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng, thiết kế mẫu, thiết kế điển hình công trình thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng trên địa bàn Thành phố" được Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt theo Quyết định số 2253/QĐ-UBND ngày 21 tháng 6 năm 2024. Tuy nhiên, đối với các công trình hiện có trên địa bàn các xã, trong giai đoạn 2021 - 2025 đều được quan tân duy tu, bảo dưỡng, nâng cấp. | 10/10 | |
| | | 3.5. Thực hiện kiểm kê, kiểm soát các nguồn nước thải xả vào công trình thủy lợi | Đạt | 07/10 xã có công trình thủy lợi thường xuyên phối hợp với Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện trong thực hiện kiểm tra, kiểm soát nguồn xả thải của các doanh nghiệp, hộ gia đình có sản xuất và xả thải vào công trình thủy lợi, Công tác báo cáo, phối hợp xử lý khi có vi phạm được thực hiện chặt chẽ. | 10/10 | |
| | | 3.6. Đảm bảo yêu cầu chủ động về phòng chống thiên tai theo phương châm 4 tại chỗ | Khá | 10/10 xã có lập Kế hoạch phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn giai đoạn 2021 – 2025, kế hoạch từng năm 2021, 2022, 2023, 2024. Trong đó có phân công nhiệm vụ từng thành viên, và huy động vật tư, nhân lực khi có thiên tai, sự cố xảy ra. Kiện toàn kịp thời Ban chỉ đạo phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn của địa phương khi có thay đổi nhân sự.<br>Thành lập Đội xung kích để chủ động về phòng chống thiên tai theo phương châm 4 tại chỗ, thực hiện cứu nạn khi có thiên tai, sự cố xảy ra | 10/10 | |
| 4 | Điện | 4.1. Hệ thống điện đạt chuẩn | Đạt | Hệ thống điện trên địa bàn huyện bao gồm: Các trạm biến áp phân phối, các tuyến đường dây trung áp, đường dây hạ áp, công tơ đo đếm điện năng phục vụ nhu cầu sử dụng điện, phát triển kinh tế, xã hội đảm bảo yêu cầu kỹ thuật của ngành điện, đáp ứng đầy đủ các yêu cầu kỹ thuật nêu trong Quy định kỹ thuật điện nông thôn và các văn bản pháp lý như Luật Điện lực | 10/10 | - Công văn 714/KT ngày 18/7/2024, Công văn số 702/KT ngày 16/7/2024, CV số 701/KT ngày 16/7/2024, 528/KT ngày 10/6/2024, CV số 705/KT ngày 17/7/2024, Công văn số 706/KT |

| Số tt | Tên tiêu chí | Nội dung tiêu chí | Yêu cầu đạt chuẩn NTM nâng cao (TP.HCM) | Kết quả thực hiện của 10 xã nông thôn mới | Kết quả tự đánh giá các xã NTM nâng cao (số xã đạt) | Văn bản đánh giá của Phòng, ban thuộc huyện |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | 4.2. Tỷ lệ hộ có đăng ký trực tiếp và được sử dụng điện sinh hoạt, sản xuất đảm bảo an toàn, tin cậy và ổn định | 100% | Trên địa bàn 11 xã và 01 Thị trấn có 182.402/182.402 hộ, tất cả hộ dân trên địa bàn huyện được Điện lực Hóc Môn ký hợp đồng cung cấp điện để sử dụng thường xuyên phục vụ sinh hoạt, cũng như sản xuất kinh doanh, hệ thống điện đảm bảo quy chuẩn kỹ thuật, an toàn. | 10/10 | ngày 17/7/2024, CV số 708/KT ngày 18/7/2024, Công văn số 592/KT ngày 19/6/2024, Công văn số 608/KT ngày 21/6/2024 và Công văn số 637/KT ngày 27/6/2024 của Phòng Kinh tế huyện |
| 5 | Giáo dục | 5.1. Tỷ lệ trường học các cấp (mầm non, tiểu học, THCS, hoặc trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là THCS) đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 1 và có ít nhất 01 trường đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 2 | 100% | Thông qua kết quả kiểm định chất lượng của tất cả các trường học mầm non, tiểu học, trung học cơ sở của 10/10 xã nông thôn mới đều đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 1 và có ít nhất có 01 trường đạt chuẩn cơ sở vật chất mức độ 2 | 10/10 | - Công văn số 1981/GDĐT ngày 07/8/2024, Công văn số 1985/GDĐT ngày 07/8/2024, CV số 1979/GDĐT ngày 07/8/2024, Công văn số 1984/GDĐT ngày 07/8/2024, CV số 2001/GDĐT ngày 08/8/2024, Theo Công văn số 1999/GDĐT ngày 08/8/2024, CV số 2000/GDĐT ngày 08/8/2024, Công văn số 1983/GDĐT ngày 07/8/2024, Công văn số 1982/GDĐT ngày 7/8/2024 và Công văn số 1980/GDĐT ngày 27/6/2024 của Phòng Giáo dục và Đào tạo. |
| | | 5.2. Duy trì và nâng cao chất lượng đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi | Đạt | Căn cứ kết quả kiểm tra năm 2023 của Phòng Giáo dục và Đào tạo, Ủy ban nhân dân huyện ban hành Quyết định số 9041/QĐ-UBND-GDĐT ngày 19/12/2023 công nhận 12 xã –thị trấn đạt chuẩn phổ cập giáo dục, xóa mù chữ. Như vậy đã duy trì và nâng cao chất lượng đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi năm 2023 của 10 xã xây dựng nông thôn mới nâng cao. | 10/10 | |
| | | 5.3. Đạt chuẩn và duy trì đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học và trung học cơ sở | Mức độ 3 | Căn cứ kết quả kiểm tra năm 2023 của Phòng Giáo dục và Đào tạo, Ủy ban nhân dân huyện ban hành Quyết định số 9041/QĐ-UBND-GDĐT ngày 19/12/2023 công nhận 12 xã –thị trấn đạt chuẩn phổ cập giáo dục, xóa mù chữ. Như vậy đã đạt chuẩn và duy trì đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học và THCS mức độ 3 của 10 xã xây dựng nông thôn mới nâng cao | 10/10 | |
| | | 5.4. Đạt chuẩn xóa mù chữ | Mức độ 2 | Căn cứ kết quả kiểm tra năm 2023 của Phòng Giáo dục và Đào tạo, Ủy ban nhân dân huyện ban hành Quyết định số 9041/QĐ-UBND-GDĐT ngày 19/12/2023 công nhận 12 xã –thị trấn đạt chuẩn phổ cập giáo dục, xóa mù chữ. Như vậy đã đạt chuẩn và duy trì đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 2 của 10 xã xây dựng nông thôn mới nâng cao | 10/10 | |
| | | 5.5. Tỷ lệ học sinh (áp dụng đạt cho cả nam và nữ) tốt nghiệp trung học cơ sở được tiếp tục học trung học (phổ thông, giáo dục thường xuyên, trung cấp) | ≥90% | Căn cứ kết quả tốt nghiệp trung học cơ sở và phân luồng sau tốt nghiệp của các trường Trung học cơ sở trên địa bàn 10 xã xây dựng nông thôn mới nâng cao năm học 2023 – 2024, Phòng Giáo dục và Đào tạo xác nhận 10/10 xã đạt tỉ lệ trên 90%được tiếp tục học trung học | 10/10 | |
| | | 5.6. Cộng đồng học tập cấp xã được đánh giá, xếp loại | Khá trở lên | Căn cứ kết quả kiểm tra năm 2023 của Phòng Giáo dục và Đào tạo, Ủy ban nhân dân huyện ban hành Quyết định số 9071/UBND-GDĐT ngày 22 tháng 12 năm 2023 về việc xếp loại "Cộng đồng học tập" cấp xã trên địa bàn huyện Hóc Môn năm 2023, tất cả 12/12 xã – thị trấn đều đạt loại Tốt.<br>Như vậy 10 xã xây dựng nông thôn mới nâng cao năm 2023 đều được xếp loại Tốt | 10/10 | |
| | | 5.7. Có mô hình giáo dục thể chất cho học sinh rèn luyện thể lực, kỹ năng, sức bền | Đạt | Qua kiểm tra thẩm định hồ sơ các xã nông thôn mới nâng cao, tất cả các trường công lập địa bàn 10 xã nông thôn mới đều đảm bảo yêu cầu | 10/10 | |

| Số tt | Tên tiêu chí | Nội dung tiêu chí | Yêu cầu đạt chuẩn NTM nâng cao (TP.HCM) | Kết quả thực hiện của 10 xã nông thôn mới | Kết quả tự đánh giá các xã NTM nâng cao (số xã đạt) | Văn bản đánh giá của Phòng, ban thuộc huyện |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 6 | Văn hoá | 6.1. Xã có nhà văn hóa hoặc hội trường đa năng và sân thể thao phục vụ sinh hoạt văn hóa, thể thao của toàn xã | Đạt | Hiện nay, trên địa bàn huyện có 06 thiết chế văn hóa gồm 03 cụm và 03 Trung tâm phục vụ nhu cầu sinh hoạt văn hóa, thể thao của Nhân dân của 10/10 xã nông thôn mới nâng cao. | 10/10 | - Công Văn số 758/VHTT ngày 23/7/2024, Công văn số 761/VHTT ngày 23/7/2024, CV số 756/VHTT ngày 23/7/2024,Công văn số 755/VHTT ngày 23/7/2024, CV số 759/VHTT ngày 23/7/2024, Theo Công văn số 760/VHTT ngày 23/7/2024, CV số 763/VHTT ngày 23/7/2024 của, Công văn số 762/VHTT ngày 23/7/2024, Công văn 757/VHTT ngày 23/7/2024 và Công văn số 754/VHTT ngày 23/7/2024 của Phòng Văn hóa và Thông tin huyện |
| | | 6.2. Có lắp đặt các dụng cụ thể dục thể thao ngoài trời ở điểm công cộng; có điểm vui chơi, giải trí và thể thao cho trẻ em và người cao tuổi theo quy định; các loại hình hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao được tổ chức hoạt động thường xuyên | Đạt | Hiện nay , trên địa bàn huyện đã lắp đặt dụng cụ tập thể dục ngoài trời tại 42/49 điểm công cộng (86%) trên địa bàn 10 xã nông thôn mới phục vụ cho người dân; các xã khai thác tốt các cơ sở vật chất văn hóa - thể thao trên địa bàn để phục vụ nhu cầu vui chơi , giải trí và thể thao cho trẻ em và người cao tuổi. Ban Nhân dân 72/72 ấp phát huy tốt việc sử dụng phương thức xã hội hóa để đầu tư mua sắm và đưa vào sử dụng có hiệu quả các trang thiết bị văn hóa, dụng cụ thể dục thể thao | 10/10 | |
| | | 6.3. Di sản văn hóa được kiểm kê, ghi danh, bảo vệ, tu bổ, tôn tạo và phát huy giá trị đúng quy định | Đạt | Huyện Hóc Môn có 09 di tích được công nhận, trong đó có 02 di tích cấp quốc gia, 07 di tích cấp thành phố. Các di tích luôn được Huyện ủy, Ủy ban nhân dân huyện quan tâm lãnh chỉ đạo trong công tác bảo vệ, tu bổ, tôn tạo và phát huy giá trị di tích: thực hiện tu bổ, tôn tạo đối với 07 di tích với tổng số tiền 5.695.000.000đ . Di sản văn hóa được quan tâm bảo vệ, gìn giữ và phát huy giá trị, góp phần bảo tồn các giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp. | 10/10 | |
| | | 6.4. Tỷ lệ ấp đạt tiêu chuẩn văn hóa theo quy định và đạt chuẩn nông thôn mới | ≥80% | Uỷ ban nhân dân huyện Hóc Môn ban hành Quyết định số 88/QĐ-UBND ngày 05/01/2024 về việc công nhận Ấp - Khu phố đạt chuẩn văn hóa (11 xã và thị trấn, đạt tỉ lệ 100%); Quyết định số 87/QĐ-UBND ngày 05/01/2024 về việc công nhận xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới (xã Tân Xuân và xã Tân Hiệp) và Quyết định số 04/QĐ-UBND ngày 08/01/2024 về việc ghi nhận xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới (tám xã gồm: Bà Điểm, Đông Thạnh, Nhị Bình, Tân Thới Nhì, Thới Tam Thôn, Xuân Thới Đông, Xuân Thới Sơn và Xuân Thới Thượng). | 10/10 | |
| 7 | Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn | Có mô hình chợ thí điểm bảo đảm an toàn thực phẩm, hoặc chợ đáp ứng yêu cầu chung theo tiêu chuẩn chợ kinh doanh thực phẩm | Đạt | Đến nay, theo quy hoạch trên địa bàn có 01 chợ Đầu mối Nông sản thực phẩm Hóc Môn, 09 chợ hoạt động ổn định, trong đó có 08/08 chợ tại 06 xã xây dựng nông thôn mới nâng cao, 04 xã còn lại đã phát triển hệ thống cửa hàng tiện lợi như Bách hóa xanh, cửa hàng bách hóa,...<br>Ngoài ra, trên địa bàn huyện có: 02 Siêu thị Co.op mart, 69 cửa hàng tiện lợi, 14 cửa hàng điện máy, 06 Thế giới di động, 02 cửa hàng FPT và 954 tiệm tạp hóa, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm và nhu cầu tiêu dùng, mua sắm của người dân; 10/10 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao về cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn. | 10/10 | - Công văn số 663/KT ngày 08/7/2024, Báo cáo số 628/BC-KT ngày 26/6/2024, BC số 628/BC-KT ngày 26/6/2024, 628/BC-KT ngày 26/6/2024, CV số 628/KT ngày 26/6/2024, Theo Báo cáo số 628/BC-KT ngày 26/6/2024, Công văn số 663/KT ngày 08/7/2024 và CV số 628/BC-KT ngày 26/6/2024 của Phòng Kinh tế huyện |
| | | 8.1. Có điểm phục vụ bưu chính đáp ứng cung cấp dịch vụ công trực tuyến cho người dân | Đạt | Trung tâm huyện có Bưu điện Hóc Môn và 15 đại lý bưu điện trên địa bàn huyện. Đại lý bưu điện có treo biển tên điểm phục vụ, trang thiết bị đầy đủ, phù hợp việc cung ứng nhu cầu sử dụng dịch vụ bưu chính của nhân dân trên địa bàn. Ngoài ra, còn có các đại lý, cửa hàng của các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông (Viettel, FPT, VNPT), và các điểm trung chuyển hàng hóa, bưu phẩm đi các tỉnh thành, cả nước. | 10/10 | |

| Số tt | Tên tiêu chí | Nội dung tiêu chí | Yêu cầu đạt chuẩn NTM nâng cao (TP.HCM) | Kết quả thực hiện của 10 xã nông thôn mới | Kết quả tự đánh giá các xã NTM nâng cao (số xã đạt) | Văn bản đánh giá của Phòng, ban thuộc huyện |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 8 | Thông tin và Truyền thông | 8.2. Có đài truyền thanh ứng dụng công nghệ thông tin - viễn thông và hệ thống loa đến các ấp | Đạt | Đến nay, có 06/10 xã nông thôn mới được bố trí vốn thiết lập đầu tư Đài truyền thanh ứng dụng công nghệ thông tin - viễn thông đang triển khai thực hiện, dự kiến hoàn thành trong năm 2024; còn lại 04/10 xã nông thôn mới đang thiết lập phương án chuyển đổi sang Đài truyền thanh ứng dụng công nghệ thông tin - viễn thông, kế hoạch thực hiện từ nay và hoàn thành trong năm 2025; Dự án di dời và đầu tư Đài truyền thanh huyện ứng dụng công nghệ thông tin - viễn thông đã được phê duyệt, bố trí vốn dự kiến thực hiện cuối năm 2024 nhằm đảm bảo phục vụ công tác thông tin tuyên truyền. 10/10 xã nông thôn mới cơ bản đạt chỉ tiêu 8.2 | 10/10 | - Công văn 772/VHTT ngày 23/7/2024, Công văn số 774/VHTT ngày 23/7/2024, CV số 773/VHTT ngày 23/7/2024, 770/VHTT ngày 23/7/2024, CV số 769/VHTT ngày 23/7/2024, Công văn số 766/VHTT ngày 23/7/2024, CV số 771/VHTT ngày 23/7/2024, Công văn số 765/VHTT ngày 23/7/2024, Công văn số 767/VHTT ngày 23/7/2024 và Công văn số 768/VHTT ngày 23/7/2024 của Phòng Văn hóa và Thông tin huyện |
| | | 8.3. Tỷ lệ thuê bao sử dụng điện thoại thông minh | ≥90% | Qua điều tra cung lao động năm 2023 và dữ liệu dân cư: toàn huyện có 405.308/441.304 dân số trong độ tuổi lao động có sử dụng điện thoại thông minh, đạt 91,84%. 10/10 xã nông thôn mới đạt chỉ tiêu | 10/10 | |
| | | 8.4. Có dịch vụ báo chí truyền thông | Đạt | Huyện có 01 trang website Cổng Thông tin điện tử huyện, 01 Trang Vườn Trầu; 12 Trang thông tin điện tử các phòng, ban huyện và 12 Trang thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân xã - thị trấn; các đoàn thể huyện, xã - thị trấn có các trang fanpape để tuyên truyền các hoạt động và quy định những chính sách xã hội đến cộng đồng, các khu phố - ấp còn có trang Zalo cung cấp các thông tin cho người dân trên địa bàn, phục vụ công tác quản lý điều hành của cấp xã. 10/10 xã nông thôn mới đạt chỉ tiêu. | 10/10 | |
| | | 8.5. Có ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành phục vụ đời sống kinh tế - xã hội | Đạt | Huyện Hóc Môn có ứng dụng phần mềm Văn phòng điện tử, Hóc Môn trực tuyến, hệ thống thư điện tử Thành phố trong quản lý điều hành; thực hiện giải quyết TTHC trên Hệ thống quản lý văn bản và điều hành liên thông 04 cấp, liên thông hệ thống một cửa điện tử; Hệ thống giải quyết khiếu nại tố cáo chung của Thành phố, Cổng thông tin 1022, Hệ thống đối thoại giữa doanh nghiệp - chính quyền, Hệ thống quản trị thực thi Thành phố...; huyện có triển khai lấy ý kiến sự hài lòng của người dân theo quy định. UBND các xã - thị trấn đều có ứng dụng các phần mềm quản lý trên, sử dụng Cổng thông tin dịch vụ hành chính công để giải quyết hồ sơ phục vụ nhân dân theo cấp độ 3, 4. 10/10 xã nông thôn mới đạt chỉ tiêu. | 10/10 | |
| | | 8.6. Có mạng wifi miễn phí ở các điểm công cộng (khu vực trung tâm xã, nơi sinh hoạt cộng đồng, điểm du lịch cộng đồng,...) | Đạt | Huyện có bố trí hệ thống mạng wifi tại khuôn viên trụ sở HU-HĐND-UBND huyện, tại UBND xã - thị trấn, Ban nhân dân các ấp - nơi sinh hoạt cộng đồng tại các ấp, Trạm Y tế xã: phục vụ và cung cấp dịch vụ công trực tuyến, tra cứu văn bản miễn phí. 10/10 xã nông thôn mới đạt chỉ tiêu. | 10/10 | |
| 9 | Nhà ở dân cư | 9.1. Không còn nhà tạm, dột nát | Không | Đến nay, 10/10 xã có 88.734/88.734 căn nhà ở (đạt 100%) đạt chuẩn theo quy định của Bộ Xây dựng. Hiện nay, trên địa bàn huyện không còn nhà tạm, nhà dột nát. Diện tích nhà ở bình quân là 19,897 m2/người | 10/10 | - Công văn số 2338/QLĐT ngày 16/7/2024, Công văn số 2322/QLĐT ngày 16/7/2024, CV số 2275/QLĐT ngày 12/7/2024, 2287/QLĐT ngày 12/7/2024, CV số 2321/QLĐT ngày 16/7/2024, Công văn số |

| Số tt | Tên tiêu chí | Nội dung tiêu chí | | Yêu cầu đạt chuẩn NTM nâng cao (TP.HCM) | Kết quả thực hiện của 10 xã nông thôn mới | Kết quả tự đánh giá các xã NTM nâng cao (số xã đạt) | Văn bản đánh giá của Phòng, ban thuộc huyện |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | 9.2. Tỷ lệ hộ có nhà ở kiên cố hoặc bán kiên cố | | 100% | Đến nay, 10/10 xã có 88.734/88.734 căn nhà ở (đạt 100%) đạt chuẩn theo quy định của Bộ Xây dựng. Hiện nay, trên địa bàn huyện không còn nhà tạm, nhà dột nát. Diện tích nhà ở bình quân là 19,897 m2/người | 10/10 | 2323/QLĐT ngày 16/7/2024, CV số 2286/QLĐT ngày 12/7/2024, Công văn số 2320/QLĐT ngày 16/7/2024, Công văn số 2309/QLĐT ngày 15/7/2024 và Công văn số 2276/QLĐT ngày 12/7/2024 của Phòng Quản lý đô thị huyện |
| 10 | Thu nhập | Thu nhập bình quân đầu người *(triệu đồng/ người)* | Năm 2021 | ≥72 | 10/10 xã đạt tiêu chí thu nhập theo Công văn thẩm định số 379/CTK-NTM ngày 13 tháng 8 năm 2024 của Cục Thống kê Thành phố Hồ Chí Minh (thu nhập bình quân đầu người toàn huyện: 88,4 triệu đồng/người/năm; khu vực nông thôn: 89,05 triệu đồng/người/năm; khu vực thành thị - thị trấn Hóc Môn: 87,46 triệu đồng/người/năm) | 10/10 | - Công văn số 379/CTK-NTM ngày 13/8/2024 của Cục Thống kê Thành phố |
| | | | Năm 2022 | ≥76 | | | |
| | | | Năm 2023 | ≥80 | | | |
| | | | Năm 2024 | ≥84 | | | |
| | | | Năm 2025 | ≥88 | | | |
| 11 | Nghèo đa chiều | Tỷ lệ nghèo đa chiều giai đoạn 2021 - 2025 (tỷ lệ hộ nghèo, hộ cận nghèo có chỉ số thiếu hụt về thu nhập thuộc tiêu chí thu nhập chuẩn nghèo Quốc gia giai đoạn 2021 - 2025) | | <0,3% | Đến nay, hộ nghèo, hộ cận nghèo toàn huyện kéo giảm xuống còn 942 hộ nghèo với 3.192 nhân khẩu (0,62%) và 585 hộ cận nghèo với 2.147 nhân khẩu (0,38%); toàn huyện không có hộ nghèo, hộ cận nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều quốc gia | 10/10 | - Công văn số 2167/LĐTBXH ngày 30/7/2024, Công văn số 2172/LĐTBXH ngày 30/7/2024, CV số 2032/LĐTBXH ngày 16/7/2024, CV số 2166/LĐTBXH ngày 30/7/2024, CV số 2168/LĐTBXH ngày 30/7/2024, Công văn số 2032/LĐTBXH ngày 16/7/2024, Công văn số 2171/LĐTBXH ngày 30/7/2024, CV số 2032/LĐTBXH ngày 16/7/2024, Công văn số 2169/LĐTBXH ngày 30/7/2024, Công văn số 2011/LĐTBXH ngày 15/7/2024 và Công văn số 2170/LĐTBXH ngày 30/7/2024 của phòng Lao động - Thương binh và Xã hội huyện. |
| 12 | Lao động | 12.1. Tỷ lệ lao động qua đào tạo (áp dụng đạt cho cả nam và nữ) | | ≥85% | Lực lượng lao động đang làm việc là 119.493 người, trong đó, có 106.422 người đã qua đào tạo, đạt tỷ lệ 89,1% | 10/10 | Công văn số 2030/LĐTBXH ngày 15/7/2024, Công văn số 2021/LĐTBXH ngày 15/7/2024, CV số 2024/LĐTBXH ngày 15/7/2024, CV số 2022/LĐTBXH ngày 15/7/2024, CV số 2032/LĐTBXH ngày 16/7/2024 của Phòng Lao động thương binh và xã hội huyện |
| | | 12.2. Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ (áp dụng đạt cho cả nam và nữ) | | ≥35 % | Lực lượng lao động đang làm việc là 119.493 người, trong đó, có 56.886 người đã qua đào tạo có bằng cấp chứng chỉ, đạt tỷ lệ 47,6% | 10/10 | |

| Số tt | Tên tiêu chí | Nội dung tiêu chí | Yêu cầu đạt chuẩn NTM nâng cao (TP.HCM) | Kết quả thực hiện của 10 xã nông thôn mới | Kết quả tự đánh giá các xã NTM nâng cao (số xã đạt) | Văn bản đánh giá của Phòng, ban thuộc huyện |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 13 | Tổ chức sản xuất và phát triển kinh tế nông thôn | 13.1 Xã có Hợp tác xã hoạt động hiệu quả và theo đúng quy định của Luật Hợp tác xã, hoặc xã có tổ hợp tác hoạt động hiệu quả, theo đúng quy định của pháp luật và có hợp đồng hợp tác, tiêu thụ sản phẩm chủ lực của địa phương, có hợp đồng liên kết theo chuỗi giá trị ổn định; xã có mô hình liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm chủ lực đảm bảo bền vững | Đạt | Trên địa bàn huyện có 33 hợp tác xã; 06 chi nhánh, 01 văn phòng đại diện và 01 địa điểm đăng ký hoạt động; trong đó có 22 hợp tác xã, 03 chi nhánh, 01 văn phòng đại diện và 01 địa điểm còn hoạt động trên địa bàn 10/10 xã ; đảm bảo đúng Luật hợp tác xã năm 2012, hoạt động có hiệu quả trong 03 năm liên tiếp (02 năm đối với hợp tác xã mới thành lập)<br>Ngoài ra, Uỷ ban nhân dân các xã phối hợp chặt chẽ với Hội Nông dân xã vận động thành lập 82 tổ hợp tác với 1.049 thành viên (tăng 398 thành viên so với cùng kỳ năm 2023) | 10/10 | Công văn 721/KT ngày 18/7/2024, Công văn số 726/KT ngày 22/7/2024, CV số 696/KT ngày 15/7/2024, 688/KT ngày 12/7/2024, CV số 692/KT ngày 15/7/2024, Công văn số 730/KT ngày 23/7/2024, CV số 689/KT ngày 12/7/2024, Công văn số 681/KT ngày 10/7/2024, Công văn số 628/KT ngày 11/7/2024 và Công văn số 741/KT ngày 25/7/2024 của phòng Kinh tế huyện. |
| | | 13.2. Có sản phẩm OCOP được xếp hạng đạt chuẩn hoặc tương đương còn thời hạn | ≥1 | Đến nay, trên địa bàn huyện Hóc Môn có tổng cộng 32 sản phẩm của 15 chủ thể thuộc 10/10 xã nông thôn mới trên địa bàn huyện, đã được công nhận đạt chuẩn OCOP, xếp hạng đạt chuẩn từ 3 sao trở lên (10 sản phẩm đạt chuẩn 4 sao, 22 sản phẩm đạt chuẩn 3 sao), còn thời hạn | 10/10 | |
| | | 13.3. Có mô hình kinh tế ứng dụng công nghệ cao, hoặc mô hình quản lý sức khoẻ cây trồng tổng hợp (IPHM), hoặc mô hình nông nghiệp áp dụng cơ giới hóa các khâu, hoặc mô hình liên kết theo chuỗi giá trị gắn với đảm bảo an toàn thực phẩm | ≥1 | Đến nay, 10/10 xã nông thôn mới nâng cao đều có mô hình nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, trồng trong nhà màng, nhà kính | 10/10 | |
| | | 13.4. Ứng dụng công nghệ số để thực hiện truy xuất nguồn gốc các sản phẩm chủ lực của xã | Đạt | Huyện không có sản phẩm chủ lực; việc truy xuất nguồn gốc sản phẩm (bao gồm sản phẩm OCOP) được thực hiện trong quá trình thực hiện chứng nhận VietGAP, giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm, giấy chứng nhận ISO, HACCP nhằm đảm bảo tiêu chuẩn chất lượng của sản phẩm | 10/10 | |
| | | 13.5. Tỷ lệ sản phẩm chủ lực của xã được bán qua kênh thương mại điện tử | ≥10% | Sản xuất nông nghiệp trên địa bàn huyện chưa tập trung một vùng nhất định, sản xuất còn manh mún, xen cài trong dân cư. Hiện nay, trồng trọt và chăn nuôi trên địa bàn huyện chủ yếu trồng rau, chăn nuôi với quy mô nhỏ lẻ, hộ gia đình, phân bố rải rác không tập trung, do đó, huyện không có sản phẩm chủ lực; tập trung triển khai xây dựng và hỗ trợ các sản phẩm OCOP tham gia sàn thương mại điện tử thông qua các kênh thương mại điện tử như: website, Tiktok, facebook, Zalo, Shopee,... với tỷ lệ đạt 100% (33/33) | 10/10 | |
| | | 13.6. Vùng nguyên liệu tập trung đối với nông sản chủ lực của xã được cấp mã vùng | Đạt | Toàn huyện có 4 vùng trồng được cấp mã vùng trồng và đảm bảo hạ tầng kỹ thuật về nguồn điện, đường giao thông phục vụ cho sản xuất nông nghiệp của 10 xã nông thôn mới. Các vùng sản xuất đều được ứng dụng kỹ thuật tiên tiến, công nghệ cao, tiêu chuẩn VietGAP và đảm bảo các điều kiện về hạ tầng phục vụ sản xuất | 10/10 | |

| Số tt | Tên tiêu chí | Nội dung tiêu chí | Yêu cầu đạt chuẩn NTM nâng cao (TP.HCM) | Kết quả thực hiện của 10 xã nông thôn mới | Kết quả tự đánh giá các xã NTM nâng cao (số xã đạt) | Văn bản đánh giá của Phòng, ban thuộc huyện |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | 13.7. Có triển khai quảng bá hình ảnh điểm du lịch của xã thông qua ứng dụng Internet, mạng xã hội | Đạt | Tích hợp vào Bản đồ du lịch tương tác thông minh 3D/360 của Thành phố thuộc Chương trình Ứng dụng Công nghệ 3D trong thông tin, quảng bá du lịch của Thành phố Hồ Chí Minh | 10/10 | |
| | | 13.8. Có mô hình phát triển kinh tế nông thôn hiệu quả theo hướng tích hợp đa giá trị (kinh tế, văn hoá, môi trường) | ≥1 | Trên địa bàn huyện xuất hiện nhiều mô hình nông nghiệp công nghệ cao điển hình, ngoài việc đem lại hiệu quả kinh tế cao, tạo ra giá trị gia tăng cho sản phẩm của mô hình còn mang lại nhiều giá trị về xã hội, môi trường, góp phần giải quyết việc làm cho lao động nông thôn, nâng cao thu nhập; bảo vệ môi trường theo hướng bền vững | 10/10 | |
| | | 13.9. Có kế hoạch triển khai, kế hoạch bảo tồn phát triển làng nghề, làng nghề truyền thống (nếu có) gắn với hạ tầng về bảo vệ môi trường | Đạt | Trên địa bàn huyện không có làng nghề, ngành nghề truyền thống | 10/10 | |
| | | 13.10. Có tổ khuyến nông cộng đồng hoạt động hiệu quả | Đạt | 10/10 xã có thành lập Câu lạc bộ nông dân sản xuất, kinh doanh giỏi;... Thông qua câu lạc bộ hội viên, nông dân trao đổi, chia sẻ kinh nghiệm, giải pháp sản xuất nâng cao sản lượng, chất lượng sản phẩm nông nghiệp, tăng thu nhập cho nông dân | 10/10 | |
| 14 | Y tế | 14.1. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế (áp dụng đạt cho cả nam và nữ) | ≥95 % | | 10/10 | |
| | | 14.2. Xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế | Đạt | 10/10 xã đạt tiêu chí Quốc gia về y tế năm 2023 | 10/10 | Công văn số 657/YT ngày 20/8/2024, Công văn 662/YT ngày 20/8/2024, CV số 663/YT ngày 20/8/2024, Công văn số 656/YT ngày 20 tháng 8 năm 2024, CV số 664/YT ngày 20 /8 /2024, Công văn số 656/YT ngày 20 tháng 8 năm 2024, CV số 66/YT ngày 22/8/2024, Công văn số 660/YT ngày 02/8/2024, Công văn số 659/YT ngày 20/8/2024 và Công văn số 642/YT ngày 14/8/2024 của phòng Y tế huyện |
| | | 14.3. Xã triển khai thực hiện quản lý sức khỏe điện tử | Đạt | 10/10 xã nông thôn mới đã ban hành các văn bản triển khai thực hiện nội dung liên quan đến thực hiện quản lý sức khoẻ điện tử và tuyên truyền cho người dân về ý nghĩa, lợi ích của việc lập hồ sơ sức khỏe cá nhân, vận động người dân tích cực tham gia cung cấp thông tin cá nhân để lập hồ sơ sức khỏe điện tử. Các xã đã chuẩn bị đầy đủ cơ sở vật chất và cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin để thực hiện tiêu chí: trang bị phòng làm việc và bộ bàn ghế văn phòng; máy tính kết nối internet đã cài đặt phần mềm quản lý sức khỏe; có phân công nhân viên y tế thành thạo máy tính để quản lý. | 10/10 | |
| | | 14.4. Xã triển khai thực hiện khám chữa bệnh từ xa | Đạt | Ủy ban nhân dân 10/10 xã nông thôn mới đã ban hành văn bản triển khai thực hiện nội dung liên quan đến để triển khai thực hiện hoạt động khám từ xa tại cơ sở y tế. Các xã đã chuẩn bị đầy đủ cơ sở vật chất và cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin để thực hiện tiêu chí: trang bị phòng làm việc và bộ bàn ghế văn phòng; máy tính kết nối internet đã cài đặt phần mềm quản lý sức khỏe; có phân công nhân viên y tế thành thạo máy tính để quản lý | 10/10 | |

| Số tt | Tên tiêu chí | Nội dung tiêu chí | Yêu cầu đạt chuẩn NTM nâng cao (TP.HCM) | Kết quả thực hiện của 10 xã nông thôn mới | Kết quả tự đánh giá các xã NTM nâng cao (số xã đạt) | Văn bản đánh giá của Phòng, ban thuộc huyện |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | 14.5. Xã triển khai thực hiện tốt sổ khám chữa bệnh điện tử | Đạt | Ủy ban nhân dân 10/10 xã nông thôn mới đã ban hành các văn bản triển khai thực hiện nội dung liên quan thực hiện tốt Sổ khám chữa bệnh điện tử và tuyên truyền cho người dân về việc sử dụng ứng dụng VNeID. Các xã đã chuẩn bị đầy đủ cơ sở vật chất và cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin để thực hiện tiêu chí: trang bị phòng làm việc và bộ bàn ghế văn phòng; máy tính kết nối internet đã cài đặt phần mềm quản lý sức khỏe; có phân công nhân viên y tế thành thạo máy tính để quản lý | 10/10 | |
| 15 | Hành chính công | 15.1. Ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết thủ tục hành chính | Đạt | Ủy ban nhân dân huyện ban hành các văn bản chỉ đạo các phòng ban, các xã-thị trấn thực hiện thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết thủ tục hành chính; 100% đơn vị thuộc huyện sử dụng văn phòng điện tử trong việc luân chuyển văn bản, góp phần tiết kiệm thời gian và chi phí, 100% đơn vị và CBCC, viên chức sử dụng Hóc Môn trực tuyến trong công tác chỉ đạo, điều hành, theo dõi, giám sát kết quả thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ của đơn vị; Bộ phận một cửa huyện, xã được trang bị máy tính có kết nối mạng đảm bảo đáp ứng yêu cầu kết nối thông tin và thực hiện giải quyết hồ sơ trực tiếp và trực tuyến trên cổng dịch vụ công cho người dân, doanh nghiệp | 10/10 | Công văn số 557/VP ngày 25/7/2024, Công văn số 562/VP ngày 25/7/2024, CV số 618/VP ngày 12/8/2024, CV số 563/VP ngày 25/7/2024, CV số 561/VP ngày 25/7/2024, Công văn số 558/VP ngày 25/7/2024, CV số 560/VP ngày 25/7/2024, Công văn số 559/VP ngày 25/7/2024, Công văn số 555/VP ngày 25/7/2024 và Công văn số 564/VP ngày 25/7/2024 của Văn phòng HĐND-UBND huyện |
| | | 15.2. Có dịch vụ công trực tuyến một phần | Đạt | Ủy ban nhân dân các xã – thị trấn tập trung thực hiện các giải pháp nâng cao tỷ lệ giải quyết hồ sơ trực tuyến đối với các thủ tục hành chính đã được tích hợp trên Cổng Dịch vụ Công thành phố, Cổng Dịch vụ công Quốc gia. Hiện nay 10/10 xã nông thôn mới đạt tiêu chí 15.2 | 10/10 | |
| | | 15.3. Giải quyết các thủ tục hành chính đảm bảo đúng quy định và không để xảy ra khiếu nại vượt cấp | Đạt | Ủy ban nhân dân các xã – thị trấn kịp thời ban hành các văn bản, kế hoạch triển khai và đảm bảo 100% thủ tục hành chính được tổ chức thực hiện niêm yết, công khai đầy đủ, kịp thời, đúng quy định đối với các thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền quản lý tại đơn vị; tỷ lệ giải quyết hồ sơ hành chính đúng hạn đạt tỷ lệ 99% trở lên. Từ năm 2023 đến nay, Ủy ban nhân dân huyện, xã – thị trấn tập trung thực hiện đảm bảo 100% hồ sơ hành chính được tiếp nhận, giải quyết và đính kèm trả kết quả trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Thành phố. 10/10 xã đạt Tiêu chí 15.3 | 10/10 | |
| | | 16.1. Cán bộ, công chức xã đạt chuẩn | Đạt | Đội ngũ cán bộ, công chức 10 xã gồm 221 người với 114 cán bộ và 107 công chức đạt chuẩn theo Nghị định số 33/2023/NĐ-CP ngày 10 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ | 10/10 | |

| Số tt | Tên tiêu chí | Nội dung tiêu chí | | Yêu cầu đạt chuẩn NTM nâng cao (TP.HCM) | Kết quả thực hiện của 10 xã nông thôn mới | Kết quả tự đánh giá các xã NTM nâng cao (số xã đạt) | Văn bản đánh giá của Phòng, ban thuộc huyện |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 16 | Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật | 16.2. Đảng bộ, chính quyền xã được xếp loại chất lượng hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên | | Đạt | Ba năm liên tiếp 2021, 2022,2023: 10/10 Đảng bộ xã được đánh giá, xếp loại "Hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên" tỷ lệ 100%<br>Năm 2021, 2022, 10/10 xã được xếp loại chất lượng Chính quyền xã hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên. Năm 2023, 09/10 xã được xếp loại chất lượng Chính quyền xã hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên; 01/10 xã – xã Xuân Thới Đông hoàn thành nhiệm vụ, tuy nhiên, kết quả 7 tháng đầu năm 2024, xã Xuân Thới Đông được xếp loại chất lượng Chính quyền xã hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên. | 10/10 | Công văn số 748/NV ngày 16/7/2024 của Phòng Nội vụ, Công văn số 4355/UBND ngày 16/8/2024 của UBND huyện, Công văn số 784-CV/NV ngày 16/7/2024 của Phòng Nội vụ; Công văn số 2778-CV/BTCHU ngày 24/7/2024 của Ban Tổ chức Huyện ủy và Công văn số 2802/-CV/BTCHU ngày 06/8/2024 của Ban Tổ chức Huyện ủy. |
| | | 16.3. Tổ chức chính trị - xã hội của xã được xếp loại chất lượng hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên | | Đạt | Ba năm liên tiếp 2021, 2022,2023: các tổ chức chính trị - xã hội của 10/10 xã được xếp loại chất lượng hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên | 10/10 | Công văn số 748/NV ngày 16/7/2024 của Phòng Nội vụ , Công văn số 823-CVBDVHU ngày 17/7/2024 của Ban Dân vận Huyện ủy, , CV số 822-CV/BDVHU ngày 17/7/2024 của Ban Dân vận Huyện ủy; CV số 2731-CV/BTCHU ngày 10/7/2024 của Ban Tổ chức Huyện ủy, CV số 2823-CV/BTCHU ngày 12/8/2024 của Ban Tổ chức Huyện ủy, , Công văn số 2888-CV/BTCHU ngày 13/9/2024 của Ban Tổ chức Huyện ủy, Công văn số 821-CV/BDVHU ngày 17/7/2024, Công văn số 824-CV/BDVHU ngày 17/7/2024 và Công văn số 834/TCV/BDVHU ngày 29/7/2024 của Ban Dân vận huyện ủy . |
| | | 16.4. Xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo quy định | a) Ban hành văn bản theo thẩm quyền để tổ chức và bảo đảm thi hành Hiến pháp và pháp luật trên địa bàn | Đạt | Căn cứ Quyết định số 155/QĐ-UBND ngày 12 tháng 01 năm 2024 của Ủy ban nhân dân huyện Hóc Môn về việc công nhận xã - thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật năm 2023, qua đó, công nhận 12 xã - thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật; trong đó có 10/10 xã xây dựng nông thôn mới nâng cao | 10/10 | Công văn số 354/TP ngày 22/7/2024 của phòng Tư pháp, Công văn số 347/TP ngày 22/7/2024 của Phòng Tư pháp huyện, CV số 402/TP ngày 12/8/2024 của Phòng Tư pháp huyện, 352/TP ngày 22/7/2024 của Phòng Tư pháp, CV số 353/TP ngày 22 /7 /2024 của Phòng Tư Pháp, Công văn số 351/TP ngày 22/7/2024 của Phòng Tư pháp huyện, CV số 346/TP ngày 22/7/2024 và CV số 438/TP ngày 30/8/2024 của Phòng Tư pháp huyện, Công văn số 349/TP ngày 22/7/2024 của Phòng Tư pháp, Công văn số 348/TP ngày 22/7/2024 của Phòng Tư pháp huyện , Công văn số 350/TP ngày 22/7/2024 của PhòngTư Pháp huyện . |
| | | | b) Tiếp cận thông tin, phổ biến, giáo dục pháp luật | | | | |
| | | | c) Hòa giải ở cơ sở, trợ giúp pháp lý | | | | |

| Số tt | Tên tiêu chí | Nội dung tiêu chí | | Yêu cầu đạt chuẩn NTM nâng cao (TP.HCM) | Kết quả thực hiện của 10 xã nông thôn mới | Kết quả tự đánh giá các xã NTM nâng cao (số xã đạt) | Văn bản đánh giá của Phòng, ban thuộc huyện |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | 16.5. Đảm bảo bình đẳng giới; phòng chống bạo lực gia đình; phòng chống bạo lực trên cơ sở giới; phòng chống bạo lực, xâm hại trẻ em trong gia đình; bảo vệ và hỗ trợ những người dễ bị tổn thương. Đảm bảo quyền lợi trẻ em được tham gia các hoạt động văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao, đặc biệt quan tâm, cung cấp dịch vụ an sinh xã hội cho phụ nữ và trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt | 16.5.1. Đảm bảo phòng chống bạo lực, xâm hại trẻ e trong gia đình, bảo vệ và hỗ trợ những người dễ bị tổn thương. Đảm bảo quyền lợi trẻ em được tham gia các hoạt động văn hóa văn nghệ, thể dục, thể thao | Đạt | Ủy ban nhân dân huyện và Ban Vì sự tiến bộ Phụ nữ và Bình đẳng giới huyện, hướng dẫn, triển khai các phòng ban, ngành và đoàn thể huyện thực hiện công tác đảm bảo bình đẳng giới, phòng ngừa, ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới, quan tâm cung cấp dịch vụ an sinh xã hội cho phụ nữ và trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt. Từ năm 2023 đến 2025 đạt từ 80% người bị bạo lực trên cơ sở giới được phát hiện được tiếp cận ít nhất một trong các dịch vụ hỗ trợ cơ bản. Từ năm 2023 đến 2025 đạt từ 50% người gây bạo lực trên cơ sở giới được phát hiện ở mức chưa bị truy cứu trách nhiệm hình sự được tư vấn, tham vấn về xâm hại, bạo lực đối với phụ nữ, trẻ em trên địa bàn. Phấn đấu vào năm 2025 đạt 60% dân số được tiếp cận kiến thức cơ bản về bình đẳng giới. Từ năm 2025 trở đi 100% tổ chức Đảng, chính quyền, cơ quan hành chánh, ban, ngành, đoàn thể các cấp được phổ biến, cập nhật thông tin về bình đẳng giới và cam kết thực hiện bình đẳng giới. Từ năm 2025 trở đi mỗi xã có ít nhất 04 tin, bài quý về bình đẳng giới trên hệ thống thông tin cơ sở. Hàng năm 100% đài phát thanh địa phương có chuyên mục, chuyên đề nâng cao nhận thức về bình đẳng giới hàng tháng | 10/10 | Công văn số 725/VHTT ngày 16/7/2024, Công văn số 717/VHTT ngày 16/7/2024, Công văn số 720/VHTT ngày 16/7/2024, Công văn số 718/VHTT ngày 16/7/2024, Công văn số 723/VHTT ngày 16/7/2024, Công văn số 721/VHTT ngày 16/7/2024, CV số 719/VHTT ngày 16/7/2024, Công văn số 722/VHTT ngày 16/7/2024, Công văn số 724/VHTT ngày 16/7/2024 và Công văn số 726/VHTT ngày 16/7/2024 của Phòng Văn hóa và Thông tin huyện |
| | | | 16.5.2. Đảm bảo bình đẳng giới, phòng ngừa, ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới. Quan tâm cung cấp dịch vụ an sinh xã hội cho phụ nữ và trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt | Đạt | Đạt | 10/10 | Công văn số 2302/LĐTBXH ngày 08/8/2024, Công văn số 2162/LĐTBXH ngày 29/7/2024, CV số 2032/LĐTBXH ngày 16/7/2024, CV số 2198/LĐTBXH ngày 31/7/2024, CV số 2199/VHTT ngày 31 /7 /2024, Công văn số 2032/LĐTBXH ngày 16/7/2024, Công văn số 2014/LĐTBXH ngày 15/7/2024, CV số 2160/LĐTBXH ngày 29/7/2024, Công văn số 2032/LĐTBXH ngày 16/7/2024, Công văn số 2159/LĐTBXH ngày 29/7/2024 và Công văn số 2161/ ngày 29/7/2024 của Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội huyện |
| | | 16.6. Có kế hoạch và triển khai kế hoạch bồi dưỡng kiến thức về xây dựng nông thôn mới cho người dân, đào tạo nâng cao năng lực cộng đồng gắn với nâng cao hiệu quả hoạt động của Ban Phát triển ấp | | Đạt | Đạt | 10/10 | Công văn số 847/KT ngày 14/8/2024, Công văn số 881/KT ngày 20/8/2024, CV số 878/KT ngày 19/8/2024, CV số 826/KT ngày 09/8/2024, CV số 882/KT ngày 20/8/2024, Công văn số 846/KT ngày 14/8/2024, CV số 877/KT ngày 19/8/2024, Công văn số 876/KT ngày 19/8/2024, Công văn số 825/KT ngày 09/8/2024 và Công văn số 845/KT ngày 14/8/2024 của Phòng Kinh tế huyện |

| Số tt | Tên tiêu chí | Nội dung tiêu chí | Yêu cầu đạt chuẩn NTM nâng cao (TP.HCM) | Kết quả thực hiện của 10 xã nông thôn mới | Kết quả tự đánh giá các xã NTM nâng cao (số xã đạt) | Văn bản đánh giá của Phòng, ban thuộc huyện |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | 16.7. Có mô hình điển hình về phổ biến, giáo dục pháp luật và mô hình điển hình về hòa giải ở cơ sở | Đạt | Qua kết quả đánh giá từ 01/01/2023 - 06/2024 trên địa bàn huyện có 22 mô hình điển hình về phổ biến giáo dục pháp luật và 11 mô hình điển hình về hòa giải cơ sở | 10/10 | Công văn số 354/TP ngày 22/7/2024, Công văn số 347/TP ngày 22/7/2024, CV số 402/TP ngày 12/8/2024, 352/TP ngày 22/7/2024, CV số 353/TP ngày 22/7/2024, Công văn số 351/TP ngày 22/7/2024, CV số 346/TP ngày 22/7/2024, CV số 438/TP ngày 30/8/2024, Công văn số 349/TP ngày 22/7/2024, Công văn số 348/TP ngày 22/7/2024 và Công văn số 350/TP ngày 22/7/2024 của Phòng Tư pháp huyện |
| | | 16.8. Tỷ lệ mâu thuẫn, tranh chấp, vi phạm thuộc phạm vi hòa giải cơ sở được hòa giải thành | ≥90% | Từ ngày 01 tháng 10 năm 2022 đến ngày 31 tháng 7 năm 2023, các Tổ hòa giải trên địa bàn huyện tiếp nhận và đã tổ chức hòa giải 50 vụ việc, trong đó:<br>- Số vụ việc hòa giải thành: 45 vụ, tỷ lệ 90%.<br>- Số vụ việc hòa giải không thành: 05 vụ, tỷ lệ 10%. | 10/10 | |
| | | 16.9. Tỷ lệ người dân thuộc đối tượng trợ giúp pháp lý tiếp cận và được trợ giúp pháp lý khi có yêu cầu | ≥90% | Tổ chức 12 cuộc truyền thông pháp luật và trợ giúp pháp lý lưu động cho người dân trên địa bàn 12 xã - thị trấn và Trung tâm Dạy nghề cho người khuyết tật và Trẻ mồ côi với 904 người tham dự và 116 người được tư vấn pháp luật, trợ giúp pháp lý | 10/10 | |
| 17 | Môi trường và an toàn thực phẩm | 17.1. Khu kinh doanh, dịch vụ, chăn nuôi, giết mổ (gia súc, gia cầm), nuôi trồng thủy sản có hạ tầng kỹ thuật về bảo vệ môi trường | Đạt | Trên địa bàn huyện, có 01/10 xã có khu kinh doanh, dịch vụ, chăn nuôi, giết mổ (gia súc, gia cầm), nuôi trồng thủy sản có hạ tầng kỹ thuật về bảo vệ môi trường, cụ thể: xã Xuân Thới Thượng có 01 cơ sở giết mổ gia súc (Công ty cổ phần Chế biến Thực phẩm Hóc Môn, địa chỉ: số 179, Ấp 50, xã Xuân Thới Thượng) đã đầu tư hạ tầng kỹ thuật bảo vệ môi trường được Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy phép môi trường số 17/GPMT-UBND ngày 17/3/2023). 09/10 xã còn lại: không có khu kinh doanh, dịch vụ, chăn nuôi, giết mổ (gia súc, gia cầm), nuôi trồng thủy sản | 10/10 | Công văn số 4105/TNMT ngày 06/8/2024, Công văn số 3923/TNMT ngày 29/7/2024, Công văn số 4142/TNMT ngày 08/8/2024, CV số 3550/TNMT ngày 23 /7 /2024, Công văn số 3522/TNMT ngày 22/7/2024, CV số 3523/TNMT ngày 22/7/2024, Công văn số 3427/TNMT ngày 18/7/2024, Công văn số 3495/TNMT ngày 22/7/2024, Công văn số 3589/TNMT ngày 23/7/2024 của PhòngTài nguyên Môi trường huyện và CV số 4080/QLĐT ngày 01/8/2024 của Phòng Quản lý đô thị huyện. |
| | | 17.2. Tỷ lệ cơ sở sản xuất - kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường | 100% | 10/10 xã có 100% cơ sở sản xuất - kinh doanh đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường, cụ thể: 788/788 cơ sở sản xuất - kinh doanh trên địa bàn 10 xã có hồ sơ về môi trường và công trình, biện pháp thu gom, xử lý chất thải theo quy định | 10/10 | |
| | | 17.3. Cảnh quan, không gian xanh - sạch - đẹp, an toàn; không để xảy ra tồn đọng nước thải sinh hoạt tại các khu dân cư tập trung | Đạt | 10/10 xã đảm bảo cảnh quan, không gian xanh - sạch - đẹp, an toàn; không để xảy ra tồn đọng nước thải sinh hoạt tại các khu dân cư tập trung | 10/10 | |
| | | 17.4. Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn không nguy hại trên địa bàn được thu gom, xử lý theo quy định | ≥98% | 10/10 xã có tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn không nguy hại trên địa bàn được thu gom, xử lý theo quy định với tỷ lệ 99,92% (113.019/113.107 hộ gia đình) | 10/10 | |
| | | 17.5. Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt bằng biện pháp phù hợp, hiệu quả | ≥50% | 10/10 xã có tỷ lệ hộ gia đình thực hiện thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt bằng biện pháp phù hợp, hiệu quả với tỷ lệ 100% (113.107/113.107 hộ gia đình) | 10/10 | |
| | | 17.6. Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn | ≥70% | 10/10 xã có tỷ lệ hộ gia đình thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn (phân thành 02 loại) với tỷ lệ 79,58% (90.007/113.107 hộ gia đình) | 10/10 | |
| | | 17.7. Tỷ lệ chất thải rắn nguy hại trên địa bàn được thu gom, vận chuyển và xử lý đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường | 100% | 10/10 xã có tỷ lệ chất thải rắn nguy hại trên địa bàn được thu gom, vận chuyển và xử lý đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường đạt 100%. Đối với chất thải nguy hại công nghiệp phát sinh từ các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trên địa bàn xã được các cơ sở chủ động ký hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom và xử lý theo đúng quy định của pháp luật | 10/10 | |

| Số tt | Tên tiêu chí | Nội dung tiêu chí | Yêu cầu đạt chuẩn NTM nâng cao (TP.HCM) | Kết quả thực hiện của 10 xã nông thôn mới | Kết quả tự đánh giá các xã NTM nâng cao (số xã đạt) | Văn bản đánh giá của Phòng, ban thuộc huyện |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 17 | Môi trường và an toàn thực phẩm | 17.8. Tỷ lệ chất thải hữu cơ, phụ phẩm nông nghiệp được thu gom, tái sử dụng và tái chế thành nguyên liệu, nhiên liệu và các sản phẩm thân thiện với môi trường | ≥80% | - Tỷ lệ khối lượng chất thải, phụ phẩm nông nghiệp được thu gom, xử lý, tái sử dụng so với khối lượng chất thải phát sinh đạt 100% (130.144/130.144 kg/ngày). Tỷ lệ hộ gia đình, trang trại áp dụng các biện pháp tái sử dụng và tái chế chất thải hữu cơ, phụ phẩm nông nghiệp so với tổng số hộ gia đình, trang trại đạt 100% (1.834/1.834 cơ sở). | 10/10 | Công văn số 965/KT ngày 06/9/2024, Công văn số 791/KT ngày 01/8/2024, CV số 734/KT ngày 24/7/2024, CV số 727/KT ngày 22/7/2024, CV số 988/KT ngày 12/9/2024, Công văn số 709/KT ngày 18/7/2024, CV số 733/KT ngày 24/7/2024, Công văn số 694/KT ngày 15/7/2024, Công văn số 731/KT ngày 23/7/2024 và Công văn số 993/KT ngày 12/9/2024 của Phòng Kinh tế huyện . |
| | | 17.9. Tỷ lệ cơ sở chăn nuôi bảo đảm các quy định về vệ sinh thú y, chăn nuôi và bảo vệ môi trường | ≥95% | Trên địa bàn 10 xã có 834 hộ chăn nuôi, các hộ chăn nuôi thực hiện kê khai hoạt động chăn nuôi với UBND xã theo quy định. Chuồng trại chăn nuôi tách biệt với nơi ở của người, được vệ sinh, khử trùng, tiêu độc chuồng trại theo định kỳ 1 lần/ tuần. Qua công tác kiểm tra, đánh giá, tỷ lệ cơ sở chăn nuôi trên địa bàn 10 xã đảm bảo các quy định về vệ sinh thú y, chăn nuôi và bảo vệ môi trường là 834/834 cơ sở chăn nuôi thuộc 10/10 xã, đạt tỷ lệ 100%. | 10/10 | |
| | | 17.10. Mai táng, hỏa táng phù hợp với quy định; nghĩa trang, cơ sở hỏa táng (nếu có) đáp ứng các quy định của pháp luật và theo quy hoạch | Đạt | 10/10 xã thực hiện mai táng, hỏa táng phù hợp với quy định. Trên địa bàn huyện không có cơ sở hỏa táng | 10/10 | Công văn số 4105/TNMT ngày 06/8/2024, Công văn số 3923/TNMT ngày 29/7/2024, Công văn số 4142/TNMT ngày 08/8/2024, CV số 3550/TNMT ngày 23/7/2024, Công văn số 3522/TNMT ngày 22/7/2024, CV số 3523/TNMT ngày 22/7/2024, Công văn số 3427/TNMT ngày 18/7/2024, Công văn số 3495/TNMT ngày 22/7/2024 và Công văn số 3589/TNMT ngày 23/7/2024 của Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện |
| | | 17.11. Tỷ lệ sử dụng hình thức hỏa táng | ≥10% | 10/10 xã có tỷ lệ sử dụng hình thức hỏa táng ≥10% | 10/10 | |
| | | 17.12. Đất cây xanh sử dụng công cộng tại điểm dân cư nông thôn | ≥4m$^2$/ người | 10/10 xã có diện tích đất cây xanh sử dụng công cộng ≥4m²/người | 10/10 | Công văn số 2389/QLĐT ngày 18/7/2024, Công văn số 2422/QLĐT ngày 19/7/2024, CV số 2477/QLĐT ngày25/7/2024, CV số 2385/QLĐT ngày 18/7/2024, CV số 2396/QLĐT ngày 18 /7 /2024, Công văn số 2421/QLĐT ngày 19/7/2024, CV số 2397/QLĐT ngày 18/7/2024, Công văn số 25920/QLĐT ngày 02/8/2024, Công văn số 2388/QLĐT ngày 18/7/2024 và Công văn số 2589/QLĐT ngày 02/8/2024 của Phòng Quản lý đô thị huyện. |

| Số tt | Tên tiêu chí | Nội dung tiêu chí | Yêu cầu đạt chuẩn NTM nâng cao (TP.HCM) | Kết quả thực hiện của 10 xã nông thôn mới | Kết quả tự đánh giá các xã NTM nâng cao (số xã đạt) | Văn bản đánh giá của Phòng, ban thuộc huyện |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | 17.13. Tỷ lệ chất thải nhựa phát sinh trên địa bàn được thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý theo quy định | ≥90% | 10/10 xã có tỷ lệ chất thải nhựa phát sinh trên địa bàn được thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý theo quy định đạt trên 90% | 10/10 | Công văn số 4105/TNMT ngày 06/8/2024, Công văn số 3923/TNMT ngày 29/7/2024, Công văn số 4142/TNMT ngày 08/8/2024 , CV số: 3550/TNMT ngày 23/7/2024, Công văn số 3522/TNMT ngày 22/7/2024, CV số 3523/TNMT ngày 22/7/2024, Công văn số 3427/TNMT ngày 18/7/2024, Công văn số 3495/TNMT ngày 22/7/2024 và Công văn số 3589/TNMT ngày 23/7/2024 của Phòng Tài nguyên và Môi trường. |
| 18 | Chất lượng môi trường sống | 18.1. Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn từ hệ thống cấp nước tập trung | ≥65% | 110.430/110.430 hộ dân (100%) trên địa bàn huyện được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn từ công trình cấp nước tập trung từ mạng lưới cấp nước của công ty TNHH MTV Nước ngầm Sài Gòn, gồm: đường ống cấp 3 (97,76%), bồn cấp nước tập trung (1,10%) và đồng hồ tổng (1,14%) | 10/10 | Công văn số 2339/QLĐT ngày 16/7/2024, Công văn số 2355/QLĐT ngày 17/7/2024, CV số 2341/QLĐT ngày 16/7/2024, CV số 2342.QLĐT ngày 16/7/2024, CV số: 2371/QLĐT ngày 17/7/2024, Công văn số 2358/QLĐT ngày 17/7/2024, CV số 2391/QLĐT ngày 18/7/2024, Công văn số 2340/QLĐT ngày 16/7/2024, Công văn số 2336/QLĐT ngày 16/7/2024 và Công văn số 2318/QLĐT ngày 16/7/2024 của Phòng Quản lý đô thị huyện |
| | | 18.2. Cấp nước sinh hoạt đạt chuẩn bình quân đầu người/ngày đêm | ≥80 lít | Theo số liệu thống kê từ Công ty TNHH MTV Nước ngầm Sài Gòn, sản lượng nước sạch, hiện nay bình quân đầu người trên địa bàn huyện đang được cung cấp trung bình khoảng 270lít/người/ngày đêm | 10/10 | |
| | | 18.3. Tỷ lệ công trình cấp nước tập trung có tổ chức quản lý, khai thác hoạt động bền vững | ≥40% | Công trình cấp nước tập trung trên địa bàn huyện gồm mạng lưới đường ống cấp 3, bồn cấp nước tập trung, đồng hồ tổng; 100% các công trình này đều có tổ chức quản lý, khai thác hoạt động bền vững | 10/10 | |
| | | 18.4. Tỷ lệ chủ thể hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm hàng năm được tập huấn về an toàn thực phẩm | 100% | Ủy ban nhân dân 10/10 xã nông thôn mới đã kịp thời ban hành các văn bản triển khai thực hiện các nội dung liên quan an toàn thực phẩm; phối hợp tổ chức tuyên truyền, vận động hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm tuân thủ các quy định về an toàn thực phẩm | 10/10 | Công Văn số 577/YT ngày 19/7/2024, Công văn số 576/YT ngày 19/7/2024, CV số 578/YT ngày 19/7/2024, 581/YT ngày 19/7/2024, CV số 583/KT ngày 19/7/2024, Công văn số 580/YT ngày 19/7/2024, CV số 582/YT ngày 19/7/2024, Công văn số 584/YT ngày 19/7/2024, Công văn số 585/YT ngày 19/7/2024 và Công văn số 579/YT ngày 19/7/2024 của phòng Y tế huyện . |
| | | 18.5. Không để xảy ra sự cố về an toàn thực phẩm trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý của xã | Không | Trong năm 2023 và năm 2024, trên địa bàn huyện nói chung và địa bàn 10/10 nông thôn mới nói riêng không xảy ra ngộ độc thực phẩm | 10/10 | |

| Số tt | Tên tiêu chí | Nội dung tiêu chí | Yêu cầu đạt chuẩn NTM nâng cao (TP.HCM) | Kết quả thực hiện của 10 xã nông thôn mới | Kết quả tự đánh giá các xã NTM nâng cao (số xã đạt) | Văn bản đánh giá của Phòng, ban thuộc huyện |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | 18.6. Tỷ lệ cơ sở sơ chế, chế biến thực phẩm nông lâm thủy sản được chứng nhận về an toàn thực phẩm | 100% | Trên địa bàn 10/10 xã có 268/268 cơ sở sản xuất thực phẩm nông lâm thủy sản được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an toàn thực phẩm, đạt 100%. | 10/10 | Công văn số 965/KT ngày 06/9/2024, Công văn số 791/KT ngày 01/8/2024, CV số 734/KT ngày 24/7/2024, CV số 727/KT ngày 22/7/2024, CV số 973/KT ngày 09/9/2024, Công văn số 709/KT ngày 18/7/2024, CV số 733/KT ngày 24/7/2024, Công văn số 694/KT ngày 15/7/2024, Công văn số 731/KT ngày 23/7/2024 và Công văn số 993/KT ngày 12/9/2024 của Phòng Kinh tế huyện . |
| | | 18.7. Tỷ lệ hộ có nhà tắm, thiết bị chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh, nhà tiêu an toàn và đảm bảo 3 sạch | 100% | 10/10 xã có hộ có nhà tắm, thiết bị chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh, nhà tiêu an toàn và đảm bảo 3 sạch đạt 100%. | 10/10 | Công văn số 4105/TNMT ngày 06/8/2024, Công văn số 3923/TNMT ngày 29/7/2024, CV số 4142/TNMT ngày 08/8/2024, CV số 3550/TNMT ngày 23/7/2024, Công văn số 3522/TNMT ngày 22/7/2024, CV số 3523/TNMT ngày 22/7/2024, Công văn số 3427/TNMT ngày 18/7/2024, Công văn số 3495/TNMT ngày 22/7/2024 và Công văn số 3589/TNMT ngày 23/7/2024 của Phòng Tài nguyên và Môi trường. |
| | | 18.8. Tỷ lệ bãi chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn đảm bảo vệ sinh môi trường | 100% | 10/10 xã không có bãi chôn lấp chất thải rắn đang hoạt động | 10/10 | |
| 19 | Quốc phòng và An ninh | 19.1. Nâng cao chất lượng hoạt động của Ban Chỉ huy quân sự xã và lực lượng dân quân; hoàn thành các chỉ tiêu quân sự, quốc phòng | Đạt | Hàng năm, các xã, thị trấn đều hoàn thành 100% chỉ tiêu tuyển quân. Đến nay, 12/12 xã, thị trấn đạt 9 tiêu chuẩn xây dựng xã, thị trấn vững mạnh về quân sự quốc phòng địa phương gắn với xây dựng nông thôn mới<br>Hằng năm, xây dựng hệ thống kế hoạch bảo đảm sẵn sàng chiến đấu và chiến đấu theo quy định, thường xuyên rà soát điều chỉnh, bổ sung sát với tình hình thực tế ở cơ sở<br>Bảo đảm đầy đủ các chế độ, chính sách cho lực lượng dân quân theo quy định; thực hiện tốt công tác tăng gia sản xuất; xây dựng đơn vị có cảnh quan, môi trường xanh, sạch, đẹp. Làm tốt công tác vận động quần chúng, công tác chính sách hậu phương quân đội; tham gia khắc phục hậu quả thiên tai, dịch bệnh và các sự cố tại địa phương.<br>10/10 xã đạt chỉ tiêu | 10/10 | Văn bản số 385/BC-BCH ngày 08/9/2023, Báo cáo số 399/BC-BCH ngày 13/8/2024, BC số 373/BC-BCH ngày 21/8/2024, CV số 270/BCH ngày 11/7/2024, CV số 326/BC-BCH ngày 12/7/2024, Báo cáo số 301/BC-BCH ngày 22/7/2024, CV số 332/BC-BCH ngày 12/7/2024, Công văn số 263/BC-BCH ngày 02/7/2024, Báo cáo số 264/BC-BCH ngày 02/07/2024 và Công văn số 19/BC-BCH ngày 05/7/2024 của Ban Chỉ huy Quân sự huyện |

| Số tt | Tên tiêu chí | Nội dung tiêu chí | Yêu cầu đạt chuẩn NTM nâng cao (TP.HCM) | Kết quả thực hiện của 10 xã nông thôn mới | Kết quả tự đánh giá các xã NTM nâng cao (số xã đạt) | Văn bản đánh giá của Phòng, ban thuộc huyện |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | 19.2. Không có hoạt động xâm phạm an ninh quốc gia; không có khiếu kiện đông người kéo dài trái pháp luật; không có công dân cư trú trên địa bàn phạm tội nghiêm trọng trở lên hoặc gây tai nạn (giao thông, cháy, nổ) nghiêm trọng trở lên; có mô hình camera an ninh và các mô hình (phòng, chống tội phạm, tệ nạn xã hội; bảo đảm trật tự, an toàn giao thông; phòng cháy, chữa cháy) gắn với phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc hoạt động thường xuyên, hiệu quả | Đạt | Hằng năm, Đảng ủy các xã ban hành nghị quyết, Ủy ban nhân dân xã xây dựng kế hoạch về công tác đảm bảo an ninh trật tự huy động lực lượng thực hiện có hiệu quả công tác đảm bảo an ninh trật tự và xây dựng phong trào bảo vệ an ninh Tổ quốc an ninh góp phần đảm bảo an ninh chính trị, trật tự xã hội trên địa bàn các xã luôn được giữ vững ổn định, không có tổ chức, cá nhân hoạt động chống Đảng, chính quyền, phá hoại kinh tế; truyền đạo trái pháp luật, không có khiếu kiện đông người kéo dài; khiếu kiện vượt cấp trái pháp luật; tình hình trật tự an toàn xã hội trên địa bàn các xã ổn định.<br>Công tác đảm bảo an toàn giao thông và cháy nổ được kéo giảm, không để xảy ra cháy nổ gây hậu quả nghiêm trọng. Trong năm 2023, 100% xã (10/10 xã) trên địa bàn huyện Hóc Môn được Ủy ban nhân dân huyện công nhận đạt tiêu chuẩn "An toàn về an ninh trật tự"<br>Đến hết năm 2023 và 06 tháng đầu năm 2024 có 10/10 xã đạt chỉ tiêu về an ninh trật tự xã hội | 10/10 | Công văn số 4924/CAHM-TM ngày 01/8/2024 và Công văn số 5253/CAHM-TM ngày 14/8/2024 của Công an huyện |
| **TỔNG CỘNG** | | | **91** | **91 chỉ tiêu đều đạt** | **10/10** | |

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN HÓC MÔN

**Phụ lục 2.3**

**BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC TIÊU CHÍ HUYỆN NÔNG THÔN MỚI NÂNG CAO ĐẾN NĂM 2024 CỦA HUYỆN HÓC MÔN, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

*(theo Biểu 2, Mẫu số 10, Văn bản hợp nhất số 20/VBHN-BNNPTNT ngày 13/6/2024 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)*

| Số tt | Tên tiêu chí | Nội dung tiêu chí | Yêu cầu đạt chuẩn (TP. HCM) | Kết quả thực hiện | Kết quả tự đánh giá của huyện | Văn bản đánh giá của Phòng, ban huyện |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Quy hoạch | 1.1. Có quy hoạch xây dựng vùng huyện hoặc vùng liên huyện được phê duyệt (trong đó có quy hoạch khu chức năng dịch vụ hỗ trợ phát triển kinh tế nông thôn) | Đạt | Hiện nay, tuy huyện Hóc Môn chưa có quy hoạch vùng nhưng toàn bộ huyện Hóc Môn đã được phủ kín quy hoạch theo 04 lớp đồ án. Đồng thời, theo Thông báo số 431/TB-VP ngày 26/4/2024 của Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố về kết luận của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố đồng ý không lập quy hoạch vùng huyện đối với huyện Hóc Môn và huyện Nhà Bè mà thực hiện theo Luật Quy hoạch đô thị, trên cơ sở đó, Ủy ban nhân dân huyện Hóc Môn đã có Công văn 2339/UBND-QLĐT ngày 16/5/2024 và Công văn số 3881/UBND-QLĐT ngày 22/7/2024 đề nghị Sở Quy hoạch - Kiến trúc xem xét lại nội dung này, thống nhất công nhận huyện Hóc Môn đạt Tiêu chí 1 về quy hoạch cấp huyện. | Đề xuất công nhận Đạt | Công văn số 2693/QLĐT ngày 12/8/2024 của Phòng Quản lý đô thị về báo cáo kết quả rà soát tiêu chí 1 (tiêu chí Quy hoạch cấp huyện) nông thôn mới nâng cao trên địa bàn huyện Hóc Môn giai đoạn 2021 -2025 |
| | | 1.2. Có công trình hạ tầng kỹ thuật thiết yếu hoặc hạ tầng xã hội thiết yếu được đầu tư xây dựng theo quy hoạch xây dựng đã được phê duyệt | ≥ 1 công trình | Trên địa bàn huyện Hóc Môn hiện có 01 công trình hạ tầng xã hội thiết yếu được đầu tư theo quy hoạch xây dựng đã được phê duyệt: Công viên du lịch sinh thái xã Xuân Thới Sơn | Đạt | |

| Số tt | Tên tiêu chí | Nội dung tiêu chí | Yêu cầu đạt chuẩn (TP. HCM) | Kết quả thực hiện | Kết quả tự đánh giá của huyện | Văn bản đánh giá của Phòng, ban huyện |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 2 | Giao thông | 2.1. Hệ thống giao thông trên địa bàn huyện đảm bảo kết nối liên xã, liên vùng và giữa các vùng nguyên liệu tập trung, phù hợp với quá trình đô thị hóa và được bảo trì hàng năm | Đạt | Hiện nay trên địa bàn huyện có 3.561 tuyến đường với tổng chiều dài 903,43km. Trong đó có 02 tuyến quốc lộ qua địa bàn huyện là Quốc lộ 1, Quốc lộ 22 kết nối với huyện Củ Chi, nhiều tuyến tỉnh lộ như đường Đặng Thúc Vịnh, Phan Văn Hớn, Nguyễn Văn Bứa,...; 446 tuyến đường trục là các tuyến đường bộ, đường hẻm do huyện quản lý, với tổng chiều dài là 282,24km; 32 tuyến đường do Trung tâm Quản lý hạ tầng giao thông đường bộ (đơn vị thuộc Sở Giao thông vận tải) quản lý là 32 tuyến với chiều dài 98,52km được kết nối liên xã, liên vùng và giữa các vùng nguyên liệu tập trung, phù hợp với quá trình đô thị hóa và được bảo trì hàng năm. | Đạt | Công văn số 2679/QLĐT ngày 09/8/2024 của Phòng Quản lý đô thị về báo cáo kết quả thẩm tra các tiêu chí huyện Nông thôn mới nâng cao: tiêu chí 2 – Giao thông (chỉ tiêu số 2.1, 2.2, 2.3), tiêu chí số 7 - Môi trường (chỉ tiêu 7.6) và tiêu chí 8 - Chất lượng môi trường sống (chỉ tiêu 8.1, 8.2 8.3) |
| | | 2.2. Tỷ lệ km đường huyện được nhựa hóa hoặc bê tông hóa đạt chuẩn theo quy hoạch, có các hạng mục cần thiết về an toàn giao thông theo quy định (biển báo, biển chỉ dẫn, chiếu sáng, gờ giảm tốc, lan can phòng hộ,...), được trồng cây xanh, được bảo trì hàng năm, đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp | 100% | Trên địa bàn huyện hiện có 16 tuyến đường huyện (tỷ lệ 100%: 60,5/60,5km) được nhựa hóa hoặc bê tông hóa, có các hạng mục cần thiết về an toàn giao thông theo quy định (biển báo, biển chỉ dẫn, chiếu sáng, gờ giảm tốc, lan can phòng hộ,...), được trồng cây xanh, được bảo trì hàng năm, đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp. | Đạt | Công văn số 2679/QLĐT ngày 09/8/2024 của Phòng Quản lý đô thị về báo cáo kết quả thẩm tra các tiêu chí huyện Nông thôn mới nâng cao: tiêu chí 2 – Giao thông (chỉ tiêu số 2.1, 2.2, 2.3), tiêu chí số 7 - Môi trường (chỉ tiêu 7.6) và tiêu chí 8 - Chất lượng môi trường sống (chỉ tiêu 8.1, 8.2 8.3) |
| | | 2.3. Bến xe khách tại huyện (nếu có theo quy hoạch) đạt tiêu chuẩn loại III trở lên | ≥ 01 | Trên địa bàn huyện có bến xe An Sương đạt tiêu chuẩn loại III trở lên theo quy định của Thông tư 73/2015/TT-BGTVT ngày 11 tháng 11 năm 2015 Bộ Giao thông vận tải ban hành quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về bến xe khách sửa đổi lần 1 năm 2015. | Đạt | |
| | | 3.1. Hệ thống thủy lợi liên xã đồng bộ với hệ thống thủy lợi các xã theo quy hoạch; các công trình thủy lợi do huyện quản lý được bảo trì, nâng cấp | Đạt | Công trình đã đầu tư và đưa vào sử dụng: 20/20 công trình được duyệt. Đạt tỉ lệ 100% .Công trình đang thực hiện thủ tục đầu tư (đang trong các giai đoạn thiết kế- dự toán và đấu thầu thi công): 19/19 công trình được duyệt Ngoài ra có 51/51 công trình nạo vét, khơi thông dòng chảy, gia cố bờ bao do cấp xã làm chủ đầu tư đã thực hiện hoàn thành và đưa vào sử dụng trong giai đoạn 2021-2025. Các công trình này là một hệ thống, kết nối đồng bộ với nhau, phát huy hiệu quả tưới tiêu phục vụ sản xuất nông nghiệp | Đạt | Văn bản số 1065/KT ngày 26/9/2024 của Phòng Kinh tế về báo cáo kết quả thẩm tra các tiêu chí huyện Nông thôn mới nâng cao do Phòng Kinh tế phụ trách |

| Số tt | Tên tiêu chí | Nội dung tiêu chí | Yêu cầu đạt chuẩn (TP. HCM) | Kết quả thực hiện | Kết quả tự đánh giá của huyện | Văn bản đánh giá của Phòng, ban huyện |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 3 | Thủy lợi và phòng, chống thiên tai | 3.2. Thực hiện kiểm kê, kiểm soát các vi phạm và nguồn nước thải xả vào công trình thủy lợi trên địa bàn huyện | Đạt | Xử phạt vi phạm hành chính về lĩnh vực môi trường đối với hành vi vi phạm xả thải vào công trình thủy lợi 01 trường hợp (Công ty TNHH sản xuất giấy Á Châu). trên địa bàn huyện còn tồn 27 trường hợp vi phạm trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi, huyện đã thực hiện: lập biên bản cam kết có thời hạn tự nguyện tháo dỡ 13/27 trường hợp; đã tháo dỡ 12/27 trường trường hợp, có 01 trường hợp dân kiến nghị cho tồn tại; cưỡng chế 01/09 trường hợp | Đạt | Văn bản số 1065/KT ngày 26/9/2024 của Phòng Kinh tế về báo cáo kết quả thẩm tra các tiêu chí huyện Nông thôn mới nâng cao do Phòng Kinh tế phụ trách |
| | | 3.3. Đảm bảo yêu cầu chủ động về phòng, chống thiên tai theo phương châm 4 tại chỗ | Khá | Huyện và các xã -thị trấn tổ chức thực hiện tốt phương án phòng chống thiên tai theo phương châm "4 tại chỗ", cấp huyện và cấp xã – thị trấn có Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn, tại các ấp, khu phố có đội xung kích. Lực lượng dự kiến huy động từ các cơ quan, đơn vị đến các xã, thị trấn tham gia công tác phòng, tránh, ứng phó khi thiên tai ảnh hưởng trực tiếp đảm bảo khoảng 3.200 người. Trong đó, lực lượng chuyên trách cấp huyện khoảng 150 người; lực lượng của các xã, thị trấn khoảng 2.125 người. Phương tiện, trang thiết bị dự kiến huy động để phòng, tránh, ứng phó với bão, áp thấp nhiệt đới, lũ, lụt gồm có phương tiện, trang thiết bị cơ động của huyện và phương tiện, trang thiết bị tại chỗ của các xã, thị trấn, ngoài ra còn huy động các phương tiện cơ giới, xe ô tô tải trong nhân dân và các công trình đang thi công khi có thiên tai xảy ra | Đạt | |
| 4 | Điện | Hệ thống điện đảm bảo yêu cầu kỹ thuật, cấp điện tin cậy, ổn định, an toàn hành lang lưới điện và mỹ quan | Đạt | Hiện trên địa bàn huyện Hóc Môn khối lượng hệ thống lưới điện do Công ty Điện lực Hóc Môn quản lý và từ 2021 đến nay, Công ty Điện lực Hóc Môn đầu tư thêm 26 công trình điện với khối lượng thực hiện 53,126 km đường dây trung thế; 42,119 km đường dây hạ thế và 175 trạm biến áp với công suất 64.450 kVA với tổng mức đầu tư 265.371 triệu đồng từ nguồn vốn của Công ty Điện lực Hóc Môn. | Đạt | Báo cáo số 806/BC-KT ngày 05/8/2024 của Phòng Kinh tế về Kết quả thực hiện tiêu chí 4 - Điện trên địa bàn huyện Hóc Môn giai đoạn 2021 -2025 |

| Số tt | Tên tiêu chí | Nội dung tiêu chí | Yêu cầu đạt chuẩn (TP. HCM) | Kết quả thực hiện | Kết quả tự đánh giá của huyện | Văn bản đánh giá của Phòng, ban huyện |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 5 | Y tế - Văn hóa - Giáo dục | 5.1. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế (áp dụng đạt cho cả nam và nữ) | ≥95% | BHXH huyện đã rà soát và thẩm định các xã nông thôn mới đều đạt tỷ lệ tham gia bảo hiểm y tế ≥95% | Đạt | Báo cáo số 1495/BC-BHXH ngày 17/9/2024 của BHXH huyện Hóc Môn |
| | | 5.2. Trung tâm Y tế huyện đạt chuẩn | Đạt | Trung tâm Y tế duy trì đạt chuẩn quốc gia liên tục nhiều năm liền, được xếp Loại III theo quyết định số 5578/QĐ-UBND ngày 12 tháng 11 năm 2014 của Ủy ban nhân thành phố Hồ Chí Minh | Đạt | Công văn số 1562/TTYT-KHNV ngày 19/8/2024 của Trung tâm Y tế huyện Hóc Môn |
| | | 5.3. Trung tâm Văn hóa - Thể thao huyện đạt chuẩn, có nhiều hoạt động văn hóa - thể thao kết nối với xã | Đạt | - Trung tâm Văn hóa - Thể thao và Truyền thông huyện với 40 biên chế, gồm: 01 Giám đốc, 02 Phó Giám đốc và 04 phòng nghiệp vụ với 23 viên chức; hiện đang quản lý 09 thiết chế văn hóa, sân bóng đá để phục vụ hoạt động chuyên môn đảm bảo đạt chuẩn (về cơ sở vật chất ) theo quy định .<br>- Trung tâm Văn hóa - Thể thao và Truyền thông huyện đã phối hợp với các đơn vị có liên quan tổ chức nhiều hoạt động văn hóa, văn nghệ đa dạng, phong phú, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ tuyên truyền , cổ động chính trị và nhu cầu hưởng thụ văn hóa cho Nhân dân trên địa bàn huyện gắn với giáo dục truyền thống lịch sử của huyện và thành phố | Đạt | Công văn số 928/VHTT ngày 13/9/2024 của Phòng Văn hóa và Thông tin về thẩm tra, đánh giá các tiêu chí 5 huyện nông thôn mới nâng cao |
| | | 5.4. Có lắp đặt các dụng cụ thể dục thể thao tại công viên, quảng trường, nơi công cộng . | Đạt | Hiện nay, trên địa bàn huyện có 42/49 điểm công cộng (86%) đã được lắp đặt dụng cụ tập thể dục ngoài trời; có 231 điểm vui chơi giải trí dân lập (gồm sân bóng đá, sân cầu lông, bơi lội, ...), các cơ sở thể dục thể thao ngoài công lập hoạt động hiệu quả phục vụ nhu cầu của người dân | Đạt | |

| Số tt | Tên tiêu chí | Nội dung tiêu chí | Yêu cầu đạt chuẩn (TP. HCM) | Kết quả thực hiện | Kết quả tự đánh giá của huyện | Văn bản đánh giá của Phòng, ban huyện |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | 5.5. Các giá trị văn hóa truyền thống dân tộc được kế thừa và phát huy hiệu quả; các di sản văn hóa trên địa bàn được kiểm kê, ghi danh, truyền dạy, xếp hạng, tu bổ, tôn tạo, bảo vệ và phát huy giá trị hiệu quả | Đạt | - Hiện nay, trên địa bàn huyện Hóc Môn có 02 di tích lịch sử cấp quốc gia và 07 di tích lịch sử cấp thành phố; thường xuyên được kiểm tra, đánh giá và đề xuất thực hiện tu bổ, chỉnh lý một số hạng mục của các di tích lịch sử từ nguồn ngân sách nhà nước hoặc bằng nguồn kinh phí xã hội hóa<br>- Khai thác hiệu quả các di tích lịch sử trong công tác giáo dục truyền thống cho người dân trên địa bàn huyện, nhất là các thế hệ trẻ; thường xuyên đăng tải các bài viết về tiểu sử các điểm di tích lên trang tin điện tử của huyện; tổ chức các hoạt động kỷ niệm truyền thống tại các điểm di tích; hướng dẫn nâng cao quản lý và phát huy giá trị di sản văn hóa | Đạt | Công văn số 928/VHTT ngày 13/9/2024 của Phòng Văn hóa và Thông tin về thẩm tra, đánh giá các tiêu chí 5 huyện nông thôn mới nâng cao |
| | | 5.6. Có 100% số trường Trung học phổ thông đạt chuẩn quốc gia mức độ 1, trong đó có ít nhất 01 trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 2 | Đạt | Hiện nay, trên địa bàn huyện có 07 trường Trung học phổ thông. Trong đó:<br>- 05/7 trường (Nguyễn Hữu Cầu, Phạm Văn Sáng, Nguyễn Văn Cừ, Bà Điểm, Lý Thường Kiệt) tiếp tục giữ vững chất lượng đạt chuẩn quốc gia mức độ 1;<br>- 01 trường (Trường THPT Nguyễn Hữu Tiến) đang được triển khai xây dựng giai đoạn 2. Qua rà soát chuẩn bị các hồ sơ và điều kiện cơ sở vật chất đăng ký Sở Giáo dục và Đào tạo kiểm định chất lượng trong tháng 12 năm 2024, trường cơ bản đạt chuẩn quốc gia mức độ 1 trong tháng 12 năm học 2024 – 2025;<br>- 01 trường (Trường THPT Hồ Thị Bi) mới thành lập từ năm 2020, chưa đủ thời gian để đánh giá kiểm định chất lượng. Qua rà soát chuẩn bị các hồ sơ và điều kiện cơ sở vật chất đăng ký Sở Giáo dục và Đào tạo kiểm định chất lượng trong tháng 10 năm 2024, trường cơ bản đạt chuẩn quốc gia mức độ 2 trong tháng 10 năm học 2024 – 2025. | Đạt | Công văn số 2181/GDĐT ngày 29/8/2024 của Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện về báo cáo kết quả thẩm định tự đánh giá thực hiện các tiêu chí huyện nông thôn mới nâng cao, xã nông thôn mới nâng cao và nông thôn mới kiểu mẫu trên địa bàn huyện |

| Số tt | Tên tiêu chí | Nội dung tiêu chí | Yêu cầu đạt chuẩn (TP. HCM) | Kết quả thực hiện | Kết quả tự đánh giá của huyện | Văn bản đánh giá của Phòng, ban huyện |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | 5.7. Trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên đạt kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 2, hoặc đánh giá đạt tiêu chuẩn chất lượng giải dục thông qua các thiết chế giáo dục khác được giao chức năng, nhiệm vụ giáo dục thường xuyên trên địa bàn | Đạt | Trên địa bàn huyện có 01 Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên huyện đã được công nhận theo Quyết định số 328/QĐ- SGD ngày 09/02/2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo | Đạt | Công văn số 2181/GDĐT ngày 29/8/2024 của Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện về báo cáo kết quả thẩm định tự đánh giá thực hiện các tiêu chí huyện nông thôn mới nâng cao, xã nông thôn mới nâng cao và nông thôn mới kiểu mẫu trên địa bàn huyện |
| 6 | Kinh tế | 6.1. Có khu công nghiệp được lấp đầy từ 50% trở lên hoặc có cụm công nghiệp được đầu tư hoàn thiện kết cấu hạ tầng kỹ thuật và được lấp đầy từ 50% trở lên hoặc có cụm ngành nghề nông thôn được đầu tư cơ sở hạ tầng đồng bộ | Đạt | Cụm Công nhiệp Nhị Xuân có diện tích 54,024 ha, trong đó đất trồng cây xanh 4,774 ha, đất giao thông 12,054 ha, khu xử lý nước thải 0,595 ha, diện tích đất công nghiệp 34,915 ha, diện tích các hạng mục khác 1,686 ha. Đến nay, hệ thống hạ tầng kỹ thuật (giao thông, năng lượng, viễn thông…) được đầu tư 100% theo quy hoạch được duyệt.. Đồng thời đã xây dựng và đưa vào hoạt động Trạm xử lý nước thải công suất 500 m2/ngày đêm kết nối với hệ thống kênh dẫn nước thải sau xử lý ngoài hàng rào cụm công nghiệp.Cụm Công nghiệp Nhị Xuân có 34 doanh nghiệp ký hợp đồng thuê lại đất công nghiệp với tổng diện tích là 34,226 ha, tỷ lệ doanh nghiệp lấp đầy chiếm 98% | Đạt | Báo cáo số 808/BC-KT ngày 06/8/2024 của Phòng Kinh tế về Kết quả thực hiện tiêu chí số 6 – Kinh tế, nội dung 6.1 – Cụm Công nghiệp trên địa bàn huyện Hóc Môn giai đoạn 2021 -2025 |
| | | 6.2. Hình thành vùng nguyên liệu tập trung đối với các sản phẩm chủ lực của huyện được đầu tư đồng bộ về cơ sở hạ tầng, được cấp mã vùng và có ứng dụng quy trình kỹ thuật tiến tiến | Đạt | - Do tốc độ phát triển nhanh về dân cư và nhập cư từ các nơi trong nước và tốc đô đô thị hóa diễn ra nhanh chóng nên sản xuất nông nghiệp trên địa bàn huyện giảm nhiều trong thời gian qua. Đặc thù sản xuất nông nghiệp trên địa bàn huyện chưa tập trung một vùng nhất định, sản xuất còn manh múng xen cải trong dân cư. Hiện nay, trồng trọt và chăn nuôi trên địa bàn huyện chủ yếu trồng rau, chăn nuôi với quy mô nhỏ lẻ, hộ gia đình, phân bố rải rác không tập trung.<br>- Toàn huyện có 5 vùng trồng được cấp mã vùng trồng và đảm bảo hạ tầng kỹ thuật về nguồn điện, đường giao thông. Các vùng sản xuất đều được ứng dụng kỹ thuật tiên tiến, công nghệ cao, tiêu chuẩn VietGAP và đảm bảo các điều kiện về hạ tầng phục vụ sản xuất. | Đạt | Văn bản số 1065/KT ngày 26/9/2024 của Phòng Kinh tế về báo cáo kết quả thẩm tra các tiêu chí huyện Nông thôn mới nâng cao do Phòng Kinh tế phụ trách |

| Số tt | Tên tiêu chí | Nội dung tiêu chí | Yêu cầu đạt chuẩn (TP. HCM) | Kết quả thực hiện | Kết quả tự đánh giá của huyện | *Văn bản đánh giá của Phòng, ban huyện* |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | 6.3. Có Trung tâm kỹ thuật nông nghiệp hoặc đơn vị chuyển giao kỹ thuật nông nghiệp hoạt động hiệu quả | Đạt | Trên địa bàn huyện không có Trung tâm kỹ thuật nông nghiệp; hiện có Trạm khuyến nông, Trạm Chăn nuôi và Thú ý, Trạm Trồng trọt và Bảo vệ thực vật Hóc Môn – Quận 12 hoạt động thường xuyên, hiệu quả trong công tác chuyển giao, hỗ trợ kỹ thuật nông nghiệp | Đạt | Văn bản số 1065/KT ngày 26/9/2024 của Phòng Kinh tế về báo cáo kết quả thẩm tra các tiêu chí huyện Nông thôn mới nâng cao do Phòng Kinh tế phụ trách |
| | | 6.4. Có chợ đạt tiêu chuẩn chợ kinh doanh thực phẩm theo quy định | Đạt | Trên địa bàn huyện có chợ Hóc Môn đạt chuẩn chợ hạng 2 | Đạt | |
| | | 6.5. Có Đề án/Kế hoạch hỗ trợ phát triển kinh tế nông thôn đối với sản phẩm chủ lực, sản phẩm OCOP và được triển khai hiệu quả | Đạt | Huyện đã ban hành và triển khai nhiều Kế hoạch liên quan hỗ trợ phát triển kinh tế nông thôn đối với sản phẩm chủ lực, sản phẩm OCOP và được triển khai hiệu quả | Đạt | Văn bản số 1065/KT ngày 26/9/2024 của Phòng Kinh tế về báo cáo kết quả thẩm tra các tiêu chí huyện Nông thôn mới nâng cao do Phòng Kinh tế phụ trách |
| | | 6.6. Hình ảnh điểm du lịch của huyện được quảng bá thông qua ứng dụng Internet, mạng xã hội | Đạt | - Các di tích, điểm đến trên địa bàn huyện Hóc Môn được công nhận là các điểm đến đẹp, đặc sắc tại Thành phố, tích hợp vào Bản đồ Du lịch tương tác thông minh 3D/360 của Thành phố tại địa chỉ https://map3d.visithcmc.vn.<br>- Sản phẩm du lịch được công nhận, quảng bá trên các trang mạng xã hội như: https://www.youtube.com/watch?v=pd-UtEgLM5k<br>- Điểm đến du lịch được giới thiệu, quảng bá như: https://www.youtube.com/watch?v=OpNj4wfyaig | Đạt | Công văn số 945/VHTT ngày 17/9/2024 của Phòng Văn hóa và Thông tin về thẩm tra, đánh giá các Tiêu mục 6.6 huyện nông thôn mới nâng cao |
| | | 7.1. Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn không nguy hại trên địa bàn huyện được thu gom và xử lý theo quy định | ≥95% | Đến nay, đã vận động, tuyên truyền 100% hộ gia đình (123.712/123.712 hộ) thực hiện quy định về thu gom, xử lý chất thải rắn sinh hoạt đúng quy định, kết quả có 123.624/123.712 hộ dân tham gia chuyển giao rác thải sinh hoạt cho các đơn vị có chức năng, đạt tỷ lệ 99,93%, các hộ dân còn lại tự xử lý hợp vệ sinh tại nhà. | Đạt | Công văn số 4237/BC-TNMT ngày 19/8/2024 của Phòng Tài nguyên và Môi trường về |

| Số tt | Tên tiêu chí | Nội dung tiêu chí | Yêu cầu đạt chuẩn (TP. HCM) | Kết quả thực hiện | Kết quả tự đánh giá của huyện | Văn bản đánh giá của Phòng, ban huyện |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 7 | Môi trường | 7.2. Tỷ lệ chất thải rắn nguy hại trên địa bàn huyện được thu gom, vận chuyển và xử lý đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường | 100% | - Nhằm đảm bảo chất thải rắn nguy hại phát sinh từ các hộ gia đình trên địa bàn huyện được thu gom, vận chuyển và xử lý đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường, Ủy ban nhân dân huyện tổ chức "Tuần lễ thu gom chất thải nguy hại hộ gia đình" hàng năm trên địa bàn huyện Hóc Môn. Kết quả thu gom được khoảng 400kg chất thải nguy hại mỗi năm.<br>- Về chất thải nguy hại công nghiệp: phát sinh từ các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trên địa bàn huyện được các cơ sở chủ động ký hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom và xử lý theo đúng quy định của pháp luật. | Đạt | Kết quả thực hiện một số tiêu chí, chỉ tiêu thuộc lĩnh vực môi trường trong các Bộ tiêu chí xây dựng nông thôn mới gắn với đô thị hóa trên địa bàn vùng nông thôn Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2021-2025 |
| | | 7.3. Tỷ lệ chất thải hữu cơ, phụ phẩm nông nghiệp được thu gom, tái sử dụng, tái chế thành các nguyên liệu, nhiên liệu và sản phẩm thân thiện với môi trường | ≥80% | - Tỷ lệ khối lượng chất thải, phụ phẩm nông nghiệp được thu gom, xử lý, tái sử dụng so với khối lượng chất thải phát sinh đạt 100% (130.144/130.144 kg/ngày).<br>- Tỷ lệ hộ gia đình, trang trại áp dụng các biện pháp tái sử dụng và tái chế chất thải hữu cơ, phụ phẩm nông nghiệp so với tổng số hộ gia đình, trang trại đạt 100% (1.834/1.834 cơ sở). | Đạt | Văn bản số 1065/KT ngày 26/9/2024 của Phòng Kinh tế về báo cáo kết quả thẩm tra các tiêu chí huyện Nông thôn mới nâng cao do Phòng Kinh tế phụ trách |
| | | 7.4. Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn | ≥70% | Huyện đã triển khai phân loại chất thải rắn sinh hoạt từ hộ gia đình thành 02 nhóm (nhóm chất thải có khả năng tái sử dụng, tái chế và nhóm chất thải còn lại) với tỷ lệ đạt 81,27% (100.540/123.712 hộ gia đình) | Đạt | Công văn số 4237/BC-TNMT ngày 19/8/2024 của Phòng Tài nguyên và Môi trường. |
| | | 7.5. Tỷ lệ nước thải sinh hoạt trên địa bàn toàn huyện được thu gom, xử lý bằng các biện pháp, công trình phù hợp | ≥50% | Hiện nay, trên địa bàn huyện chưa có hệ thống xử lý nước thải tập trung. 113.107/113.107 hộ gia đình thuộc 10/10 xã thực hiện thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt bằng bể tự hoại; đạt tỷ lệ 100% | Đạt | Công văn số 3365/QLĐT ngày 02/10/2024 của Phòng Quản lý đô thị |
| | | 7.6. Đất cây xanh sử dụng công cộng tại điểm dân cư nông thôn | ≥ 4m$^2$ /người | tỷ lệ đất cây xanh sử dụng công cộng tại điểm dân cư nông thôn tại 04 xã có quy hoạch điểm dân cư nông thôn đạt 5,52 m²/người | Đạt | Công văn số 2679/QLĐT ngày 09/8/2024 của Phòng Quản lý đô thị |
| | | 7.7. Không có làng nghề ô nhiễm môi trường trên địa bàn huyện | Đạt | Trên địa bàn huyện Hóc Môn không có làng nghề | Đạt | Công văn số 4237/BC-TNMT ngày 19/8/2024 của Phòng Tài |

| Số tt | Tên tiêu chí | Nội dung tiêu chí | Yêu cầu đạt chuẩn (TP. HCM) | Kết quả thực hiện | Kết quả tự đánh giá của huyện | Văn bản đánh giá của Phòng, ban huyện |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | 7.8. Tỷ lệ chất thải nhựa phát sinh trên địa bàn được thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý theo quy định | ≥ 85% | Hiện nay, chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn huyện được phân loại thành 2 nhóm, gồm: nhóm chất thải có khả năng tái sử dụng, tái chế; nhóm chất thải còn lại. Nhóm chất thải thải nhựa có khả năng tái sử dụng sau khi được phân loại sẽ được chuyển giao cho đơn vị thu gom rác hoặc bán lại cho những đơn vị thu mua phế liệu. Tỷ lệ đạt trên 90% | Đạt | nguyên và Môi trường về Kết quả thực hiện một số tiêu chí, chỉ tiêu thuộc lĩnh vực môi trường trong các Bộ tiêu chí xây dựng nông thôn mới gắn với đô thị hóa giai đoạn 2021-2025 |
| | | 7.9. Có mô hình tái chế chất thải hữu cơ, phụ phẩm nông nghiệp quy mô cấp xã trở lên | > 01 mô hình | Hiện nay trên địa bàn huyện không có mô hình này. Công tác thu gom và xử lý chất thải hữu cơ, phụ phẩm nông nghiệp từ các hộ gia đình, hộ sản xuất, hộ kinh doanh trên địa bàn huyện do các Hợp tác xã, công ty TNHH MTV Dịch vụ Công ích huyện thực hiện tốt và được vận chuyển đến các nơi xử lý rác tập trung | Đạt | Văn bản số 1065/KT ngày 26/9/2024 của Phòng Kinh tế về báo cáo kết quả thẩm tra các tiêu chí huyện Nông thôn mới nâng cao do Phòng Kinh tế phụ trách |
| | | 7.10. Khu công nghiệp, cụm công nghiệp, làng nghề trên địa bàn thực hiện đúng các quy định về bảo vệ môi trường, trong đó tỷ lệ đất trồng cây xanh trong khu công nghiệp, cụm công nghiệp tối thiểu là 10% diện tích toàn khu | Đạt | Trên địa bàn huyện Hóc Môn có 02 Cụm Công nghiệp là Cụm Công nghiệp Nhị Xuân và Cụm Công nghiệp Xuân Thới Sơn A; Cụm Công nghiệp Nhị Xuân có hệ thống xử lý nước thải tập trung với lưu lượng xử lý là 500 m3/ngày đêm; Cụm Công nghiệp Khánh Đông chưa có hệ thống xử lý nước thải tập trung, do đó nước thải phát sinh được xử lý tại chỗ trước khi thải ra môi trường.<br>Ngoài ra, cả 02 Cụm Công nghiệp này có tối thiểu 10% diện tích đất toàn khu để làm diện tích đất cây xanh. Theo đó, mỗi doanh nghiệp hoạt động trong 02 cụm công nghiệp này đều phải dành tối thiểu 20% diện tích đất trồng cây xanh trên toàn diện tích của mỗi lô đất xây dựng. | Đạt | Công văn số 4237/BC-TNMT ngày 19/8/2024 của Phòng Tài nguyên và Môi trường về Kết quả thực hiện một số tiêu chí, chỉ tiêu thuộc lĩnh vực môi trường trong các Bộ tiêu chí xây dựng nông thôn mới gắn với đô thị hóa trên địa bàn vùng nông thôn Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2021-2025 |

| Số tt | Tên tiêu chí | Nội dung tiêu chí | Yêu cầu đạt chuẩn (TP. HCM) | Kết quả thực hiện | Kết quả tự đánh giá của huyện | Văn bản đánh giá của Phòng, ban huyện |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | 7.11. Tỷ lệ điểm tập kết, trung chuyển chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn huyện có hạ tầng về bảo vệ môi trường theo quy định | 100% | Trên địa bàn huyện có 02/03 trạm trung chuyển chất thải rắn sinh hoạt (Bà Điểm và Xuân Thới Thượng) đáp ứng yêu cầu kỹ thuật và bảo vệ môi trường theo quy định hiện hành và quy hoạch xử lý chất thải rắn Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2050, trạm trung chuyển Tân Thới Nhì sẽ ngưng hoạt động vào năm 2025 để phù hợp với quy hoạch chung của địa phương (trạm trung chuyển Tân Thới Nhì có hệ thống phun sương khử mùi và toàn bộ nước thải phát sinh trong quá trình hoạt động được thu gom và vận chuyển về trạm trung chuyển Xuân Thới Thượng để xử lý). | Đạt | Công văn số 4237/BC-TNMT ngày 19/8/2024 của Phòng Tài nguyên và Môi trường về Kết quả thực hiện một số tiêu chí, chỉ tiêu thuộc lĩnh vực môi trường trong các Bộ tiêu chí xây dựng nông thôn mới gắn với đô thị hóa trên địa bàn vùng nông thôn Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2021-2025 |
| | | 8.1. Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn từ hệ thống cấp nước tập trung | ≥ 48% | 100% hộ dân (110.430/110.430 hộ) trên địa bàn huyện được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn từ công trình cấp nước tập trung từ mạng lưới đường ống cấp 3, bồn cấp nước tập trung, đồng hồ tổng | Đạt | Công văn số 2679/QLĐT ngày 09/8/2024 của Phòng Quản lý đô thị về báo cáo kết quả thẩm tra các tiêu chí huyện Nông thôn mới nâng cao: tiêu chí 2 – Giao thông (chỉ tiêu số 2.1, 2.2, 2.3), tiêu chí số 7 - Môi trường (chỉ tiêu 7.6) và tiêu chí 8 - Chất lượng môi trường sống (chỉ tiêu 8.1, 8.2 8.3) |
| | | 8.2. Cấp nước sinh hoạt đạt chuẩn bình quân đầu người/ngày đêm | ≥ 80 lít | Theo số liệu thống kê từ Công ty TNHH MTV Nước ngầm Sài Gòn, sản lượng nước sạch, hiện nay bình quân đầu người trên địa bàn huyện đang được cung cấp trung bình khoảng 270 lít/người/ngày đêm | Đạt | |
| | | 8.3. Tỷ lệ công trình cấp nước tập trung trên địa bàn huyện có tổ chức quản lý, khai thác hoạt động bền vững | ≥ 40% | Công trình cấp nước tập trung trên địa bàn huyện gồm mạng lưới đường ống cấp 3, bồn cấp nước tập trung, đồng hồ tổng; 100% các công trình này đều có tổ chức quản lý, khai thác hoạt động bền vững. | Đạt | |

| Số tt | Tên tiêu chí | Nội dung tiêu chí | Yêu cầu đạt chuẩn (TP. HCM) | Kết quả thực hiện | Kết quả tự đánh giá của huyện | *Văn bản đánh giá của Phòng, ban huyện* |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 8 | Chất lượng môi trường sống | 8.4. Có ít nhất 01 mô hình xử lý nước mặt (ao, hồ) bảo đảm quy định về bảo vệ môi trường | Đạt | Trên địa bàn huyện có 01 ao nước mặt tại ấp 3, xã Xuân Thới Sơn nay đã được cải tạo, xây dựng lại thành Công viên du lịch sinh thái Hóc Môn (địa chỉ: 106 đường Xuân Thới Thượng 6, Ấp 3, xã Xuân Thới Sơn, huyện Hóc Môn). Qua đánh giá, ao nước này đã được cải thiện, nâng cao chất lượng môi trường nước mặt và bảo đảm các quy định về bảo vệ môi trường để cải tạo thành điểm vui chơi, giải trí... tạo cảnh quan, không gian sinh hoạt cộng đồng trên địa bàn huyện Hóc Môn. | Đạt | 'Công văn số 4237/BC-TNMT ngày 19/8/2024 của Phòng Tài nguyên và Môi trường về Kết quả thực hiện một số tiêu chí, chỉ tiêu thuộc lĩnh vực môi trường trong các Bộ tiêu chí xây dựng nông thôn mới gắn với đô thị hóa trên địa bàn vùng nông thôn Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2021-2025 |
| | | 8.5. Cảnh quan, không gian trên địa bàn toàn huyện đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp, an toàn | Đạt | - Nhằm đảm bảo công tác vệ sinh môi trường, mỹ quan đô thị trên địa bàn huyện Hóc Môn, hàng năm, Ủy ban nhân dân huyện chỉ đạo các đơn vị thực hiện công tác tổng vệ sinh môi trường nhân dịp các ngày lễ lớn.<br>- Ủy ban nhân dân huyện ban hành nhiều Kế hoạch về kiểm tra tình hình bảo vệ môi trường; Kế hoạch về triển khai Chương trình Giảm ô nhiễm môi trường trên địa bàn huyện.<br>- Lũy kế giai đoạn 2021-2023, Ủy ban nhân dân huyện đã chỉ đạo trồng mới và cải tạo 76.965 cây xanh các loại tại các tuyến đường, khu dân cư, ven sông kênh rạch, khu đất trống. | Đạt | 'Công văn số 4237/BC-TNMT ngày 19/8/2024 của Phòng Tài nguyên và Môi trường về Kết quả thực hiện một số tiêu chí, chỉ tiêu thuộc lĩnh vực môi trường trong các Bộ tiêu chí xây dựng nông thôn mới gắn với đô thị hóa trên địa bàn vùng nông thôn Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2021-2025 |
| | | 8.6. Tỷ lệ cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm do huyện quản lý tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm | 100% | Hiện nay (năm 2024), tổng số cơ sở thực phẩm ngành y tế quản lý là 1.721 cơ sở dịch vụ ăn uống (quán ăn, quán giải khát, bếp ăn tập thể, nấu đám tiệc, thức ăn đường phố); trong đó, cấp huyện quản lý 248 cơ sở dịch vụ ăn uống, uống tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm, đạt tỷ lệ 100% | Đạt | Công văn số 586/BC-YT ngày 19/7/2024 của Phòng Y tế về Kết quả thực hiện Bộ tiêu chí huyện nông thôn mới nâng cao gắn với đô thị hóa - tiêu chí 8.6, 8.8 trong tiêu chí 8- Chất lượng môi trường sống trên địa bàn huyện |

| Số tt | Tên tiêu chí | Nội dung tiêu chí | Yêu cầu đạt chuẩn (TP. HCM) | Kết quả thực hiện | Kết quả tự đánh giá của huyện | Văn bản đánh giá của Phòng, ban huyện |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | 8.7. Tỷ lệ cán bộ làm công tác quản lý chất lượng an toàn thực phẩm nông lâm thủy sản do huyện quản lý hàng năm được bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ | 100% | - Trên địa bàn huyện hiện có 30 cán bộ làm công tác quản lý chất lượng an toàn thực phẩm nông lâm thủy sản, trong đó tuyến huyện có 04 cán bộ gồm Phòng Kinh tế huyện (01 cán bộ chuyên trách, 01 cán bộ kiêm nhiệm); Trạm Chăn nuôi và Thú y Hóc Môn (Phòng Y tế huyện (02 cán bộ chuyên trách). Tại tuyến xã, hiện tại mỗi xã có 02 cán bộ làm công tác đảm bảo an toàn thực phẩm trên lĩnh vực nông, lâm, thủy sản gồm có đồng chí Phó chủ tịch UBND xã và cán bộ phụ trách lĩnh vực kinh tế, văn hóa xã hội.<br>- Tỷ lệ cán bộ làm công tác quản lý chất lượng an toàn thực phẩm nông lâm thủy sản do huyện quản lý hằng năm được bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ đạt 100% (30/30 cán bộ) | Đạt | Văn bản số 1065/KT ngày 26/9/2024 của Phòng Kinh tế về báo cáo kết quả thẩm tra các tiêu chí huyện Nông thôn mới nâng cao do Phòng Kinh tế phụ trách |
| | | 8.8. Không để xảy ra sự cố về an toàn thực phẩm trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý của huyện | Không | Năm 2023 và trong năm 2024, trên địa bàn huyện không xảy ra ngộ độc thực phẩm. | Đạt | Công văn số 586/BC-YT ngày 19/7/2024 của Phòng Y tế về Kết quả thực hiện Bộ tiêu chí huyện nông thôn mới nâng cao gắn với đô thị hóa - tiêu chí 8.6, 8.8 trong tiêu chí 8- Chất lượng môi trường sống trên địa bàn huyện |
| | | 8.9. Có Kế hoạch/Đề án kiểm kê, kiểm soát, bảo vệ chất lượng nước; phục hồi cảnh quan, cải tạo hệ sinh thái ao hồ và các nguồn nước mặt trên địa bàn huyện | Đạt | - Để kiểm soát tình hình bảo vệ môi trường nói chung và bảo vệ chất lượng nước nói riêng trên địa bàn huyện, hàng năm, Ủy ban nhân dân huyện ban hành Kế hoạch kiểm tra tình hình bảo vệ môi trường của các đơn vị hoạt động sản xuất, kinh doanh và việc thực hiện các quy định về vệ sinh nơi công cộng trên địa bàn huyện Hóc Môn.<br>- Nhằm tăng cường hiệu quả thực hiện giảm khai thác nước dưới đất và trám lấp giếng khai thác nước dưới đất trên địa bàn huyện, Ủy ban nhân dân huyện ban hành Kế hoạch giảm khai thác nước dưới đất và trám lấp giếng khai thác nước dưới đất trên địa bàn huyện Hóc Môn giai đoạn 2020-2025, và các Kế hoạch hàng năm. | Đạt | Công văn số 4237/BC-TNMT ngày 19/8/2024 của Phòng Tài nguyên và Môi trường về Kết quả thực hiện một số tiêu chí, chỉ tiêu thuộc lĩnh vực môi trường trong các Bộ tiêu chí xây dựng nông thôn mới gắn với đô thị hóa trên địa bàn vùng nông thôn Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2021-2025 |

| Số tt | Tên tiêu chí | Nội dung tiêu chí | Yêu cầu đạt chuẩn (TP. HCM) | Kết quả thực hiện | Kết quả tự đánh giá của huyện | *Văn bản đánh giá của Phòng, ban huyện* |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | 8.10. Có mô hình xã, ấp thông minh | Đạt | Hiện nay, UBND các xã - thị trấn đều có ứng dụng các phần mềm quản lý nêu trên triển khai các thủ tục giải quyết hành chính trực tuyến toàn trình gồm 25 TTHC theo quy định. Ngoài ra còn thực hiện mô hình tuyên truyền của các hội, đoàn thể được trao đổi thông tin qua mạng... kiện toàn 362 tổ công nghệ số cộng đồng, kịp thời triển khai thông tin đến các tầng lớp nhân dân. | Đạt | Văn bản số 841/VHTT ngày 15/8/2024 của Phòng Văn hóa và Thông tin huyện về việc thẩm định chỉ tiêu 8.10 có mô hình xã, thôn thông minh |
| 9 | Hệ thống chính trị - An ninh, trật tự - Hành chính công | 9.1. Đảng bộ, chính quyền huyện được xếp loại chất lượng hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên | Đạt | - Năm 2021, 2022, 2023: Đảng bộ huyện được Ban Thường vụ Thành ủy đánh giá xếp loại hoàn thành tốt nhiệm vụ theo các Thông báo kết luận : số 916-TB/TU ngày 15 tháng 8 năm 2022, số 1133-TB/TU ngày 10 tháng 4 năm 2023, số 1611-TB/TU ngày 04 tháng 5 năm 2024.<br>- Năm 2021, 2022, 2023 Uỷ ban nhân dân huyện được nhận Bằng khen của Uỷ ban nhân dân thành phố do đã có thành tích xuất sắc nhiệm vụ theo các quyết định : Quyết định số 741/QĐ-UBND ngày 15/3/2022, Quyết định số 954/QĐ-UBND ngày 20/3/2022, Quyết định số 661/QĐ-UBND ngày 05/3/2023 của Uỷ ban nhân dân thành phố | Đạt | Báo cáo số 620/BC-NV ngày 18/6/2024 của Phòng Nội vụ về Kết quả thẩm định chỉ tiêu 9.1 và 9.3 của huyện; chỉ tiêu 16.1 và 16.2 năm 2024 của các xã |
| | | 9.2. Tổ chức chính trị - xã hội của huyện được xếp loại chất lượng hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên | 100% | Kết quả xếp loại thi đua trong các năm 2021, năm 2022, năm 2023 các tổ chức chính trị - xã hội của huyện được xếp loại chất lượng hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên, cụ thể như sau:<br>- Uỷ ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam huyện , Huyện Đoàn , Hội Nông dân huyện , Hội Phụ nữ huyện hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ;<br>- Hội Cựu chiến binh huyện đạt hoàn thành tốt nhiệm vụ .<br>- Liên đoàn Lao động huyện đạt hoàn thành tốt nhiệm vụ. | Đạt | Văn bản số 874-CV/BDVHU ngày 04/9/2024 của Ban Dân vận Huyện ủy về kết quả thẩm tra tiêu chí 9.2 (các tổ chức chính trị - xã hội của huyện đạt hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên) |
| | | 9.3. Trong 02 năm liên tục trước năm xét công nhận, không có công chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý bị xử lý kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự | Không | Trong năm 2022, 2023, huyện không có công chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý bị xử lý kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự. | Đạt | Báo cáo số 620/BC-NV ngày 18/6/2024 của Phòng Nội vụ về Kết quả thẩm định chỉ tiêu 9.1 và 9.3 của huyện; chỉ tiêu 16.1 và 16.2 năm 2024 của các xã |

| Số tt | Tên tiêu chí | Nội dung tiêu chí | Yêu cầu đạt chuẩn (TP. HCM) | Kết quả thực hiện | Kết quả tự đánh giá của huyện | Văn bản đánh giá của Phòng, ban huyện |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | 9.4. Huyện đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo quy định. | Đạt | Căn cứ Quyết định số 1143/QĐ-BTP ngày 20 tháng 6 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp, hướng dẫn nội dung Chỉ tiêu 9.4: Qua kết quả thực hiện từ 01/01/2023 đến 31/12/2023, huyện Hóc Môn "Huyện đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo quy định" thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về huyện nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025. | Đạt | Báo cáo số 342/BC-TP ngày 17/7/2024 của Phòng Tư pháp về Kết quả thực hiện Chỉ tiêu 9.6 "Huyện đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo quy định" thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về huyện nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 |
| | | 9.5. An ninh, trật tự trên địa bàn huyện được giữ vững ổn định và nâng cao | Đạt | - Tình hình an ninh chính trị trên địa bàn huyện Hóc Môn luôn được giữ vững ổn định, không có tổ chức, cá nhân hoạt động chống Đảng, chính quyền, phá hoại kinh tế; truyền đạo trái pháp luật, khiếu kiện đông người kéo dài.<br>- Tình hình khiếu kiện không để gây phức tạp về an ninh trật tự, một số xã vẫn còn xảy ra khiếu kiện liên quan đến đất đai, cấp ủy, chính quyền đã chủ động tham mưu, giải quyết dứt điểm, không để kéo dài, khiếu kiện vượt cấp. | Đạt | Công văn số 5253/CAHM-TM ngày 14/8/2024 của Công an huyện về nhận xét, đánh giá việc thực hiện các tiêu chí huyện nông thôn mới nâng cao, xã nông thôn mới nâng cao và nông thôn mới kiểu mẫu trên địa bàn huyện |
| | | 9.6. Có dịch vụ công trực tuyến toàn trình | Đạt | Tỷ lệ giải quyết hồ sơ hành chính đúng hạn của Ủy ban nhân dân huyện hàng năm đạt tỷ lệ 99% trở lên, đánh giá hài lòng đạt 95% trở lên.<br>Năm 2021 đến năm 2022, Ủy ban nhân dân huyện tiếp tục duy trì sử dụng Hệ thống ISO điện tử/Hóc Môn trực tuyến, theo đó một số thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của huyện đã được cấu hình tích hợp trên Hệ thống ISO điện tử và tổ chức triển khai thực hiện Dịch vụ công trực tuyến. Từ năm 2023 đến nay, Ủy ban nhân dân huyện tổ chức triển khai và thực hiện tiếp nhận, giải quyết hồ sơ hành chính trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính Thành phố, Cổng Dịch vụ công quốc gia. Kết quả qua 03 năm triển khai thực hiện (2021-2023), tỷ lệ hồ sơ trực tuyến trên địa bàn huyện đạt tỷ lệ từ 46% trở lên. | Đạt | Văn bản số 604/VP ngày 09/8/2024 của Văn Phòng HĐND - UBND huyện về báo cáo kết quả thực hiện các tiêu chí huyện Nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025 |
| **TỔNG CỘNG CHỈ TIÊU** | | | **49** | | **49** | |
| **TỔNG CỘNG TIÊU CHÍ: 9/9 tiêu chí đạt.** | | | | | | |

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN HÓC MÔN

**Phụ lục 3**

**HỆ THỐNG CHỈ TIÊU CỦA TIÊU CHÍ 1 - QUY HOẠCH**

| Stt | Tên xã | Tiêu Chí 1.1 | | Tiêu Chí 1.2 | | Tiêu Chí 1.3 | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Sự khác biệt QH chung của xã và QH cấp trên có bản thống kê | | Quy chế quản lý và tổ chức thực hiện QH xây dựng và quản lý XD theo QH | | QHCT XD trung tâm xã hoặc QHCT XD điểm dân cư nông thôn | | |
| | | Có | Không | Có | Không | Có | Không | Ghi chú |
| 1 | Xã Xuân Thới Thượng | X | | X | | | X | Có quy hoạch phân khu 1/2000 |
| 2 | Xã Xuân Thới Đông | X | | X | | | X | Có quy hoạch phân khu 1/2000 |
| 3 | Xã Xuân Thới Sơn | X | | X | | X | | Điểm dân cư nông thôn số 1,2 |
| 4 | Xã Đông Thạnh | X | | X | | X | | Điểm dân cư nông thôn số 6,7,8 |
| 5 | Xã Nhị Bình | X | | X | | | X | Có quy hoạch phân khu 1/2000 |
| 6 | Xã Thới Tam Thôn | X | | X | | X | | Điểm dân cư nông thôn số 5 |
| 7 | Xã Tân Hiệp | X | | X | | X | | Điểm dân cư nông thôn số 3,4 |
| 8 | Xã Tân Thới Nhì | X | | X | | | X | Có quy hoạch phân khu 1/2000 |
| 9 | Xã Tân Xuân | X | | X | | | X | Có quy hoạch phân khu 1/2000 |
| 10 | Xã Bà Điểm | X | | X | | | X | Có quy hoạch phân khu 1/2000 |

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN HÓC MÔN

**Phụ lục 4**

**DANH MỤC CÁC QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT ĐỒ ÁN QUY HOẠCH TỶ LỆ 1/2000 CỦA 10 XÃ NÔNG THÔN MỚI NÂNG CAO HUYỆN HÓC MÔN**

| Xã | Tên đồ án quy hoạch, điều chỉnh quy hoạch | Cấp phê duyệt | Quyết định phê duyệt |
|---|---|---|---|
| Bà Điểm | Khu dân cư Vườn Trầu, xã Bà Điểm | UBND thành phố | Quyết định 4823/QĐ-UBND ngày 05/9/2013 |
| | Khu dân cư Bà Điểm (khu 2), xã Bà Điểm | UBND thành phố | Quyết định 3793/QĐ-UBND ngày 12/7/2013 |
| | Khu dân cư Trung tâm Xuân Thới Đông, xã Xuân Thới Đông – Bà Điểm | UBND thành phố | Quyết định 5250/QĐ-UBND ngày 25/9/2013 |
| | Khu dân cư Bắc Hương lộ 80, xã Bà Điểm - Xuân Thới Thượng | UBND thành phố | Quyết định 3728/QĐ-UBND ngày 09/7/2013 |
| | Khu dân cư Bà Điểm (gần kênh Tham Lương) (khu 1) | UBND thành phố | Quyết định 645/QĐ-UBND ngày 14/2/2014 |
| | Khu dân cư dọc Quốc lộ 1A, xã Bà Điểm | UBND thành phố | Quyết định 3794/QĐ-UBND ngày 12/7/2013 |
| Đông Thạnh | Điểm dân cư nông thôn số 6 | UBND huyện | Quyết định 4520/QĐ-UBND ngày 30/9/2022 |
| | Điểm dân cư nông thôn số 7 | UBND huyện | Quyết định 4521/QĐ-UBND ngày 30/9/2023 |
| | Điểm dân cư nông thôn số 8 | UBND huyện | Quyết định 4522/QĐ-UBND ngày 30/9/2023 |
| Nhị Bình | Khu dân cư dọc Hương lộ 12, xã Nhị Bình | UBND thành phố | Quyết định 5336/QĐ-UBND ngày 26/9/2013 |
| | Khu dân cư đô thị Tân Hiệp, xã Tân Hiệp | UBND thành phố | Quyết định 5075/QĐ-UBND ngày 16/10/2014 |
| Tân Hiệp | Khu dân cư ngã ba Hồng Châu phía Đông Bắc Quốc lộ 22, xã Tân Thới Nhì - Tân Hiệp | UBND thành phố | Quyết định 3795/QĐ-UBND ngày 12/7/2013 |
| | Khu dân cư đô thị Tân Hiệp, xã Tân Hiệp | UBND thành phố | Quyết định 5075/QĐ-UBND ngày 16/10/2014 |
| | Điểm dân cư nông thôn số 3, xã Tân Hiệp | UBND huyện | Quyết định 5020/QĐ-UBND ngày 28/10/2022 |
| | Điểm dân cư nông thôn số 4, xã Tân Hiệp | UBND huyện | Quyết định 4518/QĐ-UBND ngày 30/09/2022 |
| Tân Thới Nhì | Khu dân cư Hương lộ 65, xã Tân Thới Nhì | UBND thành phố | Quyết định 4675/QĐ-UBND ngày 28/8/2013 |
| | Khu đô thị đại học Quốc tế Việt Nam | UBND thành phố | Quyết định 1927/QĐ-UBND ngày 12/4/2012 |
| | Khu dân cư ngã ba Hồng Châu phía Tây Quốc lộ 22, xã Tân Thới Nhì | UBND thành phố | Quyết định 3910/QĐ-UBND ngày 18/7/2013 |
| | Khu dân cư ngã ba Hồng Châu phía Đông Bắc Quốc lộ 22, xã Tân Thới Nhì - Tân Hiệp | UBND thành phố | Quyết định 3795/QĐ-UBND ngày 12/7/2013 |
| | Khu dân cư đô thị Tân Thới Nhì, xã Tân Thới Nhì | UBND thành phố | Quyết định 5074/QĐ-UBND ngày 16/10/2014 |
| Tân Xuân | Khu dân cư Trung tâm Tân Xuân, xã Tân Xuân | UBND thành phố | Quyết định 3911/QĐ-UBND ngày 18/7/2013 |
| | Khu dân cư xã Tân Xuân phía Đông Quốc lộ 22 | UBND thành phố | Quyết định 4744/QĐ-UBND ngày 22/10/2010 |
| Thới Tam Thôn | Khu dân cư dọc HL80B xã Thới Tam Thôn – Trung Chánh | UBND thành phố | Quyết định 5342/QĐ-UBND ngày 26/9/2013 |
| | Khu dân cư xã Thới Tam Thôn (khu 1) | UBND thành phố | Quyết định 3472/QĐ-UBND ngày 29/6/2013 |
| | Khu dân cư xã Thới Tam Thôn (khu 2) | UBND thành phố | Quyết định 3471/QĐ-UBND ngày 29/6/2013 |
| | Khu dân cư Ngã Tư Thới Tứ, xã Thới Tam Thôn | UBND thành phố | Quyết định 4473/QĐ-UBND ngày 20/8/2013 |
| | Khu dân cư dọc HL80B xã Thới Tam Thôn – Trung Chánh | UBND thành phố | Quyết định 5342/QĐ-UBND ngày 26/9/2013 |
| | Điểm dân cư nông thôn số 5, xã Thới Tam Thôn | UBND huyện | Quyết định 4519/QĐ-UBND ngày 30/9/2022 |

| Xã | Tên đồ án quy hoạch, điều chỉnh quy hoạch | Cấp phê duyệt | Quyết định phê duyệt |
|---|---|---|---|
| Xuân Thới Đông | Khu dân cư dọc đường Trần Văn Mười, xã Xuân Thới Đông | UBND thành phố | Quyết định 3909/QĐ-UBND ngày 18/7/2013 |
| | Khu dân cư Trung tâm Xuân Thới Đông, xã Xuân Thới Đông – Bà Điểm | UBND thành phố | Quyết định 5250/QĐ-UBND ngày 25/9/2013 |
| Xuân Thới Sơn | Điểm dân cư nông thôn số 2, xã Xuân Thới sơn | UBND huyện | Quyết định 5021/QĐ-UBND ngày 28/10/2022 |
| | Điểm dân cư nông thôn số 1, xã Xuân Thới sơn | UBND huyện | Quyết định 5022/QĐ-UBND ngày 28/10/2022 |
| Xuân Thới Thượng | Khu dân cư Bắc Hương lộ 80, xã Bà Điểm - Xuân Thới Thượng | UBND thành phố | Quyết định 3728/QĐ-UBND ngày 09/7/2013 |
| | Khu dân cư dọc Tỉnh lộ 14, xã Xuân Thới Thượng | UBND thành phố | Quyết định 4474/QĐ-UBND ngày 20/8/2013 |
| | Khu dân cư Thị tứ Cầu Lớn, xã Xuân Thới Sơn | UBND thành phố | Quyết định 5131/QĐ-UBND ngày 20/9/2013 |
| | Khu dân cư Trung tâm Xuân Thới Đông, xã Xuân Thới Đông – Bà Điểm | UBND thành phố | Quyết định 5250/QĐ-UBND ngày 25/9/2013 |
| | Khu dân cư Ngã Ba Giồng, xã Xuân Thới Thượng | UBND thành phố | Quyết định 4382/QĐ-UBND ngày 15/8/2013 |
| | Khu dân cư phía Đông TL14, xã Xuân Thới Thượng | UBND thành phố | Quyết định 5130/QĐ-UBND ngày 20/9/2013 |
| | Khu dân cư xã Xuân Thới Thượng | UBND thành phố | Quyết định 4958/QĐ-UBND ngày 11/9/2013 |
| | Khu dân cư xã Xuân Thới Thượng (giáp Delta) | UBND thành phố | Quyết định 3482/QĐ-UBND ngày 09/7/2013 |

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN HÓC MÔN

Phụ lục 5

# HỆ THỐNG CHỈ TIÊU 2.1, 2.2, 2.3 CỦA TIÊU CHÍ 2 – GIAO THÔNG

| Số tt | Tên tiêu chí | Nội dung tiêu chí | | Chỉ tiêu TP. HCM | Kết quả, tiến độ thực hiện của 10 xã nông thôn mới | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | Bà Điểm | Đông Thạnh | Thới Tam Thôn | Xuân Thới Thượng | Xuân Thới Đông | Xuân Thới Sơn | Nhị Bình | Tân Xuân | Tân Hiệp | Tân Thới Nhì | Tổng |
| | | | | | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | |
| 2 | Giao thông | 2.1. Tỷ lệ đường xã được bảo trì hàng năm, đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp và có các hạng mục cần thiết (biển báo, biển chỉ dẫn, chiếu sáng, gờ giảm tốc, cây xanh…) theo quy định | | 100% | 100% (8/8 tuyến) | 100% (7/7 tuyến) | 100% (9/9 tuyến) | 100% (9/9 tuyến) | 100% (5/5 tuyến) | 100% (9/9 tuyến) | 100% (6/6 tuyến) | 100% (7/7 tuyến) | 100% (10/10 tuyến) | 100% (6/6 tuyến) | 76/76 |
| | | 2.2. Tỷ lệ đường ấp và đường liên ấp | Được nhựa hóa hoặc bê tông hóa và bảo trì hàng năm, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện | 100% | 100% (21/21 tuyến) | 100% (40/40 tuyến) | 100% (58/58 tuyến) | 100% (42/42 tuyến) | 100% (20/20 tuyến) | 100% (19/19 tuyến) | 100% (24/24 tuyến) | 100% (17/17 tuyến) | 100% (28/28 tuyến) | 100% (31/31 tuyến | 300/300 |
| 2 | Giao thông | 2.2. Tỷ lệ đường ấp và đường liên ấp | Có các hạng mục cần thiết theo quy định (biển báo, biển chỉ dẫn, chiếu sáng, gờ giảm tốc, cây xanh…) và đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp | 100% | 100% (21/21 tuyến) | 100% (40/40 tuyến) | 100% (58/58 tuyến) | 100% (42/42 tuyến) | 100% (20/20 tuyến) | 100% (19/19 tuyến) | 100% (24/24 tuyến) | 100% (17/17 tuyến) | 100% (28/28 tuyến) | 100% (31/31 tuyến | 300/300 |
| | | 2.3. Tỷ lệ đường hẻm, tổ được nhựa hóa hoặc bê tông hóa, đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp, đảm bảo đi lại thuận tiện quanh năm | | 100% | 100% (284/284 tuyến) | 100% (344/344 tuyến) | 100% (471/471 tuyến) | 100% (150/150 tuyến) | 100% (137/137 tuyến) | 100% (108/108 tuyến) | 100% (52/52 tuyến) | 100% (250/250 tuyến) | 100% (269/269 tuyến) | 100% (183/183 tuyến) | 2248/2248 |
| | | 2.4. Tỷ lệ đường trục chính nội đồng được cứng hóa đáp ứng yêu cầu sản xuất và vận chuyển hàng hóa thuận tiện quanh năm | | 100% | 100% (0 tuyến) | 100% (9/9 tuyến) | 100% (12/12 tuyến) | 100% (10/10 tuyến) | 100% (1/1 tuyến) | 100% (4/4 tuyến) | 100% (9/9 tuyến) | 100% (0 tuyến) | 100% (11/11 tuyến) | 100% (8/8 tuyến) | 64/64 |

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN HÓC MÔN

**Phụ lục 6**

**DANH MỤC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI THỰC HIỆN BẢO DƯỠNG, DUY TU TRÊN ĐỊA BÀN CÁC XÃ NÔNG THÔN MỚI NÂNG CAO, HUYỆN HÓC MÔN**

| TT | Tên công trình | Quy mô | Tình trạng công trình |
|---|---|---|---|
| **I** | **Xã Tân Hiệp** | | |
| 1 | Nâng cấp bờ bao đoạn nối rạch Rỗng Cùng - rạch Hóc Môn | Công trình thủy lợi: Gia cố bờ bao bằng đất chọn lọc, mặt bờ bao 2m, cao độ 2.2, mái 1,15 | đang sử dụng, không hư hỏng |
| 2 | Nâng cấp bờ bao Rỗng Mười Chạy | Công trình thủy lợi: Gia cố bờ bao bằng đất chọn lọc, mặt bờ bao 2m, cao độ 2.2, mái 1,16 | đang sử dụng, không hư hỏng |
| 3 | Nâng cấp bờ bao rạch Cầu Bông | Công trình thủy lợi: Gia cố bờ bao bằng đất chọn lọc, mặt bờ bao 4,0m, cao độ 2.2, mái 1,15 | đang sử dụng, không hư hỏng |
| 4 | Rạch Bến Than (Sáu Mía) | Công trình thủy lợi: Gia cố bờ bao bằng đất chọn lọc, mặt bờ bao 2,0m, cao độ 2.2, mái 1,15 | đang sử dụng, không hư hỏng |
| 5 | Rạch Bà Thân 2 | Công trình thủy lợi: Gia cố bờ bao bằng đất chọn lọc, mặt bờ bao 2,0m, cao độ 2.2, mái 1,15 | đang sử dụng, không hư hỏng |
| 6 | Nạo vét, gia cố kênh T1 | Công trình thủy lợi: Gia cố bờ bao bằng đất chọn lọc, mặt bờ bao 2m, cao độ 2.2, mái 1,15 | đang sử dụng, không hư hỏng |
| 7 | Nạo vét, gia cố kênh T2 | Công trình thủy lợi: Gia cố bờ bao bằng đất chọn lọc, mặt bờ bao 2m, cao độ 2.2, mái 1,15 | đang sử dụng, không hư hỏng |
| 8 | Rỗng Ngang | Công trình thủy lợi: Gia cố bờ bao bằng đất chọn lọc, mặt bờ bao 2m, cao độ 2.2, mái 1,15 | đang sử dụng, không hư hỏng |
| 9 | Rỗng Mướp | Công trình thủy lợi: Gia cố bờ bao bằng đất chọn lọc, mặt bờ bao 2m, cao độ 2.2, mái 1,15 | đang sử dụng, không hư hỏng |
| 10 | Nạo vét, gia cố kênh T3 | Công trình thủy lợi: Gia cố bờ bao bằng đất chọn lọc, mặt bờ bao 2m, cao độ 2.2, mái 1,15 | đang sử dụng, không hư hỏng |
| 11 | Nâng cấp bờ bao kênh Mới | Công trình thủy lợi: Gia cố bờ bao bằng đất chọn lọc, mặt bờ bao 4,0m, cao độ 2.2, mái 1,15 | đang sử dụng, không hư hỏng |
| 12 | Cách ly 6 | Công trình thủy lợi: Gia cố bờ bao bằng đất chọn lọc, mặt bờ bao 2,0m, cao độ 2.2, mái 1,15 | đang sử dụng, không hư hỏng |

| TT | Tên công trình | Quy mô | Tình trạng công trình |
|---|---|---|---|
| 13 | Kênh Đường Đỏ | Công trình thủy lợi: Gia cố bờ bao bằng đất chọn lọc, mặt bờ bao 4,0m, cao độ 2.2, mái 1,15 | đang sử dụng, không hư hỏng |
| **II** | **Xã Nhị Bình** | | |
| 1 | Rạch Năm Trị | Gia cố bờ bằng đất, mặt cấp phối đá dăm B=2m, nạo vét rạch | đang sử dụng, không hư hỏng |
| 2 | Rạch Mười Hùng | Gia cố bờ bằng đất, mặt cấp phối đá dăm B=2m,, nạo vét rạch | đang sử dụng, không hư hỏng |
| 3 | Rạch Cầu Võ | Gia cố bờ bằng đất B=2m, nạo vét rạch | đang sử dụng, không hư hỏng |
| 4 | Rạch Năm Lý | Gia cố bờ bằng đất, mặt cấp phối đá dăm B=2m, nạo vét rạch | đang sử dụng, không hư hỏng |
| 5 | Rạch Cầu Kinh | Gia cố bờ bằng đất, mặt cấp phối đá dăm B=2m, nạo vét rạch | đang sử dụng, không hư hỏng |
| 6 | Rạch Bảy Nhị | Gia cố bờ bằng đất, mặt cấp phối đá dăm B=2m, nạo vét rạch | đang sử dụng, không hư hỏng |
| 7 | Rạch Ông Đẻo | Gia cố bờ bằng đất B = 4m, nạo vét rạch | đang sử dụng, không hư hỏng |
| 8 | Rạch Tư Châu | Gia cố bờ bằng đất, mặt cấp phối đá dăm B=2m, nạo vét rạch | đang sử dụng, không hư hỏng |
| 9 | Rạch Nhum | Gia cố bờ bằng đất B=4m, nạo vét rạch | đang sử dụng, không hư hỏng |
| 10 | Rạch Nhum | Nâng cấp CPĐD mặt bờ bao B=4m | đang sử dụng, không hư hỏng |
| 11 | Rạch Hai Chấm | Gia cố bờ bằng đất, mặt cấp phối đá dăm B=2m, nạo vét rạch | đang sử dụng, không hư hỏng |
| 12 | Rạch Hai Lợi | Gia cố bờ bằng đất B=2m, nạo vét rạch | đang sử dụng, không hư hỏng |
| 13 | Rạch Hai Tập | Gia cố bờ bằng đất B=2m, nạo vét rạch | đang sử dụng, không hư hỏng |
| 14 | Rạch Út Chủi | Gia cố bờ bằng đất B=2m, mặt cấp phối đá dăm, nạo vét rạch | đang sử dụng, không hư hỏng |
| 15 | Rạch Hai Dề | Gia cố bờ bằng đất, mặt cấp phối đá dăm B=2m, nạo vét rạch | đang sử dụng, không hư hỏng |
| 16 | Rạch Ba Cụt | Gia cố bờ bằng đất, mặt cấp phối đá dăm bờ phải B=2m, bờ trái B=4m, nạo vét rạch | đang sử dụng, không hư hỏng |
| 17 | Rạch Tư Nam | Gia cố bờ bằng đất B=2m, nạo vét rạch | đang sử dụng, không hư hỏng |

| TT | Tên công trình | Quy mô | Tình trạng công trình |
|---|---|---|---|
| 18 | Rạch Cả Cản | Gia cố bờ bằng đất bờ phải B=4m, bờ trái B=2m, nạo vét rạch | đang sử dụng, không hư hỏng |
| 19 | Rạch Cầu Khởi | Gia cố bờ bằng đất, mặt cấp phối đá dăm B=2m, nạo vét rạch | đang sử dụng, không hư hỏng |
| 20 | Rạch Bà Vốn | Gia cố bờ bằng đất B=2m, nạo vét rạch | đang sử dụng, không hư hỏng |
| 21 | Rạch Tư Hía | Gia cố bờ bằng đất bờ phải B=2m bờ trái CPĐD B=4m, nạo vét rạch | đang sử dụng, không hư hỏng |
| 22 | Rạch Hai Ngàn | Gia cố bờ bằng đất B=2m, nạo vét rạch | đang sử dụng, không hư hỏng |
| 23 | Rạch Ba Cân | Gia cố bờ bằng đất B=2m, nạo vét rạch | đang sử dụng, không hư hỏng |
| 24 | Rạch Tám Chấn | Gia cố bờ bằng đất B=2m, nạo vét rạch | đang sử dụng, không hư hỏng |
| 25 | Rạch Mười Đờn | Gia cố bờ bằng đất, mặt cấp phối đá dăm bờ phải B=4m, bờ trái B=2m, nạo vét rạch | đang sử dụng, không hư hỏng |
| 26 | Rạch Nhà Lầu | Gia cố bờ bằng đất, mặt cấp phối đá dăm bờ phải B=4m, bờ trái B=2m, nạo vét rạch | đang sử dụng, không hư hỏng |
| 27 | Nâng cấp bờ bao sử dung cừ nhựa UPVC rạch Chín Triệu | Đắp đất bờ bao chiều dài L=900m, bề rộng B=4m, cao trình +2,0m, lắp đặt cửa van ngăn triều đầu rạch | đang sử dụng, không hư hỏng |
| 28 | Rạch Tư Bửu | Đắp đất bờ bao chiều dài L=1400m, bề rộng B=2m, cao trình +2,2m | đang sử dụng, không hư hỏng |
| 29 | Nâng cấp bờ bao sử dung cừ nhựa UPVC rạch Rỗng Lư | Bề rộng: 2,0m(bờ bao) x 01(bên);Đắp đất 1 bên bờ rạch, phục vụ việc đi lại của người dân;<br>- Nạo vét lòng rạch và đóng cừ nhựa UPVC một bên bờ để chống sạt lở. | đang sử dụng, không hư hỏng |
| **III** | **Xã Thới Tam Thôn** | | |
| 1 | Rạch Bà Đẹp (Kênh T1), ấp Trung Đông | Gia cố bờ đất, nạo vét | đang sử dụng, không hư hỏng |
| 2 | Kênh T2, ấp Trung Đông | Gia cố bờ đất, nạo vét | đang sử dụng, không hư hỏng |
| 3 | Kênh T3, ấp Trung Đông | Gia cố bờ đất, nạo vét | đang sử dụng, không hư hỏng |
| 4 | Kênh T4, ấp Trung Đông | Đắp đất bờ bao chiều dài L=763m, bề rộng B=2x2m, cao trình +2,2m, lắp đặt cống thoát nước | đang sử dụng, không hư hỏng |
| 5 | Rạch ông Hồ, ấp Trung Đông | Gia cố bờ đất, nạo vét | đang sử dụng, không hư hỏng |
| 6 | Rỗng đội 5 ra cầu đội 6 ấp Trung Đông | Gia cố bờ đất, nạo vét | đang sử dụng, không hư hỏng |

| TT | Tên công trình | Quy mô | Tình trạng công trình |
|---|---|---|---|
| 7 | Rỗng Ba Hiệp, ấp Trung Đông | Gia cố bờ đất, nạo vét | đang sử dụng, không hư hỏng |
| 8 | Rạch cầu đội 4, ấp Trung Đông | Gia cố bờ đất, nạo vét | đang sử dụng, không hư hỏng |
| 9 | Kênh T5, ấp Trung Đông | Gia cố bờ đất, nạo vét | đang sử dụng, không hư hỏng |
| 10 | Kênh T6, ấp Trung Đông | Gia cố bờ đất, nạo vét | đang sử dụng, không hư hỏng |
| **IV** | **Xã Đông Thạnh** | | |
| 1 | Rạch rỗng Gò Trại | Nâng cấp bờ bao bề rộng 2,2m, trải đá | đang sử dụng, không hư hỏng |
| 2 | Rạch Ông Bầu | Gia cố cừ tràm đắp bờ bao mặt bờ bao 1,5m bằng đất chọn lọc, cao độ 2.2, mái taluy 1,5m | đang sử dụng, không hư hỏng |
| 3 | Rạch Bến Bà May (ĐCL) | Gia cố bờ bao bằng đất chọn lọc, mặt bờ bao 1,5m trải đá 0x4, cao độ 2.2, mái taluy 1,5m | đang sử dụng, không hư hỏng |
| 4 | Nhánh Rạch Bến Bà May 1 | Gia cố bờ bao bằng đất chọn lọc, mặt bờ bao 1,5m trải đá 0x4, cao độ 2.2, mái taluy 1,5m | đang sử dụng, không hư hỏng |
| 5 | Nhánh Rạch Bến Bà May 2 | Gia cố bờ bao bằng đất chọn lọc, mặt bờ bao 1,5m trải đá 0x4, cao độ 2.2, mái taluy 1,5m | đang sử dụng, không hư hỏng |
| 6 | Nhánh Rạch Bến Lội 1 (ấp 3) | Gia cố bờ bao bằng đất chọn lọc, mặt bờ bao 1,5m , cao độ 2.2, mái taluy 1,5m | đang sử dụng, không hư hỏng |
| 7 | Rạch rỗng Giữa (ấp 3) | Gia cố bờ bao bằng đất chọn lọc, mặt bờ bao 1,5m, cao độ 2.2, mái taluy 1,5m | đang sử dụng, không hư hỏng |
| 8 | Nhánh Rạch Bến Đá 1 (ấp 4) | Nạo vét, khơi thông dòng chảy | đang sử dụng, không hư hỏng |
| 9 | Bờ bao sông rạch Tra (từ đường ĐT 2 đến rạch Rỗng U) | Nâng cấp bờ bao bề rộng 3m, trải đá | đang sử dụng, không hư hỏng |
| 10 | Bờ bao sông rạch Tra (đoạn đầu từ rạch Rỗng Lớn đến ĐT 2; đoạn 2 từ rạch rỗng U đến đường vào xưởng chế biến gỗ) | Nâng cấp bờ bao bề rộng 3m, trải đá | đang sử dụng, không hư hỏng |
| 11 | Rạch rỗng Gò Trại (Rạch Rỗng Lớn, ĐT) | Nâng cấp bờ bao bề rộng 2,2m, trải đá | đang sử dụng, không hư hỏng |

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN HÓC MÔN

**Phụ lục 7**

**THỐNG KÊ TỶ LỆ HỘ CÓ ĐĂNG KÝ TRỰC TIẾP VÀ ĐƯỢC SỬ DỤNG ĐIỆN SINH HOẠT, SẢN XUẤT ĐẢM BẢO TRÊN ĐỊA BÀN 10 XÃ NÔNG THÔN MỚI NÂNG CAO**

| STT | Tên xã | Tỷ lệ hệ thống lưới điện (bao gồm lưới điện cao áp, trạm biến áp phân phối, đường dây hạ áp, dây dẫn về hộ gia đình sau công tơ điện và công tơ điện) trên địa bàn xã đảm bảo thông số kỹ thuật và an toàn điện theo các tiêu chí của ngành điện | Tỷ lệ hộ dân đăng ký trực tiếp mua điện của Công ty Điện lực Hóc Môn và được sử dụng điện sinh hoạt, sản xuất đảm bảo an toàn, tin cậy và ổn định trên địa bàn xã |
|---|---|---|---|
| 1 | Xã Xuân Thới Thượng | 100% | 100% |
| 2 | Xã Nhị Bình | 100% | 100% |
| 3 | Xã Thới Tam Thôn | 100% | 100% |
| 4 | Xã Xuân Thới Sơn | 100% | 100% |
| 5 | Xã Đông Thạnh | 100% | 100% |
| 6 | Xã Tân Hiệp | 100% | 100% |
| 7 | Xã Tân Thới Nhì | 100% | 100% |
| 8 | Xã Tân Xuân | 100% | 100% |
| 9 | Xã Bà Điểm | 100% | 100% |
| 10 | Xã Xuân Thới Đông | 100% | 100% |

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN HÓC MÔN

**Phụ lục 8**

**KẾT QUẢ PHÂN LUỒNG HƯỚNG NGHIỆP NĂM HỌC 2022-2023**

| STT | Đơn vị | Xã | TN THCS | | | Kết quả tuyển sinh 10 | | | | | | Kết quả hướng nghiệp | | | | | | | | | Thống kê | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | | | | | | | | | | | Hệ giáo dục nghề nghiệp | | | | | | Số | Tỉ lệ |
| | | | Tốt nghiệp THCS chính thức | Tốt nghiệp THCS hệ Chính quy | Tốt nghiệp THCS hệ Phổ cập, tự do | Đăng ký dự TS 10 | Trúng tuyển lớp 10 công lập | Tỉ lệ so đăng ký thi (8=7/6) | Tỉ lệ so tốt nghiệp chính quy (9=7/4) | Số không đăng ký thi (10=4-6) | Hỏng (11=6-7) | SL cần HN (12=10+11) | THPT Tư thục | GDTX | Trung cấp chuyên nghiệp | Cao đẳng nghề | Trung cấp nghề | Học nghề tự do (đã, đang học) | Số lượng (19=13+14+15+16+17+18) | Tỉ lệ hướng nghiệp (20=19/12) | Học sinh tiếp tục học | So với học sinh chính quy (%) |
| *(1)* | *(2)* | | *(3)* | *(4)* | *(5)* | *(6)* | *(7)* | *(8)* | *(9)* | *(10)* | *(11)* | *(12)* | *(13)* | *(14)* | *(15)* | *(16)* | *(17)* | *(18)* | *(19)* | *(20)* | *(21)* | *(22)* |
| 1 | Đặng Công Bỉnh | Nhị Bình | 373 | 373 | 0 | 312 | 129 | 41,35 | 34,58 | 61 | 183 | 244 | 45 | 82 | 62 | 21 | 13 | 14 | 237 | 97,13 | 352 | 94,37 |
| 2 | Đỗ Văn Dậy | Tân Hiệp | 440 | 381 | 59 | 347 | 265 | 76,37 | 69,55 | 34 | 82 | 116 | 18 | 56 | 0 | 5 | 34 | 3 | 116 | 100,00 | 378 | 99,21 |
| 3 | Đông Thạnh | Đông Thạnh | 929 | 860 | 69 | 765 | 488 | 63,79 | 56,74 | 95 | 277 | 372 | 82 | 162 | 0 | 30 | 98 | 0 | 372 | 100,00 | 860 | 100,00 |
| 4 | Lý Chính Thắng 1 | Tân Thới Nhì | 434 | 404 | 30 | 373 | 226 | 60,59 | 55,94 | 31 | 147 | 178 | 46 | 77 | 0 | 12 | 40 | 3 | 178 | 100,00 | 401 | 99,26 |
| 5 | Nguyễn An Khương | Thị trấn HM | 334 | 334 | 0 | 333 | 323 | 97,00 | 96,71 | 1 | 10 | 11 | 11 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 11 | 100,00 | 334 | 100,00 |
| 6 | Nguyễn Hồng Đào | Xuân Thới Sơn | 543 | 543 | 0 | 505 | 302 | 59,80 | 55,62 | 38 | 203 | 241 | 85 | 61 | 0 | 12 | 70 | 13 | 241 | 100,00 | 530 | 97,61 |
| 7 | Nguyễn Văn Bứa | Xuân Thới Thượng | 435 | 435 | 0 | 385 | 175 | 45,45 | 40,23 | 50 | 210 | 260 | 48 | 141 | 15 | 8 | 2 | 46 | 260 | 100,00 | 389 | 89,43 |
| 8 | Phan Công Hớn | Bà Điểm | 644 | 578 | 66 | 547 | 250 | 45,70 | 43,25 | 31 | 297 | 328 | 66 | 115 | 75 | 40 | 3 | 29 | 328 | 100,00 | 549 | 94,98 |
| 9 | Tam Đông 1 | Thới Tam Thôn | 541 | 487 | 54 | 443 | 216 | 48,76 | 44,35 | 44 | 227 | 271 | 21 | 156 | 19 | 8 | 67 | 0 | 271 | 100,00 | 487 | 100,00 |
| 10 | Tân Xuân | Xuân Thới Đông | 606 | 606 | 0 | 545 | 335 | 61,47 | 55,28 | 61 | 210 | 271 | 59 | 84 | 0 | 43 | 48 | 37 | 271 | 100,00 | 569 | 93,89 |
| 11 | Thị Trấn | Thị trấn HM | 147 | 131 | 16 | 117 | 60 | 51,28 | 45,80 | 14 | 57 | 71 | 16 | 40 | 0 | 3 | 10 | 2 | 71 | 100,00 | 129 | 98,47 |
| 12 | Tô Ký | Tân Xuân | 718 | 718 | 0 | 623 | 333 | 53,45 | 46,38 | 95 | 290 | 385 | 93 | 130 | 26 | 31 | 80 | 25 | 385 | 100,00 | 693 | 96,52 |
| 13 | Trung Mỹ Tây 1 | Trung Chánh | 740 | 740 | 0 | 682 | 340 | 49,85 | 45,95 | 58 | 342 | 400 | 112 | 132 | 101 | 42 | 0 | 13 | 400 | 100,00 | 727 | 98,24 |
| 14 | Xuân Thới Thượng | Xuân Thới Thượng | 730 | 730 | 0 | 662 | 363 | 54,83 | 49,73 | 68 | 299 | 367 | 88 | 114 | 119 | 43 | 2 | 1 | 367 | 100,00 | 729 | 99,86 |
| **Huyện Hóc Môn** | | | **7614** | **7320** | **294** | **6639** | **3805** | **57,31** | **51,98** | **681** | **2834** | **3515** | **790** | **1350** | **417** | **298** | **467** | **186** | **3508** | **99,80** | 7127 | 97,36 |

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN HÓC MÔN

**Phụ lục 9**

# KẾT QUẢ PHÂN LUỒNG HƯỚNG NGHIỆP NĂM HỌC 2023-2024

| STT | Đơn vị | Xã | TN THCS | | | Kết quả tuyển sinh 10 | | | | | | Kết quả hướng nghiệp | | | | | | | | | Thống kê | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | | | | | | | | | | | Hệ giáo dục nghề nghiệp | | | | | | Số | Tỉ lệ |
| | | | Tốt nghiệp THCS chính thức | Tốt nghiệp THCS hệ Chính quy | Tốt nghiệp THCS hệ Phổ cập, tự do | Đăng ký dự TS 10 | Trúng tuyển lớp 10 công lập | Tỉ lệ so đăng ký thi (8=7/6) | Tỉ lệ so tốt nghiệp chính quy (9=7/4) | Số không đăng ký thi (10=4-6) | Hỏng (11=6-7) | SL cần HN (12=10+11) | THPT Tư thục | GDTX | Trung cấp chuyên nghiệp | Cao đẳng nghề | Trung cấp nghề | Học nghề tự do đã, đang học) | Số lượng (19=13+14+15+16+17+18) | Tỉ lệ hướng nghiệp (20=19/12) | học sinh tiếp tục học | So với học sinh chính quy (%) |
| *(1)* | *(2)* | | *(3)* | *(4)* | *(5)* | *(6)* | *(7)* | *(8)* | *(9)* | *(10)* | *(11)* | *(12)* | *(13)* | *(14)* | *(15)* | *(16)* | *(17)* | *(18)* | *(19)* | *(20)* | *(21)* | *(22)* |
| 1 | Đặng Công Bình | Nhị Bình | 323 | 323 | 0 | 289 | 137 | 47,40 | 42,41 | 34 | 152 | 186 | 36 | 54 | 49 | 5 | 39 | 3 | 186 | 100,00 | 323 | 100,00 |
| 2 | Đỗ Văn Dậy | Tân Hiệp | 457 | 405 | 52 | 359 | 287 | 79,94 | 70,86 | 46 | 72 | 118 | 20 | 51 | 0 | 14 | 28 | 2 | 115 | 97,46 | 402 | 99,26 |
| 3 | Đông Thạnh | Đông Thạnh | 628 | 557 | 71 | 475 | 261 | 54,95 | 46,86 | 82 | 217 | 299 | 76 | 122 | 0 | 23 | 75 | 0 | 296 | 99,00 | 557 | 100,00 |
| 4 | Lý Chính Thắng 1 | Tân Thới Nhì | 392 | 350 | 42 | 329 | 164 | 49,85 | 46,86 | 21 | 165 | 186 | 27 | 89 | 30 | 33 | 0 | 7 | 186 | 100,00 | 350 | 100,00 |
| 5 | Nguyễn An Khương | Thị trấn HM | 294 | 294 | 0 | 294 | 282 | 95,92 | 95,92 | 0 | 12 | 12 | 7 | 4 | 0 | 0 | 1 | 0 | 12 | 100,00 | 294 | 100,00 |
| 6 | Nguyễn Hồng Đào | Xuân Thới Sơn | 456 | 456 | 0 | 412 | 215 | 52,18 | 47,15 | 44 | 197 | 241 | 77 | 100 | 0 | 13 | 43 | 8 | 241 | 100,00 | 456 | 100,00 |
| 7 | Nguyễn Văn Bứa | Xuân Thới Thượng | 599 | 599 | 0 | 524 | 254 | 48,47 | 42,40 | 75 | 270 | 345 | 73 | 195 | 23 | 21 | 0 | 33 | 345 | 100,00 | 599 | 100,00 |
| 8 | Phan Công Hớn | Bà Điểm | 624 | 584 | 40 | 547 | 251 | 45,89 | 42,98 | 37 | 296 | 333 | 78 | 130 | 49 | 16 | 22 | 38 | 333 | 100,00 | 584 | 100,00 |
| 9 | Tam Đông 1 | Thới Tam Thôn | 461 | 431 | 30 | 382 | 172 | 45,03 | 39,91 | 49 | 210 | 259 | 36 | 144 | 33 | 5 | 32 | 4 | 254 | 98,07 | 426 | 98,84 |
| 10 | Tân Xuân | Xuân Thới Đông | 625 | 625 | 0 | 564 | 281 | 49,82 | 44,96 | 61 | 283 | 344 | 79 | 132 | 3 | 33 | 79 | 18 | 344 | 100,00 | 625 | 100,00 |
| 11 | Thị Trấn | Thị trấn HM | 141 | 131 | 10 | 112 | 50 | 44,64 | 38,17 | 19 | 62 | 81 | 10 | 48 | 0 | 5 | 14 | 4 | 81 | 100,00 | 131 | 100,00 |
| 12 | Tô Ký | Tân Xuân | 708 | 708 | 0 | 614 | 314 | 51,14 | 44,35 | 94 | 300 | 394 | 94 | 101 | 54 | 98 | 0 | 47 | 394 | 100,00 | 708 | 100,00 |
| 13 | Trung Mỹ Tây 1 | Trung Chánh | 913 | 913 | 0 | 855 | 388 | 45,38 | 42,50 | 58 | 467 | 525 | 171 | 212 | 0 | 48 | 76 | 18 | 525 | 100,00 | 913 | 100,00 |
| 14 | Xuân Thới Thượng | Xuân Thới Thượng | 676 | 676 | 0 | 608 | 283 | 46,55 | 41,86 | 68 | 325 | 393 | 86 | 169 | 2 | 22 | 99 | 15 | 393 | 100,00 | 676 | 100,00 |
| 15 | Đặng Thúc Vịnh | Đông Thạnh | 547 | 547 | 0 | 501 | 259 | 51,70 | 47,35 | 46 | 242 | 288 | 74 | 110 | 0 | 24 | 68 | 10 | 286 | 99,31 | 545 | 99,63 |
| **Huyện Hóc Môn** | | | **7844** | **7599** | **245** | **6865** | **3598** | **52,41** | **47,35** | **734** | **3270** | **4004** | **944** | **1661** | **243** | **360** | **576** | **207** | **3991** | **99,68** | **7589** | **99,87** |

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN HÓC MÔN

**Phụ lục 10**

**DANH SÁCH CÁC TRƯỜNG TRÊN ĐỊA BÀN 10 XÃ XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI NÂNG CAO HUYỆN HÓC MÔN**

| STT | Tên xã | Tổng số trường | Tổng số trường đạt chuẩn về CSVC và chuẩn quốc gia từ trước đến năm 2015 | | | | Tổng số trường đạt chuẩn về CSVC và chuẩn quốc gia từ năm 2016 đến hết năm 2024 | | | | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Trường đạt chuẩn CSVC mức độ 1 | Trường đạt chuẩn CSVC mức độ 2 | Năm công nhận chuẩn quốc gia | Năm tái công nhận đạt chuẩn quốc gia | Trường đạt chuẩn CSVC mức độ 1 | Trường đạt chuẩn CSVC mức độ 2 | Năm công nhận chuẩn quốc gia | Năm tái công nhận đạt chuẩn quốc gia | |
| 1 | **Xã Bà Điểm** | **5** | **4** | **1** | | | **4** | **1** | | | |
| | MN BÀ ĐIỂM | 1 | 1 | | | | 1 | | | | |
| | TH BÙI VĂN NGỮ | 1 | | 1 | 2006 | | | 1 | | | |
| | TH TÂY BẮC LÂN | 1 | 1 | | | | 1 | | | | |
| | THCS BÙI VĂN THỦ | 1 | 1 | | | | 1 | | | | |
| | THCS PHAN CÔNG HỚN | 1 | 1 | | | | 1 | | | | |
| 2 | **Xã Đông Thạnh** | **6** | **6** | | | | **5** | **1** | | | |
| | MN SƠN CA | 1 | 1 | | | | 1 | 1 | 2022 | 2026 | |
| | TH HOÀNG HOA THÁM | 1 | 1 | | | | 1 | | | | |
| | TH THỚI THẠNH | 1 | 1 | | | | 1 | | | | |
| | TH TRẦN VĂN DANH | 1 | 1 | | | | 1 | | | | |
| | THCS ĐÔNG THẠNH | 1 | 1 | | | | 1 | | | | |
| | THCS ĐẶNG THÚC VỊNH | 1 | 1 | | | | 1 | | | | |
| 3 | **Xã Thới Tam Thôn** | **7** | **6** | **1** | | | **5** | **2** | | | |
| | MN BÔNG SEN | 1 | 1 | | | | | 1 | 2022 | | |
| | MN 2/9 | 1 | 1 | | | | | 1 | 2020 | | |
| | TH NGUYỄN THỊ NUÔI | 1 | 1 | | | | 1 | | | | |
| | TH TAM ĐÔNG | 1 | 1 | | | | 1 | | | | |
| | TH TAM ĐÔNG 2 | 1 | | 1 | 2001 | | 1 | | | | |
| | TH THỚI TAM | 1 | 1 | | | | 1 | | | | |
| | THCS TAM ĐÔNG 1 | 1 | 1 | | | | 1 | | | | |
| | **Xã Xuân Thới Thượng** | **6** | **6** | | | | **5** | **1** | | | |
| | MN BÉ NGOAN 3 | 1 | 1 | | | | | 1 | 2017 | 2022 | |

| STT | Tên xã | Tổng số trường | Tổng số trường đạt chuẩn về CSVC và chuẩn quốc gia từ trước đến năm 2015 | | | | Tổng số trường đạt chuẩn về CSVC và chuẩn quốc gia từ năm 2016 đến hết năm 2024 | | | | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Trường đạt chuẩn CSVC mức độ 1 | Trường đạt chuẩn CSVC mức độ 2 | Năm công nhận chuẩn quốc gia | Năm tái công nhận đạt chuẩn quốc gia | Trường đạt chuẩn CSVC mức độ 1 | Trường đạt chuẩn CSVC mức độ 2 | Năm công nhận chuẩn quốc gia | Năm tái công nhận đạt chuẩn quốc gia | |
| 4 | MN XUÂN THỚI THƯỢNG | 1 | 1 | | | | 1 | | | | |
| | TH NGÃ BA GIỒNG | 1 | 1 | | | | 1 | | | | |
| | TH XUÂN THỚI THƯỢNG | 1 | 1 | | | | 1 | | | | |
| | THCS XUÂN THỚI THƯỢNG | 1 | 1 | | | | 1 | | | | |
| | THCS NGUYỄN VĂN BỨA | 1 | 1 | | | | 1 | | | | |
| 5 | **Xã Xuân Thới Đông** | **4** | **4** | | | | **3** | **1** | **2016** | **2022** | |
| | MN XUÂN THỚI ĐÔNG | 1 | 1 | | | | | 1 | | | |
| | TH TÂN XUÂN | 1 | 1 | | | | 1 | | | | |
| | TH TRẦN VĂN MƯỜI | 1 | 1 | | | | 1 | | | | |
| | THCS TÂN XUÂN | 1 | 1 | | | | 1 | | | | |
| 6 | **Xã Xuân Thới Sơn** | **5** | **4** | **1** | | | **3** | **2** | | | |
| | MN NHỊ XUÂN | 1 | | 1 | 2004 | 2021 | | 1 | 2021 | | |
| | MN 19/8 | 1 | 1 | | | | | 1 | 2022 | | |
| | TH DƯƠNG CÔNG KHI | 1 | 1 | | | | 1 | | | | |
| | TH NHỊ XUÂN | 1 | 1 | | | | 1 | | | | |
| | THCS NGUYỄN HỒNG ĐÀO | 1 | 1 | | | | 1 | | | | |
| 7 | **Xã Nhị Bình** | **3** | **3** | | | | **2** | **1** | | | |
| | MN SƠN CA 3 | 1 | 1 | | | | | 1 | 2018 | 2024 | |
| | TH VÕ VĂN THẶNG | 1 | 1 | | | | 1 | | | | |
| | THCS ĐẶNG CÔNG BỈNH | 1 | 1 | | | | 1 | | | | |
| 8 | **Xã Tân Xuân** | **4** | | | | | **5** | | | | |
| | MN MỸ HÒA | 0 | 0 | | | | 1 | 1 | | | Trường xây mới thành lập mới năm 2020 |
| | MN TÂN XUÂN | 1 | | 1 | 2015 | | 1 | | 2015 | 2022 | |
| | TH ẤP ĐÌNH | 1 | 1 | | | | 1 | 1 | | | |
| | TH MỸ HÒA | 1 | 1 | | | | 1 | 1 | | | |
| | THCS TÔ KÝ | 1 | 1 | | | | 1 | 1 | | | |

| STT | Tên xã | Tổng số trường | Tổng số trường đạt chuẩn về CSVC và chuẩn quốc gia từ trước đến năm 2015 | | | | Tổng số trường đạt chuẩn về CSVC và chuẩn quốc gia từ năm 2016 đến hết năm 2024 | | | | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Trường đạt chuẩn CSVC mức độ 1 | Trường đạt chuẩn CSVC mức độ 2 | Năm công nhận chuẩn quốc gia | Năm tái công nhận đạt chuẩn quốc gia | Trường đạt chuẩn CSVC mức độ 1 | Trường đạt chuẩn CSVC mức độ 2 | Năm công nhận chuẩn quốc gia | Năm tái công nhận đạt chuẩn quốc gia | |
| 9 | **Xã Tân Hiệp** | **6** | **5** | | | | **5** | **1** | | | |
| | MN TÂN HIỆP | 1 | 1 | | | | 1 | | | | |
| | MN TÂN HÒA | 1 | | 1 | 2015 | | | 1 | 2015 | 2022 | |
| | TH CẦU XÁNG | 1 | 1 | | | | 1 | | | | |
| | TH TÂN HIỆP | 1 | 1 | | | | 1 | | | | |
| | TH TRƯƠNG VĂN NGÀI | 1 | 1 | | | | 1 | | | | |
| | THCS ĐỖ VĂN DẬY | 1 | 1 | | | | 1 | | | | |
| 10 | **Xã Tân Thới Nhì** | **4** | **4** | | | | **4** | **1** | | | |
| | MN HƯỚNG DƯƠNG | 1 | 1 | | | | 1 | | | | |
| | MN CÚC HỌA MI | 0 | | | | | 1 | | | | Trường xây mới thành lập mới năm 2023 |
| | TH LÝ CHÍNH THẮNG 2 | 1 | 1 | | | | 1 | | | | |
| | TH NHỊ TÂN | 1 | 1 | | | | | 1 | 2021 | | |
| | THCS LÝ CHÍNH THẮNG 1 | 1 | 1 | | | | 1 | | | | |

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN HÓC MÔN

**Phụ lục 11**

**DANH SÁCH CÁC CHỢ, SIÊU THỊ, CỬA HÀNG TIỆN ÍCH TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN**

| STT | Tên đơn vị | Địa chỉ | Xã | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|
| **I. Danh sách chợ** | | | | |
| 1 | Đầu mối Nông sản thực phẩm Hóc Môn | Nguyễn Thị Sóc, ấp Mỹ Hòa 4 | Xuân Thới Đông | |
| 2 | Nhị Xuân | Nguyễn Văn Bứa, ấp 5 | Xuân Thới Sơn | |
| 3 | Trung Chánh | Nguyễn Ảnh Thủ, ấp Trung Chánh 1 | Trung Chánh | |
| 4 | Đình | Nguyễn Văn Bứa, ấp 2 | Xuân Thới Sơn | |
| 5 | Xuân Thới Thượng | Phan Văn Hớn, ấp 5 | Xuân Thới Thượng | |
| 6 | Đông Thạnh | Đặng Thúc Vinh, ấp 7 | Đông Thạnh | |
| 7 | Bùi Môn | Quốc lộ 22, ấp Tân Tiến | Xuân Thới Đông | |
| 8 | Tân Mỹ | Quốc lộ 22, ấp Tân Tiến | Xuân Thới Đông | |
| 9 | Bà Điểm | Phan Văn Hớn ,ấp Trung Lân | Bà Điểm | |
| 10 | Nhị Bình | Bùi Công Trừng - Ấp 3 | Nhị Bình | |
| 11 | Hóc Môn | Trương Nữ Vương, khu phố 5 | Thị trấn Hóc Môn | |
| 12 | Tân Thới Nhì | Quốc lộ 22, ấp Thống Nhất 2 | Tân Thới Nhì | |

| STT | Tên đơn vị | Địa chỉ | Xã | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|
| 13 | Đại Hải | Phan Văn Hớn, ấp 3 | Xuân Thới Thượng | |
| **II. Danh sách siêu thị** | | | | |
| 1 | Siêu thị Co.op mart Đỗ Văn Dậy | 18 Đỗ Văn Dậy ấp 3 (Tân Thới 1) | Tân Hiệp | |
| 2 | Siêu thị co.op mart | Đăng Thúc Vịnh | Thới Tam Thôn | |
| **III. Danh sách cửa hàng tiên ích** | | | | |
| 1 | Bách hóa xanh | 38/4 Đường Liên Xã, ấp Bắc Lân | Bà Điểm | Cửa hàng tiện ích |
| 2 | Bách hóa xanh | 37B đường Nguyễn Thị Hai, ấp Hậu Lân | Bà Điểm | Cửa hàng tiện ích |
| 3 | Bách hóa xanh | 26/2 đường Thái Thị Giữ, ấp Đông Lân | Bà Điểm | Cửa hàng tiện ích |
| 4 | Bách hóa xanh | 11/3D đường Huỳnh Tấn Chùa, ấp Trung Lân | Bà Điểm | Cửa hàng tiện ích |
| 5 | Bách hóa xanh | 2/2 Phan Văn Hớn, ấp Tiền Lân | Bà Điểm | Cửa hàng tiện ích |
| 6 | Bách hóa xanh | 89/7 Nguyễn Ảnh Thủ, ấp Tây Lân | Bà Điểm | Cửa hàng tiện ích |
| 7 | Bách hóa xanh | 32/9A Phan Văn Đối, ấp Tiền Lân | Bà Điểm | Cửa hàng tiện ích |
| 8 | Vinmart+ | 26/4B Thái Thị Giữ, ấp Đông Lân | Bà Điểm | Cửa hàng tiện ích |
| 9 | Vinmart+ | 126/4/1 Phan Văn Hớn Ấp Tây Lân | Bà Điểm | Cửa hàng tiện ích |
| 10 | CO.OP FOOD | 35-36 Đông Lân - Hưng Lân, ấp Hậu Lân | Bà Điểm | Cửa hàng tiện ích |

| STT | Tên đơn vị | Địa chỉ | Xã | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|
| 11 | CO.OP FOOD | 30/1A Phan Văn Hớn, ấp Nam Lân | Bà Điểm | Cửa hàng tiện ích |
| 12 | Cửa hàng Con Cưng | 88/4 Nguyễn Ảnh Thủ, ấp Tây Lân | Bà Điểm | Cửa hàng tiện ích |
| 13 | Cửa hàng Vissan | 27/10 Nguyễn Ảnh Thủ, ấp Hưng Lân | Bà Điểm | Cửa hàng tiện ích |
| 14 | Siêu thị Điện Máy Xanh | 60/9 - 60/10 Nguyễn Ảnh Thủ, ấp Trung Lân | Bà Điểm | Cửa hàng điện máy |
| 15 | Điện Máy Xanh | 36/3D Phan Văn Đối, Ấp Tiền Lân | Bà Điểm | Cửa hàng điện máy |
| 16 | Siêu thị Điện Máy Xanh | 2 Ấp Hưng Lân, | Bà Điểm | Cửa hàng điện máy |
| 17 | Cửa hàng Thế giới di động | 60/9 - 60/10 Nguyễn Ảnh Thủ, ấp Trung Lân | Bà Điểm | Cửa hàng điện máy |
| 18 | Cửa hàng Bách Hóa Xanh | 4/5K , Ấp 1 | Đông Thạnh | Cửa hàng tiện ích |
| 19 | Cửa hàng Bách Hóa Xanh | 40/55 Trịnh Thị Dối | Đông Thạnh | Cửa hàng tiện ích |
| 20 | Cửa hàng Bách Hóa Xanh | 55 đường Đông Thạnh 3-4-1, ấp 7 | Đông Thạnh | Cửa hàng tiện ích |
| 21 | Cửa hàng Bách Hóa Xanh | Số 6/5A, ấp 4 | Đông Thạnh | Cửa hàng tiện ích |
| 22 | Cửa hàng Bách Hóa Xanh | 173A Đặng Thúc Vịnh, Ấp 7 | Đông Thạnh | Cửa hàng tiện ích |
| 23 | Cửa hàng Bách Hóa Xanh | Số 4/10, ấp 3 | Đông Thạnh | Cửa hàng tiện ích |
| 24 | Cửa hàng Bách Hóa Xanh | 101/57D ấp 4 | Đông Thạnh | Cửa hàng tiện ích |

| STT | Tên đơn vị | Địa chỉ | Xã | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|
| 25 | Cửa hàng Winmart+ | Số 1/23B - Ấp 3 | Đông Thạnh | Cửa hàng tiện ích |
| 26 | Cửa hàng Winmart+ | 143C Lê Văn Khương | Đông Thạnh | Cửa hàng tiện ích |
| 27 | Cửa hàng Satrafoods | 45T Đặng Thúc Vịnh, Ấp 7 | Đông Thạnh | Cửa hàng tiện ích |
| 28 | Cửa hàng T-Mart | Số 663A đường Trịnh Thị Dối, ấp 4 | Đông Thạnh | Cửa hàng tiện ích |
| 29 | Cửa hàng Viettel Store | 350 Đặng Thúc Vịnh, ấp 7 | Đông Thạnh | Cửa hàng điện máy |
| 30 | Công ty TNHH Điện tử điện lạnh Hoàng Long | 58 Đặng Thúc Vịnh, ấp 7 | Đông Thạnh | Cửa hàng điện máy |
| 31 | Cửa hàng Điện máy xanh | 109 Lê Văn Khương, ấp 5 | Đông Thạnh | Cửa hàng điện máy |
| 32 | Cửa hàng Điện máy xanh | 12 Đặng Thúc Vịnh, ấp 7 | Đông Thạnh | Cửa hàng điện máy |
| 33 | Cửa hàng Thế giới di động | 221 Đặng Thúc Vịnh, ấp 7 | Đông Thạnh | Cửa hàng điện máy |
| 34 | Cửa hàng Bách Hóa Xanh | 54/1 ấp Thới Tây 2 | Tân Hiệp | Cửa hàng tiện ích |
| 35 | Cửa hàng Bách Hóa Xanh | 142 Lê Lợi, ấp Tân Thới 2 | Tân Hiệp | Cửa hàng tiện ích |
| 36 | Siêu thị Điện máy xanh | 22/3C Đỗ Văn Dậy, ấp 3 | Tân Hiệp | Cửa hàng điện máy |
| 37 | Winmart | 33/4 Nguyễn Thị Ai, ấp Mới 1 | Tân Xuân | Cửa hàng tiện ích |
| 38 | Coop food | 33/4A Nguyễn Thị Ai, Ấp Mới 1 | Tân Xuân | Cửa hàng tiện ích |

| STT | Tên đơn vị | Địa chỉ | Xã | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|
| 39 | Bách Hóa Xanh | 33/4F Nguyễn Thị Ai, ấp Mới | Tân Xuân | Cửa hàng tiện ích |
| 40 | Satra Food | 143 Lê Thị Hà, ấp Đình | Tân Xuân | Cửa hàng tiện ích |
| 41 | Công ty CP Thế giới di động- Cửa hàng điện máy xanh | 137 Lê Thị Hà, Ấp Đình | Tân Xuân | Cửa hàng điện máy |
| 42 | Chi nhánh Công ty TNHH TMDV Điện máy gia dụng Sài gòn FUJI | 7/6 Lê Thị Hà | Tân Xuân | Cửa hàng điện máy |
| 43 | Cửa hàng San Hà | 25/18A ấp Thới Tứ | Thới Tam Thôn | Cửa hàng tiện ích |
| 44 | Cửa hàng Bách Hóa Xanh | 170 Trịnh Thị Miếng | Thới Tam Thôn | Cửa hàng tiện ích |
| 45 | Cửa hàng Bách Hóa Xanh | 23/9A Trịnh Thị Miếng, ấp Thới Tứ | Thới Tam Thôn | Cửa hàng tiện ích |
| 46 | Cửa hàng Bách Hóa Xanh | 15/7D Đặng Thúc Vịnh, ấp Trung Đông | Thới Tam Thôn | Cửa hàng tiện ích |
| 47 | Cửa hàng Bách Hóa Xanh | 169/1C Ấp Đông 1 | Thới Tam Thôn | Cửa hàng tiện ích |
| 48 | Cửa hàng Winmart+ | 4/1D Ấp Nam Thới | Thới Tam Thôn | Cửa hàng tiện ích |
| 49 | Cửa hàng Satrafoods | ấp Tam Đông | Thới Tam Thôn | Cửa hàng tiện ích |
| 50 | Cửa hàng tiện lợi Gia đình Việt Nam | 1/1 Tô Ký, ấp Đông | Thới Tam Thôn | Cửa hàng tiện ích |
| 51 | Siêu thị nội thất chợ lớn | 475D ấp Nam Thới | Thới Tam Thôn | Nội thất |
| 52 | Siêu thị điện máy xanh | 25Đ ấp Nam Thới | Thới Tam Thôn | Cửa hàng điện máy |
| 53 | Thế giới di động | 19Đ ấp Nam Thới | Thới Tam Thôn | Cửa hàng điện máy |

| STT | Tên đơn vị | Địa chỉ | Xã | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|
| 54 | Cửa hàng FPT | 4/18 ấp Nam Thới | Thới Tam Thôn | Cửa hàng điện máy |
| 55 | Cửa hàng Co.op Food | 12/6B Trần Văn Mười, Ấp Xuân Thới Đông 1 | Xuân Thới Đông | Cửa hàng tiện ích |
| 56 | Cửa hàng Bách Hóa Xanh | 41/3 Trần Văn Mười, ấp Xuân Thới Đông 2 | Xuân Thới Đông | Cửa hàng tiện ích |
| 57 | Cửa hàng Bách Hóa Xanh | 104/3 Ấp Tân Tiến | Xuân Thới Đông | Cửa hàng tiện ích |
| 58 | Cửa hàng Bách Hóa Xanh | B69/11 Nguyễn Thị Sóc, ấp Mỹ Hòa 2 | Xuân Thới Đông | Cửa hàng tiện ích |
| 59 | Cửa hàng Bách Hóa Xanh | 85/2 Trần Văn Mười, Ấp Xuân Thới Đông 3 | Xuân Thới Đông | Cửa hàng tiện ích |
| 60 | Cửa hàng Bách Hóa Xanh | 41/4B - 41/3D ấp Xuân Thới Đông 2 | Xuân Thới Đông | Cửa hàng tiện ích |
| 61 | Cửa hàng Satrafoods | 16/13C Trần Văn Mười, Ấp Thới Đông 1 | Xuân Thới Đông | Cửa hàng tiện ích |
| 62 | Cửa hàng Long Bình | 9/2Đ Nguyễn Thị Sóc | Xuân Thới Đông | Cửa hàng tiện ích |
| 63 | Thế giới di động | 57/3 Quốc lộ 22, ấp 11 | Xuân Thới Đông | Cửa hàng điện máy |
| 64 | Cửa hàng Bách Hóa Xanh | 35/1B ấp 1 | Xuân Thới Thượng | Cửa hàng tiện ích |
| 65 | Cửa hàng Bách Hóa Xanh | 22/5 ấp 5 | Xuân Thới Thượng | Cửa hàng tiện ích |
| 66 | Cửa hàng Bách Hóa Xanh | 36/5D ấp 2 | Xuân Thới Thượng | Cửa hàng tiện ích |
| 67 | Cửa hàng Bách Hóa Xanh | 102/7 ấp 7 | Xuân Thới Thượng | Cửa hàng tiện ích |

| STT | Tên đơn vị | Địa chỉ | Xã | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|
| 68 | Cửa hàng Bách Hóa Xanh | 23/3 ấp 7 | Xuân Thới Thượng | Cửa hàng tiện ích |
| 69 | Vinmart+ | 101/2 ấp 4 | Xuân Thới Thượng | Cửa hàng tiện ích |
| 70 | Vinmart+ | 23/2 ấp 7 | Xuân Thới Thượng | Cửa hàng tiện ích |
| 71 | Vinmart+ | 8/2B ấp 3 | Xuân Thới Thượng | Cửa hàng tiện ích |
| 72 | CO.OP FOOD | 151A Phan Văn Hớn, ấp 7 | Xuân Thới Thượng | Cửa hàng tiện ích |
| 73 | CON CƯNG | 39 Phan Văn Hớn ấp 4 | Xuân Thới Thượng | Cửa hàng tiện ích |
| 74 | AVA Kid | 36/9 Phan Văn Hớn, ấp 2 | Xuân Thới Thượng | Cửa hàng tiện ích |
| 75 | Siêu thị điện máy xanh | 1095 Dương Công Khi ấp 19 | Xuân Thới Sơn | Cửa hàng điện máy |



ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN HÓC MÔN

**Phụ lục 12**

**THỐNG KÊ TỶ LỆ NHÀ ĐẠT CHUẨN VÀ DIỆN TÍCH NHÀ Ở BÌNH QUÂN 10 XÃ NÔNG THÔN MỚI NÂNG CAO**

| STT | TÊN XÃ | TỔNG SỐ CĂN NHÀ | SỐ CĂN ĐẠT CHUẨN | TỶ LỆ ĐẠT CHUẨN (%) | SỐ CĂN CHƯA ĐẠT CHUẨN | DIỆN TÍCH NHÀ Ở BÌNH QUÂN (m2) | SỐ CĂN NHÀ TẠM, NHÀ DỘT NÁT |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | xã Thới Tam Thôn | 14.522 | 14.522 | 100 | 0 | 22 | 0 |
| 2 | xã Bà Điểm | 14.345 | 14.345 | 100 | 0 | 19,5 | 0 |
| 3 | xã Đông Thạnh | 12.743 | 11.743 | 100 | 0 | 14,2 | 0 |
| 4 | xã Nhị Bình | 5.366 | 5.366 | 100 | 0 | 25,5 | 0 |
| 5 | xã Tân Thới Nhì | 5.861 | 5.861 | 100 | 0 | 19,6 | 0 |
| 6 | xã Xuân Thới Thượng | 11.030 | 11.030 | 100 | 0 | 14,06 | 0 |
| 7 | xã Tân Xuân | 6.663 | 6.663 | 100 | 0 | 20,51 | 0 |
| 8 | xã Tân Hiệp | 7.129 | 7.129 | 100 | 0 | 21 | 0 |
| 9 | xã Xuân Thới Đông | 6.525 | 6.525 | 100 | 0 | 26,2 | 0 |
| 10 | xã Xuân Thới Sơn | 4.550 | 4.550 | 100 | 0 | 16,4 | 0 |
| **TỔNG** | | **88.734** | **87.734** | **100** | **0** | **19,897** | 0 |

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN HÓC MÔN

**Phụ Lục 13**

**KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA HỢP TÁC XÃ TRÊN ĐỊA BÀN CÁC XÃ NÔNG THÔN MỚI NÂNG CAO HUYỆN HÓC MÔN**

| STT | Có hợp tác xã thành lập, hoạt động theo Luật Hợp tác xã năm 2012 | | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Tên Hợp Tác Xã | Tên viết tắt | Năm thành lập | Vốn điều lệ (triệu đồng) | Số thành viên | Ngành nghề chính | Năm 2023 | | 6 tháng năm 2024 | | Sản phẩm chủ lực và mô hình liên kết | HTX có ký kết hợp đồng tiêu thụ tối thiểu 30% tổng sản lượng sản phẩm, dịch vụ chính của HTX trong 3 năm (đối với nông thôn mới nâng cao | Kết quả đánh giá |
| | | | | | | | Đánh giá theo TT 01/điểm | Đạt (tốt, khá, TB, yếu) | Đánh giá theo TT 01/điểm | Đạt (tốt, khá, TB, yếu) | | | |
| **1. Lĩnh vực nông nghiệp** | | | | | | | | | | | | | |
| | **Đông Thạnh** | | | | | | | | | | | | |
| 1 | HTX bò sữa Đông Thạnh | DONGTHANH MILK | 2018 | 500 | 10 | Chế biến sữa. Mua bán các sản phẩm từ sữa | | tốt | | tốt | sữa chua | X | Đạt |
| | **Tân Xuân** | | | | | | | | | | | | |
| 2 | HTX rau sạch Nên Ăn | (không có) | 2018 | 500 | 8 | Trồng rau các loại. Buôn bán thực phẩm. | | tốt | | tốt | cải con các loại | (không có) | Đạt |
| | **Thới Tam Thôn** | | | | | | | | | | | | |
| 3 | HTX Sản xuất - thương mại - Dịch vụ rau sạch Long Phát | RAU SẠCH LONG PHÁT | T2/2024 | 1.000 | 8 | Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa | | | | mới thành lập | rau ăn lá các loại | | |
| 4 | HTX sản xuất - thương mại - Dịch vụ rau sạch GAP | RASAFOODS COOP | 2018 | 900 | 7 | - Trồng rau các loại (trồng các loại rau lấy lá, quả, củ rễ, trồng hoa cảnh)<br>- Trồng các loại cây ăn quả (Trồng các loại cây ăn quả có múi)<br>- Bán lẻ trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp (bán lẻ các sản phẩm nông nghiệp trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp) | | tốt | | tốt | rau ăn lá các loại | X | Đạt |
| 5 | HTX NN-Công nghệ cao Trung Đông | (không có) | 2022 | 10 | 8 | Trồng rau đậu các loại và trồng hoa | | | | | | (không có) | |
| | **Xuân Thới Sơn** | | | | | | | | | | | | |

| STT | Có hợp tác xã thành lập, hoạt động theo Luật Hợp tác xã năm 2012 | | | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Tên Hợp Tác Xã | Tên viết tắt | Năm thành lập | Vốn điều lệ (triệu đồng) | Số thành viên | Ngành nghề chính | Năm 2023 | | 6 tháng năm 2024 | | Sản phẩm chủ lực và mô hình liên kết | HTX có ký kết hợp đồng tiêu thụ tối thiểu 30% tổng sản lượng sản phẩm, dịch vụ chính của HTX trong 3 năm (đối với nông thôn mới nâng cao | Kết quả đánh giá |
| | | | | | | | Đánh giá theo TT 01/điểm | Đạt (tốt, khá, TB, yếu) | Đánh giá theo TT 01/điểm | Đạt (tốt, khá, TB, yếu) | | | |
| 6 | HTX công nông Trường Sơn | TRUONGSON COOP | 1999 | 6.000 | 8 | Trồng cây dược liệu; chăn nuôi gia súc, gia cầm; nuôi trồng thủy sản; khai thác cát, đá; chế biến nông sản; xây dựng công trình dân dụng; kinh doanh vật tư nông nghiệp; kinh doanh tổng hợp... | | | | tốt | chế biến cà phê và các loại hạt | X | Đạt |
| | **Xuân Thới Thượng** | | | | | | | | | | | | |
| 7 | HTX thương mại dịch vụ nông nghiệp Xuân Thới Thượng | XTT COOP | 2019 | 1.800 | 9 | Trồng rau, đậu, hoa, cây ăn quả. Bán lẻ hàng hóa trong cửa hàng kinh doanh. Chế biến rau, củ, quả | | tốt | | tốt | rau ăn lá các loại | X | Đạt |
| 8 | HTX Nông lâm nghiệp vi sinh Yersinfarm | YERSINFARM | 2023 | 2.100 | 8 | Trồng cây hàng năm khác<br>Chi tiết: Trồng cây dược liệu, hương liệu hàng năm | | trung bình | | tốt | nấm và các loại rau | X | Đạt |
| 9 | HTX NN DV Ngã Ba Giồng | (không có) | 2004 | 500 | 8 | Sản xuất nông nghiệp, chế biến, tiêu thụ sản phẩm dịch vụ; Sản xuất và tiêu thụ RAT; | | khá | | tốt | rau ăn lá các loại | | Đạt |
| | **Bà Điểm** | | | | | | | | | | | | |
| 10 | HTX NN TM – DV Ngọc Điểm | (không có) | 2016 | 1.000 | 10 | Sản xuất, mua bán thiết bị máy móc vật tư nông nghiệp; hạt giống, cây giống, phân bón trong danh mục được phép sản xuất kinh doanh, sử dụng ở Việt Nam; Dịch vụ tư vấn kỹ thuật nông nghiệp; Dịch vụ phòng đọc sách, cà phê khuyến nông; Mua bán hàng ổn giá; Dịch vụ du lịch; Dịch vụ ăn uống theo hợp đồng, vận tải du lịch. | | trung bình | | tốt | hoa lan các loại | X | Đạt |
| | **Xuân Thới Đông** | | | | | | | | | | | | |
| 11 | HTX Bồi Đức | (không có) | T5/2024 | 500 | 8 | Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa (Chi tiết: Trồng các loại hoa lan, cây kiểng) | | | | | | | |

| STT | Có hợp tác xã thành lập, hoạt động theo Luật Hợp tác xã năm 2012 | | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Tên Hợp Tác Xã | Tên viết tắt | Năm thành lập | Vốn điều lệ (triệu đồng) | Số thành viên | Ngành nghề chính | Năm 2023 | | 6 tháng năm 2024 | | Sản phẩm chủ lực và mô hình liên kết | HTX có ký kết hợp đồng tiêu thụ tối thiểu 30% tổng sản lượng sản phẩm, dịch vụ chính của HTX trong 3 năm (đối với nông thôn mới nâng cao | Kết quả đánh giá |
| | | | | | | | Đánh giá theo TT 01/điểm | Đạt (tốt, khá, TB, yếu) | Đánh giá theo TT 01/điểm | Đạt (tốt, khá, TB, yếu) | | | |
| 2. LĨNH VỰC MÔI TRƯỜNG | | | | | | | | | | | | | |
| | Tân Xuân | | | | | | | | | | | | |
| 12 | HTX Thương mại, dịch vụ nông nghiệp Bảo Tín | HTX BẢO TÍN | 2009 | 1.000 | 7 | Thu gom rác thải không độc hại<br>Chi tiết: Thu gom các chất thải rắn không độc hại (rác từ nhà bếp) trong khu vực địa phương, như là việc thu gom các chất thải từ hộ gia đình và các cơ sở kinh doanh bằng các túi rác, xe rác, thùng chứa... có thể lẫn lộn cả các nguyên liệu có thể giữ lại để sử dụng; thu gom rác nguyên liệu có thể tái chế; thu gom rác thải trong thùng rác ở nơi công cộng; thu gom rác thải từ công trình xây dựng và bị phá hủy; thu gom và dọn dẹp các mảnh vụn như cành cây và gạch vỡ; thu gom rác thải đầu ra các nhà máy dệt; hoạt động của các trạm gom rác không độc hại | | trung bình | | khá | | X | Đạt |
| | Tân Hiệp | | | | | | | | | | | | |
| 13 | HTX thương mại, dịch vụ, nông nghiệp Vân Dương | HTX VÂN DƯƠNG | 2019 | 200 | 7 | Thu gom rác thải không độc hại | | khá | | khá | | X | Đạt |
| 3. LĨNH VỰC THƯƠNG MẠI - DỊCH VỤ | | | | | | | | | | | | | |
| | Nhị Bình | | | | | | | | | | | | |
| 15 | HTX TM-DV Nhị Bình | (không có) | 1997 | 41 | 48 | Bán lẻ lương thực thực phẩm trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp | | | | | | | |
| | Đông Thạnh | | | | | | | | | | | | |

| STT | Có hợp tác xã thành lập, hoạt động theo Luật Hợp tác xã năm 2012 | | | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Tên Hợp Tác Xã | Tên viết tắt | Năm thành lập | Vốn điều lệ (triệu đồng) | Số thành viên | Ngành nghề chính | Năm 2023 | | 6 tháng năm 2024 | | Sản phẩm chủ lực và mô hình liên kết | HTX có ký kết hợp đồng tiêu thụ tối thiểu 30% tổng sản lượng sản phẩm, dịch vụ chính của HTX trong 3 năm (đối với nông thôn mới nâng cao | Kết quả đánh giá |
| | | | | | | | Đánh giá theo TT 01/điểm | Đạt (tốt, khá, TB, yếu) | Đánh giá theo TT 01/điểm | Đạt (tốt, khá, TB, yếu) | | | |
| 16 | HTX nông nghiệp - Thương mại - Dịch vụ Thới Thạnh | HTX NN - TM - DV THỚI THẠNH | 2016 | 1.000 | 18 | Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa | | | | | | | |
| **4. LĨNH VỰC GIAO THÔNG VẬN TẢI** | | | | | | | | | | | | | |
| | **Tân Xuân** | | | | | | | | | | | | |
| 18 | HTX vận tải – du lịch Hóc Môn | | | 15,5 | 30 | Vận tải hành khách đường bộ khác<br>chi tiết: vận tải hành khách bằng xe ô tô theo hợp đồng, theo tuyến cố định và khách du lịch, là ngành nghề có điều kiện | | | | | | | |
| | **Xuân Thới Thượng** | | | | | | | | | | | | |
| 19 | HTX DV-VT và Du lịch Thuận Phong | | | 300 | 9 | Vận tải - Du lịch | | | | | | | |
| | **Tân Thới Nhì** | | | | | | | | | | | | |
| 20 | HTX vận tải 19/5 | | | 14.000 | 223 | Vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt; Vận tải hành khách, hàng hoá bằng đường bộ; Bảo dưỡng sửa chữa ô tô, xe có động cơ; Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe động cơ khác; Cho thuê xe có động cơ. | | | | | | | |

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN HÓC MÔN

**Phụ lục 14**

# DANH SÁCH SẢN PHẨM OCOP TRÊN ĐỊA BÀN 10 XÃ NÔNG THÔN MỚI NÂNG CAO HUYỆN HÓC MÔN

| TT | Tên sản phẩm | Năm đánh giá | Phân hạng | | Tên chủ thể | Xã | Địa chỉ liên hệ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | 3 sao | 4 sao | | | |
| 1 | Sữa tươi thanh trùng | 2022 | 3 | | Hợp tác xã bò sữa Đông Thạnh | Đông Thạnh | 130 Huỳnh Thị Na, ấp 6 xã Đông Thạnh, huyện Hóc Môn, TP.HCM |
| 2 | Sữa chua thanh trùng | 2022 | 3 | | | | |
| 3 | Dưa lưới | 2023 | 3 | | Công ty CP Nông nghiệp kỹ thuật cao Nông Phát | | 215C Đặng Thúc Vịnh, ấp 7, xã Đông Thạnh, huyện Hóc Môn, TP.HCM |
| 4 | Cải bó xôi | 2023 | 3 | | | | |
| 5 | Cà phê hòa tan 4in1 vị khoai môn | 2023 | | 4 | Công ty TNHH liên kết thương mại Toàn Cầu | Nhị Bình | 290/68 Nhị Bình 7, ấp 1, xã Nhị Bình, huyện Hóc Môn, TP.HCM |
| 6 | Cà phê hòa tan 4in1 vị dừa | 2023 | | 4 | | | |
| 7 | Cà phê hòa tan 4in1 vị bạc hà | 2023 | | 4 | | | |
| 8 | Cà phê hòa tan 4in1 vị nhàu | 2023 | | 4 | | | |
| 9 | Cà phê hòa tan 4in1 vị đậu xanh | 2023 | | 4 | | | |
| 10 | Cà pháo ngâm Ngọc Liên | 2023 | | 4 | Công ty TNHH SX-TM-XNK Ngọc Liên | Tân Thới Nhì | 2/245 Dương Công Khi, ấp Tân Lập, xã Tân Thới Nhì, huyện Hóc Môn, TP.HCM |
| 11 | Dưa món Ngọc Liên | 2023 | | 4 | | | |
| 12 | Cà pháo mắm tôm chua Ngọc Liên | 2023 | | 4 | | | |
| 13 | Cà pháo mắm nêm Ngọc Liên | 2023 | | 4 | | | |
| 14 | Cóc chua ngọt Ngọc Liên | 2023 | | 4 | | | |
| 15 | Cải thìa RASAFOOD | 2023 | 3 | | HTX SX TM DV rau sạch GAP | Thới Tam Thôn | 93/3x Tam Đông 1, xã Thới Tam Thôn, huyện Hóc Môn , TP.HCM |
| 16 | Nem nướng Hải Bằng | 2023 | 3 | | Hộ kinh doanh cơ sở sản xuất nem nướng | | 35/8A ấp Trung Đông 2, xã Thới Tam Thôn, huyện Hóc Môn, TP. HCM |
| 17 | Rau Mầm HB | 2023 | 3 | | Công ty TNHH sản xuất công nghệ HB | Xuân Thới Sơn | 85/5D đường Đồng Bà Canh, ấp 6, xã Xuân Thới Sơn, huyện Hóc Môn, TP.HCM |
| 18 | Rau mồng tơi | 2023 | 3 | | | | |
| 19 | Rau muống hạt | 2023 | 3 | | | | |
| 20 | Rau cải xanh | 2023 | 3 | | | | |

| TT | Tên sản phẩm | Năm đánh giá | Phân hạng | | Tên chủ thể | Xã | Địa chỉ liên hệ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | 3 sao | 4 sao | | | |
| 21 | Rau cải ngọt Xuân Thới Thượng | 2023 | 3 | | HTX TM DV Nông Nghiệp Xuân Thới Thượng | Xuân Thới Thượng | 17/4 tổ 16, ấp 1, xã Xuân Thới Thượng, huyện Hóc Môn, TP. HCM |
| 22 | Đậu phộng tỏi ớt | 2023 | 3 | | Công ty Cổ phần sản xuất –Thương mại Tài Tài | | 54 Nguyễn Thị Thử, ấp 5, xã Xuân Thới Thượng, huyện Hóc Môn, TP. HCM |
| 23 | Đậu phộng sả ớt | 2023 | 3 | | | | |
| 24 | Tép sấy Anh Tú | 2023 | 3 | | Hộ kinh doanh cơ sở sản xuất và phân phối thực phẩm Anh Tú | Xuân Thới Đông | 13 đường số 1-MH4, ấp Xuân Thới Đông 3, xã Xuân Thới Đông, huyện Hóc Môn, TP. HCM |
| 25 | Trầu cau Bà Điểm | 2023 | 3 | | HTX Nông nghiệp – Thương mại – Dịch vụ – Vận tải Ngọc Điểm | Bà Điểm | 23/7 ấp Trung Lân, xã Bà Điểm, huyện Hóc Môn, TP.HCM |
| 26 | Bánh đúc Bà Điểm | 2023 | 3 | | Hộ kinh doanh Bánh Đúc Bà Điểm | | 90/4 ấp Tây Lân, xã Bà Điểm, huyện Hóc Môn, TP. HCM |
| 27 | Rau cải xanh baby | 2023 | 3 | | Hợp tác xã SX-TM-DV Rau sạch Nên Ăn | Tân Xuân | 207 Nguyễn Thị Ai, ấp Chánh 1, xã Tân Xuân, huyện Hóc Môn, TP.HCM |
| 28 | Nem cua bể | 2024 | 3 | | Hộ kinh doanh ẩm thực Mười Dũng | | 262/25 ấp Chánh 1, xã Tân Xuân, huyện Hóc Môn |
| 29 | Cá trắm kho riềng | 2024 | 3 | | | | |
| 30 | Bún lươn xào nghệ | 2024 | 3 | | Công ty TNHH sản xuất – thương mại Cà Mèn | xã Tân Hiệp | 37/8M ấp Thới Tây 2, xã Tân Hiệp, Hóc Môn |
| 31 | Cháo bột cá lóc – Bánh canh cá lóc | 2024 | 3 | | | | |
| 32 | Miến lươn | 2024 | 3 | | | | |
| 33 | Chả giò chay | 2024 | 3 | | Hộ kinh doanh Tân Lộc Thành | Xuân Thới Thượng | 72/2B đường XTT25, ấp 39, xã Xuân Thới Thượng, huyện Hóc Môn, TP.HCM |
| 34 | Chả giò rế hải sản | 2024 | 3 | | | | |
| 35 | Nem Huế | 2024 | 3 | | Hộ Kinh doanh cơ sở Tân Vinh | Bà Điểm | 59/9Z ấp Tiền Lân 10, xã Bà Điểm, huyện Hóc Môn, TP.HCM |
| 36 | Bánh tráng nướng (vị dừa, vị ruốc) | 2024 | 3 | | Chi nhánh 2 – Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ T&Z | Thới Tam Thôn | số 3 đường Trung Đông 10, ấp Trung Đông 2, xã Thới Tam Thôn, huyện Hóc Môn, TP.HCM |
| 37 | Bánh tráng không nhúng nước | 2024 | 3 | | | | |
| 38 | Bánh canh ống | 2024 | 3 | | | | |

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN HÓC MÔN

**Phụ lục 15**

**CHỈ TIÊU 13.6 - DANH SÁCH MÃ SỐ VÙNG TRỒNG NỘI ĐỊA HUYỆN HÓC MÔN**

| STT | Sản phẩm được cấp mã vùng trồng | Diện tích (ha) | Địa chỉ vùng trồng | Người đại diện | Mã số vùng trồng | Cơ sở hạ tầng | Quy trình áp dụng trong sản xuất | Số Giấy xác nhận | Ngày cấp |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Rau | 0,6 | Trịnh Thị Dối, xã Đông Thạnh, huyện Hóc Môn | Nguyễn Văn Điền | VN-79-784-27568-7-24 | Đường giao thông trục chính, nhà kho | VietGAP | 704/GXN-CCTTBVTV | 7/10/2024 |
| 2 | Rau | 0,3 | ấp 50 Nguyễn Thị Nghé, xã Thới Tam Thôn, huyện Hóc Môn | Mai Văn Khánh | VN-79-784-27574-7-24 | Đường giao thông trục chính, bãi tập kết | VietGAP | 705/GXN-CCTTBVTV | 7/10/2024 |
| 3 | Dưa lưới, dưa leo | 2,3 | 215C đặng Thúc Vịnh, xã Đông Thạnh, huyện Hóc Môn | Trang Quốc Dũng | VN-79-784-27568-8-24 | Đường giao thông trục chính, nhà kho | VietGAP | 720/GXN-CCTTBVTV | 17/7/2024 |
| 4 | Rau | 1,2 | ấp 47 xã Xuân Thới Thượng, huyện Hóc Môn | Trần Ngọc Yên | VN-79-784-27589-6-24 | Đường giao thông nội đồng, nhà kho, bãi tập kết | VietGAP | 673/GXN-CCTTBVTV | 7/3/2024 |
| 5 | Rau muống nước | 0,5 | ấp 6 xã Nhị Bình, huyện Hóc Môn | Nguyễn Thị Phương Đông | VN-79-784-27565-38-24 | Đường giao thông nội đồng | VietGAP | 1089/GXN-CCTTBVTV | 7/10/2024 |

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN HÓC MÔN

**Phụ lục 16**

**DANH SÁCH VĂN BẢN TRIỂN KHAI VÀ CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHÍ 14 - Y TẾ**

| STT | Hồ sơ | Cơ quan ban hành |
|---|---|---|
| | **Chỉ tiêu 14.2 Xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế.** | |
| 1 | Công văn số 702/UBND-PYT ngày 19 tháng 02 năm 2024 về việc đề nghị công nhận xã đạt tiêu chí Quốc gia về y tế năm 2023 của huyện Hóc Môn | Ủy ban nhân dân huyện |
| | **Chỉ tiêu 14.3: Xã triển khai thực hiện quản lý sức khoẻ điện tử; Chỉ tiêu 14.4: Xã triển khai thực hiện khám chữa bệnh từ xa; Chỉ tiêu 14.5: Xã triển khai thực hiện tốt sổ khám chữa bệnh điện tử.** | |
| 1 | Công văn số 637/YT ngày 14 tháng 8 năm 2024 về việc triển khai hướng dẫn thực hiện tiêu chí y tế trong Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới gắn với đô thị hóa trên địa bàn vùng nông thôn huyện Hóc Môn giai đoạn đến năm 2025 | Phòng Y tế huyện |
| 2 | Công văn số 642/YT ngày 14 tháng 8 năm 2024 về thực hiện Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới (Tiêu chí 15.4) và Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao (Tiêu chí 14.2, 14.3, 14.4) | Phòng Y tế huyện |
| 3 | Công văn số 656/YT ngày 20 tháng 8 năm 2024 về công nhận xã Đông Thạnh đạt Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới (Tiêu chí 15.4) và Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao (Tiêu chí 14.2, 14.3, 14.4) năm 2024 | Phòng Y tế huyện |
| 4 | Công văn số 657/YT ngày 20 tháng 8 năm 2024 về công nhận xã Tân Thới Nhì đạt Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới (Tiêu chí 15.4) và Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao (Tiêu chí 14.2, 14.3, 14.4) năm 2024 | Phòng Y tế huyện |
| 5 | Công văn số 658/YT ngày 20 tháng 8 năm 2024 về công nhận xã Tân Hiệp đạt Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới (Tiêu chí 15.4) và Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao (Tiêu chí 14.2, 14.3, 14.4) năm 2024 | Phòng Y tế huyện |
| 6 | Công văn số 659/YT ngày 20 tháng 8 năm 2024 về công nhận xã Tân Xuân đạt Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới (Tiêu chí 15.4) và Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao (Tiêu chí 14.2, 14.3, 14.4) năm 2024 | Phòng Y tế huyện |
| 7 | Công văn số 660/YT ngày 20 tháng 8 năm 2024 về công nhận xã Xuân Thới Thượng đạt Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới (Tiêu chí 15.4) và Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao (Tiêu chí 14.2, 14.3, 14.4) năm 2024 | Phòng Y tế huyện |

| STT | Hồ sơ | Cơ quan ban hành |
|---|---|---|
| 8 | Công văn số 660/YT ngày 20 tháng 8 năm 2024 về công nhận xã Xuân Thới Thượng đạt Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới (Tiêu chí 15.4) và Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao (Tiêu chí 14.2, 14.3, 14.4) năm 2024 | Phòng Y tế huyện |
| 9 | Công văn số 661/YT ngày 20 tháng 8 năm 2024 về công nhận xã Thới Tam Thôn đạt Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới (Tiêu chí 15.4) và Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao (Tiêu chí 14.2, 14.3, 14.4) năm 2024 | Phòng Y tế huyện |
| 10 | Công văn số 662/YT ngày 20 tháng 8 năm 2024 về công nhận xã Nhị Bình đạt Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới (Tiêu chí 15.4) và Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao (Tiêu chí 14.2, 14.3, 14.4) năm 2024 | Phòng Y tế huyện |
| 11 | Công văn số 663/YT ngày 20 tháng 8 năm 2024 về công nhận xã Bà Điểm đạt Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới (Tiêu chí 15.4) và Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao (Tiêu chí 14.2, 14.3, 14.4) năm 2024 | Phòng Y tế huyện |
| 12 | Công văn số 664/YT ngày 20 tháng 8 năm 2024 về công nhận xã Xuân Thới Sơn đạt Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới (Tiêu chí 15.4) và Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao (Tiêu chí 14.2, 14.3, 14.4) năm 2024 | Phòng Y tế huyện |
| 13 | Công văn số 665/YT ngày 20 tháng 8 năm 2024 về công nhận xã Xuân Thới Đông đạt Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới (Tiêu chí 15.4) và Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao (Tiêu chí 14.2, 14.3, 14.4) năm 2024 | Phòng Y tế huyện |
| 14 | Kế hoạch số 4055/KH-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân xã Đông Thạnh về triển khai hồ sơ sức khỏe điện tử trên địa bàn xã Đông Thạnh | Ủy ban nhân dân xã Đông Thạnh |
| 15 | Kế hoạch số 211/KH-UBND ban hành ngày 16 tháng 01 năm 2024 của UBND xã Đông Thạnh về triển khai khám sức khỏe, phát hiện sớm bệnh không lây nhiễm ở người cao tuổi trên địa bàn xã Đông Thạnh năm 2024 | Ủy ban nhân dân xã Đông Thạnh |
| 16 | Kế hoạch số 1266/KH-UBND ban hành ngày 12 tháng 4 năm 2024 của UBND xã Đông Thạnh về triển khai tiêm bù các loại vắc xin trong chương trình tiêm chủng mở rộng cho trẻ trên địa bàn xã Đông Thạnh năm 2024. | Ủy ban nhân dân xã Đông Thạnh |

| STT | Hồ sơ | Cơ quan ban hành |
|---|---|---|
| 17 | Công văn số 3134/UBND ngày 16 tháng 8 tháng 2024 của UBND xã Đông Thạnh về việc triển khai Công văn số 637/YT ngày 14 tháng 8 tháng 2024 của Phòng Y tế huyện Hóc Môn. | Ủy ban nhân dân xã Đông Thạnh |
| 18 | Kế hoạch số 41/KH-UBND ngày 4 tháng 01 năm 2024 của Ủy ban nhân dân xã Đông Thạnh về hoạt động chương trình sức khỏe năm 2024. | Ủy ban nhân dân xã Đông Thạnh |
| 19 | Kế hoạch số 4871/KH-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân xã về tuyên truyền Chuyển đổi số và cài đặt ứng dụng định danh điện tử quốc gia VNeID trên địa bàn xã. | Ủy ban nhân dân xã Đông Thạnh |
| 20 | Kế hoạch số 750/KHPH-UBND-BHXH ngày 12 tháng 03 năm 2024 của Ủy ban nhân dân xã Đông Thạnh về công tác truyền thông về chính sách, pháp luật bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và ứng dụng VssID nhằm tăng cường tuyên truyền, vận động người dân cài đặt ứng dụng VssID. | Ủy ban nhân dân xã Đông Thạnh |
| 21 | Kế hoạch số 4106/KH-UBND ngày 25 tháng 11 năm 2022 của Ủy ban nhân dân xã Tân Hiệp về triển khai hồ sơ sức khỏe điện tử trên địa bàn xã Tân Hiệp. | Ủy ban nhân dân xã Tân Hiệp |
| 22 | Kế hoạch số 372/KH-UBND ngày 01 tháng 03 năm 2024 của UBND xã Tân Hiệp về triển khai khám sức khỏe, phát hiện sớm bệnh không lây nhiễm ở người cao tuổi trên địa bàn xã Tân Hiệp năm 2024. | Ủy ban nhân dân xã Tân Hiệp |
| 23 | Công văn số 1864/UBND ngày 16 tháng 8 thăng 2024 của UBND xã Tân Hiệp về triển khai hướng dẫn thực hiện têu chí y tế trong Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới xã Tân Hiệp giai đoạn đến năm 2025. | Ủy ban nhân dân xã Tân Hiệp |
| 24 | Kế hoạch số 2424/KH-UBND ngày 29 tháng 11 năm 2023 của UBND xã Tân Hiệp về tuyên truyền chuyển đổi số và cài đặt ứng dụng định danh điện tử quốc gia VNeID trên địa bàn xã Tân Hiệp năm 2023. | Ủy ban nhân dân xã Tân Hiệp |
| 25 | Kế hoạch phối hợp số 433/KHPH-UBND-BHXH ngày 12 tháng 03 năm 2024 của Ủy ban nhân dân xã Tân Hiệp về công tác truyền thông về chính sách, pháp luật Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và ứng dụng VssID. | Ủy ban nhân dân xã Tân Hiệp |

| STT | Hồ sơ | Cơ quan ban hành |
|---|---|---|
| 26 | Kế hoạch số 770/KH-UBND ngày 19 tháng 4 năm 2024 của Ủy ban nhân dân xã Tân Hiệp về triển khai thực hiện "Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số Quốc gia giai đoạn 2022-2025, tầm nhìn đến 2030. | Ủy ban nhân dân xã Tân Hiệp |
| 27 | Kế hoạch số 1719/KH-UBND của Ủy ban nhân dân xã Tân Xuân về việc triển khai hồ sơ sức khỏe điện tử trên địa bàn xã Tân Xuân. | Ủy ban nhân dân xã Tân Xuân |
| 28 | Kế hoạch số 2094/KH-UBND ngày 30 tháng 10 năm 2023 của Ủy ban nhân dân xã Tân Xuân về việc tuyên truyền Chuyển đổi số và cài đặt ứng dụng định danh điện tử quốc gia VNeID trên địa bàn xã Tân Xuân. | Ủy ban nhân dân xã Tân Xuân |
| 29 | Công văn số 1971/UBND ngày 16 tháng 8 tháng 2024 của UBND xã Tân Xuân về triển khai hướng dẫn thực hiện tiêu chí y tế trong Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới xã Tân Xuân giai đoạn đến năm 2025. | Ủy ban nhân dân xã Tân Xuân |
| 30 | Kế hoạch số 715/KH-UBND ngày 10 tháng 4 năm 2024 của Ủy ban nhân dân xã Tân Xuân về việc triển khai tiêm chủng mở rộng cho trẻ trên địa bàn xã Tân Xuân năm 2024. | Ủy ban nhân dân xã Tân Xuân |
| 31 | Kế hoạch số 777/KH-UBND ngày 16 tháng 4 năm 2024 của Ủy ban nhân dân xã Tân Xuân về triển khai thực hiện "Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số Quốc gia giai đoạn 2022-2025, tầm nhìn đến 2023" năm 2024. | Ủy ban nhân dân xã Tân Xuân |
| 32 | Kế hoạch số 1968/KH-UBND ngày 19 tháng 11 năm 2022 về triển khai hồ sơ sức khỏe điện tử trên địa bàn xã. | Ủy ban nhân dân xã Tân Thới Nhì |
| 33 | Kế hoạch số 3741/KH-UBND ngày 24 tháng 11 năm 2023 về Tuyên truyền cài đặt ứng dụng định danh điện tử quốc gia VNeID và chuyển đổi số trên địa xã năm 2023. | Ủy ban nhân dân xã Tân Thới Nhì |
| 34 | Nghị quyết số 107-NQ/ĐU ngày 29 tháng 01 năm 2024 của Đảng ủy xã về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trong công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân trên địa bàn xã năm 2024. | Ủy ban nhân dân xã Tân Thới Nhì |

| STT | Hồ sơ | Cơ quan ban hành |
|---|---|---|
| 35 | Kế hoạch số số 2149/KH-UBND ngày 09 tháng 8 năm 2024 về thực hiện Đề án phát triển y tế cộng đồng thực hiện bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe người dân trên địa bàn xã năm 2024. | Ủy ban nhân dân xã Tân Thới Nhì |
| 36 | Kế hoạch phối hợp số 634/KHPH-UBND-BHXH ngày 11/3/2024 công tác truyền thông về chính sách, pháp luật bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và ứng dụng VssID năm 2024 và Kế hoạch 320/CTPH-BHXH-UBND ngày 13/3/2024 của Bảo hiểm xã hội huyện về chương trình phối hợp thực hiện chính sách Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế. | Ủy ban nhân dân xã Tân Thới Nhì |
| 37 | Kế hoạch liên tịch số 617/KHPH-UBND-NCT-CTĐ-LHPN-TYT ban hành ngày 08 tháng 3 năm 2024 về triển khai khám sức khỏe, phát hiện sớm bệnh không lây nhiễm ở người cao tuổi trên địa bàn xã Tân Thới Nhì năm 2024. | Ủy ban nhân dân xã Tân Thới Nhì |
| 38 | Kế hoạch số 1228/KH-UBND ngày 10 tháng 5 năm 2024 của Ủy ban nhân dân xã về triển khai tiêm bù các loại vắc-xin trong chương trình tiêm chủng mở rộng cho trẻ trên địa bàn xã Tân Thới Nhì năm 2024. | Ủy ban nhân dân xã Tân Thới Nhì |
| 39 | Công văn số 2195/UBND ngày 16 tháng 8 năm 2024 của Ủy ban nhân dân xã về hướng dẫn thực hiện tiêu chí y tế trong Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới gắn với đô thị hóa trên địa bàn xã giai đoạn đến năm 2025. | Ủy ban nhân dân xã Tân Thới Nhì |
| 40 | Kế hoạch số 10289/KH-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Ủy ban nhân dân xã Xuân Thới Thượng về triển khai hồ sơ sức khỏe điện tử trên địa bàn xã. | Ủy ban nhân dân xã Xuân Thới Thượng |
| 41 | Công văn số 3178/UBND ngày 14 tháng 11 năm 2023 của Ủy ban nhân dân xã Xuân Thới Thượng về việc tăng cường tuyên truyền cấp kích hoạt định danh điện tử mức 2 trên địa bàn xã. | Ủy ban nhân dân xã Xuân Thới Thượng |
| 42 | Kế hoạch số 3797/KH-UBND ngày 29 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân xã Xuân Thới Thượng về Tuyên truyền Chuyển đổi số và cài đặt ứng dụng định danh điện tử quốc gia VNeID trên địa bàn xã. | Ủy ban nhân dân xã Xuân Thới Thượng |
| 43 | Công văn số 2695/UBND ngày 16 tháng 8 năm 2024 của Ủy ban nhân dân xã Xuân Thới Thượng về triển khai hướng dẫn thực hiện tiêu chí y tế trong Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới gắn với đô thị hóa trên địa bàn xã giai đoạn đến năm 2025. | Ủy ban nhân dân xã Xuân Thới Thượng |
| 44 | Kế hoạch số 214/KH-UBND ngày 22 tháng 1 năm 2024 của Ủy ban nhân dân xã Xuân Thới Thượng về triển khai khám sức khỏe phát hiện sớm bệnh không lây nhiễm ở người cao tuổi trên địa bàn xã Xuân Thới Thượng năm 2024. | Ủy ban nhân dân xã Xuân Thới Thượng |

| STT | Hồ sơ | Cơ quan ban hành |
|---|---|---|
| 45 | Kế hoạch số 367/KH-UBND ngày 21 tháng 11 năm 2022 của Ủy ban nhân dân xã Nhị Bình về triển khai hồ sơ sức khỏe điện tử trên địa bàn xã. | Ủy ban nhân dân xã Nhị Bình |
| 46 | Kế hoạch số 392/KH-UBND ngày 22 tháng 11 năm 2023 của Ủy ban nhân dân xã Nhị Bình về tuyên truyền Chuyển đổi số và cài đặt ứng dụng định danh điện tử quốc gia VNeID trên địa bàn xã. | Ủy ban nhân dân xã Nhị Bình |
| 47 | Kế hoạch số 03/KH-UBND ngày 02 tháng 03 năm 2024 của Ủy ban nhân dân xã Nhị Bình về việc triển khai khám sức khỏe, phát hiện sớm bệnh không lây nhiễm ở người cao tuổi trên địa bàn xã Nhị Bình năm 2024. | Ủy ban nhân dân xã Nhị Bình |
| 48 | Kế hoạch số 78/KH-UBND ngày 02 tháng 03 năm 2024 về việc triển khai tiêm bù mũi các loại vắc xin trong chương trình tiêm chủng mở rộng cho trẻ trên địa bàn xã Nhị Bình năm 2024. | Ủy ban nhân dân xã Nhị Bình |
| 49 | Công văn số 1309/UBND ngày 19 tháng 8 năm 2024 của Ủy ban nhân dân xã Nhị Bình về triển khai hướng dẫn thực hiện tiêu chí y tế trong Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới gắn với đô thị hóa trên địa bàn xã giai đoạn đến năm 2025. | Ủy ban nhân dân xã Nhị Bình |
| 50 | Kế hoạch phối hợp số 328/KH-UBND ngày 11 tháng 3 năm 2024 của Ủy ban nhân dân xã Nhị Bình về chính sách, pháp luật Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế và ứng dụng trực tuyến VssID. | Ủy ban nhân dân xã Nhị Bình |
| 51 | Kế hoạch số 2009/KH-UBND ngày 28 tháng 10 năm 2022 của Ủy ban nhân dân xã Thới Tam Thôn về Thực hiện Chương trình sức khỏe năm 2022-2023 trên địa bàn xã Thới Tam Thôn theo Quyết định số 2297/QĐ-UBND ngày 24/6/2021 của Ủy ban nhân dân thành phố. | Ủy ban nhân dân xã Thới Tam Thôn |
| 52 | Kế hoạch số 2500/KH-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2022 của Ủy ban nhân dân xã Thới Tam Thôn về triển khai hồ sơ sức khỏe điện tử trên địa bàn xã. | Ủy ban nhân dân xã Thới Tam Thôn |
| 53 | Kế hoạch số 2655/KH-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân xã Thới Tam Thôn về Tuyên truyền cài đặt ứng dụng định danh điện tử quốc gia VNeID và chuyển đổi số trên địa xã năm 2023. | Ủy ban nhân dân xã Thới Tam Thôn |
| 54 | Kế hoạch số 393/KH-UBND ngày 28 tháng 2 năm 2024 của Ủy ban nhân dân xã Thới Tam Thôn về Triển khai khám sức khỏe, phát hiện sớm bệnh không lây nhiễm ở người cao tuổi trên địa bàn xã Thới Tam Thôn năm 2024. | Ủy ban nhân dân xã Thới Tam Thôn |

| STT | Hồ sơ | Cơ quan ban hành |
|---|---|---|
| 55 | Công văn số 2105/UBND ngày 20 tháng 8 năm 2024 của Ủy ban nhân dân về việc triển khai hướng dẫn thực hiện tiêu chí Y tế trong Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới gắn với đô thị hóa trên địa bàn vùng nông thôn xã Thới Tam Thôn giai đoạn đến năm 2025. | Ủy ban nhân dân xã Thới Tam Thôn |
| 56 | Công văn 795/UBND ngày 09 tháng 4 năm 2024 của Ủy ban nhân dân xã Thới Tam Thôn về triển khai các hoạt động chăm sóc sức khỏe người dân năm 2024. | Ủy ban nhân dân xã Thới Tam Thôn |
| 57 | Kế hoạch số 1722/KH-UBND ngày 09 tháng 7 năm 2024 của Ủy ban nhân dân xã Thới Tam Thôn về Tuyên truyền sử dụng ứng dụng VNeID và triển khai thực hiện năm 2024. | Ủy ban nhân dân xã Thới Tam Thôn |
| 58 | Kế hoạch số 1861/KH-UBND ngày 23 tháng 7 năm 2024 của Ủy ban nhân dân về Thực hiện Đề án phát triển y tế cộng đồng thực hiện bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe người dân tại Thành phố Hồ Chí Minh trên địa bàn xã năm 2024. | Ủy ban nhân dân xã Thới Tam Thôn |
| 59 | Kế hoạch số 1989/KH-UBND ngày 05 tháng 8 năm 2024 của Ủy ban nhân dân xã Thới Tam Thôn về Triển khai thực hiện Chỉ thị số 25-CT/TW ngày 25 tháng 10 năm 2023 của Ban Bí thư về tiếp tục củng cố, hoàn thiện, nâng cao chất lượng hoạt động của y tế cơ sở trong tình hình mới. | Ủy ban nhân dân xã Thới Tam Thôn |
| 60 | Kế hoạch số 5632/KH-UBND ngày 8 tháng 12 năm 2022 của Ủy ban nhân dân xã về triển khai hồ sơ sức khỏe điện tử trên địa bàn xã Xuân Thới Sơn. | Ủy ban nhân dân xã Xuân Thới Sơn |
| 61 | Kế hoạch số 154/KH-UBND ngày 25 tháng 01 năm 2024 của Ủy ban nhân dân xã Xuân Thới Sơn về triển khai khám sức khỏe, phát hiện sớm bệnh không lây nhiễm ở người cao tuổi trên địa bàn xã Xuân Thới Sơn năm 2024. | Ủy ban nhân dân xã Xuân Thới Sơn |
| 62 | Công văn số 1280/UBND ngày 19 tháng 8 năm 2024 của Ủy ban nhân dân về việc triển khai hướng dẫn thực hiện tiêu chí Y tế trong Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới gắn với đô thị hóa trên địa bàn xã giai đoạn đến năm 2025. | Ủy ban nhân dân xã Xuân Thới Sơn |

| STT | Hồ sơ | Cơ quan ban hành |
|---|---|---|
| 63 | Kế hoạch số 1530/KH-UBND ngày 15 tháng 11 năm 2023 của Ủy ban nhân xã Xuân Thới Sơn về việc tuyên truyền Chuyển đổi số và cài đặt ứng dụng định danh điện tử quốc gia VNeID trên địa bàn xã. | Ủy ban nhân dân xã Xuân Thới Sơn |
| 64 | Kế hoạch số 3224/KH-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2022 của Ủy ban nhân dân xã Bà Điểm về triển khai hồ sơ sức khỏe điện tử trên địa bàn xã Bà Điểm. | Ủy ban nhân dân xã Bà Điểm |
| 65 | Kế hoạch 1215/KH-UBND ngày 18 tháng 5 năm 2024 của Ủy ban nhân dân xã về thực hiện Chương trình chăm sóc sức khỏe người cao tuổi năm 2024. | Ủy ban nhân dân xã Bà Điểm |
| 66 | Công văn số 2206/UBND ngày 16 tháng 8 năm 2024 của Ủy ban nhân dân xã về việc triển khai hướng dẫn thực hiện tiêu chí Y tế trong Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới gắn với đô thị hóa trên địa bàn vùng nông thôn xã giai đoạn đến năm 2025. | Ủy ban nhân dân xã Bà Điểm |
| 67 | Công văn số 1735/UBND ngày 10 tháng 7 năm 2023 về việc tuyên truyền chiến dịch cấp và kích hoạt tài khoản định danh điện tử mức 2 trên địa bàn xã Bà Điểm. | Ủy ban nhân dân xã Bà Điểm |
| 68 | Công văn số 2929/UBND ngày 21 tháng 11 năm 2023 của Ủy ban nhân dân xã về việc tăng cường tuyên truyền cấp, kích hoạt định danh điện tử mức 2 trên địa bàn xã Bà Điểm. | Ủy ban nhân dân xã Bà Điểm |
| 69 | Kế hoạch phối hợp số 634/KHPH-UBND-BHXH ngày 11 tháng 3 năm 2024 của Ủy ban nhân dân xã về công tác truyền thông về chính sách, pháp luật bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và ứng dụng VssID năm 2024. | Ủy ban nhân dân xã Bà Điểm |
| 70 | Kế hoạch số 320/CTPH-BHXH-UBND ngày 13 tháng 3 năm 2024 của Bảo hiểm xã hội huyện về chương trình phối hợp thực hiện chính sách Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế. | Ủy ban nhân dân xã Bà Điểm |

| STT | Hồ sơ | Cơ quan ban hành |
|---|---|---|
| 71 | Kế hoạch số 1851/KH-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Ủy ban nhân dân xã Xuân Thới Đông về triển khai hồ sơ sức khỏe điện tử trên địa bàn xã Xuân Thới Đông. | Ủy ban nhân dân xã Xuân Thới Đông |
| 72 | Kế hoạch số 138/KH-UBND ngày 15 tháng 1 năm 2024 của Ủy ban nhân dân xã về triển khai khám sức khỏe, phát hiện sớm bệnh không lây nhiễm ở người cao tuổi trên địa bàn xã Xuân Thới Đông năm 2024. | Ủy ban nhân dân xã Xuân Thới Đông |
| 73 | Công văn số 2203/UBND ngày 19 tháng 8 năm 2024 của Ủy ban nhân dân xã về việc triển khai hướng dẫn thực hiện tiêu chí Y tế trong Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn xã. | Ủy ban nhân dân xã Xuân Thới Đông |
| 74 | Kế hoạch số 2552/KH-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân xã về tuyên truyền chuyển đổi số và cài đặt ứng dụng định danh điện tử quốc gia VNeID trên địa bàn xã năm 2023. | Ủy ban nhân dân xã Xuân Thới Đông |
| 75 | Kế hoạch phối hợp số 5810/KHPH-UBND-BHXH ngày 12 tháng 3 năm 2024 của Ủy ban nhân dân xã Xuân Thới Đông và Bảo hiểm xã hội huyện Hóc Môn về công tác truyền thông về chính sách, pháp luật Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và ứng dụng VssID. | Ủy ban nhân dân xã Xuân Thới Đông |

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN HÓC MÔN

**Phụ lục 17**

**KẾT QUẢ THỰC HIỆN TIÊU CHÍ 15 – HÀNH CHÍNH CÔNG CỦA 10 XÃ NÔNG THÔN MỚI NÂNG CAO**

| Stt | Nội dung tiêu chí | Nhận xét của Văn phòng | Đánh giá | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|
| **1. Xã Thới Tam Thôn: ĐẠT** | | | | |
| **15.1** | **Ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết thủ tục hành chính** | | | |
| 15.1.1 | Các phần mềm tối thiểu phải ứng dụng, khai thác hiệu quả:<br>- Hệ thống quản lý văn bản và điều hành liên thông 4 cấp, ứng dụng chữ ký số trong quản lý điều hành;<br>- Tiếp nhận và xử lý hồ sơ trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính Thành phố;<br>- Hệ thống thư điện tử thành phố;<br>- Cổng/Trang thông tin điện tử có chức năng cung cấp thông tin phục vụ công tác quản lý, điều hành. | - Thống nhất nội dung báo cáo việc thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin của xã Thới Tam Thôn. Tuy nhiên, xã cần lưu ý:<br>+ Trên cơ sở kết quả thông tin của Sở Thông tin và Truyền thông đối với việc sử dụng Hộp thư điện tử Quý III, xã còn 05/47 trường hợp ít sử dụng. Đề nghị xã có chỉ đạo, quán triệt cán bộ, công chức tại đơn vị nghiêm túc thực hiện; có văn bản gửi Sở Thông tin và Truyền thông cập nhật, điều chỉnh, xóa bỏ đối với các trường hợp có thay đổi chức danh, đơn vị công tác, nghỉ việc,…<br>+ Tiếp tục thực hiện đảm bảo 100% hồ sơ hành chính được tiếp nhận, giải quyết và trả kết quả trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính Thành phố (Hệ thống Một cửa Thành phố).<br>+ Tiếp tục duy trì thực hiện tốt công tác tuyên truyền trên Trang tin điện tử và đưa tin hoạt động tại đơn vị. | **Đạt** | |
| **15.2** | **Có dịch vụ công trực tuyến một phần** | | | |
| | Tỷ lệ hồ sơ giải quyết trực tuyến trên tổng số hồ sơ đạt tối thiểu 30%, mỗi năm tăng thêm 10% và đến năm 2025 đạt tối thiểu 50%. | Theo ghi nhận trên bản đồ thể chế (tính đến ngày 28/10/2024), tỷ lệ hồ sơ giải quyết trực tuyến đạt 63,8% | **Đạt** | |

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| **15.3** | **Giải quyết các thủ tục hành chính đảm bảo đúng quy định và không để xảy ra khiếu nại vượt cấp** | | | |
| **15.3.1** | Công khai 100% thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền tiếp nhận, giải quyết và các nội dung hướng dẫn thực hiện phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức theo đúng quy định tại Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính, Nghị định số 20/2008/NĐ-CP ngày 14/02/2008 của Chính phủ về tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính, Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính và Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính. | - Xã thực hiện niêm yết đầy đủ, công khai đầy đủ 100% thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền tiếp nhận, giải quyết tại Bộ phận Một cửa xã và Trang thông tin điện tử của xã.<br>- Trong 9 tháng đầu năm xã chưa có phản ánh kiến nghị trên Cổng dịch vụ công. | **Đạt** | |
| **15.3.2** | 100% thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết được tổ chức tiếp nhận, giải quyết theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông và áp dụng quy trình theo dõi việc tiếp nhận, xử lý hồ sơ, trả kết quả giải quyết trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính cấp tỉnh theo quy định tại Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ quy định về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính và Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06/12/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP của Chính phủ. | - Trong năm 2024, 100% thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết được UBND xã thực hiện tiếp nhận, giải quyết theo cơ chế Một cửa, một cửa liên thông và đảm bảo thực hiện tiếp nhận, xử lý và trả kết quả hồ sơ hành chính trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC Thành phố (đối với tất cả các thủ tục hành chính đã được tích hợp lên Hệ thống). | **Đạt** | |
| **15.3.3** | Đã tổ chức thực hiện số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính trong tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính theo quy định tại Nghị định số 107/2021/NĐ-CP của Chính phủ, đáp ứng mục tiêu số hóa đối với cấp xã được giao tại Quyết định số 468/QĐ-TTg ngày 27/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ và khoản 2 mục III Điều 1 về cải cách thủ tục hành chính tại Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021 - 2030. | - Ủy ban nhân dân xã đảm bảo việc triển khai và thực hiện việc số hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC trong tiếp nhận và giải quyết TTHC theo quy định, đảm bảo thực hiện cung cấp bản sao điện tử cho người dân, doanh nghiệp khi có yêu cầu.<br>- Kết quả: theo ghi nhận trên bản đồ thể chế (tính đến thời điểm ngày 28/10/2024), xã đã đạt tỷ lệ 47,9%. | **Cơ bản Đạt (cuối năm 2024 theo yêu cầu cấp xã phải đạt 55%)** | |

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| **15.3.4** | Trong 03 (ba) năm liên tục liền kề trước năm xét công nhận, kết quả giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính của xã được giải quyết đúng hoặc sớm hạn đạt tối thiểu từ 98% trở lên đối với hồ sơ thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp xã và 95% trở lên đối với hồ sơ thực hiện theo cơ chế một cửa liên thông tại bước tiếp nhận, xử lý ở cấp xã; các hồ sơ thủ tục hành chính giải quyết quá hạn phải thực hiện xin lỗi theo đúng quy định tại Nghị định số 61/2018/NĐ-CP của Chính phủ; không có kết quả giải quyết thủ tục hành chính phải sửa đổi, bổ sung do lỗi của cơ quan nhà nước hoặc bị phản ánh, kiến nghị, khiếu nại, khiếu kiện; không có ý kiến phản ánh, kiến nghị về hành vi, thái độ nhũng nhiễu, gây phiền hà, không thực hiện hoặc thực hiện không đúng quy định pháp luật trong giải quyết thủ tục hành chính, trừ trường hợp phản ánh, kiến nghị, khiếu nại, khiếu kiện được cơ quan có thẩm quyền xem xét, xử lý, kết luận là không đúng hoặc vu cáo. | - Năm 2021: xã tiếp nhận, giải quyết đúng hạn xã tiếp nhận, giải quyết đúng hạn 48.287/48.287 hồ sơ, tỷ lệ 100%.<br>- Năm 2022: xã tiếp nhận, giải quyết đúng hạn 65.400/65.400 hồ sơ, tỷ lệ 100%.<br>- Năm 2023: xã tiếp nhận, giải quyết đúng hạn 69.650/69.650 hồ sơ, tỷ lệ 100%.<br>- Không có trường hợp phản ánh, kiến nghị về hành vi, thái độ nhũng nhiễu, gây phiền hà, không thực hiện hoặc thực hiện không đúng quy định pháp luật trong giải quyết thủ tục hành chính. | **Đạt** | |
| **15.3.5** | Chỉ số đánh giá chất lượng phục vụ người dân và doanh nghiệp trong thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công của năm liền kề trước năm xét công nhận và tại thời điểm xét công nhận theo quy định tại Nghị định số 61/2018/NĐ-CP, Nghị định số 107/2021/NĐ-CP của Chính phủ và Quyết định số 766/QĐ-TTg ngày 23/6/2022 của Thủ tướng Chính phủ được xếp tối thiểu từ loại tốt trở lên. | Theo ghi nhận của Hệ thống đánh giá chất lượng phục vụ người dân và doanh nghiệp trên Hệ thống Một cửa Thành phố, xã đạt xuất sắc; Trên bàn đồ thể chế tỷ lệ hài lòng 100%.<br>Tuy nhiên từ năm 2024 trở đi xã lưu ý triển khai thực hiện các chỉ tiêu thực hiện nâng cao chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện thủ tục hành chính, dịch vụ công trực tuyến năm 2024 theo Công văn số 2747/UBND ngày 05/6/2024 của Ủy ban nhân dân huyện và Quyết định số 1625/QĐ-UBND ngày 14/5/2024 của Uy ban nhân dân Thành phố | **Đạt** | |
| **15.3.6** | Mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp về giải quyết thủ tục hành chính đạt mục tiêu được giao tại khoản 2 mục III Điều 1 về cải cách thủ tục hành chính của Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ. | Theo ghi nhận của Hệ thống đánh giá chất lượng phục vụ người dân và doanh nghiệp trên Hệ thống Một cửa Thành phố, xã đạt xuất sắc. | **Đạt** | |

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| **2. Xã Nhị Bình: ĐẠT** | | | | |
| **15.1** | **Ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết thủ tục hành chính** | | | |
| | Các phần mềm tối thiểu phải ứng dụng, khai thác hiệu quả:<br>- Hệ thống quản lý văn bản và điều hành liên thông 4 cấp, ứng dụng chữ ký số trong quản lý điều hành;<br>- Tiếp nhận và xử lý hồ sơ trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính Thành phố;<br>- Hệ thống thư điện tử thành phố;<br>- Cổng/Trang thông tin điện tử có chức năng cung cấp thông tin phục vụ công tác quản lý, điều hành. | - Thống nhất nội dung báo cáo việc thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin của xã Nhị Bình. Tuy nhiên, xã cần lưu ý:<br>+ Trên cơ sở kết quả thông tin của Sở Thông tin và Truyền thông đối với việc sử dụng Hộp thư điện tử Quý III, xã còn 05/40 trường hợp ít sử dụng. Đề nghị xã có chỉ đạo, quán triệt cán bộ, công chức tại đơn vị nghiêm túc thực hiện; có văn bản gửi Sở Thông tin và Truyền thông cập nhật, điều chỉnh, xóa bỏ đối với các trường hợp có thay đổi chức danh, đơn vị công tác, nghỉ việc,…<br>+ Tiếp tục thực hiện đảm bảo 100% hồ sơ hành chính được tiếp nhận, giải quyết và trả kết quả trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính Thành phố (Hệ thống Một cửa Thành phố).<br>+ Tiếp tục duy trì thực hiện tốt công tác tuyên truyền trên Trang tin điện tử và đưa tin hoạt động tại đơn vị. | **Đạt** | |
| **15.2** | **Có dịch vụ công trực tuyến một phần** | | | |
| | Tỷ lệ hồ sơ giải quyết trực tuyến trên tổng số hồ sơ đạt tối thiểu 30%, mỗi năm tăng thêm 10% và đến năm 2025 đạt tối thiểu 50%. | Theo ghi nhận trên bản đồ thể chế (tính đến ngày 28/10/2024), tỷ lệ hồ sơ giải quyết trực tuyến đạt 67,3%. | **Đạt** | |
| **15.3** | **Giải quyết các thủ tục hành chính đảm bảo đúng quy định và không để xảy ra khiếu nại vượt cấp** | | | |
| **15.3.1** | Công khai 100% thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền tiếp nhận, giải quyết và các nội dung hướng dẫn thực hiện phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức theo đúng quy định tại Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính, Nghị định số 20/2008/NĐ-CP ngày 14/02/2008 của Chính phủ về tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính, Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của | - Xã thực hiện niêm yết đầy đủ, công khai đầy đủ 100% thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền tiếp nhận, giải quyết tại Bộ phận Một cửa xã và Trang thông tin điện tử của xã.<br>- Trong 9 tháng đầu năm xã có 01 phản ánh kiến nghị trên Cổng dịch vụ công Quốc gia và đã công khai kết quả giải quyết đúng hạn trên Hệ thống. | **Đạt** | |

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| | các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính và Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính. | | | |
| **15.3.2** | 100% thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết được tổ chức tiếp nhận, giải quyết theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông và áp dụng quy trình theo dõi việc tiếp nhận, xử lý hồ sơ, trả kết quả giải quyết trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính cấp tỉnh theo quy định tại Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ quy định về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính và Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06/12/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP của Chính phủ. | Trong năm 2024, 100% thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết được UBND xã thực hiện tiếp nhận, giải quyết theo cơ chế Một cửa, một cửa liên thông và đảm bảo thực hiện tiếp nhận, xử lý và trả kết quả hồ sơ hành chính trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC Thành phố (đối với tất cả các thủ tục hành chính đã được tích hợp lên Hệ thống). | **Đạt** | |
| **15.3.3** | Đã tổ chức thực hiện số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính trong tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính theo quy định tại Nghị định số 107/2021/NĐ-CP của Chính phủ, đáp ứng mục tiêu số hóa đối với cấp xã được giao tại Quyết định số 468/QĐ-TTg ngày 27/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ và khoản 2 mục III Điều 1 về cải cách thủ tục hành chính tại Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021 - 2030. | - Ủy ban nhân dân xã đảm bảo việc triển khai và thực hiện việc số hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC trong tiếp nhận và giải quyết TTHC theo quy định, đảm bảo thực hiện cung cấp bản sao điện tử cho người dân, doanh nghiệp khi có yêu cầu.<br>- Theo ghi nhận trên bản đồ thể chế (tính đến thời điểm ngày 28/10/2024), xã đã đạt tỷ lệ 70,7%. | **Đạt (cuối năm 2024 theo yêu cầu cấp xã phải đạt 55%)** | |
| **15.3.4** | Trong 03 (ba) năm liên tục liền kề trước năm xét công nhận, kết quả giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính của xã được giải quyết đúng hoặc sớm hạn đạt tối thiểu từ 98% trở lên đối với hồ sơ thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp xã và 95% trở lên đối với hồ sơ thực hiện theo cơ chế một cửa liên thông tại bước tiếp nhận, xử lý ở cấp xã; các hồ sơ thủ tục hành chính giải quyết quá hạn phải thực hiện xin lỗi theo đúng quy định tại Nghị định số 61/2018/NĐ-CP của Chính phủ; không có kết quả giải quyết thủ tục hành chính phải sửa đổi, bổ sung do lỗi của cơ quan nhà nước hoặc bị phản ánh, kiến nghị, khiếu nại, khiếu kiện; không có ý kiến phản ánh, kiến nghị về hành | - Năm 2021: xã tiếp nhận, giải quyết đúng hạn xã tiếp nhận, giải quyết đúng hạn 15.832/15.832 hồ sơ, tỷ lệ 100%.<br>- Năm 2022: xã tiếp nhận, giải quyết đúng hạn 16.521/16.521 hồ sơ, tỷ lệ 100%.<br>- Năm 2023: xã tiếp nhận, giải quyết đúng hạn 32.733/32.738 hồ sơ, tỷ lệ 99,99%.<br>- Không có trường hợp phản ánh, kiến nghị về hành vi, thái độ nhũng nhiễu, gây phiền hà, không thực hiện hoặc thực hiện không đúng quy định pháp luật trong giải quyết thủ tục hành chính. | **Đạt** | |

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| | vi, thái độ nhũng nhiễu, gây phiền hà, không thực hiện hoặc thực hiện không đúng quy định pháp luật trong giải quyết thủ tục hành chính, trừ trường hợp phản ánh, kiến nghị, khiếu nại, khiếu kiện được cơ quan có thẩm quyền xem xét, xử lý, kết luận là không đúng hoặc vu cáo. | | | |
| 15.3.5 | Chỉ số đánh giá chất lượng phục vụ người dân và doanh nghiệp trong thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công của năm liền kề trước năm xét công nhận và tại thời điểm xét công nhận theo quy định tại Nghị định số 61/2018/NĐ-CP, Nghị định số 107/2021/NĐ-CP của Chính phủ và Quyết định số 766/QĐ-TTg ngày 23 tháng 6 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ được xếp tối thiểu từ loại tốt trở lên. | Theo ghi nhận của Hệ thống đánh giá chất lượng phục vụ người dân và doanh nghiệp trên Hệ thống Một cửa Thành phố, xã đạt loại Tốt. Trên bản đồ thể chế tỷ lệ hài lòng 100%.<br>Tuy nhiên từ năm 2024 trở đi xã lưu ý triển khai thực hiện các chỉ tiêu thực hiện nâng cao chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện thủ tục hành chính, dịch vụ công trực tuyến năm 2024 theo Công văn số 2747/UBND ngày 05/6/2024 của Ủy ban nhân dân huyện và Quyết định số 1625/QĐ-UBND ngày 14/5/2024 của Uy ban nhân dân Thành phố | **Đạt** | |
| 15.3.6 | Mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp về giải quyết thủ tục hành chính đạt mục tiêu được giao tại khoản 2 mục III Điều 1 về cải cách thủ tục hành chính của Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ. | Theo ghi nhận của Hệ thống đánh giá chất lượng phục vụ người dân và doanh nghiệp trên Hệ thống Một cửa Thành phố, xã đạt loại Tốt. | **Đạt** | |
| **3. Xã Đông Thạnh: ĐẠT** | | | | |
| **15.1** | **Ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết thủ tục hành chính** | | | |
| | Các phần mềm tối thiểu phải ứng dụng, khai thác hiệu quả:<br>- Hệ thống quản lý văn bản và điều hành liên thông 4 cấp, ứng dụng chữ ký số trong quản lý điều hành;<br>- Tiếp nhận và xử lý hồ sơ trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính Thành phố;<br>- Hệ thống thư điện tử thành phố;<br>- Cổng/Trang thông tin điện tử có chức năng cung cấp thông tin phục vụ công tác quản lý, điều hành. | - Thống nhất nội dung báo cáo việc thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin của xã Đông Thạnh. Tuy nhiên, xã cần lưu ý:<br>+ Trên cơ sở kết quả thông tin của Sở Thông tin và Truyền thông đối với việc sử dụng Hộp thư điện tử Quý III, xã còn 13/55 trường hợp ít sử dụng. Đề nghị xã có chỉ đạo, quán triệt cán bộ, công chức tại đơn vị nghiêm túc thực hiện; có văn bản gửi Sở Thông tin và Truyền thông cập nhật, điều chỉnh, xóa bỏ đối với các trường hợp có thay đổi chức danh, đơn vị công tác, nghỉ việc,… | **Đạt** | |

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| | | + Tiếp tục thực hiện đảm bảo 100% hồ sơ hành chính được tiếp nhận, giải quyết và trả kết quả trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính Thành phố (Hệ thống Một cửa Thành phố).<br>+ Tiếp tục duy trì thực hiện tốt công tác tuyên truyền trên Trang tin điện tử và đưa tin hoạt động tại đơn vị. | | |
| **15.2** | **Có dịch vụ công trực tuyến một phần** | | | |
| | Tỷ lệ hồ sơ giải quyết trực tuyến trên tổng số hồ sơ đạt tối thiểu 30%, mỗi năm tăng thêm 10% và đến năm 2025 đạt tối thiểu 50%. | Theo ghi nhận trên bản đồ thể chế (tính đến ngày 28/10/2024), tỷ lệ hồ sơ giải quyết trực tuyến đạt 47,4%. | **Đạt** | |
| **15.3** | **Giải quyết các thủ tục hành chính đảm bảo đúng quy định và không để xảy ra khiếu nại vượt cấp** | | | |
| **15.3.1** | Công khai 100% thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền tiếp nhận, giải quyết và các nội dung hướng dẫn thực hiện phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức theo đúng quy định tại Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính, Nghị định số 20/2008/NĐ-CP ngày 14/02/2008 của Chính phủ về tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính, Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính và Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính. | - Xã thực hiện niêm yết đầy đủ, công khai đầy đủ 100% thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền tiếp nhận, giải quyết tại Bộ phận Một cửa xã và Trang thông tin điện tử của xã.<br>- Trong 9 tháng đầu năm xã có 01 phản ánh kiến nghị trên Cổng dịch vụ công Quốc gia và công khai kết quả giải quyết đúng hạn trên Hệ thống. | **Đạt** | |
| | 100% thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết được tổ chức tiếp nhận, giải quyết theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông và áp dụng quy trình theo dõi việc tiếp nhận, xử lý hồ sơ, trả kết quả giải quyết trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính cấp tỉnh theo quy định tại Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ quy định về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính | Trong năm 2024, 100% thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết được UBND xã thực hiện tiếp nhận, giải quyết theo cơ chế Một cửa, một cửa liên thông và đảm bảo thực hiện tiếp nhận, xử lý và trả kết quả hồ sơ hành chính trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC Thành phố (đối với tất cả các thủ tục hành chính đã được tích hợp lên Hệ thống). | **Đạt** | |

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| 15.3.2 | và Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP của Chính phủ.<br>**Kết quả: Đạt** | | | |
| 15.3.3 | Đã tổ chức thực hiện số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính trong tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính theo quy định tại Nghị định số 107/2021/NĐ-CP của Chính phủ, đáp ứng mục tiêu số hóa đối với cấp xã được giao tại Quyết định số 468/QĐ-TTg ngày 27 tháng 3 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ và khoản 2 mục III Điều 1 về cải cách thủ tục hành chính tại Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021 - 2030. | - Ủy ban nhân dân xã đảm bảo việc triển khai và thực hiện việc số hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC trong tiếp nhận và giải quyết TTHC theo quy định, đảm bảo thực hiện cung cấp bản sao điện tử cho người dân, doanh nghiệp khi có yêu cầu.<br>- Theo ghi nhận trên bản đồ thể chế (tính đến thời điểm ngày 28/10/2024), xã đã đạt tỷ lệ 39,8%. | **Cơ bản Đạt (cuối năm 2024 theo yêu cầu cấp xã phải đạt 55%)** | |
| 15.3.4 | Trong 03 (ba) năm liên tục liền kề trước năm xét công nhận, kết quả giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính của xã được giải quyết đúng hoặc sớm hạn đạt tối thiểu từ 98% trở lên đối với hồ sơ thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp xã và 95% trở lên đối với hồ sơ thực hiện theo cơ chế một cửa liên thông tại bước tiếp nhận, xử lý ở cấp xã; các hồ sơ thủ tục hành chính giải quyết quá hạn phải thực hiện xin lỗi theo đúng quy định tại Nghị định số 61/2018/NĐ-CP của Chính phủ; không có kết quả giải quyết thủ tục hành chính phải sửa đổi, bổ sung do lỗi của cơ quan nhà nước hoặc bị phản ánh, kiến nghị, khiếu nại, khiếu kiện; không có ý kiến phản ánh, kiến nghị về hành vi, thái độ nhũng nhiễu, gây phiền hà, không thực hiện hoặc thực hiện không đúng quy định pháp luật trong giải quyết thủ tục hành chính, trừ trường hợp phản ánh, kiến nghị, khiếu nại, khiếu kiện được cơ quan có thẩm quyền xem xét, xử lý, kết luận là không đúng hoặc vu cáo. | - Năm 2021: xã tiếp nhận, giải quyết đúng hạn xã tiếp nhận, giải quyết đúng hạn 45.858/45.858 hồ sơ, tỷ lệ 100%.<br>- Năm 2022: xã tiếp nhận, giải quyết đúng hạn 45.858/45.858 hồ sơ, tỷ lệ 100%.<br>- Năm 2023: xã tiếp nhận, giải quyết đúng hạn 29.747/29.783 hồ sơ, tỷ lệ 99,88%.<br>- Không có trường hợp phản ánh, kiến nghị về hành vi, thái độ nhũng nhiễu, gây phiền hà, không thực hiện hoặc thực hiện không đúng quy định pháp luật trong giải quyết thủ tục hành chính | **Đạt** | |
| | Chỉ số đánh giá chất lượng phục vụ người dân và doanh nghiệp trong thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công của năm liền kề trước năm xét công nhận và tại thời điểm xét công nhận theo quy định tại Nghị định số | Theo ghi nhận của Hệ thống đánh giá chất lượng phục vụ người dân và doanh nghiệp trên Hệ thống Một cửa Thành | **Đạt** | |

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| 15.3.5 | 61/2018/NĐ-CP, Nghị định số 107/2021/NĐ-CP của Chính phủ và Quyết định số 766/QĐ-TTg ngày 23/6/2022 của Thủ tướng Chính phủ được xếp tối thiểu từ loại tốt trở lên. | phố, xã đạt xuất sắc. Trên bản đồ thể chế tỷ lệ hài lòng 100%.<br>Tuy nhiên từ năm 2024 trở đi xã lưu ý triển khai thực hiện các chỉ tiêu thực hiện nâng cao chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện thủ tục hành chính, dịch vụ công trực tuyến năm 2024 theo Công văn số 2747/UBND ngày 05/6/2024 của Ủy ban nhân dân huyện và Quyết định số 1625/QĐ-UBND ngày 14/5/2024 của Uy ban nhân dân Thành phố | | |
| 15.3.6 | Mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp về giải quyết thủ tục hành chính đạt mục tiêu được giao tại khoản 2 mục III Điều 1 về cải cách thủ tục hành chính của Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ. | Theo ghi nhận của Hệ thống đánh giá chất lượng phục vụ người dân và doanh nghiệp trên Hệ thống Một cửa Thành phố, xã đạt xuất sắc. | **Đạt** | |
| **4. Xã Bà Điểm: ĐẠT** | | | | |
| **15.1** | **Ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết thủ tục hành chính** | | | |
| **15.1.1** | Các phần mềm tối thiểu phải ứng dụng, khai thác hiệu quả:<br>- Hệ thống quản lý văn bản và điều hành liên thông 4 cấp, ứng dụng chữ ký số trong quản lý điều hành;<br>- Tiếp nhận và xử lý hồ sơ trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính Thành phố;<br>- Hệ thống thư điện tử thành phố;<br>- Cổng/Trang thông tin điện tử có chức năng cung cấp thông tin phục vụ công tác quản lý, điều hành. | - Thống nhất nội dung báo cáo việc thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin của xã Bà Điểm. Tuy nhiên, xã cần lưu ý:<br>+ Trên cơ sở kết quả thông tin của Sở Thông tin và Truyền thông đối với việc sử dụng Hộp thư điện tử Quý III, xã còn 04/42 trường hợp ít sử dụng. Đề nghị xã có chỉ đạo, quán triệt cán bộ, công chức tại đơn vị nghiêm túc thực hiện; có văn bản gửi Sở Thông tin và Truyền thông cập nhật, điều chỉnh, xóa bỏ đối với các trường hợp có thay đổi chức danh, đơn vị công tác, nghỉ việc,...<br>+ Tiếp tục thực hiện đảm bảo 100% hồ sơ hành chính được tiếp nhận, giải quyết và trả kết quả trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính Thành phố (Hệ thống Một cửa Thành phố). | **Đạt** | |

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| | | + Tiếp tục duy trì thực hiện tốt công tác tuyên truyền trên Trang tin điện tử và đưa tin hoạt động tại đơn vị. | | |
| 15.2 | **Có dịch vụ công trực tuyến một phần** | | | |
| | Tỷ lệ hồ sơ giải quyết trực tuyến trên tổng số hồ sơ đạt tối thiểu 30%, mỗi năm tăng thêm 10% và đến năm 2025 đạt tối thiểu 50%. | Theo ghi nhận trên bản đồ thể chế (tính đến ngày 28/10/2024), tỷ lệ hồ sơ giải quyết trực tuyến đạt 51,2%. | **Đạt** | |
| 15.3 | **Giải quyết các thủ tục hành chính đảm bảo đúng quy định và không để xảy ra khiếu nại vượt cấp** | | | |
| 15.3.1 | Công khai 100% thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền tiếp nhận, giải quyết và các nội dung hướng dẫn thực hiện phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức theo đúng quy định tại Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính, Nghị định số 20/2008/NĐ-CP ngày 14/02/2008 của Chính phủ về tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính, Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính và Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính. | - Xã thực hiện niêm yết đầy đủ, công khai đầy đủ 100% thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền tiếp nhận, giải quyết tại Bộ phận Một cửa xã và Trang thông tin điện tử của xã.<br>- Trong 9 tháng đầu năm xã có 01 phản ánh kiến nghị trên Cổng dịch vụ công, đã được xử lý và công khai theo quy định. | **Đạt** | |
| 15.3.2 | 100% thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết được tổ chức tiếp nhận, giải quyết theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông và áp dụng quy trình theo dõi việc tiếp nhận, xử lý hồ sơ, trả kết quả giải quyết trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính cấp tỉnh theo quy định tại Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ quy định về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính và Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06/12/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP của Chính phủ. | Trong năm 2024, 100% thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết được UBND xã thực hiện tiếp nhận, giải quyết theo cơ chế Một cửa, một cửa liên thông và đảm bảo thực hiện tiếp nhận, xử lý và trả kết quả hồ sơ hành chính trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC Thành phố (đối với tất cả các thủ tục hành chính đã được tích hợp lên Hệ thống). | **Đạt** | |
| 15.3.3 | Đã tổ chức thực hiện số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính trong tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính theo quy định tại Nghị định số 107/2021/NĐ-CP của | - Ủy ban nhân dân xã đảm bảo việc triển khai và thực hiện việc số hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC trong tiếp nhận và giải quyết TTHC theo quy định, đảm bảo thực hiện cung | **Đạt (cuối năm 2024 theo yêu** | |

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| | Chính phủ, đáp ứng mục tiêu số hóa đối với cấp xã được giao tại Quyết định số 468/QĐ-TTg ngày 27 tháng 3 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ và khoản 2 mục III Điều 1 về cải cách thủ tục hành chính tại Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021 - 2030. | cấp bản sao điện tử cho người dân, doanh nghiệp khi có yêu cầu.<br>- Theo ghi nhận trên bản đồ thể chế (tính đến thời điểm ngày 28/10/2024), xã đã đạt tỷ lệ 76,6%. | **cầu cấp xã phải đạt 55%)** | |
| **15.3.4** | Trong 03 (ba) năm liên tục liền kề trước năm xét công nhận, kết quả giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính của xã được giải quyết đúng hoặc sớm hạn đạt tối thiểu từ 98% trở lên đối với hồ sơ thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp xã và 95% trở lên đối với hồ sơ thực hiện theo cơ chế một cửa liên thông tại bước tiếp nhận, xử lý ở cấp xã; các hồ sơ thủ tục hành chính giải quyết quá hạn phải thực hiện xin lỗi theo đúng quy định tại Nghị định số 61/2018/NĐ-CP của Chính phủ; không có kết quả giải quyết thủ tục hành chính phải sửa đổi, bổ sung do lỗi của cơ quan nhà nước hoặc bị phản ánh, kiến nghị, khiếu nại, khiếu kiện; không có ý kiến phản ánh, kiến nghị về hành vi, thái độ nhũng nhiễu, gây phiền hà, không thực hiện hoặc thực hiện không đúng quy định pháp luật trong giải quyết thủ tục hành chính, trừ trường hợp phản ánh, kiến nghị, khiếu nại, khiếu kiện được cơ quan có thẩm quyền xem xét, xử lý, kết luận là không đúng hoặc vu cáo. | Kết quả giải quyết hồ sơ hành chính qua từng năm:<br>- Năm 2021: xã tiếp nhận, giải quyết đúng hạn 17.928/17.928 hồ sơ, tỷ lệ 100%.<br>- Năm 2022: xã tiếp nhận, giải quyết đúng hạn 21.607/21.607 hồ sơ, tỷ lệ 100% (ghi nhận trên Hệ thống báo cáo Chính phủ).<br>- Năm 2023: xã tiếp nhận, giải quyết đúng hạn 25.812/25.812 hồ sơ, tỷ lệ 100% (ghi nhận trên Hệ thống báo cáo Chính phủ).<br>- Không có trường hợp phản ánh, kiến nghị về hành vi, thái độ nhũng nhiễu, gây phiền hà, không thực hiện hoặc thực hiện không đúng quy định pháp luật trong giải quyết thủ tục hành chính | **Đạt** | |
| **15.3.5** | Chỉ số đánh giá chất lượng phục vụ người dân và doanh nghiệp trong thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công của năm liền kề trước năm xét công nhận và tại thời điểm xét công nhận theo quy định tại Nghị định số 61/2018/NĐ-CP, Nghị định số 107/2021/NĐ-CP của Chính phủ và Quyết định số 766/QĐ-TTg ngày 23 tháng 6 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ được xếp tối thiểu từ loại tốt trở lên. | Theo ghi nhận của Hệ thống đánh giá chất lượng phục vụ người dân và doanh nghiệp trên Hệ thống Một cửa Thành phố, xã đạt loại Xuất sắc. Trên bản đồ thể chế tỷ lệ hài lòng 100%.<br>Tuy nhiên từ năm 2024 trở đi xã lưu ý triển khai thực hiện các chỉ tiêu thực hiện nâng cao chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện thủ tục hành chính, dịch vụ công trực tuyến năm 2024 theo Công văn số 2747/UBND ngày 05/6/2024 của Ủy ban nhân dân huyện và Quyết định | **Đạt** | |

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| | | số 1625/QĐ-UBND ngày 14/5/2024 của Uy ban nhân dân Thành phố | | |
| 15.3.6 | Mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp về giải quyết thủ tục hành chính đạt mục tiêu được giao tại khoản 2 mục III Điều 1 về cải cách thủ tục hành chính của Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ. | Theo ghi nhận của Hệ thống đánh giá chất lượng phục vụ người dân và doanh nghiệp trên Hệ thống Một cửa Thành phố, xã đạt loại Xuất sắc. | **Đạt** | |
| **5. Xã Tân Xuân: ĐẠT** | | | | |
| **15.1** | **Ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết thủ tục hành chính** | | | |
| 15.1.1 | Các phần mềm tối thiểu phải ứng dụng, khai thác hiệu quả:<br>- Hệ thống quản lý văn bản và điều hành liên thông 4 cấp, ứng dụng chữ ký số trong quản lý điều hành;<br>- Tiếp nhận và xử lý hồ sơ trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính Thành phố;<br>- Hệ thống thư điện tử thành phố;<br>- Cổng/Trang thông tin điện tử có chức năng cung cấp thông tin phục vụ công tác quản lý, điều hành. | - Thống nhất nội dung báo cáo việc thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin của xã Tân Xuân. Tuy nhiên, xã cần lưu ý:<br>+ Trên cơ sở kết quả thông tin của Sở Thông tin và Truyền thông đối với việc sử dụng Hộp thư điện tử Quý III, xã còn 04/31 trường hợp ít sử dụng. Đề nghị xã có chỉ đạo, quán triệt cán bộ, công chức tại đơn vị nghiêm túc thực hiện; có văn bản gửi Sở Thông tin và Truyền thông cập nhật, điều chỉnh, xóa bỏ đối với các trường hợp có thay đổi chức danh, đơn vị công tác, nghỉ việc,…<br>+ Tiếp tục thực hiện đảm bảo 100% hồ sơ hành chính được tiếp nhận, giải quyết và trả kết quả trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính Thành phố (Hệ thống Một cửa Thành phố).<br>+ Tiếp tục duy trì thực hiện tốt công tác tuyên truyền trên Trang tin điện tử và đưa tin hoạt động tại đơn vị.<br>**Kết quả: Đạt** | **Đạt** | |
| **15.2** | **Có dịch vụ công trực tuyến một phần** | | | |
| | Tỷ lệ hồ sơ giải quyết trực tuyến trên tổng số hồ sơ đạt tối thiểu 30%, mỗi năm tăng thêm 10% và đến năm 2025 đạt tối thiểu 50%. | Theo ghi nhận trên bản đồ thể chế (tính đến ngày 28/10/2024), tỷ lệ hồ sơ giải quyết trực tuyến đạt 64,8%. | **Đạt** | |

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| **15.3** | **Giải quyết các thủ tục hành chính đảm bảo đúng quy định và không để xảy ra khiếu nại vượt cấp** | | | |
| **15.3.1** | Công khai 100% thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền tiếp nhận, giải quyết và các nội dung hướng dẫn thực hiện phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức theo đúng quy định tại Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính, Nghị định số 20/2008/NĐ-CP ngày 14/02/2008 của Chính phủ về tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính, Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính và Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính. | - Xã thực hiện niêm yết đầy đủ, công khai đầy đủ 100% thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền tiếp nhận, giải quyết tại Bộ phận Một cửa xã và Trang thông tin điện tử của xã.<br>- Trong 9 tháng đầu năm xã chưa có phản ánh kiến nghị trên Cổng dịch vụ công. | **Đạt** | |
| **15.3.2** | 100% thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết được tổ chức tiếp nhận, giải quyết theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông và áp dụng quy trình theo dõi việc tiếp nhận, xử lý hồ sơ, trả kết quả giải quyết trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính cấp tỉnh theo quy định tại Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ quy định về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính và Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06/12/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP của Chính phủ. | Trong năm 2024, 100% thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết được UBND xã thực hiện tiếp nhận, giải quyết theo cơ chế Một cửa, một cửa liên thông và đảm bảo thực hiện tiếp nhận, xử lý và trả kết quả hồ sơ hành chính trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC Thành phố (đối với tất cả các thủ tục hành chính đã được tích hợp lên Hệ thống). | **Đạt** | |
| **15.3.3** | Đã tổ chức thực hiện số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính trong tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính theo quy định tại Nghị định số 107/2021/NĐ-CP của Chính phủ, đáp ứng mục tiêu số hóa đối với cấp xã được giao tại Quyết định số 468/QĐ-TTg ngày 27/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ và khoản 2 mục III Điều 1 về cải cách thủ tục hành chính tại Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021 - 2030. | - Ủy ban nhân dân xã đảm bảo việc triển khai và thực hiện việc số hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC trong tiếp nhận và giải quyết TTHC theo quy định, đảm bảo thực hiện cung cấp bản sao điện tử cho người dân, doanh nghiệp khi có yêu cầu.<br>- Theo ghi nhận trên bản đồ thể chế (tính đến thời điểm ngày 28/10/2024), xã đã đạt tỷ lệ 29,4%. | **Cơ bản Đạt (cuối năm 2024 theo yêu cầu cấp xã phải đạt 55%)** | |

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| **15.3.4** | Trong 03 (ba) năm liên tục liền kề trước năm xét công nhận, kết quả giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính của xã được giải quyết đúng hoặc sớm hạn đạt tối thiểu từ 98% trở lên đối với hồ sơ thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp xã và 95% trở lên đối với hồ sơ thực hiện theo cơ chế một cửa liên thông tại bước tiếp nhận, xử lý ở cấp xã; các hồ sơ thủ tục hành chính giải quyết quá hạn phải thực hiện xin lỗi theo đúng quy định tại Nghị định số 61/2018/NĐ-CP của Chính phủ; không có kết quả giải quyết thủ tục hành chính phải sửa đổi, bổ sung do lỗi của cơ quan nhà nước hoặc bị phản ánh, kiến nghị, khiếu nại, khiếu kiện; không có ý kiến phản ánh, kiến nghị về hành vi, thái độ nhũng nhiễu, gây phiền hà, không thực hiện hoặc thực hiện không đúng quy định pháp luật trong giải quyết thủ tục hành chính, trừ trường hợp phản ánh, kiến nghị, khiếu nại, khiếu kiện được cơ quan có thẩm quyền xem xét, xử lý, kết luận là không đúng hoặc vu cáo. | - Năm 2021: xã tiếp nhận, giải quyết đúng hạn xã tiếp nhận, giải quyết đúng hạn 15.340/15.340 hồ sơ, tỷ lệ 100%.<br>- Năm 2022: xã tiếp nhận, giải quyết đúng hạn 24.966/24.966 hồ sơ, tỷ lệ 100%.<br>- Năm 2023: xã tiếp nhận, giải quyết đúng hạn 20.685/20.685 hồ sơ, tỷ lệ 100%.<br>- Không có trường hợp phản ánh, kiến nghị về hành vi, thái độ nhũng nhiễu, gây phiền hà, không thực hiện hoặc thực hiện không đúng quy định pháp luật trong giải quyết thủ tục hành chính | **Đạt** | |
| **15.3.5** | Chỉ số đánh giá chất lượng phục vụ người dân và doanh nghiệp trong thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công của năm liền kề trước năm xét công nhận và tại thời điểm xét công nhận theo quy định tại Nghị định số 61/2018/NĐ-CP, Nghị định số 107/2021/NĐ-CP của Chính phủ và Quyết định số 766/QĐ-TTg ngày 23/6/2022 của Thủ tướng Chính phủ được xếp tối thiểu từ loại tốt trở lên. | Theo ghi nhận của Hệ thống đánh giá chất lượng phục vụ người dân và doanh nghiệp trên Hệ thống Một cửa Thành phố, xã đạt xuất sắc. Trên bản đồ thể chế tỷ lệ hài lòng 100%.<br>Tuy nhiên từ năm 2024 trở đi xã lưu ý triển khai thực hiện các chỉ tiêu thực hiện nâng cao chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện thủ tục hành chính, dịch vụ công trực tuyến năm 2024 theo Công văn số 2747/UBND ngày 05/6/2024 của Ủy ban nhân dân huyện và Quyết định số 1625/QĐ-UBND ngày 14/5/2024 của Uy ban nhân dân Thành phố | **Đạt** | |
| **15.3.6** | Mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp về giải quyết thủ tục hành chính đạt mục tiêu được giao tại khoản 2 mục III Điều 1 về cải cách thủ tục hành chính của Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ. | Theo ghi nhận của Hệ thống đánh giá chất lượng phục vụ người dân và doanh nghiệp trên Hệ thống Một cửa Thành phố, xã đạt xuất sắc. | **Đạt** | |

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| **6. Xã Tân Thới Nhì: ĐẠT** | | | | |
| **15.1** | **Ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết thủ tục hành chính** | | | |
| | Các phần mềm tối thiểu phải ứng dụng, khai thác hiệu quả:<br>- Hệ thống quản lý văn bản và điều hành liên thông 4 cấp, ứng dụng chữ ký số trong quản lý điều hành;<br>- Tiếp nhận và xử lý hồ sơ trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính Thành phố;<br>- Hệ thống thư điện tử thành phố;<br>- Cổng/Trang thông tin điện tử có chức năng cung cấp thông tin phục vụ công tác quản lý, điều hành. | - Thống nhất nội dung báo cáo việc thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin của xã Tân Thới Nhì. Tuy nhiên, xã cần lưu ý:<br>+ Trên cơ sở kết quả thông tin của Sở Thông tin và Truyền thông đối với việc sử dụng Hộp thư điện tử Quý III, xã còn 10/41 trường hợp ít sử dụng. Đề nghị xã có chỉ đạo, quán triệt cán bộ, công chức tại đơn vị nghiêm túc thực hiện; có văn bản gửi Sở Thông tin và Truyền thông cập nhật, điều chỉnh, xóa bỏ đối với các trường hợp có thay đổi chức danh, đơn vị công tác, nghỉ việc,...<br>+ Tiếp tục thực hiện đảm bảo 100% hồ sơ hành chính được tiếp nhận, giải quyết và trả kết quả trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính Thành phố (Hệ thống Một cửa Thành phố).<br>+ Tiếp tục duy trì thực hiện tốt công tác tuyên truyền trên Trang tin điện tử và đưa tin hoạt động tại đơn vị.<br>**Kết quả: Đạt** | **Đạt** | |
| **15.2** | **Có dịch vụ công trực tuyến một phần** | | | |
| | Tỷ lệ hồ sơ giải quyết trực tuyến trên tổng số hồ sơ đạt tối thiểu 30%, mỗi năm tăng thêm 10% và đến năm 2025 đạt tối thiểu 50%. | Theo ghi nhận trên bản đồ thể chế (tính đến ngày 28/10/2024), tỷ lệ hồ sơ giải quyết trực tuyến đạt 48,5%. | **Đạt** | |
| **15.3** | **Giải quyết các thủ tục hành chính đảm bảo đúng quy định và không để xảy ra khiếu nại vượt cấp** | | | |
| **15.3.1** | Công khai 100% thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền tiếp nhận, giải quyết và các nội dung hướng dẫn thực hiện phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức theo đúng quy định tại Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính, Nghị định số 20/2008/NĐ-CP ngày 14/02/2008 của Chính phủ về tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về quy | - Xã thực hiện niêm yết đầy đủ, công khai đầy đủ 100% thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền tiếp nhận, giải quyết tại Bộ phận Một cửa xã và Trang thông tin điện tử của xã.<br>- Trong 9 tháng đầu năm xã chưa có phản ánh kiến nghị trên Cổng dịch vụ công. | **Đạt** | |

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| | định hành chính, Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính và Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính. | | | |
| **15.3.2** | 100% thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết được tổ chức tiếp nhận, giải quyết theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông và áp dụng quy trình theo dõi việc tiếp nhận, xử lý hồ sơ, trả kết quả giải quyết trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính cấp tỉnh theo quy định tại Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ quy định về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính và Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06/12/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP của Chính phủ. | Trong năm 2024, 100% thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết được UBND xã thực hiện tiếp nhận, giải quyết theo cơ chế Một cửa, một cửa liên thông và đảm bảo thực hiện tiếp nhận, xử lý và trả kết quả hồ sơ hành chính trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC Thành phố (đối với tất cả các thủ tục hành chính đã được tích hợp lên Hệ thống). | **Đạt** | |
| **15.3.3** | Đã tổ chức thực hiện số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính trong tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính theo quy định tại Nghị định số 107/2021/NĐ-CP của Chính phủ, đáp ứng mục tiêu số hóa đối với cấp xã được giao tại Quyết định số 468/QĐ-TTg ngày 27/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ và khoản 2 mục III Điều 1 về cải cách thủ tục hành chính tại Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021 - 2030. | - Ủy ban nhân dân xã đảm bảo việc triển khai và thực hiện việc số hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC trong tiếp nhận và giải quyết TTHC theo quy định, đảm bảo thực hiện cung cấp bản sao điện tử cho người dân, doanh nghiệp khi có yêu cầu.<br>- Theo ghi nhận trên bản đồ thể chế (tính đến thời điểm ngày 28/10/2024), xã đã đạt tỷ lệ 53,9%. | **Đạt (cuối năm 2024 theo yêu cầu cấp xã phải đạt 55%)** | |
| **15.3.4** | Trong 03 (ba) năm liên tục liền kề trước năm xét công nhận, kết quả giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính của xã được giải quyết đúng hoặc sớm hạn đạt tối thiểu từ 98% trở lên đối với hồ sơ thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp xã và 95% trở lên đối với hồ sơ thực hiện theo cơ chế một cửa liên thông tại bước tiếp nhận, xử lý ở cấp xã; các hồ sơ thủ tục hành chính giải quyết quá hạn phải thực hiện xin lỗi theo đúng quy định tại Nghị định số 61/2018/NĐ-CP của Chính phủ; không có kết quả giải | - Năm 2021: xã tiếp nhận, giải quyết đúng hạn xã tiếp nhận, giải quyết đúng hạn 18.542/18.544 hồ sơ, tỷ lệ 99,98%.<br>- Năm 2022: xã tiếp nhận, giải quyết đúng hạn 33.258/33.258 hồ sơ, tỷ lệ 100%.<br>- Năm 2023: xã tiếp nhận, giải quyết đúng hạn 25.646/25.650 hồ sơ, tỷ lệ 99,98%.<br>- Không có trường hợp phản ánh, kiến nghị về hành vi, thái độ nhũng nhiễu, gây phiền hà, không thực hiện hoặc thực | **Đạt** | |

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| | quyết thủ tục hành chính phải sửa đổi, bổ sung do lỗi của cơ quan nhà nước hoặc bị phản ánh, kiến nghị, khiếu nại, khiếu kiện; không có ý kiến phản ánh, kiến nghị về hành vi, thái độ nhũng nhiễu, gây phiền hà, không thực hiện hoặc thực hiện không đúng quy định pháp luật trong giải quyết thủ tục hành chính, trừ trường hợp phản ánh, kiến nghị, khiếu nại, khiếu kiện được cơ quan có thẩm quyền xem xét, xử lý, kết luận là không đúng hoặc vu cáo. | hiện không đúng quy định pháp luật trong giải quyết thủ tục hành chính | | |
| **15.3.5** | Chỉ số đánh giá chất lượng phục vụ người dân và doanh nghiệp trong thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công của năm liền kề trước năm xét công nhận và tại thời điểm xét công nhận theo quy định tại Nghị định số 61/2018/NĐ-CP, Nghị định số 107/2021/NĐ-CP của Chính phủ và Quyết định số 766/QĐ-TTg ngày 23 tháng 6 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ được xếp tối thiểu từ loại tốt trở lên. | Theo ghi nhận của Hệ thống đánh giá chất lượng phục vụ người dân và doanh nghiệp trên Hệ thống Một cửa Thành phố, xã đạt xuất sắc. Trên bản đồ thể chế tỷ lệ hài lòng 100%.<br>Tuy nhiên từ năm 2024 trở đi xã lưu ý triển khai thực hiện các chỉ tiêu thực hiện nâng cao chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện thủ tục hành chính, dịch vụ công trực tuyến năm 2024 theo Công văn số 2747/UBND ngày 05/6/2024 của Ủy ban nhân dân huyện và Quyết định số 1625/QĐ-UBND ngày 14/5/2024 của Uy ban nhân dân Thành phố | **Đạt** | |
| **15.3.6** | Mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp về giải quyết thủ tục hành chính đạt mục tiêu được giao tại khoản 2 mục III Điều 1 về cải cách thủ tục hành chính của Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ. | Theo ghi nhận của Hệ thống đánh giá chất lượng phục vụ người dân và doanh nghiệp trên Hệ thống Một cửa Thành phố, xã đạt tốt. | **Đạt** | |
| **7. Xã Tân Hiệp: ĐẠT** | | | | |
| **15.1** | **Ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết thủ tục hành chính** | | | |
| | Các phần mềm tối thiểu phải ứng dụng, khai thác hiệu quả:<br>- Hệ thống quản lý văn bản và điều hành liên thông 4 cấp, ứng dụng chữ ký số trong quản lý điều hành;<br>- Tiếp nhận và xử lý hồ sơ trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính Thành phố;<br>- Hệ thống thư điện tử thành phố; | - Thống nhất nội dung báo cáo việc thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin của xã Tân Hiệp. Tuy nhiên, xã cần lưu ý:<br>+ Trên cơ sở kết quả thông tin của Sở Thông tin và Truyền thông đối với việc sử dụng Hộp thư điện tử Quý III, xã còn 06/45 trường hợp ít sử dụng. Đề nghị xã có chỉ đạo, quán triệt cán bộ, công chức tại đơn vị nghiêm túc thực hiện; có văn bản gửi Sở Thông tin và Truyền thông cập nhật, điều | **Đạt** | |

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| | - Cổng/Trang thông tin điện tử có chức năng cung cấp thông tin phục vụ công tác quản lý, điều hành. | chỉnh, xóa bỏ đối với các trường hợp có thay đổi chức danh, đơn vị công tác, nghỉ việc,…<br>+ Tiếp tục thực hiện tiếp nhận 100% hồ sơ hành chính được tiếp nhận, giải quyết và trả kết quả trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính Thành phố (Hệ thống Một cửa Thành phố).<br>+ Tiếp tục duy trì thực hiện tốt công tác tuyên truyền trên Trang tin điện tử và đưa tin hoạt động tại đơn vị. | | |
| **15.2** | **Có dịch vụ công trực tuyến một phần** | | | |
| | Tỷ lệ hồ sơ giải quyết trực tuyến trên tổng số hồ sơ đạt tối thiểu 30%, mỗi năm tăng thêm 10% và đến năm 2025 đạt tối thiểu 50%. | Theo ghi nhận trên bản đồ thể chế (tính đến ngày 28/10/2024), tỷ lệ hồ sơ giải quyết trực tuyến đạt 81,8%. | **Đạt** | |
| **15.3** | **Giải quyết các thủ tục hành chính đảm bảo đúng quy định và không để xảy ra khiếu nại vượt cấp** | | | |
| **15.3.1** | Công khai 100% thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền tiếp nhận, giải quyết và các nội dung hướng dẫn thực hiện phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức theo đúng quy định tại Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính, Nghị định số 20/2008/NĐ-CP ngày 14/02/2008 của Chính phủ về tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính, Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính và Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính. | - Xã thực hiện niêm yết đầy đủ, công khai đầy đủ 100% thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền tiếp nhận, giải quyết tại Bộ phận Một cửa xã và Trang thông tin điện tử của xã.<br>- Trong 9 tháng đầu năm xã chưa có phản ánh kiến nghị trên Cổng dịch vụ công. | **Đạt** | |
| | 100% thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết được tổ chức tiếp nhận, giải quyết theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông và áp dụng quy trình theo dõi việc tiếp nhận, xử lý hồ sơ, trả kết quả giải quyết trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính cấp tỉnh theo quy định tại Nghị định số | Trong năm 2024, 100% thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết được UBND xã thực hiện tiếp nhận, giải quyết theo cơ chế Một cửa, một cửa liên thông và đảm bảo thực hiện tiếp nhận, xử lý và trả kết quả hồ sơ hành chính trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC Thành phố (đối | **Đạt** | |

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| **15.3.2** | 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ quy định về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính và Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06/12/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP của Chính phủ. | với tất cả các thủ tục hành chính đã được tích hợp lên Hệ thống). | | |
| **15.3.3** | Đã tổ chức thực hiện số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính trong tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính theo quy định tại Nghị định số 107/2021/NĐ-CP của Chính phủ, đáp ứng mục tiêu số hóa đối với cấp xã được giao tại Quyết định số 468/QĐ-TTg ngày 27/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ và khoản 2 mục III Điều 1 về cải cách thủ tục hành chính tại Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021 - 2030. | - Ủy ban nhân dân xã đảm bảo việc triển khai và thực hiện việc số hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC trong tiếp nhận và giải quyết TTHC theo quy định, đảm bảo thực hiện cung cấp bản sao điện tử cho người dân, doanh nghiệp khi có yêu cầu.<br>- Theo ghi nhận trên bản đồ thể chế (tính đến thời điểm ngày 28/10/2024), xã đã đạt tỷ lệ 47,6%. | **Cơ bản Đạt (cuối năm 2024 theo yêu cầu cấp xã phải đạt 55%)** | |
| **15.3.4** | Trong 03 (ba) năm liên tục liền kề trước năm xét công nhận, kết quả giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính của xã được giải quyết đúng hoặc sớm hạn đạt tối thiểu từ 98% trở lên đối với hồ sơ thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp xã và 95% trở lên đối với hồ sơ thực hiện theo cơ chế một cửa liên thông tại bước tiếp nhận, xử lý ở cấp xã; các hồ sơ thủ tục hành chính giải quyết quá hạn phải thực hiện xin lỗi theo đúng quy định tại Nghị định số 61/2018/NĐ-CP của Chính phủ; không có kết quả giải quyết thủ tục hành chính phải sửa đổi, bổ sung do lỗi của cơ quan nhà nước hoặc bị phản ánh, kiến nghị, khiếu nại, khiếu kiện; không có ý kiến phản ánh, kiến nghị về hành vi, thái độ nhũng nhiễu, gây phiền hà, không thực hiện hoặc thực hiện không đúng quy định pháp luật trong giải quyết thủ tục hành chính, trừ trường hợp phản ánh, kiến nghị, khiếu nại, khiếu kiện được cơ quan có thẩm quyền xem xét, xử lý, kết luận là không đúng hoặc vu cáo. | - Năm 2021: xã tiếp nhận, giải quyết đúng hạn xã tiếp nhận, giải quyết đúng hạn 11.148/11.148 hồ sơ, tỷ lệ 100%.<br>- Năm 2022: xã tiếp nhận, giải quyết đúng hạn 18.571/18.571 hồ sơ, tỷ lệ 100%.<br>- Năm 2023: xã tiếp nhận, giải quyết đúng hạn 16.388/16.388 hồ sơ, tỷ lệ 99,98%.<br>- Không có trường hợp phản ánh, kiến nghị về hành vi, thái độ nhũng nhiễu, gây phiền hà, không thực hiện hoặc thực hiện không đúng quy định pháp luật trong giải quyết thủ tục hành chính | **Đạt** | |
| **15.3.5** | Chỉ số đánh giá chất lượng phục vụ người dân và doanh nghiệp trong thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công của năm liền kề trước năm xét công nhận và tại thời điểm xét công nhận theo quy định tại Nghị định số | Theo ghi nhận của Hệ thống đánh giá chất lượng phục vụ người dân và doanh nghiệp trên Hệ thống Một cửa Thành phố, xã đạt Xuất sắc. Trên bản đồ thể chế tỷ lệ hài lòng 100%. | **Đạt** | |

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| | 61/2018/NĐ-CP, Nghị định số 107/2021/NĐ-CP của Chính phủ và Quyết định số 766/QĐ-TTg ngày 23 tháng 6 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ được xếp tối thiểu từ loại tốt trở lên. | Tuy nhiên từ năm 2024 trở đi xã lưu ý triển khai thực hiện các chỉ tiêu thực hiện nâng cao chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện thủ tục hành chính, dịch vụ công trực tuyến năm 2024 theo Công văn số 2747/UBND ngày 05/6/2024 của Ủy ban nhân dân huyện và Quyết định số 1625/QĐ-UBND ngày 14/5/2024 của Uy ban nhân dân Thành phố | | |
| **15.3.6** | Mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp về giải quyết thủ tục hành chính đạt mục tiêu được giao tại khoản 2 mục III Điều 1 về cải cách thủ tục hành chính của Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ. | Theo ghi nhận của Hệ thống đánh giá chất lượng phục vụ người dân và doanh nghiệp trên Hệ thống Một cửa Thành phố, xã đạt tốt. | **Đạt** | |
| **8. Xã Xuân Thới Thượng: ĐẠT** | | | | |
| **15.1** | **Ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết thủ tục hành chính** | | | |
| | Các phần mềm tối thiểu phải ứng dụng, khai thác hiệu quả:<br>- Hệ thống quản lý văn bản và điều hành liên thông 4 cấp, ứng dụng chữ ký số trong quản lý điều hành;<br>- Tiếp nhận và xử lý hồ sơ trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính Thành phố;<br>- Hệ thống thư điện tử thành phố;<br>- Cổng/Trang thông tin điện tử có chức năng cung cấp thông tin phục vụ công tác quản lý, điều hành. | - Thống nhất nội dung báo cáo việc thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin của xã Xuân Thới Thượng. Tuy nhiên, xã cần lưu ý:<br>+ Trên cơ sở kết quả thông tin của Sở Thông tin và Truyền thông đối với việc sử dụng Hộp thư điện tử Quý III, xã còn 04/61 trường hợp ít sử dụng. Đề nghị xã có chỉ đạo, quán triệt cán bộ, công chức tại đơn vị nghiêm túc thực hiện; có văn bản gửi Sở Thông tin và Truyền thông cập nhật, điều chỉnh, xóa bỏ đối với các trường hợp có thay đổi chức danh, đơn vị công tác, nghỉ việc,…<br>+ Tiếp tục thực hiện tiếp nhận 100% hồ sơ hành chính được tiếp nhận, giải quyết và trả kết quả trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính Thành phố (Hệ thống Một cửa Thành phố).<br>+ Tiếp tục duy trì thực hiện tốt công tác tuyên truyền trên Trang tin điện tử và đưa tin hoạt động tại đơn vị. | **Đạt** | |
| **15.2** | **Có dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 trở lên** | | | |

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| | Tỷ lệ hồ sơ giải quyết trực tuyến trên tổng số hồ sơ đạt tối thiểu 30%, mỗi năm tăng thêm 10% và đến năm 2025 đạt tối thiểu 50%. | Theo ghi nhận trên bản đồ thể chế (tính đến ngày 28/10/2024), tỷ lệ hồ sơ giải quyết trực tuyến đạt 77,9%. | **Đạt** | |
| **15.3** | **Giải quyết các thủ tục hành chính đảm bảo đúng quy định và không để xảy ra khiếu nại vượt cấp** | | | |
| **15.3.1** | Công khai 100% thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền tiếp nhận, giải quyết và các nội dung hướng dẫn thực hiện phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức theo đúng quy định tại Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính, Nghị định số 20/2008/NĐ-CP ngày 14/02/2008 của Chính phủ về tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính, Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính và Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính. | - Xã thực hiện niêm yết đầy đủ, công khai đầy đủ 100% thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền tiếp nhận, giải quyết tại Bộ phận Một cửa xã và Trang thông tin điện tử của xã.<br>- Trong 9 tháng đầu năm xã có 01 phản ánh kiến nghị trên Cổng dịch vụ công Quốc giá và đã công khai kết quả giải quyết đúng hạn trên Hệ thống. | **Đạt** | |
| **15.3.2** | 100% thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết được tổ chức tiếp nhận, giải quyết theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông và áp dụng quy trình theo dõi việc tiếp nhận, xử lý hồ sơ, trả kết quả giải quyết trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính cấp tỉnh theo quy định tại Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ quy định về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính và Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06/12/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP của Chính phủ. | Trong năm 2024, 100% thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết được UBND xã thực hiện tiếp nhận, giải quyết theo cơ chế Một cửa, một cửa liên thông và đảm bảo thực hiện tiếp nhận, xử lý và trả kết quả hồ sơ hành chính trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC Thành phố (đối với tất cả các thủ tục hành chính đã được tích hợp lên Hệ thống). | **Đạt** | |
| **15.3.3** | Đã tổ chức thực hiện số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính trong tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính theo quy định tại Nghị định số 107/2021/NĐ-CP của Chính phủ, đáp ứng mục tiêu số hóa đối với cấp xã được giao tại Quyết định số 468/QĐ-TTg ngày 27 tháng 3 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ và khoản 2 mục III Điều 1 về cải cách thủ tục hành chính tại Nghị quyết số 76/NQ- | - Ủy ban nhân dân xã đảm bảo việc triển khai và thực hiện việc số hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC trong tiếp nhận và giải quyết TTHC theo quy định, đảm bảo thực hiện cung cấp bản sao điện tử cho người dân, doanh nghiệp khi có yêu cầu. | **Cơ bản Đạt (cuối năm 2024 theo yêu cầu cấp xã phải đạt 55%)** | |

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| | CP ngày 15/7/ 2021 của Chính phủ ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021 - 2030. | - Theo ghi nhận trên bản đồ thể chế (tính đến thời điểm ngày 28/10/2024), xã đã đạt tỷ lệ 47%. | | |
| **15.3.4** | Trong 03 (ba) năm liên tục liền kề trước năm xét công nhận, kết quả giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính của xã được giải quyết đúng hoặc sớm hạn đạt tối thiểu từ 98% trở lên đối với hồ sơ thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp xã và 95% trở lên đối với hồ sơ thực hiện theo cơ chế một cửa liên thông tại bước tiếp nhận, xử lý ở cấp xã; các hồ sơ thủ tục hành chính giải quyết quá hạn phải thực hiện xin lỗi theo đúng quy định tại Nghị định số 61/2018/NĐ-CP của Chính phủ; không có kết quả giải quyết thủ tục hành chính phải sửa đổi, bổ sung do lỗi của cơ quan nhà nước hoặc bị phản ánh, kiến nghị, khiếu nại, khiếu kiện; không có ý kiến phản ánh, kiến nghị về hành vi, thái độ nhũng nhiễu, gây phiền hà, không thực hiện hoặc thực hiện không đúng quy định pháp luật trong giải quyết thủ tục hành chính, trừ trường hợp phản ánh, kiến nghị, khiếu nại, khiếu kiện được cơ quan có thẩm quyền xem xét, xử lý, kết luận là không đúng hoặc vu cáo. | - Năm 2021: xã tiếp nhận, giải quyết đúng hạn 52.268/52.268 hồ sơ, tỷ lệ 100%.<br>- Năm 2022: xã tiếp nhận, giải quyết đúng hạn 43.342/43.342 hồ sơ, tỷ lệ 100%.<br>- Năm 2023: xã tiếp nhận, giải quyết đúng hạn 60.599/60.599 hồ sơ, tỷ lệ 100%.<br>- Không có trường hợp phản ánh, kiến nghị về hành vi, thái độ nhũng nhiễu, gây phiền hà, không thực hiện hoặc thực hiện không đúng quy định pháp luật trong giải quyết thủ tục hành chính | **Đạt** | |
| 15.3.5 | Chỉ số đánh giá chất lượng phục vụ người dân và doanh nghiệp trong thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công của năm liền kề trước năm xét công nhận và tại thời điểm xét công nhận theo quy định tại Nghị định số 61/2018/NĐ-CP, Nghị định số 107/2021/NĐ-CP của Chính phủ và Quyết định số 766/QĐ-TTg ngày 23 tháng 6 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ được xếp tối thiểu từ loại tốt trở lên. | Theo ghi nhận của Hệ thống đánh giá chất lượng phục vụ người dân và doanh nghiệp trên Hệ thống Một cửa Thành phố, xã đạt Xuất sắc. Trên bản đồ thể chế tỷ lệ hài lòng 100%.<br>Tuy nhiên từ năm 2024 trở đi xã lưu ý triển khai thực hiện các chỉ tiêu thực hiện nâng cao chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện thủ tục hành chính, dịch vụ công trực tuyến năm 2024 theo Công văn số 2747/UBND ngày 05/6/2024 của Ủy ban nhân dân huyện và Quyết định số 1625/QĐ-UBND ngày 14/5/2024 của Uy ban nhân dân Thành phố | **Đạt** | |

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| 15.3.6 | Mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp về giải quyết thủ tục hành chính đạt mục tiêu được giao tại khoản 2 mục III Điều 1 về cải cách thủ tục hành chính của Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ. | Theo ghi nhận của Hệ thống đánh giá chất lượng phục vụ người dân và doanh nghiệp trên Hệ thống Một cửa Thành phố, xã đạt tốt. | **Đạt** | |
| **9. Xã Xuân Thới Sơn: ĐẠT** | | | | |
| **15.1** | **Ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết thủ tục hành chính** | | | |
| | Các phần mềm tối thiểu phải ứng dụng, khai thác hiệu quả:<br>- Hệ thống quản lý văn bản và điều hành liên thông 4 cấp, ứng dụng chữ ký số trong quản lý điều hành;<br>- Tiếp nhận và xử lý hồ sơ trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính Thành phố;<br>- Hệ thống thư điện tử thành phố;<br>- Cổng/Trang thông tin điện tử có chức năng cung cấp thông tin phục vụ công tác quản lý, điều hành. | - Thống nhất nội dung báo cáo việc thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin của xã Xuân Thới Sơn. Tuy nhiên, xã cần lưu ý:<br>+ Trên cơ sở kết quả thông tin của Sở Thông tin và Truyền thông đối với việc sử dụng Hộp thư điện tử Quý III, xã còn 07/48 trường hợp ít sử dụng. Đề nghị xã có chỉ đạo, quán triệt cán bộ, công chức tại đơn vị nghiêm túc thực hiện; có văn bản gửi Sở Thông tin và Truyền thông cập nhật, điều chỉnh, xóa bỏ đối với các trường hợp có thay đổi chức danh, đơn vị công tác, nghỉ việc,…<br>+ Tiếp tục thực hiện tiếp nhận 100% hồ sơ hành chính được tiếp nhận, giải quyết và trả kết quả trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính Thành phố (Hệ thống Một cửa Thành phố).<br>+ Tiếp tục duy trì thực hiện tốt công tác tuyên truyền trên Trang tin điện tử và đưa tin hoạt động tại đơn vị.<br>**Kết quả: Đạt** | **Đạt** | |
| **15.2** | **Có dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 trở lên** | | | |
| | Tỷ lệ hồ sơ giải quyết trực tuyến trên tổng số hồ sơ đạt tối thiểu 30%, mỗi năm tăng thêm 10% và đến năm 2025 đạt tối thiểu 50%. | Theo ghi nhận trên bản đồ thể chế (tính đến ngày 28/10/2024), tỷ lệ hồ sơ giải quyết trực tuyến đạt 48%. | **Đạt** | |
| **15.3** | **Giải quyết các thủ tục hành chính đảm bảo đúng quy định và không để xảy ra khiếu nại vượt cấp** | | | |

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| **15.3.1** | Công khai 100% thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền tiếp nhận, giải quyết và các nội dung hướng dẫn thực hiện phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức theo đúng quy định tại Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính, Nghị định số 20/2008/NĐ-CP ngày 14/02/2008 của Chính phủ về tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính, Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính và Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính. | - Xã thực hiện niêm yết đầy đủ, công khai đầy đủ 100% thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền tiếp nhận, giải quyết tại Bộ phận Một cửa xã và Trang thông tin điện tử của xã.<br>- Trong 9 tháng đầu năm, xã chưa có phản ánh kiến nghị trên Cổng dịch vụ công. | **Đạt** | |
| **15.3.2** | 100% thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết được tổ chức tiếp nhận, giải quyết theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông và áp dụng quy trình theo dõi việc tiếp nhận, xử lý hồ sơ, trả kết quả giải quyết trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính cấp tỉnh theo quy định tại Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ quy định về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính và Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06/12/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP của Chính phủ. | Trong năm 2024, 100% thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết được UBND xã thực hiện tiếp nhận, giải quyết theo cơ chế Một cửa, một cửa liên thông và đảm bảo thực hiện tiếp nhận, xử lý và trả kết quả hồ sơ hành chính trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC Thành phố (đối với tất cả các thủ tục hành chính đã được tích hợp lên Hệ thống). | **Đạt** | |
| **15.3.3** | Đã tổ chức thực hiện số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính trong tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính theo quy định tại Nghị định số 107/2021/NĐ-CP của Chính phủ, đáp ứng mục tiêu số hóa đối với cấp xã được giao tại Quyết định số 468/QĐ-TTg ngày 27/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ và khoản 2 mục III Điều 1 về cải cách thủ tục hành chính tại Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021 - 2030. | - Ủy ban nhân dân xã đảm bảo việc triển khai và thực hiện việc số hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC trong tiếp nhận và giải quyết TTHC theo quy định, đảm bảo thực hiện cung cấp bản sao điện tử cho người dân, doanh nghiệp khi có yêu cầu.<br>- Theo ghi nhận trên bản đồ thể chế (tính đến thời điểm ngày 28/10/2024), xã đã đạt tỷ lệ 56,1%. | **Đạt (cuối năm 2024 theo yêu cầu cấp xã phải đạt 55%)** | |
| **15.3.4** | Trong 03 (ba) năm liên tục liền kề trước năm xét công nhận, kết quả giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính của xã được giải quyết đúng hoặc sớm hạn đạt tối thiểu từ 98% | - Năm 2021: xã tiếp nhận, giải quyết đúng hạn 24.023/24.023 hồ sơ, tỷ lệ 100%. | **Đạt** | |

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| | trở lên đối với hồ sơ thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp xã và 95% trở lên đối với hồ sơ thực hiện theo cơ chế một cửa liên thông tại bước tiếp nhận, xử lý ở cấp xã; các hồ sơ thủ tục hành chính giải quyết quá hạn phải thực hiện xin lỗi theo đúng quy định tại Nghị định số 61/2018/NĐ-CP của Chính phủ; không có kết quả giải quyết thủ tục hành chính phải sửa đổi, bổ sung do lỗi của cơ quan nhà nước hoặc bị phản ánh, kiến nghị, khiếu nại, khiếu kiện; không có ý kiến phản ánh, kiến nghị về hành vi, thái độ những nhiễu, gây phiền hà, không thực hiện oặc thực hiện không đúng quy định pháp luật trong giải quyết thủ tục hành chính, trừ trường hợp phản ánh, kiến nghị, khiếu nại, khiếu kiện được cơ quan có thẩm quyền xem xét, xử lý, kết luận là không đúng hoặc vu cáo. | - Năm 2022: xã tiếp nhận, giải quyết đúng hạn 37.664/37.664 hồ sơ, tỷ lệ 100%.<br>- Năm 2023: xã tiếp nhận, giải quyết đúng hạn 28.721/28.721 hồ sơ, tỷ lệ 100%.<br>- Không có trường hợp phản ánh, kiến nghị về hành vi, thái độ những nhiễu, gây phiền hà, không thực hiện hoặc thực hiện không đúng quy định pháp luật trong giải quyết thủ tục hành chính | | |
| **15.3.5** | Chỉ số đánh giá chất lượng phục vụ người dân và doanh nghiệp trong thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công của năm liền kề trước năm xét công nhận và tại thời điểm xét công nhận theo quy định tại Nghị định số 61/2018/NĐ-CP, Nghị định số 107/2021/NĐ-CP của Chính phủ và Quyết định số 766/QĐ-TTg ngày 23/6/2022 của Thủ tướng Chính phủ được xếp tối thiểu từ loại tốt trở lên. | Theo ghi nhận của Hệ thống đánh giá chất lượng phục vụ người dân và doanh nghiệp trên Hệ thống Một cửa Thành phố, xã đạt Xuất sắc. Trên bản đồ thể chế tỷ lệ hài lòng 100%.<br>Tuy nhiên từ năm 2024 trở đi xã lưu ý triển khai thực hiện các chỉ tiêu thực hiện nâng cao chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện thủ tục hành chính, dịch vụ công trực tuyến năm 2024 theo Công văn số 2747/UBND ngày 05/6/2024 của Ủy ban nhân dân huyện và Quyết định số 1625/QĐ-UBND ngày 14/5/2024 của Uy ban nhân dân Thành phố. | **Đạt** | |
| **15.3.6** | Mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp về giải quyết thủ tục hành chính đạt mục tiêu được giao tại khoản 2 mục III Điều 1 về cải cách thủ tục hành chính của Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ. | Theo ghi nhận của Hệ thống đánh giá chất lượng phục vụ người dân và doanh nghiệp trên Hệ thống Một cửa Thành phố, xã đạt tốt. | **Đạt** | |
| **10. Xã Xuân Thới Đông: ĐẠT** | | | | |
| 15.1 | **Ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết thủ tục hành chính** | | | |

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| | Các phần mềm tối thiểu phải ứng dụng, khai thác hiệu quả:<br>- Hệ thống quản lý văn bản và điều hành liên thông 4 cấp, ứng dụng chữ ký số trong quản lý điều hành;<br>- Tiếp nhận và xử lý hồ sơ trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính Thành phố;<br>- Hệ thống thư điện tử thành phố;<br>- Cổng/Trang thông tin điện tử có chức năng cung cấp thông tin phục vụ công tác quản lý, điều hành. | - Thống nhất nội dung báo cáo việc thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin của xã Xuân Thới Đông. Tuy nhiên, xã cần lưu ý:<br>+ Trên cơ sở kết quả thông tin của Sở Thông tin và Truyền thông đối với việc sử dụng Hộp thư điện tử Quý II, xã 100% cán bộ, công chức điều sử dụng. Đề nghị xã có chỉ đạo, quán triệt cán bộ, công chức tại đơn vị nghiêm túc thực hiện; có văn bản gửi Sở Thông tin và Truyền thông cập nhật, điều chỉnh, xóa bỏ đối với các trường hợp có thay đổi chức danh, đơn vị công tác, nghỉ việc,...<br>+ Tiếp tục thực hiện tiếp nhận 100% hồ sơ hành chính được tiếp nhận, giải quyết và trả kết quả trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính Thành phố (Hệ thống Một cửa Thành phố).<br>+ Tiếp tục duy trì thực hiện tốt công tác tuyên truyền trên Trang tin điện tử và đưa tin hoạt động tại đơn vị.<br>**Kết quả: Đạt** | **Đạt** | |
| **15.2** | **Có dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 trở lên** | | | |
| | Tỷ lệ hồ sơ giải quyết trực tuyến trên tổng số hồ sơ đạt tối thiểu 30%, mỗi năm tăng thêm 10% và đến năm 2025 đạt tối thiểu 50%. | Theo ghi nhận trên bản đồ thể chế (tính đến ngày 28/10/2024), tỷ lệ hồ sơ giải quyết trực tuyến đạt 68%. | **Đạt** | |
| **15.3** | **Giải quyết các thủ tục hành chính đảm bảo đúng quy định và không để xảy ra khiếu nại vượt cấp** | | | |
| **15.3.1** | Công khai 100% thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền tiếp nhận, giải quyết và các nội dung hướng dẫn thực hiện phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức theo đúng quy định tại Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính, Nghị định số 20/2008/NĐ-CP ngày 14/02/2008 của Chính phủ về tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính, Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính và Thông tư số | - Xã thực hiện niêm yết đầy đủ, công khai đầy đủ 100% thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền tiếp nhận, giải quyết tại Bộ phận Một cửa xã và Trang thông tin điện tử của xã.<br>- Trong 9 tháng đầu năm, xã chưa có phản ánh kiến nghị trên Cổng dịch vụ công. | **Đạt** | |

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| | 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính. | | | |
| **15.3.2** | 100% thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết được tổ chức tiếp nhận, giải quyết theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông và áp dụng quy trình theo dõi việc tiếp nhận, xử lý hồ sơ, trả kết quả giải quyết trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính cấp tỉnh theo quy định tại Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ quy định về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính và Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06/12/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP của Chính phủ. | Trong năm 2024, 100% thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết được UBND xã thực hiện tiếp nhận, giải quyết theo cơ chế Một cửa, một cửa liên thông và đảm bảo thực hiện tiếp nhận, xử lý và trả kết quả hồ sơ hành chính trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC Thành phố (đối với tất cả các thủ tục hành chính đã được tích hợp lên Hệ thống). | **Đạt** | |
| **15.3.3** | Đã tổ chức thực hiện số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính trong tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính theo quy định tại Nghị định số 107/2021/NĐ-CP của Chính phủ, đáp ứng mục tiêu số hóa đối với cấp xã được giao tại Quyết định số 468/QĐ-TTg ngày 27/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ và khoản 2 mục III Điều 1 về cải cách thủ tục hành chính tại Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021 - 2030. | - Ủy ban nhân dân xã đảm bảo việc triển khai và thực hiện việc số hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC trong tiếp nhận và giải quyết TTHC theo quy định, đảm bảo thực hiện cung cấp bản sao điện tử cho người dân, doanh nghiệp khi có yêu cầu.<br>- Theo ghi nhận trên bản đồ thể chế (tính đến thời điểm ngày 28/10/2024), xã đã đạt tỷ lệ 51,7%. | **Cơ bản Đạt (cuối năm 2024 theo yêu cầu cấp xã phải đạt 55%)** | |
| **15.3.4** | Trong 03 (ba) năm liên tục liền kề trước năm xét công nhận, kết quả giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính của xã được giải quyết đúng hoặc sớm hạn đạt tối thiểu từ 98% trở lên đối với hồ sơ thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp xã và 95% trở lên đối với hồ sơ thực hiện theo cơ chế một cửa liên thông tại bước tiếp nhận, xử lý ở cấp xã; các hồ sơ thủ tục hành chính giải quyết quá hạn phải thực hiện xin lỗi theo đúng quy định tại Nghị định số 61/2018/NĐ-CP của Chính phủ; không có kết quả giải quyết thủ tục hành chính phải sửa đổi, bổ sung do lỗi của cơ quan nhà nước hoặc bị phản ánh, kiến nghị, khiếu nại, khiếu kiện; không có ý kiến phản ánh, kiến nghị về hành vi, thái độ nhũng nhiễu, gây phiền hà, không thực hiện oặc thực hiện không đúng quy định pháp luật trong giải quyết thủ tục hành chính, trừ trường hợp phản ánh, kiến nghị, | - Năm 2021: xã tiếp nhận, giải quyết đúng hạn 13.535/13.535 hồ sơ, tỷ lệ 100%.<br>- Năm 2022: xã tiếp nhận, giải quyết đúng hạn 34.505/34.505 hồ sơ, tỷ lệ 100%.<br>- Năm 2023: xã tiếp nhận, giải quyết đúng hạn 27.131/27.131 hồ sơ, tỷ lệ 100%.<br>- Không có trường hợp phản ánh, kiến nghị về hành vi, thái độ nhũng nhiễu, gây phiền hà, không thực hiện hoặc thực hiện không đúng quy định pháp luật trong giải quyết thủ tục hành chính | **Đạt** | |

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| | khiếu nại, khiếu kiện được cơ quan có thẩm quyền xem xét, xử lý, kết luận là không đúng hoặc vu cáo. | | | |
| **15.3.5** | Chỉ số đánh giá chất lượng phục vụ người dân và doanh nghiệp trong thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công của năm liền kề trước năm xét công nhận và tại thời điểm xét công nhận theo quy định tại Nghị định số 61/2018/NĐ-CP, Nghị định số 107/2021/NĐ-CP của Chính phủ và Quyết định số 766/QĐ-TTg ngày 23 tháng 6 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ được xếp tối thiểu từ loại tốt trở lên. | Theo ghi nhận của Hệ thống đánh giá chất lượng phục vụ người dân và doanh nghiệp trên Hệ thống Một cửa Thành phố, xã đạt xuất sắc. Trên bản đồ thể chế tỷ lệ hài lòng 100%.<br>Tuy nhiên từ năm 2024 trở đi xã lưu ý triển khai thực hiện các chỉ tiêu thực hiện nâng cao chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện thủ tục hành chính, dịch vụ công trực tuyến năm 2024 theo Công văn số 2747/UBND ngày 05/6/2024 của Ủy ban nhân dân huyện và Quyết định số 1625/QĐ-UBND ngày 14/5/2024 của Uy ban nhân dân Thành phố | **Đạt** | |
| **15.3.6** | Mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp về giải quyết thủ tục hành chính đạt mục tiêu được giao tại khoản 2 mục III Điều 1 về cải cách thủ tục hành chính của Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ. | Theo ghi nhận của Hệ thống đánh giá chất lượng phục vụ người dân và doanh nghiệp trên Hệ thống Một cửa Thành phố, xã đạt tốt. | **Đạt** | |

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN HÓC MÔN

Phụ lục 18

# TỔNG HỢP KẾT QUẢ CÁN BỘ, CÔNG CHỨC 10 XÃ NÔNG THÔN MỚI NÂNG CAO ĐẠT CHUẨN

| TT | Họ và tên | Ngày, tháng, năm sinh | Nữ (Dấu x) | Chức vụ / chức danh | Đảng viên | Nguồn cán bộ, công chức, cán bộ không chuyên trách (Tăng cường, tại chỗ, tuyển dụng, hưu trí) | Thời điểm tuyển dụng (bổ nhiệm, phê chuẩn kết quả bầu) | Thời điểm đảm nhiệm chức danh hiện tại | Tên ngạch | Mã ngạch | Trình độ giáo dục phổ thông | Trình độ chuyên môn nghiệp vụ | | Chứng chỉ bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ quản lý nhà nước | Trình độ QLNN | Trình độ LLCT | Trình độ tin học | Trình độ Ngoại ngữ | Chứng nhận bồi dưỡng cán bộ xây dựng NTM, giai đoạn 2016-2020 (ghi năm đi tập huấn) | Đang học |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | | | | | | | | Trình độ đào tạo (Trên đại học, đại học, cao đẳng, trung cấp, sơ cấp) | Chuyên ngành đào tạo (ghi số hiệu văn bằng dưới chuyên ngành đào tạo) | | | | | | | |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 | 16 | 17 | 18 | 19 | 20 | 21 |
| I. BÀ ĐIỂM | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 1 | Cán bộ cấp xã | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 1 | Phan Thị Hồng Gấm | 11/10/1980 | x | Phó Bí thư Đảng ủy kiêm Chủ tịch Hội đồng nhân dân | x | Tại chỗ | 28/11/2005 | 08/09/2022 | Chuyên viên | 01.003 | 12/12 | Đại học | Luật học (A130063) | x | Chuyên viên | Trung cấp | A | Anh B | x | Thạc sĩ, ngành luật kinh tế, đại học Huế |
| 2 | Phan Thị Thu Vân | 26/12/1977 | x | Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân | x | Tại chỗ | 01/04/2007 | 31/12/2022 | Chuyên viên | 01.003 | 12/12 | Đại học | Xã hội học (43XHHVL/12/3) | x | Chuyên viên | Trung cấp | B | Anh B | x | |
| 3 | Nguyễn Minh Thảo | 01/12/1974 | | Chủ tịch | x | Điều động | 01/10/2021 | 01/10/2021 | Chuyên viên | 01.003 | 12/12 | Đại học | Luật học (B0184118) Thể dục thể thao (18036) Kinh tế-CN kinh tế chính trị (00345957) | x | Chuyên viên | Cao cấp | A | Anh B | x | |
| 4 | Lưu Thanh Vân | 27/02/1979 | x | Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân | x | Điều động | 01/06/2008 | 27/07/2020 | Chuyên viên | 01.003 | 12/12 | Đại học | Quản trị kinh doanh (B415282) | x | Chuyên viên | Trung cấp | A | Anh B | x | |
| 5 | Đinh Thuy Hồng Châu | 12/02/1979 | x | Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân | x | Điều động | 22/01/2020 | 22/01/2020 | Chuyên viên | 01.003 | 12/12 | Đại học | Xây dựng cầu đường (0400977) | x | Chuyên viên | Trung cấp | Kỹ thuật viên tin học | Anh B | x | |
| 6 | Lê Trung Tinh | 06/02/1988 | | Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân | x | Tiếp nhận, Điều động | 09/05/2024 | 09/05/2024 | Chuyên viên | 01.003 | 12/12 | Trên Đại học | Luật (HM006579) | x | Chuyên viên | Cao cấp | B | Anh B | | |
| 7 | Phan Văn Nhựt | 30/03/1976 | | Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam | x | Tại chỗ | 01/11/2004 | 01/03/2023 | Chuyên viên | 01.003 | 12/12 | Đại học | Luật học (1440917) | x | Chuyên viên | Trung cấp | B | Anh B | x | |
| 8 | Nguyễn Ngọc Thuận | 08/05/1992 | | Bí thư Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh | x | Tại chỗ | 01/09/2016 | 04/11/2020 | Chuyên viên | 01.003 | 12/12 | Đại học | Quản lý nhà nước (301158) | x | Chuyên viên | Trung cấp | A | Anh A | x | Đại học Luật (Văn bằng 2) Trường Đại học mở TP HCM |
| 9 | Phạm Thị Thanh Thủy | 16/05/1971 | x | Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ | x | Tại chỗ | 31/10/2005 | 21/05/2010 | Chuyên viên | 01.003 | 12/12 | Đại học | Hành chính học (A0112259) Kinh tế - chính trị (00345966) Ngữ Văn Anh - (C0112862) | x | Chuyên viên | Cao cấp | A | Tiếng Anh Đại học | x | |
| 10 | Trần Minh Trung | 22/12/1985 | | Chủ tịch Hội nông dân Việt Nam | x | Tại chỗ | 01/03/2011 | 22/03/2023 | Chuyên viên | 01.003 | 12/12 | Đại học | Quản lý văn hóa (073665) | | Chuyên viên | Trung cấp | Cao đẳng tin học | Anh B | x | |
| 11 | Khuất Quang Ngũ | 20/01/1964 | | Chủ tịch Hội Cựu chiến binh Việt Nam | x | Hưu trí | 10/01/2022 | 10/01/2022 | | | 12/12 | Đại học | Chỉ huy phân đội pháo binh (C728713) | | | | | | x | |

| TT | Họ và tên | Ngày, tháng, năm sinh | Nữ (Dấu x) | Chức vụ / chức danh | Đảng viên | Nguồn cán bộ, công chức, cán bộ không chuyên trách (Tăng cường, tại chỗ, tuyển dụng, hưu trí) | Thời điểm tuyển dụng (bổ nhiệm, phê chuẩn kết quả bầu) | Thời điểm đảm nhiệm chức danh hiện tại | Tên ngạch | Mã ngạch | Trình độ giáo dục phổ thông | Trình độ chuyên môn nghiệp vụ | | Chứng chỉ bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ quản lý nhà nước | Trình độ QLNN | Trình độ LLCT | Trình độ tin học | Trình độ Ngoại ngữ | Chứng nhận bồi dưỡng cán bộ xây dựng NTM, giai đoạn 2016-2020 (ghi năm đi tập huấn) | Đang học |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | | | | | | | | Trình độ đào tạo (Trên đại học, đại học, cao đẳng, trung cấp, sơ cấp) | Chuyên ngành đào tạo (ghi số hiệu văn bằng dưới chuyên ngành đào tạo) | | | | | | | |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 | 16 | 17 | 18 | 19 | 20 | 21 |
| 2 | Công chức cấp xã | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 1 | Nguyễn Văn Triển | 12/09/1986 | | Chỉ huy trưởng Quân sự | x | Tại chỗ | 01/04/2011 | 23/03/2018 | Chuyên viên | 01.003 | 12/12 | Đại học | Luật kinh tế (MBS60004526) | x | Chuyên viên | Trung cấp | A | Anh B | x | 1. thạc sĩ ngành luật kinh tế, đang chờ nhận bằng. 2, Đại học Văn bằng 2 (Ngôn ngữ Anh) trường Trường đại học Mở TP HCM |
| 2 | Trần Thị Hữu Phước | 01/05/1987 | x | Văn phòng - Thống kê | x | Tuyển dụng | 01/11/2011 | 01/08/2022 | Chuyên viên | 01.003 | 12/12 | Đại học | Quản trị kinh doanh (248423) | x | Chuyên viên | Trung cấp | A | Anh B | x | |
| 3 | Nguyễn Chí Linh | 19/12/1984 | | Địa chính - Nông nghiệp - Xây dựng và Môi trường | x | Điều động | 01/06/2020 | 01/06/2020 | Chuyên viên | 01.003 | 12/12 | Đại học | Quản lý đất đai (00146548) | x | Chuyên viên | Trung cấp | A | Anh B | x | |
| 4 | Nguyễn Văn Hân | 12/09/1984 | | Địa chính - Nông nghiệp - Xây dựng và Môi trường | x | Điều động | 1/4/2019 | 1/4/2019 | Chuyên viên | 01.003 | 12/12 | Đại học | Luật học (1240391) | x | Chuyên viên | Trung cấp | B | Anh B | x | |
| 5 | Nguyễn Thị Trúc Cầm | 10/08/1993 | x | Địa chính - Nông nghiệp - Xây dựng và Môi trường | | Tiếp nhận, Điều động | 16/05/2024 | 16/05/2024 | Chuyên viên | 01.003 | 12/12 | Đại học | Quản lý đất đai (505885) | x | Chuyên viên | | ứng dụng CNTTCB | Anh B | | thạc sĩ ngành Quản lý xây dựng, Đại học Công Nghệ Giao Thông Vận Tải |
| 6 | Nguyễn Thị Tiến Linh | 09/08/1989 | x | Tài chính - Kế toán | x | Tuyển dụng | 01/11/2013 | 01/07/2022 | Chuyên viên | 01.003 | 12/12 | Đại học | Kế toán (395143) | x | Chuyên viên | Sơ cấp | B | Anh B | x | Đại học Luật (Văn bằng 2) Trường Đại học Mở TP HCM |
| 7 | Nguyễn Hữu Đức | 21/06/1967 | | Tư pháp - Hộ tịch | x | Tại chỗ | 01/05/1992 | 01/01/2011 | Chuyên viên | 01.003 | 12/12 | Đại học | Luật (00075090) | x | Chuyên viên | Trung cấp | A | Anh B | x | |
| 8 | Huỳnh Thị Kim Phượng | 03/07/1980 | x | Tư pháp - Hộ tịch | x | Tại chỗ | 01/12/2004 | 01/01/2017 | Chuyên viên | 01.003 | 12/12 | Đại học | Luật kinh doanh (A039311) | x | Chuyên viên | Trung cấp | B | Anh B | x | |
| 9 | Trương Ngọc Kiên | 08/05/1980 | | Văn hóa - Xã hội | x | Tại chỗ | 01/01/2005 | 01/02/2024 | Chuyên viên | 01.003 | 12/12 | Đại học | Luật (1055119) | x | Chuyên viên | Trung cấp | A | Anh B | x | |
| 10 | Trần Thái Bình | 03/09/1977 | | Văn hóa - Xã hội | x | Tại chỗ | 04/01/2016 | 04/01/2016 | Chuyên viên | 01.003 | 12/12 | Đại học | Hành chính học (015695) | x | Chuyên viên | Trung cấp | A | Anh B | x | |
| II. ĐỒNG THẠNH | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 1 | Cán bộ cấp xã | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 1 | Nguyễn Thị Như Lai | 02/10/1986 | x | Phó Bí thư Đảng ủy | x | Tại chỗ | 01/01/2010 | 01/04/2020 | Chuyên viên | 01.003 | 12/12 | Thạc sĩ<br>Đại học | Quản lý Công; Số hiệu văn bằng: A149282<br>Chính trị học; Số hiệu văn bằng: 236049 | Chuyên viên | Đại học | Cao cấp | B | Anh B1 | | |
| 2 | Huỳnh Kim Thoa | 15/02/1985 | x | Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân | x | Tại chỗ | 01/04/2007 | 07/01/2011 | Chuyên viên | 01.003 | 12/12 | Đại học<br>Cử nhân | Khuyến nông và PTNT; Số hiệu văn bằng: A0051940<br>Luật học; Số hiệu văn bằng: 1690178 | Chuyên viên | Trung cấp | Trung cấp | Ứng dụng CNTT cơ bản | Anh B | 2019 | |
| | | | | | | | | | | | | Cử nhân | Quản trị kinh doanh; Số hiệu văn bằng: 389416 | | | | | | | |

| TT | Họ và tên | Ngày, tháng, năm sinh | Nữ (Dấu x) | Chức vụ / chức danh | Đảng viên | Nguồn cán bộ, công chức, cán bộ không chuyên trách (Tăng cường, tại chỗ, tuyển dụng, hưu trí) | Thời điểm tuyển dụng (bổ nhiệm, phê chuẩn kết quả bầu) | Thời điểm đảm nhiệm chức danh hiện tại | Tên ngạch | Mã ngạch | Trình độ giáo dục phổ thông | Trình độ chuyên môn nghiệp vụ | | Chứng chỉ bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ quản lý nhà nước | Trình độ QLNN | Trình độ LLCT | Trình độ tin học | Trình độ Ngoại ngữ | Chứng nhận bồi dưỡng cán bộ xây dựng NTM, giai đoạn 2016-2020 (ghi năm đi tập huấn) | Đang học |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | | | | | | | | Trình độ đào tạo (Trên đại học, đại học, cao đẳng, trung cấp, sơ cấp) | Chuyên ngành đào tạo (ghi rõ hiện văn bằng dưới chuyên ngành đào tạo) | | | | | | | |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 | 16 | 17 | 18 | 19 | 20 | 21 |
| 3 | Lê Hoàng Anh Vũ | 02/02/1978 | | Chủ tịch | X | Tăng cường | 01/05/2009 | 01/04/2022 | Chuyên viên | 01.003 | 12/12 | Kỹ sư | Kỹ sư Điện - Điện tử, Số hiệu văn bằng: A 0002180 - | Chuyên viên | Trung cấp | Cao cấp | B | Anh B | | |
| | | | | | | | | | | | | Cử nhân | Chính trị học, Số hiệu văn bằng: 004612 | | | | | | | |
| 4 | Huỳnh Văn Hiếu | 24/11/1978 | | Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân | X | Tại chỗ | 01/04/2002 | 11/03/2014 | Chuyên viên | 01.003 | 12/12 | Thạc sĩ | Luật Hiến pháp và Luật hành chính, Số hiệu văn bằng: HM006565 | Chuyên viên | Trung cấp | Trung cấp | A | Anh B | 2019 | |
| | | | | | | | | | | | | Cử nhân | Luật học, Số hiệu văn bằng: 295275 | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | | | Trung cấp | Quân sự cơ sở, Số hiệu văng bằng: A 092103 | | | | | | | |
| 5 | Nguyễn Ngọc Hồ Quốc Bảo | 09/10/1980 | | Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân | X | Tại chỗ | 20/12/2008 | 19/8/2020 | Chuyên viên | 01.003 | 12/12 | Kỹ sư | Nông nghiệp; Số hiệu văn bằng: B547789 | Chuyên viên | Trung cấp | Trung cấp | A | Anh B | | |
| | | | | | | | | | | | | Trung cấp | Xây dựng công nghiệp và dân dụng; Số hiệu văn bằng: A 057496 | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | | | Cao cấp | Lý luận chính trị; Số hiệu văn bằng: A 018638 - Học viện chính trị khu vực II | | | | | | | |
| 6 | Nguyễn Thị Phương Thảo | 10/3/1977 | x | Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân | x | Tăng cường | 09/05/2024 | 09/05/2024 | Chuyên viên | 01.003 | 12/12 | Cử nhân | Báo chí, Số hiệu văn bằng: 51-05/BC | Chuyên viên | Trung cấp | Cao cấp | A | Anh B | | |
| | | | | | | | | | | | | Cao cấp | Lý luận chính trị; Số hiệu văn bằng: HM.083 | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | | | Cử nhân | Kinh tế - c/c Kinh tế chính trị; Số hiệu văn bằng: 00395958 | | | | | | | |
| 7 | Lê Công Sơn | 12/06/1979 | | Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam | X | Tại chỗ | 01/01/2005 | 11/01/2013 | Chuyên viên | 01.003 | 12/12 | Đại học | kinh tế , Số hiệu văn bằng: 087885 QL/HVCT-HCQG | Chuyên viên | Trung cấp | Trung cấp | A | Anh B | 2019 | |
| 8 | Lê Tấn Cường | 05/02/1979 | | Chủ tịch Hội nông dân Việt Nam | X | Tại chỗ | 01/01/2005 | 01/01/2010 | Chuyên viên | 01.003 | 12/12 | Cử nhân | Hành chính học, Số hiệu bằng: 147274 | Chuyên viên | Trung cấp | Trung cấp | A | B1 | 2019 | |
| | | | | | | | | | | | | Cử nhân | Luật; Số hiệu văn bằng: 147274 | | | | | | | |
| 9 | Nguyễn Thị Phương Dung | 13/05/1976 | x | Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam | x | Tại chỗ | 07/04/2004 | 04/04/2016 | Chuyên viên | 01.003 | 12/12 | Đại học | Quản trị kinh doanh; Số hiệu văn bằng: B005785 | Chuyên viên | Trung cấp | Trung cấp | A | Anh B | 2019 | |
| 10 | Vũ Đức Quyết | 20/10/1962 | | Chủ tịch Hội Cựu chiến binh Việt Nam | X | Hưu trí | 09/05/2022 | 05/05/2022 | | CT. Hội CCB | 12/12 | Cao đẳng | Quân sự; số hiệu văn bằng: 1377/PPK | | | Sơ cấp | | | | |
| 11 | Đào Minh Sang | 22/05/1992 | | Bí thư Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh | X | Tại chỗ | 01/04/2015 | 26/4/2021 | Chuyên viên | 01.003 | 12/12 | Cử nhân | Luật; Số hiệu văn bằng: B.0003172 | | Trung cấp | Trung cấp | Trung cấp | Anh A | | |
| 2 | **Công chức cấp xã** | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 1 | Mai Ngọc Sương | 13/07/1983 | x | Tư pháp - Hộ tịch | x | Tại chỗ | 01/01/2010 | 06/01/2021 | Chuyên viên | 01.003 | 12/12 | Cử nhân | Luật; Số hiệu văn bằng: 00148749 | Chuyên viên | Trung cấp | Trung cấp | A | Anh B | | |
| 2 | Nguyễn Ngọc An Dũng | 27/03/1979 | x | Tư pháp - Hộ tịch | x | Tại chỗ | 01/01/2000 | 05/01/2007 | Chuyên viên | 01.003 | 12/12 | Cử nhân | Hành chính học, số hiệu bằng: 085019 | Chuyên viên | Trung cấp | Trung cấp | B | Anh B | 2019 | |
| | | | | | | | | | | | | Cử nhân | Luật, Số hiệu văn bằng: TVU021323 | | | | | | | |
| 3 | Nguyễn Yên Vi | 02/05/1987 | x | Địa chính - Nông nghiệp - Xây dựng và Môi trường | x | Tại chỗ | 01/03/2010 | 01/05/2012 | Chuyên viên | 01.003 | 12/12 | Cử nhân | Luật: Số hiệu văn bằng: 184720 | Chuyên viên | Trung cấp | Trung cấp | TB cơ bản | Anh B | | |
| 4 | Trần Văn Tân | 15/03/1984 | | Địa chính - Nông nghiệp - Xây dựng và Môi trường | X | Tại chỗ | 01/09/2010 | 08/01/2020 | Chuyên viên | 01.003 | 12/12 | Thạc sĩ | Kỹ thuật môi trường, Số hiệu bằng: A078273 | Chuyên viên | Trung cấp | Trung cấp | A | Anh B1 | | |

| TT | Họ và tên | Ngày, tháng, năm sinh | Nữ (Dấu x) | Chức vụ / chức danh | Đảng viên | Nguồn cán bộ, công chức, cán bộ không chuyên trách (Tăng cường, tại chỗ, tuyển dụng, lưu trí) | Thời điểm tuyển dụng (bổ nhiệm, phê chuẩn kết quả bầu) | Thời điểm đảm nhiệm chức danh hiện tại | Tên ngạch | Mã ngạch | Trình độ giáo dục phổ thông | Trình độ chuyên môn nghiệp vụ | | Chứng chỉ bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ quản lý nhà nước | Trình độ QLNN | Trình độ LLCT | Trình độ tin học | Trình độ Ngoại ngữ | Chứng nhận bồi dưỡng cán bộ xây dựng NTM, giai đoạn 2016-2020 (ghi năm đi tập huấn) | Đang học |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | | | | | | | | Trình độ đào tạo (Trên đại học, đại học, cao đẳng, trung cấp, sơ cấp) | Chuyên ngành đào tạo (ghi số hiệu văn bằng dưới chuyên ngành đào tạo) | | | | | | | |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 | 16 | 17 | 18 | 19 | 20 | 21 |
| 5 | Nguyễn Đình Bảo | 12/08/1985 | | Địa chính - Nông nghiệp - Xây dựng và Môi trường | | Tại chỗ | 04/05/2010 | 02/01/2020 | Chuyên viên | 01.003 | 12/12 | Đại học | Quản lý đất đai; Số hiệu văn bằng A0209907 | Chuyên viên | Trung cấp | Trung cấp | B | Anh B | | |
| 6 | Nguyễn Thị Hiền | 19/01/1981 | x | Văn phòng - Thống kê | x | Tại chỗ | 01/09/2005 | 11/01/2009 | Chuyên viên | 01.003 | 12/12 | Cử nhân<br>Đại học<br>Cao cấp | Kinh tế chính trị; Số hiệu văn bằng: 00345907<br>Công nghệ thông tin; Số hiệu văn bằng: B0502258<br>Lý luận chính trị; Số hiệu văn bằng: HM032 | Chuyên viên | Trung cấp | Cao cấp | Đại học | Anh B | 2019 | |
| 7 | Phạm Huỳnh Ngọc Kim | 10/10/1985 | x | Văn phòng - Thống kê | x | Tại chỗ | 11/12/2007 | 11/12/2007 | Chuyên viên | 01.003 | 12/12 | Thạc sĩ<br>Cử nhân | Luật Hiến pháp và Luật hành chính; Số hiệu văn bằng: HM0006570<br>Luật học; Số hiệu văn bằng: 295226 | Chuyên viên | Trung cấp | Trung cấp | B | Anh B | 2019 | |
| 8 | Hà Thị Kim Trang | 16/09/1983 | x | Tài chính - Kế toán | x | Tại chỗ | 01/11/2007 | 15/10/2019 | Chuyên viên | 01.003 | 12/12 | Cử nhân<br>Trung cấp | Luật; Số hiệu văn bằng: 597549<br>Hạch toán - Kế toán; Số hiệu văn bằng: 48/2007 | Kế toán viên | Trung cấp | Trung cấp | A | Anh B | | |
| 9 | Võ Quốc Toàn | 05/11/1990 | | Văn hóa - Xã hội | X | Tại chỗ | 01/02/2013 | 07/01/2022 | Chuyên viên | 01.003 | 12/12 | Cử nhân | Quản lý văn hóa; Số hiệu văn bằng: 073661 | Chuyên viên | Trung cấp | Trung cấp | A | Anh B | | |
| 10 | Võ Thị Hồng Loan | 29/08/1987 | x | Văn hóa - Xã hội | x | Tại chỗ | 01/09/2009 | 07/01/2022 | Chuyên viên | 01.003 | 12/12 | Cao đẳng<br>Cử nhân<br>Cử nhân | Quản trị hành chính; Số hiệu văn bằng: 0063691<br>Luật học; Số hiệu văn bằng: 1239469<br>Quản trị kinh doanh; Số hiệu văn bằng: 687496 | Chuyên viên | Trung cấp | Trung cấp | A | Anh B | | |
| **III. NHỊ BINH** | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 1 | **Cán bộ cấp xã** | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 1 | Nguyễn Thành Long | 09/02/1964 | | Bí thư Đảng ủy | x | Cán bộ | 09/1994 | 15/8/2017 | A1 | 01.003 | 12/12 | Đại học | Xây dựng đảng và Chính quyền nhà nước<br>C387400 | Chuyên viên | | Cao cấp | A | Anh B | 2019 | |
| 2 | Nguyễn Thị Tuyết Nhung | 08/10/1981 | x | Phó Bí thư Đảng ủy | x | Cán bộ | 04/2008 | 01/05/2014 | A1 | 01.003 | 12/12 | Thạc sĩ | Quản lý kinh tế<br>DVP000545<br>ThS.TV.22.0054 | Chuyên viên | | Cao cấp | B | Anh B | 2019 | |
| 3 | Huỳnh Thị Ngọc Liên | 01/01/1979 | x | Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân | x | Cán bộ | 07/2003 | 01/11/2000 | A1 | 01.003 | 12/12 | Thạc sĩ | Luật (Luật Hiến pháp và Luật hành chính)<br>HM006048 | Chuyên viên | Cử nhân | Cử nhân | A | Anh B | 2019 | |
| 4 | Đào Thanh Tùng | 28/10/1983 | | Chủ tịch | x | Cán bộ | 05/2005 | 07/01/2022 | A1 | 01.003 | 12/12 | Thạc sĩ | Tài chính - Ngân hàng<br>VL-7MA000068<br>7M.00068.23 | Chuyên viên | | Cao cấp | A | Anh B | | |
| 5 | Trần Hoài Đức | 07/10/1988 | | Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân | x | Cán bộ | 01/02/2013 | 17/02/2020 | A1 | 01.003 | 12/12 | Đại học | Kế toán<br>Y00214023 | Chuyên viên | | Trung cấp | A | Anh B | | |
| 6 | Nguyễn Thanh Tình | 10/8/1983 | | Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân | x | Cán bộ | 01/12/2011 | 19/9/2022 | A1 | 01.003 | 12/12 | Đại học | Kỹ sư đô thị<br>A0090721 | Chuyên viên | | Trung cấp | B | Anh B | | |
| 7 | Cao Thanh Trung | 25/10/1977 | | Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam | x | Cán bộ | 03/01/2011 | 17/03/2021 | A1 | 01.003 | 12/12 | Cử nhân | Sư phạm Tiếng Anh<br>B044307 | Chuyên viên | | Trung cấp | A | Đại học | 2019 | |
| 8 | Nguyễn Thanh Xuân | 26/02/1992 | | Bí thư Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh | x | Cán bộ | 01/08/2016 | 10/8/2020 | A1 | 01.003 | 12/12 | Đại học | Công nghệ kỹ thuật nhiệt<br>337261 | Chuyên viên | | Trung cấp | Ứng dụng CNTT cơ bản | Anh B | 2019 | |
| 9 | Nguyễn Ngọc Lan | 16/01/1989 | x | Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam | x | Cán bộ | 01/12/2012 | 03/02/2020 | A1 | 01.003 | 12/12 | Đại học | Luật<br>1745366 | Chuyên viên | | Trung cấp | A | Anh B | 2019 | |

| TT | Họ và tên | Ngày, tháng, năm sinh | Nữ (Dấu x) | Chức vụ / chức danh | Đảng viên | Nguồn cán bộ, công chức, cán bộ không chuyên trách (Tăng cường, tại chỗ, tuyển dụng, hưu trí) | Thời điểm tuyển dụng (bổ nhiệm, phê chuẩn kết quả bầu) | Thời điểm đảm nhiệm chức danh hiện tại | Tên ngạch | Mã ngạch | Trình độ giáo dục phổ thông | Trình độ chuyên môn nghiệp vụ | | Chứng chỉ bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ quản lý nhà nước | Trình độ QLNN | Trình độ LLCT | Trình độ tin học | Trình độ Ngoại ngữ | Chứng nhận bồi dưỡng cán bộ xây dựng NTM, giai đoạn 2016-2020 (ghi năm đi tập huấn) | Đang học |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | | | | | | | | Trình độ đào tạo (Trên đại học, đại học, cao đẳng, trung cấp, sơ cấp) | Chuyên ngành đào tạo (ghi số hiệu văn bằng dưới chuyên ngành đào tạo) | | | | | | | |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 | 16 | 17 | 18 | 19 | 20 | 21 |
| 10 | Thái Ngọc Minh | 05/04/1975 | | Chủ tịch Hội nông dân Việt Nam | x | Cán bộ | 01/07/2011 | 23/05/2022 | A1 | 01.003 | 12/12 | Đại học | Kỹ sư Công nghệ chế biến thủy sản B308730 | | | Trung cấp | Khác | Anh A | 2019 | |
| 11 | Nguyễn Văn Trọng | 22/06/1986 | | Chủ tịch Hội Cựu chiến binh Việt Nam | x | Cán bộ | 4/1/2022 | 23/10/2023 | A1 | 01.003 | 12/12 | Cử nhân | Luật học 1001036 | | | Trung cấp | B | Anh B | | |
| 2 | Công chức cấp xã | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 1 | Nguyễn Quang Trung | 18/5/1982 | | Chỉ huy trưởng Quân sự | x | Công chức | 01/8/2007 | 01/9/2022 | A1 | 01.003 | 12/12 | Đại học | Quân sự cơ sở F013667 | Chuyên viên | | Trung cấp | B | Anh B | 2019 | |
| 2 | Hà Thị Ngọc Dung | 12/12/1981 | x | Văn phòng - Thống kê | x | Công chức | 01/03/2000 | 01/03/2000 | A1 | 01.003 | 12/12 | Đại học | Luật học 1690080 | Chuyên viên | | Trung cấp | A | Anh B | 2019 | |
| 3 | Lưu Thị Diệu Hiền | 09/06/1985 | x | Tài chính - Kế toán | x | Công chức | 1/3/2010 | 01/5/2022 | A1 | 01.003 | 12/12 | Đại học | Kế toán 081271 | Chuyên viên | | Trung cấp | A | Anh B | 2019 | |
| 4 | Đỗ Thị Lệ Thi | 12/11/1985 | x | Tài chính - Kế toán | x | Công chức | 01/12/2013 | 01/07/2022 | A1 | 01.003 | 12/12 | Thạc sỹ | Quản lý kinh tế DVP 000798 Ths.TV.23.0022 | Chuyên viên | | Trung cấp | A | Anh B | 2019 | |
| 5 | Võ Văn Trung | 26/09/1987 | | Địa chính - Nông nghiệp - Xây dựng và Môi trường | x | Công chức | 02/11/2009 | 1/7/2018 | A1 | 01.003 | 12/12 | Đại học | Luật Kinh tế MBS.7.0000149 | Chuyên viên | | Trung cấp | B | Anh A | 2019 | |
| 6 | Phan Thanh Nguyên | 14/07/1991 | x | Địa chính - Nông nghiệp - Xây dựng và Môi trường | | Công chức | 01/7/2016 | 22/04/2019 | A1 | 01.003 | 12/12 | Cử nhân | Quản lý đất đai 1170242 | Chuyên viên | | | B | Anh B | 2019 | |
| 7 | Trần Thị Thu Hằng | 20/01/1981 | x | Địa chính - Nông nghiệp - Xây dựng và Môi trường | x | Công chức | 03/07/2017 | 10/05/2022 | A1 | 01.003 | 12/12 | Đại học | Luật 1256046 | Chuyên viên | | Trung cấp | B | Anh A | 2019 | |
| 8 | Nguyễn Thanh Phương | 01/12/1972 | | Tư pháp - Hộ tịch | x | Công chức | 01/10/2001 | 01/10/2001 | A1 | 01.003 | 12/12 | Đại học | Luật A041297 | Chuyên viên | | Trung cấp | A | Anh A | 2019 | |
| 9 | Huỳnh Thị Thúy Tiên | 04/04/1975 | x | Văn hóa - Xã hội | | Công chức | 1/9/1995 | 01/09/2010 | A1 | 01.003 | 12/12 | Cử nhân | Luật học 1440944 | Chuyên viên | | Trung cấp | A | Anh B | 2019 | |
| 10 | Nguyễn Minh Trường | 06/10/1977 | | Văn hóa - Xã hội | x | Công chức | 1/10/2009 | 17/10/2012 | A1 | 01.003 | 12/12 | Đại học | Quản lý văn hóa 010305 | Chuyên viên | | Trung cấp | A | Anh B | 2019 | |
| 11 | Nguyễn Vy Thủy | 15/03/1982 | x | Tư pháp - Hộ tịch | x | Công chức | 01/01/2007 | 01/7/2022 | A1 | 01.003 | 12/12 | Đại học | Luật A041110 | Chuyên viên | | Trung cấp | A | Anh B | | |
| IV. TÂN HIỆP | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 1 | Cán bộ cấp xã | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 1 | Nguyễn Quốc Dũng | 14/05/1979 | | Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch HĐND xã | x | tăng cường | 3/1/2017 | 2018 | chuyên viên | 01.003 | 12/12 | Đại học | Luật học (B286699), Triết học (884848) | chuyên viên | chuyên viên | cao cấp | 01.003 | Đại học | | |
| 2 | Trần Văn Trung | 02/11/1983 | | Chủ tịch | x | tăng cường | 3/1/2020 | 2020 | chuyên viên | 01.003 | 12/12 | Trên đại học | Kinh tế đối ngoại (0708BH), Công nghệ sinh học (C0782153) | chuyên viên chính | chuyên viên | cao cấp | 01.003 | Cao học | | |
| 3 | Đỗ Thị Mỹ Lệ | 21/12/1972 | x | Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân | x | tại chỗ | 1/8/1996 | 2011 | chuyên viên | 01.003 | 12/12 | Đại học | Xã hội học (47XHHVL/10/4), Triết học (009653) | chuyên viên | chuyên viên | cử nhân chính trị | 01.003 | Đại học | | |
| 4 | Đỗ Thành Thắng | 1/3/1978 | | Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân | x | tăng cường | 15/4/2020 | 2020 | chuyên viên | 01.003 | 12/12 | Cao học | Luật học(595426); Chính trị học (166206); (Quản lý kinh tế DV 000071) | chuyên viên | chuyên viên | cử nhân chính trị | 01.003 | Cao học | | |
| 5 | Phạm Văn Minh | 31/7/1984 | | Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân | x | tăng cường | 12/7/2016 | 2020 | chuyên viên | 01.003 | 12/12 | Đại học | Xây dựng dân dụng và công nghiệp (137995); Khoa học môi trường (A0127543) | chuyên viên | chuyên viên | trung cấp | 01.003 | Đại học | | |
| 6 | Đỗ Văn Phúc | 19/12/1968 | | Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam | x | tại chỗ | 1/6/1992 | 2008 | chuyên viên | 01.003 | 12/12 | Đại học | Hành chính học (147231) | chuyên viên | chuyên viên | trung cấp | 01.003 | Đại học | | |
| 7 | Dương Công Lực | 30/10/1965 | | Chủ tịch Hội Cựu chiến binh Việt Nam | x | hưu trí | | | chuyên viên | 01.003 | 12/12 | Đại học | Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước (232352) | | | cao cấp | 01.003 | Đại học | | |

| TT | Họ và tên | Ngày, tháng, năm sinh | Nữ (Dấu x) | Chức vụ / chức danh | Đảng viên | Nguồn cán bộ, công chức, cán bộ không chuyên trách (Tăng cường, tại chỗ, tuyển dụng, hưu trí) | Thời điểm tuyển dụng (bổ nhiệm, phê chuẩn kết quả bầu) | Thời điểm đảm nhiệm chức danh hiện tại | Tên ngạch | Mã ngạch | Trình độ giáo dục phổ thông | Trình độ chuyên môn nghiệp vụ | | Chứng chỉ bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ quản lý nhà nước | Trình độ QLNN | Trình độ LLCT | Trình độ tin học | Trình độ Ngoại ngữ | Chứng nhận bồi dưỡng cán bộ xây dựng NTM, giai đoạn 2016-2020 (ghi năm đi tập huấn) | Đang học |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | | | | | | | | Trình độ đào tạo (Trên đại học, đại học, cao đẳng, trung cấp, sơ cấp) | Chuyên ngành đào tạo (ghi số hiệu văn bằng dưới chuyên ngành đào tạo) | | | | | | | |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 | 16 | 17 | 18 | 19 | 20 | 21 |
| 8 | Lâm Thị Liễu | 10/11/1982 | x | Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam | x | tại chỗ | | | chuyên viên | 01.003 | 12/12 | Đại học | Luật học (259/3BS) | chuyên viên | chuyên viên | trung cấp | 01.003 | Đại học | | |
| 9 | Lê Thị Minh Thân | 10/11/1982 | x | Chủ tịch Hội nông dân Việt Nam | x | tại chỗ | | | chuyên viên | 01.003 | 12/12 | Đại học | Kế toán(B13KT267) | chuyên viên | chuyên viên | trung cấp | 01.003 | Đại học | | |
| 10 | Trần Trâm Anh | 24/10/1993 | x | Bí thư Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh | x | tuyển dụng | | | chuyên viên | 01.003 | 12/12 | Cao học | Quản lý công (QH13201800273) | chuyên viên | chuyên viên | trung cấp | 01.003 | Cao học | | |
| 2 | Công chức cấp xã | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 11 | Võ Thanh Sang | 07/10/1982 | | Chỉ huy trưởng Quân sự | x | tuyển dụng | | | chuyên viên | 01.003 | 12/12 | Đại học | Luật (1188844) | chuyên viên | chuyên viên | trung cấp | 01.003 | Đại học | | |
| 12 | Huỳnh Thị Minh Triết | 28/11/1985 | x | Văn phòng - Thống kê | x | luân chuyển | | | chuyên viên | 01.003 | 12/12 | Cao học | Quản lý đất đai (M00198) | chuyên viên | chuyên viên | trung cấp | 01.003 | Cao học | | |
| 13 | Đỗ Ngọc Loan | 8/12/1988 | x | Văn phòng - Thống kê | x | tuyển dụng | | | chuyên viên | 01.003 | 12/12 | Đại học | Kế toán (866490) | chuyên viên | chuyên viên | trung cấp | 01.003 | Đại học | | |
| 14 | Lê Thị Bảo Yến | 30/9/1987 | x | Tài chính - Kế toán | x | luân chuyển | | | chuyên viên | 01.003 | 12/12 | Đại học | Kế toán (00136627) | chuyên viên | chuyên viên | trung cấp | 01.003 | Đại học | | |
| 15 | Lưu Thị Kim Hòa | 08/11/1992 | x | Tư pháp - Hộ tịch | x | tuyển dụng | 9/8/2017 | | chuyên viên | 01.003 | 12/12 | Đại học | Luật học (144098) | chuyên viên | chuyên viên | trung cấp | 01.003 | Đại học | | |
| 16 | Nguyễn Thị Châu Văn | 17/11/1977 | x | Tư pháp - Hộ tịch | x | luân chuyển | | | chuyên viên | 01.003 | 12/12 | Cao học | Quản lý đất đai (A190043) | chuyên viên | chuyên viên | trung cấp | 01.004 | Cao học | | |
| 17 | Trần Quốc Tuấn | 3/8/1984 | | Địa chính - Nông nghiệp - Xây dựng và Môi trường | x | luân chuyển | | | chuyên viên | 01.003 | 12/12 | Đại học | Luật học (1440948) | chuyên viên | chuyên viên | trung cấp | 01.003 | Đại học | | |
| 18 | Bùi Văn Thanh | 20/10/1976 | | Địa chính - Nông nghiệp - Xây dựng và Môi trường | x | luân chuyển | | | chuyên viên | 01.003 | 12/12 | Đại học | Quản lý đất đai (1773880) | chuyên viên | chuyên viên | trung cấp | 01.003 | Đại học | | |
| 19 | Võ Mỹ Phương | 21/11/1983 | x | Địa chính - Nông nghiệp - Xây dựng và Môi trường | x | luân chuyển | | | chuyên viên | 01.003 | 12/12 | Đại học | Quản lý đất đai (C656914) | chuyên viên | chuyên viên | trung cấp | 01.003 | Đại học | | |
| 20 | Huỳnh Thị Thiên Nga | 06/8/1987 | x | Văn hóa - Xã hội | x | tại chỗ | 1/12/2008 | 24/4/2019 | chuyên viên | 01.003 | 12/12 | Đại học | Luật học (1000582) | chuyên viên | chuyên viên | trung cấp | 01.003 | Đại học | | |
| 21 | Nguyễn Thị Như Mai | 16/4/1973 | x | Văn hóa - Xã hội | x | tại chỗ | 26/3/1996 | 14/5/2013 | chuyên viên | 01.003 | 12/12 | Đại học | Xã hội học (54XHHVL/10/4)) | chuyên viên | chuyên viên | trung cấp | 01.003 | Đại học | | |
| V. TÂN THỚI NHÌ | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 1 | Cán bộ cấp xã | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 1 | Phan Thị Ngọc Quân | 1/1/1983 | x | Bí thư Đảng ủy | x | | 15/9/2005 | 12/2023 | chuyên viên chính | 1,002 | 12/12 | trên đại học | ngành: tài chính ngân hàng số hiệu: 602169 | x | chuyên viên | cao cấp | A | Toeic 465 | 2019 | |
| 2 | Lê Xuân Tuấn | 7/31/1977 | | Phó Bí thư Đảng ủy kiêm Chủ tịch Hội đồng nhân dân | x | | 10/2000 | 2021 | chuyên viên | 1,003 | 12/12 | Đại học | -ngành: xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước - số hiệu: 000496 -ngành: Xã hội học - số hiệu: 01257/65KH2/2009 | x | chuyên viên | cao cấp | A | B | 2019 | |
| 3 | Nguyễn Thị Lan Anh | 12/19/1983 | x | Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân | x | | 1/3/2007 | 12/2014 | chuyên viên | 1,003 | 12/12 | Đại học | Ngành: Luật học Số hiệu: 086565 | x | chuyên viên | cao cấp | A | B | 2019 | |
| 4 | Tô Thanh Tùng | 1/27/1976 | | Chủ tịch | x | | 1/6/2002 | 07/2021 | chuyên viên | 1,003 | 12/12 | trên đại học | Ngành: Quản lý hành chính công Số hiệu: A112687 | x | chuyên viên | cao cấp | B | B1 | 2019 | |
| 5 | Võ Thị Minh Tâm | 7/15/1985 | x | Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân | x | | 14/2/2005 | 2020 | chuyên viên | 1,003 | 12/12 | trên đại học | Ngành: Quản lý kinh tế Số hiệu: 0001115 | x | chuyên viên | Trung cấp + Cử nhân chính trị học | A | B1 | 2019 | |

| TT | Họ và tên | Ngày, tháng, năm sinh | Nữ (Đấu x) | Chức vụ / chức danh | Đảng viên | Nguồn cán bộ, công chức, cán bộ không chuyên trách (Tăng cường, tại chỗ, tuyển dụng, lưu trữ) | Thời điểm tuyển dụng (bổ nhiệm, phê chuẩn kết quả bầu) | Thời điểm đảm nhiệm chức danh hiện tại | Tên ngạch | Mã ngạch | Trình độ giáo dục phổ thông | Trình độ chuyên môn nghiệp vụ | | Chứng chỉ bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ quản lý nhà nước | Trình độ QLNN | Trình độ LLCT | Trình độ tin học | Trình độ Ngoại ngữ | Chứng nhận bồi dưỡng cán bộ xây dựng NTM, giai đoạn 2016-2020 (ghi năm đi tập huấn) | Đang học |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | | | | | | | | Trình độ đào tạo (Trên đại học, đại học, cao đẳng, trung cấp, sơ cấp) | Chuyên ngành đào tạo (ghi số hiệu văn bằng dưới chuyên ngành đào tạo) | | | | | | | |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 | 16 | 17 | 18 | 19 | 20 | 21 |
| 6 | Nguyễn Văn Cẩm | 7/23/1987 | | Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân | x | | 15/8/2010 | 23/8/2022 | chuyên viên | 1,003 | 12/12 | trên đại học | ngành: Quản lý môi trường<br>số hiệu: 01482/79KH2 | x | chuyên viên | trung cấp | B | B | 2019 | |
| 7 | Nguyễn Quốc Bảo | 9/2/1984 | | Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam | x | | 1/1/2005 | 03/2017 | chuyên viên | 1,003 | 12/12 | trên đại học | Ngành: Quản lý xây dựng<br>Số hiệu: GTS-Ths 001132 | x | chuyên viên | trung cấp | B | B | 2019 | |
| 8 | Nguyễn Thị Oanh | 6/23/1981 | x | Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam | x | | 03/2008 | 09/2021 | chuyên viên | 1,003 | 12/12 | Đại học | Ngành: Luật học<br>Số hiệu: 1440919 | | | trung cấp | A | B | 2019 | Đang học lớp QLNN chương trình chuyên viên theo TB số 635/TB-NV ngày 20/6/2024 của PNV |
| 9 | Lê Ngọc Diễm | 3/31/1987 | x | Chủ tịch Hội nông dân Việt Nam | x | | 2010 | 5/2/2021 | chuyên viên | 1,003 | 12/12 | Đại học | Ngành: nông nghiệp<br>số hiệu: 0087772 | | | trung cấp | B | B | 2019 | Đang học lớp QLNN chương trình chuyên viên theo TB số 635/TB-NV ngày 20/6/2024 của PNV |
| 10 | Nguyễn Văn Danh | 7/1/1970 | | Chủ tịch Hội Cựu chiến binh Việt Nam | x | | 04/1996 | 25/1/2021 | chuyên viên | 1,003 | 12/12 | Đại học | Ngành: hành chính học<br>Số hiệu: 084844 | x | chuyên viên | trung cấp | A | B | 2019 | |
| 11 | Trương Hoài Phong | 5/10/1995 | | Bí thư Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh | x | | 1/5/2016 | 5/2022 | chuyên viên | 1,003 | 12/12 | Đại học | ngành: Luật<br>số hiệu: MBS60004445 | | | trung cấp | A | B | 2019 | Đang học lớp QLNN chương trình chuyên viên theo TB số 635/TB-NV ngày 20/6/2024 của PNV |
| 2 | **Công chức cấp xã** | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 1 | Nguyễn Vinh Hưởng | 1/4/1984 | | Chỉ huy trưởng Quân sự | x | | 2004 | 09/2022 | chuyên viên | 1,003 | 12/12 | trên đại học | Ngành: Quản lý kinh tế<br>Số hiệu: DVP22 000068 | x | chuyên viên | trung cấp | B | B | 2019 | |
| 2 | Huỳnh Thị Thúy Phương | 9/24/1990 | x | Văn phòng - Thống kê | x | | 07/2013 | 5/2022 | chuyên viên | 1,003 | 12/12 | Đại học | Ngành: Hệ thống thông tin kinh tế - Số hiệu: 301700 | x | chuyên viên | trung cấp | B | B | 2019 | |
| 3 | Nguyễn Thị Kim Thanh | 11/6/1969 | x | Văn phòng - Thống kê | x | | 15/7/1987 | 08/2014 | chuyên viên | 1,003 | 12/12 | Đại học | Ngành: kế toán<br>Số hiệu: 012853 | x | chuyên viên | trung cấp | A | B | 2019 | |
| 4 | Lê Duy Khánh | 2/10/1984 | | Địa chính - Nông nghiệp - Xây dựng và Môi trường | x | | 11/2007 | 12/2022 | chuyên viên | 1,003 | 12/12 | Đại học | Ngành: luật<br>Số hiệu: 1842424 | x | chuyên viên | trung cấp | A | B | 2019 | |
| 5 | Trần Công Duy Anh | 9/21/1984 | | Địa chính - Nông nghiệp - Xây dựng và Môi trường | | | 2010 | 9/7/2018 | chuyên viên | 1,003 | 12/12 | Đại học | Ngành: Trắc địa bản đồ<br>Số hiệu: BB00438/24KH2/2009 | x | chuyên viên | trung cấp | B | B | 2019 | |
| 6 | Trần Qui | 9/9/1975 | | Địa chính - Nông nghiệp - Xây dựng và Môi trường | x | | 1/9/2003 | 2023 | chuyên viên | 1,003 | 12/12 | Đại học | Ngành: Quản lý đất đai - số hiệu: 93896<br>Ngành: Luật - số hiệu: 556857 | x | chuyên viên | trung cấp | B | B | 2019 | |
| 7 | Phạm Thị Lang | 9/13/1978 | x | Tư pháp - Hộ tịch | x | | 1/10/1997 | 1/10/1997 | chuyên viên | 1,003 | 12/12 | Đại học | ngành: Luật học<br>số hiệu: 347021 | x | chuyên viên | trung cấp | A | | 2019 | |
| 8 | Hàng Xuân Thanh | 3/28/1978 | x | Tư pháp - Hộ tịch | | | 07/2017 | 2019 | chuyên viên | 1,003 | 12/12 | Đại học | Ngành: Luật Quốc tế<br>Số hiệu: 209592 | x | chuyên viên | trung cấp | B | B | 2019 | |
| 9 | Lê Thị Thu Huyền | 12/1/1985 | x | Văn hóa - Xã hội | x | | 01/2010 | 8/2021 | chuyên viên | 1,003 | 12/12 | Đại học | Ngành: Công tác xã hội<br>Số hiệu: 1606883 | x | chuyên viên | trung cấp | B | B | 2019 | |
| 10 | Trương Thị Thanh Trúc | 1/17/1980 | x | Văn hóa - Xã hội | x | | 1/6/2004 | 1/5/2014 | chuyên viên | 1,003 | 12/12 | Đại học | Chuyên ngành: Hành chính học<br>Số hiệu 060529 | x | chuyên viên | trung cấp | A | B | 2019 | |

| TT | Họ và tên | Ngày, tháng, năm sinh | Nữ (Dấu x) | Chức vụ / chức danh | Đảng viên | Nguồn cán bộ, công chức, cán bộ không chuyên trách (Tăng cường, tại chỗ, tuyển dụng, hưu trí) | Thời điểm tuyển dụng (bổ nhiệm, phê chuẩn kết quả bầu) | Thời điểm đảm nhiệm chức danh hiện tại | Tên ngạch | Mã ngạch | Trình độ giáo dục phổ thông | Trình độ chuyên môn nghiệp vụ | | Chứng chỉ bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ quản lý nhà nước | Trình độ QLNN | Trình độ LLCT | Trình độ tin học | Trình độ Ngoại ngữ | Chứng nhận bồi dưỡng cán bộ xây dựng NTM, giai đoạn 2016-2020 (ghi năm đi tập huấn) | Đang học |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | | | | | | | | Trình độ đào tạo (Trên đại học, đại học, cao đẳng, trung cấp, sơ cấp) | Chuyên ngành đào tạo (ghi số hiệu văn bằng dưới chuyên ngành đào tạo) | | | | | | | |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 | 16 | 17 | 18 | 19 | 20 | 21 |
| 11 | Nguyễn Thị Lệ Trinh | 11/13/1987 | x | Tài chính - Kế toán | x | | 3/8/2008 | 1/7/2022 | kế toán viên | 6,032 | 12/12 | Đại học | ngành: Kế toán<br>Số hiệu: 640754 | x | chuyên viên | trung cấp | A | B | 2019 | |
| VI. TÂN XUÂN | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 1 | Cán bộ cấp xã | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 1 | Huỳnh Thị Thu Cúc | 16/12/1985 | x | Bí thư Đảng ủy | x | Tăng cường | 20/9/2018 | 20/9/2018 | A1 | 01.003 | 12/12 | Trên đại học | Lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật (H-MA 002055) | Chuyên viên | Chuyên viên | Cao cấp | B | Anh A | 2019 | |
| 2 | Nguyễn Thị Ngọc Biên | 10/12/1983 | x | Chủ tịch | x | Tăng cường | 9/8/2023 | 9/8/2023 | A1 | 01.003 | 12/12 | Đại học | Luật (1240375) | Chuyên viên | Chuyên viên | Trung cấp | B | Anh B | 2019 | |
| 3 | Nguyễn Văn Hậu | 26/03/1983 | | Phó Bí thư Đảng ủy | x | Tăng cường | 3/1/2023 | 6/1/2023 | A1 | 01.003 | 12/12 | Trên đại học | Xây dựng Đảng - Chính quyền Nhà nước (B000225) | Chuyên viên | Chuyên viên | Trung cấp | B | Anh B | 2019 | |
| 4 | Lưu Thị Thanh Nhàn | 11/01/1980 | x | Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân | x | Tại chỗ | 8/7/2021 | 8/7/2021 | A1 | 01.003 | 12/12 | Đại học | Luật (00174494) | Chuyên viên | Chuyên viên | Trung cấp | A | Anh B | 2019 | |
| 5 | Nguyễn Quốc Thắng | 13/2/1985 | | Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân | x | Tăng cường | 5/4/2024 | 5/4/2024 | A1 | 01.003 | 12/12 | Đại học | Quản trị kinh doanh (00224925) | Chuyên viên | Chuyên viên | Trung cấp | B | Anh B | 2019 | |
| 6 | Lê Minh Thiện | 05/03/1982 | | Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân | x | Tại chỗ | 25/1/2017 | 30/12/2016 | A1 | 01.003 | 12/12 | Đại học | Hành chính học (084984) | Chuyên viên | Chuyên viên | Trung cấp | Văn phòng | Anh B | 2019 | |
| 7 | Cao Thị Minh Thuyền | 05/03/1985 | x | Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam | x | Tại chỗ | 31/3/2017 | 29/3/2017 | A1 | 01.003 | 12/12 | Đại học | Sư phạm Tiếng Anh (A0229549) | Chuyên viên | Chuyên viên | Trung cấp | B | Tiếng Anh Đại học | 2019 | |
| 8 | Nguyễn Khoa Diệu Hạnh | 25/12/1968 | x | Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam | x | Tại chỗ | 1/5/2015 | 1/5/2015 | A1 | 01.003 | 12/12 | Đại học | Kế toán (012844) | | Trung cấp | Trung cấp | A | Anh B | 2019 | |
| 9 | Trần Thị Mỹ Duyên | 06/01/1995 | x | Bí thư Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh | x | Tại chỗ | 5/2/2024 | 5/2/2024 | A1 | 01.003 | 12/12 | Đại học | Quản lý đất đai (501649) | Đang học | Đang học | Sơ cấp | A | Anh C | 2019 | Đang học Trung cấp LLCT |
| 10 | Trần Văn Chung | 03/06/1963 | | Chủ tịch Hội Cựu chiến binh Việt Nam | x | Tại chỗ | 22/12/2020 | 22/12/2020 | A1 | 01.003 | 12/12 | Đại học | Sư phạm Tiếng Anh (QC019486) | | | Trung cấp | A | Tiếng Anh Đại học | 2019 | |
| 11 | Đặng Hiếu Tạo | 23/01/1981 | | Chủ tịch Hội nông dân Việt Nam | x | Tại chỗ | 24/12/2020 | 24/12/2020 | A1 | 01.003 | 12/12 | Trên đại học | Công nghệ thông tin (TLU02 000621) | Chuyên viên | Chuyên viên | Trung cấp | Đại học | Anh C | 2019 | |
| 2 | Công chức cấp xã | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 1 | Nguyễn Hà Tấn Đại | 16/01/1989 | | Chỉ huy trưởng Quân sự | x | Tuyển dụng | 1/12/2010 | 1/7/2015 | A1 | 01.003 | 12/12 | Trên đại học | Quản lý xây dựng (154741) | Chuyên viên | Trung cấp | Trung cấp | Đại học | Anh B | 2019 | |
| 2 | Lê Thị Kiều | 03/04/1980 | x | Văn phòng - Thống kê | | Tuyển dụng | 1/6/2014 | 1/6/2014 | A1 | 01.003 | 12/12 | Đại học | Kinh tế (00004240) | Chuyên viên | Chuyên viên | Trung cấp | A | Anh B | 2019 | |
| 3 | Nguyễn Ngọc Tường Vy | 02/08/1998 | x | Văn phòng - Thống kê | | Tuyển dụng | 1/7/2022 | 1/7/2022 | A1 | 01.003 | 12/12 | Đại học | Quản lý nhà nước (000258) | Chuyên viên | Cử nhân | Sơ cấp | Ứng dụng CNTT cơ bản | TOEIC 450 | 2023 | |
| 4 | Nguyễn Văn Quyền | 28/01/1983 | | Địa chính - Nông nghiệp - Xây dựng và Môi trường | | Tuyển dụng | 1/9/2008 | 1/12/2022 | A1 | 01.003 | 12/12 | Trên đại học | Quản lý Xây dựng (A114419) | Chuyên viên | Chuyên viên | Trung cấp | A | Anh B | 2019 | |
| 5 | Nguyễn Vĩnh Phú | 02/08/1983 | | Địa chính - Nông nghiệp - Xây dựng và Môi trường | x | Tuyển dụng | 10/7/2012 | 1/10/2018 | A1 | 01.003 | 12/12 | Trên đại học | Xây dựng công trình thủy (VMUM000455) | Chuyên viên | Chuyên viên | Trung cấp | Văn phòng | Anh B | 2019 | |
| 6 | Nguyễn Thị Thanh Vy | 05/04/1986 | x | Tài chính - Kế toán | | Tuyển dụng | 1/11/2011 | 1/11/2011 | A1 | 01.003 | 12/12 | Đại học | Luật (1440955) | | | Trung cấp | A | Anh B | 2019 | |
| 7 | Nguyễn Yến Vy | 28/09/1990 | x | | x | Tuyển dụng | 1/10/2015 | 1/1/2018 | A1 | 01.003 | 12/12 | Đại học | Kế toán (A006807) | Chuyên viên | Chuyên viên | Trung cấp | A | Anh B | 2019 | |
| 8 | Nguyễn Thị Chiến | 10/11/1984 | x | Tư pháp - Hộ tịch | x | Tuyển dụng | 10/7/2012 | 10/7/2012 | A1 | 01.003 | 12/12 | Đại học | Luật (A247214) | Chuyên viên | Chuyên viên | Trung cấp | A | Anh B | 2019 | |
| 9 | Trần Công Minh | 09/05/1983 | | Tư pháp - Hộ tịch | x | Tuyển dụng | 8/9/2011 | 1/7/2020 | A1 | 01.003 | 12/12 | Đại học | Luật (TVU025547) | Chuyên viên | Chuyên viên | Trung cấp | B | Anh B | 2019 | |

| TT | Họ và tên | Ngày, tháng, năm sinh | Nữ (Dấu x) | Chức vụ / chức danh | Đảng viên | Nguồn cán bộ, công chức, cán bộ không chuyên trách (Tăng cường, tại chỗ, tuyển dụng, hưu trí) | Thời điểm tuyển dụng (bổ nhiệm, phê chuẩn kết quả bầu) | Thời điểm đảm nhiệm chức danh hiện tại | Tên ngạch | Mã ngạch | Trình độ giáo dục phổ thông | Trình độ chuyên môn nghiệp vụ | | Chứng chỉ bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ quản lý nhà nước | Trình độ QLNN | Trình độ LLCT | Trình độ tin học | Trình độ Ngoại ngữ | Chứng nhận bồi dưỡng cán bộ xây dựng NTM, giai đoạn 2016-2020 (ghi năm đi tập huấn) | Đang học |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | | | | | | | | Trình độ đào tạo (Trên đại học, đại học, cao đẳng, trung cấp, sơ cấp) | Chuyên ngành đào tạo (ghi số hiệu văn bằng dưới chuyên ngành đào tạo) | | | | | | | |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 | 16 | 17 | 18 | 19 | 20 | 21 |
| 10 | Trần Thị Thúy | 25/03/1985 | x | Văn hóa - Xã hội | x | Tuyển dụng | 1/4/2015 | 1/7/2020 | A1 | 01.003 | 12/12 | Đại học | Luật (0110310) | Chuyên viên | Chuyên viên | Trung cấp | A | Anh B | 2019 | |
| 11 | Bùi Thị Ngọc Nga | 20/03/1984 | x | Văn hóa - Xã hội | x | Tuyển dụng | 22/5/2015 | 1/6/2015 | A1 | 01.003 | 12/12 | Đại học | Hành chính học (15799-VLVH-KS27-TC47) | Chuyên viên | Cử nhân | Trung cấp | A | Anh B | 2019 | |
| VII. THÔI TAM THÔN | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 1. Cán bộ cấp xã | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 1 | Nguyễn Toàn Nam | 27/7/1982 | | Bí thư Đảng ủy | x | tăng cường | 1/9/2006 | 26/5/2020 | chuyên viên | 01.003 | 12/12 | Thạc sĩ | Quản trị kinh doanh SH: 016097 | | Cử nhân | Cao cấp | A | B Anh văn | x | |
| 2 | Nguyễn Thị Ngọc Trân | 29/11/1985 | x | Phó Bí thư Đảng ủy | x | tăng cường | 1/6/2008 | 7/1/2020 | chuyên viên | 01.003 | 12/12 | Thạc sĩ | Quản trị nhân lực quốc tế 07069919 | | chuyên viên | Trung cấp | A | IELTS Anh văn | x | |
| 3 | Chu Thị Hồng Nhung | 31/1/1980 | x | Chủ tịch | x | tăng cường | 10/1/2004 | 8/1/2021 | chuyên viên | 01.003 | 12/12 | Đại học | Cử nhân Luật SH:1690108 Cử nhân xã hội học 76XHHVL/10/4 | | chuyên viên | Cử nhân | A | B Anh văn | x | |
| 4 | Lê Thị Hồng Nhung | 7/7/1978 | x | Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân | x | tại chỗ | 1/6/2000 | 8/6/2020 | chuyên viên | 01.003 | 12/12 | Đại học | Cử nhân Luật SH:1690109 Cử nhân hành chính học SH:084034 | | Cử nhân | Trung cấp | A | B Anh văn | x | |
| 5 | Phạm Văn Chiến | 19/11/1978 | | Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân | x | tăng cường | 1/10/2001 | 1/3/2020 | chuyên viên | 01.003 | 12/12 | Đại học | Cử nhân Luật SH:00174433 | | chuyên viên | Trung cấp | A | B Anh văn | x | |
| 6 | Nguyễn Thị Hoài Thương | 21/2/1981 | x | Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân | x | tăng cường | 1/2/2005 | 2024 | chuyên viên | 01.003 | 12/12 | Thạc sĩ | Cử nhân Hành chính SH:B596207 Thạc sĩ Quản lý Hành chính công SH: A027953 | | chuyên viên | Cao cấp | A | B Anh văn | | |
| 7 | Nguyễn Thị Hoàng Anh | 6/1/1984 | x | Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân | x | tại chỗ | 1/2/2002 | 1/7/2011 | chuyên viên | 01.003 | 12/12 | Đại học | Cử nhân Luật SH:1690071 Cử nhân Xã hội học SH:2XHHVL/10/4 | | chuyên viên | Trung cấp | A | B Anh văn | x | |
| 8 | Vũ Thị Dung | 2/6/1985 | x | Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam | x | tăng cường | 1/9/2009 | 1/10/2020 | chuyên viên | 01.003 | 12/12 | Thạc sĩ | Quản trị Kinh tế SH:0001049 | | chuyên viên | Cử nhân | B | B1 Anh văn | x | |
| 9 | Lê Thanh Loan | 20/9/1976 | x | Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam | x | tại chỗ | 25/2/2008 | 27/11/2019 | chuyên viên | 01.003 | 12/12 | Đại học | Cử nhân Luật SH:1690098 Cử nhân Tài chính - Ngân hàng SH:B159239 | | chuyên viên | Trung cấp | A | B Anh văn | x | |
| 10 | Đoàn Văn Lanh | 12/10/1978 | | Chủ tịch Hội nông dân Việt Nam | x | tại chỗ | 1/9/2010 | 29/12/2017 | chuyên viên | 01.003 | 12/12 | Thạch sĩ | Cử nhân Luật SH:727960 Kỹ sư Công nghệ vật liệu SH:291/A102 Thạc sĩ Quản lý Tài nguyên và Môi trường SH: 602517 | | chuyên viên | Trung cấp | ứng dụng CNTT cơ bản | B Anh văn | x | |
| 11 | Lê Văn Khuyến | 20/10/1959 | | Chủ tịch Hội Cựu chiến binh Việt Nam | x | hưu trí | 1/7/2014 | 1/7/2015 | | | 12/12 | Cao đẳng | Sỹ quan chỉ huy binh chủng hợp thành | | | sơ cấp | B | | x | |
| 12 | Nguyễn Huỳnh Ngọc Trung | 11/4/1997 | | Bí thư Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh | x | tại chỗ | 20/1/2022 | 20/1/2022 | chuyên viên | 01.003 | 12/12 | Đại học | Kỹ thuật hóa học SH:1930003280 | | | sơ cấp | Văn phòng | TOEIC 550 | | đang học Trung cấp Chính trị |
| 2. Công chức cấp xã | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 1 | Nguyễn Phương Thanh | 25/2/1979 | | Chỉ huy trưởng Quân sự | x | điều động | 1/4/2004 | 1/9/2022 | cán sự | 01.004 | 12/12 | Đại học | Cử nhân Luật SH:UL/B0000608 Cao đẳng Quân sự cơ sở SH:B483300 | | chuyên viên | Trung cấp | A | A Anh văn | | |

| TT | Họ và tên | Ngày, tháng, năm sinh | Nữ (Dấu x) | Chức vụ / chức danh | Đảng viên | Nguồn cán bộ, công chức, cán bộ không chuyên trách (Tăng cường, tại chỗ, tuyển dụng, lưu trí) | Thời điểm tuyển dụng (bổ nhiệm, phê chuẩn kết quả bầu) | Thời điểm đảm nhiệm chức danh hiện tại | Tên ngạch | Mã ngạch | Trình độ giáo dục phổ thông | Trình độ chuyên môn nghiệp vụ | | Chứng chỉ bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ quản lý nhà nước | Trình độ QLNN | Trình độ LLCT | Trình độ tin học | Trình độ Ngoại ngữ | Chứng nhận bồi dưỡng cán bộ xây dựng NTM, giai đoạn 2016-2020 (ghi năm đi tập huấn) | Đang học |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | | | | | | | | Trình độ đào tạo (Trên đại học, đại học, cao đẳng, trung cấp, sơ cấp) | Chuyên ngành đào tạo (ghi số hiệu văn bằng dưới chuyên ngành đào tạo) | | | | | | | |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 | 16 | 17 | 18 | 19 | 20 | 21 |
| 2 | Nguyễn Thị Hồng Trúc | 3/3/1982 | x | Văn phòng - Thống kê | x | tuyển dụng | 1/11/2006 | 1/4/2008 | chuyên viên | 01.003 | 12/12 | Đại học | Cử nhân Luật SH: 1690134 Cử nhân Kế toán SH: 228000 | | chuyên viên | Trung cấp | A | B Anh văn | x | |
| 3 | Trịnh Thị Linh Phương | 299/6/83 | x | Văn phòng - Thống kê | x | tuyển dụng | 1/11/2007 | 1/1/2008 | chuyên viên | 01.003 | 12/12 | Đại học | Cử nhân Hành chính SH: 0847775 | | chuyên viên | Trung cấp | A | B Anh văn | x | |
| 4 | Lưu Thị Hồng Liễu | 6/9/1978 | x | Tài chính - Kế toán | x | tuyển dụng | 11/1/2004 | 15/10/2019 | chuyên viên | 01.003 | 12/12 | Đại học | Cử nhân Luật SH: 1690095 Cử nhân Kế toán | | chuyên viên | Trung cấp | A | B Anh văn | x | |
| 5 | Mai Thanh Thảo | 7/4/1982 | x | Tư pháp - Hộ tịch | x | tuyển dụng | 20/3/2008 | 1/9/2010 | chuyên viên | 01.003 | 12/12 | Đại học | Cử nhân Luật sh: 597227 | | chuyên viên | Trung cấp | B | Đại học | x | |
| 6 | Võ Thị Minh Tuyến | 16/8/1983 | x | Tư pháp - Hộ tịch | x | tuyển dụng | 11/3/2007 | 1/6/2020 | chuyên viên | 01.003 | 12/12 | Đại học | Cử nhân Luật SH: A130127 | | chuyên viên | Trung cấp | A | B Anh văn | x | |
| 7 | Lê Công Danh | 2/12/1978 | | Văn hóa - Xã hội | x | tuyển dụng | 1/1/2005 | 1/5/2006 | chuyên viên | 01.003 | 12/12 | Đại học | Cử nhân Hành chính SH:146934 Cử nhân Quản lý văn hóa SH:073622 | | chuyên viên | Trung cấp | B | B Anh văn | x | |
| 8 | Lê Thị Lệ Hằng | 20/9/1982 | x | Văn hóa - Xã hội | | tuyển dụng | 1/5/2009 | 1/7/2022 | chuyên viên | 01.003 | 12/12 | Đại học | Luật Kinh tế SH:1109199 | | trung cấp | Trung cấp | ứng dụng CNTT cơ bản | B Anh văn | x | |
| 9 | Lưu Bá Khả | 6/9/1969 | | Địa chính - Nông nghiệp - Xây dựng và Môi trường | x | tuyển dụng | 1/10/1993 | 1/6/2020 | cán sự | 01.004 | 12/12 | Đại học | Cử nhân Luật SH: 1240397 | | chuyên viên | Trung cấp | B | | x | |
| 10 | Nguyễn Ngọc Dũng | 23/6/1978 | | Địa chính - Nông nghiệp - Xây dựng và Môi trường | | tuyển dụng | 15/5/2013 | 1/2/2020 | chuyên viên | 01.003 | 12/12 | Đại học | Cử nhân Luật SH: 1240385 | | chuyên viên | Trung cấp | B | B Anh văn | x | |
| 11 | Phạm Trung Thiên Đức | 18/11/1987 | | Địa chính - Nông nghiệp - Xây dựng và Môi trường | | tuyển dụng | 1/11/2009 | 1/6/2020 | chuyên viên | 01.003 | 12/12 | Đại học | Kỹ sư Kỹ thuật công trình xây dựng dân dụng và công nghiệp SH: 142532 | | chuyên viên | Trung cấp | B | B Anh văn | x | |
| VIII. XUÂN THỚI ĐÔNG | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 1 | Cán bộ cấp xã | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 1 | Đặng Quang Sang | 17/11/1977 | | Bí thư Đảng ủy | X | Tăng cường | 19/9/2022 | 19/9/2022 | Chuyênviên | 01.003 | 12/12 | Trên Đại học | Chính sách công *(Số hiệu VB: HM004082)* | X | Chuyên viên | Cao cấp | A | Anh B1 | | |
| 2 | Hồ Vũ Nam | 09/08/1976 | | Phó Bí thư Đảng ủy kiêm Chủ tịch Hội đồng nhân dân | X | Tại chỗ | 01/01/2010 | 28/03/2017 | Chuyênviên | 01.003 | 12/12 | Trên Đại học | Quản lý Kinh tế *(Số hiệu VB: DVP22000070)* | X | Chuyên viên | Cao cấp | B | Anh B | 2016 | |
| 3 | Vương Văn Thông | 30/04/1975 | | Chủ tịch | X | Tại chỗ | 01/11/2007 | 16/08/2022 | Chuyênviên | 01.003 | 12/12 | Đại học | Quản trị kinh doanh *(Số hiệu VB: B309939)* | X | Chuyên viên | Trung cấp | A | Anh B | 2016 | |
| 4 | Nguyễn Thanh Xuân | 3/5/1984 | | Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân | X | Tăng cường | 29/3/2024 | 29/3/2024 | Chuyênviên | 01.003 | 12/12 | Trên Đại học | Quản lý đất đai *(Số hiệu VB: A190046)* | X | Chuyên viên | Trung cấp | B | Anh B | 2017 | |
| 5 | Trần Ngọc Liễu | 21/11/1987 | x | Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân | x | Tăng cường | 11/08/2022 | 11/08/2022 | Chuyênviên | 01.003 | 12/12 | Trên Đại học | Quản lý Kinh tế *(Số hiệu VB: DVP22000070)* | X | Chuyên viên | Cao cấp | B | Anh B1 | | |
| 6 | Nguyễn Phạm Thanh Văn | 06/03/1986 | x | Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân | x | Tại chỗ | 01/01/2009 | 14/01/2019 | Chuyênviên | 01.003 | 12/12 | Đại học | Luật *(Số hiệu VB: 372517)* | X | Chuyên viên | Trung cấp | A | Anh B | 2016 | |
| 7 | Phan Thị Tuyết Nhung | 17/10/1978 | x | Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam | x | Tại chỗ | 23/12/2003 | 05/11/2018 | Chuyênviên | 01.003 | 12/12 | Đại học | Hành chính học *(Số hiệu VB: 164755)* | X | Chuyên viên | Cử nhân | A | Anh B | 2016 | |
| 8 | Nguyễn Thị Xuân Thúy | 29/03/1982 | x | Chủ tịch Hội nông dân Việt Nam | x | Tại chỗ | 01/01/2004 | 27/10/2020 | Chuyênviên | 01.003 | 12/12 | Đại học | Công tác xã hội *(Số hiệu VB: LDXH000390)* | X | Chuyên viên | Trung cấp | Ứng dụng CNTT cơ bản | Anh B | | |

| TT | Họ và tên | Ngày, tháng, năm sinh | Nữ (Dấu x) | Chức vụ / chức danh | Đảng viên | Nguồn cán bộ, công chức, cán bộ không chuyên trách (Tăng cường, tại chỗ, tuyển dụng, hưu trí) | Thời điểm tuyển dụng (bổ nhiệm, phê chuẩn kết quả bầu) | Thời điểm đảm nhiệm chức danh hiện tại | Tên ngạch | Mã ngạch | Trình độ giáo dục phổ thông | Trình độ chuyên môn nghiệp vụ | | Chứng chỉ bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ quản lý nhà nước | Trình độ QLNN | Trình độ LLCT | Trình độ tin học | Trình độ Ngoại ngữ | Chứng nhận bồi dưỡng cán bộ xây dựng NTM, giai đoạn 2016-2020 (ghi năm đi tập huấn) | Đang học |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | | | | | | | | Trình độ đào tạo (Trên đại học, đại học, cao đẳng, trung cấp, sơ cấp) | Chuyên ngành đào tạo (ghi số hiệu văn bằng dưới chuyên ngành đào tạo) | | | | | | | |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 | 16 | 17 | 18 | 19 | 20 | 21 |
| 9 | Đặng Thị Thúy Phương | 21/12/1988 | x | Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam | x | Tại chỗ | 01/08/2009 | 31/10/2022 | Chuyênviê n | 01.003 | 12/12 | Đại học | Luật *(Số hiệu VB: 1188843)* | | | Trung cấp | B | Anh B | | |
| 10 | Lê Thị Ngọc Lý | 22/02/1990 | x | Bí thư Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh | x | Tại chỗ | 01/12/2011 | 12/03/2019 | Chuyênviê n | 01.003 | 12/12 | Trên Đại học | Quản trị kinh doanh *(Số hiệu VB: QH1920180040)* | X | Chuyên viên | Trung cấp | B | TOEIC 470 | | |
| 11 | Lê Văn Khoa | 06/07/1954 | | Chủ tịch Hội Cựu chiến binh Việt Nam | X | Hưu trí | 03/10/2012 | 03/10/2012 | | | 12/12 | Sơ cấp | Tài chính Quân đội *(Số hiệu VB: 20564)* | | | Trung cấp | A | | 2016 | |
| 2 | **Công chức cấp xã** | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 1 | Phạm Hữu Nghĩa | 19/8/1981 | | Chỉ huy trưởng Quân sự | X | Tăng cường | 1/9/2022 | 1/9/2022 | Chuyênviê n | 01.003 | 12/12 | Đại học | Luật *(Số hiệu VB: 1239183)* | X | Chuyên viên | Trung cấp | B | Anh B | 2016 | |
| 2 | Đỗ Thị Thúy Dung | 08/07/1975 | x | Văn phòng - Thống kê | x | Tại chỗ | 01/06/2008 | 01/07/2011 | Chuyênviê n | 01.003 | 12/12 | Đại học | Công nghệ thông tin *(Số hiệu VB: B224781)* | X | Chuyên viên | Trung cấp | Đại học | Anh B | | |
| 3 | Lê Thị Thanh Hoa | 10/12/1983 | x | Văn phòng - Thống kê | x | Tại chỗ | 01/09/2007 | 01/05/2015 | Chuyênviê n | 01.003 | 12/12 | Trên Đại học | Quản trị kinh doanh *(Số hiệu VB: HM005740)* | X | Chuyên viên | Trung cấp | B | Tiếng Anh Đại học | 2016 | |
| 4 | Nguyễn Thanh Giang | 13/1/1983 | | Địa chính - Nông nghiệp - Xây dựng và Môi trường | X | Tăng cường | 16/08/2023 | 16/08/2023 | Chuyênviê n | 01.003 | 12/12 | Đại học | Luật *(Số hiệu VB: 1188832)* | X | Chuyên viên | Trung cấp | A | Anh B | | |
| 5 | Phạm Hữu Kim Ngân | 05/09/1979 | x | Địa chính - Nông nghiệp - Xây dựng và Môi trường | | Tăng cường | 01/06/2020 | 01/06/2020 | Chuyênviê n | 14.238 | 12/12 | Đại học | Quản lý đất đai *(Số hiệu VB: B0270107)* | X | Chuyên viên | Trung cấp | Ứng dụng CNTT cơ bản | Anh B | | |
| 6 | Nguyễn Thị Ngọc Tuyền | 01/04/1983 | x | Tư pháp - Hộ tịch | x | Tăng cường | 01/06/2021 | 01/06/2021 | Chuyênviê n | 01.003 | 12/12 | Đại học | Luật *(Số hiệu VB: 1239636)* | X | Chuyên viên | Trung cấp | B | Tiếng Anh Đại học | | |
| 7 | Lê Thị Gấm | 10/12/1990 | x | Tư pháp - Hộ tịch | x | Tuyển dụng | 01/10/2015 | 01/10/2015 | Chuyênviê n | 01.003 | 12/12 | Đại học | Luật *(Số hiệu VB: 778522)* | X | Chuyên viên | Trung cấp | A | Anh B | | |
| 8 | Phạm Quốc Đại | 28/12/1981 | x | Văn hóa - Xã hội | x | Tăng cường | 01/03/2024 | 01/03/2024 | Chuyênviê n | 01.003 | 12/12 | Đại học | Luật *(Số hiệu VB: 783539)* | X | Chuyên viên | Trung cấp | A | Anh B | | |
| 9 | Phạm Anh Bảo An | 17/03/1984 | x | Văn hóa - Xã hội | x | Tại chỗ | 01/07/2009 | 08/09/2022 | Chuyênviê n | 01.003 | 12/12 | Đại học | Luật *(Số hiệu VB: 00135338)* | X | Chuyên viên | Trung cấp | B | Tiếng Anh Đại học | 2016 | |
| 10 | Trần Ngọc Xuân Mai | 17/04/1983 | x | Tài chính - Kế toán | x | Tăng cường | 15/10/2019 | 15/10/2019 | Chuyênviê n | 06.031 | 12/12 | Đại học | Kế toán *(Số hiệu VB: 0130927)* | X | Chuyên viên | Trung cấp | Ứng dụng CNTT cơ bản | Anh B | | |
| IX. XUÂN THỚI SƠN | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 1 | **Cán bộ cấp xã** | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 1 | Võ Thanh Bình | 4/12/1973 | | Bí thư Đảng ủy | x | | 1995 | 01/7/2023 | Chuyên viên | 01.003 | TNCJ | Đại học | Quản lý xã hội; Luật học; Thạc sỹ Quản lý kinh tế | | Cao cấp | Cao cấp | A | B | | |
| 2 | Trương Thị Thanh Kiều | 11/5/1980 | x | Phó Bí thư Đảng ủy | x | | 1/2/2006 | 8/10/2015 | Chuyên viên | 01.003 | TNCJ | Đại học | Luật (1690093); Quản trị kinh doanh (143992) | chuyên viên | chuyên viên | Trung cấp | Chứng chỉ ứng dụng CNTT cơ bản | B | 2017 | |
| 3 | Nguyễn Thị Ngọc Thắm | 29/11/1983 | x | Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân | x | | 1/9/2013 | 8/2/2021 | Chuyên viên | 01.003 | TNCJ | Đại học | Luật - Kinh tế (1110376) | chuyên viên | Trung cấp | Trung cấp | B | B | | |

| TT | Họ và tên | Ngày, tháng, năm sinh | Nữ (Dấu x) | Chức vụ / chức danh | Đảng viên | Nguồn cán bộ, công chức, cán bộ không chuyên trách (Tăng cường, tại chỗ, tuyển dụng, hưu trí) | Thời điểm tuyển dụng (bổ nhiệm, phê chuẩn kết quả bầu) | Thời điểm đảm nhiệm chức danh hiện tại | Tên ngạch | Mã ngạch | Trình độ giáo dục phổ thông | Trình độ chuyên môn nghiệp vụ | | Chứng chỉ bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ quản lý nhà nước | Trình độ QLNN | Trình độ LLCT | Trình độ tin học | Trình độ Ngoại ngữ | Chứng nhận bồi dưỡng cán bộ xây dựng NTM, giai đoạn 2016-2020 (ghi năm đi tập huấn) | Đang học |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | | | | | | | | Trình độ đào tạo (Trên đại học, đại học, cao đẳng, trung cấp, sơ cấp) | Chuyên ngành đào tạo (ghi số hiệu văn bằng dưới chuyên ngành đào tạo) | | | | | | | |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 | 16 | 17 | 18 | 19 | 20 | 21 |
| 3 | Nguyễn Thanh Tú | 20/11/1979 | | Chủ tịch | X | | 3/2005 | 7/2015 | Chuyên viên | 01.003 | TNC3 | Đại học | Kỹ sư Kinh tế vận tải thủy - bộ (B276672); Hành chính học (005702); Kinh tế chính trị (00345968) | Hành chính học | Hành chính học | Cao cấp | A | Anh C | | |
| 4 | Nguyễn Chí Kiên | 24/5/1978 | | Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân | X | | 09/2007 | 16/12/2022 | Chuyên viên | 01.003 | TNC3 | Đại học | Kiến trúc sư | Chuyên viên | chuyên viên | Trung cấp | A | Anh B | | |
| 5 | Ngô Thị Hoàng Hận | 11/2/1982 | x | Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân | x | | 10/12/2004 | 30/6/2016 | Chuyên viên | 01.003 | TNC3 | Đại học | Luật (A181784) | Chuyên viên | Trung cấp | Trung cấp | A | B | 2017 | |
| 7 | Huỳnh Thanh Đông | 5/9/1979 | | Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam | X | | 1/10/2004 | 13/8/2019 | Chuyên viên | 01.003 | TNC3 | Đại học | Hành chính học (084851) | Hành chính học | Hành chính học | Trung cấp | A | | 2017 | |
| 8 | Trương Hồng Hải | 10/10/1956 | | Chủ tịch Hội Cựu chiến binh Việt Nam | X | hưu trí | 1/5/2012 | 1/5/2012 | | hệ số lương 2,25 | TNC3 | Trung cấp | Quân sự | | | Trung cấp | | | 2017 | |
| 9 | Nguyễn Thị Hồng Quyên | 11/4/1981 | x | Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam | x | | 1/3/2005 | 9/5/2016 | Chuyên viên | 01.003 | TNC3 | Đại học | Luật (1690119), Quản trị nhân lực (00349089) | Chuyên viên | | Trung cấp | A | B | 2017 | |
| 10 | Huỳnh Văn Dương | 28/11/1976 | | Chủ tịch Hội nông dân Việt Nam | X | | 1/8/2009 | 13/8/2009 | | | TNC3 | Đại học | Luật (975626) | | Trung cấp | Trung cấp | B | B | | |
| 11 | Lê Minh Tiến | 30/7/1996 | | Bí thư Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh | | | 1/3/2019 | 6/11/2019 | Chuyên viên | 01.003 | TNC3 | Đại học | CNTT (MHN7007339) | Cán sự | | Trung cấp | ĐH CNTT | B | | Trung cấp chính trị |
| 2 | **Công chức cấp xã** | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 1 | Phan Văn Luân | 27/10/1979 | | Văn phòng - Thống kê | X | | 1/4/2004 | 4/2014 | Chuyên viên | 01.003 | TNC3 | Đại học | Hành chính học (084902) | Chuyên viên; nghiệp vụ thống kê | Hành chính học | Trung cấp | A | | 2019 | |
| 2 | Lê Thị Minh Thơ | 14/12/1986 | x | Tư pháp - Hộ tịch | x | | 2012 | 1/7/2023 | Chuyên viên | 01.004 | TNC4 | Cử nhân | Luật hình sự | Chuyên viên | | Trung cấp | Anh C | B | | |
| 3 | Nguyễn Thị Anh Đào | 11/8/1982 | x | Tư pháp - Hộ tịch | x | | 1/5/2009 | 1/2/2013 | Chuyên viên | 01.003 | TNC3 | Đại học | Luật (A182076) | Chuyên viên | | Trung cấp | B | B | 2019 | |
| 4 | Nguyễn Đình Kiên | 20/10/1981 | | Địa chính - Nông nghiệp - Xây dựng và Môi trường | | | 10/2011 | 1/7/2023 | Chuyên viên | 01.004 | TNC3 | Kỹ sư | Xây dựng | Chuyên viên | Trung cấp | Trung cấp | B | A | | |
| 5 | Ngô Đăng Khoa | 19/12/1983 | | Địa chính - Nông nghiệp - Xây dựng và Môi trường | X | | 1/7/2004 | 1/1/2008 | Chuyên viên | 01.003 | TNC3 | Đại học | Xã hội học (XB01201/65KH2/2009), Quản lý đất đai (1773853), Luật (ULB0000212) | Chuyên viên | Trung cấp | Trung cấp | A | Anh B | | |
| 6 | Nguyễn Trần Tuấn Kiệt | 15/10/1988 | | Địa chính - Nông nghiệp - Xây dựng và Môi trường | X | | 15/10/2016 | 1/7/2022 | Chuyên viên | 01.003 | TNC3 | Đại học | Quản trị nhân lực (244376) Đại học Luật (33701) | | | Trung cấp | Kỹ thuật viên | A | | |
| 7 | Nguyễn Thị Minh Nguyệt | 10/8/1974 | x | Văn hóa - Xã hội | x | | 01/2003 | 1/6/2016 | Chuyên viên | 01.003 | TNC3 | Đại học | Xã hội học (XB 04639/19KH2/2011) | Chuyên viên | | Trung cấp | A | B | 2019 | |
| 8 | Trần Văn Vui | 9/11/1974 | | Văn hóa - Xã hội | X | | 1/5/1995 | 9/2013 | Chuyên viên | 01.003 | TNC3 | Đại học | Xã hội học (XB 04691/19KH2/2011) | Chuyên viên | Trung cấp | Trung cấp | A | A | 2017 | |
| 9 | Nguyễn Thị Ngọc Châu | 2/6/1982 | x | Tài chính - Kế toán | x | | 1/12/2007 | 1/8/2022 | Chuyên viên | 01.003 | TNC3 | Đại học | Kế toán - Kiểm toán (01924/48KH2/2010) | Chuyên viên | Trung cấp | Trung cấp | A | B | | |
| 10 | Châu Phi Vũ | 1/1/1981 | | Chỉ huy trưởng Quân sự | X | | 3/5/2006 | 1/3/2019 | Chuyên viên | 01.003 | TNC3 | Cao đẳng Đại học | Quân sự (B699551) Xã hội học (XB 04883/19KH2/2011) | | Trung cấp | Trung cấp | A | B | 2019 | |

| TT | Họ và tên | Ngày, tháng, năm sinh | Nữ (Đầu x) | Chức vụ / chức danh | Đảng viên | Nguồn cán bộ, công chức, cán bộ không chuyên trách (Tăng cường, tại chỗ, tuyển dụng, lưu trí) | Thời điểm tuyển dụng (bổ nhiệm, phê chuẩn kết quả bầu) | Thời điểm đảm nhiệm chức danh hiện tại | Tên ngạch | Mã ngạch | Trình độ giáo dục phổ thông | Trình độ chuyên môn nghiệp vụ | | Chứng chỉ bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ quản lý nhà nước | Trình độ QLNN | Trình độ LLCT | Trình độ tin học | Trình độ Ngoại ngữ | Chứng nhận bồi dưỡng cán bộ xây dựng NTM, giai đoạn 2016-2020 (ghi năm đi tập huấn) | Dang học |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | | | | | | | | Trình độ đào tạo (Trên đại học, đại học, cao đẳng, trung cấp, sơ cấp) | Chuyên ngành đào tạo (ghi số hiệu văn bằng dưới chuyên ngành đào tạo) | | | | | | | |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 | 16 | 17 | 18 | 19 | 20 | 21 |
| X. XUÂN THỚI THƯỢNG | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 1 | Cán bộ cấp xã | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 1 | Nguyễn Thị Kim Phúc | 4/9/1983 | x | Bí thư Đảng ủy | x | Tăng cường | 1/11/2008 | 19/9/2022 | Chuyên viên | 01.003 | 12/12 | Trên đại học | Thạc sĩ Quản lý công, số hiệu: 003864<br>Cử nhân CNTT, số hiệu: HC243/9-07<br>Cử nhân Kinh tế, số hiệu: 00156557 | x | Trung cấp | Cao cấp | Cử nhân | B | | |
| 2 | Lê Thị Hồng Phương | 17/3/1983 | x | Phó Bí thư Đảng ủy kiêm Chủ tịch Hội đồng nhân dân | x | Tăng cường | 1/5/2006 | 17/2/2020 | Chuyên viên | 01.003 | 12/12 | Đại học | Cử nhân Luật, số hiệu:652767 | x | Trung cấp | Cao cấp | A | B | | |
| 3 | Lê Huỳnh Đức | 1/6/1977 | | Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam | x | Tại chỗ | 1/10/2004 | 25/5/2020 | Chuyên viên | 01.003 | 12/12 | Đại học | Cử nhân Luật<br>Số hiệu: 1468147 | x | | Trung cấp | Ứng dụng CNTT cơ bản | B | | |
| 4 | Hà Hoàn Cầu | 16/2/1978 | | Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân | x | Tại chỗ | 1/6/2006 | 8/7/2021 | Chuyên viên | 01.003 | 12/12 | Đại học | Cử nhân Hành chính, số hiệu: 247407<br>TC NV kinh doanh nhà hàng khách sạn, số hiệu:4273 | | Cử nhân | Trung cấp | A | A | | |
| 5 | Nguyễn Trần Lộc | 24/4/1981 | | Chủ tịch | x | Tăng cường | 1/9/2008 | 3/6/2024 | Chuyên viên | 01.003 | 12/12 | Trên đại học | Thạc sĩ Kỹ thuật xây dựng công trình xây dựng, số hiệu: 001292, Cử nhân Triết học, số hiệu: 009657; Kỹ sư xây dựng, số hiệu: 02029/71KH2/2003 | x | | Cao cấp | A | B | | |
| 6 | Cao Thị Ngọc Hân | 21/4/1977 | x | Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân | x | Tăng cường | 1/1/2000 | 2/12/2022 | Chuyên viên | 01.003 | 12/12 | Đại học | CN Luật<br>Số hiệu: A181885<br>CN Kinh tế<br>Số hiệu: QLKT-TP-HCM-3025 | x | | Cao cấp | A | B | 2023 | |
| 7 | Lê Đình An | 18/9/1980 | | Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân | x | Tăng cường | 1/8/2007 | 9/5/2024 | Chuyên viên | 01.003 | 12/12 | Trên đại học | Thạc sĩ Luật, số hiệu:003768<br>CN Chính trị học số hiệu:0002756<br>CN Ngôn ngữ Anh, số hiệu: DT/CN/02738<br>CN Luật, số hiệu: 0888362 | x | | Trung cấp | A | B1 | | |
| 8 | Phan Văn Đạt | 29/11/1976 | | Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân | x | Tại chỗ | 1/4/1998 | 8/7/2021 | Chuyên viên | 01.003 | 12/12 | Trên đại học | Thạc sĩ Luật, số hiệu:00005492<br>CN Hành chính số hiệu:147267 | | Cử nhân | Trung cấp | Ứng dụng CNTT cơ bản | B1 | | |
| 9 | Phạm Thị Hoa | 7/1/1979 | x | Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam | x | Tại chỗ | 12/7/2021 | 12/7/2021 | Chuyên viên | 01.003 | 12/12 | Đại học | CN hành chính<br>Số hiệu:084873 | | Cử nhân | Trung cấp | A | A | | |
| 10 | Lê Tân Hưng | 21/07/1962 | | Chủ tịch Hội Cựu chiến binh Việt Nam | x | Hưu trí | 1/9/1997 | 4/5/2023 | Trung cấp | 01.004 | 12/12 | Trung cấp | TC Hành chính, số hiệu:02991 | | Trung cấp | Trung cấp | A | | | |
| 11 | Nguyễn Tuấn Liêm | 08/08/1991 | | Bí thư Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh | x | Tại chỗ | 1/7/2015 | 11/12/2017 | Chuyên viên | 01.003 | 12/12 | Đại học | Cử nhân QTKD<br>Số hiệu: 0045090 | x | | Trung cấp | A | B | | |
| 12 | Phạm Anh Hùng | 23/04/1979 | | Chủ tịch Hội nông dân Việt Nam | x | Tại chỗ | 10/11/2021 | 10/11/2021 | Chuyên viên | 01.003 | 12/12 | Đại học | CN hành chính<br>Số hiệu: 084870 | | Cử nhân | Trung cấp | Ứng dụng CNTT cơ bản | B | | |
| 2 | Công chức cấp xã | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 1 | Phạm Văn Bền | 28/09/1988 | | Chỉ huy trưởng Quân sự | x | Tuyển dụng | 1/2/2009 | 16/9/2022 | Chuyên viên | 01.003 | 12/12 | Đại học | Cử nhân Hành chính, số hiệu: 147278<br>Cử nhân Quân sự cơ sở, số hiệu: F001417 | | Cử nhân | Trung cấp | A | | | |

| TT | Họ và tên | Ngày, tháng, năm sinh | Nữ (Dấu x) | Chức vụ / chức danh | Đảng viên | Nguồn cán bộ, công chức, cán bộ không chuyên trách (Tăng cường, tại chỗ, tuyển dụng, hưu trí) | Thời điểm tuyển dụng (bổ nhiệm, phê chuẩn kết quả bầu) | Thời điểm đảm nhiệm chức danh hiện tại | Tên ngạch | Mã ngạch | Trình độ giáo dục phổ thông | Trình độ chuyên môn nghiệp vụ | | Chứng chỉ bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ quản lý nhà nước | Trình độ QLNN | Trình độ LLCT | Trình độ tin học | Trình độ Ngoại ngữ | Chứng nhận bồi dưỡng cán bộ xây dựng NTM, giai đoạn 2016-2020 (ghi năm đi tập huấn) | Đang học |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | | | | | | | | Trình độ đào tạo (Trên đại học, đại học, cao đẳng, trung cấp, sơ cấp) | Chuyên ngành đào tạo (ghi số hiệu văn bằng dưới chuyên ngành đào tạo) | | | | | | | |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 | 16 | 17 | 18 | 19 | 20 | 21 |
| 2 | Hồ Thị Hồng Cẩm | 08/02/1987 | x | Tài chính - Kế toán | | Tuyển dụng | 9/2/2009 | 1/1/2011 | Chuyên viên | 01.003 | 12/12 | Đại học | Cử nhân Kế toán<br>Số hiệu: 555725 | x | | Trung cấp | A | B | | |
| 3 | Trần Huỳnh Lộc | 02/09/1980 | | Văn hóa - Xã hội | x | Tuyển dụng | 1/1/2008 | 1/9/2009 | Chuyên viên | 01.003 | 12/12 | Đại học | CN Luật<br>Số hiệu: 1440908 | x | Trung cấp | Trung cấp | A | B | | |
| 4 | Trần Thị Thanh Xuân | 29/11/1982 | x | Văn phòng - Thống kê | x | Tuyển dụng | 1/10/2003 | 1/4/2018 | Chuyên viên | 01.003 | 12/12 | Đại học | Cử nhân Hành chính, số hiệu: 0088962<br>Cử nhân KT-CT, số hiệu: 00345980 | | Cử nhân | Cao cấp | A | B | | |
| 5 | Phạm Thị Thu Trang | 14/07/1979 | x | Văn hóa - Xã hội | x | Tuyển dụng | 1/10/2001 | 1/6/2008 | Chuyên viên | 01.003 | 12/12 | Đại học | Cử nhân Luật<br>Số hiệu: 1468152 | x | Trung cấp | Trung cấp | A | B | 2022 | |
| 6 | Phan Thị Hồng Nhanh | 04/11/1988 | x | Tư pháp - Hộ tịch | x | Tuyển dụng | 1/6/2012 | 1/7/2018 | Chuyên viên | 01.003 | 12/12 | Đại học | Cử nhân Luật<br>Số hiệu: 870230 | x | Trung cấp | Trung cấp | B | B | | |
| 7 | Nguyễn Thị Cẩm | 22/6/1991 | x | Tư pháp - Hộ tịch | | Tuyển dụng | 3/7/2017 | 1/7/2018 | Chuyên viên | 01.003 | 12/12 | Đại học | Cử nhân Luật Kinh tế<br>Số hiệu: 761057 | x | Trung cấp | Trung cấp | B | B | | |
| 8 | Thái Thị Quỳnh Tiên | 9/10/1993 | x | Tài chính - Kế toán | x | Tuyển dụng | 1/7/2022 | 1/7/2022 | Chuyên viên | 01.003 | 12/12 | Đại học | Cử nhân Kế toán, số hiệu: 1244337 | x | | Sơ cấp | B | B | | |
| 9 | Nguyễn Thị Ngọc Huệ | 21/3/1994 | x | Địa chính - Nông nghiệp - Xây dựng và Môi trường | x | Tuyển dụng | 1/7/2022 | 1/7/2022 | Chuyên viên | 01.003 | 12/12 | Đại học | CN Quản lý đất đai<br>Số hiệu: 1736587 | x | | Sơ cấp | B | B | | |
| 10 | Nguyễn Thanh Sang | 14/3/1970 | | Địa chính - Nông nghiệp - Xây dựng và Môi trường | | Tuyển dụng | 3/9/2006 | 1/5/2017 | Chuyên viên | 01.003 | 12/12 | Đại học | Kỹ sư xây dựng, số hiệu: 020152 | x | Trung cấp | Trung cấp | Căn bản | B | | |
| 11 | Nguyễn Thái Sơn | 9/9/1988 | | Địa chính - Nông nghiệp - Xây dựng và Môi trường | x | Tuyển dụng | 1/4/2009 | 1/2/2024 | Chuyên viên | 01.003 | 12/12 | Đại học | Cử nhân Luật<br>Số hiệu: 1188845<br>TC QLĐĐ, số hiệu 1043<br>TC Xây dựng, số hiệu: 057616 | x | Trung cấp | Trung cấp | B | B | | |

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN HÓC MÔN

**Phụ lục 19**

**THỐNG KÊ VĂN BẢN KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ, XẾP LOẠI CHẤT LƯỢNG TỔ CHỨC ĐẢNG 10 XÃ NÔNG THÔN MỚI NÂNG CAO (NĂM 2021, 2022 VÀ 2023)**

| STT | Đảng bộ | Thông báo của BTV.HU về đánh giá, xếp loại hàng năm/Kết quả | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Năm 2021 | | Năm 2022 | | Năm 2023 | |
| 1 | Tân Thới Nhì | Thông báo số 632-TB/HU ngày 10/02/2022 | Xuất sắc | Thông báo số 1111-TB/HU ngày 12/01/2023 | Xuất sắc | Thông báo số 1600-TB/HU ngày 15/01/2024 | Tốt |
| 2 | Tân Hiệp | Thông báo số 633-TB/HU ngày 10/02/2022 | Tốt | Thông báo số 1112-TB/HU ngày 12/01/2023 | Tốt | Thông báo số 1601-TB/HU ngày 15/01/2024 | Xuất sắc |
| 3 | Tân Xuân | Thông báo số 634-TB/HU ngày 10/02/2022 | Tốt | Thông báo số 1113-TB/HU ngày 12/01/2023 | Tốt | Thông báo số 1602-TB/HU ngày 15/01/2024 | Tốt |
| 4 | Xuân Thới Thượng | Thông báo số 635-TB/HU ngày 10/02/2022 | Xuất sắc | Thông báo số 1114-TB/HU ngày 12/01/2023 | Tốt | Thông báo số 1603-TB/HU ngày 15/01/2024 | Xuất sắc |
| 5 | Xuân Thới Đông | Thông báo số 636-TB/HU ngày 10/02/2022 | Xuất sắc | Thông báo số 1115-TB/HU ngày 12/01/2023 | Xuất sắc | Thông báo số 1604-TB/HU ngày 15/01/2024 | Tốt |
| 6 | Bà Điểm | Thông báo số 638-TB/HU ngày 10/02/2022 | Tốt | Thông báo số 1117-TB/HU ngày 12/01/2023 | Tốt | Thông báo số 1606-TB/HU ngày 15/01/2024 | Tốt |
| 7 | Thới Tam Thôn | Thông báo số 639-TB/HU ngày 10/02/2022 | Tốt | Thông báo số 1118-TB/HU ngày 12/01/2023 | Tốt | Thông báo số 1607-TB/HU ngày 15/01/2024 | Tốt |
| 8 | Đông Thạnh | Thông báo số 640-TB/HU ngày 10/02/2022 | Xuất sắc | Thông báo số 1119-TB/HU ngày 12/01/2023 | Tốt | Thông báo số 1608-TB/HU ngày 15/01/2024 | Tốt |

| STT | Đảng bộ | Thông báo của BTV.HU về đánh giá, xếp loại hàng năm/Kết quả | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Năm 2021 | | Năm 2022 | | Năm 2023 | |
| 9 | Nhị Bình | Thông báo số 641-TB/HU ngày 10/02/2022 | Tốt | Thông báo số 1120-TB/HU ngày 12/01/2023 | Xuất sắc | Thông báo số 1609-TB/HU ngày 15/01/2024 | Tốt |
| 10 | Xuân Thới Sơn | Thông báo số 642-TB/HU ngày 10/02/2022 | Xuất sắc | Thông báo số 1121-TB/HU ngày 12/01/2023 | Tốt | Thông báo số 1610-TB/HU ngày 15/01/2024 | Xuất sắc |

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN HÓC MÔN

**Phụ lục 20**

**DANH SÁCH VĂN BẢN VỀ XẾP LOẠI CHẤT LƯỢNG CHÍNH QUYỀN 10 XÃ NÔNG THÔN MỚI NÂNG CAO, GIAI ĐOẠN 2021 - 2025**

| STT | SỐ/KÝ HIỆU | Ngày ban hành | TRÍCH YẾU |
|---|---|---|---|
| 1 | Nghị định 33/2023/NĐ-CP | 10/6/20223 | Nghị định 33/2023/NĐ-CP của Chính phủ Quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố |
| 2 | Hướng dẫn số 4253/HD-SNV | 15/08/2023 | Hướng dẫn số 4253/HD-SNV của Sở Nội vụ Thành phố về việc xét, công nhận các chỉ tiêu của Tiêu chí "Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật" trong bộ tiêu chí xã nông thôn mới kiểu mẫu và các chỉ tiêu của Tiêu chí "Hệ thống chính trị - An ninh trật tự - Hành chính công" trong bộ tiêu chí huyện nông thôn mới nâng cao gắn với đô thị hóa trên địa bàn vùng nông thôn Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2021 - 2025 |
| 3 | Công văn số 158/CV/ĐĐ/CCB | 09/08/2020 | Công văn số 158/CV/ĐĐ/CCB của Đảng đoàn Hội Cựu chiến binh thành phố về việc thực hiện kết luận số 1030-KL/TU của Ban Thường vụ Thành ủy về thực hiện Nghị định số 33/2023/NĐ-CP ngày 10 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ đối với Chủ tịch Hội Cựu chiến binh cấp xã |
| 4 | Quyết định số 318/QĐ-UBND | 09/01/2022 | Quyết định số 318/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân huyện về công nhận hiệu thi đua năm 2021 cho các tập thể, cá nhân thuộc huyện Hóc Môn |
| 5 | Quyết định số 1439/QĐ-UBND | 12/05/2022 | Quyết định số 1439/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân huyện về công nhận hiệu thi đua năm 2021 cho các tập thể, cá nhân thuộc huyện Hóc Môn - bổ sung |
| 6 | Quyết định số 169/QĐ-UBND | 05/01/2023 | Quyết định số 169/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân huyện về công nhận hiệu thi đua năm 2022 cho các tập thể, cá nhân thuộc huyện Hóc Môn |
| 7 | Quyết định số 714/QĐ-UBND | 31/01/2024 | Quyết định số 714/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân huyện về công nhận hiệu thi đua năm 2023 cho các tập thể, cá nhân thuộc huyện Hóc Môn |
| 8 | Công văn số 4355/UBND | 16/08/2024 | Công văn số 4355/UBND của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện về việc thông báo kết quả đánh giá, xếp loại chất lượng đối với tập thể Ủy ban nhân dân xã Xuân Thới Đông, 7 tháng đầu năm 2024 |

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN HÓC MÔN

**Phụ lục 21**

**TIÊU CHÍ 16 - HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ VÀ TIẾP CẬN PHÁP LUẬT - THỐNG KÊ XẾP LOẠI CHẤT LƯỢNG TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ - XÃ HỘI CỦA 10 XÃ NÔNG THÔN MỚI NÂNG CAO**

| Tổ chức CT - XH của xã | Xếp loại | Xã | | | | | | | | | | Văn bản đánh giá |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Tân Thới Nhì | Tân Hiệp | Tân Xuân | Xuân Thới Thượng | Xuân Thới Đông | Bà Điểm | Thới Tam Thôn | Đông Thạnh | Nhị Bình | Xuân Thới Sơn | |
| **Năm 2021** | | | | | | | | | | | | |
| **UB MTTQ Việt Nam xã** | Xuất sắc | X | X | X | X | X | X | X | X | X | X | - Thông báo số 171/TB-MTTQ-BTT ngày 14 tháng 12 năm 2021 của Ban Thường trực Uỷ ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam huyện về kết quả thi đua năm 2021 của Uỷ ban MTTQ Việt Nam xã - thị trấn.<br>- Thông báo số 661-TB/ĐTN ngày 01 tháng 12 năm 2021 của Ban Thường vụ Huyện Đoàn về kết quả đánh giá chất lượng công tác Đoàn và phong trào thanh thiếu nhi năm 2021<br>- Thông báo số 01/TB-BTV ngày 01 tháng 12 năm 2021 của Ban Thường vụ Hội Liên hiệp Phụ nữ huyện về kết quả đánh giá, xếp loại thi đua Hội Phụ nữ xã - thị trấn và 03 đơn vị trực thuộc năm 2021.<br>- Thông báo số 27-TB/HNDH ngày 23 tháng 11 năm 2021 của Hội Nông dân huyện về kết quả xếp loại thi đua Hội cơ sở năm 2021<br>- Thông báo số 07/TB-CCB ngày 15 tháng 12 năm 2021 của Hội Cựu chiến binh huyện về kết quả xếp loại thi đua Hội Cựu chiến binh xã - thị trấn năm 2021<br>- Thông báo số 37/TB-LĐLĐ ngày 17 tháng 12 năm 2021 của Liên đoàn Lao động huyện về kết quả thi đua của Công đoàn cơ sở xã - thị trấn năm 2021 |
| | Tốt | | | | | | | | | | | |
| **Đoàn thanh niên** | Xuất sắc | X | X | X | X | X | X | X | X | X | X | |
| | Tốt | | | | | | | | | | | |
| **Hội Phụ nữ** | Xuất sắc | X | X | X | X | X | X | X | X | X | X | |
| | Tốt | | | | | | | | | | | |
| **Hội Nông dân** | Xuất sắc | X | X | X | X | X | X | X | X | X | X | |
| | Tốt | | | | | | | | | | | |
| **Hội Cựu chiến binh** | Xuất sắc | | | | X | X | | | | | | |
| | Tốt | X | X | X | | | X | X | X | X | X | |
| **Công đoàn cơ sở** | Xuất sắc | X | | | | | | | | | | |
| | Tốt | | X | X | X | X | X | X | X | X | X | |
| **Năm 2022** | | | | | | | | | | | | |
| **UBMTTQ Việt Nam xã** | Xuất sắc | X | X | X | X | X | | X | X | X | X | - Thông báo số 55-TB/ĐTN ngày 22 tháng 11 năm 2022 của Ban Thường vụ Huyện Đoàn về kết quả đánh giá chất lượng công tác Đoàn và phong trào thanh thiếu nhi năm 2022.<br>- Thông báo số 23/TB-BTV, 24/TB-BTV, 26/TB-BTV, 27/TB-BTV, 28/TB-BTV, 29/TB-BTV, 30/TB -BTV, 31/TB-BTV, 33/TB-BTV, 34/TB-BTV ngày 21 tháng 11 năm 2022 của Ban Thường vụ Hội Liên hiệp Phụ nữ huyện về |
| | Tốt | | | | | | X | | | | | |
| **Đoàn thanh niên** | Xuất sắc | X | X | X | X | X | X | X | X | X | X | |
| | Tốt | | | | | | | | | | | |

| Tổ chức CT - XH của xã | Xếp loại | Xã | | | | | | | | | | Văn bản đánh giá |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Tân Thới Nhì | Tân Hiệp | Tân Xuân | Xuân Thới Thượng | Xuân Thới Đông | Bà Điểm | Thới Tam Thôn | Đông Thạnh | Nhị Bình | Xuân Thới Sơn | |
| **Hội Phụ nữ** | Xuất sắc | X | X | X | X | X | X | X | X | X | X | kết quả đánh giá, xếp loại thi đua Hội Phụ nữ xã - thị trấn và 03 đơn vị trực thuộc năm 2022. |
| | Tốt | | | | | | | | | | | |
| **Hội Nông dân** | Xuất sắc | X | X | X | X | X | X | X | X | X | X | - Thông báo số 185-TB/HNDH ngày 17 tháng 10 năm 2022 của Hội Nông dân huyện về kết quả đánh giá đối với các Cụm thi đua thuộc Hội Nông dân huyện năm 2022. |
| | Tốt | | | | | | | | | | | |
| **Hội Cựu chiến binh** | Xuất sắc | | | | X | X | | | | | | - Thông báo số 215/TB-MTTQ-BTT ngày 02 tháng 12 năm 2022 của Ban Thường trực Uỷ ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam huyện về kết quả thi đua năm 2022 của Uỷ ban MTTQ Việt Nam xã - thị trấn. |
| | Tốt | X | X | X | | | X | X | X | X | X | |
| **Công đoàn cơ sở** | Xuất sắc | X | | | X | | | | | | | - Thông báo số 07/TB-CCB ngày 15 tháng 12 năm 2021 của Hội Cựu chiến binh huyện về kết quả xếp loại thi đua Hội Cựu chiến binh xã - thị trấn năm 2021 |
| | Tốt | | X | X | | X | X | X | X | X | X | - Thông báo số 41/TB-LĐLĐ ngày 22 tháng 11 năm 2022 của Liên đoàn Lao động huyện về kết quả thi đua của Công đoàn cơ sở xã - thị trấn năm 2022 |
| **Năm 2023** | | | | | | | | | | | | |
| **UBMTTQ Việt Nam xã** | Xuất sắc | X | X | X | X | X | X | X | X | X | X | - Thông báo số 255/TB-MTTQ-BTT ngày 27 tháng 11 năm 2023 của Ban Thường trực Uỷ ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam huyện về kết quả thi đua năm 2023 của Uỷ ban MTTQ Việt Nam xã - thị trấn. |
| | Tốt | | | | | | | | | | | |
| **Đoàn thanh niên** | Xuất sắc | X | X | X | X | X | X | X | X | X | X | - Thông báo số 238-TB/ĐTN ngày 18 tháng 11 năm 2023 của Ban Thường vụ Huyện Đoàn về kết quả đánh giá chất lượng công tác Đoàn và phong trào thanh thiếu nhi năm 2023. |
| | Tốt | | | | | | | | | | | |
| **Hội Phụ nữ** | Xuất sắc | X | X | X | X | X | X | X | X | X | X | - Thông báo số 54/TB-BTV ngày 30 tháng 10 năm 2023 của Ban Thường vụ Hội Liên hiệp Phụ nữ huyện về kết quả đánh giá, xếp loại thi đua Hội Phụ nữ xã - thị trấn và 03 đơn vị trực thuộc năm 2023. |
| | Tốt | | | | | | | | | | | |
| **Hội Nông dân** | Xuất sắc | X | X | X | X | X | X | X | X | X | X | - Thông báo số 174-TB/HNDH ngày 09 tháng 11 năm 2023 của Hội Nông dân huyện về kết quả đánh giá đối với các Cụm thi đua thuộc Hội Nông dân huyện năm 2023. |
| | Tốt | | | | | | | | | | | |
| **Hội Cựu chiến binh** | Xuất sắc | | | | X | X | | | | | | - Thông báo số 07/TB-CCB ngày 15 tháng 12 năm 2021 của Hội Cựu chiến binh huyện về kết quả xếp loại thi đua Hội Cựu chiến binh xã - thị trấn năm 2021 |
| | Tốt | X | X | X | | | X | X | X | X | X | |
| **Công đoàn cơ sở** | Xuất sắc | X | | | X | | | | | | | - Thông báo số 05/TB-LĐLĐ ngày 12 tháng 12 năm 2023 của Liên đoàn Lao động huyện về kết quả thi đua của Công đoàn cơ sở xã - thị trấn năm 2023. |
| | Tốt | | X | X | | X | X | X | X | X | X | |

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN HÓC MÔN

**Phụ lục 22**

**TỔNG HỢP CÔNG TÁC TẬP HUẤN NÔNG THÔN MỚI TRÊN ĐỊA BÀN 10 XÃ NÔNG THÔN MỚI NÂNG CAO (TC 16.6)**

| Stt | Đơn vị | Kế hoạch đã ban hành | Đã triển khai theo Kế hoạch |
|---|---|---|---|
| 1 | UBND xã Tân Xuân | Kế hoạch số 39/KH-BQL ngày 31/7/2023 của Ban Quản lý xây dựng Nông thôn mới xã<br>Kế hoạch số 737/KH-UBND ngày 11/4/2024 của Ủy ban nhân dân xã | X |
| 2 | UBND xã Tân Thới Nhì | Kế hoạch số 17/KH-BQL ngày 20/11/2023 của Ban Quản lý xây dựng Nông thôn mới xã<br>Kế hoạch số 05/KH-BQL ngày 20/3/2024 của Ban Quản lý xây dựng Nông thôn mới xã | X |
| 3 | UBND xã Tân Hiệp | Kế hoạch số 40/KH-BQL ngày 31/7/2023 của Ban Quản lý xây dựng Nông thôn mới xã<br>Kế hoạch số 659/KH-UBND ngày 12/4/2024 của Ủy ban nhân dân xã | X |
| 4 | UBND xã Xuân Thới Thượng | Kế hoạch số 3648/KH-BQL ngày 20/12/2023 của Ban Quản lý xây dựng Nông thôn mới xã | X |
| 5 | UBND xã Xuân Thới Sơn | Kế hoạch số 1261/KH-BQL ngày 26/9/2023 của Ủy ban nhân dân xã<br>Kế hoạch số 541/KH-UBND ngày 12/4/2024 của Ủy ban nhân dân xã | X |
| 6 | UBND xã Xuân Thới Đông | Kế hoạch số 02/KH-BQL ngày 13/5/2024 của Ban Quản lý xây dựng Nông thôn mới xã | X |
| 7 | UBND xã Bà Điểm | Kế hoạch số 1255/KH-UBND ngày 22/5/2024 của Ủy ban nhân dân xã | X |
| 8 | UBND xã Đông Thạnh | Kế hoạch số 3379/KH-UBND ngày 18/9/2023 của Ủy ban nhân dân xã | X |
| 9 | UBND xã Thới Tam Thôn | Kế hoạch số 39/KH-BQL ngày 31/7/2023 của Ban Quản lý xây dựng Nông thôn mới xã<br>Kế hoạch số 1031/KH-UBND ngày 06/5/2024 của Ủy ban nhân dân xã | X |
| 10 | UBND xã Nhị Bình | Kế hoạch số 93/KH-BQL ngày 03/10/2023 của Ban Quản lý xây dựng Nông thôn mới xã<br>Kế hoạch số 713/KH-UBND ngày 21/5/2024 của Ủy ban nhân dân xã | X |

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN HÓC MÔN

**Phụ lục 23**

**BẢNG TỔNG HỢP CƠ SỞ SẢN XUẤT, NUÔI TRỒNG THỦY SẢN, LÀNG NGHỀ ĐẢM BẢO QUY ĐỊNH VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA 10 XÃ NÔNG THÔN MỚI NÂNG CAO**

| STT | Đơn vị | Cơ sở sản xuất kinh doanh | | Cơ sở chăn nuôi | | Cơ sở nuôi trồng thủy sản | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Số cơ sở có ĐTM/KHBVMT | Số cơ sở thực hiện quy định về biện pháp xử lý môi trường | Số cơ sở có ĐTM/KHBVMT | Số cơ sở thực hiện quy định về biện pháp xử lý môi trường | Số cơ sở có ĐTM/KHBVMT | Số cơ sở thực hiện quy định về biện pháp xử lý môi trường |
| 1 | Xã Bà Điểm | 48 | 48 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 2 | Xã Đông Thạnh | 65 | 65 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 3 | Xã Thới Tam Thôn | 70 | 70 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 4 | Xã Xuân Thới Thượng | 174 | 174 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 5 | Xã Xuân Thới Đông | 39 | 39 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 6 | Xã Xuân Thới Sơn | 38 | 38 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 7 | Xã Nhị Bình | 193 | 193 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 8 | Xã Tân Xuân | 10 | 10 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 9 | Xã Tân Hiệp | 53 | 53 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 10 | Xã Tân Thới Nhì | 98 | 98 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| **Tổng cộng** | | **788** | **788** | | | | |

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN HÓC MÔN

Phụ lục 24

# BẢNG TỔNG HỢP ĐĂNG KÝ THU GOM CHẤT THẢI RẮN SINH HOẠT CỦA 10 XÃ NÔNG THÔN MỚI NÂNG CAO

| STT | Địa phương | Tổng số (hộ) | Số hộ đăng ký thu gom trực tiếp từ hộ dân (hộ) | Số hộ đăng ký tự xử lý tại nhà đúng quy định (hộ) | | Tổng số hộ đăng ký thu gom rác về KLHXL CTR Tây Bắc - Củ Chi | Tỷ lệ hộ đăng ký thu gom chất thải sinh hoạt được đăng ký thu gom, xử lý đúng quy định (%) | Tổng khối lượng chất thải phát sinh | Số hộ phân loại CTRSH tại nguồn | Tỷ lệ hộ dân phân loại CTRSH tại nguồn (%) |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Tổng số hộ đăng ký xử lý rác hữu cơ tại nhà đúng quy định | Số hộ có đăng ký thu gom chất thải sinh hoạt khác theo dạng tập trung | | | | | |
| 1 | Bà Điểm | 18.595 | 18.595 | - | 0 | - | 100 | 2.231.400 | 13.256 | 71,29 |
| 2 | Đông Thạnh | 19.835 | 19.835 | - | 0 | - | 100 | 2.380.200 | 15.670 | 79,00 |
| 3 | Nhị Bình | 5.366 | 4.737 | 629 | 0 | - | 100 | 568.440 | 4.250 | 79,20 |
| 4 | Tân Hiệp | 7.129 | 7.057 | - | 0 | - | 98,99 | 846.840 | 7.057 | 98,99 |
| 5 | Tân Xuân | 6.663 | 6.663 | - | 0 | - | 100 | 799.560 | 5.652 | 84,83 |
| 6 | Tân Thới Nhì | 5.861 | 5.845 | - | 0 | - | 99,73 | 701.400 | 5.348 | 91,25 |
| 7 | Thới Tam Thôn | 22.333 | 22.333 | - | 0 | - | 100 | 2.679.960 | 18.215 | 81,56 |
| 8 | Xuân Thới Sơn | 9.867 | 9.867 | - | 0 | - | 100 | 1.184.040 | 7.459 | 75,60 |
| 9 | Xuân Thới Đông | 6.428 | 6.428 | - | 0 | - | 100 | 771.360 | 5.153 | 80,16 |
| 10 | Xuân Thới Thượng | 11.030 | 11.030 | - | 0 | - | 100 | 1.323.600 | 7.875 | 71,40 |
| **Tổng số** | | **113.107** | **112.390** | **629** | 0 | - | **99,92** | **13.486.800** | **89.935** | **79,51** |

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN HÓC MÔN

**Phụ lục 25**

**BẢNG TỔNG HỢP HỘ THỰC HIỆN THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI SINH HOẠT TẠI 10 XÃ NÔNG THÔN MỚI NÂNG CAO HUYỆN HÓC MÔN**

| STT | Đơn vị | Tổng số (hộ) | Số hộ tham gia thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt | Tỷ lệ hộ gia đình tham gia thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt (%) |
|---|---|---|---|---|
| 1 | Bà Điểm | 18.595 | 18.595 | 100 |
| 2 | Đông Thạnh | 19.835 | 19.835 | 100 |
| 3 | Nhị Bình | 5.366 | 5.366 | 100 |
| 4 | Tân Hiệp | 7.129 | 7.129 | 100 |
| 5 | Tân Xuân | 6.663 | 6.663 | 100 |
| 6 | Tân Thới Nhì | 5.861 | 5.861 | 100 |
| 7 | Thới Tam Thôn | 22.333 | 22.333 | 100 |
| 8 | Xuân Thới Sơn | 9.867 | 9.867 | 100 |
| 9 | Xuân Thới Đông | 6.428 | 6.428 | 100 |
| 10 | Xuân Thới Thượng | 11.030 | 11.030 | 100 |

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN HÓC MÔN

**Phụ lục 26**

**BẢNG TỔNG HỢP THÔNG TIN CÔNG TÁC PHÂN LOẠI CHẤT THẢI RẮN SINH HOẠT TẠI NGUỒN 10 XÃ NÔNG THÔN MỚI NÂNG CAO HUYỆN HÓC MÔN**

| STT | Địa phương | Tổng số (hộ) | Số hộ đăng ký thu gom trực tiếp (hộ) | Số hộ đăng ký tự xử lý rác hữu cơ tại nhà và đăng ký thu gom CTSH khác dạng tập trung (hộ) | Tỷ lệ (%) | Số hộ thực hiện PLTN (hộ) | Tỷ lệ PLTN (%) | Tổng khối lượng chất thải phát sinh (kg/ngày) |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Bà Điểm | 18595 | 18595 | - | 100,00% | 13.256 | 71,29% | 2.231.400 |
| 2 | Đông Thạnh | 19835 | 19835 | - | 100,00% | 15.670 | 79,00% | 2.380.200 |
| 3 | Nhị Bình | 5366 | 4737 | 629 | 100,00% | 4.250 | 79,20% | 568.440 |
| 4 | Tân Hiệp | 7129 | 7057 | - | 98,99% | 7.057 | 98,99% | 846.840 |
| 5 | Tân Xuân | 6663 | 6663 | - | 100,00% | 5.652 | 84,83% | 799.560 |
| 6 | Tân Thới Nhì | 5861 | 5845 | - | 99,73% | 5.348 | 91,25% | 701.400 |
| 7 | Thới Tam Thôn | 22333 | 22333 | - | 100,00% | 18.215 | 81,56% | 2.679.960 |
| 8 | Xuân Thới Sơn | 9867 | 9867 | - | 100,00% | 7.459 | 75,60% | 1.184.040 |
| 9 | Xuân Thới Đông | 6428 | 6428 | - | 100,00% | 5.153 | 80,16% | 771.360 |
| 10 | Xuân Thới Thượng | 11030 | 11030 | - | 100,00% | 7.875 | 71,40% | 1.323.600 |
| **Tổng số** | | **113107** | **112390** | **629** | **99,37%** | **89.935** | **79,51%** | **13.486.800** |

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN HÓC MÔN

# Phụ lục 27

## BẢNG TỔNG HỢP CÁC ĐƠN VỊ THU GOM VÀ VẬN CHUYỂN CHẤT THẢI SINH HOẠT TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN HÓC MÔN

| STT | Tên đơn vị | Địa bàn phụ trách | Địa chỉ | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|
| 1 | Liên Hiệp Hợp Tác Xã TM – DV Hóc Môn | thị trấn Hóc Môn, xã Trung Chánh, xã Tân Thới Nhì, xã Thới Tam Thôn, xã Xuân Thới Thượng, xã Xuân Thới Sơn, xã Tân Hiệp | 18/1A, ấp 2, xã Xuân Thới Thượng, H.Hóc Môn | |
| 2 | HTX TM DV NN Bảo Tín | xã Tân Xuân | 33/6M ấp Chánh 2, xã Tân Xuân, Hóc Môn | |
| 3 | HTX TM-DV-NN Vân Dương | - | 24/5 Huỳnh Thị Mài, Thới Tây 1, xã Tân Hiệp | |
| 4 | HTX TM DV NN MT Thanh Niên | - | 42/5K ấp Chánh 2, xã Tân Xuân, huyện Hóc Môn | |
| 5 | Công ty TNHH Hội thu gom rác dân lập TP.HCM | xã Tân Hiệp, xã Thới Tam Thôn | 6/9N Tân Hiệp 14, xã Tân Hiệp, huyện Hóc Môn. | |
| 6 | DNTN Võ Thành Phương | xã Thới Tam Thôn, xã Đông Thạnh | 88/2B Lê Lợi, Thị Trấn Hóc Môn, Huyện Hóc Môn | |
| 7 | Cty TNHH TM DV Nguyễn Đây | xã Xuân Thới Đông | - | |
| 8 | Cty TNHH MTV Thu gom rác Trung Bình | xã Xuân Thới Đông | - | |
| 9 | Công ty TNHH Dịch vụ công ích Hiệp Huy | xã Đông Thạnh | 106/5C Nguyễn Thị Thành, Ấp Tam Đông 3, Xã Thới Tam Thôn, Huyện Hóc Môn | |
| 10 | Công ty TNHH Dịch vụ công ích Đông Thạnh | xã Đông Thạnh | 1/12 Đông Thạnh 6, Ấp 5, Xã Đông Thạnh, Huyện Hóc Môn | |
| 11 | Công ty TNHH Thu gom rác Bình An | xã Đông Thạnh | 81/3X Phạm Thị Giây, xã Thới Tam Thôn, Hóc Môn | |
| 12 | Công ty TNHH Dịch vụ công ích Đại Nghĩa | xã Đông Thạnh | 237/10/5 đường Tân Thới Hiệp 22, Phường Tân Thới Hiệp, Quận 12 | |
| 13 | Công ty TNHH Thu gom rác Phạm Minh Vững | xã Đông Thạnh | 361/106A Nguyễn Thị Pha, ấp 6, xã Đông Thạnh, huyện Hóc Môn | |
| 14 | Công ty TNHH Thu gom và Vận chuyển Rác Cao Thiên | xã Tân Hiệp | 103/4 Khu phố 7, Phường Hiệp Thành, Quận 12 | |
| 15 | Công Ty Tnhh Dịch Vụ Môi Trường Chiến Thắng | xã Bà Điểm | 37/5 ấp Xuân Thới Đông 2, Xã Xuân Thới Đông, HM | |
| 16 | Công Ty Tnhh Dịch Vụ Môi Trường Bà Điểm Xanh | xã Bà Điểm | 122/3 ấp Tây Lân, Xã Bà Điểm, Huyện Hóc Môn, TPHCM | |
| 17 | Công Ty Tnhh Dịch Vụ Môi Trường Đại Cát | xã Bà Điểm | 38/2A, ấp Chánh 2, xã Tân Xuân, Hóc Môn | |
| 18 | Công Ty Tnhh Dịch Vụ Môi Trường Đoàn Kết | xã Bà Điểm | 60/52, ấp 7, xã Xuân Thới Thượng, Hóc Môn | |
| 19 | Công Ty Tnhh Dịch Vụ Môi Trường Quyết Tâm | xã Bà Điểm | 62/5, khu phố 4, P. Tân Chánh Hiệp, Q12 | |
| 20 | Công Ty Tnhh Dịch Vụ Môi Trường xanh Mong Đợi | xã Bà Điểm | - | |
| 21 | Công Ty Tnhh Dịch Vụ Thu Gom Rác Thải Hà Thanh Tài | xã Bà Điểm | 131A, đường TTN08, Phường Tân Thới Nhất, Q12 | |
| 22 | Công Ty Tnhh Mtv Môi Trường Linh Châu | xã Bà Điểm | 24A, ấp 1, xã Xuân Thới Thượng, Hóc Môn | |

| STT | Tên đơn vị | Địa bàn phụ trách | Địa chỉ | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|
| 23 | Công ty TNHH sản xuất dịch vụ môi trường Hoàn Mỹ | xã Bà Điểm | 52/5A, ấp Nam Lân, xã Bà Điểm, huyện Hóc Môn | |
| 24 | Công ty TNHH thu gom rác Thanh Ngân | xã Bà Điểm | 525/36/1A, Quang Trung, Phường 10, quận Gò Vấp, HCM | |
| 25 | Công Ty Tnhh Xử Lý Môi Trường Hoàng Anh | xã Bà Điểm | 2/9D, đường Bà Điểm 4, ấp Tiền Lân, xã Bà Điểm, huyện Hóc Môn | |
| 26 | DNTN Thu Gom Rác Thuận Phát | xã Bà Điểm | 55/2 ấp Nam Lân, xã Bà Điểm, huyện Hóc Môn | |
| 27 | DNTN Thu Gom Rác Trương Định | xã Bà Điểm | 40/6F, ấp 2, xã Xuân Thới Thượng, Hóc Môn | |
| 28 | Bà Võ Thị Trúc Ly | xã Thới Tam Thôn | - | |
| 29 | Bà Nguyễn Thị Thanh | xã Thới Tam Thôn | - | |
| 30 | Ông Nguyễn Hữu Hiền | xã Thới Tam Thôn | - | |
| 31 | Bà Nguyễn Thị Thanh Nghĩa | xã Thới Tam Thôn | - | |
| 32 | Ông Nguyễn Hữu Tài | xã Thới Tam Thôn | - | |
| 33 | Ông Bùi Sĩ Nghĩa | xã Thới Tam Thôn | - | |
| 34 | Ông Lưu Văn Lống | xã Thới Tam Thôn | - | |
| 35 | Bà Phan Thị Nghĩa | xã Thới Tam Thôn | - | |
| 36 | Bà Nguyễn Thị Như Hiền | xã Thới Tam Thôn | - | |
| 37 | Bà Nguyễn Thị Luyến | xã Thới Tam Thôn | - | |
| 38 | Ông Phan Văn Đinh | xã Thới Tam Thôn | - | |
| 39 | Ông Trịnh Thiên Hỏ | xã Thới Tam Thôn | - | |
| 40 | Bà Lý Hồng Trang | xã Thới Tam Thôn | - | |
| 41 | Bà Bùi Thị Hiếu | xã Thới Tam Thôn | - | |
| 42 | Bà Kim Thanh Loan | xã Thới Tam Thôn | - | |
| 43 | Ông Huỳnh Ái Cập | xã Thới Tam Thôn | - | |
| 44 | Ông Huỳnh Anh Tuấn | xã Thới Tam Thôn | - | |
| 45 | Ông Nguyễn Xuân Phong Lữ | xã Thới Tam Thôn | - | |
| 46 | Ông Nguyễn Văn Lưu | xã Thới Tam Thôn | - | |
| 47 | Bà Nguyễn Thị Trinh | xã Thới Tam Thôn | - | |
| 48 | Ông Phạm Chí Linh | xã Thới Tam Thôn | - | |
| 49 | Ông Nguyễn Ngọc Thương | xã Thới Tam Thôn | - | |
| 50 | Ông Nguyễn Thành Lâm | xã Thới Tam Thôn | - | |
| 51 | Ông Trà Minh Đức | xã Thới Tam Thôn | - | |
| 52 | Bà Nguyễn Thị Hoa | xã Thới Tam Thôn | - | |

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN HÓC MÔN

**Phụ lục 28**

**TỔNG HỢP SỐ LƯỢNG CƠ SỞ CHĂN NUÔI TẠI 10 XÃ NÔNG THÔN MỚI NÂNG CAO TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN HÓC MÔN**

| STT | Xã | Tổng cơ sở chăn nuôi quy mô trang trại (cơ sở) | SL trang trại đạt chuẩn (cơ sở) | Tỷ lệ trang trại đạt chuẩn (%) | Tổng cơ sở CN nông hộ (cơ sở) | SL nông hộ đạt chuẩn (cơ sở) | Tỷ lệ nông hộ đạt chuẩn (%) | Tỷ lệ cơ sở đạt chuẩn (%) |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | BÀ ĐIỂM | 5 | 5 | 100 | 48 | 48 | 100 | 100 |
| 2 | ĐÔNG THẠNH | 41 | 41 | 100 | 99 | 99 | 100 | 100 |
| 3 | NHỊ BÌNH | 28 | 28 | 100 | 49 | 49 | 100 | 100 |
| 4 | TÂN HIỆP | 9 | 9 | 100 | 46 | 46 | 100 | 100 |
| 5 | TÂN THỚI NHÌ | 12 | 12 | 100 | 45 | 45 | 100 | 100 |
| 6 | TÂN XUÂN | 17 | 17 | 100 | 26 | 26 | 100 | 100 |
| 7 | THỚI TAM THÔN | 21 | 21 | 100 | 49 | 49 | 100 | 100 |
| 8 | XUÂN THỚI ĐÔNG | 10 | 10 | 100 | 13 | 13 | 100 | 100 |
| 9 | XUÂN THỚI SƠN | 16 | 16 | 100 | 92 | 92 | 100 | 100 |
| 10 | XUÂN THỚI THƯỢNG | 56 | 56 | 100 | 152 | 152 | 100 | 100 |
| | **TỔNG CỘNG** | **215** | **215** | **100** | **619** | **619** | **100** | **100** |

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN HÓC MÔN

**Phụ lục 29**

**BẢNG TỔNG HỢP CÁC TRƯỜNG HỢP SỬ DỤNG HÌNH THỨC HỎA TÁNG TẠI 10 XÃ NÔNG THÔN MỚI NÂNG CAO TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN HÓC MÔN**

| STT | Đơn vị | Tổng số người mất | Số người sử dụng hình thức hỏa táng | Tỷ lệ sử dụng hình thức hỏa táng *(%)* | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Xã Bà Điểm | 1161 | 596 | 51,3 | |
| 2 | Xã Đông Thạnh | 721 | 133 | 18,45 | |
| 3 | Xã Thới Tam Thôn | 529 | 109 | 20,6 | |
| 4 | Xã Xuân Thới Thượng | 592 | 156 | 26,35 | |
| 5 | Xã Xuân Thới Đông | 543 | 157 | 28,9 | |
| 6 | Xã Xuân Thới Sơn | 401 | 131 | 32,67 | |
| 7 | Xã Nhị Bình | 258 | 108 | 41,86 | |
| 8 | Xã Tân Xuân | 379 | 125 | 32,98 | |
| 9 | Xã Tân Hiệp | 570 | 171 | 30 | |
| 10 | Xã Tân Thới Nhì | 225 | 89 | 39,56 | |
| **Tổng cộng** | | **5379** | **1775** | **33,00** | |

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN HÓC MÔN

**Phụ lục 30**

**BẢNG TỔNG HỢP CHẤT THẢI NGUY HẠI TỪ CÁC CƠ SỞ SẢN XUẤT KINH DOANH, CHĂN NUÔI (NGOÀI CỤM CÔNG NGHIỆP) 10 XÃ NÔNG THÔN MỚI NÂNG CAO HUYỆN HÓC MÔN**

| STT | Tên - Dự án | Địa chỉ | Ngành nghề | Chất thải nguy hại phát sinh (kg/năm) | Khối lượng chất thải nguy hại đã được xử lý (kg/năm) | Tỷ lệ chất thải được thu gom, xử lý | Phương pháp xử lý | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| I | **Xã Bà Điểm** | | | | | | | |
| 1 | Công Ty Tnhh Mtv Sx Tm Xnk Trâm Anh | 1/4 Bắc Lân, Bà Điểm, Hóc Môn, TPHCM | Dệt may | 36 | 36 | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Cơ sở sản xuất kinh doanh |
| 2 | Công Ty Tnhh Thương Mại Dịch Vụ Quỳnh Thanh Ngọc | Số 1/4C Đường Nguyễn Thị Sóc, Ấp Bắc Lân, Xã Bà Điểm | Bán buôn kim loại và quặng kim loại | 10 | 10 | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Cơ sở sản xuất kinh doanh |
| 3 | CÔNG TY TNHH MAY CN BÌNH MINH | 1/8 BẮC LÂN, XÃ BÀ ĐIỂM, HUYỆN HÓC MÔN | MAY BALO, TÚI XÁCH | 60 | 60 | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Cơ sở sản xuất kinh doanh |
| 4 | Doanh Nghiệp Tn Kinh Doanh Vàng Và Cầm Đồ Kim Hào | 3/5A Ấp Trung Lân, Xã Bà Điểm | Bán buôn kim loại và quặng kim loại | 60 | 60 | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Cơ sở sản xuất kinh doanh |
| 5 | Công Ty Cổ Phần Thực Phẩm Dinh Dưỡng Đất Việt | 49/6 đường Tây Bắc Lân, ấp Bắc Lân, Bà Điểm, Hóc Môn | Bán buôn thực phẩm | 12 | 12 | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Cơ sở sản xuất kinh doanh |
| 6 | Công Ty Tnhh Thành Công Foods | 5/4 D đường Nguyễn Thị Sóc, xã Bà Điểm, TP. HCM | Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh | 20 | 20 | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Cơ sở sản xuất kinh doanh |
| 7 | CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT HÚT ẨM GIA PHÁT | 1/21A ẤP TIỀN LÂN, XÃ BÀ ĐIỂM, HUYỆN HÓC MÔN | KHÁC | 10 | 10 | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Cơ sở sản xuất kinh doanh |
| 8 | XƯỞNG CÔNG TY MINH HƯNG M&C | 77 ĐƯỜNG TK2, ẤP TIỀN LÂN, XÃ BÀ ĐIỂM | CƠ KHÍ | 36 | 36 | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Cơ sở sản xuất kinh doanh |
| 9 | CÔNG TY TNHH BAO BÌ THÚY SẢN | T326 ĐƯỜNG TIỀN LÂN 12E, ẤP TIỀN LÂN 1, XÃ BÀ ĐIỂM | SẢN XUẤT BAO BÌ GIẤY | 12 | 12 | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Cơ sở sản xuất kinh doanh |
| 10 | Cty Tnhh May Thiện Mỹ | 35/03 M ấp Đông Lân, Bà Điểm, Hóc Môn | Sản xuất khác chưa được phân vào đâu | 20 | 20 | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Cơ sở sản xuất kinh doanh |
| 11 | CÔNG TY TNHH THIÊN AN NAM | 60/11 K QUỐC LỘ 1A, ẤP TIỀN LÂN, XÃ BÀ ĐIỂM, HUYỆN HÓC MÔN | BAO BÌ GIẤY, GIẤY CÁC LOẠI | 36 | 36 | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Cơ sở sản xuất kinh doanh |
| 12 | CƠ SỞ THẢO (LIỄN THẢO) | 61/9 ẤP TIỀN LÂN, XÃ BÀ ĐIỂM, HUYỆN HÓC MÔN | WASH, GIẶT TẨY | 20 | 20 | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Cơ sở sản xuất kinh doanh |
| 13 | Công Ty Tnhh Binhminhglass | 6/1 đường bà Điểm 9, Ấp Đông Lân 1, Bà Điểm, Hóc Môn | Sản xuất thuỷ tinh và sản phẩm từ thuỷ tinh | 60 | 60 | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Cơ sở sản xuất kinh doanh |
| 14 | CÔNG TY TNHH MTV TM VÀ SX HÀNG GIA DỤNG INOX MI MI | 38/4 ẤP BẮC LÂN, XÃ BÀ ĐIỂM, HUYỆN HÓC MÔN | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu | 36 | 36 | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Cơ sở sản xuất kinh doanh |
| 15 | Công Ty Tnhh Thép Khai Minh Đạt | 37/8E, ấp Hậu Lân, TPHCM | Bán buôn kim loại và quặng kim loại | 40 | 40 | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Cơ sở sản xuất kinh doanh |
| 16 | Công Ty Cổ Phần Vật Liệu Xây Dựng Tài Phong | 43/4V Ấp Hậu Lân, Xã Bà Điểm, Việt Nam | Bán buôn kim loại và quặng kim loại | 50 | 50 | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Cơ sở sản xuất kinh doanh |
| 17 | CÔNG TY TNHH PCCC AN TOÀN PHÁT | 31/2 ĐƯỜNG TÂY LÂN 2, ẤP TÂY LÂN, XÃ BÀ ĐIỂM | CƠ KHÍ | 36 | 36 | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Cơ sở sản xuất kinh doanh |
| 18 | CN CÔNG TY 3S | ĐƯỜNG SỐ 6, ẤP TIỀN LÂN, XÃ BÀ ĐIỂM | CHẾ BIẾN THỰC PHẨM | 10 | 10 | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Cơ sở sản xuất kinh doanh |
| 19 | CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH XĂNG DẦU QUANG TRUNG | 43/12 ấp Tiền Lân | Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan | 26 | 26 | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Cơ sở sản xuất kinh doanh |
| 20 | Công Ty Tnhh Thép Phú Thành | 38/7 H Hậu Lân, Bà Điểm, Hóc Môn, TP. HCM | Sản xuất sắt, thép, gang | 39 | 39 | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Cơ sở sản xuất kinh doanh |
| 21 | Công Ty Tnhh Tôn Thép Trường Thành | 42/8 Quốc lộ 22, Ấp Hưng Lân, Xã Bà Điểm | Bán buôn kim loại và quặng kim loại | 50 | 50 | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Cơ sở sản xuất kinh doanh |
| 22 | Chi Nhánh Cty Tnhh May Thêu Giày An Phước | 2/7G Nguyễn Thị Sóc, Bà Điểm, Hóc Môn | Sản xuất khác chưa được phân vào đâu | 40 | 40 | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Cơ sở sản xuất kinh doanh |

| | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 23 | Công Ty Tnhh Sắt Thép Đông An | 35/4L Đường Phan Hớn, Ấp Nam Lân, Xã Bà Điểm | Bán buôn kim loại và quặng kim loại | 26 | 26 | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Cơ sở sản xuất kinh doanh |
| 24 | Công Ty Tnhh May Thái An | 50/1F ẤP NAM LÂN , XÃ BÀ ĐIỂM | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu | 12 | 12 | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Cơ sở sản xuất kinh doanh |
| 25 | Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn S.T.J | 54/2A - 54/2C Nam Lân, Xã Bà Điểm | Sản xuất khác chưa được phân vào đâu | 12 | 12 | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Cơ sở sản xuất kinh doanh |
| 26 | Dntn Tm Dv Sx Hồng Mộc | 59/2a Nam Lân, Bà Điểm, Hóc Môn | Sản xuất khác chưa được phân vào đâu | 36 | 36 | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Cơ sở sản xuất kinh doanh |
| 27 | Công Ty Cổ Phần Xuất Nhập Khẩu Bắc Nam Phương | 60/4N Ấp Nam Lân, Xã Bà Điểm. | Bán buôn kim loại và quặng kim loại | 28 | 28 | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Cơ sở sản xuất kinh doanh |
| 28 | Công Ty Tnhh May Minh Châu | 61/3A Ấp Nam Lân,Xã Bà Điểm,Huyện Hóc Môn,TP.Hồ Chí Minh | May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú) | 60 | 60 | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Cơ sở sản xuất kinh doanh |
| 29 | CÔNG TY TNHH MTV TAKSON VIỆT NAM | 43/2F PHAN VĂN ĐỐI, XÃ BÀ ĐIỂM | DỆT, MAY, THÊU, ĐAN | 60 | 60 | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Cơ sở sản xuất kinh doanh |
| 30 | CÔNG TY TNHH HIỀN VINH | 54/2 QUỐC LỘ 1A, ẤP NAM LÂN, XÃ BÀ ĐIỂM | GIA CÔNG THÉP | 36 | 36 | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Cơ sở sản xuất kinh doanh |
| 31 | Công Ty Tnhh Thương Mại - Sản Xuất Giầy Nghi Long | 01/03 ấp Tiền Lân, Bà Điểm, Hóc Môn | Sản xuất giày dép | 26 | 26 | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Cơ sở sản xuất kinh doanh |
| 32 | Công Ty Tnhh Hua Sheng | 09A Đường Kinh Tiêu Bà Điểm 1, Tổ 12, Ấp Tiền Lân , Xã Bà Điểm, Việt Nam | Sản xuất sản phẩm từ plastic | 30 | 30 | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Cơ sở sản xuất kinh doanh |
| 33 | Công Ty Tnhh Vh Việt Nam | 1/6 Tiền Lân, Bà Điểm, Hóc Môn, TPHCM | Sản xuất sợi nhân tạo | 46 | 46 | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Cơ sở sản xuất kinh doanh |
| 34 | Công Ty Cổ Phần In Và Tm Hoàng Lộc | 112/8 ấp Tây Lân, Bà Điểm, Hóc Môn | Sản xuất khác chưa được phân vào đâu | 12 | 12 | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Cơ sở sản xuất kinh doanh |
| 35 | Công Ty Cổ Phần Quốc Tế Hak | 17 Nguyễn Anh Thủ, ấp Tiền Lân, Bà Điểm, Hóc Môn | Bán buôn kim loại và quặng kim loại | 12 | 12 | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Cơ sở sản xuất kinh doanh |
| 36 | Công Ty Tnhh Thép Vinh | 2/7P Tiền Lân, Bà Điểm, Hóc Môn | Bán buôn kim loại và quặng kim loại | 26 | 26 | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Cơ sở sản xuất kinh doanh |
| 37 | Cn Cty Cổ Phần Tiền Đồng - Nm Bia Vinaken | 32/21 Tiền Lân, Bà Điểm, Hóc Môn | Sản xuất khác chưa được phân vào đâu | 36 | 36 | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Cơ sở sản xuất kinh doanh |
| 38 | Công Ty Tnhh Inox Lâm Phát | 32/24S Ấp Tiền Lân, xã Bà Điểm | Bán buôn kim loại và quặng kim loại | 36 | 36 | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Cơ sở sản xuất kinh doanh |
| 39 | Công Ty Tnhh Nhựa Phát Tài | 37 Tiền Lân, Xã Bà Điểm. | Tái chế phế liệu | 60 | 60 | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Cơ sở sản xuất kinh doanh |
| 40 | CÔNG TY TNHH EUN-SUN VINA EMBRODERY | 59/13Z ĐƯỜNG TIỀN LÂN 13A, ẤP TIỀN LÂN 1, XÃ BÀ ĐIỂM | THÊU VI TÍNH | 10 | 10 | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Cơ sở sản xuất kinh doanh |
| 41 | CN CÔNG TY CP TM THIẾT BỊ Y TẾ VĨNH PHÚC | 43/13F, ĐƯỜNG TIỀN LÂN 14, ẤP TIỀN LÂN 1, XÃ BÀ ĐIỂM | SẢN XUẤT NƯỚC MUỐI | 20 | 20 | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Cơ sở sản xuất kinh doanh |
| 42 | Công Ty Tnhh Thương Mại Vy Nam | 55/8D Ấp Hậu Lân, Xã Bà Điểm | Bán buôn kim loại và quặng kim loại | 36 | 36 | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Cơ sở sản xuất kinh doanh |
| 43 | Cty Cp C.Nghệ Thực Phẩm Thái Bình Dương | 58/1F Tiền Lân, Bà Điểm, HM | Sản xuất khác chưa được phân vào đâu | 12 | 12 | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Cơ sở sản xuất kinh doanh |
| 44 | CÔNG TY TNHH SX TM DV PHƯƠNG ANH | 59/30 TIỀN LÂN 13G, ẤP TIỀN LÂN 1, XÃ BÀ ĐIỂM | WASH, GIẶT TẨY | 26 | 26 | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Cơ sở sản xuất kinh doanh |
| 45 | CÔNG TY CP TM THIẾT BỊ Y TẾ VĨNH PHÚC - NHÀ XƯỞNG SX NƯỚC MUỐI SINH LÝ | 59/13E-F-H ẤP TIỀN LÂN 1 | SẢN XUẤT NƯỚC MUỐI | 26 | 26 | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Cơ sở sản xuất kinh doanh |
| 46 | Công Ty Tnhh Sản Xuất Thương Mại Khang Kiệt | 81A Đường Tiền Lân 9, Ấp Tiền Lân, Xã Bà Điểm | Bán buôn kim loại và quặng kim loại | 12 | 12 | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Cơ sở sản xuất kinh doanh |
| 47 | Công Ty Tnhh Thương Mại Sản Xuất Dịch Vụ Tinami | F48, đường TK14, Ấp Tiền Lân, Xã Bà Điểm | Sản xuất giày, dép | 36 | 36 | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Cơ sở sản xuất kinh doanh |
| 48 | Hộ Kinh Doanh Phòng Khám Thú Y Pima | 14/6 PHAN VĂN HỚN, ẤP TIỀN LÂN | Sản xuất khác chưa được phân vào đâu | 12 | 12 | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Cơ sở sản xuất kinh doanh |
| 49 | CÔNG TY TNHH MTV DỊCH VỤ CÔNG ÍCH HÓC MÔN - TTC BÀ ĐIỂM | 1/5R ĐƯỜNG BÀ ĐIỂM 4, ẤP TIỀN LÂN, XÃ BÀ ĐIỂM | TRẠM TTC RÁC | 100 | 100 | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Cơ sở sản xuất kinh doanh |
| 50 | Công Ty Tnhh Đầu Tư Sx - Xnk Quốc Tế 24/7 | 43/11 Đường Phan Văn Đối, Xã Bà Điểm | Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa, chỉnh hình và phục hồi chức năng | 26 | 26 | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Cơ sở sản xuất kinh doanh |

| | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 51 | Công Ty Tnhh Sx Tm Hữu Lập | 43/9a Phan Văn Đối, Tiền Lân, Bà Điểm, Hóc Môn | Sản xuất khác chưa được phân vào đâu | 25 | 25 | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Cơ sở sản xuất kinh doanh |
| 52 | Công Ty Tnhh Sản Xuất Thương Mại Thép Sài Gòn | 43/9B Phan Văn Đối, ấp Tiền Lân, xã Bà Điểm | Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh | 12 | 12 | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Cơ sở sản xuất kinh doanh |
| 53 | Công Ty Tnhh Phòng Khám Đa Khoa Bà Điểm | 49/1 ấp Tiền Lân, xã Bà Điểm | Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa | 26 | 26 | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Cơ sở sản xuất kinh doanh |
| 54 | Công Ty Tnhh May Mặc Xnk Machiko | 56/1 Phan Văn Hớn, Ấp Tiền Lân 1, Xã Bà Điểm | Sản xuất khác chưa được phân vào đâu | 30 | 30 | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Cơ sở sản xuất kinh doanh |
| 55 | Công Ty Cổ Phần Koka Outdoor | 56/1C ẤP TIỀN LÂN | Sản xuất vali, túi xách và các loại tương tự, sản xuất yên đệm | 30 | 30 | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Cơ sở sản xuất kinh doanh |
| 56 | Công Ty Tnhh May Mặc Xnk Hnk | 58/10G Ấp Tiền Lân, TP. HCM | Sản xuất khác chưa được phân vào đâu | 36 | 36 | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Cơ sở sản xuất kinh doanh |
| 57 | Cty Tnhh Bao Bì Thịnh Hưng | 58/1E ấp Tiền Lân, Bà Điểm, Hóc Môn | Sản xuất khác chưa được phân vào đâu | 18 | 18 | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Cơ sở sản xuất kinh doanh |
| 58 | Công Ty Tnhh Nhật Trung Nam | 59/23A Tiền Lân 1, Bà Điểm, Hóc Môn | Giặt là, làm sạch các sản phẩm dệt và lông thú | 20 | 20 | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Cơ sở sản xuất kinh doanh |
| 59 | Công Ty Tnhh Mùa Brewing | 62/1 ĐƯỜNG 13D, ẤP TIỀN LÂN 1 | Chưng, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh | 30 | 30 | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Cơ sở sản xuất kinh doanh |
| 60 | CÔNG TY TNHH PCCC VƯƠNG PHÁT | 816 ĐƯỜNG BÀ ĐIỂM 4, ẤP TIỀN LÂN | CƠ KHÍ | 12 | 12 | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Cơ sở sản xuất kinh doanh |
| 61 | Công Ty Tnhh Sơn Duyên Hải | 38/2F Ấp Trung Lân, Xã Bà Điểm | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng | 12 | 12 | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Cơ sở sản xuất kinh doanh |
| 62 | Công Ty Tnhh Tm Dv Huy Đạt | 43/7 Ấp Trung Lân, Xã Bà Điểm | Sản xuất khác chưa được phân vào đâu | 30 | 30 | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Cơ sở sản xuất kinh doanh |
| 63 | Công Ty Tnhh Thương Mại Xuất Nhập Khẩu Ngân Hải | 63/1H Ấp Trung Lân, Xã Bà Điểm | Bán buôn kim loại và quặng kim loại | 30 | 30 | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Cơ sở sản xuất kinh doanh |
| 64 | Nhà máy Công ty CPTM Aqua Stone | Lô A85/I-A86/I đường số 8, KCN Vĩnh Lộc | Sản xuất tủ, bàn ghế từ kim loại | 26 | 26 | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Cơ sở sản xuất kinh doanh |
| **II** | **Xã Đông Thạnh** | | | | | | | |
| 65 | Chi nhánh công ty TNHH thương mại Tân Hoàng Gia - xưởng sản xuất 2 | | Sản xuất đồ gỗ gia dụng | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Cơ sở sản xuất kinh doanh |
| 66 | Công ty TNHH MTV SX TM và DV Hoàng Tuấn Khoa | | Sản xuất thạch dừa | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Cơ sở sản xuất kinh doanh |
| 67 | Chi nhánh công ty TNHH thương mại Tân Nhất Hương | | Sản xuất kem trang trí | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Cơ sở sản xuất kinh doanh |
| 68 | Công ty TNHH TM DV Hồng Phát | | Sản xuất sản phẩm cơ khí | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Cơ sở sản xuất kinh doanh |
| 69 | Công ty TNHH sản xuất thương mại dịch vụ Lá Đỏ | | Pha chế sơn | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Cơ sở sản xuất kinh doanh |
| 70 | Hộ kinh doanh Tuấn Trang | | Sản xuất cà phê | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Cơ sở sản xuất kinh doanh |
| 71 | Chi nhánh số 3 công ty TNHH nội thất Đức Khanh | | Sản xuất cầu thang bằng inox | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Cơ sở sản xuất kinh doanh |
| 72 | Chi nhánh công ty TNHH Vương Kim Hương | | Sản xuất nước đá | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Cơ sở sản xuất kinh doanh |
| 73 | Xưởng sơn gia công Thành Đạt | | Sơn gia công đồ gỗ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Cơ sở sản xuất kinh doanh |
| 74 | Công ty TNHH MTV In ấn Toàn Ý | | In trên sản phẩm vải | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Cơ sở sản xuất kinh doanh |
| 75 | Công ty TNHH Thương mại - Dịch vụ - Xuất nhập khẩu An Lực | | Sản xuất chế phẩm sinh học | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Cơ sở sản xuất kinh doanh |
| 76 | hộ kinh doanh in và may Gia Nghi VB | | In trên sản phẩm vải | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Cơ sở sản xuất kinh doanh |
| 77 | CN Công ty TNHH Phương Nguyên | | Sản xuất đồ gỗ gia dụng | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Cơ sở sản xuất kinh doanh |
| 78 | Chi nhánh 2 - công ty TNHH sản xuất thương mại dịch vụ sao đông phương | | Sản xuất bao bì các loại | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Cơ sở sản xuất kinh doanh |

| | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 79 | Chi nhánh công ty TNHH MTV HAPPY LAND FURNITURE | | Sản xuất đồ gỗ gia dụng | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Cơ sở sản xuất kinh doanh |
| 80 | Công ty TNHH VIVA VIVA chi nhánh 1 | | May trang phục | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Cơ sở sản xuất kinh doanh |
| 81 | Công ty TNHH Huy Phát | | Sản xuất cấu kiện kim loại | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Cơ sở sản xuất kinh doanh |
| 82 | Công ty TNHH thời trang HANA Việt Nam | | Sản xuất đồ gỗ gia dụng | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Cơ sở sản xuất kinh doanh |
| 83 | Công ty TNHH dệt Đông Thiên | | Dệt vải | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Cơ sở sản xuất kinh doanh |
| 84 | Công ty TNHH SX-TM & DV Phương Đông - xưởng SX Phương Đông | | Sản xuất mì gói | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Cơ sở sản xuất kinh doanh |
| 85 | Công ty TNHH SX TM Ngọc Hoàng Gia | | Sản xuất ghế nệm | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Cơ sở sản xuất kinh doanh |
| 86 | DNTN kinh doanh vàng Kim Hoanh | | Kinh doanh vàng, nữ trang vàng | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Cơ sở sản xuất kinh doanh |
| 87 | HKD Quán ăn Hà Nam | | Dịch vụ ăn uống | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Cơ sở sản xuất kinh doanh |
| 88 | Công ty TNHH Tiến Phước | | Khám chữa bệnh | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Cơ sở sản xuất kinh doanh |
| 89 | Trường Mầm non tư thục Bồ Câu Trắng | | Giáo dục mầm non | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Cơ sở sản xuất kinh doanh |
| 90 | Trường Mầm non tư thục Hòa Bình | | Giáo dục mầm non | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Cơ sở sản xuất kinh doanh |
| 91 | Công ty TNHH Sản xuất - Thương mại Đăng Quang | | Sản xuất hóa mỹ phẩm | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Cơ sở sản xuất kinh doanh |
| 92 | Cơ sở Chao Phúc Bình | | Sản xuất chao | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Cơ sở sản xuất kinh doanh |
| 93 | Công ty TNHH Một Thành Viên Sản xuất và Thương mại Vĩnh Phú | | Sản xuất đồ chơi | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Cơ sở sản xuất kinh doanh |
| 94 | Cơ sở Phạm Trần Trung | | kinh doanh vật liệu xây dựng | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Cơ sở sản xuất kinh doanh |
| 95 | Cửa hàng thực phẩm Coop Food | | Buôn bán tạp hóa | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Cơ sở sản xuất kinh doanh |
| 96 | Công ty TNHH ván ép VN | | Sản xuất ván ép | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Cơ sở sản xuất kinh doanh |
| 97 | Công ty CP PKĐK Hiệp Thành | | Khám chữa bệnh | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Cơ sở sản xuất kinh doanh |
| 98 | HKD quán dê tươi Thắng Mập | | Dịch vụ ăn uống | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Cơ sở sản xuất kinh doanh |
| 99 | HKD Nhất Lộ Gia | | Tái chế phế liệu | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Cơ sở sản xuất kinh doanh |
| 100 | Công ty TNHH Minh Lâm | | Sản xuất hạt điều | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Cơ sở sản xuất kinh doanh |
| 101 | Công ty TNHH SX TM DV Minh Tâm | | Sản xuất cửa cuốn | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Cơ sở sản xuất kinh doanh |
| 102 | Công ty TNHH TM SX Việt Lê | | Sản xuất bánh mì ngọt | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Cơ sở sản xuất kinh doanh |
| 103 | Công ty CP dược thú y Minh Long | | Sản xuất thức ăn gia súc | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Cơ sở sản xuất kinh doanh |
| 104 | Công ty TNHH MTV Miền Đất Phúc VN | | Sản xuất các loại bánh từ bột | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Cơ sở sản xuất kinh doanh |
| 105 | Cn Công ty TNHH SX & TM mô hình Hải Âu | | Sản xuất mô hình đồ chơi | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Cơ sở sản xuất kinh doanh |
| 106 | DNTN Kinh doanh vàng Kim Việt | | Kinh doanh vàng, nữ trang vàng | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Cơ sở sản xuất kinh doanh |
| 107 | Công ty TNHH MTV Đại Nguyên Phát Triển | | kinh doanh vật liệu xây dựng | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Cơ sở sản xuất kinh doanh |
| 108 | Công ty TNHH Triết Anh | | May ba lô, túi | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Cơ sở sản xuất kinh doanh |

| | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 109 | Công Ty TNHH SX TM DV XNK PND Sài Gòn | | May trang phục | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Cơ sở sản xuất kinh doanh |
| 110 | Công ty TNHH SX TM Tinh và Thắng | | Sản xuất cấu kiện kim loại | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Cơ sở sản xuất kinh doanh |
| 111 | HKD Đăng Khoa | | Cán kéo sắt | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Cơ sở sản xuất kinh doanh |
| 112 | Chi nhánh Công ty TNHH Sản xuất - Thương mại - Dịch vụ Phạm Gia Tuấn | | Buôn bán hóa chất | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Cơ sở sản xuất kinh doanh |
| 113 | Công ty TNHH SX DV TM cà phê Quyết Thắng | | Sản xuất cà phê | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Cơ sở sản xuất kinh doanh |
| 114 | Hộ Kinh Doanh Bắc Giang | | Buôn bán thuốc bảo vệ thực vật | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Cơ sở sản xuất kinh doanh |
| 115 | Công ty TNHH Thiên Nhiên Mộc | | kinh doanh vật liệu xây dựng | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Cơ sở sản xuất kinh doanh |
| 116 | Công ty TNHH May Mặc Lý Tưởng Fashion | | May trang phục | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Cơ sở sản xuất kinh doanh |
| 117 | Công ty TNHH Một thành viên Bảo Quang Minh | | Giặt ủi | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Cơ sở sản xuất kinh doanh |
| 118 | Công ty TNHH thương mại xây dựng PVP | | Buôn bán vật liệu xây dựng | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Cơ sở sản xuất kinh doanh |
| 119 | Công ty TNHH Lạc Quang | | Sản xuất ghế nệm | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Cơ sở sản xuất kinh doanh |
| 120 | Công ty TNHH Vina SG | | May trang phục | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Cơ sở sản xuất kinh doanh |
| 121 | Công ty TNHH điện Cơ Trường Hải | | Sản xuất tủ điện | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Cơ sở sản xuất kinh doanh |
| 122 | Công Ty TNHH Daewoong Việt Nam | | May mặc | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Cơ sở sản xuất kinh doanh |
| 123 | Công ty TNHH MTV Môi trường đô thị TP.HCM - Công trường Đông Thạnh | | xử lý chất thải | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Cơ sở sản xuất kinh doanh |
| 124 | Công ty TNHH SX TM DV Sao Đông Phương | | Xưởng sản xuất tem, nhãn hàng hóa | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Cơ sở sản xuất kinh doanh |
| 125 | Công ty TNHH TM DV vận Tải TTN | | kho hàng | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Cơ sở sản xuất kinh doanh |
| 126 | Công ty TNHH MTV SX TM Lê Duy Ngọc | | kho chứa phế liệu | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Cơ sở sản xuất kinh doanh |
| 127 | Hộ kinh doanh cửa hàng Ngọc Quang | | điểm kinh doanh | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Cơ sở sản xuất kinh doanh |
| 128 | Công ty Cổ phần hóa dầu Vĩnh Lộc | | điểm kinh doanh | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Cơ sở sản xuất kinh doanh |
| 129 | Doanh nghiệp Tư nhân kinh doanh vàng và cầm đồ Kim Phát Thiện | | điểm kinh doanh | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Cơ sở sản xuất kinh doanh |
| **III** | **Xã Thới Tam Thôn** | | | | | | | |
| 130 | DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN XỬ LÝ MÔI TRƯỜNG PHẠN THANH LIÊM | 21/4E ấp Đông | Hoạt động xử lý chất thải rắn | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 131 | CÔNG TY TNHH CƠ KHÍ TIÊU DÙNG KIM SƠN | 48/7C Đường Bùi Thị Lùng, Ấp Thới Tứ 2 | Sản xuất SP từ K.loại đúc sẵn | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 132 | Doanh Nghiệp Tư Nhân Sản Xuất Nước Đá Lý Ê | 2/2a ấp tam đông | Sản xuất đồ uống | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 133 | DNTN SẢN XUẤT NHỰA VĨNH PHÁT | 24/10 Hương Lộ 80B ấp Đông Thới Tam Thôn | SX các SP từ nhựa (plastic) | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 134 | Dntn Cao Lâm | 74 Nguyễn Ánh Thủ, ấp Đông | C.nghiệp chế biến,chế tạo khác | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 135 | CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI SẮT RÈN MỸ THUẬT PHÚ CƯỜNG | 250 Bùi Văn Ngữ | Sản xuất SP từ K.loại đúc sẵn | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 136 | Công Ty TNHH Ha Na | 304 Trịnh Thị Miếng, ấp Đông | Sản xuất trang phục | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 137 | CÔNG TY TNHH TÂN HOÀNG ANH | 41/5E ấp Tam Đông X.Thới Tam Thôn | Sản xuất giấy và SP từ giấy | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 138 | DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN LÝ QUÝ | 10/4D ấp Trung Đông | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |

| | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 139 | CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI MỘC NAM DƯƠNG | 79/2F, Ấp Tam Đông 1 | SX SP từ gỗ, tre, nứa, rơm, rạ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 140 | CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI - SẢN XUẤT TẤN TRƯỜNG THỊNH | 62/1A Nguyễn Ảnh Thủ, ấp Đông | SX hoá chất và S.phẩm hoá chất | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 141 | CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI HOÀNG HẢI | 1/3A ấp Tam Đông | HĐ H.chính, H.trợ VP và HĐ KD | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 142 | CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI NA CO | 42/1 ấp Đông | C.nghiệp chế biến,chế tạo khác | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 143 | CÔNG TY TNHH SIÊU VIỆT Á | 10/10F Ấp Trung Đông | Bán lẻ trừ ô tô, xe máy, đ.cơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 144 | CÔNG TY TNHH TƯ VẤN - THƯƠNG MẠI - SẢN XUẤT VÀ DỊCH VỤ H.A | 42/12 Ấp Trung Đông | Tư vấn PL,k.toán,k.toán t.định | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 145 | CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI SẢN XUẤT LÚA SỚM | 63/3K Đường Thới Tam Thôn 6, Ấp Đông | Sản xuất chế biến thực phẩm. | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 146 | CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ TÂN BÁCH KHOA | 30/4 Ấp Đông | Bán lẻ trừ ô tô, xe máy, đ.cơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 147 | CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI NGỌC ĐÊN | 151/1 ấp Tam Đông, đường Tô Ký | Bán lẻ trừ ô tô, xe máy, đ.cơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 148 | CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DƯỢC THUẬN HỒNG PHÚ | 4/59 Đặng Thúc Vịnh | Bán lẻ trừ ô tô, xe máy, đ.cơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 149 | DNTN DŨNG NGA | 53 Ấp Đông 4 | C.nghiệp chế biến,chế tạo khác | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 150 | CÔNG TY TNHH XUẤT NHẬP KHẨU TIA SÁNG | Tổ 123, ấp Đông | Bán lẻ trừ ô tô, xe máy, đ.cơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 151 | CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI BAO BÌ NHỰA SƠ PHA | 79/2H, đường Thới Tam Thôn 18, Ấp Tam Đông 1 | Bán lẻ trừ ô tô, xe máy, đ.cơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 152 | CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN KIÊN HÀ | 11/9 Ấp Trung Đông | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đcơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 153 | CÔNG TY TNHH CƠ KHÍ XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI TIẾN TIẾN | 228 ấp Tam Đông | Sản xuất SP từ K.loại đúc sẵn | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 154 | CÔNG TY CỔ PHẦN LƯỚI THÉP Á CHÂU | 178 Nguyễn Ảnh Thủ, ấp Đông | Sản xuất kim loại | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 155 | CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI LONG LỘC | 69/1 ấp Đông | Vận tải đường bộ khác | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 156 | CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN SX TM DV TRUNG THANH | 10/1C Tô Ký | HĐ H.chính, H.trợ VP và HĐ KD | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 157 | Công Ty TNHH Sản Xuất Thương Mại Sơn Mỹ | 2/7S Ấp Đông 1 | C.nghiệp chế biến,chế tạo khác | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 158 | CÔNG TY TNHH SAM HOA | Số 287 Phạm Thị Giây, Ấp Tam Đông 1 | SX da và các SP có liên quan | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 159 | Văn Phòng Luật Sư Chiêu Dương | 4/87E ấp Nam Thới | Tư vấn PL,k.toán,k.toán t.định | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 160 | DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN THÁI CHÂU | 292/5B Ấp Tam Đông 2 | SX da và các SP có liên quan | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 161 | Doanh Nghiệp Tư Nhân Sản Xuất - Thương Mại - Dịch Vụ Đại Thắng Lợi | 118/9H ấp Đông | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đcơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 162 | Công Ty TNHH Sản Xuất Thương Mại Xuất Nhập Khẩu Vĩnh Cường Khang | 8/12E Đặng Thúc Vịnh | SX SP từ gỗ, tre, nứa, rơm, rạ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 163 | DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN KINH DOANH VÀNG NGUYỄN ĐÂY THIỆP | 302 ấp Đông Bùi Văn Ngữ | Bán lẻ trừ ô tô, xe máy, đ.cơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 164 | CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI XÂY DỰNG ĐIỆN TRUNG THÀNH | Số 154 Đường Thới Tam Thôn 6, Ấp Đông 1 | Văn hóa | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 165 | CÔNG TY TNHH DỆT MAY LẠC HỒNG | Số 19 Đường Trung Đông 3A, Ấp Trung Đông 2 | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đcơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 166 | CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ VẬN TẢI NGUYÊN THỊ | 84/2F ấp Tam Đông 1 | Vận tải đường bộ khác | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 167 | CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI XÂY DỰNG DỊCH VỤ TÙNG HUỆ | Số 141/5T, Đường Phạm Thị Giây, Ấp Tam Đông 2 | Kinh doanh bất động sản | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 168 | CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI VLXD ĐẠI PHÚC THỊNH | 91 Trịnh Thị Miếng, Ấp Đông | Bán lẻ trừ ô tô, xe máy, đ.cơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |

| | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 169 | CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI VI NA VAN | 109/4A Trịnh Thị Miếng ấp Tam Đông | C.nghiệp chế biến,chế tạo khác | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 170 | Cty TNHH Xây Dựng Thương Mại Và Dịch Vụ Quốc Thông | 14/1A Tô Ký ấp Tam Đông | Bán lẻ trừ ô tô, xe máy, đ.cơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 171 | CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI THÉP THIÊN THƯƠNG | 112 Nguyễn Ảnh Thủ, ấp Đông 1 | Bán lẻ trừ ô tô, xe máy, đ.cơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 172 | CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT - THƯƠNG MẠI BĂNG KEO VẠN PHƯỚC | 1/3 Tô Ký, ấp Đông | C.nghiệp chế biến,chế tạo khác | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 173 | CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI NHỰT TIẾN | 63/3K Đường Thới Tam Thôn 6, ấp Đông 1 | Văn hóa | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 174 | CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI MAI PHƯƠNG PHÁT | 37/2F, Tổ 163, ấp Đông | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đcơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 175 | CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ KỸ THUẬT HOÀNG HẢI | 156/3T Ấp Đông 1 | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đcơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 176 | CÔNG TY TNHH PHỤ LIỆU MAY MỸ HƯNG | 13/8A ấp Trung Đông | Sản xuất trang phục | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 177 | CÔNG TY TNHH SƠN SIVA | 10/10F ấp Trung Đông | C.nghiệp chế biến,chế tạo khác | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 178 | CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ ĐẠI LỘC THIÊN | 22/5 Ấp Đông | Sản xuất các SP từ cao su | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 179 | CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI THANH NHƯ | 354/52 Trịnh Thị Miếng | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đcơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 180 | Công Ty TNHH Một Thành Viên Danh Phương | 2/7V Ấp Đông 1 | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đcơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 181 | Công Ty TNHH Xây Dựng Lam Trường | 5/24 ấp Nam Thới, | Văn hóa | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 182 | CÔNG TY TNHH ĐỘ ĐẠC TƯ VẤN THIẾT KẾ XÂY DỰNG PHÚ THỊNH | 21/7 ấp Đông | HĐ dịch vụ P.vụ cá nhân khác | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 183 | Cty TNHH Kỹ Thuật Điện Nam Bình | 151 Trịnh Thị Miếng ấp Đông Xã Thới Tam Thôn | Văn hóa | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 184 | DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN MAY MẶC CHÍ THÀNH | 63/4D ấp Đông | Sản xuất trang phục | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 185 | CÔNG TY TNHH DỆT MAY TẦM NHÌN VIỆT | Số 303/5F Ấp Tam Đông 2 | Quảng cáo (trừ in quảng cáo) | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 186 | CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI KIM LOẠI THANH PHƯƠNG | 1/3H Đường Phạm Thị Giây | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đcơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 187 | CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN THƯƠNG MẠI TÂN SANG | Số 287 Phạm Thị Giây, Ấp Tam Đông 1 | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đcơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 188 | CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ VÀ THƯƠNG MẠI KHÁNH HƯNG | 114/2C Đặng Thúc Vịnh, Ấp Tam Đông | Bán lẻ trừ ô tô, xe máy, đ.cơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 189 | CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT KỸ THUẬT TRUNG ĐẠT | 164/18 Ấp Đông | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đcơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 190 | Công Ty TNHH Xây Dựng Và Vệ Sinh Môi Trường An Thịnh Phát | 10/86 tổ 86 tam đông | HĐ dịch vụ P.vụ cá nhân khác | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 191 | CÔNG TY TNHH LÀN GIÓ MỚI | 26/4D Đặng Thúc Vịnh, Ấp Tam Đông | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đcơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 192 | CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI SẢN XUẤT HỒNG ÂN | 47/9 ấp Thới Tứ | Bán lẻ trừ ô tô, xe máy, đ.cơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 193 | Công Ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Kỹ Thuật Nguyễn Minh Hoàng | 62/4G ấp Đông, | C.nghiệp chế biến,chế tạo khác | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 194 | Trường Tiểu Học Tam Đông | 152/5B ấp Tam Đông X | Giáo dục tiểu học | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 195 | Trường Tiểu Học Tam Đông 2 | 19/23 ấp Thới Tứ | Giáo dục tiểu học | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 196 | Trường Tiểu Học Thới Tam | 4/111 Trần Thị Bốc, ấp Nam Thới | Giáo dục tiểu học | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 197 | CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ DU LỊCH VẬN TẢI PHÁT LỢI | 35/5 ấp Thới Tứ Đặng Thúc Vịnh | Vận tải đường bộ khác | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 198 | Trường Trung Học Cơ Sở Tam Đông 1 | 550 đường Nguyễn Thị Ngâu, ấp Trung Đông 2 | Giáo dục PT trung học CS | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |

| | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 199 | Trường Trung Học Phổ Thông Lý Thường Kiệt | ấp Nam Thới Xã Thới Tam Thôn | Giáo dục trung học phổ thông | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 200 | CÔNG TY TNHH THIẾT KẾ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG MINH TRÍ | 31/12 Đặng Thúc Vịnh, ấp Thới Tứ 1 | Văn hóa | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 201 | CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI ĐẠI TUẤN PHÁT | 147/5H ấp Tam Đông | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 202 | CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NAM HOA | 2/7S ấp Đông 1 | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 203 | CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ PHẠM GIA TUẤN KIỆT | 66/6 Ấp Đông | Nhà hàng,d.vụ ăn uống lưu động | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 204 | CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DẦU NHỚN THÁI HƯNG | 26/3 ấp Nam Thới | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 205 | CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG - THƯƠNG MẠI TRƯỜNG HẢI | 298/5E Đường Phạm Thị Giây, Ấp Tam Đông 2 | Văn hóa | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 206 | Trường Mầm Non 2-9 - Huyện Hóc Môn | 100E Đặng Thúc Vịnh, Ấp Thới Tứ 1 | Giáo dục mầm non | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 207 | CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI HOÀN KHÁNH | 271C Trịnh Thị Miếng | SX sợi,vải, hoàn thiện SP dệt | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 208 | CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI LÊ HUY | 5/104C Đường Nam Thới 2, ấp Nam Thới | SX sợi,vải, hoàn thiện SP dệt | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 209 | CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ XÂY DỰNG KIÊN TOÀN THẮNG | 37/13H ấp Đông | SX SP từ gỗ, tre, nứa, rơm, ra | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 210 | Trung Tâm Chính Trị Huyện Hóc Môn | 30/12 Tô Ký, Nam Thới, Thới Tam Thôn | GD thường xuyên và HĐ giáo dục | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 211 | CÔNG TY TNHH TRANG TRÍ NỘI THẤT ĐÌNH PHONG | 10/1A Trịnh Thị Miếng, Ấp Đông | Hoàn thiện công trình xây dựng | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 212 | CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN QUỐC HOÀI | 35/4 Đặng Thúc Vịnh | Văn hóa | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 213 | CÔNG TY TNHH TƯ VẤN THIẾT KẾ XÂY DỰNG ĐẠI VIỆT PHỐ | 22/2D Trung Đông | Lắp đặt HT điện, nước, xd khác | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 214 | CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG KỸ THUẬT AN ĐẠI LỘC | 186/75/2 Đường Tô Ký, Ấp Tam Đông 1 | Xây dựng công trình đường sắt | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 215 | CÔNG TY TNHH CƠ KHÍ XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI ĐẶNG VŨ | 39/4A Tô Ký, Ấp Tam Đông 1 | Phá dỡ và chuẩn bị mặt bằng | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 216 | CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ VẬN TẢI HÀ LINH | 248/22 Đường Phạm Thị Giây, Ấp Tam Đông | Vận tải đường bộ khác | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 217 | CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ TÂN THÀNH ĐẠT | 105/1E ấp Tam Đông | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 218 | Cty Cổ Phần Đầu Tư Xây Dựng Bảo Đức | 11/8 ấp Thới Tứ Xã Thới Tam Thôn | Văn hóa | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 219 | Cty TNHH Cơ Khí Xây Dựng Thương Mại Đức Hùng | 26/13A ấp Đông Xã Thới Tam Thôn | Văn hóa | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 220 | CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG KỸ THUẬT CÔNG NGHIỆP HƯNG THỊNH | 7/12P ấp Trung Đông 1 | Lắp đặt HT điện, nước, xd khác | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 221 | CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ THƯ KÝ | 48/1 ấp Trung Đông | Văn hóa | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 222 | CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI ĐAN PHƯƠNG | 14/6A Nam Thới, ấp thới Tứ | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 223 | CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT - THƯƠNG MẠI - DỊCH VỤ VIỆT HƯNG THỊNH | 180 ấp Đông Nguyễn ảnh Thủ | C.nghiệp chế biến,chế tạo khác | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 224 | CÔNG TY TNHH GIAO NHẬN VẬN TẢI DỊCH VỤ VÀ THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ MẠNH TIẾN | 34/2A Tô Ký, Ấp Đông | Hoạt động DV H.trợ cho vận tải | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 225 | Công Ty Cổ Phần Man Ca | 116/1 Ấp Đông | Sản xuất trang phục | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 226 | Công Ty TNHH Sản Xuất Thương Mại Dịch Vụ Tăng Kim Sơn | 172 Nguyễn ảnh Thủ | SX hoá chất và S.phẩm hoá chất | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |

| | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 227 | CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ YẾN LỘC | 178/5R Nguyễn Thị Thành, Ấp Tam Đông | Phá dỡ và chuẩn bị mặt bằng | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 228 | DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN HOÀNG ANH MỸ | 17/4K ấp Trung Đông, Đặng Thúc Vịnh | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đcơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 229 | Cty TNHH Xây Dựng Thương Mại Dịch Vụ Liên Kỳ | 14/104 Tam Đông 2 Xã Thới Tam Thôn | Văn hóa | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 230 | CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ SẢN XUẤT DIU HIỀN | 448 Ấp Tam Đông 1 | Sản xuất trang phục | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 231 | CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT - THƯƠNG MẠI LÂM HOÀNG LONG | 211/1A Ấp Tam Đông 1 | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đcơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 232 | CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG ĐẦU TƯ TRẦN GIA PHÁT | 131/3A Trịnh Thị Miếng ấp Tam Đông Xã Thới Tam Thôn | Văn hóa | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 233 | Công Ty TNHH Công Nghệ - Thương Mại Nhật Cường | 5/14A Tổ 56, ấp Trung Đông | Sửa chữa-BD-lắp đặt máy móc TB | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 234 | CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI VÀ TRANG TRÍ NỘI THẤT HẢI LONG | 57/3T ấp Tam Đông | Văn hóa | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 235 | DNTN Phòng Ghi Âm Nghĩa | 36/3 ấp Trung Đông Xã Thới Tam Thôn | HĐ ghi âm và xuất bản âm nhạc | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 236 | CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ LẠC VIÊN | 120/97K , Tổ 1 ấp Đông Bùi Văn Ngữ | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đcơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 237 | CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI ĐĂNG GIANG | 221/21 Đường Thới Tam Thôn 10 | Sản xuất giấy và SP từ giấy | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 238 | Công Ty TNHH Cung Cấp Nội Thất Hòa Phát | 20/20 ấp Thới Tứ | Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 239 | CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI PHÚ KIM | 301/5Q, Tổ 126, Ấp Tam Đông 2 | Văn hóa | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 240 | CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH MJ APPAREL | 63/2 Ấp Đông 1 | Bán lẻ trừ ô tô, xe máy, đ.cơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 241 | CÔNG TY TNHH THỊNH VƯỢNG DECOR | 38/5C Đặng Thúc Vịnh | Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 242 | CÔNG TY TNHH CHẾ BIẾN NÔNG SẢN THỰC PHẨM HÒA PHÁT | 43/5B Nguyễn Thị Ngâu, ấp Trung Đông, | Sản xuất chế biến thực phẩm. | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 243 | CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ THƯƠNG MẠI XÂY DỰNG CƠ KHÍ TIẾN THÀNH | 2/8C Ấp Đông | Sản xuất kim loại | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 244 | CÔNG TY TNHH CỬA NHỰA KÍNH VIỆT CHÂU | 105/3A Ấp Tam Đông | SX các SP từ nhựa (plastic) | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 245 | Cty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Du Lịch Biển Côn Đảo | 4/82B Nam Thới X.Thới Tam Thôn | Cho thuê phương tiện vận tải | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 246 | CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ VÀ XUẤT NHẬP KHẨU CÁT TƯỜNG VẠN NIÊN | 39/5N Ấp Tam Đông 3 | Bán lẻ trừ ô tô, xe máy, đ.cơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 247 | CÔNG TY TNHH DESIGN TPJ | 63/2C Đường Thới Tam Thôn 17 Ấp Đông 1 | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đcơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 248 | CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ HUYỀN VY | 26/11 Tổ 168, ấp Đông | Văn hóa | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 249 | CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI XÂY DỰNG THÉP THỊNH PHÁT | 30/14 Tô Ký | Văn hóa | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 250 | DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN THƯƠNG MẠI SẢN XUẤT ĐẠI TOÀN | 61/2E Ấp Đông | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đcơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 251 | CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI DANH THỌ | 17/10C Trịnh Thị Miễn, Ấp Trung Đông | Sản xuất kim loại | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 252 | CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN MAY MẶC THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ MINH SƠN | 30/12 đường Tô Ký, ấp Nam Thới | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đcơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 253 | CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ AMBEE | 4/15 Đường Trần Thị Bốc | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đcơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 254 | Văn Phòng Công Chứng Đất Việt | 8/1A Tô Ký | Tư vấn PL,k.toán,k.toán t.định | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |

| | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 255 | CÔNG TY CỔ PHẦN IMATE | 78/3D Phạm Thị Giây, Ấp Tam Đông 1 | Bán, sửa chữa ô tô, mô tô, XM | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 256 | CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THƯƠNG MẠI XÂY DỰNG TUẤN KHÔI | 166/3A Ấp Đông 1 | Văn hóa | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 257 | CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN SAM HOAN VI NA | 62/4C, Đường Thới Tam Thôn 6, Tổ 169, Ấp Đông 1 | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đcơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 258 | CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG KỸ THUẬT BẠCH VIỆT | 89/3G Phạm Thị Giây, ấp Tam Đông | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đcơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 259 | CÔNG TY TNHH TƯ VẤN GIÁM SÁT THI CÔNG VIỆT THẮNG | 47/6C Nguyễn Thị Ngâu, Ấp Trung Đông | Văn hóa | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 260 | Công Ty TNHH Sản Xuất Thương Mại Xuất Nhập Khẩu Phước Sanh | 4/182 Nguyễn ảnh Thủ, Tổ 182, ấp Đông 1 | SX da và các SP có liên quan | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 261 | CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT GIÀY DÉP HUY HOÀNG | 205/3 Trịnh Thị Miếng, Ấp Tam Đông | SX da và các SP có liên quan | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 262 | CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ TRẦN QUỐC BẢO | 17/27C Ấp Thới Tứ | Sản xuất chế biến thực phẩm. | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 263 | CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG NGHIỆP QUANG VINH | 38/9A Đường Đặng Thúc vịnh, ấp Thới Tứ | Sửa chữa-BD-lắp đặt máy móc TB | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 264 | Công Ty TNHH Tư Vấn Thiết Kế Xây Dựng Vạn Lộc | 55/2P Đường TTT5, ấp Tam Đông | HĐ điều tra, t.đó, ks, tư vấn | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 265 | CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG NHẬT TÍN | 144/5Y ấp Tam Đông 2 | Văn hóa | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 266 | CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ VÕ TẤN PHÁT | 16/5Y Ấp Tam Đông 3 | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đcơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 267 | CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ ĐẠI LỘC PHÁT | 171/3N Ấp Đông 1 | Sản xuất SP từ K.loại đúc sẵn | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 268 | CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI XÂY DỰNG ĐẠI QUẦN ĐẠT | 2/7N Ấp Đông 1 | Hoàn thiện công trình xây dựng | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 269 | CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI LÝ HƯNG | Số 179/2C, Đường Ấp Đông 1 | Sản xuất SP từ K.loại đúc sẵn | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 270 | CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ XUẤT NHẬP KHẨU VĨNH CỬU | 4/90 Đặng Thúc Vịnh, Ấp Nam Thới | Hoạt động DV H.trợ cho vận tải | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 271 | CÔNG TY TNHH GIÁO DỤC NHÂN VĂN | 40/12F ấp Trung Đông 2 | Đào tạo khác trong nước | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 272 | CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI PHÁT TRIỂN NHÀ ĐẤT VÀNG Á CHÂU | 200/5N Đường Thới Tam Thôn 5, Tổ 136, Ấp Tam Đông II | Kinh doanh bất động sản | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 273 | CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN THƯƠNG MẠI THIẾT BỊ Y TẾ BẢO NGỌC | Số 9/10L Ấp Trung Đông 1 | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đcơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 274 | CÔNG TY TNHH BAO MEI | 64 Ấp Đông 1 | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đcơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 275 | CÔNG TY CỔ PHẦN CPSG | 80/3H Ấp Tam Đông 1 | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đcơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 276 | CHI NHÁNH 2 - CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT - THƯƠNG MẠI BĂNG KEO VẠN PHƯỚC | 34/2K Tô Ký, ấp Đông | Bán lẻ trừ ô tô, xe máy, đ.cơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 277 | CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ NỘI THẤT ANH ĐÀO | Số 5/69A Đặng Thúc Vịnh | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đcơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 278 | Công Ty Cổ Phần Thuận Phát Sài Gòn | 191/5E Thới Tam Thôn 5, Ấp Tam Đông 2 | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đcơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 279 | Chi Nhánh Cty TNHH Sản Xuất Giày Dép Huy Hoàng | 12/3 Trịnh Thị Miếng, ấp Đông X Thới Tam Thôn | SX da và các SP có liên quan | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 280 | CÔNG TY TNHH XUẤT NHẬP KHẨU THẠNG MÁY FUJI ĐÔNG TÂM | 19/4B Ấp Đông | SX M. móc,TB chưa phân vào đâu | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 281 | CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ ĐIỆN HƯNG PHÁT ĐẠT | 126/5G tổ 122 đường Nguyễn Thị Thành, ấp Tam Đông 3 | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đcơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 282 | CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ XÂY DỰNG PHÚC LỘC VN | 61/9 Trịnh Thị Miếng, ấp Đông 1 | Lắp đặt HT điện, nước, xd khác | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |

| | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 283 | CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT CƠ KHÍ XÂY DỰNG TIẾN PHÁT | 232 Tô Ký, ấp Tam Đông 1 | Văn hóa | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 284 | CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ XÂY DỰNG NGÔ PHÚ HƯNG | 25/4B Đặng Thúc Vịnh, Ấp Tam Đông | Văn hóa | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 285 | CÔNG TY TNHH HVTT | 17/15, Tổ 45, Đường Trần Thị Bốc, Ấp Thới Tứ | H.động SX phần mềm máy tính | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 286 | CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI XÂY DỰNG QUANG DŨNG | 34/15 Ấp Trung Đông 2, Đường Trung Đông 7 | Văn hóa | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 287 | CÔNG TY CỔ PHẦN NỘI THẤT HOÀNG PHÁT | 144/5A đường Phạm Thị Giây, Ấp Tam Đông 2 | Hoạt động khoa học-C.nghệ khác | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 288 | CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ VIỆT PHÚ KHANG | 141/5E ấp Tam Đông 2 | Văn hóa | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 289 | Công Ty TNHH Mai Xanh | 202/5 Đặng Thúc Vịnh, ấp Tam Đông 3 | Sản xuất trang phục | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 290 | CÔNG TY TNHH MOUSSE NGỌC CƯỜNG | 200 Trịnh Thị Miếng, ấp Đông | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đcơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 291 | CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ NHƯ LỘC | 25 Đường Nguyễn Thị Sáu, Ấp Trung Đông | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đcơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 292 | Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Một Thành Viên Thương Mại Quảng Cáo Huỳnh Gia | 27/1 ấp Đông | Quảng cáo (trừ in quảng cáo) | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 293 | CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI TRẦN LÊ GIA | 177/8T Ấp Đông 1 | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đcơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 294 | CÔNG TY TNHH NATTYLAND | 174/5 Đường Ấp Đông 2, Ấp Đông 1 | Tư vấn PL,k.toán,k.toán t.định | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 295 | Công Ty Cổ Phần Sản Xuất Thương Mại Dịch Vụ Xuất Nhập Khẩu Thành Tân | 80/3X Ấp Tam Đông 1 | Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 296 | CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ VẬN TẢI VÀ XÂY DỰNG HOÀNG DƯƠNG | 27/3B ấp Tam Đông | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đcơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 297 | CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI SẢN XUẤT VẬN CHUYỂN HỢP PHÁT | Số 644 Đường Tô Ký, Ấp Tam Đông1 | Văn hóa | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 298 | CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN K&L VINA | 13/4C Đường Trần Thị Bốc, Ấp Thới Tứ | SX sợi,vải, hoàn thiện SP dệt | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 299 | CÔNG TY TNHH VẬT LIỆU XÂY DỰNG NAM HÀ | 20/5C Đặng Thúc Vịnh, ấp Trung Đông | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đcơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 300 | Công Ty Cổ Phần Đầu Tư Xây Dựng Thương Mại Tùng Duy Anh | 32/4N Ấp Đông 1 | XD C.trình k thuật d.dụng khác | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 301 | CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ VIỄN THÔNG TẤN ĐỨC | 9/5F Đặng Thúc Vịnh, Ấp Trung Đông 1 | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đcơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 302 | CÔNG TY TNHH NGHIÊN CỨU PHÁT TRIỂN HERBE | 83/3M Đường Phạm Thị Giây, Ấp Tam Đông 1 | SX hoá chất và S.phẩm hoá chất | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 303 | CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI LULATOT | 14/9W Ấp Tam Đông 3 | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đcơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 304 | CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & ĐẦU TƯ THÁNG MƯỜI | 49/3F Trịnh Thị Miếng, Tổ 111, Ấp Tam Đông | H.động SX phần mềm máy tính | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 305 | CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ CƠ KHÍ HOÀNG KIM | 47 Đường Ấp Đông 4, Ấp Đông | C.nghiệp chế biến,chế tạo khác | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 306 | Công Ty TNHH Thương Mại Kỹ Thuật Quang Bảo | 99/4 Trịnh Thị Miếng, Ấp Tam Đông | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đcơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 307 | Công Ty TNHH May Mặc Hoàng Minh Đạt | 35/3H Nguyễn Ảnh Thủ | Sản xuất trang phục | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 308 | Công Ty TNHH Một Thành Viên Thương Mại Dịch Vụ Kỹ Thuật Phú Xuân | 38/4H Ấp Đông | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đcơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 309 | CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN MAY THUẬN VIỆT | 84/2h Đường Thới Tam Thôn 18, Ấp Tam Đông 1 | Sản xuất trang phục | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 310 | Công Ty TNHH Đầu Tư Sản Xuất Thương Mại Trương An | 7/6C Ấp Trung Đông | Sản xuất đồ uống | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 311 | Công Ty TNHH Xây Dựng Thương Mại Dịch Vụ Lan Ngọc | 20/5D Ấp Trung Đông | Văn hóa | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |

| | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 312 | Công Ty TNHH Cơ Khí Xây Dựng Huy Phong | 306 Ấp Tam Đông 2 | Sản xuất SP từ K.loại đúc sẵn | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 313 | CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI NA VET | 25/10G Ấp Thới Tứ 1 | Sản xuất chế biến thực phẩm. | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 314 | Công Ty Cổ Phần Đầu Tư Thiết Kế Xây Dựng An Tâm | 21/7Q Đường Ấp Đông 4, Ấp Đông | HĐ điều tra, t.dò, ks, tư vấn | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 315 | CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI GIẤY THUẬN AN XANH | 301/5Đ Ấp Tam Đông 2 | Sản xuất giấy và SP từ giấy | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 316 | CÔNG TY CỔ PHẦN THANG MÁY FUJI ASIA | 186/1 Ấp Tam Đông | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đcơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 317 | CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XÂY DỰNG THÀNH TUẤN | 42/7K Ấp Đông 1 | Văn hóa | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 318 | CÔNG TY TNHH PRIDEVN PACKAGING | 317/5L Ấp Tam Đông 2 | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đcơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 319 | CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ BONUS | 21/8Q Ấp Đông | Vận tải đường bộ khác | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 320 | CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ DU LỊCH CÁNH ĐỒNG VIỆT | 2/8B ấp Đông | HĐ của ĐL du lịch, quảng bá | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 321 | Công Ty TNHH Thương Mại Sản Xuất Dịch Vụ Tư Vấn Việt Quốc Tế | 94/2 đường Thới Tam Thôn 5 | XB sách, ấn phẩm đ.kỳ, HĐ XB | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 322 | CÔNG TY TNHH XUẤT NHẬP KHẨU HẢI PHÁT | 444 ấp Tam Đông 1 | In, sao chép bản ghi các loại | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 323 | Công Ty TNHH Nhang Minh Đức | 26/13A ấp Đông | SX SP từ gỗ, tre, nứa, rơm, rạ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 324 | Chi Nhánh Doanh Nghiệp Tư Nhân Cà Phê Châu Phụng Club | 129 Nguyễn Ảnh Thủ, Ấp Đông 1 | Dịch vụ phục vụ đồ uống | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 325 | Chi Nhánh 1 Doanh Nghiệp Tư Nhân Cà Phê Châu Phụng Club | 171 Nguyễn Ảnh Thủ, ấp Đông | Dịch vụ phục vụ đồ uống | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 326 | CÔNG TY TNHH XUẤT NHẬP KHẨU QUỐC TẾ THỊNH PHÁT | 29/13E Trịnh Thị Miếng, ấp Trung Đông | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đcơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 327 | Công Ty TNHH Nhựa Nghĩa Phát | 29/1 Ấp Trung Đông | SX các SP từ nhựa (plastic) | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 328 | Công Ty TNHH Xây Dựng Thương Mại Xuất Nhập Khẩu Tân Phú Tài | 31/9B Đường Đặng Thúc Vịnh, Ấp Thới Tứ | XD C.trình k thuật d.dụng khác | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 329 | Công Ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Thiên Phúc Châu | 16/3D Thới Tứ | Hoạt động khoa học-C.nghệ khác | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 330 | Chi Nhánh Doanh Nghiệp Tư Nhân Văn Phòng Phẩm Siêu Tốc | 13/5A Ấp Thới Tứ | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đcơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 331 | CÔNG TY TNHH DỆT MAY BAO BÌ PP | 39/3 ấp Đông 1 | SX sợi,vải, hoàn thiện SP dệt | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 332 | DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN CHẾ BIẾN THỰC PHẨM TIẾN DƯƠNG | 3/9F Nguyễn Thị Ngâu, ấp Trung Đông 2 | Sản xuất chế biến thực phẩm. | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 333 | CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT KẾ XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ VIỆT PHÁT | thửa 802, đường Trung Đông 7C, Ấp Trung Đông | HĐ điều tra, t.dò, ks, tư vấn | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 334 | CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG NỘI THẤT VIỆT ĐƯỜNG ĐẠI | 2/83D ấp Nam Thới | HĐ điều tra, t.dò, ks, tư vấn | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 335 | Doanh Nghiệp Tư Nhân Kinh Doanh Vàng Kim Phát Thới Tứ | 15/1A Đặng Thúc Vịnh, ấp Trung Đông | Bán lẻ trừ ô tô, xe máy, đ.cơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 336 | CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI NAM BÌNH | 5/5A Đường Thới Tứ 5 | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đcơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 337 | CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN MAY MẶC VIỆT | 30/12 Đường Tô Ký, Ấp Nam Thới | SX sợi,vải, hoàn thiện SP dệt | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 338 | CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ XÂY DỰNG TRANG TRÍ NỘI THẤT TRƯỜNG SƠN | 39/19K Nguyễn Ảnh Thủ, Tổ 179 | Văn hóa | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 339 | CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI SẢN XUẤT ĐẦU TƯ TÂN LỢI | 2/7M Đường số 17, ấp Đông 1 | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đcơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 340 | CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG TRANG TRÍ NỘI THẤT LAN ANH | 154/1A Đường Phạm Thị Giây, Ấp Tam Đông | Hoạt động khoa học-C.nghệ khác | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |

| | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 341 | CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ THANH PHÁT | 448 Ấp Tam Đông 1 | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 342 | CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ THƯƠNG MẠI TÂN TÂN ĐỆ | 2/77B ấp Nam Thới | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 343 | CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ DHV | 11/7 Ấp Đông | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 344 | DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN THÉP KHÔNG GỈ CƠ KHÍ MẠNH CƯỜNG | 199/3H Thới Tam Thôn 5, Ấp Tam Đông | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 345 | Công Ty TNHH Dịch Vụ Thương Mại Vật Liệu Xây Dựng Thanh Ngân | 21/9B ấp Đông | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 346 | CÔNG TY TNHH T.T.C NGUYÊN TRUNG | 122/5Đ Tam Đông 2 | HĐ điều tra, t.dò, ks, tư vấn | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 347 | CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ SẢN XUẤT XUẤT NHẬP KHẨU MAY MẶC MINH SANG | 80/3Q Ấp Tam Đông 1 | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 348 | CÔNG TY TNHH KỸ THUẬT CÔNG NGHIỆP BẢO QUỐC | 139/5J Ấp Tam Đông 2 | Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 349 | Chi Nhánh Công Ty TNHH Một Thành Viên Sản Xuất Thương Mại Xây Dựng Quang Dũng | 62/10P Ấp Đông 1 | SX hoá chất và S.phẩm hoá chất | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 350 | Công Ty TNHH Hoàng Gia Glass | 133/5F Tam Đông 3 | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 351 | CÔNG TY TNHH KHÍ CÔNG NGHIỆP THUẬN PHÁT | 176/3 Phạm Thị Dây, Ấp Tam Đông | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 352 | CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ HƯƠNG SẮC XUÂN | 31/25E Tô Ký, Tổ 144, Ấp Đông | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 353 | Công Ty TNHH Sản Xuất Thương Mại Xuất Nhập Khẩu May Thành Long | 40/9B Trịnh Thị Miếng, Ấp Đông | SX sợi,vải, hoàn thiện SP dệt | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 354 | CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI TRƯỜNG HỮU | 66/8A Ấp Đông | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 355 | CÔNG TY TNHH TÚI XÁCH MINH KHAI | 67/5C Ấp Tam Đông | SX sợi,vải, hoàn thiện SP dệt | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 356 | CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT MEGASUN - KHO HÀNG | Số 11/2 Ấp Tam Đông | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 357 | CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT VÀ XUẤT NHẬP KHẨU ĐẠI NGUYÊN | 34/4C Ấp Đông | Văn hóa | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 358 | CÔNG TY TNHH VĨNH KHÁNH LEGEND | 92/5H Ấp Tam Đông 3 | SX các SP từ nhựa (plastic) | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 359 | CÔNG TY TNHH GRACE INTERNATIONAL | 17/9M đường Thới Tam Thôn 9, ấp Trung Đông | In, sao chép bản ghi các loại | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 360 | CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU KIM TA | 61/2R Ấp Đông | SX da và các SP có liên quan | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 361 | CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN NÔNG SẢN NGUYỄN VINH | 145/5Y Tam Đông 2 | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 362 | CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ CÔNG NGHỆ TƯƠNG LAI VIỆT | 28/22K Đường Đông Thạnh - Thới Tam Thôn | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 363 | Công Ty TNHH Vật Liệu Xây Dựng Gia Mỹ | 32/12G Ấp Trung Đông 2 | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 364 | CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN SẢN XUẤT DỊCH VỤ VÀ THƯƠNG MẠI 3A4H | số 22/11A, ấp Thới Tứ 1 | Sản xuất giấy và SP từ giấy | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 365 | CÔNG TY TNHH PHÒNG KHÁM ĐA KHOA MEDIC CITY | Số 4/27A Đường Quang Trung, Ấp Nam Thới | HĐ các phòng khám, chữa bệnh | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 366 | Công Ty TNHH Tm Sx Trường Thịnh Phát | 45/4B Tam Đông | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 367 | CÔNG TY TNHH XUẤT NHẬP KHẨU PHÚC AN THÀNH | 9/12/23 Đường Thới Tam Thôn 17, Ấp Đông 1 | Sản xuất trang phục | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 368 | CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ MÁY MÓC MARUMAN VIỆT NAM | 4/10a Ấp Trung Đông 1 | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |

| | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 369 | CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU DUY TÂN | 146/1F ấp Tam Đông | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đcơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 370 | CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG QUỐC TẾ ÁNH DƯƠNG | 17/5M đường Trịnh Thị Miếng, ấp Đông 1, tổ 163 | Văn hóa | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 371 | CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THUẬN THIÊN THÀNH | Số 224B Nguyễn Ánh Thủ, ấp Đông | Phá dỡ và chuẩn bị mặt bằng | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 372 | Công Ty TNHH Một Thành Viên Thương Mại Dịch Vụ Kỹ Thuật Bửu Gia Phát | 30/22 Ấp Nam Thới | Sửa chữa máy vi tính, đồ dùng | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 373 | Công Ty TNHH Một Thành Viên Thương Mại Dịch Vụ Quốc Tế Tùng Long | 34/13 ấp Đông 1 | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đcơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 374 | CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI UYÊN KHANG | 171/2L đường Thới Tam Thôn 6, tổ 171, ấp Đông 1 | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đcơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 375 | Doanh Nghiệp Tư Nhân Hớt Tóc Á Âu | 258 Tô Ký, ấp Tam Đông 1 | HĐ dịch vụ P.vụ cá nhân khác | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 376 | Công Ty TNHH Đầu Tư Sản Xuất Tấn Phát | 16/1 Ấp Trung Đông | Sản xuất chế biến thực phẩm. | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 377 | CÔNG TY TNHH NÔNG DƯỢC HOÀNG KIM | Số 124/5M Thới Tam Thôn 5, ấp Tam Đông 2 | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đcơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 378 | CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ XÂY DỰNG VÀ VẬN TẢI MAI PHƯƠNG | 27/4D, ấp Trung Đông | Hoạt động DV H.trợ cho vận tải | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 379 | Chi Nhánh Công Ty TNHH Một Thành Viên Tư Vấn Xây Dựng Sông Mai | 37/4A Đường Thới Tam Thôn 6, ấp Đông | C.nghiệp chế biến,chế tạo khác | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 380 | CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ TÂN KHỐI | 27/5A Ấp Nam Thới | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đcơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 381 | CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI XÂY DỰNG ĐIỀN TRUNG ĐẠT | 62/1 ấp Đông 1 | XD C.trình k thuật d.dụng khác | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 382 | CÔNG TY TNHH TƯ VẤN THƯƠNG MẠI SẢN XUẤT APPA | 172/1H, Ấp Đông 1 | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đcơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 383 | Doanh Nghiệp Tư Nhân Kinh Doanh Vàng Trí Dũng | 331 Ấp Tam Đông | Bán lẻ trừ ô tô, xe máy, đ.cơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 384 | CÔNG TY TNHH THIẾT KẾ XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ THẠNH THỂ | 57/4 Nguyễn thị Thành, Tam Đông 2 | Văn hóa | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 385 | CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ GIA PHÁT SÀI GÒN | 191/5E Thới Tam Thôn 5, Ấp Tam Đông 2 | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đcơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 386 | Công Ty TNHH Kiến Trúc Ngô Hoàng Nguyên | 2/176H Ấp Nam Thới | HĐ điều tra, t.dò, ks, tư vấn | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 387 | CÔNG TY TNHH PENGO | 174/3R Ấp Đông 1 | SX da và các SP có liên quan | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 388 | CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN TÍN ĐẠT | 19/14D Trung Đông | Tư vấn PL,k.toán,k.toán t.định | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 389 | CÔNG TY TNHH CHỈ MAY THUẬN TIẾN PHÁT | 143/5 ấp Tam Đông | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đcơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 390 | Công Ty TNHH Một Thành Viên Sợi Dệt 123 | 43/4A Trịnh Thị Miếng | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đcơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 391 | Công Ty TNHH Thiên Mai Thiên Phúc | 9/7A Đặng Thúc Vịnh, ấp Trung Đông | HĐ sáng tác, N.thuật, giải trí | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 392 | CÔNG TY TNHH NHỰA VĨNH NGUYÊN | 27/5 Đường Tô Ký 12, Ấp Nam Thới | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đcơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 393 | CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỆT MAY PHE NI - XƯỞNG DỆT LEN JI PET | 79/3K Đường Phạm Thị Giây, Ấp Tam Đông 1 | SX sợi,vải, hoàn thiện SP dệt | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 394 | CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ SIÊU TÍNH | 174/2F Tổ 174, Ấp Đông 1 | Hoạt động DV H.trợ cho vận tải | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 395 | Công Ty TNHH Một Thành Viên Thương Mại Thành Công Lớn | 14/10C Đường Nguyễn Ánh Thủ | Cho thuê máy móc, thiết bị | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 396 | CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ CƠ ĐIỆN LẠNH KHÔNG GIAN XANH | 17/6F ấp Đông 1 | Lắp đặt HT điện, nước, xd khác | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 397 | CÔNG TY TNHH TM XD MINH NHẬT | 5/4A Ấp Đông | Bán lẻ trừ ô tô, xe máy, đ.cơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |

| | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 398 | CÔNG TY TNHH SWEET HOME VIỆT NAM | 289 Nguyễn Thị Thành | Văn hóa | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 399 | CÔNG TY TNHH TIẾP VẬN MÊKÔNG | 90 Nguyễn Ánh Thủ, Ấp Đông | Vận tải đường bộ khác | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 400 | CÔNG TY TNHH GIÀY DA MINH THUYẾT | 110-1 Đường Trung Đông 8, Ấp Trung Đông | SX da và các SP có liên quan | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 401 | CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ MINH LONG GAS AN TOÀN | 15/7 ấp Trung Đông | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 402 | CÔNG TY CỔ PHẦN APACORP | 10/4D Đường Thới Tam Thôn 18 | Văn hóa | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 403 | Trường TH Nguyễn Thị Nuôi | Đường Tô Ký ấp Tâm Đông 2 | Giáo dục tiểu học | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 404 | CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI VI NA VAN | 37/3A ấp Tam Đông | C.nghiệp chế biến,chế tạo khác | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 405 | CÔNG TY TNHH THIẾT KẾ XÂY DỰNG HẢI MINH | 39/9A ấp Đông 1 | Văn hóa | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 406 | CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN SOFA VŨ GIA | 6/3D Đường Thới Tam Thôn 13 | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 407 | CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI BAO BÌ P & K | 99-101 Trịnh Thị Miếng | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 408 | Công Ty TNHH Tin Học Sĩ Nguyên | 23/3C Ấp Nam Thới | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 409 | CÔNG TY TNHH VẬT LIỆU VÀ XÂY DỰNG RẠNG TIÊN SÁNG | 54/2C Ấp Đông | Sản xuất giấy và SP từ giấy | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 410 | CÔNG TY TNHH HUẤN LUYỆN AN TOÀN KỸ THUẬT MIỀN NAM | 96/3 ấp Tam Đông | GD tổng hợp, dạy nghề trong PT | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 411 | CÔNG TY TNHH KHANG NGỌC PHÁT | Số 35/9Đ Đường Trung Đông 7, Ấp Trung Đông 2 | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 412 | CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI AN AN TƯỜNG | 225 Bùi Thị Lùng | Sản xuất giấy và SP từ giấy | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 413 | CÔNG TY TNHH CƠ KHÍ XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ THUẬN TIỆN | 40/3R, ÁpTam Đông | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 414 | CÔNG TY TNHH NỘI THẤT ALOUIS | 13/5A Đường Ấp Đông 3 | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 415 | CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ AN TOÀN ĐƯỜNG THỦY SỐ 1 | 15/5Z Ấp Tam Đông 3 | C.nghiệp chế biến,chế tạo khác | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 416 | Công Ty TNHH Thiết Kế Đo Đạc Phúc An | 106/1F Đặng Thúc Vịnh, ấp Tam Đông | Văn hóa | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 417 | CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI NHỰA THỊNH PHÁT | 30/24C Ấp Nam Thới | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 418 | CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CƠ KHÍ XÂY DỰNG HẢO PHÁT | 45/5 Đặng Thúc Vịnh, Ấp Tam Đông 3 | Sản xuất SP từ K.loại đúc sẵn | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 419 | CÔNG TY TNHH GIẢI PHÁP CÔNG NGHỆ HOÀNG KIM | 11/8F Trịnh Thị Miếng, Ấp Thới Tứ | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 420 | CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU NGUYỄN HOÀNG GIA | 179/2D Ấp Đông 1 | Sản xuất trang phục | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 421 | Công Ty TNHH Future Green | Số 40/6F, Tổ 182, Ấp Đông 1 | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 422 | CÔNG TY TNHH THÉP HẢI VIỆT | 17/4L, Ấp Đông | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 423 | CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI ÁNH NGỌC | 21/10B ấp Thới Tứ | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 424 | CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ THƯƠNG MẠI MÔI TRƯỜNG CUỘC SỐNG XANH | 17/7F Ấp Đông 1 | Hoạt động khoa học-C.nghệ khác | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 425 | CÔNG TY TNHH PICANTO VIỆT NAM | 90 Nguyễn Ánh Thủ, Ấp Đông | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 426 | CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ HỒNG THẠCH | 42 ấp Tam Đông | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |

| | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 427 | CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THUẬN TIẾN | 30/1Q Ấp Trung Đông 2 | Sản xuất trang phục | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 428 | CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XÂY DỰNG THẠCH LONG CHÂU | 111/1F Đường T5, ấp Tam Đông | XD C.trình k thuật d.dụng khác | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 429 | CÔNG TY TNHH BAO BÌ TỔNG HỢP | 55/2H Ấp Tam Đông | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đcơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 430 | CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN THƯƠNG MẠI NÔNG SẢN HỮU TRÍ | 12/1 ấp Đông | Sản xuất chế biến thực phẩm | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 431 | CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG TÂN NGUYÊN | 33/8D Ấp Trung Đông 2 | Văn hóa | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 432 | Công Ty TNHH Một Thành Viên Phú Chí Thành | 178/4B ấp Đông 1, tổ 17B | Xây dựng công trình đường sắt | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 433 | Công Ty TNHH Một Thành Viên Nồi Hơi Hân Linh | 302/5B Thới Tam Thôn 5, Ấp Tam Đông 2 | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đcơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 434 | CÔNG TY TNHH KÍNH XÂY DỰNG PHÁT ĐẠT | 113A Đường Thới Tam Thôn 5, Ấp Tam Đông | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đcơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 435 | CÔNG TY TNHH THIẾT KẾ XÂY DỰNG DUY PHƯƠNG | 878/16/1 Nguyễn Ảnh Thủ, Ấp Đông | Văn hóa | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 436 | CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU QUANG PHÁT | 2/8B Ấp Đông | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đcơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 437 | CÔNG TY TNHH CƠ ĐIỆN TỬ HOÀNG PHÁT | 27/50 Đặng Thúc Vịnh, Tổ 15, Ấp Nam Thới | Sửa chữa-BD-lắp đặt máy móc TB | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 438 | CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI SẢN XUẤT XUẤT NHẬP KHẨU ĐỨC TOÀN PHÁT | Số 333/5, Đường Trịnh Thị Miếng, ấp Tam Đông 2 | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đcơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 439 | Chi Nhánh Công Ty TNHH Xây Dựng Trang Trí Nội Thất Mai Sơn | Số 27/6K Ấp Nam Thới | C.nghiệp chế biến,chế tạo khác | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 440 | Công Ty TNHH Thương Mại Vinh Phát Đạt | 42/11 ấp Trung Đông 2 | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đcơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 441 | CÔNG TY TNHH CƠ ĐIỆN LẠNH NGỌC LAN | 78/4 Đường Thới Tam Thôn 25, ấp Tam Đông | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đcơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 442 | CÔNG TY TNHH MÁY VÀ THIẾT BỊ TÂN TIẾN | 252/16 Ấp Tam Đông 2 | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đcơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 443 | CÔNG TY TNHH THÉP KHUÔN MẪU AN PHÁT | 3/79C Ấp Nam Thới | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đcơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 444 | CÔNG TY TNHH QUẢNG CÁO TRANG TRÍ NỘI THẤT XÂY DỰNG QUỐC BẢO | 36/2H, Ấp Tam Đông | In, sao chép bản ghi các loại | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 445 | CÔNG TY CỔ PHẦN ROCONS | 37/4D Ấp Trung Đông | Văn hóa | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 446 | CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ XUẤT NHẬP KHẨU VINA PHÁT | 17/7A Ấp Thới Tứ | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đcơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 447 | CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH QUẢNG CÁO TRANG TRÍ NỘI THẤT XÂY DỰNG QUỐC BẢO | 301 Đặng Thúc Vịnh, Ấp Tam Đông | In, sao chép bản ghi các loại | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 448 | CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ XÂY DỰNG ST TOÀN THẮNG | 380 đường Trịnh Thị Miếng, Ấp Tam Đông 2 | Văn hóa | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 449 | CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BẢO VỆ - CHUYÊN NGHIỆP THĂNG LONG SEPRE 24 | 65/2H Đường Thới Tam Thôn 17, Ấp Đông | HĐ dịch vụ P.vụ cá nhân khác | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 450 | CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THƯƠNG MẠI XÂY DỰNG TRANG TRÍ NỘI THẤT MINH TÂM | 21/9R Ấp Đông | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đcơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 451 | CÔNG TY TNHH THIẾT KẾ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG SDC | 197/5 ấp Tam Đông | HĐ điều tra, t.dò, ks, tư vấn | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 452 | CÔNG TY TNHH THIÊN BÌNH VINA | Số 301/5Y Ấp Tam Đông 2 | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đcơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 453 | Công Ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Xây Lắp Thiên Hoàng Gia | 21/1B Tô Ký, ấp Đông | Bán lẻ trừ ô tô, xe máy, đ.cơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |

| | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 454 | CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH MOUSSE NGỌC CƯỜNG - XƯỞNG SẢN XUẤT NỆM | 2/3B Nguyễn Thị Ngâu, Ấp Trung Đông | SX sợi,vải, hoàn thiện SP dệt | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 455 | CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ PHÁT TRIỂN TRƯỜNG SƠN | 11/1D Ấp Tam Đông 1 | Văn hóa | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 456 | CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI XÂY DỰNG THV | 126/5G , ấp Tam Đông 3 | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 457 | CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ HOÀNG Ý | 81/3K Ấp Tam Đông 1 | Văn hóa | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 458 | CÔNG TY TNHH ĐỨC PHÁT TÀI | 40/4W Ấp Tam Đông | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 459 | CÔNG TY CỔ PHẦN KINH TẾ KỸ THUẬT MIỀN NAM | 448 Ấp Tam Đông 1 | HĐ H.chính, H.trợ VP và HĐ KD | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 460 | CÔNG TY TNHH XUẤT NHẬP KHẨU APIS | 171/1D Ấp Đông 1 | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 461 | CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ XUẤT NHẬP KHẨU ANH NGUYÊN | 38/3K Trịnh Thị Miếng | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 462 | CÔNG TY TNHH MÁY VÀ THIẾT BỊ CHẾ BIẾN THỰC PHẨM TRỌNG NGHĨA | 21/9B Tổ 72, Ấp Trung Đông | SX M. móc,TB chưa phân vào đâu | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 463 | CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ NHÔM KÍNH THANH THẢO | 61/3K Ấp Đông 1, Tổ 166 | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 464 | CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ HƯƠNG GIANG | 146/1R Ấp Tam Đông | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 465 | Công Ty TNHH Sản Xuất Thương Mại Dịch Vụ Đại Việt Hưng | Số 2/8Q Đường Ấp Đông 4, Ấp Đông | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 466 | CÔNG TY TNHH ALATECH | 21/9N, Ấp Đông | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 467 | Công Ty TNHH Nội Thất Mộc Bình | 62/1R Nguyễn Ánh Thủ | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 468 | CÔNG TY TNHH VẬN TẢI XÂY DỰNG CÔNG NGHỆ H-TECH | Số 272/5 Tam Đông 2 | Các hoạt động khácco liên quan | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 469 | CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI BẢO ĐẢM | 40/6H Ấp Đông 1 | C.nghiệp chế biến,chế tạo khác | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 470 | Doanh Nghiệp Tư Nhân Kim Phát Bảo Truyền | 3/4 Đặng Thúc Vịnh, ấp Tam Đông | Bán lẻ trừ ô tô, xe máy, đ.cơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 471 | CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ XUẤT NHẬP KHẨU ĐẦU TƯ TÂN KIM SƠN | 7/1N-ấp Trung Đông 1 | SX các SP từ nhựa (plastic) | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 472 | CÔNG TY TNHH XUẤT NHẬP KHẨU QUỐC TẾ HOÀNG QUÂN | 156/5K Ấp Tam Đông 2 | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 473 | CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỆN GIA PHÁT | 17/15B Ấp Thới Tứ | Lắp đặt HT điện, nước, xd khác | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 474 | CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ THƯƠNG MẠI DIỆT MỐI TRƯỜNG SƠN | 33/31 tổ 180, ấp Đông | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 475 | CÔNG TY TNHH DẦU KHÍ HYUN DAI VIỆT NAM | 141/5T Đường Thới Tam Thôn 5, Ấp Tam Đông 2 | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 476 | CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU DU LỊCH QUỐC TẾ MIỀN NAM | 140/5G Ấp Tam Đông 2 | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 477 | CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ MÁY MAY NGUYÊN ĐẠT | 96/4X Tam Đông | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 478 | Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Thương Mại Và Dịch Vụ Môi Trường Thanh Trì | 289/5 Đường DT5, Ấp Tam Thới Đông 2 | Khai thác đá, cát, sỏi,đất sét | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 479 | Chi Nhánh Công Ty TNHH Sản Xuất Thương Mại Dịch Vụ Xuất Nhập Khẩu Đầu Tư Tân Kim Sơn - Kho Chứa Hàng | Số 6B, tổ 84, ấp Trung Đông 2 | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 480 | CÔNG TY TNHH CPSUN | 32/5A Ấp Đông | Sản xuất trang phục | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 481 | CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI MAY MẶC THIÊN MỸ | 9/1D ấp Tam Đông | Sản xuất trang phục | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |

| | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 482 | CÔNG TY TNHH XUẤT NHẬP KHẨU THUẬN TÍN PHÁT | 12/1B Tô Ký, Ấp Tam Đông 1 | SX các SP từ nhựa (plastic) | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 483 | CÔNG TY TNHH THIẾT KẾ XÂY DỰNG LÂM GIA PHÁT | 3/107 Ấp Tam Đông | XD C.trình k thuật d.dụng khác | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 484 | CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI MỘC ĐẠI CÁT | 29/14 ấp Nam Thới | Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 485 | Chi Nhánh Công Ty TNHH Nhựa Nghĩa Phát | 29/1A Ấp Trung Đông | SX các SP từ nhựa (plastic) | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 486 | CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ VÀ SẢN XUẤT TẤM CÁCH NHIỆT THÁI THANH | 14/20A ấp Trung Đông 1 | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đcơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 487 | CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ XUẤT NHẬP KHẨU HƯNG THỊNH | 72/2P Đường TTT5 | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đcơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 488 | CÔNG TY TNHH XUẤT NHẬP KHẨU NÔNG NGHIỆP LION | 39/16H Tổ 132, Ấp Đông | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đcơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 489 | CÔNG TY TNHH VƯƠNG PHÁT THỊNH | 37/2K, tổ 165., ấp Đông 1 | Bán lẻ trừ ô tô, xe máy, đ.cơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 490 | CÔNG TY TNHH HÓA NÔNG NHẬT BẢN | 35/6P, Ấp Đông 1 | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đcơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 491 | CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI XÂY DỰNG MINH CẢNH | 86/2 Đường TTT6, Ấp Đông 1 | SX các SP từ nhựa (plastic) | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 492 | Công Ty TNHH Thiết Kế Đo Đạc Hùng Nga | 23/4A Đặng Thúc Vịnh, ấp Tam Đông | HĐ điều tra, t.dò, ks, tư vấn | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 493 | Công Ty Luật TNHH MTV Đại Pháp Việt | 124/5K Đường Thới Tam Thôn 5, ấp Tam Đông 2 | Tư vấn PL,k.toán,k.toán t.định | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 494 | CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT PHÚC ÂN | 30/5E Ấp Đông | Sản xuất SP từ K.loại đúc sẵn | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 495 | CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT VÀ XÂY DỰNG PHƯỚC THÀNH | 42/2E Ấp Thới Tứ | Sửa chữa-BD-lắp đặt máy móc TB | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 496 | DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN VÀNG KIM THIỆN PHÁT | 2/4 Đặng Thúc Vịnh, Ấp Tam Đông | Bán lẻ trừ ô tô, xe máy, đ.cơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 497 | Công Ty TNHH Môi Trường Quang Nguyễn | 75/2K Tổ 176, Ấp Đông 1 | Hoạt động xử lý chất thải lỏng | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 498 | Công Ty Cổ Phần Thương Mại Dịch Vụ May Mặc Đồng Phục Thu Hà | 12/7 Trịnh Thị Miếng, Ấp Đông | Sản xuất trang phục | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 499 | CÔNG TY TNHH TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG ĐIỆN HỌC | 22/18N Ấp Trung Đông | Lắp đặt HT điện, nước, xd khác | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 500 | Công Ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Kim Khí Điện Máy Nam Thư | 28 Nguyễn Ánh Thủ, Ấp Đông 1 | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đcơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 501 | CÔNG TY TNHH CỬA VÀ PHỤ KIỆN KÍNH GIA KHANG | 34/6A Ấp Đông | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đcơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 502 | CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ SẢN XUẤT MÔI TRƯỜNG Ý LINH VIỆT NAM | 136 Ấp Tam Đông 2 | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đcơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 503 | CÔNG TY TNHH TRANG TRÍ NỘI THẤT NAM THIÊN PHÁT | 280A Tô Ký | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đcơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 504 | CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT GIA NGUYÊN MIỀN NAM | 34/3H Tổ 31, ấp Thới Tứ 1 | Lắp đặt HT điện, nước, xd khác | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 505 | CÔNG TY TNHH SEA PHÚC TIẾN | 34/6K, Đường T4, Ấp Trung Đông | In, sao chép bản ghi các loại | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 506 | CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT CƠ KHÍ - XÂY DỰNG NGUYÊN HẢI | 156/2G Tổ 156, Ấp Đông 1 | Sản xuất SP từ K.loại đúc sẵn | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 507 | CÔNG TY TNHH XE NÂNG THUẬN PHÁT | 30/5E Ấp Đông | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đcơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 508 | CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI PHỤ TÙNG XE MÁY VIỆT THÁI MÔ TÔ | 121 Đường Tam Đông 11, Ấp Tam Đông 3 | Bán, sửa chữa ô tô, mô tô, XM | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 509 | CÔNG TY TNHH TM DV VT PHƯƠNG THỊNH | 57/5Y Đường Tam Đông 11, Ấp Tam Đông 3 | Hoạt động DV H.trợ cho vận tải | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 510 | CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG PHÁT TRIỂN THUẬN PHÁT | 29 Đường Tam Đông 2, Ấp Tam Đông 2 | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đcơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |

| | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 511 | Chi Nhánh Công Ty TNHH Trò Chơi Điện Tử Lê Hoàng Ân | Số 22/6 Đường Trịnh Thị Miếng, Tổ 70, Ấp Trung Đông | Hoạt động vui chơi giải trí | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 512 | CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ MÔI TRƯỜNG ĐỨC THỌ | 5/7B ấp Nam Thới | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 513 | CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ YZEN | 155/3B Trịnh Thị Miếng, Ấp Tam Đông | Văn hóa | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 514 | CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CÔNG NGHIỆP KIM PHƯƠNG | 42/4N Ấp Đông | Sản xuất thiết bị điện | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 515 | CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ HOÀNG ĐẠI LỢI | 144/5T Ấp Tam Đông 2 | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 516 | Công Ty TNHH Thiết Kế Và Xây Dựng An Phú Cường | 89/2 Ấp Tam Đông | HĐ điều tra, t.dò, ks, tư vấn | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 517 | CÔNG TY TNHH KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG VIỆT THÁI | 10/1Y Tổ 140, Ấp Tam Đông 1 | Khai thác lọc - phân phối nước | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 518 | CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI TÔNG HỢP LONG TIÊN | 63/4D ấp Đông | Hoạt động viễn thông | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 519 | CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI TRƯƠNG ĐÌNH | 11/126 Tam Đông 2 | Bán, sửa chữa ô tô, mô tô, XM | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 520 | CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU TRANG TRÍ NỘI THẤT HẢI NAM | 107/5M Tổ 102, Ấp Tam Đông | Hoạt động khoa học-C.nghệ khác | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 521 | Chi Nhánh Công Ty TNHH Trò Chơi Điện Tử Lê Hoàng Ân | Số 25/3C Tổ 112, Ấp Tam Đông | Hoạt động vui chơi giải trí | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 522 | Công Ty TNHH Thương Mại Xây Dựng Và Vận Tải Đại Doanh | 25/8M Đường Trịnh Thị Miếng, Ấp Trung Đông | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 523 | CÔNG TY TNHH MAY MẶC BM 247 | Số 198/8/31 đường Thới Tam Thôn 17, ấp Đông 1 | Sản xuất trang phục | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 524 | CÔNG TY TNHH MAY CÔNG NGHIỆP NHẬT NAM | 45 Đường Tam Đông 27-Ấp Tam Đông | SX da và các SP có liên quan | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 525 | Công Ty TNHH Thương Mại Xây Dựng Phát Triển Cường Thành | Số 42/5M, ấp Đông | Văn hóa | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 526 | CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI QUẢNG CÁO KIM BẢO THIÊN | 3/3E/3 Ấp Tam Đông | SX da và các SP có liên quan | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 527 | Công Ty TNHH K.L.Q | 64/3Q, Ấp Tam Đông 1 | SX da và các SP có liên quan | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 528 | CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI KÍNH XÂY DỰNG NGỌC AN | 105/3A Tam Đông 20, Ấp Tam Đông 2 | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 529 | CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT - THƯƠNG MẠI HOSH VIỆT NAM | 77/5V ấp Tam Đông 2 | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 530 | CÔNG TY TNHH TRANG TRÍ NỘI THẤT ĐƠN GIẢN LÀ ĐẸP | 16/14D Ấp Trung Đông | Hoạt động khoa học-C.nghệ khác | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 531 | CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI SẢN XUẤT GIA TÍN | 38/7M Ấp Đông | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 532 | CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG AN PHƯỚC THỊNH | 32/1 Tô Ký, Ấp Đông | HĐ điều tra, t.dò, ks, tư vấn | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 533 | CÔNG TY TNHH CSSL | 64/3A Ấp Đông | Sản xuất trang phục | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 534 | Công Ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Sản Xuất Giày Trần Thịnh | 5/17 Thới Tứ | SX da và các SP có liên quan | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 535 | CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ KHANG LÊ | Số 60A Đường Tam Đông 21 | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 536 | CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI SƠN NHI | 30/11 Tô Ký, Ấp Nam Thới | SX các SP từ nhựa (plastic) | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 537 | Công Ty TNHH Gia Hân Bmt | số 14/17X ấp Đông | Sản xuất chế biến thực phẩm. | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 538 | CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ VÀ ĐÀO TẠO MINH PHONG | 199/1B ấp Tam Đông 1 | H.động SX phần mềm máy tính | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 539 | DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN KIM HOÀNG THỚI TỨ | 15/10H Ấp Trung Đông | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |

| | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 540 | Chi Nhánh Công Ty TNHH Đo Đạc Xây Dựng Gia Thịnh | 153 Đặng Thúc Vịnh | HĐ điều tra, t.đò, kả, tư vấn | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 541 | CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU NHỚN TOYOTAOIL VIỆT NAM | 141/5T Đường Thới Tam Thôn 5, Ấp Tam Đông 2 | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đco | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 542 | CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ THÉP TỰ ANH | 35/2G Ấp Trung Đông | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đco | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 543 | Văn Phòng Đại Diện Tại Thành Phố Hồ Chí Minh-Công Ty TNHH Tư Vấn & Chuyển Giao Công Nghệ Pro - Việt | 10/4A Ấp Tam Đông | Quảng cáo (trừ in quảng cáo) | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 544 | Công Ty TNHH Bao Bì Việt Lâm Vina | 38/2 Đặng Thúc Vịnh, Ấp Thới Tứ | SX SP từ gỗ, tre, nứa, rơm, rạ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 545 | Công Ty TNHH Kỹ Thuật Điện Tây Nam | 148/1B, Ấp Tam Đông | Lắp đặt HT điện, nước, xd khác | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 546 | CÔNG TY TNHH PHƯƠNG MINH BẢO | Số 169 Đường Thới Tam Thôn 9, Ấp Trung Đông | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đco | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 547 | Công Ty TNHH Thương Mại Thiết Kế Xây Dựng Hồng Anh | 91/3E Ấp Tam Đông | XD C.trình k thuật d.dụng khác | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 548 | CÔNG TY TNHH KỸ THUẬT XÂY DỰNG VIỆT HƯNG PHÁT | 192/5E Ấp Tam Đông 3 | Lắp đặt HT điện, nước, xd khác | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 549 | CÔNG TY TNHH WINPKT | 26/3S ấp Trung Đông | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đco | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 550 | CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG NHÀ ĐỐI | 35/9 đường Nguyễn Thị Ngâu, ấp Trung Đông 2 | Văn hóa | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 551 | CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN TRANG TRÍ NỘI THẤT HOÀNG KIM | 48/2A Ấp Thới Tứ | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đco | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 552 | CÔNG TY TNHH PHỤ GIA BAO BÌ NHỰA HOÀNG DƯƠNG | 53/2K Ấp Tam Đông 1 | SX hoá chất và S.phẩm hoá chất | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 553 | CÔNG TY TNHH ĐO ĐẠC THIẾT KẾ XÂY DỰNG DỊCH VỤ TRẦN MẠN | 97/2F Ấp Tam Đông 1 | Văn hóa | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 554 | CÔNG TY TNHH CÂY XANH TOÀN CẢNH | 294/5B, đường TTT 5-6, ấp Tam Đông 2 | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đco | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 555 | CÔNG TY TNHH ĐỒ GỖ MỸ NGHỆ THẮM DƯƠNG | 65/1E, Ấp Đông | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đco | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 556 | CÔNG TY TNHH TIẾN PHÚC LONG | 119/5H-G, đường Thới Tam Thôn 15, ấp Tam Đông 2 | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đco | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 557 | CÔNG TY TNHH SẮT THÉP TRUNG HIẾU | 38/5F Đặng Thúc Vịnh | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đco | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 558 | CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ XÂY DỰNG HÙNG VĨ | 172/5C Ấp Đông 1 | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đco | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 559 | CÔNG TY TNHH KỸ THUẬT CƠ ĐIỆN GIA NGHĨA | 99/3 Thới Tam Thôn 5, Ấp Tam Đông | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đco | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 560 | CÔNG TY TNHH BẤT ĐỘNG SẢN VÀ XÂY DỰNG ĐỨC MINH LONG | 305/5S Ấp Tam Đông 2 | XD C.trình k thuật d.dụng khác | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 561 | CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI XÂY DỰNG ĐIỆN TRUNG THÀNH - KHÁCH SẠN TRUNG THÀNH | 66 đường TTT6 Ấp Đông 1 | XD C.trình k thuật d.dụng khác | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 562 | CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ CÔNG NGHỆ NAM NGUYỄN | 10/1B Ấp Đông | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đco | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 563 | CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CƠ KHÍ LÒ HƠI TÂM ĐỨC H | 214 Tô Ký, Ấp Tam Đông | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đco | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 564 | CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THIẾT BỊ ĐIỆN QUẢN TÂN | 56/5M Tam Đông 3 | Sản xuất thiết bị điện | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 565 | CÔNG TY TNHH INTERNATIONAL KINGTECH | 65/3K Phạm Thị Giây, Ấp Tam Đông | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đco | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 566 | CÔNG TY TNHH THỂ THAO MAI HÙNG | 4/1 Ấp Tam Đông | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đco | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 567 | CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT TƯ VẤN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ NƯỚC XANH | 7/21 Tô Ký, tổ 115 Ấp Đông | Hoạt động khoa học-C.nghệ khác | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 568 | CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN PRORICE NHẬT | Số 48/10A Ấp Thới Tứ 2 | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đco | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |

| | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 569 | CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ TRANG TRÍ NỘI THẤT HƯNG PHÁT | 128C Nguyễn Ánh Thủ | Bán lẻ trừ ô tô, xe máy, đ.cơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 570 | CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ BẢO VỆ VỆ SĨ CHUYÊN NGHIỆP LONG HẢI | 75/2 Ấp Tam Đông 1 | HĐ đ.tra, quan trắc b.vệ MT | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 571 | CÔNG TY TNHH NGÔN NGỮ TÀI NĂNG VIỆT | 171/2C ấp Đông 1 | Giáo dục mầm non | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 572 | CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU HÒA NÔNG CỬU LONG | 87 Trịnh Thị Miếng, Ấp Đông | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đcơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 573 | CÔNG TY TNHH KHÍ CÔNG NGHIỆP PHÁT TÀI | Số 61/3G, Tổ 156, Ấp Đông 1 | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đcơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 574 | CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI XÂY DỰNG QUANG DŨNG | 171/2D, ấp Đông 1 | Văn hóa | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 575 | CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI XÂY DỰNG ĐIỆN TRƯỜNG THỊNH PHÁT | 21/4D Tô Ký,ấp Đông | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đcơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 576 | CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ KỸ THUẬT DUY AN | 31/5Q Đường Thới Tam Thôn 14 | Lắp đặt HT điện, nước, xd khác | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 577 | CÔNG TY TNHH VŨ ĐẠC | Số 17 đường Tam Đông 23, Ấp Tam Đông 2 | Văn hóa | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 578 | CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ VẬN TẢI VÀ XÂY DỰNG QUỐC KHANG | 177/4B Ấp Đông 1 | Văn hóa | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 579 | CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG - PHÒNG CHÁY CHỮA CHÁY THĂNG LONG | 114/5Q Ấp Tam Đông 2 | HĐ điều tra, t.dò, ks, tư vấn | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 580 | CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI QM SHOES | 10/3B đường Thới Tam thôn 18, ấp Tam Đông 1 | SX da và các SP có liên quan | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 581 | CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI - DỊCH VỤ VÀ DU LỊCH TÂM ĐẮC | 1/2B Bùi Văn Ngữ, Ấp Đông | HĐ của ĐL du lịch, quảng bá | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 582 | CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG CƠ KHÍ MÔI TRƯỜNG TÍN PHÁT | 136/5c, Ấp Tam Đông 2 | Sản xuất SP từ K.loại đúc sẵn | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 583 | CÔNG TY TNHH HT ĐỒNG SƠN | 156/3 V ấp Đông 1 | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đcơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 584 | CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN SƠN TUYỀN PHÁT | 157/1A Tam Đông | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đcơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 585 | CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ BAO BÌ BÌNH NGUYÊN | 68/2D Tổ 156, Ấp Đông | Sản xuất giấy và SP từ giấy | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 586 | CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ - ĐO ĐẠC VÀ THIẾT KẾ XÂY DỰNG QUANG MINH | Số 305/5G Ấp Tam Đông 2 | XB sách, ấn phẩm đ.kỳ, HĐ XB | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 587 | CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ VẬN TẢI ĐỨC MINH | 54/5Y Tam Đông 3 | Vận tải đường bộ khác | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 588 | CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN ĐẦU TƯ VẬN TẢI THÁI SƠN 8 | 10 Ấp Trung Đông 1 | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đcơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 589 | CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ KINH DOANH HÀNG HÓA 52 | số 30/1C Đường Ấp Đông, Ấp Đông | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đcơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 590 | CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU MINH TÂM | 97/2L Ấp Tam Đông 1 | SX M. móc,TB chưa phân vào đâu | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 591 | CÔNG TY TNHH VẬT LIỆU VÀ KEO VIỄN THANH | 21/4 Đường Lê Thị Hà, Ấp Nam Thới | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đcơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 592 | CÔNG TY TNHH NHÔM KÍNH XÂY DỰNG LÊ GIA | 188/5 Ấp Tam Đông 2 | C.nghiệp chế biến,chế tạo khác | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 593 | CÔNG TY TNHH KINH DOANH SẢN XUẤT PHÚ NAM ANH | 2/3A ấp Tam Đông | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đcơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 594 | CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ XUẤT NHẬP KHẨU CƯỜNG VIỆT | 188/1 Đường Thới Tam Thôn 18, ấp Tam Đông 1 | Văn hóa | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 595 | CÔNG TY TNHH KỸ THUẬT ĐIỆN LẠNH PHÚ GIA KHANG | 182/12 Nguyễn Ánh Thủ | Nhà hàng,d.vụ ăn uống lưu động | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 596 | CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG VÀ TRANG TRÍ NỘI THẤT ĐẠI AN | Số 39H/1A Nguyễn Ánh Thủ | Hoạt động khoa học-C.nghệ khác | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |

| | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 597 | CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI - DỊCH VỤ XÂY DỰNG KỸ THUẬT THÀNH PHÁT | 177/8 Tổ 177, Ấp Đông 1 | HĐ điều tra, t.dò, ks, tư vấn | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 598 | CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI - XÂY DỰNG MINH PHÁT ĐẠT | 180/1M Tổ 180 Ấp Đông 1 | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đcơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 599 | CÔNG TY TNHH TRANG TRÍ NỘI THẤT THÀNH TÂN | 80/3X Ấp Tam Đông 1 | Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 600 | CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI KỸ THUẬT PSC | 199/1A Tam Đông | Sửa chữa-BD-lắp đặt máy móc TB | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 601 | CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ HOÀNG KHÁNH VY | 436/9 Đường Đặng Thúc Vịnh, Ấp Tam Đông 3 | Sản xuất chế biến thực phẩm | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 602 | CÔNG TY TNHH ĐO ĐẠC – THIẾT KẾ - XÂY DỰNG – BẤT ĐỘNG SẢN MINH HOÀNG | 45/1 Ấp Nam Thới | SX các SP từ nhựa (plastic) | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 603 | CÔNG TY TNHH GIÁO DỤC ĐÀO TẠO BỒI TRÍ | 25/1C Ấp Thới Tứ 1 | Đào tạo khác trong nước | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 604 | CÔNG TY TNHH KPJ VINA | 130/5Q Ấp Tam Đông 3 | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đcơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 605 | CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI - DỊCH VỤ - KỸ THUẬT TÂM AN PHÁT | 187/5F ấp Tam Đông 2 | Văn hóa | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 606 | CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG NAM THANH SƠN | 280a Tổ Ký | XD C.trình k thuật d.dụng khác | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 607 | CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI SẮT THÉP ĐẠI TÍN NGHĨA | 128A Nguyễn Ảnh Thủ, Ấp Đông 1 | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đcơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 608 | CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ GIAO NHẬN VẬN TẢI ĐẠI VIỆT | 210/1A đường Thới Tam Thôn 18, ấp Tam Đông 1 | Vận tải đường bộ khác | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 609 | CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG THÀNH CÔNG | 30/1A Tổ Ký, Ấp Đông | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đcơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 610 | CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ KHẢI MINH | 41/9B Đường Thới Tam Thôn 12, Ấp Thới Tứ 2 | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đcơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 611 | CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI XÂY DỰNG QUANG DŨNG | 34/1B Ấp Trung Đông 2, Đường Trung Đông 7 | Văn hóa | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 612 | CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ DU LỊCH HOA ANH | 30/2B Ấp Trung Đông | HĐ của ĐL du lịch, quảng bá | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 613 | CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI SẢN XUẤT HN TORO | 16/4 Trần Thị Bốc, ấp Thới Tứ | Sản xuất trang phục | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 614 | CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT BÌA BAO NAI AN BẢO NHI | 92/5H Ấp Tam Đông 3 | SX các SP từ nhựa (plastic) | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 615 | CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ QUẢNG CÁO THIÊN AN | 46/2R Ấp Thới Tứ 2 | SX đa và các SP có liên quan | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 616 | CÔNG TY TNHH THIẾT KẾ THI CÔNG TRANG TRÍ NỘI THẤT NHẤT HUY | 76/4A Đường Tam Đông 25 | Hoạt động khoa học-C.nghệ khác | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 617 | CÔNG TY TNHH DANH-STAR | 36/8A, ấp Trung Đông 2 | Đào tạo khác trong nước | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 618 | CÔNG TY TNHH VẬN TẢI DƯƠNG THÔNG | 59/5Z ấp Tam Đông 3 | Hoạt động DV H.trợ cho vận tải | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 619 | CÔNG TY TNHH THIẾT KẾ XÂY DỰNG VÕ VĂN NHẬT | 161 Đặng Thúc Vịnh | Văn hóa | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 620 | CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH KINH XÂY DỰNG PHÁT ĐẠT | 96 Nguyễn Ảnh Thủ, Ấp Đông | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đcơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 621 | CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP PHÁT LỘC | 67 Đường Tam Đông 29, Tổ 109, Ấp Tam Đông | Kinh doanh bất động sản | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 622 | CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ QUẢNG CÁO NAM NGUYÊN | 27/28E Tổ 35, Ấp Thới Tứ | Quảng cáo (trừ in quảng cáo) | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 623 | DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN VÀNG BẠC PHÁT TÀI | 4/45 Đặng Thúc Vịnh, Tổ 15, Ấp Nam Thới | Bán lẻ trừ ô tô, xe máy, đ.cơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 624 | CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ QUẢNG CÁO VIỆT BÁO | 56/2 Ấp Tam Đông | Quảng cáo (trừ in quảng cáo) | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |

| | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 625 | CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN NỘI THẤT TÂM GIA LỘC | Số 11/7 Đường Trần Thị Bốc | Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 626 | CÔNG TY TNHH XD TM VÀ TTNT LONG THÀNH ĐẠT | 10/4C Thới Tam Thôn 18, ấp Tam Đông | Hoạt động khoa học-C.nghệ khác | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 627 | CÔNG TY TNHH TÚI XÁCH THÙY LINH | 35/13E, Ấp Trung Đông 2 | SX da và các SP có liên quan | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 628 | CÔNG TY TNHH KHUNG NHÀ THÉP VÀ CẦU TRỤC C79 STEEL | 16/1 Đường Thới Tam Thôn 17, Ấp Đông 1 | Văn hóa | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 629 | CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI NĂNG LƯỢNG VIỆT ÚC | 109 Đặng Thúc Vịnh | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đcơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 630 | DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN KINH DOANH VÀNG VÀ CẦM ĐỒ KIM THÀNH VŨ | 169/2K Đường Thới Tam Thôn 6, Ấp Đông 1 | Bán lẻ trừ ô tô, xe máy, đ.cơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 631 | CÔNG TY TNHH SANKI SERVICE VIỆT NAM | 147/1Đ Tổ 93, Ấp Tam Đông | XD C.trình k thuật d.dụng khác | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 632 | CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI VĂN ĐỘNG | 61/3M Thới Tam Thôn 17 | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đcơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 633 | CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI CHÂU THÚY | 190/3S, Ấp Tam Đông | Sản xuất trang phục | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 634 | CÔNG TY TNHH XUẤT NHẬP KHẨU NÔNG NGHIỆP SONIC | 16/22 Thới Tam Thôn 17, Ấp Đông 1 | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đcơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 635 | CÔNG TY TNHH NGUYÊN LIỆU ĐÓNG GÓI MIỀN NAM | 1/88, ấp Trung Đông 2 | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đcơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 636 | CÔNG TY TNHH THIẾT KẾ XÂY DỰNG TOÀN PHÚC | 175/2A, Ấp Đông 1 | Văn hóa | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 637 | CÔNG TY TNHH KỸ THUẬT MÔI TRƯỜNG DCS VIỆT NAM | 3/4A Đường Nam Thới 4, ấp Thới Tứ | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đcơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 638 | CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ XÂY DỰNG TODAY DECOR | 298/5C Phạm Thị Giây | XD C.trình k thuật d.dụng khác | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 639 | CÔNG TY TNHH KỸ THUẬT BẢO CHÂU | 179/3G ấp Đông 1 | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đcơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 640 | CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI VĂN ĐỘNG | 55/2G Ấp Tam Đông | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đcơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 641 | CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN MAY SƠN VIỆT - XƯỞNG MAY THỚI TAM THÔN | 158/10 Đường Ấp Đông 2, Ấp Đông 1 | SX sợi,vải, hoàn thiện SP dệt | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 642 | CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT MỸ PHẨM ĐÔNG DƯỢC VIOGIA PURE | 32 Đường Tô Ký 8, Ấp Tam Đông 1 | SX hoá chất và S.phẩm hoá chất | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 643 | CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ NHÀ ĐẤT NGUYỄN KIM | Số 153 Tổ 92 Đường Đặng Thúc Vịnh , Ấp Tam Đông | Tư vấn, môi giới, đấu giá BĐS | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 644 | CÔNG TY TNHH THÊU MAY TIẾN PHÁT | 292/5 đường Nguyễn Thị Thành ấp Tam Đông 3 | SX sợi,vải, hoàn thiện SP dệt | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 645 | CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI LÊ ANH FOOD | Số 116/5 đường Phạm Thị Giây, tổ 36, ấp Tam Đông 2 | Bán lẻ trừ ô tô, xe máy, đ.cơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 646 | CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ XÂY DỰNG GIÓ NAM | số 55/3S đường Phạm Thị Giây, ấp Tam Đông | Vận tải đường bộ khác | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 647 | CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐẦU TƯ VÀ THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ HẢI ĐĂNG | 14/21M Nguyễn Ánh Thủ, ấp Đông | SX SP từ chất khoáng phi kim | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 648 | CÔNG TY TNHH DLG | 270 Bùi Văn Ngữ, Ấp Đông | SX sợi,vải, hoàn thiện SP dệt | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 649 | CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THỜI TRANG VƯƠNG ANH | 147/1C Ấp Tam Đông | SX da và các SP có liên quan | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 650 | CÔNG TY CỔ PHẦN BẤT ĐỘNG SẢN SÀI GÒN HƯNG THỊNH | Số 5/104A Trần Thị Bốc | Kinh doanh bất động sản | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 651 | CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH GIÁO DỤC TRÍ VIỆT THĂNG LONG | 29/5B Đặng Thúc Vịnh | Đào tạo khác trong nước | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 652 | CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN ANH NGỮ TÂN Á | 109/3N, Ấp Tam Đông | Đào tạo khác trong nước | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |

| | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 653 | CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI MAI LỢI | 19/3B Tô Ký, Tổ 145, Ấp Đông | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 654 | CÔNG TY TNHH LOTUS HUB | 19/3B Ấp Tam Đông | Tư vấn PL,k.toán,k.toán t.định | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 655 | CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI SẢN XUẤT MI SHU | 24/4 Ấp Tam Đông 3 | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 656 | CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI SẮT THÉP XÂY DỰNG ĐỨC TRƯỜNG | 94 Nguyễn Ảnh Thủ | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 657 | CÔNG TY TNHH KEI CONCEPT | 26/5Y Ấp Tam Đông 3 | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 658 | CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI SẢN XUẤT LẮP ĐẶT TRƯỜNG THÀNH | 234/57 Đặng Thúc Vịnh, Ấp Tam Đông | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 659 | CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT DAHA | 22/10Q Nguyễn Thị Sáu, Ấp Trung Đông | SX SP từ chất khoáng phi kim | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 660 | CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT TÔN THÉP TRUNG THÀNH | 30/16 Tô Ký, Ấp Nam Thới | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 661 | CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI XÂY DỰNG MINH CẢNH | 62/3P Đường TTT6, Ấp Đông | SX các SP từ nhựa (plastic) | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 662 | CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN DỊCH VỤ VIỄN THÔNG QUỐC DŨNG | 141/5J Phạm Thị Giây, Ấp Tam Đông 2 | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 663 | CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ VIỄN THÔNG 09 | 2/3 Đường Phạm Thị Giây | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 664 | CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI KỸ THUẬT XÂY DỰNG HOÀNG PHÚC | 10/4B, ấp Thới Tứ | Văn hóa | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 665 | CÔNG TY TNHH THIẾT KẾ XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI VIỆT NHẬT | 128/5E Ấp Tam Đông 2 | Văn hóa | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 666 | CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT - THƯƠNG MẠI - DỊCH VỤ ESTERLUBE | 10/3G Ấp Tam Đông 1 | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 667 | VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HỒNG ÂN | 19/3 Ấp Đông | HĐ H.chính, H.trợ VP và HĐ KD | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 668 | CÔNG TY TNHH MTV NAM TRÂM ANH | 305/5R Thới Tam Thôn 6, ấp Tam Đông 2 | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 669 | CÔNG TY TNHH XUẤT NHẬP KHẨU KỸ THUẬT NÔNG NGHIỆP YAKARA | 144B Đường Ấp Đông 3, Ấp Đông 1 | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 670 | VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN CÔNG TY TNHH XUẤT NHẬP KHẨU & SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI HÙNG THANG | 21/9B Tổ 72, Ấp Trung Đông | HĐ H.chính, H.trợ VP và HĐ KD | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 671 | CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ DỊCH VỤ THƯƠNG MẠI KỸ THUẬT THIÊN AN | 3/6 Ấp Thới Tứ 2 | Sửa chữa-BD-lắp đặt máy móc TB | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 672 | CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ VIỄN THÔNG HOÀNG AN | 110/5P Ấp Tam Đông 3 | XD C.trình k thuật d.dụng khác | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 673 | CÔNG TY TNHH CWG | 64/3A, Ấp Đông | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 674 | CÔNG TY TNHH DIDY | Số 33/1D Đường Trung Đông | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 675 | CÔNG TY TNHH RON KÍNH NGỌC LINH | Số 13/1C ấp Tam Đông | Sản xuất SP từ K.loại đúc sẵn | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 676 | CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT GIÀY DÉP HUY HOÀNG | 140/3K, Ấp Tam Đông | SX da và các SP có liên quan | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 677 | CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ XUẤT NHẬP KHẨU IN ẤN MINH PHÁT | 29/7B Ấp Đông | In, sao chép bản ghi các loại | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 678 | CÔNG TY TNHH LUẬT THIÊN LONG | 97/5S Tam Đông 3 | Tư vấn PL,k.toán,k.toán t.định | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 679 | CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ SỬA CHỮA BẢO TÍN | 14/17T ấp đông | Sửa chữa-BD-lắp đặt máy móc TB | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 680 | CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN THIẾT BỊ NGÂN HÀNG TRƯỜNG HUY | 166/3B Ấp Đông 1 | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 681 | CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ XUẤT NHẬP KHẨU VĨNH HƯNG THỊNH | Số 173/3C Ấp Đông 1 | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |

| | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 682 | VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN CÔNG TY CỔ PHẦN VIND ĐẠI VIỆT | 156/6B Tổ 156, Ấp Đông 1 | HĐ H.chính, H.trợ VP và HĐ KD | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 683 | CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ NGUYÊN KIỆM | 65/2R Ấp Đông | HĐ điều tra, t.dò, ks, tư vấn | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 684 | CÔNG TY TNHH MAY MẶC XUẤT NHẬP KHẨU TĂNG HÀ VY | 11/1H Tam Đông 1 | Sản xuất trang phục | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 685 | CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH DỊCH VỤ TỔNG HỢP VIỆT LAND | 305/5W ấp Tam Đông 2 | Tư vấn, môi giới, đấu giá BĐS | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 686 | CÔNG TY TNHH THIẾT KẾ ĐO ĐẠC XÂY DỰNG GIA MỸ | 107 Ấp Đông | Văn hóa | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 687 | CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VẬN TẢI THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ THUẬN TIẾN | 333/5E Tam Đông 2, ấp Tam Đông 2 | Vận tải đường bộ khác | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 688 | CÔNG TY TNHH NASAKI | 110/3P Tam Đông | Bán lẻ trừ ô tô, xe máy, đ.cơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 689 | CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỀN DUY ANH | 30/3A ấp Trung Đông 2 | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đcơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 690 | CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐẠI NGUYÊN XANH | 6/11Q Ấp Đông | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đcơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 691 | CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ THIẾT KẾ XÂY DỰNG PHÚ LONG | 78/3Z Phạm Thị Giây, Ấp Tam Đông 1 | HĐ điều tra, t.dò, ks, tư vấn | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 692 | CÔNG TY TNHH TCM GARMENT | 189A Nguyễn Thị Thành, Ấp Tam Đông 2 | Sản xuất trang phục | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 693 | CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ KINH DOANH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ NGỌC MINH | 12/51 Ấp Đông | HĐ H.chính, H.trợ VP và HĐ KD | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 694 | CÔNG TY TNHH THỦY SẢN THE BEST | Số 200/5N Phạm Thị Giây, Tổ 136 | C.nghiệp chế biến,chế tạo khác | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 695 | CÔNG TY TNHH XUẤT NHẬP KHẨU THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ MINH QUÂN VŨ | 377 Phạm Thị Giây, Ấp Tam Đông 1 | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đcơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 696 | CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI CẨU TRỤC HOÀNG ANH | 90/1 Đặng Thúc Vịnh | SX M. móc,TB chưa phân vào đâu | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 697 | CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG CƠ KHÍ THƯƠNG MẠI DUY HÙNG | 17/10K Trần Thị Bốc, ấp Thới Tứ | Lắp đặt HT điện, nước, xd khác | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 698 | CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ VIỆT HOÀN | 158/10 Đường Ấp Đông 1-2, Ấp Đông 1 | C.nghiệp chế biến,chế tạo khác | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 699 | CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ SẢN XUẤT NAM HƯNG | 82/1E, Tổ 142, Ấp Tam Đông 1 | Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 700 | CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ SÀI GÒN LIMOUSINE | 48/32 Tổ 41, Ấp Thới Tứ | Bán, sửa chữa ô tô, mô tô, XM | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 701 | CÔNG TY TNHH PRIDEVN REAL | 317/5L Ấp Tam Đông 2 | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đcơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 702 | CÔNG TY TNHH PRIDEVN GROUP | 317/5L Ấp Tam Đông 2 | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đcơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 703 | CHI NHÁNH SỐ 1 - CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT ĐỨC ANH VN | 40/4H Đường Nguyễn Ảnh Thủ, Tổ 182 Ấp Đông 1 | Kinh doanh bất động sản | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 704 | CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ QUANG CAO LAN ANH | Số 41/21 Đường Thới Tam Thôn 12, Ấp Thới Tứ | Hoạt động khoa học-C.nghệ khác | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 705 | CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI THĂNG LONG FOOD | 27/5A Ấp Thới Tứ | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đcơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 706 | CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ THÁI LỘC | 291/5M Ấp Tam Đông 2 | C.nghiệp chế biến,chế tạo khác | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 707 | CÔNG TY TNHH KỸ THUẬT N.H | 66/9 Trung Đông 8 | Sửa chữa-BD-lắp đặt máy móc TB | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 708 | CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỆN DAMREY | 173/2D Ấp Đông 1 | Lắp đặt HT điện, nước, xd khác | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 709 | CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI SƠN NHI | 4/90 Đường Thới Tam Thôn 11A, Ấp Nam Thới | SX các SP từ nhựa (plastic) | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 710 | CÔNG TY TNHH KHÍ CÔNG NGHIỆP HOÀNG VŨ | 37/9B Ấp Đông | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đcơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |

| | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 711 | CÔNG TY TNHH VC THUẬN PHÁT | 68/2X Ấp Đông 1 | C.nghiệp chế biến,chế tạo khác | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 712 | CÔNG TY TNHH MAY KIỀU VỸ | 75/5 Ấp Tam Đông 2 | Sản xuất trang phục | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 713 | CÔNG TY TNHH VỆ SINH VÀ SỬA CHỮA NHÀ XƯỞNG TRÍ DŨNG | 251/5, Nguyễn Thị Thành, Ấp Tam Đông 3 | HĐ vệ sinh nhà cửa, cảnh quan | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 714 | CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN THƯƠNG MẠI TRANG TRÍ NỘI THẤT PHÚC HƯNG PHÁT | 153/1D Ấp Tam Đông 1 | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đcơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 715 | CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ XÂY DỰNG LÂM NGUYÊN | 136/2 Ấp Tam Đông | XD C.trình k thuật đ.dụng khác | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 716 | CÔNG TY TNHH TƯ VẤN THƯƠNG MẠI TRUNG NAM | 39/14C Ấp Đông 1 | Đào tạo khác trong nước | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 717 | CÔNG TY TNHH KINH DOANH VÀNG BẠC KIM DŨNG | 15/20 Đặng Thúc Vịnh, Ấp Trung Đông | Bán lẻ trừ ô tô, xe máy, đ.cơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 718 | CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ XÂY DỰNG THÀNH PHÚC | 1/8A Ấp Trung Đông | Hoạt động DV H.trợ cho vận tải | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 719 | CÔNG TY TNHH KHÁCH SẠN ROYAL FAMILY | 302/5w Ấp Tam Đông 2 | Dịch vụ lưu trú ngắn ngày | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 720 | CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN THƯƠNG MẠI VÀ SẢN XUẤT SƠN VĨNH TƯỜNG | 42/1D Tổ 163, Ấp Đông 1 | Bán lẻ trừ ô tô, xe máy, đ.cơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 721 | CÔNG TY TNHH THỂ THAO TNG VIỆT NAM | 7/1D đường Tô Ký, Ấp Tam Đông 1 | XD C.trình k thuật đ.dụng khác | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 722 | CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN ĐÀO TẠO TÙNG LINH | 65/2Z Thới Tam Thôn 17, Ấp Đông | Hoạt động khoa học-C.nghệ khác | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 723 | CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ TRANG TRÍ NỘI THẤT VÀ XÂY DỰNG THANH BÌNH | 81/3G ấp Tam Đông | Văn hóa | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 724 | CÔNG TY TNHH WONWOO A&C | 14/6B Trịnh Thị Miếng, Ấp Đông | Văn hóa | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 725 | CÔNG TY TNHH ĐO ĐẠC XÂY DỰNG TRƯỜNG XUÂN | 41/1B đường Trịnh Thị Miếng, Ấp Đông | Văn hóa | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 726 | CÔNG TY TNHH HỢP TÁC NÔNG NGHIỆP XANH | Số 311/5 Ấp Tam Đông 2 | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đcơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 727 | CÔNG TY CỔ PHẦN BICSUN | 214/3Q1 Phạm Thị Giây, Ấp Tam Đông | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đcơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 728 | CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI THỰC PHẨM THANH HÀ | 68/3C đường Ấp Đông 4 | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đcơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 729 | CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ Y TẾ T&T | 36/8A Trung Đông 8, Ấp Trung Đông 2 | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đcơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 730 | CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ ĐO ĐẠC PHONG PHÚ | 25/14K Đường Trịnh Thị Miếng, ấp Trung Đông | Sửa chữa-BD-lắp đặt máy móc TB | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 731 | CÔNG TY TNHH GIA BẢO FASHION | 86/10A Ấp Đông 1 | Sản xuất trang phục | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 732 | CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ & ĐẦU TƯ AN PHÁT THỊNH | 128/5E Ấp Tam Đông 2 | Bán, sửa chữa ô tô, mô tô, XM | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 733 | CÔNG TY TNHH VĂN HÓA GIÁO DỤC IQ | 20/4C Đường Thới Tam Thôn 7 | Hoạt động dịch vụ LĐ- việc làm | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 734 | CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ HƯNG PHÁT | Số 160/9 đường Nguyễn Thị Ngâu, Ấp Trung Đông 2 | HĐ SX phương tiện phục vụ CNTT | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 735 | CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT DỊCH VỤ THƯƠNG MẠI NHÔM KÍNH VÀ CƠ KHÍ TÂN TÀI WINDOW | 3/200 Trần Thị Bốc, tổ 11, ấp Nam Thới | Sản xuất SP từ K.loại đúc sẵn | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 736 | CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ THĂNG THĂNG | 6/7B Tô Ký | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đcơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 737 | CÔNG TY TNHH ĐA LỘC TÀI | 113 Đường Phạm Thị Giây | Xử lý dữ liệu- HĐ có liên quan | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 738 | CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI THÀNH TIẾN | 7/6B Ấp Trung Đông 1 | Văn hóa | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |

| | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 739 | CÔNG TY TNHH TƯ VẤN VÀ THIẾT KẾ NỘI THẤT IN CHI | 28/5E Ấp Thới Tứ 1 | Hoạt động khoa học-C.nghệ khác | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 740 | CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT DỊCH VỤ THƯƠNG MẠI VIỆT ĐỨC WINDOWS | 46/8 Trần Thị Bốc ấp Nam Thới | Sản xuất SP từ K.loại đúc sẵn | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 741 | CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ XUẤT NHẬP KHẨU HUỲNH TRÍ | 21/6K Ấp Trung Đông | Hoạt động DV H.trợ cho vận tải | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 742 | CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG ĐIỆN PHÚ THỊNH | 173/2A Ấp Đông 1 | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 743 | CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ XUẤT NHẬP KHẨU TRẦN CƯỜNG | 6/10 Tổ 148, Đường Tô Ký 2, Ấp Đông | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 744 | CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG CƠ KHÍ GIA PHÁT LỘC | 4/69K Ấp Nam Thới | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 745 | CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ VẬN TẢI GÒ SAO | 305/5T Ấp Tam Đông 2 | In, sao chép bản ghi các loại | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 746 | CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH TRANG TRÍ NỘI THẤT ĐỈNH PHONG | 14/13C, Ấp Đông | Hoạt động khoa học-C.nghệ khác | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 747 | CÔNG TY TNHH SX TM DV SAVO KHÁNH NGỌC | 9/2D Đặng Thúc Vịnh | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 748 | CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG 79 BỘP | 81/5R Ấp Tam Đông 3 | HĐ điều tra, t.dò, ks, tư vấn | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 749 | CÔNG TY TNHH TƯ VẤN THIẾT KẾ XÂY DỰNG ĐẠI LÊ GIA | 176/1G Đường Ấp Đông 1-2 | HĐ điều tra, t.dò, ks, tư vấn | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 750 | CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN KHÁCH SẠN ANH THƯ | 28/8R Ấp Trung Đông | Dịch vụ lưu trú ngắn ngày | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 751 | CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ HỒNG LAM | 46/3B Ấp Thới Tứ 2 | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 752 | CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ GIA AN | 104/3C Ấp Tam Đông | SX các SP từ nhựa (plastic) | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 753 | CÔNG TY TNHH TƯ VẤN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ ĐẠI HƯNG PHÁT | 39/19N, Đường Ấp Đông 1-2, Ấp Đông 1 | Tư vấn PL,k.toán,k.toán t.định | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 754 | CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ G.C.T | 32/5B Tổ 153, ấp Đông | Văn hóa | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 755 | CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ VHD | 43/3F Ấp Tam Đông | Bán lẻ trừ ô tô, xe máy, đ.cơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 756 | CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ QUY TINH | 27/8A Tổ Ký 12, Ấp Nam Thới | Sản xuất giấy và SP từ giấy | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 757 | CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ KỸ THUẬT VÀ XÂY DỰNG CƯỜNG THỊNH | 42/2G Thới Tam Thôn 12B, Ấp Thới Tứ 2 | Sửa chữa-BD-lắp đặt máy móc TB | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 758 | CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN GIA CÔNG INOX HOÀNG DŨNG | 304/5E Phạm Thị Giây - Ấp Tam Đông 2 | Sản xuất SP từ K.loại đúc sẵn | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 759 | CÔNG TY TNHH TƯ VẤN VÀ ĐỊNH GIÁ CHÂU THÀNH | 30/1F Ấp Đông | HĐ H.chính, H.trợ VP và HĐ KD | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 760 | CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG ĐẠI PHÚC ĐẠT | 40/7P, ấp Đông | Văn hóa | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 761 | CÔNG TY TNHH MÁY VÀ THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP MIỀN NAM | 16/10P Trần Thị Bốc, Thới Tứ | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 762 | CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI CUMIN | 3/114D Ấp Nam Thới | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 763 | CHI NHÁNH DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN MAY MẶC CHÍ THÀNH | 62F Đường Thới Tam Thôn 6, Ấp Đông 1 | Sản xuất trang phục | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 764 | CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT BAO BÌ NHỰA THIÊN NHÂN | 24/5C Ấp Tam Đông | SX các SP từ nhựa (plastic) | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 765 | CÔNG TY TNHH THỜI TRANG QUỐC TẾ ATF | 33/8A Ấp Đông | Sản xuất trang phục | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 766 | CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ VASA | 190/3K Ấp Tam Đông | HĐ điều tra, t.dò, ks, tư vấn | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 767 | CÔNG TY TNHH MAY THÊU BẰNG HƯNG | 156/3B Ấp Đông 1 | Sản xuất trang phục | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |

| | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 768 | CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ B.C.M | 151/5W, Tổ 134, Ấp Tam Đông 2 | XD C.trình k thuật d.dụng khác | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 769 | CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI NHỰA XỐP BẢO HÂN | 97/5S Đường Tam Đông 11, Ấp Tam Đông 3 | SX các SP từ nhựa (plastic) | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 770 | CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ THIÊN PHÚC CHÂU | 18/18N Trần Thị Bốc, Ấp Thới Tứ | Hoạt động khoa học-C.nghệ khác | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 771 | CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ VẬN TẢI ĐẠI NHÂN | 4/10C Đặng Thúc Vịnh, Ấp Trung Đông | Phá dỡ và chuẩn bị mặt bằng | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 772 | CÔNG TY TNHH THÁI HÒA VET | 156/3A Ấp Đông 1 | Hoạt động dịch vụ nông nghiệp | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 773 | CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN DỊCH VỤ ĂN UỐNG VÀ GIẢI TRÍ KIỀU GIANG | 89/3Đ Ấp Tam Đông | C.Cấp đ.vụ ăn uống không tx | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 774 | CÔNG TY TNHH KỸ THUẬT NAVICO | Số nhà 18/5F, tổ 42, ấp Thới Tứ | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đcơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 775 | CÔNG TY TNHH THU GOM RÁC BÌNH AN | 81/3X Phạm Thị Giây, Tổ 104, Ấp Tam Đông 1 | Hoạt động xử lý chất thải rắn | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 776 | CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ SẢN XUẤT GREEN GREEN | 120 đường Thới Tam Thôn 16, ấp Tam Đông 2 | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đcơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 777 | CÔNG TY TNHH TƯ VẤN ĐO ĐẠC THIẾT KẾ XÂY DỰNG PHẠM GIA | 91/5R Ấp Tam Đông 2 | HĐ điều tra, t.dò, ks, tư vấn | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 778 | CÔNG TY TNHH KENMART | 10/3K đường TTT 18, Ấp Tam Đông 1 | Cho thuê phương tiện vận tải | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 779 | CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN MAY FAGI | 21/11A Đường Đặng Thúc Vịnh, Ấp Trung Đông | SX sợi,vải, hoàn thiện SP dệt | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 780 | CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT TRÍ THÀNH | 34/4A Đường Tô Ký, Ấp Đông | SX da và các SP có liên quan | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 781 | CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ THẮN CHÂU | 102/3N Thới Tam Thôn 6,Ấp Tam Đông | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đcơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 782 | CÔNG TY TNHH TM BONANZA | 144/1 Đường Phạm Thị Giây, Ấp Tam Đông 2 | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đcơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 783 | CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VẬT LIỆU XÂY DỰNG SONG THỊNH | 31/2 Ấp Đông, Đường Trịnh Thị Miếng | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đcơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 784 | CÔNG TY TNHH DẦU KHÍ BETA | 41/6B Ấp Thới Tứ 2 | Lắp đặt HT điện, nước, xd khác | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 785 | CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ HAPPY LANDS | 30/4 Ấp Đông | HĐ của ĐL du lịch, quảng bá | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 786 | CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ KHÁCH SẠN THIÊN PHÚ | 26/3B, Ấp Đông | Dịch vụ lưu trú ngắn ngày | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 787 | CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI KỸ THUẬT CÔNG NGHIỆP GIA PHÚC | số 4/41b Ấp Nam Thới | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đcơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 788 | CÔNG TY TNHH PROLAB | 228 Tô Ký, Ấp Tam Đông | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đcơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 789 | CÔNG TY TNHH KEY FARM | 144B Đường Ấp Đông 3, Ấp Đông 1 | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đcơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 790 | CÔNG TY TNHH TRUYỀN THÔNG SÀI GÒN HD | 175/3T Đường Ấp Đông | HĐ điện ảnh sx chương trình | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 791 | CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ PHƯƠNG TRƯỜNG PHÁT | 306/5 Ấp Tam Đông 2 | Sản xuất SP từ K.loại đúc sẵn | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 792 | CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT - THƯƠNG MẠI - DỊCH VỤ EIKICHI | Số 33/1D Đường Trung Đông 06, Ấp Trung Đông | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đcơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 793 | CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ OTC VIỆT NAM- VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH | Số 158 Nguyễn Ảnh Thủ | HĐ H.chính, H.trợ VP và HĐ KD | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 794 | CÔNG TY TNHH MTV THỦY SẢN TRƯỜNG THỊNH | 304/5Q Phạm Thị Giây , Ấp Tam Đông 2 | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đcơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 795 | CÔNG TY TNHH TƯ VẤN THIẾT KẾ XÂY DỰNG MAXHOME SÀI GÒN | Số 05 đường Tam Đông 6, Ấp Trung Đông 1 | Văn hóa | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 796 | CHI NHÁNH 2 CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI VẠN ĐỘNG | 4/3A Phạm Thị Dây, Ấp Tam Đông 1 | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đcơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |

| | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 797 | CÔNG TY TNHH CƠ KHÍ XÂY DỰNG K & H | 33/1D Trung Đông 6, Ấp Trung Đông | Xây dựng công trình đường sắt | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 798 | CÔNG TY TNHH VINFUR | 159/3A Trịnh Thị Miếng, Ấp Tam Đông 2 | Hoạt động khoa học-C.nghệ khác | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 799 | CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ SẢN XUẤT HOÀNG VIỆT WINDOW | 44/7N Đường Nguyễn Thị Ngâu, Ấp Trung Đông 2 | Lắp đặt HT điện, nước, xd khác | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 800 | CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ XE NÂNG HATHICO | 21/8H, Tổ 76, Ấp Trung Đông | Cho thuê phương tiện vận tải | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 801 | CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN VÀ ĐÀO TẠO VIỆT MỸ | 192/1N Ấp Tam Đông 1 | Quảng cáo (trừ in quảng cáo) | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 802 | CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT KẾ XÂY DỰNG 69 | 1/141 Đường Tô Ký, ấp Tam Đông | Văn hóa | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 803 | CÔNG TY TNHH AZTECH VINA | 12/12B Ấp Thới Tứ | C.nghiệp chế biến,chế tạo khác | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 804 | CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ Ô TÔ HOÀNG HÀ H&K | Số 56/5T Đặng Thúc Vịnh, Ấp Tam Đông 3 | Bán, sửa chữa ô tô, mô tô, XM | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 805 | CÔNG TY CỔ PHẦN YẾN SÀO KHANG LONG | 10/3K đường Thới Tam Thôn 18, Ấp Tam Đông 1 | Chăn nuôi | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 806 | CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI XÂY DỰNG TÂN HOA ĐẠM | 34/4C Ấp Đông | Văn hóa | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 807 | CÔNG TY TNHH VẢI SỢI VÀ DỆT MAY SEN HỒNG | 27/18 Ấp Thới Tứ 1 | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 808 | CÔNG TY TNHH MAY BA LÔ TÚI XÁCH TRỌNG NHI | 146/5Z Ấp Tam Đông 2 | SX da và các SP có liên quan | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 809 | CÔNG TY TNHH XNK MAY ANH THƯ | 63/5F Ấp Đông | SX da và các SP có liên quan | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 810 | CÔNG TY TNHH CƠ KHÍ XÂY DỰNG BẢO ÂN | 90/8 Nguyễn Thị Ngâu, Ấp Trung Đông 2 | Lắp đặt HT điện, nước, xd khác | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 811 | CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI MAY NAM ANH | 23/8B Ấp Trung Đông | SX da và các SP có liên quan | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 812 | CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ APIDAE | 39/4H Đường Trịnh Thị Miếng, Ấp Đông 1, Tổ 156 | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 813 | CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ CÔNG ÍCH HIỆP HUY | 106/5C Nguyễn Thị Thành, Ấp Tam Đông 3 | Hoạt động xử lý chất thải rắn | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 814 | CÔNG TY TNHH BẢN THANH 468 | 183/1S Ấp Tam Đông 1 | Hoạt động XD chuyên dụng khác | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 815 | CÔNG TY TNHH MTV SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI TÍN NGHĨA PHÁT | 35/9C Đường Trung Đông 7, Ấp Trung Đông 2 | SX các SP từ nhựa (plastic) | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 816 | CÔNG TY TNHH TRƯỜNG LONG THỊNH | 35/6H Tổ 84 - Ấp Trung Đông 2 | XD C.trình k thuật d.dụng khác | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 817 | CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ KỸ THUẬT TRƯỜNG AN | 42/9L Ấp Đông | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 818 | CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TÍCH HỢP CÔNG NGHỆ MỚI | 43/2 Tam Đông 2 | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 819 | CÔNG TY TNHH PHÚ NINH - QN | 35/5M, Ấp Đông 1 | Sản xuất chế biến thực phẩm | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 820 | CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ XUẤT NHẬP KHẨU NGÔI SAO VÀNG | 30/2A, Ấp Thới Tứ 1 | Sản xuất chế biến thực phẩm | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 821 | CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT - THƯƠNG MẠI - DỊCH VỤ THIÊN KHẢI PHONG | 139/5R Ấp Tam Đông 2 | Đào tạo khác trong nước | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 822 | CÔNG TY TNHH GOLD RIO | 48/4H ấp Thới Tứ 2 | Sản xuất trang phục | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 823 | CÔNG TY TNHH CƠ KHÍ XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI TUẤN MINH | 156/5N Ấp Đông 1 | Văn hóa | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 824 | CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ PHÁT TRIỂN THỊNH PHONG | 38/5G Nguyễn Ánh Thủ, Ấp Đông 1 | Sản xuất trang phục | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 825 | CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN LẠNH ĐOÀN PHÁT | 53/2H Ấp Tam Đông | Văn hóa | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 826 | CÔNG TY CỔ PHẦN MISAWA VN | 23/8A Trịnh Thị Miếng, Ấp Trung Đông | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |

| | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 827 | CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI ANH KIỆT GIA | Số 1/79 Đường Trung Đông 2, Ấp Trung Đông 2 | SX da và các SP có liên quan | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 828 | CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG ĐOÀN GIANG NAM | 156/5L Ấp Tam Đông 1 | XD C.trình k thuật d.dụng khác | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 829 | CÔNG TY TNHH HT SÀI GÒN | 148/1R Ấp Tam Đông | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đcơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 830 | CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ KỸ THUẬT THÀNH GIANG | 46/2 Bùi Thị Lùng | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đcơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 831 | CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ KHANG TƯỜNG NGUYÊN | 26/6k Trịnh Thị Miếng, Ấp Trung Đông | Sản xuất giấy và SP từ giấy | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 832 | CÔNG TY TNHH IN BAO BÌ MINH KHÔI | 23/3L Ấp Tam Đông | K.thác gỗ,L.sản khác,thu nhặt ... | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 833 | CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ MASSAGE CAO TRƯỜNG | 375 Tô Ký | HĐ dịch vụ P.vụ cá nhân khác | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 834 | CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ KHÁCH SẠN HỒNG PHÚC | 150/5W Ấp Tam Đông 2 | HĐ của ĐL du lịch, quảng bá | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 835 | CÔNG TY TNHH BIO TREE | 156/1Z Ấp Đông 1 | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đcơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 836 | CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ XÂY DỰNG THẢO DUY | 171/2 Ấp Đông 1 | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đcơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 837 | Hợp Tác Xã Sản Xuất - Thương Mại - Dịch Vụ Rau Sạch GAP | 93/3X Ấp Tam Đông 1 | Trồng trọt | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 838 | CÔNG TY TNHH ĐỒNG PHỤC GIA HÂN | 3/3B Tam Đông | Sản xuất trang phục | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 839 | CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ KỸ THUẬT PHẠM LỘC | 19/7 Nguyễn Thị Sáu, Ấp Trung Đông | Sửa chữa-BD-lắp đặt máy móc TB | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 840 | CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ VẬN TẢI BẢO AN | 3/104H Trần Thị Bốc, Ấp Nam Thới | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đcơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 841 | CÔNG TY TNHH THIẾT KẾ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VẠN TIẾN PHÁT | 38/8E Ấp Đông 1 | Hoạt động khoa học-C.nghệ khác | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 842 | CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI XÂY DỰNG NHƯ HƯNG PHÁT | Số 131/3E Trịnh Thị Miếng, ấp Tam Đông | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đcơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 843 | CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ KỸ THUẬT ESC | 15/3 ấp Đông | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đcơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 844 | CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG ÁNH LINH QUÂN | 186/72/36 Đường Tô Ký, Ấp Tam Đông 1 | Văn hóa | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 845 | CÔNG TY TNHH HOÀNG CUNG WINDOW | 46/5A Đường Đặng Thúc Vịnh | SX các SP từ nhựa (plastic) | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 846 | CHI NHÁNH TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH - CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SAVILLS | 1/5A Nguyễn Thị Ngâu | SX hoá chất và S.phẩm hoá chất | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 847 | CÔNG TY TNHH TMDV SDG | 12/13B Ấp Thới Tứ | Bán, sửa chữa ô tô, mô tô, XM | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 848 | CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT - THƯƠNG MẠI - VẬN TẢI - XÂY DỰNG THÀNH CÔNG | số 9, hẻm Trung Đông 7B,ấp Trung Đông | Xây dựng công trình công ích | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 849 | CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI KỸ THUẬT MÔI TRƯỜNG AN KHANG | 177/9B Ấp Đông 1 | SX SP từ gỗ, tre, nứa, rơm, rạ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 850 | CÔNG TY TNHH DÂN DỤNG & CÔNG NGHIỆP KYCO BẮC NAM | 97/3D Phạm Thị Giây, Ấp Tam Đông 1 | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đcơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 851 | CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ PHỤ TRỢ THUẬN PHONG | 7/3B đường Thới Tam Thôn 10, ấp Trung Đông 1 | C.nghiệp chế biến,chế tạo khác | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 852 | CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ LƯƠNG THỰC MIỀN NAM GMB | 17/22 Nguyễn Thị Ngâu, Ấp Trung Đông | Kinh doanh bất động sản | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 853 | CÔNG TY TNHH ĐIỆN MÁY HOÀNG NAM | 19/1 Nguyễn Thị Sáu, Ấp Thới Tứ | Lắp đặt HT điện, nước, xd khác | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 854 | CÔNG TY TNHH CƠ GIỚI & VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐẠI QUANG MINH | 62/3C Thới Tam Thôn 6 | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đcơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 855 | CÔNG TY TNHH VẬT LIỆU XÂY DỰNG HOÀNG PHÚ | 49/2P Ấp Tam Đông | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đcơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |

| | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 856 | CÔNG TY TNHH ONE ASIA VIỆT NAM | 16/6D Ấp Trung Đông 1 | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 857 | CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ DUY DUY | 59 Trịnh Thị Miếng, Ấp Đông | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 858 | CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ XUẤT KHẨU VÀ VẬN CHUYỂN VIDONUS | 29/16D Ấp Thới Tứ 1 | Hoạt động DV H.trợ cho vận tải | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 859 | CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG TÂN THÁI NGUYÊN | 29/13B Ấp Thới Tứ | Văn hóa | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 860 | CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ SƠN NƯỚC ĐỨC TÀI | 37 Đặng Thúc Vịnh | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 861 | CÔNG TY TNHH SX - TM - DV CƯỜNG THÀNH | 48/4H đường Trần Thị Bốc, ấp Thới Tứ 2 | Sản xuất trang phục | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 862 | CÔNG TY TNHH ĐT XD TM BĐS HƯNG THỊNH | 171/5A, ấp Đông 1 | Văn hóa | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 863 | CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ ĐẠI SONG MÃ | 158E Nguyễn Ảnh Thủ | Nhà hàng,d.vụ ăn uống lưu động | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 864 | CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI BÊ TÔNG SÀI GÒN | 9/3E Nguyễn Ảnh Thủ | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 865 | CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN SÂN SỰ KIỆN | 4/29 Ấp Nam Thới | HĐ H.chính, H.trợ VP và HĐ KD | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 866 | CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ TƯỜNG HẢI | 35/3R, Ấp Tam Đông | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 867 | CÔNG TY TNHH THIẾT KẾ XÂY DỰNG ĐỖ ĐẠC HOUSE LAND | Số 52, Ấp Đông | HĐ điều tra, t.đò, ks, tư vấn | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 868 | CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ THƯƠNG MẠI VẬN TẢI PHÁT THÀNH | 19/7F Thới Tứ | Vận tải đường sắt | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 869 | CÔNG TY CỔ PHẦN D DOOR | Số 63/3A Ấp Đông | Hoàn thiện công trình xây dựng | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 870 | CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN SOFA VŨ GIA | 39/2 Ấp Tam Đông | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 871 | CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ XUẤT NHẬP KHẨU HOÀNG THIÊN PHÁT | 93/1B Ấp Tam Đông | Hoạt động DV H.trợ cho vận tải | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 872 | CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG - THƯƠNG MẠI - THANG MÁY ĐÔNG TÂM | 26/13H Đường Tô Ký, Ấp Đông | SX M. móc,TB chưa phân vào đâu | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 873 | CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI SẮT THÉP MẠNH HÙNG | 67/4A Trịnh Thị Miếng, Ấp Tam Đông | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 874 | CÔNG TY TNHH SƠN TĨNH ĐIỆN ĐẠI THÀNH | 80/3V Ấp Tam Đông 1 | HĐ điều tra, t.đò, ks, tư vấn | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 875 | CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI NGỌC VINH PHÁT | 40/7 Trịnh Thị Miếng, Ấp Đông | Văn hóa | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 876 | CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI & VẬT LIỆU XÂY DỰNG HOÀNG VĂN THỤ | 12/5b tổ 119 đường Trịnh Thị Miếng, ấp Đông | Văn hóa | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 877 | CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG NĂNG LƯỢNG BÌNH MINH | 171/4A Đường Thới Tam Thôn 06, Ấp Đông 1 | Hoạt động thú y | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 878 | CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ CƠ ĐIỆN TRUNG HIẾU | 80/3V Ấp Tam Đông 1 | In, sao chép bản ghi các loại | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 879 | CÔNG TY TNHH TRUNG TÂM NHA KHOA THẨM MỸ VIỆT ÚC | 182 Nguyễn Ảnh Thủ, Ấp Đông | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 880 | CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ SẢN XUẤT BAO BÌ NHỰA PHÚC KHANG | 45 Đường Trung Đông 7, Ấp Trung Đông 2 | Văn hóa | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 881 | CÔNG TY TNHH DVTM-TV-TK-XD CÔNG NGHỆ XANH TOÀN CẦU | 68/2Z Tổ 166, Ấp Đông 1 | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 882 | CÔNG TY CỔ PHẦN GÒN GIA PHÚ | 70/2D Đường Thới Tam Thôn 17, Ấp Đông | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 883 | CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI VÀ TRANG TRÍ NỘI THẤT BÌNH MINH | 182/1E Nguyễn Ảnh Thủ, Ấp Đông 1 | Văn hóa | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |

| | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 884 | CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ BEE VINA | 20/21N Ấp Trung Đông | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 885 | CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI - DỊCH VỤ - XÂY DỰNG SELCONS | 6/10C Ấp Đông, Đường Tô Ký | Văn hóa | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 886 | CÔNG TY TNHH NỘI THẤT MỘC ĐỨC | 81/3C Ấp Tam Đông 1 | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 887 | CÔNG TY TNHH KINH DOANH THỨC ĂN GIA SÚC MINH PHƯƠNG | 39 ấp Trung Đông | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 888 | CÔNG TY TNHH SX TM DV THÊU NGỌC DIỆP | Số 150/5 Trịnh Thị Miếng, ấp Tam Đông | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 889 | CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ XUẤT NHẬP KHẨU NHÂN HÒA | 39/5G Đường Nguyễn Thị Thành, Ấp Tam Đông 3 | Hoạt động DV H.trợ cho vận tải | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 890 | CÔNG TY TNHH HẠT DINH DƯỠNG NUNUTS | 12 đường Ấp Đông 6, ấp Đông | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 891 | CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ TƯỚI VÀ LÀM MÁT AN THỊNH | 194/5 Đường TTT.6, ấp Đông 1 | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 892 | CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU PHƯƠNG CHÂU | 2/3 Ấp Đông 1 | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 893 | CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ SƠN KIM QUANG | 21/10 Nguyễn Thị Sáu, Ấp Trung Đông | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 894 | CÔNG TY TNHH THIẾT KẾ TRANG TRÍ NỘI THẤT ĐẠI HỒNG NAM | 330 ẤP Tam Đông 3 | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 895 | CÔNG TY TNHH ĐIỆN PHÚ THỊNH SÀI GÒN | 2/8T Thới Tam Thôn 17 | Văn hóa | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 896 | CÔNG TY TNHH MẪU DỊCH HƯNG HỒNG THUẬN | 47 Đặng Thúc Vịnh | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 897 | CÔNG TY TNHH CỬA SẮT TÂM ĐỨC | 17/6B đường Ấp Đông 1, tổ 173, ấp Đông 1 | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 898 | CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ XUẤT NHẬP KHẨU HOÀNG NGUYỄN PHÁT | 3/87B, Ấp Nam Thới | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 899 | CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH Y TẾ ASIA | 33/7E Ấp Đông | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 900 | CÔNG TY TNHH GIẢI TRÍ KARAOKE SUỐI MƠ | 9/7E Nguyễn Ảnh Thủ | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 901 | CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN BIOTIN PHARMA | 33/7E ấp Đông 1 | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 902 | CÔNG TY TNHH NGUYỄN KHANG TRANSPORT | 40/5A Đặng Thúc Vịnh, Ấp Thới Tứ | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 903 | CÔNG TY TNHH MTV MAY MẶC HÀM ĐẠI | 319/5V đường Nguyễn Thị Thành, Ấp Tam Đông 2 | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 904 | CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI KỸ THUẬT THUẬN VIỆT | Số 17/18Q ấp Thới Tứ | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 905 | CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ TƯ VẤN ACC NHI NGỌC | 23/4B Ấp Trung Đông | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 906 | CÔNG TY TNHH OCOF | 317/5J Ấp Tam Đông 2 | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 907 | CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI HOÀNG HẢI | 113C Ấp Tam Đông 1 | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 908 | CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ KỸ THUẬT MINH PHÁT | 133/5G, ấp Tam Đông 2 | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 909 | CÔNG TY CỔ PHẦN NAMHUFI | 114 Đường Ấp Đông 4, Ấp Đông | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 910 | CÔNG TY TNHH GIÁO DỤC GIẢI TRÍ ÁNH MẶT TRỜI | 27/7E Đường Tô Ký 12, Ấp Nam Thới | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 911 | CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI HỒ THẮNG BÌNH | số 59 đường Tam Đông 29, tổ 109, ấp Tam Đông | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 912 | CÔNG TY TNHH ĐIỆN VÀ CÔNG NGHỆ TQ | 333/5A Đường Tam Đông 20, Ấp Tam Đông 2 | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 913 | CÔNG TY TNHH MTV ĐIỆN LẠNH HOÀNG HẢI | 156/3T Ấp Đông 1 | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |

| | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 914 | CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI SINH THÁI VIỆT NAM | 2/3C ấp Đông 1 | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đco | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 915 | CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG NỘI THẤT TÍN HƯNG | 175/2B Ấp Đông 1 | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đco | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 916 | CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ QUỐC ĐẠI | 127 đường Nguyễn Thị Thành, Ấp Tam Đông 2 | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đco | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 917 | CÔNG TY TNHH QUẢNG CÁO CAO NGỌC | 34/9 Đường Trịnh Thị Miếng, Ấp Tam Đông 1 | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đco | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 918 | CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ XÂY DỰNG TS THÀNH TÂM | 214/5E Ấp Tam Đông 2 | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đco | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 919 | CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG THÁI DƯƠNG GIA LAI | Số 91/5 R Đường Thới Tam Thôn 16, ấp Tam Đông 2 | Văn hóa | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 920 | CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI HƯNG KIỆT PHÁT | 36/5A Nguyễn Thị Ngâu, ấp Trung Đông 2 | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đco | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 921 | CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ KỸ THUẬT PHAN DUY | 25/5N Thới Tam Thôn 14, Ấp Tam Đông 3 | Văn hóa | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 922 | CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ CHẾ TẠO MÁY BẢO ĐỊNH | 37/4M ấp Đông | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đco | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 923 | CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI NHƯ BẢO LÂM | 14/7A Đặng Thúc Vịnh, Ấp Trung Đông 1 | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đco | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 924 | CÔNG TY TNHH KARAOKE 79 | 27/9E ấp Nam Thới | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đco | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 925 | CHI NHÁNH 1 - CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ PHÁT TRIỂN THỊNH PHONG | 24/5G Ấp Đông 1 | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đco | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 926 | CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ ĐẦU TƯ BẤT ĐỘNG SẢN KHÁNH THỊNH PHÁT | 61/5R Nguyễn Thị Thành, Ấp Tam Đông 3 | Văn hóa | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 927 | CÔNG TY TNHH TÂM NGUYÊN ÂN | 151/5L Tam Đông 2 | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đco | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 928 | CÔNG TY TNHH THIẾT KẾ - TƯ VẤN XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI TÂN PHÚ HƯNG | 68A Đường Thới Tam Thôn 7, Ấp Thới Tứ | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đco | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 929 | CÔNG TY TNHH CBT STEEL | 14/13 Đường Ấp Đông 4, Ấp Đông | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đco | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 930 | CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ XÂY DỰNG CƠ ĐIỆN TUẤN PHƯƠNG | 27/10F Đường Nguyễn Thị Sáu, Thới Tứ 1 | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đco | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 931 | CÔNG TY TNHH KIẾN TRÚC XÂY DỰNG AN GIA KHANG | 5/5B Ấp Trung Đông 1 | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đco | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 932 | CÔNG TY TNHH LÂM GIA TUẤN | 5/34 Ấp Nam Thới | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đco | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 933 | CÔNG TY TNHH MAY MẶC NHÃ NHÃ | 62/1 Đường Thới Tam Thôn 16, Ấp Đông 1 | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đco | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 934 | CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ KỸ THUẬT LÊ ANH | 61/3F Ấp Đông 1 | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đco | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 935 | CÔNG TY TNHH KỸ THUẬT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ THẮNG THỊNH PHÁT | 81/3N, Tổ 104, Ấp Tam Đông 1 | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đco | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 936 | CÔNG TY TNHH KỸ THUẬT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ THÀNH CÔNG | 158/5B Ấp Tam Đông | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đco | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 937 | CÔNG TY TNHH SX TM MÚT XỐP HOÀNG NGÂN | 61/3B, ấp Đông 1 | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đco | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 938 | CÔNG TY TNHH IN SMART LABEL | 2/212E Ấp Nam Thới | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đco | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 939 | ĐĐKD số 2 - Công Ty Cổ Phần Thương Mại Và Sản Xuất Vth Việt Nam | 79/2K Ấp Tam Đông 1 | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đco | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 940 | CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ 24U | 160/1N Ấp Tam Đông | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đco | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 941 | CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ LÊ QUANG | 64/3N Ấp Tam Đông 1 | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đco | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |

| | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 942 | CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN SẢN XUẤT-THƯƠNG MẠI-DỊCH VỤ TGV | 229/5 Đường Trịnh Thị Miếng, Ấp Đông | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 943 | CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ KỸ THUẬT VÀ CÔNG NGHỆ TÍN ĐẠT | 9/1D đường Thới Tam Thôn 10, ấp Trung Đông 1 | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 944 | CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG VILLA HOUSE | 174/3B Ấp Đông 1 | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 945 | CÔNG TY TNHH PHONG PHÚ GLASS | 327 Đường Trịnh Thị Miếng, Ấp Tam Đông 1 | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 946 | CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VLC | 18 Đường Trung Đông 5, Ấp Trung Đông 2 | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 947 | CÔNG TY TNHH MTV TM DV THẢO NGUYÊN HOME | 19/9 đường Nguyễn Thị Sáu, Ấp Trung Đông | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 948 | CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI XÂY DỰNG MINH HƯNG | 152/5H Ấp Tam Đông | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 949 | CÔNG TY TNHH THIẾT KẾ VÀ XÂY DỰNG THẾ GIỚI NHÀ ĐẸP | 230/5 Ấp Tam Đông 2 | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 950 | CÔNG TY TNHH SX TM DV THANH HƯƠNG | 25/7 Trung Đông | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 951 | CÔNG TY TNHH TM VÀ DV XUẤT NHẬP KHẨU HOÀNG PHÁT ĐẠT | 153/5C Trịnh Thị Miếng, ấp Tam Đông | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 952 | CÔNG TY TNHH NÂNG TẦM THƯƠNG HIỆU VIỆT NAM | 16/10P Trần Thị Bốc, | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 953 | CÔNG TY TNHH THIẾT KẾ XÂY DỰNG AN GIA KHANG | 244/42 Đặng Thúc Vịnh | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 954 | CÔNG TY TNHH TƯ VẤN - THƯƠNG MẠI - DỊCH VỤ - XUẤT NHẬP KHẨU BEYOND | 91/3N ấp Tam Đông | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 955 | CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ HIẾU ĐỨC | 10/7F Trịnh Thị Miếng, Ấp Thới Tứ 2 | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 956 | CHI NHÁNH 01 - CÔNG TY TNHH MAY MẶC NHÃ NHÃ | 30/6-30/6A Đường Ấp Đông 12, Ấp Đông 1 | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 957 | CÔNG TY TNHH TƯ VẤN - XÂY DỰNG - THƯƠNG MẠI - DỊCH VỤ TTQ | 65/5 Đường Ấp Đông 4, Tổ 162 | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 958 | CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ KHỞI PHONG | 19/5p Ấp Đông | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 959 | CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ SẢN XUẤT THUẬN HƯNG | 37/4E Đường Nguyễn Ảnh Thủ, Ấp Đông 1 | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 960 | CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU NGUYÊN NGA LB | Số 2/11 B Đường Bùi Thị Lùng | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 961 | CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ TÍN NGUYÊN KHANG | 161/3A Trịnh Thị Miếng, Ấp Tam Đông 1 | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 962 | CÔNG TY TNHH MAY MẶC TUYỀN CAT | 100/3 Phạm Thị Giây, Ấp Tam Đông | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 963 | CÔNG TY TNHH KỸ THUẬT AN VĨNH PHÁT | T136, Ấp Tam Đông 2 | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 964 | CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN HOÀNG TÚ KIỆT | 21/8T Ấp Đông 4 | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 965 | CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT - THƯƠNG MẠI - DỊCH VỤ THỜI TRANG HẠNH PHÚC | 4/1M Ấp Tam Đông 1 | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 966 | CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI BAO BÌ THÀNH TIẾN PHÁT | 22/11 Đường Thới Tam Thôn 9, Ấp Trung Đông | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 967 | CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT TM DV KIM NGÂN | 303 Đặng Thúc Vịnh, Ấp Tam Đông | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 968 | CÔNG TY TNHH MY A MART | Số 9/9C ấp Trung Đông | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 969 | CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM HVQ | 81/3G Ấp Tam Đông | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 970 | CÔNG TY TNHH TM - DV QUẢNG CÁO SÀI GÒN | 19 Tô Ký 12, Ấp Nam Thới | Quảng cáo (trừ in quảng cáo) | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |

| | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 971 | CÔNG TY TNHH KỸ THUẬT ĐIỆN NGUYỄN QUÂN | 32/1A Tam Đông | Hoạt động khoa học-C.nghệ khác | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 972 | CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ ĐIỆN TỬ TGPCB | 305/5W Tam Đông 2 | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đcơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 973 | CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI TRUNG NGHĨA | 81/3D Tam Đông 1 | Sản xuất SP từ K.loại đúc sẵn | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 974 | CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ CÔNG NGHỆ PHÒNG CHÁY CHỮA CHÁY KIÊN LONG | 54/2B Ấp Tam Đông | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đcơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 975 | CÔNG TY TNHH SƠN SONG LINH | 12/8D Đường Trịnh Thị Miếng, Tổ 49, Ấp Thới Tứ | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đcơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 976 | CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI KHANH | 35/5K ấp Đông | Sản xuất trang phục | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 977 | CÔNG TY TNHH SX TMDV XNK QUANG LONG THỊNH | 303/5 H, Ấp Tam Đông | Bán lẻ trừ ô tô, xe máy, đ.cơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 978 | CÔNG TY TNHH TM METOOL | 18/5C Ấp Tam Đông 3 | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đcơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 979 | CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ THIẾT KẾ THI CÔNG NỘI THẤT T&D | 48A Tổ 123, Ấp Đông 1 | Hoạt động khoa học-C.nghệ khác | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 980 | CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ VÀ SẢN XUẤT NỘI THẤT TÂY ÂU | 2/4 Đặng Thúc Vịnh | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đcơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 981 | CÔNG TY TNHH LINE UP | 39/14C Ấp Đông 1 | HĐ điện ảnh sx chương trình | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 982 | CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ VIANAMAX | số 4/1P, Ấp Tam Đông | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đcơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 983 | CÔNG TY TNHH PT TMDV VIỄN THÔNG TCT | 140/1 Phạm Thị Giây, Ấp Tam Đông | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đcơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 984 | CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ DẦU NHỚN BẢO AN | Số 138 Phạm Thị Giây, Ấp Tam Đông 2 | Bán, sửa chữa ô tô, mô tô, XM | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 985 | CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG PHÁT TRIỂN BẤT ĐỘNG SẢN TRƯỜNG PHÁT | 110/5N Ấp Tam Đông 3 | Kinh doanh bất động sản | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 986 | CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ LỘC GIA | 27/15 Ấp Trung Đông | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đcơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 987 | CÔNG TY TNHH TM & DV NỘI THẤT HOÀNG HÀ | 53/2F Ấp Tam Đông 1 | Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 988 | CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI TIẾN THỊNH PHÁT | 92/3 Phạm Thị Giây, Ấp Tam Đông | Văn hóa | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 989 | VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH - CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊNH GIÁ VÀ ĐẦU TƯ VIỆT | Số 157 Đường Thới Tam Thôn 9 | HĐ H.chính, H.trợ VP và HĐ KD | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 990 | CÔNG TY TNHH KỸ THUẬT XÂY DỰNG BW | 156/5R Ấp Đông 1 | HĐ điều tra, t.dò, ks, tư vấn | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 991 | CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ SỬA CHỮA Ô TÔ LỄ | 211 ấp Tam Đông | Bán, sửa chữa ô tô, mô tô, XM | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 992 | CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI ĐẠI LƯỢNG | Số 298/5c12, Đường Phạm Thị Giây, Tổ 126, Ấp Tam Đông 2 | Văn hóa | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 993 | CÔNG TY TNHH MTV AN PHÚC KHÁNH | 164/14 Ấp Đông | XD C.trình k thuật d.dụng khác | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 994 | CÔNG TY TNHH TMDV AN PHÚ HƯNG | 178/1C Ấp Đông 1 | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đcơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 995 | CÔNG TY TNHH KALIS | Số 252/29 Đường TT16, Ấp Tam Đông 2 | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đcơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 996 | CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ THƯƠNG MẠI VÀ XÂY DỰNG TRƯỜNG THÀNH GROUP | 414/56D Phạm Thị Dây, Ấp Tam Đông | XD C.trình k thuật d.dụng khác | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 997 | CÔNG TY TNHH GIÁO DỤC AN HÁO | 65/1C Ấp Đông | Đào tạo khác trong nước | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |

| | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 998 | CÔNG TY TNHH PALLET ĐÔNG DƯƠNG | 65/1A Ấp Đông | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 999 | CÔNG TY TNHH DƯƠNG LONG ZIPPER | Số 17/7C ấp Trung Đông | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1000 | CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI PHÂN BÓN PHÚC HƯNG | 104/3 Phạm Thị Giây, Ấp Tam Đông | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1001 | CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ XÂY DỰNG GAKAZA WINDOW | 75 Nguyễn Thị Thành, ấp Tam Đông 3 | Hoàn thiện công trình xây dựng | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1002 | CÔNG TY TNHH ĐẠI ĐĂNG PHÚC | Số 17/17W, Ấp Thới Tứ | Lắp đặt HT điện, nước, xd khác | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1003 | CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ GIẶT KING POWER | 130/5R, Ấp Tam Đông 3 | SX hoá chất và S.phẩm hoá chất | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1004 | CÔNG TY TNHH MAY BALO TÚI XÁCH BL | 27/2C ấp Trung Đông | SX da và các SP có liên quan | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1005 | CÔNG TY TNHH TÀI SPORT | 340 Tô Ký, Ấp Tam Đông 1 | Cho thuê phương tiện vận tải | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1006 | CÔNG TY TNHH T J VINA | 79/3K Phạm Thị Giây, Ấp Tam Đông 1 | SX sợi,vải, hoàn thiện SP dệt | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1007 | CÔNG TY TNHH CÀ PHÊ PHÁT ROYAL | 13/1B Nguyễn Thị Ngâu | Dịch vụ phục vụ đồ uống | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1008 | CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG PHÁT LỘC HÒA | 12/3A Đường Trịnh Thị Miếng, Ấp Đông | Văn hóa | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1009 | CÔNG TY TNHH XÂY LẮP ĐIỆN THÁI HOÀNG PHÁT | 41/9A Ấp Trung Đông, Đường Trung Đông 10 | Lắp đặt HT điện, nước, xd khác | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1010 | CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ CHẾ TẠO MÁY BẢO ĐỊNH | 37/8c Ấp Đông | Sản xuất SP từ K.loại đúc sẵn | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1011 | CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT NỘI THẤT TTFURNITURE | 26/9B Ấp Đông | Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1012 | DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN MỘC COFFEE | 280A Tô Ký | Dịch vụ phục vụ đồ uống | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1013 | CÔNG TY TNHH THIẾU VI TÍNH THIÊN LONG | 55/13 Tam Đông 16, Ấp Tam Đông | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1014 | CÔNG TY TNHH CÀ PHÊ ĐÊM | 198/42 Thới Tam Thôn 17, ấp Đông 1 | Nhà hàng,d.vụ ăn uống lưu động | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1015 | CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT- THƯƠNG MẠI NHỰA NGỌC MINH | 30/11 Tô Ký, Ấp Nam Thới | SX các SP từ nhựa (plastic) | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1016 | CÔNG TY TNHH TRUYỀN THÔNG VÀ QUẢNG CÁO THẮNG LỢI | 53/3D Phạm Thị Giây, Ấp Tam Đông 1 | Quảng cáo (trừ in quảng cáo) | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1017 | CÔNG TY TNHH FUCI | 39/19N Đường Ấp Đông 1-2, Ấp Đông 1 | Bán lẻ trừ ô tô, xe máy, đ.cơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1018 | CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ QUẢNG CÁO PHÚ GIA | 1/1N Tô Ký | Quảng cáo (trừ in quảng cáo) | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1019 | CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ TRANG TRÍ LÊ DANH | SN 113A, Đường Phạm Thị Giây, Ấp Tam Đông | In, sao chép bản ghi các loại | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1020 | CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ TIẾP VẬN AN MINH | 203/1C Ấp Tam Đông 1 | Hoạt động DV H.trợ cho vận tải | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1021 | CÔNG TY TNHH KA&T | 6/12C Ấp Đông | Vận tải đường bộ khác | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1022 | CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ THANH TÙNG PHÁT | 291/5S Ấp Tam Đông 3 | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1023 | CÔNG TY CỔ PHẦN LEGO DOORS | 414/32 Phạm Thị Giây | Văn hóa | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1024 | CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG HOÀNG ĐỨC CONSTRUCTION | 3/63B Ấp Nam Thới | Văn hóa | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1025 | CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ SƠN KHUÊ | 31/2M Trịnh Thị Miếng,Ấp Đông | Hoạt động viễn thông | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1026 | CÔNG TY TNHH TRUYỀN THÔNG VÀ GIẢI TRÍ MASTER MEDIA | 179/1Q Đường Ấp Đông 1 | Quảng cáo (trừ in quảng cáo) | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1027 | CÔNG TY TNHH TƯ VẤN THIẾT KẾ VÀ LẮP ĐẶT THÀNH CÔNG | 11/9D Ấp Thới Tứ | Lắp đặt HT điện, nước, xd khác | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |

| | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1028 | CÔNG TY TNHH NỘI THẤT TOÀN PHÁT | 160 Nguyễn Ảnh Thủ | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đcơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1029 | CÔNG TY TNHH MTV SẢN XUẤT - THƯƠNG MẠI - DỊCH VỤ DỆT MAY VIỆT PHÁT | 179/1K Nguyễn Ảnh Thủ, Tổ 179, Ấp Đông 1 | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đcơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1030 | PHÒNG KINH DOANH HỌC MÔN 2 - CÔNG TY CỔ PHẦN VINACAPITAL VIỆT NAM | 861 đường Trịnh Thị Miếng , ấp Trung Đông | Hoạt động bưu chính chuyểnphát | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1031 | CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG ĐIỆN THƯƠNG MẠI ĐỨC HUY | 20/3M ấp Tam Đông | XD C.trình k thuật d.dụng khác | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1032 | CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ XÂY DỰNG XUYÊN VIỆT | 159/5K Ấp Tam Đông 2 | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đcơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1033 | CÔNG TY TNHH TÚI XÁCH THUẬN PHÁT | 31/5 Ấp Thới Tứ 1 | SX da và các SP có liên quan | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1034 | CÔNG TY TNHH HAI THÀNH VIÊN QUIKI | 27/5 Đặng Thúc Vịnh, ấp Tam Đông 3 | Tư vấn PL,k.toán,k.toán t.định | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1035 | CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI THUẬN HÒA | 466 TBĐ3, Ấp Trung Đông | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đcơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1036 | CÔNG TY TNHH TM & DV RHINO | 134/5L Tam Đông 23 | Bán, sửa chữa ô tô, mô tô, XM | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1037 | CÔNG TY TNHH KATUSACHI VIỆT NAM | 22/2Q Ấp Tam Đông | Sản xuất trang phục | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1038 | CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ CHIẾU SÁNG LINH ANH | 10/10D Tổ 58, Ấp Trung Đông | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đcơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1039 | CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ TẤT TÍN PHÚC | 5/11 ấpTrung Đông 1 | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đcơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1040 | CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI THÁI TRÍ | 8/13C Tổ 59, Ấp Trung Đông | Trồng trọt | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1041 | CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT QUANG QUY | 18/1 ấp Thới Tứ | SX da và các SP có liên quan | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1042 | CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI BẢO TỤ | 5/5 Thới Tứ 2 | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đcơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1043 | CÔNG TY TNHH THẾ GIỚI RỒNG PHỤNG THÀNH THẢO | 3/38C ấp Nam Thới | HĐ dịch vụ P.vụ cá nhân khác | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1044 | CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT - THƯƠNG MẠI - DỊCH VỤ BẠCH TÙNG | Số nhà 19, Tam Đông 20A, Ấp Tam Đông 2 | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đcơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1045 | CÔNG TY TNHH CÁCH NHIỆT MINH HÙNG PHÁT | 28/8N Tổ 79, Ấp Trung Đông | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đcơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1046 | CÔNG TY TNHH SONG HY NHƯ Ý | 34/9 Trịnh Thị Miếng, Ấp Tam Đông 1 | Vận tải đường bộ khác | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1047 | CÔNG TY TNHH KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ HUTA | 2/3 ấp Đông 1 | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đcơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1048 | CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI NÔNG NGHIỆP PHƯƠNG ĐÔNG | 298 Phạm Thị Giây, ấp Tam Đông | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đcơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1049 | CÔNG TY TNHH INOX DECOR SG | 3/3 Tô Ký | Hoàn thiện công trình xây dựng | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1050 | CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT NỘI THẤT GỖ SUNG TÚC | 100 Nguyễn Ảnh Thủ | Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1051 | CÔNG TY TNHH MAY MẶC TAM THÔN | 29/12 ấp Trung Đông | Sản xuất trang phục | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1052 | CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ XANH KNP | 30/4A Ấp Đông | Lắp đặt HT điện, nước, xd khác | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1053 | CÔNG TY TNHH LT FRUIT | 38/5D Đặng Khúc Vịnh, ấp Tam Đông | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đcơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1054 | CÔNG TY TNHH CON ĐƯỜNG VIỆT VINA | Số 291/5C, Ấp Tam Đông 3 | HĐ của ĐL du lịch, quảng bá | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1055 | CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI SẢN XUẤT GREENPACK | Số 68/2Y tổ 166, Ấp Đông 1 | SX các SP từ nhựa (plastic) | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1056 | CÔNG TY TNHH LIÊN DOANH FUJI ĐẠI PHÁT | 18/2W Ấp Thới Tứ | Sản xuất trang phục | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |

| | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1057 | VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN CÔNG TY TNHH ĐỨC THANH SƠN | 381 Nguyễn Thị Sáu, Ấp Thới Tứ 2 | Không loại khoản | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1058 | CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI NÔNG SẢN ĐĂNG KHOA | 1/6 ấp Đông | Bán lẻ trừ ô tô, xe máy, đ.cơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1059 | CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ CƠ ĐIỆN LẠNH KHANG GIA THỊNH | 112/3M, Ấp Tam Đông | XD C.trình k thuật d.dụng khác | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1060 | CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN PHƯƠNG NAM | 45 Đường Tam Đông 27, Ấp Tam Đông | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đcơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1061 | CÔNG TY TNHH XUẤT NHẬP KHẨU MAY MẶC V&TT | 33/14 Đường Trung Đông 6, Ấp Trung Đông 2 | Sản xuất trang phục | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1062 | CÔNG TY TNHH MAY MẶC NGUYỄN TRỊNH PHÁT | 39/6B ấp Đông | Sản xuất trang phục | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1063 | CÔNG TY TNHH THIẾT KẾ XÂY DỰNG HIẾU GIA HUY | 47/10G ấp Thới Tứ 2 | HĐ điều tra, t.dò, ks, tư vấn | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1064 | CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI MISA MART | 23/8A Trịnh Thị Miếng, Ấp Trung Đông | SX hoá chất và S.phẩm hoá chất | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1065 | CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ PHONG TÍN | 61/9A, Ấp Đông 1 | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đcơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1066 | CÔNG TY TNHH CƠ KHÍ CHÍNH XÁC DK | 3/12A Nam Thới | C.nghiệp chế biến,chế tạo khác | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1067 | CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG SẢN XUẤT CỌ | 19/4 Trịnh Thị Miếng, Ấp Tam Đông 1 | Hoàn thiện công trình xây dựng | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1068 | CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ QUỐC TẾ T-H-U | 298/5A Phạm Thị Giây, Tổ 136 | HĐ H.chính, H.trợ VP và HĐ KD | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1069 | CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN YẾN SÀO QUANG MINH | 309/5G Phạm Thị Giây, Tam đông 2 | HĐ H.chính, H.trợ VP và HĐ KD | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1070 | CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ QUẢNG CÁO TUNA | 80/3V Ấp Tam Đông 1 | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đcơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1071 | CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG TUẤN MẬP | 144/5 Ấp Tam Đông 2 | XD C.trình k thuật d.dụng khác | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1072 | CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ TRANG TRÍ NỘI THẤT MẠNH - HÙNG | 198/8/26 Thới Tam Thôn 17 | Hoạt động khoa học-C.nghệ khác | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1073 | CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN CHÂU NGỌC THẠCH | Số 14/10, ấp Đông | C.nghiệp chế biến,chế tạo khác | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1074 | CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ THIẾT KẾ XÂY DỰNG BĐS PHƯƠNG UYÊN | 5/69A Nam Thới | Tư vấn, môi giới, đấu giá BĐS | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1075 | CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ VẬN TẢI ĐIỀN QUÂN | 14/4K Đường Thới Tam Thôn 9, Ấp Trung Đông | Hoạt động DV H.trợ cho vận tải | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1076 | CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC HẠNH PHÚC | Số 37/12P Tổ 165, Ấp Đông 1 | Đào tạo khác trong nước | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1077 | CÔNG TY TNHH SX TM DV BAO BÌ ÔNG GIÀY MAI ANH | 151/5A ấp Tam Đông 2 | Sản xuất giấy và SP từ giấy | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1078 | CÔNG TY TNHH XNK SẮT THÉP THIÊN PHÚ | 139 Nguyễn Ảnh Thủ | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đcơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1079 | CÔNG TY TNHH MAY MẶC XUẤT NHẬP KHẨU UNIQUE | 39/3 Ấp Đông 1 | Sản xuất trang phục | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1080 | CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH MTV AKC | 46/3F Ấp Thới Tứ 2 | Sản xuất trang phục | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1081 | CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ SẢN XUẤT VÀ XÂY DỰNG ĐẠI THÀNH PHÁT | 169/7Q, Ấp Đông 1 | C.nghiệp chế biến,chế tạo khác | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1082 | CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI SX L.H | 2/8F Ấp Đông 1 | Sản xuất SP từ K.loại đúc sẵn | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1083 | CÔNG TY TNHH QUẢNG CÁO SỰ KIỆN TRUYỀN THÔNG VIỆT | 52/4 Trịnh Thị Miếng,Ấp Tam Đông | HĐ H.chính, H.trợ VP và HĐ KD | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1084 | CÔNG TY TNHH VIỆT BOILER | 39/20 Ấp Đông 1-2 | Sản xuất SP từ K.loại đúc sẵn | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |

| | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1085 | CÔNG TY TNHH ĐỊA ỐC -TƯ VẤN THIẾT KẾ THI CÔNG XÂY DỰNG BÌNH MINH | 301/5 Ấp Tam Đông 3 | Văn hóa | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1086 | CÔNG TY TNHH BANWOL MERKACCINO | 65/1G , ấp Đông 1 | Sản xuất trang phục | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1087 | CÔNG TY CỔ PHẦN OCEAN WORLD VIỆT NAM | 11/1Q Tô Ký | C.nghiệp chế biến,chế tạo khác | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1088 | CÔNG TY TNHH GIÀY BAOXIN | 160/1D Tô Ký, ấp Tam Đông | SX da và các SP có liên quan | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1089 | CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ NGỘ HUYỀN | 1/141 Tô Ký, Ấp Tam Đông | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đcơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1090 | CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG THANH THANH PHÚ | 25/18A Ấp Tam Đông 3 | Tư vấn PL,k.toán,k.toán t.định | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1091 | CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH GIÁO DỤC ĐÀO TẠO BỒI DƯỠNG VĂN HOÁ VÀ LUYỆN THI ĐẠI HỌC TRÍ MINH | 668 Đường Tô Ký, Ấp Tam Đông 1 | Đào tạo khác trong nước | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1092 | CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THỰC PHẨM HỒNG PHÁT | 111/5 Tổ 126, Ấp Tam Đông 2 | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đcơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1093 | CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI ĐÁ GRANITE & MARBLE THÀNH PHÁT | Số 156/1F Ấp Đông 1 | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đcơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1094 | CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ DI ĐỘNG QUỐC TẾ 24H | 317/5L Ấp Tam Đông 2 | Bán lẻ trừ ô tô, xe máy, đ.cơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1095 | CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI SƠN TIÊN THÀNH PHÁT | 80 Đường Thới Tam Thôn 17, Ấp Đông | SX hoá chất và S.phẩm hoá chất | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1096 | CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT NƯỚC TINH KHIẾT GREEN PLUS | 38/9C Ấp Trung Đông | Sản xuất đồ uống | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1097 | CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT - THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ PHƯƠNG HOÀNG THỊNH | 310/5B Ấp Tam Đông 2 | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đcơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1098 | CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI PHÚC MẠI | 31/23 Tổ 144 ấp Đông | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đcơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1099 | CÔNG TY TNHH THIẾT KẾ XÂY DỰNG - NHÀ THÉP SÀI GÒN | 27/16C Nguyễn Thị Ngâu, Tổ 79, Ấp Trung Đông | Kinh doanh bất động sản | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1100 | CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT XÂY DỰNG CƠ KHÍ TRUNG NAM | 17/9 L Đường Nguyễn Thị Ngâu, Tổ 68, Ấp Trung Đông | SX M. móc,TB chưa phân vào đâu | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1101 | CÔNG TY TNHH VẬN TẢI TƯ NHÂN THẮNG LỢI | 07/2/7C Hẻm 128 Ấp đông 1 | Hoạt động DV H.trợ cho vận tải | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1102 | CÔNG TY CỔ PHẦN CÁCH NHIỆT MIỀN NAM | 19/11U, Tổ 44, Ấp Thới Tứ | Sửa chữa-BD-lắp đặt máy móc TB | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1103 | CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ HASAHI | 14/6b Trịnh Thị Miếng, Ấp Đông | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đcơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1104 | CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ GIAO NHẬN VẬN TẢI KHANG THỊNH PHÁT | 43/4 Ấp Đông | Hoạt động DV H.trợ cho vận tải | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1105 | CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ THĂNG LONG WINDOW | 44/7A Nguyễn Thị Ngâu, ấp Trung Đông | Lắp đặt HT điện, nước, xd khác | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1106 | CÔNG TY TNHH 3519 | 56/5S ấp Tam Đông 3 | HĐ sáng tác, N.thuật, giải trí | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1107 | CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI MIDDLE EAST | 80/5 Ấp Tam Đông 3 | Tư vấn PL,k.toán,k.toán t.định | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1108 | CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI - KỸ THUẬT - DỊCH VỤ VON PHAN | 49/5B Đường Đặng Thúc Vịnh, Ấp Tam Đông 3 | Hoạt động dịch vụ LĐ- việc làm | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1109 | CÔNG TY TNHH 3T ENERGY | 86/2P Tổ 170 , Ấp Đông 1 | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đcơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1110 | CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ THỰC PHẨM ĐỒ UỐNG TRỌNG TÍN | 21/9B, Tổ 72, ấp Trung Đông | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đcơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1111 | CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CƠ KHÍ VÀ THƯƠNG MẠI NHẬT NAM | 175/5N đường Phạm Thị Giây, Ấp Tam Đông 2 | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đcơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1112 | CÔNG TY TNHH COTTON BASE VIỆT NAM | 54/9G Tam Đông 12 | Sản xuất trang phục | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |

| | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1113 | CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI XÂY DỰNG PHÁT TRIỂN CÔNG TRÌNH VIỆT HOME | 17/17G Đường Thới Tứ | Văn hóa | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1114 | CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ XÂY DỰNG MINH HUẤN | 152/5H ấp Tam Đông 2 | XD C.trình k thuật d.dụng khác | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1115 | CÔNG TY TNHH - SOS - PHÚC LÂM MIỀN NAM | 23/9E Trịnh Thị Miếng, Tổ 34, Ấp Thới Tứ 1 | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1116 | CÔNG TY CỔ PHẦN TRUYỀN THÔNG & CÔNG NGHỆ 28 AGENCY | 205/5C Đường Thới Tam Thôn 14, Ấp Tam Đông 3 | Quảng cáo (trừ in quảng cáo) | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1117 | CÔNG TY TNHH MTV TM XD BIỂN XANH | 151/5V Tam Đông 2 | Hoạt động DV H.trợ cho vận tải | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1118 | CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI BĂNG KEO NGÔI SAO MỚI | 32/10 Trung Đông 2 | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1119 | CÔNG TY TNHH ĐIỆN NGÂN PHÁT | 29/4B Đường Trung Đông 8 | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1120 | CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ GIẶT ỦI ĐẲNG KHOA | 331 Bùi Thị Lúng, Ấp Thới Tứ 2 | HĐ dịch vụ P.vụ cá nhân khác | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1121 | CÔNG TY TNHH THIẾT KẾ XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI HỒNG PHÁT | 198/8/12 Thới Tam Thôn 17, Ấp Đông 1 | Văn hóa | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1122 | CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN HM ĐẠI LỘC PHÁT | 26/20D, Ấp Thới Tứ 1 | C.nghiệp chế biến,chế tạo khác | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1123 | CÔNG TY TNHH MTV NHÔM KÍNH HƯNG THỊNH PHÁT | 42/7K Ấp Đông 1,tổ 166 | C.nghiệp chế biến,chế tạo khác | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1124 | CÔNG TY TNHH NÔNG SẢN LYSOGA | 14/4A Ấp Đông | Sản xuất chế biến thực phẩm. | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1125 | CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI SẢN XUẤT LÊ GIA BẢO | 90/5B Ấp Tam Đông | Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1126 | CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ KHANG LÊ | 414/12 Phạm Thị Giây, Ấp Tam Đông | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1127 | CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ XÂY DỰNG ĐỒNG HÒA YÊN | 133/3 Trịnh Thị Miếng, Ấp Tam Đông | Tư vấn PL,k.toán,k.toán t.định | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1128 | CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ SẢN XUẤT PHƯỚC NINH | 25/18A Ấp Tam Đông 3 | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1129 | CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI NỘI THẤT NHẬT MINH | 273 Trịnh Thị Miếng | Hoàn thiện công trình xây dựng | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1130 | CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI CƠ KHÍ XÂY DỰNG PHÚ TRẦN GIA | 33/8D Ấp Trung Đông 2 | Văn hóa | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1131 | CÔNG TY TNHH ĐIỆN TỬ ĐIỆN THOẠI ĐIỆN MÁY XANH LỘC PHÚC | 22 Tô Ký, Ấp Đông | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1132 | CÔNG TY TNHH NÔNG - LÂM SẢN GALAXY | 137 Đường Đặng Thúc Vịnh, Ấp Tam Đông 3 | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1133 | CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ GOLDEN STARS | 4/31 Quang Trung | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1134 | CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ THIẾT KẾ XÂY DỰNG NGÂN THỊNH | Số 40/4 Đường Thới Tam Thôn 13 | Văn hóa | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1135 | CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ KHÁCH SẠN KHANG AN | 81/3M Ấp Tam Đông 1 | Dịch vụ lưu trú ngắn ngày | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1136 | CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VLXD THANH TÚ TTD | 377 Tô Ký, ấp Nam Thới | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1137 | CÔNG TY TNHH MTV DỊCH VỤ VẬN TẢI LỆ MINH | 72/5B Tam Đông 2 | Hoạt động DV H.trợ cho vận tải | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1138 | CÔNG TY TNHH MTV THANH THÀNH ĐẠT | 422 đường Ấp Đông 3, tổ 158 Ấp Đông | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1139 | CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ CHÂU ĐÌNH TRÍ | 62/1A Nguyễn Ảnh Thủ,Ấp Đông | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1140 | CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ HIẾU HỒNG | 46/2W Bùi Thị Lúng | Văn hóa | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1141 | CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN IN THÀNH NGUYÊN | 113 đường Tam Đông 7, ấp Trung Đông 1 | In, sao chép bản ghi các loại | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |

| | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1142 | CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ THIÊN VÂN | 107 Đặng Thúc Vịnh | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đcơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1143 | CÔNG TY TNHH NỘI THẤT THANH BÌNH PHÁT | 30/3E Ấp Trung Đông 2 | Hoạt động khoa học-C.nghệ khác | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1144 | CÔNG TY TNHH TMDV CHÂU KHANG | 19/2A Trung Đông | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đcơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1145 | CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG GIANG NGHĨA | 14A Nguyễn Thị Thành, ấp Tam Đông 3 | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đcơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1146 | CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP SAKURA FARM | 5/69A Đặng Thúc Vịnh | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đcơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1147 | CÔNG TY TNHH VẬN TẢI ĐỨC MƯỜI | 14A Nguyễn Thị Thành, ấp Tam Đông 3 | Hoạt động DV H.trợ cho vận tải | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1148 | CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI - DỊCH VỤ - XUẤT NHẬP KHẨU BẠCH MAI | 1/3 ấp Tam Đông 1 | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đcơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1149 | CÔNG TY CỔ PHẦN PRONEX | 110/3 Ấp Tam Đông | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đcơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1150 | CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI LIÊM NHÃ FOODS | 12/3F Đường Trần Thị Bốc, Tổ 49, Ấp Thới Tứ | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đcơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1151 | CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG THU PHONG | 3/48 Nam Thới | Văn hóa | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1152 | CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ CT UNIVERSAL | Số 6/7G, Ấp Đông | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đcơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1153 | CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ ÁNH GIA | 70/5M Trịnh Thị Miếng, Ấp Tam Đông 2 | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đcơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1154 | CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ THIÊN THỊNH PHÁT | 383 Nguyễn Thị sáu , Ấp Thới Tứ 2 | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đcơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1155 | CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ VỆ SINH CÔNG NGHIỆP TRÍ DŨNG | 251/5 Nguyễn Thị Thành, ấp Tam Đông 3 | HĐ vệ sinh nhà cửa, cảnh quan | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1156 | CÔNG TY TNHH NATURFARM VIỆT NAM | 181/1 Ấp Đông 1 | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đcơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1157 | CÔNG TY TNHH TECO - FOOD | 182/1F Ấp Đông 1 | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đcơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1158 | CÔNG TY TNHH TM DV SNA | 4/11 Đường Thới Tứ 5, Ấp Thới Tứ | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đcơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1159 | CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN KINH DOANH KÉM VIỆT ĐỨC | Số 301/5D Đường Phạm Thị Giấy, Ấp Tam Đông 2 | Sản xuất SP từ K.loại đúc sẵn | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1160 | CÔNG TY TNHH BALO TÚI XÁCH HOÀNG LONG | 134/5Q Tam Đông 2 | SX da và các SP có liên quan | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1161 | CÔNG TY CỔ PHẦN THAKE | 29/17 Đường Liên Xã Thị Trấn Thới Tam Thôn | Sản xuất kim loại | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1162 | CÔNG TY CỔ PHẦN ACRYLIC SÀI GÒN | 228/8 Đường Thới Tam Thôn 6, Ấp Đông 1 | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đcơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1163 | CÔNG TY TNHH XUẤT NHẬP KHẨU THỰC PHẨM CHÍ NGUYỄN | 62/4H Thới Tam Thôn 6 | Bán lẻ trừ ô tô, xe máy, đ.cơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1164 | CÔNG TY TNHH KỸ THUẬT LẠNH ĐẠI THÀNH VN | 31/1B Ấp Trung Đông | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đcơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1165 | CÔNG TY TNHH MTV MAY MẶC VĂN GIANG | Số 93/5F Ấp Tam Đông | Sản xuất trang phục | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1166 | CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI MỸ PHẨM HUY HOÀNG | 19/12F Ấp Thới Tứ | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đcơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1167 | CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN KINH DOANH KÉM VIỆT ĐỨC | 13/1E Ấp Trung Đông 2 | Sản xuất SP từ K.loại đúc sẵn | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1168 | CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI SẢN XUẤT XÂY DỰNG ĐẠI TÍN PHÁT | 20 Nguyễn Ánh Thủ | SX hoá chất và S.phẩm hoá chất | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1169 | CÔNG TY TNHH PHÂN PHỐI TBVS HIẾU HẰNG SG | 174/41/20 Đường Ấp Đông 2 | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đcơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1170 | CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THUẬN ĐỨC | 139/5G Phạm Thị Giấy | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đcơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1171 | CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM LONG GIANG | 29/8 Đường số 6 | Sản xuất chế biến thực phẩm | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |

| | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1172 | CÔNG TY TNHH CƠ KHÍ XÂY DỰNG HOÀN HOÀ | 123/16 Đường Thới Tam Thôn 14, Ấp Tam Đông | XD C.trình k thuật d.dụng khác | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1173 | CÔNG TY CP TMDV BẤT ĐỘNG SẢN HÙNG ANH | 14/2D Đặng Thúc Vịnh | Tư vấn, môi giới, đấu giá BĐS | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1174 | CÔNG TY TNHH DẦU NHỚN PLUTUS | 45/4 Đường Trung Đông 12, Ấp Trung Đông 2 | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đcơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1175 | CÔNG TY TNHH DV TƯ VẤN HOÀNG LINH | 22/6C Nguyễn Thị Sáu, ấp Thới Tứ | Tư vấn PL,k.toán,k.toán t.định | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1176 | CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI VI NA VAN | 106/4 Đường Tam Đông 27, Ấp Tam Đông | C.nghiệp chế biến,chế tạo khác | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1177 | CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ SẢN XUẤT CÁNH THĂNG | 21/4 Ấp Đông | Sản xuất giấy và SP từ giấy | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1178 | CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ VIỄN THÔNG THÀNH ĐỊNH | 15/4 Đường Đặng Thúc Vịnh | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đcơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1179 | CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI THÉP BẢO ANH | 17/4L Ấp Đông | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đcơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1180 | CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ Ý NGHĨA | Số 62/3P Ấp Đông | Sản xuất SP từ K.loại đúc sẵn | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1181 | CÔNG TY TNHH MAY THỜI TRANG KIM THANH | 74/5Z Tam Đông 2 | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đcơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1182 | CÔNG TY TNHH MTV THUẬN AN PHÚ | 19/22A Ấp Thới Tứ | SX sợi,vải, hoàn thiện SP dệt | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1183 | CÔNG TY TNHH XUẤT NHẬP KHẨU NEWSUN | 35/6M Trung Đông 7 | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đcơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1184 | CÔNG TY TNHH MAY MẶC SUN FLOWER | 5/3B Phạm Thị Giây, Ấp Tam Đông | Sản xuất trang phục | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1185 | CÔNG TY TNHH CHẾ BIẾN THỰC PHẨM VÀ BÁNH KẸO NĂM LONG | 778/14/8 ấp Trung Đông | Sản xuất chế biến thực phẩm. | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1186 | CÔNG TY TNHH THANG MÁY FUJI KOREA LIFT | 4/6F Thới Tứ 2 | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đcơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1187 | CÔNG TY TNHH XUẤT NHẬP KHẨU THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ GOLDEN BAMBOO | 177/9C Đường Ấp Đông 1-2 | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đcơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1188 | CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐẠI PHÁT HỐC MÔN | 99 Đường Phạm Thị Giây | Kinh doanh bất động sản | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1189 | CÔNG TY TNHH ĐO ĐẠC TƯ VẤN THIẾT KẾ XÂY DỰNG TRƯỜNG THỊNH | 101/4G Ấp Tam Đông | HĐ điều tra, t.đò, ks, tư vấn | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1190 | CÔNG TY TNHH GON MEDIA | Số 10/7A đường Đặng Thúc Vịnh, Ấp Trung Đông 1 | Quảng cáo (trừ in quảng cáo) | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1191 | CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU S.V.T.P | 298/5B Phạm Thị Giây | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đcơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1192 | CÔNG TY TNHH MTV WELLNESS FARM | 29/H5, Ấp Đông 1 | Trồng trọt | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1193 | CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ HOÀNG HIỂN PHÁT | 69/5Y Ấp Tam Đông 2 | Sản xuất SP từ K.loại đúc sẵn | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1194 | CÔNG TY TNHH XUẤT NHẬP KHẨU VÀ MÔI TRƯỜNG THÀNH PHỐ XANH | 10/9A 10 Tổ 66, ấp Trung Đông 1 | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đcơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1195 | CÔNG TY TNHH VẬT TƯ THIẾT BỊ Y TẾ SÀI GÒN | 74/4B đường TTT13, Ấp Tam Đông | C.nghiệp chế biến,chế tạo khác | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1196 | CÔNG TY TNHH TẬP ĐOÀN NNGROUP VIỆT NAM | 190/1L, Tổ 141, Tam Đông 1 | H.động SX phần mềm máy tính | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1197 | CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN TMDV VIỆT TÍN | 160/1D Tô Ký, ấp Tam Đông | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đcơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1198 | CÔNG TY TNHH MIZUTONBO | 312/5Q đường Thới Tam Thôn 16, ấp Tam Đông 2 | H.động SX phần mềm máy tính | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1199 | CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN VINCONS | 114/5H Đường Phạm Thị Giây | Văn hóa | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1200 | CÔNG TY TNHH ĐÔNG DƯƠNG CORP | 146/1F, Ấp Tam Đông | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đcơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |

| | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1201 | CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ PTE | 17/3C Tổ 62 Ấp Trung Đông | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đcơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1202 | CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ BẤT ĐỘNG SẢN THUỶ DƯƠNG | 72/3B Ấp Tam Đông | Tư vấn, môi giới, đấu giá BĐS | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1203 | CÔNG TY TNHH PHÒNG KHÁM ĐA KHOA Y DƯỢC HẠNH PHÚC | Số 244 Đường Tô Ký, Ấp Tam Đông | HĐ các phòng khám, chữa bệnh | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1204 | CHI NHÁNH-CÔNG TY TNHH BIO TREE | Số 165 Ấp Đông 1 | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đcơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1205 | CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ KỸ THUẬT CƠ ĐIỆN HOÀNG MINH | 90/4A Ấp Tam Đông | XD C.trình k thuật d.dụng khác | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1206 | CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ THỰC PHẨM GIA VỊ VIỆT NHẬT | 28/9M Ấp Thới Tứ 1 | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đcơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1207 | CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG VÀ BẤT ĐỘNG SẢN HỒNG NHẬT | 37/12B Ấp Đông | Tư vấn, môi giới, đấu giá BĐS | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1208 | CÔNG TY TNHH MTV GIA NGUYÊN | 30/24 Tô Ký, ấp Nam Thới | Nhà hàng,d.vụ ăn uống lưu động | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1209 | CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN KHAI THÁC DÒNG DI SẢN LỊCH SỬ A.Q.V | 778/35/13A Ấp Trung Đông | HĐ H.chính, H.trợ VP và HĐ KD | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1210 | CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ VÀ ỨNG DỤNG TỰ ĐỘNG VIỆT NAM | 102/3D ấp Tam Đông | H.động SX phần mềm máy tính | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1211 | CÔNG TY TNHH THẦN THIỆN FOOD | 600/1/12 Ấp Tam Đông 3 | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đcơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1212 | CÔNG TY TNHH MAY BẢO HUY | Số 17/5W Đường Tam Đông 3 | SX da và các SP có liên quan | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1213 | CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ NPP THÀNH SƠN | 107/5B Đường Nguyễn Thị Thành, Ấp Tam Đông 3 | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đcơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1214 | CÔNG TY TNHH KỸ THUẬT BAO BÌ TRẦN CÔNG NGHIỆM | 140/33 Đường Thới Tam Thôn 17, Ấp Đông 1 | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đcơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1215 | CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI GỖ SÀI GÒN THƯƠNG TÍN | 68 Đặng Thúc Vịnh | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đcơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1216 | CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ MẠNH HÒA PHÁT | 19/5P Ấp Đông | Hoạt động dịch vụ LĐ- việc làm | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1217 | CÔNG TY TNHH GIA CÔNG TÚI DA MINH HIẾU | 8/12H Đặng Thúc Vịnh, Tổ 64, Ấp Trung Đông 1 | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đcơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1218 | CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG TRC | Số 17/18 đường Trần Thị Bốc, Ấp Nam Thới | Văn hóa | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1219 | CÔNG TY TNHH THIẾT KẾ XÂY DỰNG PHÚC HẢI | 19/2 Ấp Đông | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đcơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1220 | CÔNG TY TNHH KỸ THUẬT NGỌC ANH PHÁT | 37/8, Đường Ấp Đông 1-2, Ấp Đông 1 | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đcơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1221 | CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ VIVAN | 142/5K Ấp Tam Đông 2 | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đcơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1222 | CHI NHÁNH - CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI ĐÔNG QUÂN | 23/1 Tô Ký | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đcơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1223 | CÔNG TY TNHH DAHANA | 4/2B Đặng Thúc Vịnh, Ấp Trung Đông | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đcơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1224 | CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN TRUNG TRUNG VIỆT | 131/5G Thới Tam,Thôn 16D | Lắp đặt HT điện, nước, xd khác | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1225 | CÔNG TY TNHH NGỌC ÁNH SÀI GÒN | 1/2B Ấp Đông | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đcơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1226 | CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI CƠ KHÍ UỐN ỐNG KỲ QUANG | 30/11M Đường Tô Ký, Tổ 24, Ấp Nam Thới | Sản xuất SP từ K.loại đúc sẵn | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1227 | CÔNG TY TNHH THIẾT KẾ THI CÔNG NỘI THẤT MIỀN NAM | 2/15A Ấp Trung Đông 2 | Hoạt động khoa học-C.nghệ khác | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1228 | CÔNG TY CỔ PHẦN TRUYỀN THÔNG KINH TẾ 24H | 55/5T đường Tam Đông 12 | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đcơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1229 | CÔNG TY TNHH TÔN THÉP ĐẠT THUẬN PHÁT | 27/18 Đường Nguyễn Thị Sáu | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đcơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |

| | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1230 | CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ JIREH | Số 35/6M tổ 84, đường Trung Đông 7, Ấp Trung Đông 2 | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1231 | CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN XÂY DỰNG PHƯƠNG NAM | 169/2c Ấp Đông 1 | Phá dỡ và chuẩn bị mặt bằng | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1232 | CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG - THƯƠNG MẠI DKH | 159/5P Ấp Tam Đông 2 | SX hoá chất và S.phẩm hoá chất | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1233 | CÔNG TY TNHH YDI VINA | 14/10C Ấp Đông | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1234 | CÔNG TY TNHH SX TM XNK GIẤY VTA | 252/14 Đường Thới Tam Thôn 6 , ấp Tam Đông 2 | Sản xuất giấy và SP từ giấy | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1235 | CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ VẬN TRƯỜNG THỊNH | 6/3 Tô Ký, ấp Đông | SX SP từ gỗ, tre, nứa, rơm, rạ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1236 | CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN THƯƠNG MẠI THỰC PHẨM GIA HƯNG FOODS | 62/6b tổ 169 - Ấp Đông 1 | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1237 | CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG VÀ NỘI THẤT HOÀNG ANH DC | 5/94A Đường Thới Tam Thôn 11B, Ấp Nam Thới | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1238 | CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU QUỐC TẾ QUANG HUY | 73 Đường Thới Tam Thôn 18, ấp Tam Đông | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1239 | CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI SẢN XUẤT ANZ | 28/5A Ấp Thới Tứ 1 | Sản xuất SP từ K.loại đúc sẵn | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1240 | CÔNG TY TNHH EXIMCOFFEE | 314 Trịnh Thị Miếng, Ấp Tam Đông 2 | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1241 | CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU HỮU KHANG 22 | 19/4L Đường Tô Ký, Ấp Đông | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1242 | CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ XUẤT NHẬP KHẨU SAVILLS | 289 Nguyễn Thị Thành | SX sợi,vải, hoàn thiện SP dệt | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1243 | CÔNG TY TNHH TM - DV GARAGE Ô TÔ THÁI TUẤN | 272 Tô Ký, Ấp Tam Đông | Bán, sửa chữa ô tô, mô tô, XM | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1244 | CÔNG TY TNHH MAY MẶC HQ | 42/9T Ấp Đông | SX sợi,vải, hoàn thiện SP dệt | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1245 | CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ TÍN AN KHANG | 161/3A Trịnh Thị Miếng, Ấp Tam Đông 1 | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1246 | CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI GOLDEN FARM VIỆT NAM | 2/155N Nam Thới | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1247 | CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI KIẾN XÂY | 2/165A Tổ 4, Ấp Nam Thới | Văn hóa | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1248 | CÔNG TY TNHH IN BAO BÌ HÒA PHÁT | 35/24 Tổ 86, Ấp Trung Đông 2 | SX các SP từ nhựa (plastic) | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1249 | CÔNG TY TNHH SANGHA GROUP | 176 ấp Đông 1-2 | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1250 | CÔNG TY TNHH VẬN TẢI PHÚC NHẬT | 20/5G Ấp Đông | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1251 | CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DƯỢC PHẨM HOÀN MỸ | 114 Đường Ấp Đông 4 | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1252 | CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI LÊ ANH FOOD | 117/5M đường Phạm Thị Giây, ấp Tam Đông 2 | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1253 | CÔNG TY TNHH KINH DOANH THƯƠNG MẠI TẤN NGỌC DUY | 48/3D Nguyễn Thị Ngâu, Ấp Trung Đông | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1254 | CÔNG TY TNHH THẨM MỸ ĐD MED | 3/7N Bùi Thị Lúng, Ấp Nam Thới | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1255 | CÔNG TY CỔ PHẦN PHÒNG KHÁM ĐA KHOA SÀI GÒN - QUANG HUY 1 | 22/5C Ấp Trung Đông | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1256 | CÔNG TY TNHH KỸ THUẬT THIẾT BỊ TMT | 156/2P Đường Thới Tam Thôn 17, Ấp Đông 1 | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1257 | CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ MASSADS | 3/8e Ấp Thới Tứ | Quảng cáo (trừ in quảng cáo) | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |

| | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1258 | CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ ĐIỀN KHOA | 171/2H ấp Đông 1 | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đcơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1259 | CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH THẨM MỸ ĐD MED | 253 Bùi Thị Lùng, Ấp Thới Tứ 2 | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đcơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1260 | VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH - CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BẢO VỆ CHUYÊN NGHIỆP AN NINH | 84/2F Ấp Tam Đông 1 | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đcơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1261 | CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI ANH KIỆT GIA | Số 242/6 Nguyễn Thị Ngâu, Ấp Trung Đông 2 | SX da và các SP có liên quan | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1262 | CÔNG TY TNHH VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỨC THÀNH | 123/5Q Ấp Tam Đông 2 | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đcơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1263 | CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ ANH DŨNG AUDIO | Số 861 Thới Tứ 2 | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đcơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1264 | CÔNG TY TNHH NHÔM KÍNH LỘC PHÁT | 10/1D Trịnh Thị Miếng, Ấp Đông | Sản xuất SP từ K.loại đúc sẵn | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1265 | CÔNG TY TNHH GIA AN LỘC PHÁT | 39/4H Trịnh Thị Miếng | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đcơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1266 | CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ XÔNG HƠI XOA BÓP TỔNG HỢP DIỄM MY | 397 Tô Ký, ấp Nam Thới | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đcơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1267 | CÔNG TY TNHH THIẾT KẾ & THI CÔNG XÂY DỰNG TÂN THỊNH PHÁT | 19/5D Ấp Đông | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đcơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1268 | CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI XÂY DỰNG NỘI THẤT TẦM NHÌN MỚI | 254 Tô Ký, Nam Thới | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đcơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1269 | CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT GIÀY DÉP HUY HOÀNG | 91/3P Ấp Tam Đông | SX da và các SP có liên quan | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1270 | CÔNG TY TNHH MAY TÚI XÁCH NAM ANH | 23/8B Ấp Trung Đông | SX da và các SP có liên quan | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1271 | CÔNG TY TNHH TM – DV – XD TRƯỜNG SƠN | 31/19K Nguyễn Ảnh Thủ, Tổ 179 | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đcơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1272 | CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ & XÂY DỰNG HOÀNG PHỤC | 56/3 Tổ 109 Ấp Tam Đông | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đcơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1273 | CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ ĐIỆN MINH HÂN | Số 105/4 Tam Đông | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đcơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1274 | HỢP TÁC XÃ NÔNG NGHIỆP - CÔNG NGHỆ CAO TRUNG ĐÔNG | 39/15K ấp Trung Đông 2 | Trồng trọt | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1275 | CÔNG TY TNHH TM VÀ DV LONG MINH | 88/4Z, Đường 25, Tổ 114, Ấp Tam Đông | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đcơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1276 | CÔNG TY TNHH SX DV TM PHỤNG PHỤNG ANH | Số 302/15 Đường Nguyễn Thị Ngâu, Ấp Trung Đông 2 | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đcơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1277 | CÔNG TY TNHH HP - ĐÔNG DƯƠNG | 100/5W Nguyễn Thị Thành, Ấp Tam Đông 3 | Kho bãi và lưu giữ hàng hoá | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1278 | CÔNG TY TNHH CÁT TIẾN HƯNG | 39/19N, Đường Ấp Đông 1-2, Ấp Đông 1 | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đcơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1279 | CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT LƯỚI TOÀN THẮNG | 92/4A, Ấp Tam Đông | SX các SP từ nhựa (plastic) | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1280 | CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI TÂN PHƯỚC THỊNH | 1/5A Nguyễn Thị Ngâu, Ấp Trung Đông | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đcơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1281 | CÔNG TY TNHH AN PHÁT LUẬT | 16/10Q trần thị bốc | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đcơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1282 | CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ QUỲ HÀ | 159/5N Thới Tam Thôn, Ấp Tam Đông 2 | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đcơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1283 | CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI SẢN XUẤT NỘI NGOẠI THẤT DTC | 85/5 Ấp Tam Đông | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đcơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1284 | CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI ĐẦU TƯ THÁI SƠN ĐÔNG NAM BỘ | 5/104a Trần Thị Bốc | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đcơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1285 | CÔNG TY TNHH NAM MINH NGỌC | 195/5H Tổ 131, Ấp Tam Đông 2 | Bán lẻ trừ ô tô, xe máy, đ.cơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |

| | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1286 | CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ THỊNH DUY PHÁT | 36/8B Ấp Trung Đông 2 | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đcơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1287 | CÔNG TY TNHH NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG TIỀN PHONG | 14/21 A, Bùi Văn Ngữ | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đcơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1288 | CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN TRƯỜNG SƠN-CHI NHÁNH HÓC MÔN | 17/5R, tổ 128, ấp Tam Đông 3 | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đcơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1289 | CÔNG TY TNHH PHẾ LIỆU VĂN CAO | 274 Tô Ký, Ấp Nam Thới | Sản xuất giấy và SP từ giấy | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1290 | CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ ĐẠI ĐẠI NGUYÊN | 21/8E Ấp Trung Đông | Bán lẻ trừ ô tô, xe máy, đ.cơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1291 | CÔNG TY TNHH BÁNH KẸO NHƯ PHÚC | 244/1A Tô Ký, Ấp Đông | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đcơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1292 | CÔNG TY TNHH SÂN BÓNG ĐÁ EURO | 196 Trần Thị Bốc | Hoạt động thể thao | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1293 | CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XD VÀ TMDV MINH ANH | 14/21N Ấp Đông | SX SP từ chất khoáng phi kim | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1294 | CÔNG TY TNHH NAM LONG SUPPLIES | 61/9L Ấp Đông | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đcơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1295 | CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI DƯƠNG PHONG | Số 146/3D, đường Trịnh Thị Miếng, ấp Tam Đông 1 | Sản xuất chế biến thực phẩm. | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1296 | CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH DV TM TỔNG HỢP HƯNG THỊNH | 97/3H Phạm Thị Giây, Ấp Tam Đông | Trồng rừng và chăm sóc rừng | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1297 | CHI NHÁNH 1 CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ ĐẠI ĐẠI NGUYÊN | 27/16 Ấp Thới Tứ | Bán lẻ trừ ô tô, xe máy, đ.cơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1298 | CHI NHÁNH 2 CÔNG TY TNHH NAMGANO | 414/37 Đường Phạm Thị Giây, Ấp Tam Đông | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đcơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1299 | CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI ĐỨC TUYỀN | 98/3P Đường Phạm Thị Giây, Ấp Tam Đông | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đcơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1300 | CÔNG TY TNHH TƯ VẤN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN XÂY DỰNG AN BÌNH | 186/1K Ấp Tam Đông | Văn hóa | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1301 | CÔNG TY TNHH ĐINH PHÁT GIA | Số 292/5V đường Phạm Thị Giây, Tổ 138, Ấp Tam Đông 2 | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đcơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1302 | CÔNG TY TNHH KHUÔN BÉ QUẢN PHÁT | 39/3 Đường Nguyễn Ảnh Thủ, Ấp Đông 1 | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đcơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1303 | CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ KỸ THUẬT HƯNG HƯNG PHÁT | 30/9G Ấp Thới Tứ 1 | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đcơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1304 | CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ KỸ THUẬT KINGSMEN VIỆT NAM | 56/22 ẤP TRUNG ĐÔNG | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đcơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1305 | CÔNG TY TNHH PHẾ LIỆU NGUYỄN HUỲNH | 64 đường Nguyễn Thị Thánh, tổ 125, ấp Tam Đông 3 | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đcơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1306 | CÔNG TY TNHH XUẤT NHẬP KHẨU SUNMAX | 30/2E, Tổ 125, Ấp Tam Đông 3 | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đcơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1307 | CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI SẢN XUẤT DỊCH VỤ D&Q | 78/3 Đường Phạm Thị Giây, Ấp Tam Đông 1 | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đcơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1308 | CÔNG TY TNHH SX - TM - DV NỘI THẤT SOFA HOÀNG GIA PHÁT | 164/1D Tô Ký | C.nghiệp chế biến,chế tạo khác | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1309 | CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ CÔNG NGHỆ VÀ QUẢN LÝ TÒA NHÀ HAPPY HOME GROUP | 18/2w Ấp Thới Tứ | Tư vấn, môi giới, đấu giá BĐS | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1310 | CÔNG TY TNHH PHẾ LIỆU VŨ CHIẾN | 146/5B Phạm Thị Giây, Tổ 132, ấp Tam Đông 2 | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đcơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1311 | CÔNG TY TNHH PHẾ LIỆU THANH KHƯƠNG | 4/100A Đặng Thúc Vịnh, Tổ 16, Ấp Nam Thới | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đcơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1312 | CÔNG TY TNHH PHẾ LIỆU HOÀNG THẮNG | 17/9C Đường Nguyễn Thị Ngâu, Tổ 68, Ấp Trung Đông | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đcơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1313 | CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI QM SHOES | 644 Tô Ký, Ấp Tam Đông 1 | SX da và các SP có liên quan | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |

| | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1314 | CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ HUYỀN VY | 12/6 Ấp Đông 1 | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đcơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1315 | CÔNG TY TNHH THÀNH COLOR | 137/5 đường ấp đông 1-2, ấp đông 1 | Sản xuất trang phục | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1316 | CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ DU LỊCH VẬN TẢI DUY THÀNH | 14/18H Đường Ấp Đông 4 | Vận tải đường bộ khác | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1317 | CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI CƠ KHÍ XÂY DỰNG THÀNH VIÊN | 257/15 Đường Phạm Thị Giây, Tổ 104, ấp Tam đông 1 | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đcơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1318 | CÔNG TY TNHH VẬN CHUYỂN HÀNH KHÁCH HOÀNG THỦY | 140/5M Ấp Tam Đông 2 | Vận tải đường bộ khác | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1319 | CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ BDX VIỆT NAM | 128/19 Ấp Đông 1-2 | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đcơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1320 | CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI NỘI NGOẠI THẤT PHÚC THIÊN TÂM | 116/5N Ấp Tam Đông 2 | C.nghiệp chế biến,chế tạo khác | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1321 | CÔNG TY TNHH QUẢNG CÁO VÀ NỘI THẤT TRỌNG HOÀNG | 60 Nguyễn Ảnh Thủ, Ấp Đông 1 | Quảng cáo (trừ in quảng cáo) | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1322 | CÔNG TY TNHH INTERNET VŨ THIÊN | 2/13B Nguyễn Thị Ngâu | Hoạt động viễn thông | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1323 | CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ VẬN TẢI PHƯƠNG HOÀN NINH | 46/2C Đường Trung Đông 11/1C | Vận tải đường bộ khác | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1324 | CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ THƯƠNG MẠI SẢN XUẤT TÂN THIÊN KHÔI | 303/Q5 Phạm Thị Giây, Ấp Tam Đông 2 | Hoàn thiện công trình xây dựng | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1325 | CÔNG TY TNHH XÂY LẮP ĐIỆN ĐOÀN GIA | 27/9C Ấp Thới Tứ | Lắp đặt HT điện, nước, xd khác | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1326 | CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ ANH ĐÀI | 26/5C ấp Nam Thới | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đcơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1327 | CÔNG TY TNHH PHẾ LIỆU HẢI DƯƠNG | 238 Bùi Văn Ngữ, Ấp Đông | Sản xuất giấy và SP từ giấy | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1328 | CÔNG TY TNHH QUẢNG CÁO TRUYỀN THÔNG 68 | 26 Nguyễn Ảnh Thủ, Ấp Đông 1 | Quảng cáo (trừ in quảng cáo) | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1329 | CÔNG TY TNHH TƯ VẤN ELITES | 62/8D Tổ 156, Ấp Đông | Xây dựng công trình đường bộ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1330 | CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN MAY XUẤT KHẨU THUẬN PHÁT | Số 211/1A ấp Tam Đông | Sản xuất trang phục | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1331 | CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ HƯNG GIA ĐẠT | 11/3B Tổ 51, ấp Thới Tứ | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đcơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1332 | CÔNG TY TNHH DV PHI HÙNG | 79/3B Thới Tam Thôn, Ấp Đông 1 | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đcơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1333 | CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ LOAN HỒ | 36/2C Ấp Đông | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đcơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1334 | CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI PHẠM KHANG | 3/104F, Đường Trần Thị Bốc | Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1335 | CÔNG TY TNHH VIỄN THÔNG LINH PHÁT | 15/4 Đặng Thúc Vịnh, Ấp Tam Đông | Hoạt động viễn thông | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1336 | CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ GIÁO DỤC NGUYỄN DU | 8/2F đường Thới Tam Thôn 10, ấp Trung Đông | Đào tạo khác trong nước | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1337 | CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ TRỌNG HIẾU | 46/2M1 Tổ 51 Ấp Thôn Tứ Xuân | Văn hóa | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1338 | CÔNG TY TNHH 8 FOOD VIỆT NAM | 171/5A ấp Đông 1 | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đcơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1339 | CÔNG TY TNHH MỸ PHẨM MỘC HOA | 5/12 Ấp Thới Tứ | SX hoá chất và S.phẩm hoá chất | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1340 | DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN CẮT TÓC NAM NỮ QUỲNH NHƯ | 102/3N Phạm Thị Giây, Ấp Tam Đông | HĐ dịch vụ P.vụ cá nhân khác | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1341 | CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH MAY MẶC HỌ | 166/3 Ấp Đông 1 | Sản xuất trang phục | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1342 | CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT MAY MẶC GÒ VIETNAM | 40/4H Nguyễn Ảnh Thủ, Ấp Đông 1 | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đcơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |

| | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1343 | CÔNG TY TNHH ĐÌNH THÀNH | 29/9M Đường Tam Đông 1, Ấp Trung Đông, | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đcơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1344 | CÔNG TY TNHH PHẾ LIỆU PHẠM NGUYÊN | 290 Phạm Thị Giây, Tổ 136, Ấp Tam Đông 2 | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đcơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1345 | CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG CƠ ĐIỆN NAM ANH | 78/4 Đường Thới Tam Thôn 25, ấp Tam Đông | Văn hóa | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1346 | CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI XÂY DỰNG WINNO | Số 80/3A đường Thới Tam Thôn 6 | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đcơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1347 | CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ NGHI DANH | 22/2E Lê Thị Hà, Tổ 21, Ấp Nam Thới | Bán, sửa chữa ô tô, mô tô, XM | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1348 | CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ KCB | 26/13G Ấp Đông | SX hoá chất và S.phẩm hoá chất | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1349 | CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ TUẤN PHÁT SG | 79/5E Thới Tam Thôn 14 | HĐ dịch vụ P.vụ cá nhân khác | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1350 | CÔNG TY TNHH KIẾN TRÚC VÀ XÂY DỰNG MINH HOÀNG | 109/3 Ấp Tam Đông | Kinh doanh bất động sản | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1351 | CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ NGỌC KHANG CAR | 82/7/11 Đường Tô Ký | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đcơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1352 | CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT VĨNH KHỞI | 111/5A đường TTT5-7, ấp Tam Đông 2 | Bán lẻ trừ ô tô, xe máy, đ.cơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1353 | CÔNG TY TNHH KINH DOANH BẤT ĐỘNG SẢN PHƯƠNG THANH | 112/22L Ấp Đông | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đcơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1354 | CÔNG TY TNHH SX NGOẠI THẤT LỘC THIÊN PHÚC | 116/5N Ấp Tam Đông 2 | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đcơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1355 | CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI THIẾT BỊ ĐIỆN TỬ SP VIỆT NAM | 98 Đường Nguyễn Thị Thành | SX SP điện tử, và SP quang học | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1356 | CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT KINH DOANH RAU QUẢ VẠN XUÂN | 311/5 ấp Tam Đông 2 | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đcơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1357 | CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI NGỌC MAI | 13/5W Ấp Tam Đông 3 | SX da và các SP có liên quan | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1358 | CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI J.A VINA | 72/5s Tổ 103, Ấp Tam Đông | Sản xuất trang phục | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1359 | CÔNG TY TNHH KIẾN TRÚC VÀ NỘI THẤT NICE HOUSE | 24/10 Thới Tứ 1 | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đcơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1360 | CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ BẢO TÙNG | 37/8F Ấp Đông | Bán, sửa chữa ô tô, mô tô, XM | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1361 | CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU HUỲNH PHÁT | 29 Trung Đông 3A, Tổ 81, Ấp Trung Đông 2 | SX SP điện tử, và SP quang học | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1362 | CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ GIAO NHẬN VẬN TẢI NGUYỄN GIA | 72/2P đường Phạm Thị Giây, Tổ 93, Ấp Tam Đông | Vận tải đường bộ khác | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1363 | CÔNG TY TNHH SX TM DV NHÔM KÍNH CƠ KHÍ XÂY DỰNG CAO TOÀN ĐẠT | 61/8C Thới Tam Thôn 17, ấp Đông 1 | Sản xuất SP từ K.loại đúc sẵn | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1364 | CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ MẦM NON PHÁT ĐẠT | 61/3E, ấp Tam Đông | Bán lẻ trừ ô tô, xe máy, đ.cơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1365 | CÔNG TY TNHH NAV.HOME | 151/3C Trịnh Thị Miếng | Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1366 | CÔNG TY TNHH SX TM XNK MAY MẶC TRƯỜNG THẢO | 109/11 Đường Thới Tam Thôn 17, Ấp Đông | Sản xuất trang phục | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1367 | CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI TRANH KÍNH NGHỆ THUẬT | 34/2P Trung Đông 7, Ấp Trung Đông 2 | C.nghiệp chế biến,chế tạo khác | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1368 | CÔNG TY TNHH MTV TMDV HẢI HÀ VIỆT NAM | 27/9 Tô Ký | Dịch vụ lưu trú ngắn ngày | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1369 | CÔNG TY CỔ PHẦN XE ĐIỆN TỐT- CHI NHÁNH HÓC MÔN | Số 12/1N ấp Tam Đông 1 | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đcơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1370 | CÔNG TY TNHH ẨM THỰC GIA ĐÌNH THỊNH ĐẠT | 74 Nguyễn Ánh Thủ, ấp Đông 1 | Nhà hàng,d.vụ ăn uống lưu động | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1371 | CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ XÂY DỰNG ĐÁ TRỊNH GIA PHÁT | 169/8B Ấp Đông 1 | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đcơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1372 | CÔNG TY TNHH VẢI TRANG TRÍ NỘI THẤT QUỲNH NHƯ | 13/5B Tô Ký, Ấp Đông | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đcơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |

| | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1373 | CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI MỘC KIM HƯNG | 79/2F đường Thới Tam Thôn 18, Ấp Tam Đông 1 | C.nghiệp chế biến,chế tạo khác | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1374 | CÔNG TY TNHH VẬN TẢI LONG MAI | 31/5Đ Ấp Đông | Vận tải đường bộ khác | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1375 | CÔNG TY TNHH GOLDEN GOLDEN GROUP | 40/3 ấp Trung Đông 2 | Tư vấn PL,k.toán,k.toán t.định | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1376 | CÔNG TY TNHH PHÂN BÓN VÀ CÂY TRỒNG TUỆ MINH | 79/5E Ấp Tam Đông 3 | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đcơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1377 | CÔNG TY TNHH GIẢI PHÁP D&T | 40/6C, Ấp Trung Đông 2 | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đcơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1378 | CÔNG TY TNHH VẬT TƯ NGÀNH NƯỚC TIẾN PHÁT | 77/5 Nguyễn Thị Thành, Ấp Tam Đông 2 | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đcơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1379 | CÔNG TY TNHH PESTICIDE HÒA NÔNG PHÚC HẬU | 104/3 Phạm Thị Giấy, Ấp Tam Đông | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đcơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1380 | CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT DÂY MINH TIẾN | 97/5S, Ấp Tam Đông 3 | SX sợi,vải, hoàn thiện SP dệt | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1381 | CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ CƠ ĐIỆN LẠNH THANH SANG | 16/10P Trần Thị Bốc, Ấp Thới Tứ | Sửa chữa-BD-lắp đặt máy móc TB | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1382 | CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ TRANG TRÍ NỘI THẤT ANDO DECOR | 100/5S Nguyễn Thị Thành, Ấp Tam Đông 3 | Bán lẻ trừ ô tô, xe máy, đ.cơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1383 | CÔNG TY TNHH TRẦN HOÀI HẠNH | 18/18 Trần Thị Bốc, ấp Thới Tứ 2 | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đcơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1384 | CÔNG TY TNHH SIÊU THỊ NỘI THẤT CHÂU ANH | 8/1 A Tô Ký | Quảng cáo (trừ in quảng cáo) | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1385 | CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ NÔNG SẢN HOÀNG KHA | 254 Tô Ký | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đcơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1386 | CÔNG TY CỔ PHẦN THỊNH PHÁT FURNITURE | 26/9A Ấp Đông | Sản xuất trang phục | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1387 | CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ WEDIGITECH | 156/2B, Ấp Đông 1 | H.động SX phần mềm máy tính | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1388 | CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ MASSAGE NGỌC DUYÊN | Số 300 Đặng Thúc Vịnh | HĐ dịch vụ P.vụ cá nhân khác | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1389 | CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI VẬT TƯ TIẾN PHÁT | 48/12K, Ấp Trung Đông 2 | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đcơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1390 | CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ MMT | Số 174/27/37, Đường Ấp Đông 2, Ấp Đông 1 | HĐ H.chính, H.trợ VP và HĐ KD | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1391 | CÔNG TY TNHH THIẾT KẾ XÂY DỰNG & NỘI THẤT KIÊN VŨ | 249 Nguyễn Thị Ngâu | Hoàn thiện công trình xây dựng | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1392 | CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG AN TRUNG NGUYÊN | 65/2 Ấp Đông | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đcơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1393 | CÔNG TY TNHH NỘI THẤT VÀ XÂY DỰNG BÌNH MINH | 21/3c ấp Tam Đông | Văn hóa | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1394 | CÔNG TY TNHH TƯ VẤN ĐẦU TƯ VÀ THẨM ĐỊNH GIÁ SOLAVALUE | 21/3C Ấp Đông 1 | Hoạt động khoa học-C.nghệ khác | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1395 | CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI SẢN XUẤT THIẾT BỊ ÂM THANH VINAMAX | 74/5 Phạm Thị Giấy, Tổ 136, Ấp Tam Đông 2 | XD C.trình k thuật d.dụng khác | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1396 | CÔNG TY TNHH ÂME COPAIN | 3/6B Ấp Thới Tứ 2 | Sản xuất trang phục | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1397 | CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ - THƯƠNG MẠI - DỊCH VỤ MINH KỲ | 41/4 đường Ấp Đông 5 | Bán lẻ trừ ô tô, xe máy, đ.cơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1398 | CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ CƠ KHÍ HƯNG ĐẠT | 14A Đường Nguyễn Thị Thành, Ấp Tam Đông 3 | SX M. móc,TB chưa phân vào đâu | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1399 | CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI THỰC PHẨM MINH NGUYÊN | 150/5K Ấp Tam Đông 2 | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đcơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1400 | CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU THÀNH CÔNG | 1/1C Tô Ký, Ấp Tam Đông 1 | SX các SP từ nhựa (plastic) | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |

| | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1401 | CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI KỸ THUẬT PHƯƠNG ANH | 48/1B Ấp Trung Đông 2 | XD C.trình k thuật d.dụng khác | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1402 | CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ KIẾM TIỀN | 25/4H đường Đặng Thúc Vịnh, Tổ 41, Ấp Thới Tứ | Hoạt động khoa học-C.nghệ khác | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1403 | CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG PHÚC ĐẠI PHÁT | 31/33 Thới Tam Thôn 18, Ấp Tam Đông 1 | Xây dựng công trình đường sắt | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1404 | CÔNG TY TNHH KAWA MEDIA | 18/5C ấp Tam Đông 3 | Quảng cáo (trừ in quảng cáo) | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1405 | CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN NICE HOUSE | 207/5 Đường Thới Tam Thôn 15E, Ấp Tam Đông 2 | SX SP điện tử, và SP quang học | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1406 | CÔNG TY TNHH TMDV CAMZONE | Số 2/11C Nguyễn Thị Ngâu, ấp Trung Đông 2 | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đcơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1407 | CÔNG TY TNHH HASOLA | 219/5A tổ 126 đường Tam Đông 23, Ấp Tam Đông 2 | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đcơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1408 | CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH DẠY THÊM VÀ HỌC THÊM TỐ KỲ | 1/1 Tô Ký, Ấp Đông | Đào tạo khác trong nước | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1409 | CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI KỸ THUẬT TH | 17/21C đường Nguyễn Thị Nghệ, Ấp Thới Tứ | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đcơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1410 | CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ QUẢNG CÁO TỔ CHỨC SỰ KIỆN DK | 13/1d Ấp Tam Đông | Quảng cáo (trừ in quảng cáo) | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1411 | CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ ĐẶNG LONG VN | 34/6C Ấp Trùng Đông | Bán, sửa chữa ô tô, mô tô, XM | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1412 | CÔNG TY TNHH TM DV XÂY DỰNG TOÀN TÂM PHÁT | 12/8/4 Đường Thới Tam Thôn 9, ấp Trung Đông 1 | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đcơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1413 | CÔNG TY TNHH TM DV NÔNG NGHIỆP MỸ HƯNG | 6/2C Ấp Trung Đông | Trồng trọt | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1414 | CÔNG TY TNHH TƯ VẤN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ KẾT NỐI THỊNH VƯỢNG | Số 190/3M ấp Tam Đông | Tư vấn PL,k.toán,k.toán t.định | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1415 | CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ THỰC PHẨM HOÀNG NGUYỄN | Số 42/20/11A Đường Phạm Thị Giấy, Ấp Tam Đông 2 | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đcơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1416 | CÔNG TY TNHH PHÚC LONG AT | 443 Bùi thị Lùng, ấp Thới Tứ 2 | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đcơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1417 | CÔNG TY TNHH MAY MẶC K&V VINA | 33/14 ấp Trung Đông 2 | Sản xuất trang phục | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1418 | CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ & CÔNG NGHỆ GERMA 66 | 111/5 Tổ 126, Ấp Tam Đông 2 | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đcơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1419 | CÔNG TY TNHH MAY MẶC ĐẠI ĐỒNG TÂM | 148/1F Đường Tam Đông | Sản xuất trang phục | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1420 | CÔNG TY TNHH TƯ VẤN BẤT ĐỘNG SẢN MAI AN | 42/2D Thới Tam Thôn 12 | Kinh doanh bất động sản | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1421 | CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP NGUYỄN ĐÌNH | Số 280/5D, Nguyễn Thị Thành, Ấp Tam Đông 3 | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đcơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1422 | CÔNG TY TNHH GIANG NGUYỄN TEXTILE | 11/3Y Nguyễn Thị Nghệ, Ấp Thới Tứ | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đcơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1423 | CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU HÙNG HUY | 31/5A Ấp Tam Đông 3, đường Thới Tam Thôn 14 | HĐ hệ thống CSHC, phục hồi CN | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1424 | CÔNG TY TNHH TƯ VẤN - THIẾT KẾ - XÂY DỰNG VÀ NỘI THẤT GIA THỊNH | 179/6B Tổ 179, Ấp Đông 1 | Văn hóa | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1425 | CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ CÔNG NGHIỆP THIÊN PHÚC | 1/2A, Đặng Thúc Vịnh, Tam Đông | Sửa chữa-BD-lắp đặt máy móc TB | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1426 | CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI KHÁNH AN VIỆT NAM | 280Z, đường Ấp Đông 1, ấp Đông 1 | Sản xuất giấy và SP từ giấy | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1427 | CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN QUỐC TẾ HGB | 180 Nguyễn Ánh Thủ, Ấp Đông | SX SP từ chất khoáng phi kim | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1428 | CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ THIẾT KẾ XÂY DỰNG PHÁT LỘC | 280A Tô Ký | Văn hóa | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1429 | CÔNG TY TNHH CHÂU QUANG PHÚC | Số 39/16H Tổ 132, Ấp Đông | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đcơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |

| | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1430 | CÔNG TY TNHH PHẦN MỀM VÀ ĐIỆN TỬ TỰ ĐỘNG TEXPO | Số 130/5C Đường Nguyễn Thị Thành, Ấp Trung Đông 3 | H.động SX phần mềm máy tính | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1431 | CÔNG TY TNHH MTV NAM TIẾN HUY | 5/9 Ấp Trung Đông | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đcơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1432 | CÔNG TY TNHH TRƯỜNG GIANG CAO NGUYÊN | 3/129D Nam Thới | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đcơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1433 | CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT MAY MẶC XUẤT NHẬP KHẨU THƯƠNG MẠI H&S | 171/2A Đường Thới Tam Thôn 6, Ấp Đông | Sản xuất trang phục | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1434 | CÔNG TY TNHH NỘI THẤT TÂM ĐAN | 3/43A Ấp Nam Thới | Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1435 | CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ CƠ KHÍ - VẬN TẢI ANH KHANG | 2/177E Nam Thới | Vận tải đường bộ khác | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1436 | CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ QUẢNG CÁO VÀ TỔ CHỨC SỰ KIỆN DU LỊCH ÁNH SÁNG | 169/9 Trịnh Thị Miếng, Ấp Đông | HĐ H.chính, H.trợ VP và HĐ KD | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1437 | CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ THƯƠNG MẠI TRIỆU PHÚC | Số 7/7 Đường TTT10, Ấp Trung Đông | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đcơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1438 | CÔNG TY TNHH ĐỒNG PHỤC TOÀN CẦU | 2/3 Đường Ấp Đông 1 | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đcơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1439 | CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN IHATA VIỆT NAM | 34/1B Ấp Trung Đông 2, Đường Trung Đông 7 | SX hoá chất và S.phẩm hoá chất | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1440 | CHI NHÁNH DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN CHẾ BIẾN THỰC PHẨM TIẾN DƯƠNG | 89 Đường Tam Đông 7, Ấp Trung Đông 1 | Sản xuất chế biến thực phẩm. | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1441 | CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ NGỌC THIÊN TIẾN | 66/7C Bùi Văn Ngữ, Ấp Đông | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đcơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1442 | CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ SẢN XUẤT THUẬN THANH PHÁT | 32/5B Tổ 153, Ấp Đông | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đcơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1443 | CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI AN PHÚC PHÚ | Số 83/5H, ấp Tam Đông 3 | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đcơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1444 | CÔNG TY TNHH MTV ADSUN | 89/4C Ấp Tam Đông | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đcơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1445 | CÔNG TY TNHH THIẾT KẾ XÂY DỰNG PHÚ PHƯỚC THỊNH | 159/5E, Ấp Tam Đông 2 | HĐ điều tra, t.dò, ks, tư vấn | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1446 | CÔNG TY CỔ PHẦN KIM QUANG VIỆT | 124/5M Đường T22, Ấp Tam Đông 2 | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đcơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1447 | CÔNG TY TNHH DỆT MAY HỢP FIELD (VIỆT NAM) | 97/3K, ấp Tam Đông | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đcơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1448 | CÔNG TY TNHH PROGYMFIT | 17/5H Ấp Đông 1 | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đcơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1449 | CÔNG TY TNHH NỘI THẤT MAI CƯỜNG THỊNH | 178/1D Đường Ấp Đông 1 - 2 | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đcơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1450 | CÔNG TY TNHH KINH DOANH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ BẢO TÍN PHÁT | 39/4G Ấp Tam Đông | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đcơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1451 | CHI NHÁNH TAM ĐÔNG-CÔNG TY TNHH THẦN THIỆN FOOD | số 130/5 Nguyễn Thị Thành, Ấp Tam Đông 2 | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đcơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1452 | CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ NHÀ HÀNG ẨM THỰC Á ÂU | Số 158B Đường Nguyễn Ánh Thủ | Nhà hàng,d.vụ ăn uống lưu động | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1453 | CÔNG TY TNHH HD GREEN FOODS | 57/4 Trịnh Thị Miếng, ấp Tam Đông | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đcơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1454 | CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI VẬT TƯ TIẾN PHÁT | 3/3A Nguyễn Thị Ngâu | Bán buôn trừ ô'tô, xe máy, đcơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1455 | CÔNG TY TNHH AUTO 888 | 37 Đặng Thúc Vịnh, Ấp Tam Đông 3 | Bán, sửa chữa ô tô, mô tô, XM | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1456 | CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ SẢN XUẤT NB GREEN | 174/3, tổ 174, ấp đông 1 | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đcơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1457 | CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ ĐỈNH VIỆT | 180 Nguyễn Ánh Thủ | Sản xuất SP từ K.loại đúc sẵn | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |

| | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1458 | CÔNG TY TNHH QUẢNG CÁO N&B | 123/1B Ấp Tam Đông | Quảng cáo (trừ in quảng cáo) | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1459 | CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ SẢN XUẤT CƠ KHÍ GIA HƯNG | 5/1D Đường Tô Ký, Ấp Tam Đông | Sản xuất SP từ K.loại đúc sẵn | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1460 | CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH CTMARK | 146/1X, Ấp Tam Đông | In, sao chép bản ghi các loại | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1461 | CÔNG TY TNHH THỜI ĐẠI MỚI HK | 14/16 Bùi Văn Ngữ, Ấp Đông | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1462 | CÔNG TY TNHH PHƯƠNG SƠN PHÁT | 63/3E Đường Thới Tam Thôn 17, Ấp Đông 1 | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1463 | CÔNG TY TNHH KẾ TOÁN THUẾ T-LAW | 144/5A Đường Tam Đông 22 | HĐ H.chính, H.trợ VP và HĐ KD | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1464 | CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI XÂY DỰNG TÍN NHIỆM | 40/4H Nguyễn Ánh Thủ, Ấp Đông | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1465 | VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ MÁY NHẬT NAM | 175/5N Đường Phạm Thị Giây, ấp Tam Đông 2 | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1466 | CÔNG TY TNHH NAM KIM SG | 38/12 Trịnh Thị Miếng | Sản xuất SP từ K.loại đúc sẵn | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1467 | CÔNG TY CỔ PHẦN KHOA HỌC SỨC KHỎE NAM VIỆT | 414/39 Đường Phạm Thị Giây, Ấp Tam Đông | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1468 | CHI NHÁNH TẠI HỒ CHÍ MINH - CÔNG TY LUẬT TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN NGUYỄN AN & THIÊN VIỆT | 26/20A ấp Thới Tứ 1 | Tư vấn PL,k.toán,k.toán t.định | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1469 | CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DV NGỌC GIA PHÁT | 43/4C Thới Tam Thôn 13 | Bán, sửa chữa ô tô, mô tô, XM | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1470 | CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ XUKA FOOD | 54/1M đường Tô Ký 6, ấp Đông | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1471 | CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI CƠ KHÍ VTG - UMV | 121 Đường Tam Đông 11, Ấp Tam Đông 3 | Bán, sửa chữa ô tô, mô tô, XM | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1472 | CÔNG TY TNHH MPA SOLUTION VIỆT NAM | 19/4Q Tô Ký | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1473 | CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT VÀ DỊCH VỤ MAI HÀ | 93/3 Phạm Thị Giây | SX sợi,vải, hoàn thiện SP dệt | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1474 | CÔNG TY TNHH STV CONSUMER | 20/5A Nguyễn Thị Sáu, Ấp Thới Tứ | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1475 | CÔNG TY CỔ PHẦN SX TM DV KỸ THUẬT HLH | 126/5H ấp Tam Đông 3 | SX các SP từ nhựa (plastic) | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1476 | CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ THIỆN PHƯỚC | 42 ấp Tam Đông | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1477 | CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI GIA BẢO MN | 177/3P, Ấp Đông 1 | Sản xuất SP từ K.loại đúc sẵn | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1478 | CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ XUẤT NHẬP KHẨU NAM PHÚ THỊNH | 3/306HI, Ấp Nam Thới | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1479 | CÔNG TY TNHH NÔNG NGHIỆP LIMIN | 302/28 Nguyễn Thị Ngâu | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1480 | CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ TỔNG HỢP ĐỨC GIA NGUYÊN | 33/3E Đường Tam Đông 25,ấp Tam Đông | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1481 | CÔNG TY CỔ PHẦN TRUYỀN THÔNG KAMAL | 19/22 Ấp Thới Tứ | HĐ điện ảnh sx chương trình | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1482 | CÔNG TY TNHH XUẤT NHẬP KHẨU ANH AN PHÁT | 171/5A ấp Đông 1 | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1483 | CÔNG TY TNHH SX TM CK THANH PHONG | 40/4Q Ấp Tam Đông | Sản xuất SP từ K.loại đúc sẵn | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1484 | CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ MẦM NON PHÁT ĐẠT | 77/5A Tam Đông 3 | Bán lẻ trừ ô tô, xe máy, đ.cơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1485 | CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ JP - VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN 24 TẠI HUYỆN HÓC MÔN, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH | Số 48/4H ấp Thới Tứ 2 | Dào tạo khác trong nước | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1486 | CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG & NỘI THẤT BTN | 85/5E Thới Tam Thôn 14, ấp Tam Đông 3 | Hoạt động khoa học-C.nghệ khác | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |

| | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1487 | CÔNG TY TNHH TẬP ĐOÀN GLAM | 62a Đường Thới Tam Thôn 12bis, Ấp Thới Tứ | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đcơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1488 | CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI GĂNG TAY BẢO HỘ LAO ĐỘNG HÙNG PHÁT | 232/5G Trịnh Thị Miếng, Ấp Tâm Đông 2 | Sản xuất trang phục | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1489 | CÔNG TY TNHH MTV THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ BẢO DUY | 3/1 Tô Ký, Ấp Đông | Bán lẻ trừ ô tô, xe máy, đ.cơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1490 | CÔNG TY TNHH PHÂN PHỐI HÀNG TIÊU DÙNG LÊ ANH | 331 Bùi Thị Lùng Ấp Thới Tứ | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đcơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1491 | CÔNG TY CỔ PHẦN THÁI SƠN HOLDING | 5/104A Trần Thị Bốc | Vận tải đường bộ khác | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1492 | CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ DOANH NGHIỆP PI | 16/164 Ấp Đông | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đcơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1493 | CÔNG TY TNHH TƯ VẤN THIẾT KẾ XÂY DỰNG PHÁT TRIỂN HOÀNG SƠN | 180/2D Tổ 180, Ấp Đông 1 | Văn hóa | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1494 | CÔNG TY TNHH TC KHANG TRANG | 8/1M Ấp Tam Đông 1 | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đcơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1495 | CÔNG TY TNHH MAY HOÀNG BỬU | 81/3Q Ấp Tam Đông 1 | Sản xuất trang phục | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1496 | CÔNG TY TNHH TRƯỜNG GIA PHÚC | 42/13T, Ấp Thới Tứ 2 | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đcơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1497 | CÔNG TY TNHH TƯ VẤN VÀ ĐÀO TẠO SAN HÀ | 25/18A Ấp Thới Tứ | Giáo dục PT trung học CS | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1498 | CÔNG TY TNHH SX ĐT MINH NHẬT | 66/3D Ấp Đông | Hoạt động khoa học-C.nghệ khác | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1499 | CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ MAY MẶC VĂN PHÚ | 50/2A Bùi Thị Lùng | Sản xuất trang phục | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1500 | CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ HẢI TÂN MINH | 40/7E Ấp Đông | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đcơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1501 | CÔNG TY TNHH ĐO ĐẠC - THIẾT KẾ VÀ XÂY DỰNG BH HOMES | 91/4E Trịnh Thị Miếng | HĐ điều tra, t.dò, ks, tư vấn | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1502 | CÔNG TY TNHH KỸ THUẬT ĐIỆN TỬ TQPCB | 17/5Y Tổ 163, Ấp Đông | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đcơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1503 | CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ VÕ MY NGUYÊN | 26/7 Ấp Đông | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đcơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1504 | CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ HIỆP THÀNH MAI | 14/12 Ấp Đông | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đcơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1505 | CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ DƯƠNG BÌNH NAM | 14/12 Ấp Đông | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đcơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1506 | CÔNG TY TNHH NHA KHOA MỸ Á | 146 Nguyễn Ảnh Thủ | HĐ các phòng khám, chữa bệnh | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1507 | CÔNG TY TNHH MTX THẢO ĐIỀN | Số 139/5H Ấp Tam Đông | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đcơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1508 | CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI DỆT MAY ĐÔNG DƯƠNG | 156/3 Đường Thới Tam Thôn 17, Ấp Đông 1 | Sản xuất trang phục | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1509 | CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ B&B | Số 23/3F Đường Tam Đông 25, Ấp Tam Đông | Sản xuất SP từ K.loại đúc sẵn | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1510 | CÔNG TY TNHH TMDV VẬN TẢI QUANG MINH | 50/6B Trịnh Thị Miếng | Vận tải đường bộ khác | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1511 | VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI VÀ DU LỊCH QUỐC TẾ TRƯỜNG GIANG TẠI HỒ CHÍ MINH | Số nhà 134 9k, đường Tam Đông 23, ấp Tam Đông 2 | Không loại khoản | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1512 | CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ XÂY DỰNG ALOHA | B244/1 Tổ 139, Ấp Tam Đông 1 | XD C.trình k thuật d.dụng khác | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1513 | CÔNG TY TNHH KT - TM XÂY DỰNG ĐẠI HÙNG PHÁT | 140/31 Đường Thới Tam Thôn 17, ấp Đông 1 | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đcơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1514 | CÔNG TY TNHH TMDV XUẤT NHẬP KHẨU VSH VINA GARMENT | 10/3A đường Thới Tam Thôn 18 | Sản xuất trang phục | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1515 | CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ KỸ THUẬT HCM | 17/12 Nguyễn Thị Sáu, Ấp Thới Tứ | Bán lẻ trừ ô tô, xe máy, đ.cơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |

| | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1516 | CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ THIẾT KẾ XÂY DỰNG KHANG PHONG | 40/4 Nguyễn Ảnh Thủ, Ấp Đông 1 | Văn hóa | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1517 | CÔNG TY TNHH XD-TM LONG PHƯƠNG | 207/1 Tô Ký, ấp Tam Đông 1 | Xây dựng công trình đường sắt | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1518 | CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ SX PHÚC BẢO | 3/7 Nguyễn Thị Ngâu | Bán lẻ trừ ô tô, xe máy, đ.cơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1519 | CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI MINH NHẬT VIỆT | Số 66/3D, ấp Đông | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đcơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1520 | CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DAKI | 48/4G Trần Thị Bốc, ấp Thới Tứ 2 | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đcơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1521 | CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU MỘC THIÊN | Số 61/8B, tổ 156, ấp Đông 1 | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đcơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1522 | CÔNG TY TNHH ONNI HOUSE | 30/11 Tô Ký, ấp Nam Thới | Nhà hàng,d.vụ ăn uống lưu động | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1523 | CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN NHÔM KÍNH PHÁT ĐẠT | 96 Nguyễn Ảnh Thủ, Ấp Đông 1 | C.nghiệp chế biến,chế tạo khác | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1524 | CÔNG TY TNHH KINH DOANH DỊCH VỤ VẬN TẢI TOÀN THẮNG | Số nhà 9/86C Đường Đặng Thúc Vịnh, Tổ 97 Ấp Tam Đông | Vận tải đường bộ khác | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1525 | CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI - DỊCH VỤ SUNRISE | 156/5F, Ấp Đông 1 | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đcơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1526 | CÔNG TY TNHH THIẾT KẾ XÂY DỰNG BEEHOME | 24/5E Nguyễn Ảnh Thủ | Hoạt động XD chuyên dụng khác | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1527 | CÔNG TY TNHH KHU SINH THÁI ẨM THỰC CÁNH ĐỒNG HOANG | 47/16 ấp Trung Đông | Nhà hàng,d.vụ ăn uống lưu động | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1528 | CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KỸ THUẬT ĐÔNG DƯƠNG | 47/2B Nguyễn Thị Sáu, ấp Thới Tứ | Xây dựng công trình đường sắt | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1529 | CÔNG TY TNHH TM - DV XÂY DỰNG ĐẠI PHÁT | 46/8 Trần Thị Bốc, Ấp Nam Thới | Sản xuất SP từ K.loại đúc sẵn | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1530 | CHI NHÁNH 2 CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ ĐẠI ĐẠI NGUYÊN | 85/5 ẤP TAM ĐÔNG 3 | SX các SP từ nhựa (plastic) | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1531 | CÔNG TY TNHH TM-DV LU VIỆT NAM | 40/1C Trịnh Thị Miếng | Tư vấn PL,k.toán,k.toán t.định | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1532 | CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ ĐIỆN TỬ MINH KHÔI | 17/9D Ấp Đông 1 | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đcơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1533 | CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ XÂY DỰNG NGỌC ĐỈNH | Số nhà 123/36 Hẻm 123, đường Thới Tam Thôn 14 | XD C.trình k thuật d.dụng khác | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1534 | CÔNG TY TNHH TMDV QUỐC PHAN | 27/15 Tô Ký | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đcơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1535 | CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ VẬN TẢI XUẤT NHẬP KHẨU PHÁT MINH | 301/5M ấp Tam Đông 2 | Vận tải đường bộ khác | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1536 | CÔNG TY TNHH GIÁO DỤC ĐÀO TẠO CAO NHẬN TRÍ | 29/20 Ấp Trung Đông | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đcơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1537 | CHI NHÁNH HỒ CHÍ MINH - CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI JATO | Số 161/3 đường Trịnh Thị Miếng | Văn hóa | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1538 | CÔNG TY TNHH HƯNG PHÚ SGN | 19/4Q Tô Ký, Ấp Đông | Bán lẻ trừ ô tô, xe máy, đ.cơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1539 | CÔNG TY TNHH NỮ TRANG SUN VINA | 62/3C Ấp Đông 1 | C.nghiệp chế biến,chế tạo khác | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1540 | CÔNG TY TNHH GỖ NGUYÊN LIỆU NHẬP KHẨU THÁI BÌNH DƯƠNG | 4/2B Đặng Thúc Vịnh | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đcơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1541 | CÔNG TY TNHH NAVI VIỆT NAM | 2/7A Thới Tam Thôn 17, Ấp Đông 1 | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đcơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1542 | CÔNG TY TNHH MAY GIA CÔNG MINH ĐĂNG | 2/1T ấp Trung Đông 2 | SX đa và các SP có liên quan | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1543 | CÔNG TY TNHH XUẤT NHẬP KHẨU HOÀNG MINH NHẬT | 93/1B Ấp Tam Đông | Hoạt động DV H.trợ cho vận tải | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |

| | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1544 | CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT TM & DV KIM PHÁT ĐẠT | 39/4E tổ 132, ấp Đông | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đcơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1545 | CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI KỸ THUẬT GAS MINH PHÁT | 180/2H, ấp Đông 1, Đường ấp Đông 1-2 | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đcơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1546 | CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI XÂY DỰNG CƠ ĐIỆN KINGSTONE VIỆT NAM | 22/10D ấp Trung Đông | Sửa chữa-BD-lắp đặt máy móc TB | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1547 | CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI ĐỒNG THÀNH VIỆT NAM | 13/1N Ấp Trung Đông | Bán lẻ trừ ô tô, xe máy, đ.cơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1548 | CÔNG TY TNHH MTV NHỰA ASIA | 88/4Z, Đường 25, Tổ 114, Ấp Tam Đông | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đcơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1549 | CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ CÔNG NGHIỆP MỚI | 37/4E Ấp Đông 1 | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đcơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1550 | CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG DỊCH VỤ TÂN PHÁT | 42/2D Đường Phùng Thị Chuyên, Ấp Thới Tứ | XD C.trình k thuật d.dụng khác | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1551 | CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ BẤT ĐỘNG SẢN MB HOME | 30/4 Nguyễn Thị Ngâu, Ấp Trung Đông | Kinh doanh bất động sản | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1552 | CÔNG TY TNHH NỘI THẤT GIA ĐÌNH MƠ ƯỚC | 86/1 Thới Tam Thôn 6 | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đcơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1553 | CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ ĂN UỐNG ÚT NGÂN | 41/3C Trịnh Thị Miếng | Nhà hàng,d.vụ ăn uống lưu động | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1554 | CÔNG TY TNHH LST COLLECTION | 413 Phạm Thị Giầy, Ấp Tam Đông 1 | Sản xuất trang phục | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1555 | CÔNG TY TNHH DU LỊCH HÀNG KHÔNG SKYWORLD | 28/21B Tam Đông 1, Ấp Trung Đông | Hoạt động DV H.trợ cho vận tải | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1556 | CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ LỒNG GIÉNG THẾ HỆ MỚI | 5/5A ấpTrung Đông 1 | Sản xuất SP từ K.loại đúc sẵn | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1557 | CÔNG TY TNHH KINH DOANH THỰC PHẨM BÌNH MINH FOOD | 40/2B Ấp Trung Đông 2 | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đcơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1558 | CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ HOÀNG SANG | 7 Đường Liên xã Thị trấn - Thới Tam Thôn, ấp Nam Thới | Bán, sửa chữa ô tô, mô tô, XM | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1559 | CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ VISCOME | 20/11C Trung Đông | Bán lẻ trừ ô tô, xe máy, đ.cơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1560 | CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ GIÁO DỤC HUY HÙNG | Số 13/3A Ấp Trung Đông 1 | Đào tạo khác trong nước | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1561 | CÔNG TY TNHH TƯ VẤN MSS | 177/9C Ấp Đông 1 | Tư vấn PL,k.toán,k.toán t.định | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1562 | CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ CƠ KHÍ VÕ DŨNG | Số 39/3B đường Tam Đông 25, Ấp Tam Đông | Vận tải đường bộ khác | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1563 | CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC VÀ HỖ TRỢ HÒA NHẬP MÂY HỒNG | 325/5T đường Nguyễn Thị Thành, Ấp Tam Đông 2 | GD thường xuyên và HĐ giáo dục | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1564 | CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XÂY DỰNG THẮNG ĐẠT | 25/3G Tam Đông | Văn hóa | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1565 | CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI NHỰA NGUYỄN SINH MINH ĐỨC | 66/1h Ấp Đông | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đcơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1566 | CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ KỸ THUẬT PHẠM THẮNG | 19/7 ấp Trung Đông | Sửa chữa-BD-lắp đặt máy móc TB | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1567 | CÔNG TY CỔ PHẦN LỌC NƯỚC TẬP ĐOÀN VIỆT NHẬT GROUP | 162/1 Tổ 165, Ấp Đông 1 | Hoạt động khoa học-C.nghệ khác | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1568 | CÔNG TY TNHH DU LỊCH KHÁCH SẠN LOVE | 108/40 Đường Tô Ký, Ấp Đông | Dịch vụ lưu trú ngắn ngày | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1569 | CÔNG TY TNHH THIẾT KẾ DECOR TBK | 66/1F, ấp Đông | Hoạt động khoa học-C.nghệ khác | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1570 | CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN TM DV XD ANH THỊNH | 24/2 tổ 89, Ấp Tam Đông | Hoàn thiện công trình xây dựng | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1571 | CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ CHÂU LONG HUY | 63B Đường Nguyễn Ảnh Thủ, Ấp Đông 1 | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đcơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1572 | CÔNG TY TNHH KỸ THUẬT CƠ ĐIỆN HOÀNG PHÁT | 18/1M,Tổ 42, Ấp Thới Tứ | Lắp đặt HT điện, nước, xd khác | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1573 | CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ CƠ ĐIỆN LẠNH LỘC PHƯỚC | 97/5K Ấp Tam Đông 3 | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đcơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |

| | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1574 | CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ DƯỢC MỸ PHẨM KỲ ANH | 55/13,Đường Tam Đông 16, Ấp tam đông | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1575 | CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ GIA AN | Số 86/10 Đường Thới Tam Thôn 6, Ấp Đông 1 | In, sao chép bản ghi các loại | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1576 | CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN OMNI-D | 23/4A Đặng Thúc Vịnh | Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1577 | CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN L.A.P | 4/42E Tổ 15, Ấp Nam Thới | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1578 | CHI NHÁNH 3 CÔNG TY TNHH TƯ VẤN VÀ BỒ TRỢ KIẾN THỨC TUỆ ĐỨC | 08 Đường Tô Ký 8, Ấp Tam Đông 1 | Đào tạo khác trong nước | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1579 | CÔNG TY TNHH VẬT LIỆU XÂY DỰNG SILICAT | 26/9A Ấp Đông | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1580 | CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG VẬN TẢI ĐẶNG THIÊN MINH | 86/10A Trịnh Thị Miếng, Ấp Đông 1 | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1581 | CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG VÀ TMDV MINH HIẾU | 156/5A Trịnh Thị Miếng, Ấp Tam Đông 2 | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1582 | CÔNG TY TNHH LION DESIGN | 98/15H Nguyễn Thị Thành | HĐ điều tra, t.dò, ks, tư vấn | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1583 | HỢP TÁC XÃ NÔNG NGHIỆP CÁNH ĐỒNG XANH HÓC MÔN | 239D ấp Đông | Hoạt động dịch vụ nông nghiệp | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1584 | CÔNG TY TNHH TM DV QUẢNG CÁO TRUYỀN THÔNG VÀ SỰ KIỆN THIÊN MÃ | 10 Nguyễn Thị Sáu, ấp Trung Đông | HĐ H.chính, H.trợ VP và HĐ KD | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1585 | CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI KIẾN TRÚC VÀ NỘI THẤT PHẠM GIA | Số 12/4 Đường Trịnh Thị Miếng | Văn hóa | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1586 | CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT VÀ KINH DOANH THƯỢNG MẠI THANH TUYỀN | 27/5D Tổ 35, Ấp Thới Tứ 1 | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1587 | CÔNG TY TNHH TRÙNG GIA CẨM TIẾN PHONG | 163/1B Ấp Đông 1 | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1588 | CÔNG TY TNHH MTV QT VINA | 189A Nguyễn Thị Thành,Ấp Tam Đông 2 | Sản xuất trang phục | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1589 | CÔNG TY TNHH SÀI GÒN ANH HUY | 40/6B Ấp Đông 1 | Nhà hàng,d.vụ ăn uống lưu động | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1590 | CÔNG TY TNHH KIẾN TRÚC XÂY DỰNG LỮ GIA | 14/4 Trần Thị Bốc, Ấp Thới Tứ | Văn hóa | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1591 | CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ GIANG NGỌC HẢI | 62/10B đường Thới Tam Thôn 6, Ấp Đông 1 | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1592 | CÔNG TY TNHH KINH DOANH VÀNG KIM ANH - VIỆT | 950 Nguyễn Ảnh Thủ | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1593 | CÔNG TY TNHH QUẢNG CÁO VIVA | 3/8e Ấp Thới Tứ | Quảng cáo (trừ in quảng cáo) | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1594 | CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ XANH AP | 16/4E Ấp Đông | SX sợi,vải, hoàn thiện SP dệt | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1595 | CÔNG TY TNHH KHANG ID | 6/11E Ấp Đông | In, sao chép bản ghi các loại | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1596 | CÔNG TY TNHH VẬN HƯNG HUY | 76/4Y Ấp Tam Đông | Bán lẻ trừ ô tô, xe máy, đ.cơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1597 | CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG SAN LẤP ĐẤT KỲ | 30/24E Tổ 81, Ấp Trung Đông 2 | Phá dỡ và chuẩn bị mặt bằng | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1598 | CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VIỆT PHƯỚC | 39/5k tổ 125, ấp Tam Đông 3 | Văn hóa | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1599 | CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI - NHÀ HÀNG - VIỄN | 56/6 Ấp Tam Đông | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1600 | CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG KHỐI TUẤN PHÁT | 317/5P, Ấp Tam Đông 2 | Văn hóa | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1601 | CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ XÂY DỰNG HỒ HOÀNG | 137/4A Ấp Đông 1 | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1602 | CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN T&L TOÀN CẦU | 186/72/18 Tô Ký, Ấp Tam Đông 1 | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1603 | CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ THANH NGHĨA HÀ | 181/1A Ấp Đông 1 | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |

| | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1604 | CÔNG TY TNHH XUẤT NHẬP KHẨU THƯƠNG MẠI SẢN XUẤT THUẬN THIÊN | 44/3 Nguyễn Thị Sáu, Ấp Thới Tứ | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1605 | CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ QUẢNG TƯỜI | 34/5Q Ấp Đông | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1606 | CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT BA LÔ TÚI XÁCH VELOCITY | 45 Đường Tam Đông 27- Ấp Tam Đông | SX da và các SP có liên quan | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1607 | CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG HỒNG NAM | 21/10B Đường Thới Tứ 2 | Hoạt động XD chuyên dụng khác | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1608 | CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ KHOA ĐẠI THÀNH | 21/6K Ấp Đông | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1609 | CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ XÂY DỰNG VY NGUYÊN | 11/5E, Ấp Đông | HĐ H.chính, H.trợ VP và HĐ KD | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1610 | CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ CHÂU ĐỨC THÀNH | 17/6F Ấp Đông 1 | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1611 | CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG ĐỒNG QUANG SANG | 38/5A Ấp Đông | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1612 | CÔNG TY TNHH CƠ KHÍ VÀ XÂY DỰNG GOLDEN BEE | 192/1N Đường Tô Ký 6, Ấp Tam Đông 1 | Văn hóa | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1613 | CÔNG TY TNHH DV THƯƠNG MẠI MAY MẶC HOÀNG PHÁT | 39/2 Ấp Đông 1 | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1614 | CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ VIỆT BẢO CƯỜNG | 40/7D Tổ 162, Ấp Đông | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1615 | CÔNG TY TNHH THỜI TRANG LỤC ĐẦU GIANG | Số 24/7E, Đường Nguyễn Thị Sáu, Ấp Trung Đông | Sản xuất trang phục | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1616 | CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN BẢO TÂM | 5/1 C tổ 39, ấp Tam Đông 1 | Bán lẻ trừ ô tô, xe máy, đ.cơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1617 | CÔNG TY TNHH MAY MẶC HƯƠNG KIÊN | Số 104/5, Đường Nguyễn Thị Thành, Tổ 125, Ấp Tam Đông 3 | Sản xuất trang phục | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1618 | CÔNG TY TNHH VIỄN THÔNG TIN HỌC NGỌC NAM | 36/2F Ấp Đông 1 | H.động SX phần mềm máy tính | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1619 | CÔNG TY TNHH SINH HỌC NÔNG NGHIỆP TUẤN HƯNG | 273/5A Ấp Tam Đông 2 | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1620 | CÔNG TY TNHH MIFA VN | 39/2C Ấp Trung Đông 2 | Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1621 | CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH MINH PHÁT | 42/9A Ấp Đông | XD C.trình k thuật d.dụng khác | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1622 | CÔNG TY TNHH TƯ VẤN VÀ XÂY DỰNG QUỐC ANH | 172/4 Ấp Đông 1 | Hoàn thiện công trình xây dựng | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1623 | CÔNG TY TNHH CỐI XAY GIÓ-WILL | 19/3C Đường Ấp Đông 5, Tổ 145, Ấp Đông | Hoạt động khoa học-C.nghệ khác | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1624 | CÔNG TY TNHH GIA CÔNG CƠ KHÍ HOÀNG PHƯƠNG | 61/10H Ấp Đông | Sản xuất SP từ K.loại đúc sẵn | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1625 | CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI KHỐI VĨ | 161/32 Ấp Đông | XD C.trình k thuật d.dụng khác | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1626 | CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI HÓA CHẤT THÀNH AN | 33/3B Ấp Đông 1 | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1627 | CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ VƯỢNG HÒA KHÁNH | 169/1D Ấp Đông 1 | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1628 | CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ TIẾN QUỐC ĐẠT | 19/5F Ấp Đông | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1629 | CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ XÂY DỰNG HÙNG QUỐC THANH | 66/1E Ấp Đông | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1630 | CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ VẬN TẢI HOÀNG VY | 37/9N Ấp Đông 1 | Vận tải đường bộ khác | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1631 | CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ PHÁT TRIỂN SONG THÀNH PHÁT | 74/2 Ấp Đông 1 | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1632 | CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH RON KÍNH NGỌC LINH | 72/2P Phạm Thị Giấy, tổ 93, ấp Tam Đông | Sản xuất SP từ K.loại đúc sẵn | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1633 | CÔNG TY TNHH QUẢNG CÁO TRUYỀN THÔNG TÂM NGUYỄN | 20/5 Ấp Đông | Quảng cáo (trừ in quảng cáo) | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |

| | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1634 | CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ NGUYỄN THÀNH NGUYÊN | 25/2B Ấp Đông | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1635 | CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ XÂY DỰNG TRUNG BIỀU | 61/3B Ấp Đông | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1636 | CÔNG TY TNHH VẬT LIỆU XÂY DỰNG VẠN XUÂN PHÚC | 26/13G Tô Ký, Ấp Đông | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1637 | CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ TRUNG SƠN | 65/2C Ấp Đông | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1638 | CÔNG TY TNHH VẬT TƯ ĐIỆN NƯỚC HỢP NHẤT | 79/3B Ấp Đông 1 | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1639 | CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ VẬN TẢI LÊ HÙNG NHẤT | 22/1 Trịnh Thị Miếng, Ấp Đông | Vận tải đường bộ khác | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1640 | CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ KB HÙNG LÂM | 19/3 tổ 126 Tô Ki, Ấp Đông | SX SP từ gỗ, tre, nứa, rơm, rạ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1641 | CÔNG TY TNHH TỔNG HỢP LƯU HOÀNG VŨ | 179/8A Ấp Đông 1 | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1642 | CÔNG TY TNHH SỬA CHỮA BẢO TRÌ HẢI NAM VIỆT | 54/1A Ấp Đông | Sửa chữa-BD-lắp đặt máy móc TB | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1643 | CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ PHAN THƯỢNG THỊNH | 10/1 Trịnh Thị Miếng, Ấp Đông | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1644 | CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ NGUYỄN MẬU | 17/9D Ấp Đông 1 | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1645 | CÔNG TY TNHH MÁY MÓC THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP HUY HOÀNG | 171/5K Ấp Đông 1 | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1646 | CÔNG TY TNHH VĂN PHÒNG PHẨM PHÚ NAM | 39/2H Ấp Đông 1 | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1647 | CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI MAY MẶC NHẬT VIỆT | 21/6H Ấp Đông | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1648 | CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ XÂY DỰNG SƠN NAM BÌNH | 36/3B Ấp Đông | Hoàn thiện công trình xây dựng | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1649 | CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ VẬN TẢI THẾ THÀNH | 32/1A Ấp Đông | Vận tải đường bộ khác | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1650 | CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ THIÊN QUANG | 97/5K Tam Đông 3 | HĐ H.chính, H.trợ VP và HĐ KD | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1651 | CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU VISION | 291/5H Tổ 138 Ấp Tam Đông 2 | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1652 | CÔNG TY TNHH IN ẤN QUẢNG CÁO ĐÔNG THÀNH | 37/4C Ấp Đông 1 | Quảng cáo (trừ in quảng cáo) | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1653 | CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ VÀ XÂY DỰNG NGUYỄN VÕ HƯNG | 45/5F Ấp Đông | XD C.trình k thuật d.dụng khác | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1654 | CÔNG TY TNHH NÔNG NGHIỆP SHAOYANG | 302/28 Nguyễn Thị Ngâu | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1655 | CÔNG TY TNHH MAY TÚI XÁCH TÂN HOÀNG LONG | 64/3Q Trịnh Thị Miếng, Ấp Tam Đông 1 | SX da và các SP có liên quan | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1656 | CÔNG TY TNHH ĐẠI ĐẦU TƯ TRƯỜNG THÀNH | 99/56A ấp Đông | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1657 | CÔNG TY TNHH HOÀNG ĐĂNG FOOD | 45/5Q Đường TTT14, Ấp Tam Đông 3 | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1658 | CÔNG TY TNHH XD SÁNG TẠO KỸ NGHỆ THÀNH ĐẠT | 33/5Y, Ấp Trung Đông 2 | Sản xuất SP từ K.loại đúc sẵn | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1659 | CÔNG TY TNHH TMDV TRUYỀN THÔNG QUẢNG CÁO CẨM HƯƠNG LAN | 34/6E Tổ 11 Ấp Đông | Quảng cáo (trừ in quảng cáo) | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1660 | CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ HÀ TRUNG VÂN | 32/1B Ấp Đông | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1661 | CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI XÂY DỰNG TRẦN ANH | 290/5F ấp Tam Đông | Văn hóa | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1662 | CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ IN GNP | 175/2A Ấp Đông 1 | In, sao chép bản ghi các loại | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1663 | CÔNG TY TNHH TƯ VẤN ĐÀO TẠO TIN HỌC QUỐC TẾ | 16/1D, Ấp Trung Đông 1 | Đào tạo khác trong nước | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |

| | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1664 | CÔNG TY TNHH TẬP ĐOÀN TUẤN ANH | 3/303 Ấp Nam Thới 2 | HĐ của ĐL du lịch, quảng bá | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1665 | CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI TƯ VẤN DỊCH VỤ VIỄN THÔNG MINH HƯNG | 562 Đặng Thúc Vịnh | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đcơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1666 | CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI KỸ THUẬT XÂY DỰNG HOÀNG ANH | 172/5F Nguyễn Thị Thành, Ấp Tam Đông 3 | Văn hóa | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1667 | CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ PHÁT TRIỂN MINH HUY | 303 Nguyễn Thị Ngâu, ấp Trung Đông | SX sợi,vải, hoàn thiện SP dệt | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1668 | CÔNG TY TNHH NÔNG NGHIỆP RUNZE | 302/28 Nguyễn Thị Ngâu | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đcơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1669 | CÔNG TY TNHH TƯ VẤN TM - XD THÀNH KHÁNH LINH | 140/5N Phạm Thị Dây, Ấp Tam Đông | Hoàn thiện công trình xây dựng | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1670 | CÔNG TY TNHH SX DV KT CƠ ĐIỆN LẠNH TRUNG ĐÔNG | 37/1A Đường Trung Đông 8, Ấp Trung Đông | Lắp đặt HT điện, nước, xd khác | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1671 | CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG GREEN STAR VIỆT NAM | 950/29 Nguyễn Ảnh Thủ | Hoạt động khoa học-C.nghệ khác | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1672 | CÔNG TY TNHH HẢI XUYÊN VIỆT | 144/5 Ấp Tam Đông | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đcơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1673 | CÔNG TY TNHH LOGISTICS BLUE SKY VN | 44/5K Đường TTT14, Ấp Tam Đông 3 | Hoạt động DV H.trợ cho vận tải | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1674 | VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN PHÁT TRIỂN SƠN PHƯƠNG | 9/6 ấp Trung Đông | Hoạt động thú y | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1675 | CÔNG TY TNHH SỨC KHỎE HAPPY JM VIỆT HÀN | 13/5B Tô Ký, Ấp Đông | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đcơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1676 | CÔNG TY TNHH MAY MẶC THỜI TRANG Q&N | 198/37 Thới Tam Thôn 17, Ấp Đông 1 | Sản xuất trang phục | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1677 | CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN LƯƠNG THỰC - THỰC PHẨM GREEN | 205A Đường Nguyễn Thị Ngâu, Ấp Trung Đông | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đcơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1678 | CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ CƠ ĐIỆN PCCC HƯNG THỊNH | 147/5X Ấp Tam Đông 2 | Lắp đặt HT điện, nước, xd khác | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1679 | CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ XÂY DỰNG NỘI THẤT HUY HOÀNG | 19/5D đường Tô Ký ấp Đông | Hoàn thiện công trình xây dựng | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1680 | CÔNG TY TNHH MAY MẶC HUY HOÀNG VIỆT NAM | 502 Đường Nguyễn Thị Ngâu, Ấp Trung Đông | Sản xuất trang phục | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1681 | CÔNG TY TNHH THỂ THAO LÊ HOÀNG | 146/5S Ấp Tam Đông 2 | Đào tạo khác trong nước | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1682 | CÔNG TY TNHH XNK GỖ HOÀNG GIA | 310/6 đường Nguyễn Thị Thành , Ấp Tam Đông 3 | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đcơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1683 | CÔNG TY TNHH TƯ VẤN THIẾT KẾ CÔNG TRÌNH PHÚ THỊNH | 7/7B Ấp Trung Đông 1 | HĐ điều tra, t.dò, ks, tư vấn | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1684 | CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ WINCOM | 9/1X Ấp Đông | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đcơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1685 | CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ XUẤT NHẬP KHẨU LỘC PHÁT TN | Số 89/5, đường Thới Tam Thôn 6 | Bán lẻ trừ ô tô, xe máy, đ.cơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1686 | CÔNG TY TNHH IN ẤN QUẢNG CÁO VÀ TRUYỀN THÔNG MINH TRUNG | Số 140/5N Phạm Thị Dây, Ấp Tam Đông | Quảng cáo (trừ in quảng cáo) | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1687 | CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN MAY MẶC THANH LOAN | 17/6B, Đường 123, Ấp Đông 1 | SX da và các SP có liên quan | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1688 | CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ TRÍ MINH TG | 61/10H Ấp Đông | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đcơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1689 | CÔNG TY TNHH THIẾT KẾ THI CÔNG XÂY DỰNG THỊNH PHÁT | 29/14B đường Tam Đông 1, ấp Trung Đông | Văn hóa | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1690 | CÔNG TY TNHH MAY BALO TÚI XÁCH NGUYÊN QUANG LÂM | 28/3P Nguyễn Thị Sáu, Ấp Thới Tứ 1 | SX da và các SP có liên quan | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1691 | CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ VINCAD | 22/1C Đặng Thúc Vịnh | Đào tạo khác trong nước | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1692 | CÔNG TY TNHH MOONLIGHT COMPANY LIMITED | 3/7B Bùi Thị Lùng | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đcơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |

| | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1693 | HỢP TÁC XÃ SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ RAU SẠCH LONG PHÁT | Thửa 329, tờ bản đồ 34, đường TTT 16, ấp Tam Đông 2 | Trồng trọt | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1694 | CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ HOÀNG NAM THANH | 42/1M Ấp Đông 1 | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đcơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1695 | CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ THANH PHƯỚC | 5/4T Trung Đông 2 | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đcơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1696 | CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG MTL | 108/48/8 Tô Ký, Ấp Đông | Văn hóa | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1697 | CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ XUẤT NHẬP KHẨU DƯƠNG MINH PHÁT | 190/1X Ấp Tam Đông 1 | Bán lẻ trừ ô tô, xe máy, đ.cơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1698 | CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ XUẤT NHẬP KHẨU NGỌC NHƯ Ý | 21/3D Ấp Tam Đông | Bán lẻ trừ ô tô, xe máy, đ.cơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1699 | CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ XUẤT NHẬP KHẨU HỒNG KHÔI NGUYÊN | 11/4 Ấp Tam Đông | Bán lẻ trừ ô tô, xe máy, đ.cơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1700 | CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY NHÀ ĐẸP GROUP | Số 17/18 Đường Trần Thị Bốc, Ấp Nam Thới | HĐ điều tra, t.đó, ks, tư vấn | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1701 | CÔNG TY TNHH SX TM XD NHÔM KÍNH VIỆT ANH | 94/5F đường Nguyễn Thị Thành, Ấp Tam Đông 3 | Sản xuất SP từ K.loại đúc sẵn | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1702 | CÔNG TY TNHH 186 | 64/8 Trịnh Thị Miếng, ấp Đông | HĐ dịch vụ P.vụ cá nhân khác | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1703 | CÔNG TY TNHH TM DV TÂN THỊNH | 36/2 Ấp Đông 1 | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đcơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1704 | CÔNG TY TNHH CUNG ỨNG NHÂN LỰC MINH LƯƠNG | Số 4/31C đường Quang Trung, tổ 13, ấp Nam Thới, | Hoạt động dịch vụ LĐ- việc làm | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1705 | CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN PHÚ GIA | 25/15F Ấp Thới Tứ 1 | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đcơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1706 | CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ GIANG TẤN TÀI | 6/5B Tô Ký, Ấp Đông | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đcơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1707 | CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ CƠ ĐIỆN MINH PHONG | 139/5P Ấp Tam Đông 2 | Sửa chữa-BD-lắp đặt máy móc TB | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1708 | CÔNG TY TNHH PHÚC THỊN | 62/1D Thới Tam Thôn 18 | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đcơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1709 | CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ XUẤT NHẬP KHẨU SẮT THÉP ACHI | 74/4C Ấp Tam Đông | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đcơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1710 | CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ XUẤT NHẬP KHẨU MÁY MÓC THIẾN HOÀNG PHÁT | 108/4 đường Trịnh Thị Miếng, Ấp Tam Đông | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đcơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1711 | CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ XUẤT NHẬP KHẨU MÁY MÓC GIA BẢO | 85 Ấp Tam Đông | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đcơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1712 | CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ BAO BÌ VÀ IN ẤN ĐỘNG QUANG | 308/5C Ấp Tam Đông 2 | In, sao chép bản ghi các loại | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1713 | CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ XÂY DỰNG PHÚ CÁT TƯỜNG | 5 đường Tam Đông 1 | Văn hóa | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1714 | CÔNG TY TNHH CUNG CẤP THIẾT BỊ ĐIỆN XUYÊN Á | 126/5N Ấp Tam Đông 2 | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đcơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1715 | CÔNG TY TNHH MTV XÂY DỰNG CHÂU KIỆN TƯỜNG | 89/3, đường Thới Tam Thôn 6, Ấp Đông 1 | Văn hóa | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1716 | CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU NÔNG NGHIỆP TRẦN GIA | 147/5R đường Tam Đông 22, Ấp Tam Đông 2 | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đcơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1717 | CÔNG TY TNHH VẬN TẢI BÌNH MINH ĐÔNG | 112/4F, Ấp Tam Đông | Vận tải đường bộ khác | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1718 | CÔNG TY TNHH TM VĂN PHÒNG PHẨM HƯNG PHÁT | Số 160/9 đường Nguyễn Thị Ngâu, Ấp Trung Đông 2 | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đcơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1719 | CÔNG TY TNHH TM DV NHẬT MINH HUY | 103/1E Đặng Thúc Vịnh, ấp Tam Đông | Bán lẻ trừ ô tô, xe máy, đ.cơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1720 | CÔNG TY TNHH INTERNET & CAMERA VIỆT | 2/9 tổ 56,đường trung đông 1 | Lắp đặt HT điện, nước, xd khác | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |

| | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1721 | CÔNG TY TNHH DVSUN | 32/5A Ấp Đông | Sản xuất trang phục | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1722 | CÔNG TY TNHH QUỐC TẾ KIVACO | 18 Đường Thới Tam Thôn 10, Ấp Trung đông 1 | Sản xuất chế biến thực phẩm. | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1723 | CÔNG TY TNHH CƠ KHÍ KỸ THUẬT HẢI ĐẠI PHÁT | 10/4E Ấp Trung Đông | Văn hóa | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1724 | CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ TÂM VINH SƠN | 17/15 Ấp Thới Tứ | In, sao chép bản ghi các loại | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1725 | CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI THỰC PHẨM LÊ BÌNH | 172/6 Ấp Đông 1 | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1726 | CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ VÀ THIẾT BỊ SỐ SÀI GÒN | 15/4 Đặng Thúc Vịnh, Ấp Tam Đông | Hoạt động viễn thông | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1727 | CÔNG TY TNHH TMDV PHAN SƯƠNG | 950/31 Nguyễn Ảnh Thủ | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1728 | CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ MINH CHI | 118/3N Ấp Tam Đông | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1729 | CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ ĐỨC ĐỊNH | 186/57 Tô Ký, Ấp Đông | Văn hóa | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1730 | CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ MT SPORT | 40/10 Ấp Đông 1 | Hoạt động thể thao | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1731 | CÔNG TY TNHH SX & TM MDF BÁCH THỊNH | 5/1 D Tô Ký, Ấp Tam Đông | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1732 | CÔNG TY TNHH NỘI THẤT VĂN PHÒNG EKE | 204/1, Ấp Tam Đông 1 | XD C.trình k thuật d.dụng khác | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1733 | CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ VĨNH NHỰT | 54/2C Tô Ký, Ấp Đông | Lắp đặt HT điện, nước, xd khác | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1734 | CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ ĐẠI THANH TÙNG | 10/3A Trịnh Thị Miếng, Ấp Đông | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1735 | CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ ÁNH KHUÊ | 10/3A Trịnh Thị Miếng, Ấp Đông | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1736 | CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ LINH GIANG.NHV | 42/5P, đường Trịnh Thị Miếng, ấp Đông | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1737 | CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ NHI GIA BÌNH | 76 Trịnh Thị Miếng | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1738 | CÔNG TY TNHH KINH DOANH GỖ ĐỨC PHÚC | Số 96/4 Đường Trịnh Thị Miếng, Ấp Tam Đông | SX SP từ gỗ, tre, nứa, rơm, ra | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1739 | CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ NGỌC AN ĐỊNH | 12/51, ấp Đông | Bán lẻ trừ ô tô, xe máy, đ.cơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1740 | CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ PHỤNG NGỌC ANH | 35/2D2 Tô Ký, Ấp Đông | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1741 | CÔNG TY TNHH TƯ VẤN THIẾT KẾ CƯỜNG THỊNH PHÁT | 108/4K ấp Tam Đông | Hoàn thiện công trình xây dựng | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1742 | CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ HẢI BẰNG LUXE | 19/12/H3 Trịnh Thị Miếng, Ấp Đông | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1743 | CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ TÂN PHÚ TRUNG HTC | 16/6K Tô Ký, Ấp Đông | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1744 | CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ HOÀNG LÊ PHÚ | 8/7 Trịnh Thị Miếng, Ấp Đông | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1745 | CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ HOÀNG NGÂN HB | 40/10E Trịnh Thị Miếng, Ấp Đông | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1746 | CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ TÂN HIỆP THỊNH | 108/54 Tô Ký, Ấp Đông | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1747 | CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ HOÀNG TƯỜNG VI | 20/1C Trịnh Thị Miếng, Ấp Đông | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1748 | CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ MASSAGE-XÔNG HƠI KIỆU ÂN | 4/5C Trịnh Thị Miếng, Ấp Đông | HĐ dịch vụ P.vụ cá nhân khác | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1749 | CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI KỸ THUẬT BW | 229 Bùi Thị Lúng, Ấp Thới Tứ 2 | Hoàn thiện công trình xây dựng | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1750 | CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ XÂY DỰNG VÀ TRUYỀN THÔNG RAINBOW | 17/9L Đường Thới Tam Thôn 9, Ấp Trung Đông | Cho thuê máy móc, thiết bị | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |

| | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1751 | CÔNG TY TNHH TRẦN THẾ SƠN | 16/6K Tô Ký Ấp Đông | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đcơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1752 | CÔNG TY TNHH MTV ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI VẬN TẢI THUẬN PHÁT | 108/18 Tô Ký, ấp Đông | Vận tải đường bộ khác | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1753 | CÔNG TY TNHH MAY XUẤT NHẬP KHẨU THƯƠNG MẠI HỒNG LAM | 46/3B, Đường Bùi Thị Lúng, Ấp Thới Tứ 2 | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đcơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1754 | CÔNG TY TNHH ĐT- SX-TM PHƯƠNG PHÁT | 24/5B Đường Nguyễn Ảnh Thủ, Ấp Đông 1 | Sản xuất trang phục | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1755 | CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ HOÀNG PHƯƠNG ANH KBI | 41/2 Trịnh Thị Miếng, Ấp Đông | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đcơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1756 | CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ TÂN VŨ HOÀNG OANH KT | 41/2 Trịnh Thị Miếng, Ấp Đông | Bán lẻ trừ ô tô, xe máy, đ.cơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1757 | CÔNG TY TNHH TMDV VĨNH HÀNG | 8/11 Trịnh Thị Miếng, Ấp Đông | Bán lẻ trừ ô tô, xe máy, đ.cơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1758 | CÔNG TY TNHH MANDALA DELI | 4/8B đường Bùi Thị Lúng, ấp Thới Tứ 2 | Đào tạo khác trong nước | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1759 | CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ TÂN LAI | 1/2 Ấp Tam Đông | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đcơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1760 | CÔNG TY TNHH TRUNG THÀNH TỰU | 40/1 Trịnh Thị Miếng, Ấp Đông | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đcơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1761 | CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI XÂY DỰNG HỮU GIÀU | 39/6B Ấp Đông | Hoạt động XD chuyên dụng khác | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1762 | CÔNG TY TNHH SAM OH VINA | 415 đường Trần Thị Bốc, ấp Thới Tứ 2 | Sản xuất trang phục | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1763 | CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ ĐỨC THÀNH DC | 186/57 Tô Ký, Ấp Đông | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đcơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1764 | CÔNG TY TNHH QUẢNG CÁO TRANG TRÍ NỘI THẤT ADV MỘC PHÁT | 244A Đường Tô Ký, Ấp Tam Đông 1 | Quảng cáo (trừ in quảng cáo) | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1765 | CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ ĐẠT PHÁT NAM | 641 Đặng Thúc Vịnh | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đcơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1766 | CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ TRƯỜNG CA | 27/5Q Ấp Tam Đông | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đcơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1767 | CÔNG TY TNHH NPC CHEM VIỆT NAM | 19/2 đường Ấp Đông 5 | Lắp đặt HT điện, nước, xd khác | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1768 | CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG TÍN TÀI | 28/3A Đường Trịnh Thị Miếng | HĐ vệ sinh nhà cửa, cảnh quan | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1769 | CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ LÊ HỒNG TIẾN | 34/2D Ấp Đông | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đcơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1770 | CÔNG TY TNHH MTV TMDV NGUYỄN KHANG | 10/3G, Đường Thới Tam Thôn 18, Ấp Tam Đông 1 | Sản xuất trang phục | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1771 | CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ PRO CARE LIFE | 137 Đặng Thúc Vịnh, Ấp Tam Đông 3 | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đcơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1772 | CÔNG TY TNHH TMDV TRUYỀN THÔNG QUẢNG CÁO TÂY HOÀ | 32/7H Ấp Đông | Quảng cáo (trừ in quảng cáo) | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1773 | CÔNG TY TNHH SX TM NỘI THẤT VIETHOME | 80/3 Đường Phạm Thị Giây, Ấp Tam Đông | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đcơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1774 | CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ LANG THANH | 32/7E Ấp Đông | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đcơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1775 | CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM LỘC THÀNH | 33/1A Ấp Thới Tứ 1 | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đcơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1776 | CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ ĐẠT GIANG PHÁT | 161/32 Ấp Đông | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đcơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1777 | CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ VẬN TẢI XUÂN QUANG | 31/4B Ấp Đông | Vận tải đường bộ khác | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1778 | CÔNG TY TNHH KỸ THUẬT VIEMECH | 12/5E Ấp Trung Đông 1 | Sản xuất SP từ K.loại đúc sẵn | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1779 | CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ ÁI KHÊ | 31/1M Ấp Đông | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đcơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1780 | CÔNG TY TNHH THIẾT KẾ THƯƠNG MẠI XÂY DỰNG ĐẠI PHÚC | 23 Thới Tam Thôn 17F, Ấp Đông | Văn hóa | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |

| | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1781 | CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ XÂY DỰNG HUY HƯNG | 31/3C Ấp Đông | XD C.trình k thuật d.dụng khác | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1782 | CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ HỒ THANH | 31/1H Ấp Đông | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1783 | CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM LIÊN AN FOOD | 3/128H Ấp Nam Thới | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1784 | CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ THANH VEN | 37/9N Ấp Đông I | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1785 | CÔNG TY TNHH TMDV TRUYỀN THÔNG QUẢNG CÁO THẢO UYÊN | 31/2B Ấp Đông | Quảng cáo (trừ in quảng cáo) | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1786 | CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI XÂY DỰNG VŨ PHI | 17/1 Ấp Đông | Hoạt động XD chuyên dụng khác | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1787 | CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ VẬN TẢI DOANH ĐIỆP | 34/2H Ấp Đông | Vận tải đường bộ khác | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1788 | CÔNG TY TNHH TM - DV Ô TÔ TÂN PHÁT | 10/7 Ấp Đông | Bán, sửa chữa ô tô, mô tô, XM | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1789 | CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ NHẬT TIÊN THẮNG | 12/6K Ấp Đông | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1790 | CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ HÀ LINH ANH | 106/24 Đặng Thúc Vịnh, Tổ 6, Thôn Tam Đông | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1791 | CÔNG TY TNHH MTV IN ẤN HÙNG PHÁT ĐẠT | 5/2B Đường Thới Tam Thôn 10, Ấp Trung Đông 1 | In, sao chép bản ghi các loại | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1792 | CÔNG TY TNHH TMDV KINH DOANH SẮT THÉP HƯNG BÌNH | 32/8E Ấp Đông | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1793 | CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ LÊ HOÀNG BẢO AN | 63/2A Ấp Đông | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1794 | CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ DUY THANH | 47/5 Tổ 182 Ấp Đông 1 | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1795 | CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ AN MỸ CHÂU | 32/5A Ấp Đông | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1796 | CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT CÀ PHÊ THÀNH ĐẠO | 45/4D Thới Tam Thôn 13, Ấp Tam Đông | Sản xuất chế biến thực phẩm. | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1797 | CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ QUANG TRIỆN | 31/3H Ấp Đông | Hoạt động dịch vụ LĐ- việc làm | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1798 | CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ VŨ TUY | 36 Tổ 158 Ấp Đông 1 | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1799 | CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ DƯƠNG HÙNG LỢI | 34/4A Ấp Đông | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1800 | CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ DIỆU LƯƠNG | 108/1H Ấp Tam Đông | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1801 | CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ BÙI TAM | 34/2A Ấp Đông | Bán, sửa chữa ô tô, mô tô, XM | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1802 | CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI MÁY MÓC TÍN PHÁT | 41/5F Tổ 120, Ấp Tam Đông 3 | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1803 | CÔNG TY TNHH ĐIỆN LẠNH NGUYÊN ĐẠT | 36/9/2 Đặng Thúc Vịnh, Ấp Tam Đông | Lắp đặt HT điện, nước, xd khác | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1804 | CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI XÂY DỰNG BÌNH ĐẠI | 31/5C Ấp Tam Đông | Hoạt động XD chuyên dụng khác | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1805 | CÔNG TY TNHH CTC POWER | 105/5R Ấp Tam Đông 3 | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1806 | CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ LÊ QUANG | 64/3Z Trịnh Thị Miếng, Ấp Tam Đông 1 | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1807 | CÔNG TY TNHH MTV TƯ VẤN THIẾT KẾ XÂY DỰNG ĐĂNG QUANG | 108/4D TTT 27, Ấp 6 | Văn hóa | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1808 | CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI THẾ KHẢI | 340 Ấp Tam Đông | XD C.trình k thuật d.dụng khác | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1809 | CÔNG TY TNHH MAY MẶC TRỊNH NGUYỄN PHÁT | số 3, đường 2-5, ấp Đông 1 | Sản xuất trang phục | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1810 | CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ HÂN LƯƠNG | 102/3 Ấp Tam Đông | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |

| | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1811 | CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ VẬN TẢI ĐẠI THÀNH CÔNG | 25/1F Ấp Thới Tứ | Vận tải đường bộ khác | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1812 | CÔNG TY TNHH KHOA HỌC PT | 38/4H ấp Đông | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1813 | CÔNG TY TNHH CHẾ BIẾN NƯỚC CHẤM CỬU LONG | 27/3 Trung Đông | Sản xuất chế biến thực phẩm. | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1814 | CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI XÂY DỰNG QUẢN PHI | 97/2A Ấp Tam Đông | XD C.trình k thuật d.dụng khác | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1815 | CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ TRỌNG PHÁT | 158 Nguyễn Ánh Thủ | Nhà hàng,d.vụ ăn uống lưu động | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1816 | CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TRÒ CHƠI KIM LAN | 36/1C đường Thới Tam Thôn 17, ấp Đông | Hoạt động vui chơi giải trí | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1817 | CÔNG TY TNHH THUỐC THÚ Y PVET | 198/70 Thới Tam Thôn 17, Ấp Đông 1 | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1818 | CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ NGỌC DINH | 151/3 ấp Tam Đông | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1819 | CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG ĐIỆN MIỀN NAM | 4B Đặng Thúc Vịnh | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1820 | CÔNG TY TNHH CRYPTO EXCHANGES HN | 2/9B Tổ 42, Ấp Thới Tứ | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1821 | CÔNG TY TNHH PP ĐỔI MỚI | 13/13M Đường Thới Tam Thôn 9 | HĐ SX phương tiện phục vụ CNTT | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1822 | CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ CHẾ TẠO MÁY KIM KỲ | Số 178/1R Ấp Đông 1 | SX M. móc,TB chưa phân vào đâu | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1823 | CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ KỸ THUẬT BẢO ĐỊNH | 37/4M Ấp Đông | Sản xuất SP từ K.loại đúc sẵn | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1824 | CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ THẾ SINH | 22/1 Ấp Tam Đông | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1825 | CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ ISLAND | 65/1B ấp Đông | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1826 | CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ PHÁT TIẾN | 39/4B Ấp Đông 1 | Bán, sửa chữa ô tô, mô tô, XM | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1827 | CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI KINH DOANH SẮT THÉP GIANG PHONG | 13/1 Ấp Tam Đông | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1828 | CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ BẢO NGUYÊN | 48/8F Tổ 41, Ấp Thới Tứ 2 | Sản xuất SP từ K.loại đúc sẵn | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1829 | CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ MAY MẶC AN TIÊN - CHI NHÁNH HÓC MÔN | Số 30/6A, Ấp Đông 1 | Sản xuất trang phục | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1830 | CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI ĐẦU TƯ XÂY DỰNG PHÚC YÊN | 21/3C ấp Tam Đông | Văn hóa | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1831 | CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ SONG THÀNH KHOA | 45/5H/9 Đường Trung Đông 12 | Sản xuất SP từ K.loại đúc sẵn | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1832 | CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI - DỊCH VỤ - VẬN TẢI NGHĨA LỆ | 40/6 Ấp Đông | Hoạt động DV H.trợ cho vận tải | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1833 | CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CƠ KHÍ CHẾ TẠO MÁY BẢO THỊNH | 119/5Z Ấp Tam Đông 2 | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1834 | CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT VÀ DỊCH VỤ MAI HÀ | 95/3C Phạm Thị Giây, Ấp Tam Đông | SX sợi,vải, hoàn thiện SP dệt | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1835 | CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ MASSAGE VI TIỂU BẢO 2 | 19/9K Đường Thới Tam Thôn 9,ấp Trung Đông | HĐ dịch vụ P.vụ cá nhân khác | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1836 | CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ THỊNH THƯƠNG | 14/1Y Ấp Tam Đông | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1837 | CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ SYREN | 5/70 Đặng Thúc Vịnh, Ấp Nam Thới | HĐ dịch vụ P.vụ cá nhân khác | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1838 | CÔNG TY TNHH TM DV SẢN XUẤT HƯNG THỊNH PHÁT | 61/3D Thới Tam Thôn 17, Ấp Đông 1 | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đơ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1839 | CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG TÀI NAM | 37/3P Tam Đông | HĐ vệ sinh nhà cửa, cảnh quan | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |

| | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1840 | CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ GIÁO DỤC THANH HÀ | Số 181/4H Đường Thới Tam Thôn 6, Ấp 22 | Đào tạo khác trong nước | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1841 | CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU NÔNG NGHIỆP TRẦN GIA | 29/5A Tổ 42, Ấp Thới Tứ | Bán buôn trừ ô tô, xe máy, đeo | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| **IV** | **Xã Xuân Thới Thượng** | | | | | | | |
| 1842 | CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI BAO BÌ GIẤY DŨNG NHI GIA | Số 53 Đường Phạm Văn Sáng | Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu | 55 | 55 | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1843 | CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ MAY CÔNG NGHIỆP THIÊN CHÍ | 45 Phạm Văn Sáng, Ấp 2 | May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú) | 500 | 500 | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1844 | CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI GIA PHÁT ST | 21/3 Trần Văn Mười, ấp 7 | Sản xuất sản phẩm từ plastic | 30 | 30 | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1845 | CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI - DỊCH VỤ - SẢN XUẤT RỰC SÁNG | 94A Trần Văn Mười, ấp 3 | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa | 60 | 60 | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1846 | CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ VÀ THIẾT BỊ NHIỆT TÍN THÀNH | 9/8 ấp 1 | Sửa chữa máy móc, thiết bị | 80 | 80 | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1847 | CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT - THƯƠNG MẠI - DỊCH VỤ TÀI TRÍ | 60/1 ấp 3 Trần Văn Mười | Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng | 20 | 20 | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1848 | CÔNG TY TNHH TÂN SAO Á | 149, Đường Phạm Văn Sáng Ấp 2 | Sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu | 35 | 35 | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1849 | Công Ty TNHH Châu Minh Hoàng | 60/6 Tổ 12, ấp 3 | Sản xuất vali, túi xách và các loại tương tự, sản xuất yên đệm | 20 | 20 | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1850 | CÔNG TY TNHH NỆM NGỌC PHÚC | 19/5 ấp 1 Dương Công Khi | May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú) | 60 | 60 | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1851 | Cty TNHH Sản Xuất-Thương Mại-XNK Bao Bì Nhựa Nguyên Khang | 28/2 Phạm Văn Sáng ấp 2 Xã Xuân Thới Thượng | Sản xuất sản phẩm từ plastic | 30 | 30 | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1852 | CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI TRƯỜNG PHÚC | 138 Ấp 1 | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác | 60 | 60 | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1853 | CÔNG TY TNHH CƠ KHÍ KHUÔN MẪU NHẬT MINH | 73 Đường Xuân Thới Thượng 53, Ấp 2 | Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu | 15 | 15 | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1854 | CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU NĂM CÚC | 100/1A, ấp 4 Phan Văn Hớn | Sản xuất vali, túi xách và các loại tương tự, sản xuất yên đệm | 25 | 25 | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1855 | CÔNG TY TNHH AN VIỆT LONG | 11/3B Ấp 1 | Sản xuất đồ chơi, trò chơi | 15 | 15 | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1856 | CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT - THƯƠNG MẠI - XÂY DỰNG TRỌNG TÍN | 47/3/7 ấp 7 | Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện | 30 | 30 | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1857 | CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT - THƯƠNG MẠI VĨNH NGHIỆP | 109D ấp 6 | Sản xuất sản phẩm từ plastic | 25 | 25 | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1858 | CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN MỸ PHẨM THANH THỦY | Số 46/3 Ấp 2 | Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh | 15 | 15 | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1859 | CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN SAO MAI SÁNG | 9/3C, Ấp 2 | May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú) | 50 | 50 | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1860 | CÔNG TY TNHH VĨ VĨ | 5/5 E Dương Công Khi, ấp 1 | Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện | 60 | 60 | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1861 | CÔNG TY TNHH ĐẠI PHI MÃ | 126/1a ấp 5 | Sản xuất SP từ gỗ, tre, nứa (trừ giường, tủ, bàn, ghế); SX sản phẩm từ rơm, rạ và vật liệu tết bện | 35 | 35 | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1862 | CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI HẢI PHAN | 1/8 Phan Văn Hớn, ấp 5 | Sản xuất sản phẩm từ plastic | 90 | 90 | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1863 | CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN THƯƠNG MẠI SẢN XUẤT CHẾ BIẾN GỖ VIỆT NAM | 2/4B ấp 1 | Sản xuất giấy nhăn, bìa nhăn, bao bì từ giấy và bìa | 60 | 60 | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1864 | CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ VÀ XÂY DỰNG PHƯƠNG NGUYÊN | Số 94A Trần Văn Mười, Ấp 2 | Sản xuất kim loại màu và kim loại quý | 25 | 25 | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |

| | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1865 | Cty TNHH Sản Xuất Thương Mại Quang Minh Trung | 60/20 ấp 7 Xã Xuân Thới Thượng | Sản xuất các cấu kiện kim loại | 15 | 15 | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1866 | Công Ty TNHH Thương Mại Sản Xuất Nội Thất Việt Anh | 101/6B, ấp 5 | Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế | 30 | 30 | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1867 | CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI TRẦN QUANG ANH | Số 59/8 Ấp 7 | Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu | 10 | 10 | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1868 | Cty TNHH Cà Phê Hiệp Hòa | 49/4C Phạm Văn Sáng X.Xuân Thới Thượng | Sản xuất thực phẩm khác | 50 | 50 | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1869 | CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ TƯ VẤN HƯNG PHÁT | 41/1D Dương Công Khi - Ấp 1 | Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác | 30 | 30 | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1870 | CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ VIỆT VIỆT PHÁT | 73/5D ấp 1 Xã Xuân Thới Thượng | Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại; các dịch vụ xử lý, gia công kim loại | 25 | 25 | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1871 | CÔNG TY CỔ PHẦN CÁCH NHIỆT THUYỀN VẢN | 23 Phạm Văn Sáng, ấp 7 | Sản xuất sản phẩm từ chất khoáng phi kim loại khác chưa được phân vào đâu | 80 | 80 | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1872 | CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ NAM MỸ | 66/1 ấp 3 | Sản xuất sản phẩm hoá chất khác chưa được phân vào đâu | 60 | 60 | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1873 | CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ TRANG TRÍ NỘI THẤT HOÀNG GIA | 60/9T Đường Trần Văn Mười, ấp 3 | Sản xuất hàng dệt sẵn (trừ trang phục) | 40 | 40 | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1874 | CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT GIA CÔNG NHỰA HƯNG THỊNH | 56/1F Ấp 3 | Sản xuất sản phẩm từ plastic | 70 | 70 | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1875 | CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN SẢN XUẤT DỊCH VỤ NGÔI SAO PHƯƠNG ĐÔNG | 158/30/1 Ấp 3 | Sản xuất ca cao, sôcôla và mứt kẹo | 60 | 60 | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1876 | CÔNG TY TNHH INS VINA | 204/15 Đường Phạm Văn Sáng, Ấp 2 | Sản xuất vali, túi xách và các loại tương tự, sản xuất yên đệm | 300 | 300 | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1877 | Doanh Nghiệp Tư Nhân Dương Lê Sài Gòn | 50/1C Trần Văn Mười, ấp 3 | Sản xuất sản phẩm từ plastic | 50 | 50 | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1878 | Công Ty TNHH Keo Thành Phát | 12/41G Phan Văn Hớn, ấp 7 | Sản xuất sản phẩm hoá chất khác chưa được phân vào đâu | 50 | 50 | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1879 | Chi Nhánh Cty TNHH Sản Xuất Thương Mại Dịch Vụ Xuất Nhập Khẩu Sơn Việt | 34/6 Trần Văn Mười, ấp 7 X.Xuân Thới Thượng | Sản xuất sơn, véc ni và các chất sơn, quét tương tự, sản xuất mực in và ma tít | 20 | 20 | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1880 | CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI PHÚC ĐIỀN | 60/1, Đường XTT22, Ấp 4 | Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ | 30 | 30 | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1881 | CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN THƯƠNG MẠI DỆT KIM HẢI VY | 60/5B Tổ 8, ấp 4 | Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác | 20 | 20 | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1882 | CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN SẢN XUẤT QUỐC TẾ ALPHATECH | 178/30C Trần Văn Mười, ấp 3 | Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thuỷ sản | 50 | 50 | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1883 | CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN DỊCH VỤ THƯƠNG MẠI VÀ SẢN XUẤT SƠN SOLAR | 114/8A Đường XTT1, Tổ 10, Ấp 5 | Sản xuất sơn, véc ni và các chất sơn, quét tương tự, sản xuất mực in và ma tít | 20 | 20 | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1884 | CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM USA – TVTPHARMA GROUP | 57/1A Phan Văn Hớn, Ấp 4 | Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu | 40 | 40 | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1885 | CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI NHÃN MÁC PHÚC THỊNH | 1/9 Ấp 5 | Sản xuất các loại hàng dệt khác chưa được phân vào đâu | 30 | 30 | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1886 | Chi Nhánh Công Ty TNHH Vĩ Vĩ | 11-11C Ấp 1 | Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, ra và vật liệu tết bện | 50 | 50 | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1887 | CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI TỪ AN GIA | 85/3/4 Đường XTT27, Ấp 4 | Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng | 20 | 20 | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1888 | CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN Y LỰC ĐẠT | ST542 Ấp 2 | Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao | 50 | 50 | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |

| | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1889 | CÔNG TY TNHH MỸ PHẨM MỸ TRINH | 46/3 Ấp 2 | Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh | 10 | 10 | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1890 | Công Ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Sản Xuất Đại Thành Sài Gòn | 108/4L Ấp 5 | Sản xuất các cấu kiện kim loại | 50 | 50 | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1891 | Chi Nhánh Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Quốc Tế Long Phát | 11/6F Ấp 1 đường Xuân Thới Thượng 18 | Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thuỷ sản | 60 | 60 | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1892 | CÔNG TY TNHH ĐIỀU KHIỂN - TỰ ĐỘNG - CÂN SONG Ý | 80/2C Phạm Văn Sáng | Sản xuất linh kiện điện tử | 50 | 50 | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1893 | Công Ty TNHH Một Thành Viên Sản Xuất Nước Đá Dũng Phát | 22/5A Ấp 1 | Sản xuất, phân phối hơi nước, nước nóng, điều hoà không khí và sản xuất nước đá | 30 | 30 | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1894 | CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN SẢN XUẤT BAO BÌ NGUYÊN VƯƠNG | 1/2H Ấp 3 | Sản xuất giấy nhăn, bìa nhăn, bao bì từ giấy và bìa | 50 | 50 | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1895 | CÔNG TY TNHH QUỐC TẾ BIOTECH | 63/6T Tổ 12, Ấp 3 | Sản xuất sản phẩm hoá chất khác chưa được phân vào đâu | 40 | 40 | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1896 | CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ LONG GIÁP | 79 Dương Công Khi | Sản xuất các cấu kiện kim loại | 60 | 60 | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1897 | CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN MAY THÊU SÁNG TẠO | 2/7F ấp 1 | May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú) | 50 | 50 | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1898 | CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THIẾT BỊ ĐIỆN TÂN VIỆT | 103/5F Tổ 15, Ấp 4 | Sản xuất thiết bị điện khác | 10 | 10 | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1899 | CÔNG TY TNHH MAY NGUYỄN HẢI ANH | 90/13 Lý Thị Nê, Tổ 13, Ấp 4 | Sản xuất vali, túi xách và các loại tương tự, sản xuất yên đệm | 50 | 50 | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1900 | Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn May Ba Lô Túi Xách Ngọc Trí | 63/3A ấp 3 | Sản xuất vali, túi xách và các loại tương tự, sản xuất yên đệm | 60 | 60 | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1901 | CÔNG TY TNHH BEKAMIN | 151 Trần Văn Mười, Ấp 3 | Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thuỷ sản | 50 | 50 | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1902 | Chi Nhánh Doanh Nghiệp Tư Nhân Dương Lê Sài Gòn | 33/3B Ấp 3 | Sản xuất sản phẩm từ plastic | 80 | 80 | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1903 | CÔNG TY CP GODALITS | 19/6A Ấp 1 | Sản xuất xe đạp và xe cho người tàn tật | 90 | 90 | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1904 | CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI IN ẤN BAO BÌ GIẤY BÌNH PHÁT | 212/5 Xuân Thới Thượng 1, ấp 5 | Sản xuất giấy nhăn, bìa nhăn, bao bì từ giấy và bìa | 60 | 60 | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1905 | CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ CƠ KHÍ XÂY DỰNG HIỀN THÀNH | 22/1C Ấp 1 | Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế | 55 | 55 | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1906 | Chi Nhánh 1 Công Ty TNHH VI VI | 5/5D Dương Công Khi, Ấp 1 | Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ, sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện | 65 | 65 | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1907 | CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP THÀNH CÔNG | Số 64, Đường Liên Ấp 234, Ấp 1 | Sản xuất giày, dép | 40 | 40 | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1908 | CÔNG TY TNHH CAO SU NHỰA HỒNG PHÚC | Số 135/7A Đường Dương Công Khi, Ấp 1 | Sản xuất sản phẩm khác từ cao su | 45 | 45 | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1909 | CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP THÀNH CÔNG - XƯỞNG SẢN XUẤT | 1/1D, Ấp 1 | Sản xuất giày dép | 65 | 65 | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1910 | CÔNG TY TNHH CƠ KHÍ XÂY DỰNG NGỌC TÚ | 40/6/10 Ấp 7 | Sản xuất các cấu kiện kim loại | 85 | 85 | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1911 | CÔNG TY TNHH EVA VINA | 61 Đường Đặng Công Binh, Ấp 6 | Sản xuất giấy nhăn, bìa nhăn, bao bì từ giấy và bìa | 50 | 50 | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1912 | CÔNG TY TNHH CƠ KHÍ NHIỆT VIỆT NAM | 77/5D Đường Xuân Thới Thượng 3 | Sản xuất nồi hơi (trừ nồi hơi trung tâm) | 60 | 60 | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1913 | CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI PHONG GIA PHÚ | 40/6A Đường Xuân Thới Thượng 4, Ấp 2 | Sản xuất các cấu kiện kim loại | 30 | 30 | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1914 | CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ TTH VINA | số 57 , Đường Xuân Thới Thượng 19, Ấp 1 | Sản xuất đồ kim hoàn và chi tiết liên quan | 35 | 35 | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1915 | CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI CAMSCO VIỆT NAM | 76/1D Tổ 12, Ấp 4, Đường Xuân Thới Thượng 24 | Sản xuất sản phẩm từ plastic | 45 | 45 | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |

| | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1916 | CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN Y LỰC ĐẠT | 32/3K Ấp 1 | Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao | 25 | 25 | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1917 | CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT XE ĐẠP THỊNH PHÁT | 10/3 Ấp 2 | Sản xuất xe đạp và xe cho người tàn tật | 35 | 35 | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1918 | CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ DUY VIỆT TIẾN | 19/9E đường XTT2, ấp 1 | Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu | 95 | 95 | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1919 | CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ XÂY DỰNG TOÀN VIỆT | 9/2 XTT18, Ấp 1 | Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện | 95 | 95 | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1920 | CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT THỐNG NHẤT | 63/5C – 63E Ấp 3 | Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác | 50 | 50 | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1921 | CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN THƯƠNG MẠI DỆT KIM HẢI VY | 60/5F Tổ 8, Ấp 4 | Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác | 60 | 60 | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1922 | CÔNG TY TNHH GALAXY | 173 Đường Xuân Thới Thượng 27 | May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú) | 85 | 85 | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1923 | CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI BA THẬT | 667 TBĐ53 Ấp 7 | Sản xuất, phân phối hơi nước, nước nóng, điều hoà không khí và sản xuất nước đá | 75 | 75 | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1924 | CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SẢN XUẤT - XUẤT NHẬP KHẨU HƯNG THỊNH | 49/10 Ấp 7 | Sản xuất sản phẩm từ plastic | 95 | 95 | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1925 | CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN THƯƠNG MẠI SẢN XUẤT CHẾ BIẾN GỖ VIỆT NAM | 1011TBĐ2 đường XTT3, Ấp 1 | Sản xuất giấy nhăn, bìa nhăn, bao bì từ giấy và bìa | 65 | 65 | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1926 | CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI DỆT MAY HẢI DƯƠNG | 8/6A Ấp 2 | Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác | 50 | 50 | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1927 | CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU JAVICO | 212/3A Đường Xuân Thới Thượng 1, Ấp 5 | Sản xuất sản phẩm từ plastic | 40 | 40 | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1928 | CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI QUANG TƯỜNG | 29D Đặng Công Bỉnh, Ấp 6 | Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu | 30 | 30 | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1929 | CÔNG TY TNHH SX - TM - DV HIẾU THẢO | 18/2 Ấp 7 | Sản xuất bao bì bằng gỗ | 85 | 85 | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1930 | CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ KIM NGUYỆT Y2010 | 66/5 Ấp 3 | Sản xuất giày, dép | 25 | 25 | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1931 | CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI SẢN XUẤT TỐ TRẦN | 46 Đại Hải 4,Ấp 7 | Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế | 65 | 65 | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1932 | CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VĨ VĨ | 11C Dương Công Khi | Sản xuất bao bì bằng gỗ | 55 | 55 | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1933 | CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT GIA CÔNG ĐỒ GỖ MỸ NGHỆ HIẾU HIỀN | 58/2 Ấp 3 | Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế | 60 | 60 | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1934 | CÔNG TY TNHH NAGAMOCHI | 13/1R Đường XTT30, Ấp 2 | Sản xuất lò nướng, lò luyện và lò nung | 50 | 50 | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1935 | CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI BAO BÌ NHỰA SO PHA | 132 Nguyễn Văn Bứa, ấp 1 | Sản xuất sản phẩm từ plastic | 40 | 40 | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1936 | CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ SẢN XUẤT BAO BÌ TÂM HẢI PHÁT | 618/36 Đường Trần Văn Mười, Ấp 3 | Sản xuất giấy nhăn, bìa nhăn, bao bì từ giấy và bìa | 60 | 60 | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1937 | CÔNG TY CỔ PHẦN ENKI | 57/5B Ấp 4 | Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thuỷ sản | 85 | 85 | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1938 | CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI VÀ TRANG TRÍ NỘI THẤT NGỌC ANH | 91/3D ẤP 2 | Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế | 65 | 65 | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1939 | CÔNG TY TNHH ĐIỆN CƠ CARIBBEAN | 37/2B Ấp 1, Phan Văn Hớn | Sản xuất đồ điện dân dụng | 60 | 60 | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1940 | CÔNG TY TNHH MTV SX - TM NHÂN MẠC NGỌC TIỀN | 15/9/1 Ấp 2 | Sản xuất hàng dệt sẵn (trừ trang phục) | 25 | 25 | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1941 | CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI SẢN XUẤT XUẤT NHẬP KHẨU MAY MINH TUẤN | 13/6F Dương Công Khi, Ấp 1 | May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú) | 30 | 30 | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |

| | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1942 | CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ SẢN XUẤT CỬA THANH XUÂN | 270 Phạm Văn Sáng, Ấp 2 | Sản xuất các cấu kiện kim loại | 45 | 45 | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1943 | CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ THƯƠNG MẠI SẢN XUẤT GHẾ SOFA AN ĐÔNG | 12/52A Xuân Thới Thượng 58C | Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế | 65 | 65 | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1944 | CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ SẢN XUẤT BAO BÌ MỸ ANH | 69/20A đường Phan Văn Hớn, Ấp 7 | Sản xuất giấy nhăn, bìa nhăn, bao bì từ giấy và bìa | 65 | 65 | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1945 | CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT VÀ KINH DOANH GRIWON VIỆT NAM | 66/9L Ấp 4 | Sản xuất sản phẩm từ plastic | 85 | 85 | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1946 | CÔNG TY TNHH DA TRƯỜNG GIANG | 46/7A Đường Tuyến 2, Ấp 4 | Sản xuất vali, túi xách và các loại tương tự, sản xuất yên đệm | 50 | 50 | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1947 | CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT XUẤT NHẬP KHẨU VIỆT TRE | Số 78 Đường XTT 20, Tổ 1, Ấp 5 | Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện | 60 | 60 | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1948 | CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI MÁY CÔNG CỤ TOÀN THẮNG | 158/34A, Tổ 18, Ấp 3 | Sản xuất máy chuyên dụng khác | 90 | 90 | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1949 | DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN DỆT BẢO KHANG | 599 Phạm Văn Sáng | Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác | 55 | 55 | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1950 | CÔNG TY TNHH JONE ĐẠI PHÁT | 5/9 Phạm Văn Sáng, Ấp 2 | Sản xuất kim loại quý và kim loại màu | 35 | 35 | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1951 | CÔNG TY TNHH NHỰA HOÀNG HUY | 26/2K Dương Công Khi, Ấp 1 | Sản xuất sản phẩm từ plastic | 20 | 20 | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1952 | CÔNG TY TNHH PHÚ CƯỜNG FASHION | 443 Phạm Văn Sáng | Sản xuất hàng dệt sẵn (trừ trang phục) | 60 | 60 | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1953 | CÔNG TY CỔ PHẦN EBI-VN | 104/8 Ấp 3 đường Xuân Thới Thượng 7 | Sản xuất sản phẩm từ plastic | 40 | 40 | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1954 | CÔNG TY TNHH XUẤT NHẬP KHẨU KIỆN LONG | 104/6M,Tổ 12, Ấp 3 | Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế | 50 | 50 | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1955 | DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN DỆT KIM NGỌC HUY | 536 Đường XTT-21-2, Ấp 5 | Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác | 60 | 60 | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1956 | CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI SẢN XUẤT NHỰA BẢO NGỌC | Số 23/4A Dương Công Khi, Ấp 1 | Sản xuất sản phẩm từ plastic | 80 | 80 | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1957 | CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN LÂM KHÁNH | 17 Ấp 2 | Sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu | 60 | 60 | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1958 | CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DKY VINA | 9A Đường Tuyến Ấp 1 | Sản xuất hàng dệt sẵn (trừ trang phục) | 20 | 20 | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1959 | CÔNG TY TNHH MTV SƠN HAPPY | 103/4 Ấp 5 | Sản xuất sơn, véc ni và các chất sơn, quét tương tự; sản xuất mực in và ma tít | 60 | 60 | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1960 | CÔNG TY TNHH HƯƠNG HẰNG | TH871 Đường TBD 65, Tổ 13, Ấp 1 | Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng | 80 | 80 | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1961 | CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ SẢN XUẤT NỘI THẤT PHÚC LỘC | 66/12A Đường XTT32, Ấp 3 | Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế | 95 | 95 | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1962 | CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ THÁI BÌNH SƠN | 24/2 Ấp 2 | Sản xuất sơn, véc ni và các chất sơn, quét tương tự; sản xuất mực in và ma tít | 50 | 50 | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1963 | CÔNG TY CỔ PHẦN SMARTBUILD VIỆT NAM | 90/5D Ấp 4 | Sản xuất các thiết bị nâng, hạ và bốc xếp | 60 | 60 | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1964 | CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ VITEXCO | 468 Phạm Văn Sáng, Ấp 2 | Sản xuất sản phẩm dầu mỏ tinh chế | 80 | 80 | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1965 | CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI - DỊCH VỤ NGUYÊN KHANG THỊNH | Số 106/1G, Ấp 4 | Sản xuất hàng dệt sẵn (trừ trang phục) | 35 | 35 | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1966 | CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH MTV SƠN HAPPY | 100/5 Đường XTT 26-1A, Ấp 4 | Sản xuất sơn, véc ni và các chất sơn, quét tương tự; sản xuất mực in và ma tít | 85 | 85 | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1967 | CÔNG TY TNHH BM OHANA | 19/6A Ấp 1 | Sản xuất xe đạp và xe cho người khuyết tật | 25 | 25 | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1968 | CÔNG TY TNHH SX INOX BÌNH NGUYÊN PHÁT-BNP | 135/7A Dương Công Khi, Ấp 1 | Sản xuất các cấu kiện kim loại | 60 | 60 | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |

| | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1969 | CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ CHẾ BIẾN THỰC PHẨM TRẦN GIA | 18 Đường Xuân Thới Thượng 7-3, Ấp 3 | Sản xuất mì ống, mỳ sợi và sản phẩm tương tự | 65 | 65 | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1970 | CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI SẢN XUẤT NỘI THẤT VIỆT ANH | 73 PHAN VĂN HỚN, ẤP 2 | Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế | 25 | 25 | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1971 | CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ SẢN XUẤT ĐIỆN CƠ VĨNH THỊNH | 28 Đường XTT 6-2, Ấp 3 | Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện | 75 | 75 | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1972 | CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH THIẾT KẾ VÀ IN ẤN BAO BÌ HIỆP HƯNG - XƯỞNG SẢN XUẤT | 9/9 Đường Xuân Thới Thượng 18, Ấp 1 | Sản xuất giấy nhăn, bìa nhăn, bao bì từ giấy và bìa | 90 | 90 | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1973 | CÔNG TY TNHH NEW PROTECH | 11/6F Ấp 1 đường Xuân Thới Thượng 18 | Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thuỷ sản | 25 | 25 | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1974 | CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ TRANG TRÍ NỘI THẤT PHÁT ĐẠT | 2/6 Trần Văn Mười, Tổ 15, Ấp 3 | Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế | 25 | 25 | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1975 | CÔNG TY TNHH IGOOD | 42/11 ấp 4 | Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu | 30 | 30 | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1976 | CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN SMARTBUILD VIỆT NAM | 90/5D Ấp 4 | Sản xuất các thiết bị nâng, hạ và bốc xếp | 60 | 60 | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1977 | CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ GIẤY NHỰA HÒA BÌNH PHÁT | Số 212/5 Xuân Thới Thượng 1, Ấp 5 | Sản xuất sản phẩm từ plastic | 20 | 20 | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1978 | CÔNG TY TNHH PALLET VĨ VĨ | 5/5E Dương Công Khi, Ấp 1 | Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện | 35 | 35 | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 1979 | CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH TÂN HUỲNH CHÂU | 1025 Nguyễn Văn Bứa, Ấp 6 | Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện | 90 | 90 | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| V | **Xã Xuân Thới Đông** | | | | | | | |
| 1980 | Công ty TNHH ván ép - cơ khí - xây dựng Nhật Nam | | Sản xuất ván ép | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Cơ sở sản xuất kinh doanh |
| 1981 | Công ty TNHHQL & KD chợ đầu mối NSTP Hóc Môn | | Kinh doanh Nông sản | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Cơ sở sản xuất kinh doanh |
| 1982 | Công ty TNHH MTV sản xuất thực phẩm Minh Long | | chế biến thực phẩm | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Cơ sở sản xuất kinh doanh |
| 1983 | Chi nhánh 2- Công ty TNHH in bao bì An Bình | | Bao bì | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Cơ sở sản xuất kinh doanh |
| 1984 | Công ty TNHH SX TM DV in Bách Hậu | | In trên vải | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Cơ sở sản xuất kinh doanh |
| 1985 | Công ty cổ phần Hải Kim | | dệt | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Cơ sở sản xuất kinh doanh |
| 1986 | Công ty CP nhà hàng & bia tươi AVA | | sản xuất bia | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Cơ sở sản xuất kinh doanh |
| 1987 | Công ty Cổ Phần Dệt May Phong Lan | | dệt may | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Cơ sở sản xuất kinh doanh |
| 1988 | Công ty cp ô tô Tây Bắc Sài Sơn | | Buôn bán xe | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Cơ sở sản xuất kinh doanh |
| 1989 | CÔNG TY TNHH LD STELLAPHARM | | Dược phẩm | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Cơ sở sản xuất kinh doanh |
| 1990 | CN Cty CP may Việt Tiến | | May mặc | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Cơ sở sản xuất kinh doanh |
| 1991 | DNTN phòng khám ĐK Hồng Phúc | | Khám chữa bệnh | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Cơ sở sản xuất kinh doanh |
| 1992 | CN CTY Phát Anh Tiến | | SX nước đá | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Cơ sở sản xuất kinh doanh |
| 1993 | Công ty TNHH Thương mại Văn Phát | | chế biến nông sản | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Cơ sở sản xuất kinh doanh |
| 1994 | CY TNHH SX TM DV XNK Nguyễn Văn Này | | Mộc gia dụng | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Cơ sở sản xuất kinh doanh |

| | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1995 | Chi nhánh 2- Công ty TNHH in bao bì An Bình | | In bao bì | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Cơ sở sản xuất kinh doanh |
| 1996 | Hộ kinh doanh Tâm Mỹ | | Nha khoa | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Cơ sở sản xuất kinh doanh |
| 1997 | Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ in ấn Văn Sơn | | In ấn | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Cơ sở sản xuất kinh doanh |
| 1998 | Công ty TNHH Sản xuất thương mại Mộc Mỹ Nghệ Mạnh Hùng | | Mộc gia dụng | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Cơ sở sản xuất kinh doanh |
| 1999 | Công ty TNHH Sơn Solitc | | Sơn | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Cơ sở sản xuất kinh doanh |
| 2000 | Công ty TNHH thời trang Nón Sơn | | Sản xuất nón | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Cơ sở sản xuất kinh doanh |
| 2001 | Công ty TNHH thuỷ sản Cửu Long TL | | thuốc thủy sản | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Cơ sở sản xuất kinh doanh |
| 2002 | HKD SX và PP Thực phẩm Anh Tú | | Thược phẩm | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Cơ sở sản xuất kinh doanh |
| 2003 | Công ty TNHH SXTM Thiết bị y tế Minh Tâm | | SX thiết bị y tế | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Cơ sở sản xuất kinh doanh |
| 2004 | Công ty Sơn Joton | | Sơn | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Cơ sở sản xuất kinh doanh |
| 2005 | Cty TNHH SX TM DV Vật Liệu Làm Kín Lê Gia | | Vật liệu làm kin | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Cơ sở sản xuất kinh doanh |
| 2006 | Cty TNHH SX TM XNK An Phúc | | Nhựa | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Cơ sở sản xuất kinh doanh |
| 2007 | Công ty TNHH MTV SX-TM-DV Hảo Quân | | Nhựa | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Cơ sở sản xuất kinh doanh |
| 2008 | Công ty TNHH SX-TM Giày Da An thịnh | | Giày da | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Cơ sở sản xuất kinh doanh |
| **VI** | **Xã Xuân Thới Sơn** | | | | | | | |
| 2009 | Công Ty Sambuvina Sports | 33B Nguyễn Văn Bứa, Ấp 4, Xã Xuân Thới Sơn, Huyện Hóc Môn | May mặc | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Cơ sở sản xuất kinh doanh |
| 2010 | CT TNHH Giày EIZO | Lô A5-A6 Cụm Công Nghiệp Nhị Xuân, xã Xuân Thới Sơn, Hóc Môn | sản xuất gia công các sản phẩm giày, bán thành phẩm giày và phụ kiện giày | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Cơ sở sản xuất kinh doanh |
| 2011 | Nhà máy sản xuất nước hoa mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh - Nhà máy công ty Cổ phần Charme Perfume | Lô B7 Cụm Công Nghiệp Nhị Xuân, xã Xuân Thới Sơn, Hóc Môn | Sản xuất nước hoa, sữa tắm, dầu gội, dầu xả, sữa dưỡng thể | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Cơ sở sản xuất kinh doanh |
| 2012 | Xưởng sản xuất các sản phẩm từ nhựa - Công ty Cổ phần Nhựa và Cao su Ngọc Lan | Lô D14 đường A, Cụm Công Nghiệp Nhị Xuân, xã Xuân Thới Sơn, Hóc Môn | Các sản phẩm từ nhựa (ống dây truyền trong y tế, ống thoát nước, linh kiện ô tô) | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Cơ sở sản xuất kinh doanh |
| 2013 | Công ty TNHH An Chín | 102 đường XTS 22, ấp 3, xã Xuân Thới Sơn, Hóc Môn | in trên bao bì giấy | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Cơ sở sản xuất kinh doanh |
| 2014 | Kho chứa hóa chất, in ấn và bế giấu decal các loại | C12.2 Cụm Công Nghiệp Nhị Xuân, xã Xuân Thới Sơn, Hóc Môn | giấy decal trắng, giấy decal in mầu, kho chứa hóa chất | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Cơ sở sản xuất kinh doanh |
| 2015 | Kho chứa hàng của công ty TNHH Thương Mại U.C.C | Số 01/115-01/117-01/119-01/121 đường Xuân Thới Sơn 37A, ấp 5, xã Xuân Thới Sơn, Hóc Môn | các mặt hàng phục vụ ngành giầy, ngành dệt nhuộm | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Cơ sở sản xuất kinh doanh |
| 2016 | Nhà máy sản xuất các sản phẩm từ cao su Đức Minh - Sài Gòn | Lô C3-2 Cụm Công nghiệp Nhị Xuân, xã Xuân Thới Sơn, Hóc Môn, TP.HCM | sản xuất ron cao su, màng hơi, lốp đặc xe nâng | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Cơ sở sản xuất kinh doanh |
| 2017 | Công ty TNHH Giầy Thiên Trí | 65E, đường Đặng Công Binh, tổ 5, ấp 5, xã Xuân Thới Sơn | giầy | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Cơ sở sản xuất kinh doanh |
| **VII** | **Xã Nhị Bình** | | | | | | | |
| 2018 | Công ty TNHH Thương mại & Sản xuất Thuốc thú y Na Pha | 159 Bùi Công Trừng, ấp 4 | Sản xuất thuốc thú y | 15 | 15 | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 2019 | Công ty TNHH Thương mại Trí Nguyên | 180/74 ấp 4 | Cắt, hàn sắt thép | 5 | 5 | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 2020 | Công ty TNHH Phương Nguyên | 330/90 ấp 1 | Cắt, hàn sắt thép | 5 | 5 | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 2021 | Công ty TNHH Sản xuất - Thương mại Long Phú | 71/65 ấp 2 | Cắt, hàn sắt thép | 5 | 5 | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |

| | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 2022 | Công ty TNHH bao bì Việt Hòa | 290/17B ấp 1, | Bao bì giấy | 10 | 10 | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 2023 | Công ty TNHH Vĩnh Nam Anh | 65/1 ấp 1, Bùi Công Trừng | Kho chứa phụ gia | 30 | 30 | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 2024 | Công ty TNHH Một thành viên Thương mại - Dịch vụ Và Sản xuất tấm cách nhiệt Ta Bi | 65/2 Võ Thị Đẩy, ấp 1 | Sản xuất tấm cách nhiệt | 10 | 10 | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 2025 | Công ty TNHH kỹ thuật Securepower | 20/1 Tổ 6, ấp 2 | Lắp đặt điện | 10 | 10 | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 2026 | Chi nhánh Doanh nghiệp tư nhân Hảo Hương - phân xưởng Hảo Hương | 70/28 ấp 3, xã Nhị Bình, huyện Hóc Môn | Chế biến lương thực, thực phẩm | 5 | 5 | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 2027 | Công ty TNHH thực phẩm Đại Vân | 30/23 đường Nhị Bình 17, ấp 3, xã Nhị Bình | Chế biến lương thực, thực phẩm | 5 | 5 | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 2028 | Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại cơ điện lạnh Bảo Toàn | 145/11 ấp 4 | Kho, sửa chữa điện lạnh | 10 | 10 | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 2029 | Công ty TNHH nhựa Nhị Bình | 38/5A ấp 4 | | 20 | 20 | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 2030 | Công ty TNHH công nghệ Sơn Dung | 180/149A Đường Nhị Bình 8, ấp 4 | Sản xuất, kinh doanh sơn | 10 | 10 | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 2031 | Công ty TNHH một thành viên Xây dựng và Cơ khí Gia Việt | 36/1/2 ấp 3 | Cơ khí | 5 | 5 | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 2032 | Công ty TNHH một thành viên Sản xuất - Thương mại - Dịch vụ - Kỹ thuật cơ khí Hùng Vương | Số 26/7/1 Đường Nhị Bình 18, ấp 2 | Cơ khí | 5 | 5 | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 2033 | Công ty TNHH Thương mại - Xây dựng điện Tuấn Khanh | Số 30/6A ấp 1 | Sản xuất thiết bị điện | 5 | 5 | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 2034 | Công ty Trách nhiệm hữu hạn băng tải Cửu Long | 71/52/2 ấp 2 | Băng chuyền | 10 | 10 | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 2035 | Công ty TNHH nội thất gỗ Hoàng Gia | Số 147/20, đường Bà Hụ 1, Tổ 16, ấp 4 | Kinh doanh đồ gỗ nội thất | 5 | 5 | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 2036 | Công ty Trách nhiệm hữu hạn nội thất Thuận Thiên | 29/4B ấp 1 | Kinh doanh đồ nội thất | 5 | 5 | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 2037 | Công ty TNHH sản xuất nệm Đông Nam Á | 71/61 Đường Nhị Bình 15, ấp 2 | Kinh doanh nệm | 10 | 10 | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 2038 | Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên quảng cáo Mai | 58/6E ấp 1 | Vẽ quảng cáo | 5 | 5 | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 2039 | Công ty Cổ phần thang máy Garuda | 30/10/10/8 ấp 4 | Sản xuất, lắp đặt thang máy | 10 | 10 | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 2040 | Công ty TNHH Color Link | 114 Đường Nhị Bình 5, ấp 1 | Kinh doanh sơn | 10 | 10 | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 2041 | Công ty TNHH may Nguyễn Hải Anh | 37/7 Bùi Công Trừng, ấp 1 | May mặc | 15 | 15 | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 2042 | Công ty TNHH Sản xuất - Cơ khí - Xây dựng Hoàng Đức | 48 Bùi Công Trừng, ấp 3 | | 5 | 5 | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 2043 | Công ty Cổ phần sơn Maxxs Việt Nam | 330/35F Đường Nhị Bình 5, ấp 1 | Sản xuất sơn | 30 | 30 | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 2044 | Công ty TNHH Sản xuất - Thương mại bao bì Long Phát | 26/2 Bùi Công Trừng, ấp 1 | Bao bì giấy | 5 | 5 | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 2045 | Công ty TNHH Dịch vụ - Thương mại - Sản xuất bao bì giấy Sao Vàng | 18/4A ấp 1 | Bao bì giấy | 10 | 10 | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 2046 | Công ty TNHH Unaxol Việt Nam | 53 Đường Bùi Công Trừng | | 20 | 20 | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 2047 | Công ty TNHH Cơ điện lạnh Thu Ngân | 7/3 ấp 3, Tổ 4 | Điện lạnh | 10 | 10 | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 2048 | Công ty TNHH in thêu Tiến Phát | 40/16 ấp 3 | May mặc | 20 | 20 | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 2049 | Công ty TNHH Cơ khí - Xây dựng -Thương mại Tài Lộc | 30/70A Tổ 10 ấp 3 | Cơ khí | 10 | 10 | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 2050 | Công ty Cổ phần công nghệ cơ khí Meteedoor | 71/65/1 Đường Nhị Bình 15, ấp 2 | | 15 | 15 | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |

| | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 2051 | Công ty TNHH Thương – Sản xuất Thiết bị chiếu sáng Thành Công | 71/65A Đường NB 15, ấp 2 | Sản xuất lắp đặt thiết bị chiếu sáng | 20 | 20 | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 2052 | Công ty TNHH điện tử Tiến Minh | 130/52 ấp 4 | Lắp ráp thiết bị điện tử | 20 | 20 | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 2053 | Công ty TNHH Thương mại - Sản xuất sơn Ayota | 56/5B Bùi Công Trừng, ấp 1 | Sản xuất sơn | 20 | 20 | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 2054 | Công ty TNHH lưới thép Gia Bảo | Số 1, Đường Bùi Công Trừng, ấp 2 | Sản xuất lưới thép | 10 | 10 | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 2055 | Công ty TNHH Thương mại - Dịch vụ - May mặc Quỳnh Trang | 493 Bùi Công Trừng | Giặt ủi | 20 | 20 | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 2056 | Công ty TNHH nội thất Xây dựng Minh Thư | 278 Đường Võ Thị Đẩy, ấp 1 | Trang trí nội thất | 10 | 10 | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 2057 | Công ty TNHH Sản xuất cơ điện BMV | 59/6B Ấp 1 | Cơ điện | 5 | 5 | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 2058 | Công ty TNHH Đầu tư - Kinh doanh may mặc Thiên Phú | Số 169TBĐ18 đường Bùi Công Trừng, ấp 1 | Giặt ủi | 15 | 15 | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 2059 | Công ty TNHH Thương mại – Dịch vụ vật phẩm quảng cáo Luckyart | 246/4 Nhị Bình 15, Ấp 2 | Vẽ, lắp đặt bảng quảng cáo | 5 | 5 | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 2060 | Công ty TNHH kinh doanh nội thất Gia Phát | Số 169TBĐ18 Đường Bùi Công Trừng, Ấp 1 | Kinh doanh nội thất | 5 | 5 | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 2061 | Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại A.M.I | 2/4 đường Nhị Bình 15, ấp 2 | | 5 | 5 | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 2062 | Công ty TNHH Sinh hoạt H.P.H | 310/95 Ấp 1, xã Nhị Bình | Sản xuất phân bón | 10 | 10 | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 2063 | Công ty TNHH cơ điện lạnh TBT | Số 71/42 Ấp 2 | Cơ điện lạnh | 15 | 15 | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 2064 | Công ty TNHH sơn Joko Việt Nam | 61/6D Đường Võ Thị Đẩy, Ấp 1 | Sản xuất sơn | 30 | 30 | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 2065 | Công Ty TNHH cơ khí Platinum | 180 Nhị Bình 2, ấp 4 | Cơ khí | 10 | 10 | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 2066 | Công ty TNHH Sản xuất và Công nghệ Hoàng Hải | Số 40/4A Ấp 1 | | 5 | 5 | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 2067 | Công ty TNHH in ấn Lê Hoan | 75/9 Nhị Bình 26, ấp 1 | | 30 | 30 | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 2068 | Công ty TNHH Một thành viên nội thất Hải Lê | 13/3 Tổ 10 Ấp 1 | Trang trí nội thất | 5 | 5 | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 2069 | Công ty TNHH Sản xuất nội thất Green Style | 53/4B, Ấp 1 | | 5 | 5 | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 2070 | Công ty Cổ phần Kỹ thuật tự động hóa V.M.S | 515/12 Đường Bùi Công Trừng, Ấp 1 | | 5 | 5 | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 2071 | Công ty TNHH sắt mỹ nghệ Quỳnh Anh | 8/1 Ấp 2 | Sắt mỹ nghệ | 10 | 10 | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 2072 | Cơ sở giấy Nhị Bình | 12/4 Tổ 12, Ấp 4, xã Nhị Bình | sản xuất giấy | 10 | 10 | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 2073 | Công ty TNHH MTV Giặt ủi Quỳnh Trang | 493 Bùi Công Trừng, Ấp 1, xã Nhị Bình | Giặt ủi | 10 | 10 | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| **VIII** | **Xã Tân Xuân** | | | | | | | |
| 2074 | CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ DUY DUY | 324/2 Ấp Chánh 1 | Sản xuất hàng dệt sẵn (trừ trang phục) | 36 | 36 | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Cơ sở sản xuất kinh doanh |
| 2075 | Chi Nhánh Công Ty TNHH Cơ Khí - Chế Tạo Máy Tuấn Tú | 64/7H Ấp Chánh 1 | Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu | 20 | 20 | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Cơ sở sản xuất kinh doanh |
| 2076 | CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ TRỌNG TÍN | Số 112/7 Đường Lê Thị Hà, Tổ 11, Ấp Chánh 1 | Sản xuất giấy nhăn, bìa nhăn, bao bì từ giấy và bìa | 20 | 20 | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Cơ sở sản xuất kinh doanh |
| 2077 | CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI ĐẦU TƯ A&T MACHINING | 64/6D, Đường Ấp Chánh 16, Ấp Chánh 1 | Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại | 10 | 10 | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Cơ sở sản xuất kinh doanh |
| 2078 | CHI NHÁNH 1 - CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI T.M.H | 49/4C Ấp Chánh 1 | Hoàn thiện sản phẩm dệt | 12 | 12 | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Cơ sở sản xuất kinh doanh |
| 2079 | CÔNG TY TNHH PHÚC THANH INTERNATIONAL | 324/1 Ấp Chánh 1 | May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú) | 36 | 36 | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Cơ sở sản xuất kinh doanh |

| | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 2080 | CÔNG TY TNHH PHÚ KHANG THÀNH THỊNH | 64/2 Đường Tân Xuân 2, Ấp Chánh 1 | May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú) | 36 | 36 | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Cơ sở sản xuất kinh doanh |
| 2081 | CHI NHÁNH CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ XUẤT NHẬP KHẨU BĂNG NGUYÊN | 69/5 Lê Thị Hà | May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú) | 20 | 20 | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Cơ sở sản xuất kinh doanh |
| 2082 | CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT NỘI THẤT HƯƠNG TRÀM | 64/6E Đường Tân Xuân 2, Ấp chánh 1 | Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế | 10 | 10 | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Cơ sở sản xuất kinh doanh |
| 2083 | CÔNG TY TNHH MAY BA LÔ TÚI XÁCH S&T VINA | Số 200/5 Đường Tân Xuân 2, Ấp Chánh 1 | Sản xuất vali, túi xách và các loại tương tự, sản xuất yên đệm | 24 | 24 | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Cơ sở sản xuất kinh doanh |
| 2084 | CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH 2 LIKE | 63/3N Ấp Chánh 1, Đường Tân Xuân 2 | May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú) | 20 | 20 | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Cơ sở sản xuất kinh doanh |
| 2085 | CÔNG TY TNHH THANG MÁY PHÁT THÀNH | 7/6V Ấp Chánh 2 | Sản xuất các thiết bị nâng, hạ và bốc xếp | 20 | 20 | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Cơ sở sản xuất kinh doanh |
| 2086 | CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI THỜI TRANG SONG NAM | 41/1G Ấp Chánh 2 | Sản xuất hàng may sẵn (trừ trang phục) | 24 | 24 | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Cơ sở sản xuất kinh doanh |
| 2087 | Công Ty TNHH Một Thành Viên Dệt May Sỹ Tâm | 33/3T Ấp Chánh 2 | Sản xuất hàng may sẵn (trừ trang phục) | 24 | 24 | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Cơ sở sản xuất kinh doanh |
| 2088 | Công Ty TNHH Giấy Đức Phát Thịnh | 200/22 Tổ 12 Ấp Chánh 1 | Sản xuất giấy nhăn, bìa nhăn, bao bì từ giấy và bìa | 24 | 24 | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Cơ sở sản xuất kinh doanh |
| 2089 | CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI SẢN XUẤT DỊCH VỤ NÔNG TÍN | 33/5K Ấp Chánh 2 | Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ | 60 | 60 | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Cơ sở sản xuất kinh doanh |
| 2090 | CÔNG TY TNHH CƠ KHÍ TITAN | 22/6M Đường Tân Xuân 6, Ấp Chánh 2 | Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại | 25 | 25 | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Cơ sở sản xuất kinh doanh |
| 2091 | CÔNG TY CỔ PHẦN AROMA NATURE | 41/1D Ấp Chánh 2 | Sản xuất sản phẩm hoá chất khác chưa được phân vào đâu | 36 | 36 | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Cơ sở sản xuất kinh doanh |
| 2092 | CÔNG TY TNHH KIM CHI SOO YUN | 27/6 Đường Song Hành | Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu | 5 | 5 | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Cơ sở sản xuất kinh doanh |
| 2093 | CÔNG TY TNHH THỜI TRANG ĐỨC TÍN | Số 21B/3 Ấp Chánh, Đường Tân Xuân 6 | May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú) | 10 | 10 | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Cơ sở sản xuất kinh doanh |
| 2094 | CÔNG TY TNHH MTV ANH EM | 11/6 Tổ 5, Ấp Chánh 2 | Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại | 5 | 5 | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Cơ sở sản xuất kinh doanh |
| 2095 | CÔNG TY TNHH MAY MẶC HOA THI | Số 21/3I Ấp Chánh 2 | May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú) | 20 | 20 | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Cơ sở sản xuất kinh doanh |
| 2096 | CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT - THƯƠNG MẠI - DỊCH VỤ MINH THÔNG | 1/4A - 1/5A Ấp Đình | Sản xuất sản phẩm từ plastic | 10 | 10 | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Cơ sở sản xuất kinh doanh |
| 2097 | CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT DỊCH VỤ XÂY DỰNG TOÀN PHÁT | Số 1/22B Ấp Đình | Sản xuất nồi hơi (trừ nồi hơi trung tâm) | 10 | 10 | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Cơ sở sản xuất kinh doanh |
| 2098 | CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ TOÀN NĂNG | 3/96A, ấp Đình | Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế | 10 | 10 | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Cơ sở sản xuất kinh doanh |
| 2099 | CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT DỊCH VỤ THƯƠNG MẠI NHÔM KÍNH TOÀN PHÚC | 3/119A ấp Đình Lê Thị Hà | Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu | 10 | 10 | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Cơ sở sản xuất kinh doanh |
| 2100 | CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ UCOM VIỆT NAM | 3/91A Quốc Lộ 22, ấp Đình | Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi | 36 | 36 | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Cơ sở sản xuất kinh doanh |
| 2101 | CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ ALPHATEX | 2/15Đ Đường Ấp Đình | Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh | 60 | 60 | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Cơ sở sản xuất kinh doanh |
| 2102 | CÔNG TY TNHH CHẾ BIẾN GỖ PHÁT BẢO | 3/111B Lê Thị Hà , Ấp Đình | Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế | 36 | 36 | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Cơ sở sản xuất kinh doanh |
| 2103 | CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ HUY PHÚ | 3/89B Quốc Lộ 22, Ấp Đình | Sản xuất bột giấy, giấy và bìa | 24 | 24 | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Cơ sở sản xuất kinh doanh |
| 2104 | Công Ty TNHH Sản Xuất Thương Mại Đầu Tư Thuận An | 2/29F Đường Ấp Đình 8 | Sản xuất sản phẩm từ plastic | 10 | 10 | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Cơ sở sản xuất kinh doanh |
| 2105 | CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI NGUYỄN UYÊN | 1/29B Đường ấp Đình 2, ấp Đình | Sản xuất các cấu kiện kim loại | 5 | 5 | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Cơ sở sản xuất kinh doanh |
| 2106 | CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ XUẤT NHẬP KHẨU DUNG NGỌC | 3/160 ấp Đình | Sản xuất hàng may sẵn (trừ trang phục) | 20 | 20 | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Cơ sở sản xuất kinh doanh |

| | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 2107 | CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN HENG HSIN | 1/5A Đường Bà Triệu, Ấp Đình | Sản xuất giày dép | 36 | 36 | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Cơ sở sản xuất kinh doanh |
| 2108 | ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH SỐ 003 CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT HÓA PHẨM THIÊN AN | 63 Lê Thị Hà, Ấp Đình | Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh | 36 | 36 | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Cơ sở sản xuất kinh doanh |
| 2109 | CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI - DỊCH VỤ - KỸ THUẬT THÀNH ĐỒ VN | 2/54A, Ấp Đình | Sản xuất các cấu kiện kim loại | 12 | 12 | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Cơ sở sản xuất kinh doanh |
| 2110 | CÔNG TY TNHH MTV CHÍNH PHÁT | 1/70F đường Lê Thị Hà, ấp Đình | Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại | 12 | 12 | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Cơ sở sản xuất kinh doanh |
| 2111 | CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT VÀ GIA CÔNG CƠ KHÍ TÂN VẠN PHÚC | 3/88B Đường Bà Triệu, Ấp Đình | Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại | 12 | 12 | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Cơ sở sản xuất kinh doanh |
| 2112 | CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN APACORP | 1/11 - 1/11B đường Bà Triệu, Ấp Đình | Sản xuất đồ gỗ xây dựng | 20 | 20 | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Cơ sở sản xuất kinh doanh |
| 2113 | CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ CHẾ TẠO MÁY THÀNH PHÁT | 2/1 Tổ 5, Ấp Đình | Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển | 20 | 20 | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Cơ sở sản xuất kinh doanh |
| 2114 | CÔNG TY CỔ PHẦN HAIHONG PLASTIC | 1/18B Ấp Đình | Sản xuất sản phẩm từ plastic | 20 | 20 | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Cơ sở sản xuất kinh doanh |
| 2115 | CÔNG TY TNHH DV XNK GIA PHÚ | 40 đường Ấp Đình 8, Ấp Đình | Sản xuất vali, túi xách và các loại tương tự, sản xuất yên đệm | 25 | 25 | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Cơ sở sản xuất kinh doanh |
| 2116 | CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI CƠ KHÍ CNC HTT | 3/82 Quốc lộ 22 | Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại | 36 | 36 | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Cơ sở sản xuất kinh doanh |
| 2117 | CÔNG TY TNHH GIẢI PHÁP CHĂN NUÔI XANH | 18/6A ấp Mới 1 | Sản xuất khác chưa được phân vào đâu | 12 | 12 | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Cơ sở sản xuất kinh doanh |
| 2118 | CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI CƠ KHÍ ĐẠI TIẾN PHÁT | D9 Ấp Mới 1 | Sản xuất máy cho ngành dệt, may và da | 20 | 20 | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Cơ sở sản xuất kinh doanh |
| 2119 | CÔNG TY TNHH THÊU VIỆT PHÁP | 259 ấp mới 1 | Sản xuất vải dệt kim, vải dan móc và vải không dệt khác | 20 | 20 | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Cơ sở sản xuất kinh doanh |
| 2120 | Chi Nhánh Công Ty TNHH Sản Xuất Giày Dép Huy Hoàng | 28/3 Ấp Mới 1 | Sản xuất giày dép | 5 | 5 | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Cơ sở sản xuất kinh doanh |
| 2121 | CÔNG TY TNHH CƠ ĐIỆN LẠNH TÂM PHÚC | 33/4A, Ấp Mới 1 | Sửa chữa thiết bị điện | 36 | 36 | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Cơ sở sản xuất kinh doanh |
| 2122 | Chi Nhánh Công Ty TNHH Phân Bón An Dân - Xưởng Sản Xuất | 32/4B Ấp Mới 1 | Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ | 10 | 10 | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Cơ sở sản xuất kinh doanh |
| 2123 | CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT MÔ HÌNH THỰC PHẨM | 26/5E Ấp Mới 1 | Sản xuất sản phẩm từ plastic | 10 | 10 | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Cơ sở sản xuất kinh doanh |
| 2124 | CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI TÂN MINH NGỌC | 2/6C Đường Trung Mỹ, Ấp Mới 1 | Sản xuất vali, túi xách và các loại tương tự, sản xuất yên đệm | 25 | 25 | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Cơ sở sản xuất kinh doanh |
| 2125 | CÔNG TY TNHH PLASTIC VIỆT NAM | Số A7 Khu dân cư ấp Mới 1, đường Liên xã Tân Xuân - Trung Ch | Sản xuất sản phẩm từ plastic | 10 | 10 | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Cơ sở sản xuất kinh doanh |
| 2126 | CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ XUẤT NHẬP KHẨU STK | 90/2F Đường Trung Mỹ-Tân Xuân, Ấp Mới 1 | May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú) | 10 | 10 | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Cơ sở sản xuất kinh doanh |
| 2127 | CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI CƠ KHÍ LẬP PHÚC | 300/1 Ấp Mới 1 | Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại | 5 | 5 | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Cơ sở sản xuất kinh doanh |
| 2128 | CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI NHÔM KÍNH VẠN ĐẠI PHÁT | 22/9B Đường Tân Xuân 3B, Ấp Mới 1 | Sản xuất các cấu kiện kim loại | 5 | 5 | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Cơ sở sản xuất kinh doanh |
| 2129 | CÔNG TY TNHH TM DV PHƯƠNG MINH PHÁT | 25/3A Đường Trung Mỹ - Tân Xuân, Ấp Mới 1 | Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh | 24 | 24 | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Cơ sở sản xuất kinh doanh |
| 2130 | CÔNG TY TNHH V2G PACKAGING | 113/8 Tân Xuân 2, Ấp Mới 1 | Sản xuất sản phẩm từ plastic | 10 | 10 | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Cơ sở sản xuất kinh doanh |
| 2131 | Công Ty TNHH May Hoàng Gia | 58/3 Đường Tân Xuân 6, Ấp Mỹ Hòa 3 | Sản xuất vali, túi xách và các loại tương tự, sản xuất yên đệm | 20 | 20 | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Cơ sở sản xuất kinh doanh |
| 2132 | CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ XÂY DỰNG ĐỈNH CAO | 62/2T Ấp Mỹ Hòa 3 | Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng | 10 | 10 | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Cơ sở sản xuất kinh doanh |

| | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 2133 | CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN MAY MẶC SÁN XUẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ XUẤT NHẬP KHẨU ĐỨC LONG- X | 31/5C Trung Mỹ, Ấp Mỹ Hòa 3 | Sản xuất hàng may sẵn (trừ trang phục) | 10 | 10 | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Cơ sở sản xuất kinh doanh |
| 2134 | CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ ĐỒNG TÂM HỌ | 71/5 ấp Mỹ Hòa 3 | Sản xuất bột giấy, giấy và bìa | 10 | 10 | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Cơ sở sản xuất kinh doanh |
| 2135 | CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI SẢN XUẤT BÓNG MỸ Á | 62/6X Ấp Mỹ Hòa 3 | Sản xuất khác chưa được phân vào đâu | 24 | 24 | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Cơ sở sản xuất kinh doanh |
| 2136 | CÔNG TY TNHH JONG JIN VINA | 58/6 Mỹ Hòa 3 | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu | 60 | 60 | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Cơ sở sản xuất kinh doanh |
| 2137 | CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ THƯƠNG MẠI VÀ XÂY DỰNG HUỲNH ANH HÀO | 20/3 đường Trung Mỹ, ấp Mỹ Hòa 3 | Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại | 12 | 12 | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Cơ sở sản xuất kinh doanh |
| 2138 | CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ MAY CÔNG NGHIỆP THIÊN CHÍ | 57/3Đ Đường Tân Xuân 6, Ấp Mỹ Hòa 3 | May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú) | 20 | 20 | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Cơ sở sản xuất kinh doanh |
| 2139 | CÔNG TY TNHH PHẠM NGUYÊN VINA | 58/2C ấp Mỹ Hòa 3 | Hoàn thiện sản phẩm dệt | 24 | 24 | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Cơ sở sản xuất kinh doanh |
| 2140 | CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ ĐIỆN TRƯỜNG THUẬN | 33/2A Mỹ Hoà 3 | Sửa chữa thiết bị điện | 30 | 30 | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Cơ sở sản xuất kinh doanh |
| 2141 | CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ ĐIỆN TRƯỜNG THUẬN | 33/4N Mỹ Hòa 3 | Sửa chữa thiết bị điện | 30 | 30 | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Cơ sở sản xuất kinh doanh |
| 2142 | CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI ARA | 58/3c Ấp Mỹ Hòa 3 | Sản xuất kim loại quý và kim loại màu | 5 | 5 | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Cơ sở sản xuất kinh doanh |
| 2143 | CÔNG TY CỔ PHẦN NHÔM KÍNH MINH PHÁT | Số 57/4E Mỹ Hòa 3 | Sản xuất khác chưa được phân vào đâu | 24 | 24 | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Cơ sở sản xuất kinh doanh |
| 2144 | CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ KỸ THUẬT ĐIỆN LẠNH THIỆN PHÚC | Số 61/5B Đường 07, Ấp Mỹ Hoà 3 | Sửa chữa thiết bị khác | 60 | 60 | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Cơ sở sản xuất kinh doanh |
| 2145 | CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH PHẠM NGUYÊN VINA | 70/6, Ấp Mỹ Hòa 3 | Hoàn thiện sản phẩm dệt | 24 | 24 | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Cơ sở sản xuất kinh doanh |
| 2146 | CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ SKY GEM | 62/3S Tân Xuân, Ấp Mỹ Hoà 3 | Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi | 60 | 60 | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Cơ sở sản xuất kinh doanh |
| 2147 | CỬA HÀNG CO.OP FOOD TÂN XUÂN | 33/4A Ấp Mới 1 | Bán lẻ nhóm sản phẩm theo danh mục | 3 | 3 | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Cơ sở sản xuất kinh doanh |
| 2148 | CỬA HÀNG THỰC PHẨM TIỆN LỢI SATRAFOODS | 143 Lê Thị Hà, Ấp Đình | Bán lẻ nhóm sản phẩm theo danh mục | 3 | 3 | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Cơ sở sản xuất kinh doanh |
| 2149 | ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH WINMART+ HCM 353 | 33/4 Trung Mỹ - Tân Xuân | Bán lẻ nhóm sản phẩm theo danh mục | 3 | 3 | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Cơ sở sản xuất kinh doanh |
| 2150 | CỬA HÀNG BÁCH HÓA XANH 33 TRUNG MỸ | 33/4F Trung Mỹ - Tân Xuân, Ấp Mới 1 | Bán lẻ nhóm sản phẩm theo danh mục | 5 | 5 | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Cơ sở sản xuất kinh doanh |
| 2151 | CÔNG TY TNHH OSUNG VINA - PHÂN XƯỞNG 1 | 8/6B ẤP CHÁNH 2, XÃ TÂN XUÂN, HUYỆN HÓC MÔN | DỆT, MAY, THÊU, ĐAN | 36 | 36 | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Cơ sở sản xuất kinh doanh |
| 2152 | CÔNG TY TNHH SX TM DV MINH THÔNG | 1/4A ẤP ĐÌNH, XÃ TÂN XUÂN, HUYỆN HÓC MÔN | CÁC SP NHỰA, TÚI NHỰA | 36 | 36 | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Cơ sở sản xuất kinh doanh |
| 2153 | CÔNG TY LIÊN DOANH VIỆT ĐÀI | 1/5A ẤP ĐÌNH, XÃ TÂN XUÂN, HUYỆN HÓC MÔN | GIA CÔNG GIẤY | 36 | 36 | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Cơ sở sản xuất kinh doanh |
| 2154 | CÔNG TY TNHH SHENG TENG VIET NAM | 18/4 LÊ THỊ HÀ, ẤP CHÁNH, XÃ TÂN XUÂN, HUYỆN HÓC MÔN | CÁC SP NHỰA, TÚI NHỰA | 36 | 36 | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Cơ sở sản xuất kinh doanh |
| 2155 | CÔNG TY TNHH SX TM DV TOÀN NĂNG | 3/96A ẤP ĐÌNH, XÃ TÂN XUÂN, HUYỆN HÓC MÔN | THỦ CÔNG MỸ NGHỆ, CHẾ BIẾN GỖ... | 20 | 20 | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Cơ sở sản xuất kinh doanh |
| 2156 | CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH MTV SX TM THUẬN ĐẠT | 6/4N ẤP MỚI 1, XÃ TÂN XUÂN, HUYỆN HÓC MÔN | DỆT, MAY, THÊU, ĐAN | 10 | 10 | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Cơ sở sản xuất kinh doanh |
| 2157 | CÔNG TY TNHH TM - SX BHLĐ THÚY DƯƠNG | 64/7A TÂN XUÂN 2, ẤP CHÁNH 1, XÃ TÂN XUÂN, HUYỆN HÓC MÔN | DỆT, MAY, THÊU, ĐAN | 10 | 10 | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Cơ sở sản xuất kinh doanh |
| 2158 | Trạm Y tế xã Tân Xuân | 902 Quốc lộ 22, ấp Chánh 2 | | 23 | 23 | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Cơ sở y tế |
| 2159 | Trần Thị Hương | 2/82 Lê Thị Hà ấp Đình X.Tân Xuân | | 36 | 36 | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Cơ sở y tế |
| 2160 | Trần Thế Viện | 2/82 ấp Đình X.Tân Xuân | | 36 | 36 | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Cơ sở y tế |
| 2161 | Nguyễn Trần Hữu Tuấn | 260/2K ấp Chánh 1 X.Tân Xuân | | 60 | 60 | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Cơ sở y tế |

| | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 2162 | CÔNG TY TNHH NHA KHOA NHÂN HÒA | Số 45/1A Lê Thị Hà, Ấp Chánh 1 | | 60 | 60 | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Cơ sở y tế |
| 2163 | HỘ KINH DOANH PHÒNG KHÁM CHUYÊN KHOA NHI ĐỒNG SÀI GÒN DR. PHƯỚC - HÓC MÔN | 50B Lê Thị Hà, ấp Chánh 2 | | 36 | 36 | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Cơ sở y tế |
| 2164 | Phòng khám Nhi đồng 315 | 2/83A Lê Thị Hà, ấp Dinh | | 36 | 36 | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Cơ sở y tế |
| 2165 | Phòng khám Phụ sản 315 | 34A Lê Thị Hà, ấp Chánh 2 | | 36 | 36 | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Cơ sở y tế |
| 2166 | Nha khoa Quốc tế Mỹ Anh Luxury | 45/3 Lê Thị Hà, ấp Chánh 1 | | 36 | 36 | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Cơ sở y tế |
| 2167 | NHA KHOA Y ĐỨC | 3/112 Ấp Dinh | | 36 | 36 | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Cơ sở y tế |
| **IX** | **Xã Tân Hiệp** | | | | | | | |
| 2168 | Công ty TNHH La Cao | 145/8F ấp Tân Thới 2 xã Tân Hiệp | SX bánh trung thu | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 2169 | Công ty TNHH Công Nghệ Thực Phẩm Nhật Hồng | tổ 7 ấp Thới Tây 1 xã Tân Hiệp | SX đồ uống đóng chai từ nha đam | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 2170 | Doanh Nghiệp Tư Nhân Tuấn Phúc | 30/6 ấp Tân Hòa, xã Tân Hiệp, huyện Hóc Môn | bãi cát | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 2171 | Công TNHH MTV - DV - TM và Xây dựng Thiên Ân | 30/4D ấp Tân Hòa, xã Tân Hiệp | bãi cát | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 2172 | CN DNTN Minh Mẫn | ấp Tân Hòa xã Tân Hiệp | bãi cát | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 2173 | Công ty TNHH TM Đại Hạnh Phúc | 38/7C ấp Thới Tây 2, xã Tân Hiệp | buôn bán mỗ động vật | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 2174 | Công ty TNHH May xuất khẩu Việt Mỹ | 27 Đỗ Văn Dậy, ấp Tân Thới I, xã Tân Hiệp | may mặc | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 2175 | Cơ sở Quang Khánh | 17/1 ấp Thới Tây 1, xã Tân Hiệp | bãi cát | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 2176 | Công ty TNHH SX TM XD Vương Nam | 144/3M ấp Tân Thới 2, xã Tân Hiệp | sơn tĩnh điện | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 2177 | CN DNTN Lê Thanh Sơn | 145/2H ấp Tân Thới 2, xã Tân Hiệp | Sx suất ăn công nghiệp | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 2178 | Công ty TNHH Đông Tiến | 6 Đỗ Văn Dậy, ấp Tân Hoà, xã Tân Hiệp | kho đông lạnh thủy sản | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 2179 | Công ty CP TM DV Đức Toàn | 31/3 ấp Tân Hòa, Tân Hiệp | buôn bán vật liệu xây dựng | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 2180 | Công ty TNHH MTV Kinh Doanh xăng dầu Lý Quý & LQ - Cửa hàng xăng dầu 317 | 139 Đường Lê Lợi xã Tân Hiệp | cây xăng | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 2181 | HKD Quang Long | 17/1 ấp Thới Tây 1, xã Tân Hiệp | buôn bán vật liệu xây dựng | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 2182 | DNTN In lụa Minh Anh | 143/5L ấp Tân Thới 2, Tân Hiệp | in lụa | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 2183 | Công ty TNHH SX Hiệp Tâm | 99/1K ấp Tân Thới 2, Tân Hiệp | sơn tĩnh điện | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 2184 | Cơ sở Liên Trình | 30/9A ấp Tân Hòa xã Tân Hiệp | nấu nhôm | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 2185 | Công ty TNHH SX Thức ăn gia súc Việt Anh | 22/2G Đỗ Văn Dậy ấp Tân Thới 1 xã Tân Hiệp | SX thức ăn gia súc | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 2186 | CS Nguyễn Minh Hoàng | 163/1D ấp Thới Tây 2, xã Tân Hiệp | hủ tiếu | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 2187 | DNTN Đức Hiền | 182/4E ấp Thới Tây 3, xã Tân Hiệp | bãi cát | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 2188 | Công ty TNHH Đại Hạnh Phúc | 178/6A ấp Tân Thới 3, xã Tân Hiệp | buôn bán mỗ động vật | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 2189 | HKD Đông Phát | 30/1B Thới Tây 1 | sấy hèm | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 2190 | Công ty TNHH Thuận Long | 182/6D ấp Tân Thới 3, Tân Hiệp | SX phân bón | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |

| | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 2191 | Công ty TNHH May Thêu Long Vân | 57/7E Thới Tây 2, xã Tân Hiệp | may nón | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 2192 | Công ty TNHH SX Bao Bì Tân Thuận Thiện | 19/2M Tổ 9, ấp Thới Tây 1, xã Tân Hiệp | SX bao bì nhựa | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 2193 | Công ty TNHH MTV Giao Nguyễn | 183/1D Hương lộ 65, tổ 5, ấp Tân Thới 3 | SX tấm nhựa làm đế giày | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 2194 | Công ty TNHH DV TM NNP | ấp Thới Tây 1, xã Tân hiệp | thu gom chất thải nguy hại | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 2195 | Công ty CP SX TM Huỳnh Minh | 145/8 ấp Tân Thới 2, xã Tân Hiệp | hạt điều | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 2196 | Công ty CP nệm Sao Vàng | 14 ấp Rỗng Bàng, ấp Thới Tây 1, xã Tân Hiệp | Sx salon nệm | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 2197 | Chi nhánh Công ty TNHH SX TM Châu Hồng Sơn | 36/7 Rỗng Bàng, ấp Thới Tây 1, xã Tân Hiệp | mua bán giấy phế liệu | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 2198 | HKD Hưng Thịnh Phát | 25/7 ấp Tân Hòa xã Tân Hiệp, huyện Hóc Môn | SX giấy | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 2199 | Công ty TNHH T& N | 64/3F ấp Thới Tây 2 xã Tân Hiệp | SX bột trét tường | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 2200 | HKD Thu Hoài | 12/4D ấp Thới Tây 1 xã Tân Hiệp | SX nước rửa chén | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 2201 | HKD Võ Văn E | 38/5 ấp Thới Tây 2, xã Tân Hiệp | cào bông vải | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 2202 | HKD Thanh Tâm | 20/9N Thới Tây 1, xã Tân Hiệp | SX phễu thoát nước bằng inox | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 2203 | Công ty TNHH thức ăn gia súc Minh Phát | 30/1B ấp Thới Tây 1 xã Tân Hiệp, huyện Hóc Môn | sấy hèm | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 2204 | Công ty TNHH SX TM Bảo Phúc (xưởng sản xuất gia công đồ gỗ) | 10/7 Đỗ Văn Dậy xã Tân Hiệp, huyện Hóc Môn | Sx đồ làm bếp bằng gỗ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 2205 | Công ty TNHH TM SX bao bì Tân Thịnh Phát (xưởng gia công thùng giấy carton) | 15/2K Huỳnh Thị Mài ấp Thới Tây 1 xã Tân Hiệp | bao bì giấy | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 2206 | Công ty TNHH SX TM DV Minh Hạnh | | Sx đồ gỗ nội thất | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 2207 | Công ty TNHH nước đá Ích Phát | | SX nước đá | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 2208 | Công ty TNHH Bao bì giấy Tân Hòa Hiệp | 30/5 Tân Hòa, Tân Hiệp | SX bao bì giấy | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 2209 | Công ty TNHH An Thiên | | SX bao bì giấy | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| 2210 | Công ty TNHH SX-TM Phạm Thu | | SX bao bì giấy carton | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Doanh nghiệp |
| **X** | **Xã Tân Thới Nhì** | | | | | | | |
| 2211 | Công Ty TNHH Sản Xuất Phước Đạt | | Sản xuất gia công mua bán quần áo,giặt,hấp,sấy,tẩy nhuộm... | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Cơ sở sản xuất kinh doanh |
| 2212 | Công ty TNHH Logistik Unicorp VN | | may mặc | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Cơ sở sản xuất kinh doanh |
| 2213 | Công ty Shingsung Vina | | May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú) | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Cơ sở sản xuất kinh doanh |
| 2214 | Công ty TNHH Sản xuất thương mại & In bao bì Tân Hải Thành (Multipack) | | In bao bì | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Cơ sở sản xuất kinh doanh |
| 2215 | Chinh nhánh Công ty TNHH máy dược phẩm T&T Hải Truyền | | Mua bán máy móc thiết bị công nghiệp. Chế tạo máy và phụ tùng ngành dược (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện)./. | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Cơ sở sản xuất kinh doanh |
| 2216 | Chi nhánh Công ty TNHH Lợi Lợi Dân | | sản xuất các sản phẩm từ nhựa | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Cơ sở sản xuất kinh doanh |
| 2217 | Chi nhánh Công ty TNHH Sản xuất - Thương mại- Xuất nhập khẩu Ngọc Liên | | Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Cơ sở sản xuất kinh doanh |

| | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 2218 | Công ty TNHH Bao bì giấy Magix | | bao bì | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Cơ sở sản xuất kinh doanh |
| 2219 | Công ty TNHH Impromundi | | may mặc | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Cơ sở sản xuất kinh doanh |
| 2220 | Công ty TNHH Đầu tư Dịch vụ TKD | | Trạm ép giấy | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Cơ sở sản xuất kinh doanh |
| 2221 | Công ty TNHHTMHC Nam Bình | | Hóa chất | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Cơ sở sản xuất kinh doanh |
| 2222 | Công ty TNHH FCN Vina | | may mặc | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Cơ sở sản xuất kinh doanh |
| 2223 | Công Ty TNHH Sản Xuất và Thương Mại Thực Phẩm Cao Vi (Givi) | | Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Cơ sở sản xuất kinh doanh |
| 2224 | Công ty TNHH Tân Bửu Hưng | | cơ khí | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Cơ sở sản xuất kinh doanh |
| 2225 | Chi nhánh công ty TNHH đá hoa cương Hoàng Nhung | | chế tác đá hoa cương | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Cơ sở sản xuất kinh doanh |
| 2226 | Công ty TNHH vi tính P.K | | cơ khí | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Cơ sở sản xuất kinh doanh |
| 2227 | Công ty TNHH Đông Nam Á | | cán vải | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Cơ sở sản xuất kinh doanh |
| 2228 | Công ty TNHH TM gỗ Trần Gia | | sản xuất gỗ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Cơ sở sản xuất kinh doanh |
| 2229 | Công ty TNHH Livas Sài Gòn | | Ván ép | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Cơ sở sản xuất kinh doanh |
| 2230 | Công Ty TNHH O.D.S Vina | | May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú) | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Cơ sở sản xuất kinh doanh |
| 2231 | Công ty TNHH Giày Thái Dương | | giày | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Cơ sở sản xuất kinh doanh |
| 2232 | Công ty TNHH lưới thép Duy Thạnh | | sản xuất lưới thép | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Cơ sở sản xuất kinh doanh |
| 2233 | Công ty TNHH Kinseo | | Bán buôn inox | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Cơ sở sản xuất kinh doanh |
| 2234 | Công ty Dệt kim Hiệp Phong | | dệt kim | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Cơ sở sản xuất kinh doanh |
| 2235 | Công ty TNHH in Thiên Ngôn | | in | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Cơ sở sản xuất kinh doanh |
| 2236 | Công ty TNHH Toàn Năng | | sản xuất dụng cụ bếp | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Cơ sở sản xuất kinh doanh |
| 2237 | Công ty TNHH may công nghiệp Việt Nhật | | may mặc | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Cơ sở sản xuất kinh doanh |
| 2238 | Công ty TNHH Bags Connection Vina | | may ba lô, túi xách | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Cơ sở sản xuất kinh doanh |
| 2239 | Công ty TNHH ChengChang | | sản xuất đế giày, gót giày | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Cơ sở sản xuất kinh doanh |
| 2240 | Chi nhánh Công ty TNHH Thương Mại công nghiệp giấy Vĩnh Thịnh | | sản xuất giấy | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Cơ sở sản xuất kinh doanh |
| 2241 | Công ty TNHH XNK Song Huỳnh | | Ván MDF | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Cơ sở sản xuất kinh doanh |
| 2242 | Công Ty TNHH Sản Xuất Nhãn Thế Giới | | Sản xuất các loại hàng dệt khác chưa được phân vào đâu | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Cơ sở sản xuất kinh doanh |
| 2243 | Chi nhánh Công ty TNHH Tam Lập | | sản xuất các linh kiện cấp thoát nước | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Cơ sở sản xuất kinh doanh |
| 2244 | DNTN Linh Kỳ | | In và dập hộp, lon thiếc | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Cơ sở sản xuất kinh doanh |
| 2245 | Chi nhánh công ty TNHH MTV Matec | | Bán buôn, sửa chữa máy móc | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Cơ sở sản xuất kinh doanh |
| 2246 | Chi nhánh công ty TNHH DVTM Chơn Thành - Nhà máy sản xuất rọ đá Á Châu | | sản xuất lưới thép | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Cơ sở sản xuất kinh doanh |
| 2247 | Công ty TNHH Sản xuất Hải Hà | | sản xuất gạo lức sấy | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Cơ sở sản xuất kinh doanh |

| | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 2248 | Coông ty cổ phần quốc tế Mít | | mít sấy | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Cơ sở sản xuất kinh doanh |
| 2249 | Cửa hàng HONDA Tân Long Vân | | cửa hàng xe máy HONDA | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Cơ sở sản xuất kinh doanh |
| 2250 | Cửa hàng Yamaha | | cửa hàng xe máy YAMAHA | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Cơ sở sản xuất kinh doanh |
| 2251 | Chi nhánh số 27 - Công ty Cổ phần vật tư xăng dầu | | buôn bán xăng dầu | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Cơ sở sản xuất kinh doanh |
| 2252 | Cửa hàng xăng dầu Lam Sơn | | buôn bán xăng dầu | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Cơ sở sản xuất kinh doanh |
| 2253 | Vinmart | | cửa hàng tiện lợi | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Cơ sở sản xuất kinh doanh |
| 2254 | Bách hóa xanh | | cửa hàng tiện lợi | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Cơ sở sản xuất kinh doanh |
| 2255 | Satrafood | | cửa hàng tiện lợi | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Cơ sở sản xuất kinh doanh |
| 2256 | Satrafood | | cửa hàng tiện lợi | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Cơ sở sản xuất kinh doanh |
| 2257 | Con cưng | | cửa hàng tiện lợi | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Cơ sở sản xuất kinh doanh |
| 2258 | Con cưng | | cửa hàng tiện lợi | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Cơ sở sản xuất kinh doanh |
| 2259 | HKD Nguyễn Văn Em | | Sản xuất bánh ướt, hành phi (lò điện) | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Cơ sở sản xuất kinh doanh |
| 2260 | HKD Phạm Thị Thục Anh | | Chế biến thực phẩm từ hạt cà phê: xay, đóng bao bì cà phê bột | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Cơ sở sản xuất kinh doanh |
| 2261 | HKD Phạm Thị Ánh Tuyết | | Làm sữa chua | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Cơ sở sản xuất kinh doanh |
| 2262 | HKD Nguyễn Thị Xuân Trang | | Sản xuất bánh ướt | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Cơ sở sản xuất kinh doanh |
| 2263 | HKD Bùi Thị Bích Hòa | | mua bán<br>từ thịt, thủy hải sản | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Cơ sở sản xuất kinh doanh |
| 2264 | HKD Nguyễn Văn Tuấn | | Sản xuất bún, bánh phở | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Cơ sở sản xuất kinh doanh |
| 2265 | HKD Diệp Thị Mỹ Vân | | Sản xuất hủ tíu | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Cơ sở sản xuất kinh doanh |
| 2266 | HKD Bùi Thị Kim Lài | | Sản xuất bánh mì | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Cơ sở sản xuất kinh doanh |
| 2267 | HKD Đinh Công Quyên | | Sản xuất bánh ướt | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Cơ sở sản xuất kinh doanh |
| 2268 | HKD Nguyễn Thị Hiền | | Sản xuất hủ tiếu | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Cơ sở sản xuất kinh doanh |
| 2269 | HKD Cao Thị Thu Vân | | Sản xuất chạo | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Cơ sở sản xuất kinh doanh |
| 2270 | HKD Nguyễn Quang Phong | | Sản xuất hủ tiếu | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Cơ sở sản xuất kinh doanh |
| 2271 | HKD Bốn Hồng | | sản xuất đậu hủ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Cơ sở sản xuất kinh doanh |
| 2272 | HKD Lưu Vương Hoàng | | Sản xuất bánh chưng | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Cơ sở sản xuất kinh doanh |
| 2273 | HKD Nguyễn Văn Danh | | Sản xuất bánh mì | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Cơ sở sản xuất kinh doanh |
| 2274 | HKD Nguyễn Hùng Cường | | Chế biến thực phẩm: gia công quay thịt heo, gà, vịt | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Cơ sở sản xuất kinh doanh |
| 2275 | HKD Phùng Tuấn Triển | | Sản xuất đậu hủ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Cơ sở sản xuất kinh doanh |
| 2276 | HKD Lê Văn Cường | | Sản xuất bánh hỏi | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Cơ sở sản xuất kinh doanh |
| 2277 | HKD Lê Thị Cẩm Loan | | Chế biến con ruốc tẩm sấy gia vị | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Cơ sở sản xuất kinh doanh |

| | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 2278 | HKD Bùi Thành Nhơn | | Chế biến củ hành phi, tỏi phi, hành sấy | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Cơ sở sản xuất kinh doanh |
| 2279 | HKD Thái Thị Phụng | | Chế biến củ hành phi, tỏi phi, hành sấy | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Cơ sở sản xuất kinh doanh |
| 2280 | HKD Lê Hữu Hưng | | Sản xuất hủ tiếu | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Cơ sở sản xuất kinh doanh |
| 2281 | HKD Đặng Văn Thủ | | Sản xuất hủ tiếu | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Cơ sở sản xuất kinh doanh |
| 2282 | HKD Bánh hỏi Quới | | Sản xuất bánh hỏi | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Cơ sở sản xuất kinh doanh |
| 2283 | HKD Trịnh Kế Chiếu | | Sản xuất bún tươi | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Cơ sở sản xuất kinh doanh |
| 2284 | HKD Võ Thị Thu Mai | | Sản xuất hủ tiu | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Cơ sở sản xuất kinh doanh |
| 2285 | HKD Lâm Minh Tuấn | | Sản xuất hủ tiếu | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Cơ sở sản xuất kinh doanh |
| 2286 | HKD Huỳnh Thị Thúy | | Sản xuất hủ tiếu | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Cơ sở sản xuất kinh doanh |
| 2287 | HKD Vũ Thị Viện | | Sản xuất đậu hũ | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Cơ sở sản xuất kinh doanh |
| 2288 | HKD Nguyễn Công Tân | | Sản xuất bánh phở | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Cơ sở sản xuất kinh doanh |
| 2289 | HKD Lê Phương Mai | | Sản xuất bánh mì | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Cơ sở sản xuất kinh doanh |
| 2290 | HKD Bánh mì Tư Có | | sản xuất bánh mì | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Cơ sở sản xuất kinh doanh |
| 2291 | HKD Nguyễn Quang Chung | | Cơ sở làm giò chả | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Cơ sở sản xuất kinh doanh |
| 2292 | HKD Nguyễn Đức Chính | | Sản xuất bún' | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Cơ sở sản xuất kinh doanh |
| 2293 | HKD Nguyễn Quang Đức | | Chế biến giò lụa, chả; Gia công công quay heo, gà, vịt | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Cơ sở sản xuất kinh doanh |
| 2294 | HKD Nguyễn Thị Vinh | | Sản xuất giò chả | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Cơ sở sản xuất kinh doanh |
| 2295 | HKD Phạm Long Vinh | | Sản xuất bánh mì | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Cơ sở sản xuất kinh doanh |
| 2296 | HKD Lê Vũ Linh | | Sản xuất bánh mì | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Cơ sở sản xuất kinh doanh |
| 2297 | HKD Nguyễn Minh Tùng | | Sản xuất bánh mì điện | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Cơ sở sản xuất kinh doanh |
| 2298 | HKD Trần Ngọc Tài | | Quay gia công thịt heo | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Cơ sở sản xuất kinh doanh |
| 2299 | HKD Trần Văn Học | | Sản xuất chả lụa | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Cơ sở sản xuất kinh doanh |
| 2300 | HKD Bi Bo | | Sản xuất, chế biến cơm sấy | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Cơ sở sản xuất kinh doanh |
| 2301 | HKD Bi Bi | | Sản xuất cơm sấy | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Cơ sở sản xuất kinh doanh |
| 2302 | HKD Lữ Thị Trường | | ép dầu phộng | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Cơ sở sản xuất kinh doanh |
| 2303 | HKD Nguyễn Quang Hồng | | Xay xát gạo | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Cơ sở sản xuất kinh doanh |
| 2304 | HKD Lê Văn Đẹp | | Rang đậu hạt, ép dầu | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Cơ sở sản xuất kinh doanh |
| 2305 | HKD Nguyễn Thị Nở | | Cơ sở ép dầu phộng | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Cơ sở sản xuất kinh doanh |
| 2306 | HKD Nguyễn Minh Hiếu | | Cơ sở mua bán, dầu công nghiệp | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Cơ sở sản xuất kinh doanh |
| 2307 | Tiệm vàng Vĩnh Phát | | Bán vàng trang sức | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Cơ sở sản xuất kinh doanh |

| | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 2308 | Tiệm vàng Kinh Khánh Phương Đông | | Bán vàng trang sức | | | 100% | Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý | Cơ sở sản xuất kinh doanh |

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN HÓC MÔN

**Phụ lục 31**

**BẢNG TỔNG HỢP THÔNG TIN VỀ CHẤT THẢI Y TẾ NGUY HẠI TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN HÓC MÔN**

| TT | Tên – Dự án | Địa chỉ | Loại hình | Giấy phép môi trường | CTNH nguy hại không lây nhiễm (kg/năm) | Phương án xử lý |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Trung tâm Y tế huyện Hóc Môn (quy mô 14 giường, số lao động 209, diện tích cơ sở 4436,7m$^2$) | 75 Bà Triệu, Khu phố 1, Thị Trấn Hóc Môn, huyện Hóc Môn | Công lập | Đang thực hiện | 70 | Hợp đồng Chuyển giao Công ty TNHH MTV Môi trường đô thị Tp.HCM thu gom, xử lý (Hợp đồng số: 305/HĐ.MTĐT-NH/24.4.VX kí ngày 23/2/2024) |
| 2 | TYT NHỊ BÌNH | 368 Bùi Công Trừng, ấp 4, xã Nhị Bình | Công lập | Chưa có | 7,5 | |
| 3 | TYT ĐÔNG THẠNH | 07 ấp 7, đường Đông Thạnh 4-2, ấp 4, xã Đông Thạnh | Công lập | Chưa có | 8,5 | |
| 4 | TYT THỚI TAM THÔN | 683 Trịnh Thị Miếng, ấp Thới Tứ, xã Thới Tam Thôn | Công lập | Chưa có | 9 | |
| 5 | TYT TÂN HIỆP | 31 đường Tân Hiệp 14, ấp Thới Tây 2, xã Tân Hiệp | Công lập | Chưa có | 9,5 | |
| 6 | TYT TÂN THỚI NHÌ | 07 Nguyễn Thị Nuôi, ấp Thống Nhất 1, xã Tân Thới Nhì | Công lập | Chưa có | 8,5 | |
| 7 | TYT TÂN XUÂN | 902 Quốc lộ 22, ấp Chánh 2, xã Tân Xuân | Công lập | Chưa có | 9 | |
| 8 | TYT BÀ ĐIỂM | 93 ấp Tiền Lân, xã Bà Điểm | Công lập | Chưa có | 7 | |
| 9 | TYT XUÂN THỚI ĐÔNG | 312 đường Võ Thị Hồi, ấp Xuân Thới Đông 1, xã Xuân Thới Đông | Công lập | Chưa có | 10,5 | |
| 10 | TYT XUÂN THỚI SƠN | Đường Lê Thị Kim ấp 3, xã Xuân Thới Sơn | Công lập | Chưa có | 11 | |
| 11 | TYT XUÂN THỚI THƯỢNG | 1199 đường Phan Văn Hớn, ấp 4, xã Xuân Thới Thượng | Công lập | Chưa có | 9 | |
| | **Tổng cộng** | | | | **159,5** | |

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN HÓC MÔN

**Phụ lục 33**

**BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHỈ TIÊU 18.4 VÀ 18.5 VỀ AN TOÀN THỰC PHẨM CỦA 10 XÃ XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI NÂNG CAO**

| Số tt | Tên tiêu chí | Nội dung tiêu chí | Chỉ tiêu TP. HCM | Kết quả, tiến độ thực hiện của 10 xã nông thôn mới | | | | | | | | | | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Bà Điểm | Đông Thạnh | Thới Tam Thôn | Xuân Thới Thượng | Xuân Thới Đông | Xuân Thới Sơn | Nhị Bình | Tân Xuân | Tân Hiệp | Tân Thới Nhì | |
| 18 | Chất lượng môi trường sống | 18.4. Tỷ lệ chủ thể hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm hàng năm được tập huấn và tuân thủ các quy định về an toàn thực phẩm | 100% | Đạt<br>Năm 2022. Ủy ban nhân dân xã đã ban hành Thông báo số 846/TB-UBND ngày 10 tháng 5 năm 2022 về tổ chức tập huấn tuyên truyền an toàn thực phẩm cho các chủ cơ sở sản xuất, kinh doanh dịch vụ ăn uống trên địa bàn xã. Đạt 100%.(153/153) | Đạt<br>Năm 2023. Ủy ban nhân dân xã đã ban hành Kế hoạch số 2460/KH-UBND ngày 18 tháng 7 năm 2023 về Kế hoạch tổ chức tập huấn kiến thức an toàn thực phẩm cho các chủ cơ sở sản xuất, kinh doanh dịch vụ ăn uống trên địa bàn xã năm 2023. Đạt 100%.(215/215) | Đạt<br>Năm 2023. Ủy ban nhân dân xã đã ban hành Kế hoạch số 365/KH-UBND ngày 14 tháng 3 năm 2023 về tuyên truyền, tập huấn về đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm trên địa bàn xã năm 2023. Đạt 100%.(138/138) | Đạt<br>Năm 2023. Ủy ban nhân dân xã đã ban hành Kế hoạch số 585/KH-UBND ngày 8 tháng 3 năm 2023 về Kế hoạch tổ chức tuyên truyền Luật an toàn thực phẩm năm 2023. Đạt 100%.(232/232) | Đạt<br>Năm 2023. Ủy ban nhân dân xã đã ban hành Kế hoạch số 2460/KH-UBND ngày 18 tháng 7 năm 2023 về Kế hoạch tổ chức tập huấn kiến thức an toàn thực phẩm cho các chủ cơ sở sản xuất, kinh doanh dịch vụ ăn uống trên địa bàn xã năm 2023. Đạt 100%.(101/101) | Đạt<br>Năm 2023. Ủy ban nhân dân xã đã ban hành Kế hoạch số 954/KH-UBND ngày 21 tháng 7 năm 2023 về Kế hoạch tổ chức tập huấn kiến thức an toàn thực phẩm cho các chủ cơ sở sản xuất, kinh doanh dịch vụ ăn uống trên địa bàn xã năm 2023. Đạt 100%.(137/137) | Đạt<br>Năm 2023. Ủy ban nhân dân xã đã ban hành Kế hoạch số 954/KH-UBND ngày 21 tháng 7 năm 2023 về Kế hoạch tổ chức tập huấn kiến thức an toàn thực phẩm cho các chủ cơ sở sản xuất, kinh doanh dịch vụ ăn uống trên địa bàn xã năm 2023. Đạt 100% (51/51) | Đạt<br>Năm 2023. Ủy ban nhân dân xã đã ban hành Kế hoạch số 635/KH-UBND ngày 7 tháng 4 năm 2023 về Kế hoạch triển khai Tháng hành động an toàn thực phẩm năm 2024, lồng ghép tập huấn kiến thức an toàn thực phẩm cho các chủ cơ sở sản xuất, kinh doanh dịch vụ ăn uống trên địa bàn xã Tân xuân năm 2024. Đạt 100%.(138/138) | Đạt<br>Năm 2023. Ủy ban nhân dân xã đã ban hành Kế hoạch số 693/KH-UBND ngày 17 tháng 4 năm 2023 về Kế hoạch triển khai Tháng hành động an toàn thực phẩm năm 2023, lồng ghép tập huấn kiến thức an toàn thực phẩm cho các chủ cơ sở sản xuất, kinh doanh dịch vụ ăn uống trên địa bàn xã năm 2023. Đạt 100%.(76/76) | Đạt<br>Năm 2023. Trạm Y tế xã đã ban hành Kế hoạch số 13/KH-TYT ngày 17 tháng 4 năm 2023 về Kế hoạch tổ chức tập huấn tuyên truyền an toàn thực phẩm cho các chủ cơ sở sản xuất, kinh doanh dịch vụ ăn uống trên địa bàn xã năm 2023. Đạt 100%.(106/106) | Công văn số 491/YT ngày 19/6/2024 của Phòng Y tế về báo cáo kết quả thực hiện Tiêu chí 18.4 và 18.5 về an toàn thực phẩm của các xã xây dựng nông thôn mới nâng cao gắn với đô thị hóa |
| | | 18.5. Không để xảy ra sự cố về an toàn thực phẩm trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý của xã | Không | Năm 2023 và trong năm 2024,<br>trên địa bàn xã không xảy ra ngộ độc thực phẩm. | | | | | | | | | | |

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN HÓC MÔN

Phụ lục 32

**BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHỈ TIÊU ĐẤT CÂY XANH SỬ DỤNG CÔNG CỘNG TẠI ĐIỂM DÂN CƯ NÔNG THÔN (CHỈ TIÊU 17.12)**

| Nội dung chỉ tiêu | Chỉ tiêu TP. HCM | Kết quả, tiến độ thực hiện của 10 xã nông thôn mới | | | | | | | | | | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Bà Điểm | Đông Thạnh | Thới Tam Thôn | Xuân Thới Thượng | Xuân Thới Đông | Xuân Thới Sơn | Nhị Bình | Tân Xuân | Tân Hiệp | Tân Thới Nhì | |
| | | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | |
| 17.12. Đất cây xanh sử dụng công cộng tại điểm dân cư nông thôn | ≥4m²/ người | 4,07 (308.558/75.767) | 5,19 (394.281/75.937) | 4,3 (54.762/12.738) | 6,36 (477.323/75.050) | 7,07 (192.972/27.286) | 7,52 (42.690/5.680) | 17,18 (300.409/17.487) | 5,16 (168.663/32.687) | 4,1 (165.085/40.299) | 9,07 (286.419/31.591) | Đối với 06 xã không có quy hoạch điểm dân cư nông thôn gồm xã Bà Điểm, Xuân Thới Thượng, Xuân Thới Đông, Nhị Bình, Tân Xuân, Tân Thới Nhì thì đánh giá theo chỉ tiêu đất cây xanh sử dụng công cộng trên địa bàn toàn xã. |

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN HÓC MÔN

**Phụ lục 34**

**BẢNG TỔNG HỢP TỶ LỆ HỘ CÓ NHÀ TIÊU, NHÀ TẮM, BỂ CHỨA NƯỚC SINH HOẠT HỢP VỆ SINH VÀ ĐẢM BẢO 3 SẠCH CỦA 10 XÃ NÔNG THÔN MỚI NÂNG CAO HUYỆN HÓC MÔN**

| STT | Đơn vị | Tổng số *(hộ)* | Nhà tiêu hợp vệ sinh *(hộ)* | Nhà tắm hợp vệ sinh *(hộ)* | Thiết bị chứa nước hợp vệ sinh *(hộ)* | Số hộ có đủ nhà tiêu, nhà tắm, bể chứa nước hợp vệ sinh *(hộ)* | Tỷ lệ hộ có đủ nhà tiêu, nhà tắm, bể chứa nước hợp vệ sinh *(%)* |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Bà Điểm | 18.595 | 18.595 | 18.595 | 18.595 | 18.595 | 100 |
| 2 | Đông Thạnh | 12.743 | 12.743 | 12.743 | 12.743 | 12.743 | 100 |
| 3 | Nhị Bình | 5.366 | 5.366 | 5.366 | 5.366 | 5.366 | 100 |
| 4 | Tân Hiệp | 7.129 | 7.129 | 7.129 | 7.129 | 7.129 | 100 |
| 5 | Tân Xuân | 6.663 | 6.663 | 6.663 | 6.663 | 6.663 | 100 |
| 6 | Tân Thới Nhì | 5.861 | 5.861 | 5.861 | 5.861 | 5.861 | 100 |
| 7 | Thới Tam Thôn | 14.522 | 14.522 | 14.522 | 14.522 | 14.522 | 100 |
| 8 | Xuân Thới Sơn | 9.867 | 9.867 | 9.867 | 9.867 | 9.867 | 100 |
| 9 | Xuân Thới Đông | 6.428 | 6.428 | 6.428 | 6.428 | 6.428 | 100 |
| 10 | Xuân Thới Thượng | 11.030 | 11.030 | 11.030 | 11.030 | 11.030 | 100 |
| **Tổng cộng** | | **98.204** | **98.204** | **98.204** | **98.204** | **98.204** | **100** |

UỶ BAN NHÂN DÂN HUYỆN HÓC MÔN

Phụ lục 35

**KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ THI ĐUA HÀNG NĂM CỦA BAN CHỈ HUY QUÂN SỰ XÃ NÔNG THÔN MỚI NÂNG CAO HUYỆN HÓC MÔN**

| Mức xếp loại hằng năm | Đơn vị | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | xã Nhị Bình | xã Đông Thạnh | Xã Thới Tam Thôn | Xã Bà Điểm | Xã Tân Xuân | Xã Tân Hiệp | Xã Tân Thới Nhì | Xã Xuân Thới Sơn | Xã Xuân Thới Thượng | Xã Xuân Thới Đông |
| **Năm 2021** | Thông báo số 33/TB-BCH ngày 26/01/2022 của Ban chỉ huy Quân sự huyện về kết quả thi đua BCH Quân sự xã | | | | | | | | | |
| Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ | X | X | X | X | X | X | X | X | X | |
| Hoàn thành tốt nhiệm vụ | | | | | | | | | | X |
| **Năm 2022** | Thông báo số 91/TB/BCH ngày 30/11/2022 của Ban chỉ huy Quân sự huyện về kết quả thi đua BCH Quân sự xã | | | | | | | | | |
| Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ | X | | | X | | X | | X | | |
| Hoàn thành tốt nhiệm vụ | | X | X | | X | | X | | X | X |
| **Năm 2023** | Thông báo số 20/TB/BCH ngày 29/11/2023 của Ban chỉ huy Quân sự huyện về kết quả thi đua BCH Quân sự xã | | | | | | | | | |
| Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ | | | | X | | X | | X | X | |
| Hoàn thành tốt nhiệm vụ | X | X | X | | X | | X | | | X |

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN HÓC MÔN

# Phụ lục 36

## DANH MỤC CÁC TUYẾN ĐƯỜNG HUYỆN CỦA HUYỆN HÓC MÔN

| Stt | Tên đường | Điểm đầu | Điểm cuối | Chiều dài đường | Chiều rộng mặt cắt ngang đường | | | | | Diện tích mặt đường | Kết cấu mặt đường | Loại đường | Lộ giới đường theo QH | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | Vỉa hè trái | Mặt đường | Tiểu đảo, dải phân cách | | Vỉa hè phải | | | | | |
| | | | | | | | Dài | Rộng | | | | | | |
| | | | | (m) | (m) | (m) | (m) | (m) | (m) | (m2) | | | (m) | |
| 16 | TỔNG CỘNG | | | 60.503,48 | | | 1.326,00 | | | 428.378,80 | | | | |
| 1 | Bùi Công Trừng | Đặng Thúc Vịnh | Cầu Võng | 5.344,00 | 1,00 | 3,00 | | | 1,00 | 32.064,00 | BTN | huyện | 40 | TB |
| 2 | Đặng Công Binh | Điểm giao Đặng Công Binh thứ nhất | Ranh cầu Bông | 321,00 | 1,50 | | | | 1,50 | 3.210,00 | BTN | huyện | 40 | Tốt, Lực lượng TNXP đã bàn giao lại trong năm 2015, hết hạn bảo hành |
| | | Điểm giao Đặng Công Binh thứ nhất | Nguyễn Văn Bứa | 5511,48 | 1,50 | | | | 1,50 | 55.114,80 | BTN | huyện | 40 | Tốt, Lực lượng TNXP đã bàn giao lại trong năm 2015, hết hạn bảo hành |
| | | Điểm giao Đặng Công Binh thứ hai | Nguyễn Văn Bứa | 100,00 | 1,00 | | | | 1,00 | 600,00 | BTN | huyện | 40 | TB |
| | | Nguyễn Văn Bứa | Ranh Bình Chánh | 2.770,00 | 1,00 | | | | 1,00 | 16.620,00 | BTN | huyện | 40 | TB |
| 3 | Đặng Thúc Vịnh | Quang Trung | Lê Văn Khương | 5.190,00 | 0,5 | 3,00 | | | 0,5 | 31.140,00 | Đá nhựa | huyện | 40 | TB |
| | | Lê Văn Khương | Trịnh Thị Dối | 740,00 | 1,50 | 5,00 | 40,00 | 0,15 | 1,50 | 7.400,00 | BTN | huyện | 40 | Tốt |
| 4 | Đỗ Văn Dậy | Trưng Nữ Vương | Cầu Xáng | 2.644,00 | 1,00 | 3,50 | | | 1,00 | 18.508,00 | BTN | huyện | 40 | TB |
| 5 | Dương Công Khi | Quốc lộ 22 | Tân Thới Nhì 16 | 1.320,00 | 1,00 | 5,50 | | | 1,00 | 7.260,00 | Đá nhựa | huyện | 30 | TB |
| | | Tân Thới Nhì 16 | Ranh huyện Bình Chánh | 5.590,00 | 0,5-2,0 | 7,00 | | | 0,5-2,0 | 39.130,00 | BTN | huyện | | |
| 6 | Nguyễn Thị Nuôi (Hương lộ 60 B cũ) | Quốc lộ 22 | Lê Lợi | 430,00 | 1,00 | 3,00 | | | 1,00 | 2.580,00 | BTN | huyện | 30 | Khá |
| 7 | Trịnh Thị Dối (Hương lộ 80 B cũ) | Kênh Trần Quang Cơ | Lê Văn Khương | 2.628,00 | 1,00 | 3,50 | | | 1,00 | 18.396,00 | BTN | huyện | 25 | Tốt |
| | | Lê Văn Khương | Đặng Thúc Vịnh | 1.680,00 | 1,00 | 3,00 | | | 1,00 | 10.080,00 | BTN | huyện | 25 | TB |
| 8 | Nguyễn Thị Sóc | Quốc lộ 22 | Nguyễn Ảnh Thủ | 1.630,00 | 2,00 | 7,00 | 1.286,00 | 0,40 | 2,00 | 22.820,00 | BTN | huyện | 30 | Tốt |

| Stt | Tên đường | Điểm đầu | Điểm cuối | Chiều dài đường | Chiều rộng mặt cắt ngang đường | | | | | Diện tích mặt đường | Kết cấu mặt đường | Loại đường | Lộ giới đường theo QH | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | Vỉa hè trái | Mặt đường | Tiểu đảo, dải phân cách | | Vỉa hè phải | | | | | |
| | | | | | | | Dài | Rộng | | | | | | |
| | | | | (m) | (m) | (m) | (m) | (m) | (m) | (m2) | | | (m) | |
| 9 | Phạm Văn Sáng | Phan Văn Hớn | Ranh huyện Bình Chánh | 1.755,00 | 1,00 | 3,00 | | | 1,00 | 10.530,00 | Đá nhựa | huyện | 30 | TB |
| 10 | Phan Văn Đối | Phan Văn Hớn | Ranh huyện Bình Chánh | 1.200,00 | 1,00 | 2,75 | | | 1,00 | 6.600,00 | BTN | huyện | 30 | TB |
| 11 | Phan Văn Hớn | Quốc Lộ 1 | Nguyễn Văn Bứa | 6.630,00 | 1,00 | 2,75 | | | 1,00 | 36.465,00 | BTN | huyện | 40 | TB |
| 12 | Nguyễn Thị Ngâu (Thới Tam Thôn - Đông Thạnh cũ) | Đặng Thúc Vịnh | Đỗ Văn Dậy | 2.261,00 | 0,50 | 3,00 | | | 0,50 | 13.566,00 | Đá nhựa | huyện | 30 | TB |
| 13 | Trần Văn Mười | Quốc lộ 22 | Phan Văn Hớn | 3.277,00 | 0,50 | 3,00 | | | 0,50 | 19.662,00 | BTN | huyện | 30 | TB |
| 14 | Vòng xoay Ngã 3 Giồng | Nguyễn Văn Bứa | Phan Văn Hớn | 80,00 | | 3,00 | | | | 480,00 | BTN | huyện | | Khá |
| 15 | Hương lộ 65 | Lê Lợi | Đỗ Văn Dậy | 2.954,00 | 2,75 | 10,50 | | | 2,75 | 31.017,00 | LN | huyện | 30 | Tốt |
| 16 | Song hành Quốc lộ 22 | Nguyễn Ảnh Thủ | Hương lộ 65 (Dương Công Khi nối dài) | 6.448,00 | 3,00 | 3,50 | | | 3,00 | 45.136,00 | BTN | huyện | 20 | Khá |

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN HÓC MÔN

**PHỤ LỤC 37**
**CÁC VĂN BẢN CHỈ ĐẠO THỰC HIỆN TIÊU CHÍ 3**
**VỀ THỦY LỢI VÀ PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI**

| STT | SỐ HIỆU VĂN BẢN | NỘI DUNG |
|---|---|---|
| **I** | **Chỉ tiêu 1** | **Các công trình thủy lợi do huyện quản lý được bảo trì, nâng cấp, đảm bảo tích hợp hệ thống cơ sở dữ liệu theo chuyển đổi số** |
| 1 | Công văn số 1772/UBND-TCKH ngày 13 tháng 4 năm 2021 | Đề xuất các công trình trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 thực hiện từ nguồn vốn ngân sách Thành phố. |
| 2 | Công văn số 3065/UBND-TCKH ngày 10 tháng 6 năm 2021 | Đề xuất nhu cầu vốn đầu tư các dự án mới thực hiện trong giai đoạn 2021-2025 |
| 3 | Công văn số 3998/UBND-TCKH ngày 23 tháng7 năm 2021 | Đăng ký điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công năm 2021 |
| 4 | Công văn số 212/UBND-TCKH ngày 17 tháng 01 năm 2022 | Đề xuất nhu cầu vốn đầu tư các dự án cấp bách thực hiện trong giai đoạn 2021-2025 từ nguồn vốn ngân sách Thành phố. |
| 5 | Quyết định số 7156/QĐ-UBND-TCKH ngày 27 tháng 11 năm 2023 | Giao nhiệm vụ lập báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư, báo cáo đề xuất điều chỉnh chủ trương đầu tư các dự án. |
| **II** | **Chỉ tiêu 2** | **Thực hiện kiểm kê kiểm soát các vi phạm và nguồn nước thải xả vào công trình thủy lợi trên địa bàn huyện** |
| 1 | 2078/UBND-KT ngày 3 tháng 5 năm 2022 | chỉ đạo tổ chức kiểm tra việc chấp hành xả thải đúng quy định của Pháp luật; vận động nhân dân cam kết không xả rác thải, nước thải sinh hoạt ra kênh, rạch; phổ biến các văn bản quy phạm pháp luật về bảo vệ công trình thủy lợi |

| | | |
|---|---|---|
| 2 | 1270/UBND-TNMT<br>ngày 21 tháng 3 năm 2024 | Chỉ đạo tăng cường kiểm tra, giám sát và xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường, tài nguyên nước trên địa bàn huyện. |
| 3 | 3343/UBND-KT<br>ngày 12 tháng 7 năm 2022 | Rà soát, cung cấp thông tin nguồn thải vào công trình thủy lợi. |
| 4 | 1953/UBND-TNMT<br>ngày 31 tháng 5 năm 2024 | Cung cấp thông tin nguồn thải vào công trình thủy lợi |
| 5 | 4200/UBND-KT<br>ngày 08 tháng 8 năm 2024 | Xử lý các trường hợp vi phạm trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi |
| **III** | **Chỉ tiêu 3** | **Đảm bảo yêu cầu về phòng, chống thiên tai theo phương châm 4 tại chỗ** |
| 1 | 1046/KH-UBND<br>ngày 19 tháng 02 năm 2021 | Kế hoạch Phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn trên địa bàn huyện Hóc Môn giai đoạn 2021 – 2025 |
| 2 | 1473/KH-PCTT<br>ngày 24 tháng 3 năm 2021 | Kế hoạch Phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn năm 2021 trên địa bàn huyện Hóc Môn |
| 3 | 940/KH-UBND<br>ngày 21 tháng 3 năm 2022 | Kế hoạch Phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn năm 2022 trên địa bàn huyện Hóc Môn |
| 4 | 852/KH-UBND<br>ngày 22 tháng 3 năm 2023 | Kế hoạch Phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn năm 2023 trên địa bàn huyện Hóc Môn |
| 5 | 455/KH-UBND<br>ngày 25 tháng 01 năm 2024 | Kế hoạch Phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn năm 2024 trên địa bàn huyện Hóc Môn |
| 6 | 1040/UBND-QLĐT<br>ngày 12 tháng 3 năm 2024 | Triển khai các quyết định của UBND Thành phố ban hành các phương án phòng chống, ứng phó thiên tai trên địa bàn thành phố |
| 7 | 1289/UBND-QLĐT<br>ngày 25 tháng 3 năm 2024 | Triển khai Chỉ thị số 06/CT-UBND ngày 15/02/2024 của UBND Thành phố |
| 8 | 2742/UBND-KT<br>ngày 05 tháng 6 năm 2024 | Tổ chức tuần lễ Quốc gia phòng, chống thiên tai năm 2024 |
| 9 | 2743/UBND-KT<br>ngày 05 tháng 6 năm 2024 | Báo cáo kết quả kiểm tra công tác đảm bảo an toàn CTTL, phòng, chống thiên |

| | | |
|---|---|---|
| | | tai trước mùa mưa lũ 2024 |
| 10 | 3193/UBND-KT<br>ngày 26 tháng 6 năm 2024 | Thực hiện chiến lược Quốc gia phòng, chống thiên tai đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 |
| 11 | 3194/UBND-KT<br>ngày 26 tháng 6 năm/2024 | Tăng cường triển khai thực hiện các biện pháp phòng chống, ứng phó với mưa giông, lốc xoáy, gió giật và cây xanh ngã đổ trên địa bàn huyện |

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN HÓC MÔN

**Phụ lục 38**

# DANH MỤC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI ĐẦU TƯ TRONG GIAI ĐOẠN 2021 - 2025

## I/ CÔNG TRÌNH ĐÃ ĐẦU TƯ

| TT | Tên công trình | Quy mô | Năm xây dựng | Năm sử dụng |
|---|---|---|---|---|
| 1 | Rạch Năm Trị | Gia cố bờ bằng đất, mặt cấp phối đá dăm B=2m, nạo vét rạch | 2022 | 2022 |
| 2 | Rạch Mười Hùng | Gia cố bờ bằng đất, mặt cấp phối đá dăm B=2m,, nạo vét rạch | 2022 | 2022 |
| 3 | Rạch Năm Lý | Gia cố bờ bằng đất, mặt cấp phối đá dăm B=2m, nạo vét rạch | 2022 | 2022 |
| 4 | Rạch Cầu Kinh | Gia cố bờ bằng đất, mặt cấp phối đá dăm B=2m, nạo vét rạch | 2022 | 2022 |
| 5 | Rạch Bảy Nhị | Gia cố bờ bằng đất, mặt cấp phối đá dăm B=2m, nạo vét rạch | 2023 | 2023 |
| 6 | Rạch Tư Châu | Gia cố bờ bằng đất, mặt cấp phối đá dăm B=2m, nạo vét rạch | 2022 | 2022 |
| 7 | Rạch Nhum | Nâng cấp CPĐD mặt bờ bao B=4m | 2022 | 2022 |
| 8 | Rạch Hai Chấm | Gia cố bờ bằng đất, mặt cấp phối đá dăm B=2m, nạo vét rạch | 2022 | 2022 |
| 9 | Rạch Út Chủi | Gia cố bờ bằng đất B=2m, mặt cấp phối đá dăm, nạo vét rạch | 2022 | 2022 |
| 10 | Rạch Hai Dề | Gia cố bờ bằng đất, mặt cấp phối đá dăm B=2m, nạo vét rạch | 2022 | 2022 |
| 11 | Rạch Ba Cụt | Gia cố bờ bằng đất, mặt cấp phối đá dăm bờ phải B=2m, bờ trái B=4m, nạo vét rạch | 2023 | 2023 |
| 12 | Rạch Cầu Khởi | Gia cố bờ bằng đất, mặt cấp phối đá dăm B=2m, nạo vét rạch | 2023 | 2023 |
| 13 | Rạch Mười Đờn | Gia cố bờ bằng đất, mặt cấp phối đá dăm bờ phải B=4m, bờ trái B=2m, nạo vét rạch | 2023 | 2023 |
| 14 | Rạch Nhà Lầu | Gia cố bờ bằng đất, mặt cấp phối đá dăm bờ phải B=4m, bờ trái B=2m, nạo vét rạch | 2022 | 2022 |
| 15 | Nâng cấp bờ bao sử dung cừ nhựa UPVC rạch Chín Triệu | Đắp đất bờ bao chiều dài =900m, bề rộng B=4m, cao trình +2,0m, lắp đặt cửa van ngăn triều đầu rạch | 2021 | 2021 |
| 16 | Nâng cấp bờ bao sử dung cừ nhựa UPVC rạch Rỗng Lư | Bề rộng: 2,0m(bờ bao) x 01(bên);Đắp đất 1 bên bờ rạch,<br>- Nạo vét lòng rạch và đóng cừ nhựa UPVC một bên bờ để chống sạt lở | 2022 | 2022 |

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| 17 | Rạch Ông Bầu | Gia cố cừ tràm đắp bờ bao mặt bờ bao 1,5m bằng đất chọn lọc, cao độ 2.2, mái ta luy 1,5m | 2022 | 2022 |
| 18 | Rạch Bến Bà May | Gia cố bờ bao bằng đất chọn lọc, mặt bờ bao 1,5m trải đá 0x4, cao độ 2.2, mái ta luyy 1,5m | 2022 | 2022 |
| 19 | Nhánh Rạch Bến Bà May 1 | Gia cố bờ bao bằng đất chọn lọc, mặt bờ bao 1,5m trải đá 0x4, cao độ 2.2, mái ta luy 1,5m | 2022 | 2022 |
| 20 | Nhánh Rạch Bến Bà May 2 | Gia cố bờ bao bằng đất chọn lọc, mặt bờ bao 1,5m trải đá 0x4, cao độ 2.2, mái ta luy 1,5m | 2022 | 2022 |
| **II/. CÔNG TRÌNH ĐANG THỰC HIỆN ĐẦU TƯ** | | | | |
| 1 | Nâng cấp bờ bao rạch Bến Trại (đoạn từ đầu tuyến đến tiếp giáp rạch Hóc Môn | Đầu tuyến: Tiếp giáp rạch Bến Gò Trại<br>Cuối tuyến: Rạch Hóc Môn. Chiều dài: 920m | 2023 - 2025 | Đang triển khai |
| 2 | Xây dựng mương tiêu thoát nước liên xã | Đầu tuyến: Đường Tô Ký Cuối tuyến: Đường Thới Tam Thôn 6<br>Chiều dài: 1.134m | 2023 - 2025 | Đang triển khai |
| 3 | Cải tạo rạch Hóc Môn (Từ cầu Bến Nọc đến sông Rạchh Tra) | - Chiều dài: 2.724m | 2023 - 2025 | Đang triển khai |
| 4 | Cải tạo rạch Lý Thường Kiệt | Chiều dài=1.370m | 2018-2025 | Đang triển khai |
| 5 | Nâng cấp, sửa chữa rạch Ông Đẽo | Đầu tuyến: Sông Sài Gòn. Cuối tuyến: Ngã 3 rạch.<br>Chiều dài tuyến 565,50m. | 2023 - 2025 | Đang triển khai |
| 6 | Cải tạo kênh T1 | Chiều dài=4.200m | 2016-2024 | Đang triển khai |
| 7 | Nạo vét cải tạo rạch Bà Triệu | Chiều dài=885m | 2018-20225 | Đang triển khai |
| 8 | Rạch Bà Triệu (từ đường Nguyễn Văn Bứa đến Quốc lộ 22) | Chiều dài=978m | 2019 – 2023 | đã thi công xong |
| 9 | Nâng cấp, kiên cố hóa bờ bao kết hợp đường giao thông nội đồng rạch Cầu Cụt | Nâng cấp bờ bao rạch Chiều dài=600m, bề rộng mặt bờ bao 2-3m | 2023-2025 | Chuẩn bị khởi công |
| 10 | Nâng cấp, sửa chữa rạch Bờ Đê | Chiều dài = 250 m | 2024-2025 | lập báo cáo |
| 11 | Nâng cấp, sửa chữa rạch Nhum | Nâng cấp bờ bao rạch chiều Chiều dài = 1.280m | 2023-2025 | Chuẩn bị khởi công |
| 12 | Nâng cấp, sửa chữa rạch Bà Thân 2 | Nâng cấp bờ bao rạch chiều Chiều dài = 600m, bề rộng mặt bờ bao từ 2-4m | 2023-2025 | Chuẩn bị khởi công |

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| 13 | Kiên cố hóa rạch Bến Gò Trại nối dài (từ đường Đặng Thúc Vịnh đến rạch Bến Gò Trại) | Nâng cấp bờ bao rạch chiều Chiều dài = 370m, bề rộng mặt bờ bao từ 2-3m | 2023-2025 | Đang thi công |
| 14 | Nâng cấp, sửa chữa rạch Vựa Khạp | Chiều dài 422m | 2024-2025 | Đang lập báo cáo đề xuất chủ trương |
| 15 | Kênh tiêu liên xã kết hợp nâng cấp đường dọc kênh | Chiều dài 4.324m | 2017-2025 | Đang triển khai thi công |
| 16 | Cải tạo rạch Trưng Nữ Vương | Chiều dài 730m | 2019-2025 | Đang thi công |
| 17 | Nâng cấp, cải tạo rạch Bọng Bầu | Chiều dài 850m | 2024-2025 | lập báo cáo |
| 18 | Nâng cấp, cải tạo rạch Cả Bản | Chiều dài 400m | | |
| 19 | Nâng cấp, sửa chữa rạch Hai Bửu | Chiều dài 704m | 2024-2025 | Đang lập báo cáo đề xuất chủ trương |

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN HÓC MÔN

Phụ lục 38a

# BIỂU SỐ 5: THỐNG KÊ HOẠT ĐỘNG VI PHẠM TRONG PHẠM VI BẢO VỆ CÔNG TRÌNH THỦY LỢI

| TT | Tên công trình, hệ thống công trình, tổ chức, cá nhân vi phạm | Thời gian vi phạm | Vị trí | | Địa điểm vi phạm | Hình thức vi phạm | | | | | | Hình thức xử phạt | Kiến nghị xử lý tiếp | | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Bờ hữu | Bờ tả | | Gây cản trở dòng chảy | Đổ rác thải, chất thải | Quy định về bảo vệ an toàn | Quy định về điều khiển xe cơ giới qua CTTL | Quy định của giấy phép | Khác (vận hành) | | Biện pháp | Thời gian thực hiện | |
| TỔNG CỘNG 28 VỤ VI PHẠM | | | | | | | | | | | | | | | |
| **I** | **Hệ thống công trình thủy lợi Hóc Môn - Bắc Bình Chánh** | | | | | | | | | | | | | | |
| **1.1** | **Kênh dẫn trạm bơm** | | | | | | | | | | | | | | |
| 1 | Lê Kim Dung | 2024 | x | | K1 + 100 | K | K | Nhà ở, vật liệu tạm | K | K | K | buộc tháo dỡ | | | |
| 2 | Nguyễn Thị Kim Loan | 2024 | | x | KF | K | K | làm chòi cây, bạt nhựa | K | K | K | buộc tháo dỡ | | | |
| **1.2** | **Kênh AH1** | | | | | | | | | | | | | | |
| 1 | Nguyễn Văn Hết | 2024 | | x | K0+200 | K | K | Làm chòi cây tạp, mái bạt nhựa | K | K | K | buộc tháo dỡ | | | |
| **1.3** | **Kênh AH10** | | | | | | | | | | | | | | |
| 1 | Nguyễn Thị Kim Phượng | 2024 | | x | K0+100 | K | K | Làm chòi cây tạp, mái bạt nhựa | K | K | K | buộc tháo dỡ | | | |
| **1.4** | **Kênh AH9** | | | | | | | | | | | | | | |
| 1 | Lý Thị Kim Loan | 2024 | x | | K1+200 | K | K | Làm cầu sắt bắc ngang qua kênh | K | K | K | | | | |
| **1.5** | **Kênh An Hạ** | | | | | | | | | | | | | | |
| 1 | Trần Thị Đượm | 2024 | | x | K0+100 | K | K | Làm chòi cây tạp, mái bạt nhựa | K | K | K | buộc tháo dỡ | | | |
| 2 | Võ Thái Nguyên | 2024 | x | | K1+200 | K | K | Làm chòi cây tạp, mái bạt nhựa | K | K | K | buộc tháo dỡ | | | |

| TT | Tên công trình, hệ thống công trình, tổ chức, cá nhân vi phạm | Thời gian vi phạm | Vị trí | | Địa điểm vi phạm | Hình thức vi phạm | | | | | | Hình thức xử phạt | Kiến nghị xử lý tiếp | | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Bờ hữu | Bờ tả | | Gây cản trở dòng chảy | Đổ rác thải, chất thải | Quy định về bảo vệ an toàn | Quy định về điều khiển xe cơ giới qua CTTL | Quy định của giấy phép | Khác (vận hành) | | Biện pháp | Thời gian thực hiện | |
| 3 | Phạm Văn Trọng | 2024 | x | | K2+350 | K | K | Làm chòi cây tạp, mái bạt nhựa | K | K | K | buộc tháo dỡ | | | |
| 4 | Lê Văn Thành (Nguyễn Tấn Đạt) | 2024 | x | | K4+300 (CĐK AH8+650) | K | K | Làm chòi cây tạp, mái bạt nhựa | K | K | K | buộc tháo dỡ | | | |
| 5 | Nguyễn Văn Quang | 2024 | | | K5+755 | K | K | Làm chòi cây tạp, mái bạt nhựa | K | K | K | buộc tháo dỡ | | | |
| 6 | Nguyễn Sỹ Phúc | 2024 | | x | (CĐK AH5+200) | K | K | Làm chòi cây tạp, mái bạt nhựa | K | K | K | buộc tháo dỡ | | | |
| 7 | Nhan Thị Tuyền | 2024 | x | | K5+950 | K | K | Làm chòi cây tạp, mái bạt nhựa | K | K | K | buộc tháo dỡ | | | |
| 8 | Nguyễn Thị Mười | 2024 | | x | K5+910 (CĐK AH11a+150 | K | K | Để lá dừa, dựng chòi. | K | K | K | buộc tháo dỡ | | | |
| 9 | Công ty TNHH TM-DV -SX Đại Hùng Sáng (ĐD: Nguyễn Trác Khang) | 2024 | | x | K4+655 (CĐK AH9+450) | K | K | Để Củi đốt và xi tro. | K | K | K | buộc di dời | | | |
| 10 | Nguyễn Thị Cúc Hoa | 2024 | | x | K4+285 (CĐK AH9+30) | K | K | Làm chòi , cột cây, mái che bạt | K | K | K | buộc tháo dỡ | | | |

| TT | Tên công trình, hệ thống công trình, tổ chức, cá nhân vi phạm | Thời gian vi phạm | Vị trí | | Địa điểm vi phạm | Hình thức vi phạm | | | | | | Hình thức xử phạt | Kiến nghị xử lý tiếp | | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Bờ hữu | Bờ tả | | Gây cản trở dòng chảy | Đổ rác thải, chất thải | Quy định về bảo vệ an toàn | Quy định về điều khiển xe cơ giới qua CTTL | Quy định của giấy phép | Khác (vận hành) | | Biện pháp | Thời gian thực hiện | |
| 11 | Thái Văn Quốc | 2024 | x | | K5+660 | K | K | Khung sắt, mái che bạt | K | K | K | buộc tháo dỡ | | | |
| 12 | Huỳnh Văn Năng | 2024 | x | | K4+050 | K | K | Dựng khung sắt, giăng võng | K | K | K | buộc tháo dỡ | | | |
| 13 | Nguyễn Thị Thanh Tuyền | 2024 | x | | K4+040 | K | K | Dựng khung sắt, mái che bạt | K | K | K | buộc tháo dỡ | | | |
| 14 | Lê Thị Lài (Phạm Phú Quốc) | 2024 | | x | K6+550 | K | K | Làm chòi cây tạp, mái bạt nhựa | K | K | K | buộc tháo dỡ | | | |
| 15 | Phạm Thị Nhị | 2024 | | x | K6+050 | K | K | Để vật liệu xây dựng (gạch, cát, đá,xi măng…) | K | K | K | buộc di dời | | | |
| 16 | Nguyễn Quí Dũng | 2024 | | x | K6+860 | K | K | Làm chòi cây tạp, mái bạt nhựa | K | K | K | buộc tháo dỡ | | | |
| 17 | Nguyễn Hòang Nam | 2024 | | x | K8+700 | K | K | Đổ xà bần san nền | K | K | K | buộcdi dời | | | |
| 18 | Vắng chủ (Phú) | 2024 | | x | K8+900 | K | K | Đổ xà bần san nền | K | K | K | buộcdi dời | | | |
| 19 | Cty TNHH SX giấy Á Châu | 2024 | x | | KF | K | K | K | K | X | K | Phạt tiền | Khắc phục | 30 ngày | Đã thực hiện |
| **1.6** | **Kênh Liên Vùng** | | | | | | | | | | | | | | |
| 1 | Trần Nguyễn Thanh Bình | 2024 | | x | K0+020 | K | K | Làm chòi khung sắt, mái che bạt | K | K | K | buộc tháo dỡ | | | |
| 2 | Nguyễn Thị Phương | 2024 | | x | K0+300 | K | K | Làm chòi cây tạp, mái bạt nhựa | K | K | K | buộc tháo dỡ | | | |
| 3 | Nguyễn Thị Tuyết Nguyễn Thị Thu Xuân | 2024 | | x | K0+090 | K | K | Làm chòi khung sắt, mái che bạt | K | K | K | buộc tháo dỡ | | | |

| TT | Tên công trình, hệ thống công trình, tổ chức, cá nhân vi phạm | Thời gian vi phạm | Vị trí | | Địa điểm vi phạm | Hình thức vi phạm | | | | | | Hình thức xử phạt | Kiến nghị xử lý tiếp | | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Bờ hữu | Bờ tả | | Gây cản trở dòng chảy | Đổ rác thải, chất thải | Quy định về bảo vệ an toàn | Quy định về điều khiển xe cơ giới qua CTTL | Quy định của giấy phép | Khác (vận hành) | | Biện pháp | Thời gian thực hiện | |
| 4 | Phan Hùng Phi | 2024 | | x | K0+560 | K | K | Làm chòi khung sắt, mái che bạt | K | K | K | buộc tháo dỡ | | | |
| **II** | **Hệ thống khác:** | **Không có** | | | | | | | | | | | | | |
| **III** | **Công trình đầu mối:** | **Không có** | | | | | | | | | | | | | |

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN HÓC MÔN

**Phụ lục 38b**

# BIỂU SỐ 6: THỐNG KÊ NGUỒN NƯỚC THẢI XẢ VÀO CÔNG TRÌNH THỦY LỢI

| TT | Tên CTTL | Tên tổ chức/cá nhân xả nước thải | Địa chỉ | Vị trí xả thải | | Loại nước thải | Lưu lượng xả (m3) | Chế độ xả | Thuộc diện cấp phép (có:C, không :K) | Biện pháp xử lý | Tình trạng cấp phép | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Địa giới hành chính | Vị trí | | | | | | chưa cấp phép | Đã cấp phép | |
| | | | | | | | | | | | | Số QĐ, cơ quan cấp phép | thời hạn |
| *(1)* | *(2)* | *(3)* | *(4)* | *(5)* | *(6)* | *(7)* | *(8)* | *(9)* | *(10)* | *(11)* | *(12)* | *(13)* | *(14)* |
| 1 | Rạch Bà Hồng | Cơ sở giấy Nhị Bình | 12/4, Ấp 4 | xã Nhị Bình | 12/4, Ấp 4 | nước thải CN | 20 | không liên tục | C | có HTXLNT | x | - | - |
| 2 | Sông Sài Gòn | Cty SX thực phẩm Nhật Nam | 2A tổ 9 ấp 3 | xã Nhị Bình | 2A tổ 9 ấp 3 | nước thải CN | 15 | không liên tục | C | có HTXLNT | x | - | - |
| 3 | Sông Sài Gòn | Chi nhánh Cty TNHH Hảo Hương | 70/28 Ấp 3 | xã Nhị Bình | 70/28 Ấp 3 | nước thải CN | 50 | không liên tục | C | - | x | - | - |
| 4 | Rạch cầu Võng | Cty TNHH SX-TM-XNKNguyên Phúc | 71/79 Ấp 2 | xã Nhị Bình | 71/79 Ấp 2 | nước thải CN | 15 | không liên tục | C | có HTXLNT | Đề án BVMT năm 2016 | - | - |
| 5 | Rạch cầu Bà Năm | Cty TNHH may mặc Thiên Phú | Ấp 1 | xã Nhị Bình | Ấp 1 | nước thải CN | 15 | không liên tục | C | - | ngưng hoạt động | | |
| 6 | Rạch 10 Đờn | Hộ Lê Văn Nhung | 6/2, Ấp 2 | xã Nhị Bình | 6/2, Ấp 2 | nước thải CN | 5 | không liên tục | C | có HTXLNT | Đề án BVMT năm 2016 | - | - |
| 7 | Kênh Xáng | Cty TNHH giấy và bao bì Tân Hòa Hiệp | 30/5, ấp Tân Hòa | xã Tân Hiệp | 30/5, ấp Tân Hòa | nước thải CN | 50 | không liên tục | C | có HTXLNT | ngưng hoạt động | | |

| TT | Tên CTTL | Tên tổ chức/cá nhân xả nước thải | Địa chỉ | Vị trí xả thải | | Loại nước thải | Lưu lượng xả (m3) | Chế độ xả | Thuộc diện cấp phép (có:C, không :K) | Biện pháp xử lý | Tình trạng cấp phép | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Địa giới hành chính | Vị trí | | | | | | chưa cấp phép | Đã cấp phép | |
| | | | | | | | | | | | | Số QĐ, cơ quan cấp phép | thời hạn |
| 8 | Kênh Tiêu dẫn vào kênh Xáng | Cty TNHH SX TM Phạm Thu | 14/6, ấp Thới Tây 1 | xã Tân Hiệp | 14/6, ấp Thới Tây 1 | nước thải CN | 5 | không liên tục | C | có HTXLNT | - | Số 58/GP-UBND ngày 11/01/2022 của UBND huyện | 3 năm |
| 9 | Rạch Bà Thân 1 | Cty TNHH TM SX Song Nam | 24/9, ấp Tân Hòa | xã Tân Hiệp | 24/9, ấp Tân Hòa | nước thải CN | 19 | không liên tục | C | có HTXLNT | ngưng hoạt động | | |
| 10 | Kênh An Hạ | Cty TNHH SX Giấy Á Châu | 38C ấp 5 | xã Xuân Thới Sơn | 38C ấp 5 | nước thải CN | 40 | không liên tục | C | có HTXLNT | x | - | - |
| 11 | Kênh T10 | Cty TNHH SX TM Lê Gia | 63A, Ấp 6 | xã Xuân Thới Thượng | 63A, Ấp 6 | nước thải CN | 80 | không liên tục | C | có HTXLNT | ngưng hoạt động sản xuất | | |
| 12 | Kênh An Hạ | CN Cty TNHH TM và TP Thái Minh Long | Đặng Công Binh, Ấp 6 | xã Xuân Thới Thượng | Đặng Công Binh, Ấp 6 | nước thải CN | 2 | không liên tục | C | có HTXLNT | x | - | - |

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN HÓC MÔN

**Phụ lục 39**

**KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH ĐIỆN LỰC GIAI ĐOẠN 2021 - 2025**

*Đvt: Triệu đồng*

| STT | Danh mục | Quy mô, khối lượng chính | Dự toán/ Khái toán | Kế hoạch vốn do Công ty Điện lực thực hiện | | | | | | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Năm 2021 | Năm 2022 | Năm 2023 | Năm 2024 | Năm 2025 | Tổng | |
| | **Tổng cộng** | | **607.144** | **60.347** | **65.410** | **74.000** | **93.111** | **96.526** | **383.454** | Các năm 2024, 2025 chưa tính KL XDM TBA CD cấp điện qua lưới trung áp |
| I | **Vốn phân cấp ĐTXD năm 2021** | | **100.614** | **59.957** | **21.040** | **7.450** | **1.100** | - 0 | **89.547** | |
| | ***Các dự án lưới điện bổ sung vốn quyết toán*** | | ***39.604*** | ***7.010*** | 0 | 0 | 0 | 0 | ***7.010*** | |
| 1 | Nâng cấp và phát triển trạm, lưới điện hạ thế công cộng khu vực các Thới Tam Thôn, Đông Thạnh, Nhị Bình, Tân Hiệp năm 2020 | + Kéo mới lưới trung thế đơn tuyến cáp 3ACV50mm2-b22kv+AV50: 1.821 mét.<br>+ XDM 17 TBA x400KVA với tổng CS 6800KVA<br>+ Kéo mới lưới hạ thế đơn tuyến cáp ABC4x95mm2: 2.485 mét | 9.617 | 1.145 | 0 | 0 | 0 | 0 | 1.145 | |
| 2 | Nâng cấp và phát triển trạm, lưới điện hạ thế công cộng khu vực các xã Bà Điểm, Xuân Thới Đông, Xuân Thới Sơn, Tân Thới Nhì năm 2020 | - Xây dựng mới 295 mét đơn tuyến trung thế ngầm sử dụng cáp 2xM50mm2 bọc 24kV<br>- Xây dựng mới 15 trạm biến áp công suất (1x400)kVA.<br>- Xây dựng mới 1.511 mét đơn tuyến lưới hạ thế sử dụng cáp ABC4x95mm2 | 9.061 | 2.070 | 0 | 0 | 0 | 0 | 2.070 | |
| 3 | Nâng cấp và phát triển trạm, lưới điện hạ thế công cộng khu vực các xã Trung Chánh, Tân Xuân, Xuân Thới Thượng, Thị Trấn Hóc Môn năm 2020 | - Kéo mới cáp 3ACV95mm2-b24kV+AC70 chiều dài đơn tuyến 1.194 mét.<br>- Xây dựng mới 15 trạm công suất 1x400kVA.<br>- Kéo mới cáp ABC4x95mm2 đơn tuyến dài 270 mét.<br>- Kéo mới 240m cáp 2xABC4x95mm2 đơn tuyến; 73m cáp 3xABC4x95mm2 đơn tuyến, 29m cáp 4xABC4x95mm2 đơn tuyến. | 8.428 | 845 | 0 | 0 | 0 | 0 | 845 | |
| 4 | Xây dựng mới các trạm biến áp công cộng đảm bảo cấp điện năm 2020 | - Xây dựng mới 4.705 mét đơn tuyến trung thế nổi sử dụng cáp 3ACV95mm2 bọc 24kV + AC70mm2<br>- Xây dựng mới 37 trạm biến áp công suất (1x250)kVA (Máy biến thế sử dụng lại)<br>Xây dựng mới 4.605 mét đơn tuyến lưới hạ thế sử dụng cáp ABC4x95mm2 | 11.889 | 2.655 | 0 | 0 | 0 | 0 | 2.655 | |

| | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 5 | Xây dựng nối tuyến Thị Trấn-Nhị Tân trạm 110kV Tân Hiệp | - Kéo mới 514 mét đơn tuyến lưới trung thế nổi cáp 3ACV240mm2 +AC120mm2; Cải tạo 413 mét đơn tuyến lưới trung thế nổi từ cáp 3ACV95mm2 + AC50mm2 thành cáp 3ACV240mm2 +AC120mm2; Kéo mới 201 mét đơn tuyến lưới trung thế ngầm cáp 2x3M240mm2 có màng chắn băng đồng chống thấm nước. | 610 | 295 | 0 | 0 | 0 | 0 | 295 | |
| | ***Các dự án cải tạo, XDM trạm công cộng, lưới trung, hạ thế năm 2021*** | | ***47.784*** | ***19.907*** | ***10.360*** | ***1.000*** | - | - | ***31.267*** | |
| 6 | Nâng cấp và phát triển trạm, lưới điện hạ thế công cộng khu vực các xã Bà Điểm, Xuân Thới Đông, Xuân Thới Thượng, Trung Chánh | - Xây dựng mới 965 mét đơn tuyến trung thế nổi sử dụng cáp 3ACV95mm2 bọc 24kV + AC70mm2;<br>-XDM 15 trạm biến áp với tổng công suất 6.000kVA;<br>-Xây dựng mới 1.614 mét đơn tuyến lưới hạ thế | 8.101 | 4.500 | 1.770 | 0 | 0 | 0 | 6.270 | |
| 7 | Nâng cấp và phát triển trạm, lưới điện hạ thế công cộng khu vực các xã Nhị Bình, Đông Thạnh, Thới Tam Thôn, Tân Hiệp | - Hạng mục trung thế nổi: Kéo mới lưới trung thế nổi 3 pha bằng dây cáp nhôm bọc 3ACV95-b22KV với chiều dài đơn tuyến: 2.366 mét<br>- Hạng mục trạm biến thế: Xây dựng mới 15 trạm biến áp (1x400) KVA<br>- Hạng mục hạ thế: Kéo mới lưới hạ thế ABC4*95mm2 với chiều dài đơn tuyến: 7.540 mét | 7.392 | 4.870 | 2.145 | 0 | 0 | 0 | 7.015 | |
| 8 | Nâng cấp và phát triển trạm, lưới điện trung hạ thế khu vực xã Xuân Thới Sơn, Tân Thới Nhì, Thị Trấn, Tân Xuân trên địa bàn Huyện Hóc Môn | - Xây dựng mới 867 mét đơn tuyến trung thế nổi sử dụng cáp 3ACV95mm2 bọc 24kV + AC70mm2.<br>-T Xây dựng mới 15 trạm biến áp với tổng công suất 6.000kVA;<br>-Xây dựng mới 3.889 mét đơn tuyến lưới hạ thế | 8.507 | 4.750 | 1.755 | 0 | 0 | 0 | 6.505 | |
| 9 | Cải tạo VTTB để TCCS các trạm biến áp đầy, quá tải trên địa bàn huyện Hóc Môn | kéo mới 12203 mét cáp ABC 4x95mm2 và đồng bộ lắp mới 381 hộp domino; và Phần lắp đặt mới 80 tụ bù 30kVAR và 723 hộp domino 9 cực | 1.683 | 1.180 | 355 | 0 | 0 | 0 | 1.535 | |
| 10 | Nâng cấp và phát triển lưới điện hạ thế phục vụ phát triển khách hàng trên địa bàn huyện Hóc Môn (bổ sung quyết toán) | | 8.800 | 1.027 | 135 | 0 | 0 | 0 | 1.162 | |
| 11 | Phát triển lưới điện hạ thế phục vụ chống quá tải lộ ra và nâng cấp các nhánh dây mắc điện của các trạm biến áp trên địa bàn huyện Hóc Môn năm 2021 | XDM 13.913 mét đơn tuyến lưới hạ thế sử dụng cáp ABC4x95mm2; Trồng mới 127 trụ BTLT 8,4m, 89 trụ BTLT 8,4m (02 đoạn); Lắp mới 474 hộp Domino 09 cực | 5.402 | 3.080 | 1.710 | 0 | 0 | 0 | 4.790 | |
| 12 | Thi công, lắp đặt Live-Line thiết bị đóng cắt có chức năng SCADA và các bộ chỉ báo sự cố lưới điện năm 2021 cho Công ty Điện lực Hóc Môn để kiện toàn lưới điện trung thế giai đoạn 2021-2025 | Thi công lắp đặt 34 LBS, 2 tủ RMU, 2 bộ FI | 7.898 | 500 | 2.490 | 1.000 | 0 | 0 | 3.990 | |
| | ***Cải tạo, XDM lưới điện trung thế năm 2021*** | | ***13.226*** | ***2.200*** | ***1.855*** | ***3.320*** | ***1.100*** | 0 | ***8.475*** | |
| 13 | Tăng cường cáp ngầm trung thế cho tuyến Nông sản Trạm 110kV Tham Lương | Kéo mới lưới trung thế ngầm cáp 24kV 3M240mm2 với chiều dài đơn tuyến: 194 mét | 861 | 800 | 390 | 0 | 0 | 0 | 1.190 | |

| | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 14 | Tái bố trí hệ thống lưới điện trung, hạ thế trong phạm vi ảnh hưởng của dự án xây dựng đường Nam Thới 1, huyện Hóc Môn | - Di dời 1.675m cáp 3ACV240mm2 bọc 24kV + AC95mm2 đơn tuyến<br>- Kéo mới 1.363m cáp ABC 4x95mm2.<br>Lắp 1 LBS và 02 DS | 3.325 | 50 | 1.255 | 550 | 300 | 0 | **2.155** | |
| 15 | Tái bố trí hệ thống lưới điện trung, hạ thế, trạm biến thế trong phạm vi ảnh hưởng của dự án xây dựng đường Thới Tam Thôn 4, huyện Hóc Môn | - Di dời 1.234m cáp 3ACV240mm2 bọc 24kV + AC95mm2 đơn tuyến<br>- Kéo mới 1.611m cáp ABC 4x95mm2.<br>- Di dời 01 trạm biến áp và cải tạo 02 trạm | 2.314 | 50 | 30 | 850 | 300 | 0 | **1.230** | |
| 16 | Tái bố trí lưới điện trong phạm vi ảnh hưởng của dự án xây dựng hệ thống thoát đường Đỗ Văn Dậy (từ Cống Lấp đến Cầu Xáng) huyện Hóc Môn" | - Kéo mới 249 mét đơn tuyến cáp 3ACV240mm2+AC95mm2<br>- Kéo mới 192 mét đơn tuyến cáp ngầm cáp 2x3M240mm2.<br>- Lắp mới 01 LBS 24kV 630A có chức năng Scada; Lắp mới 04 bộ DS 24kV 630A OD; Tháo dỡ lắp lại 01 bộ Recloser 24kV 630A OD hiện hữu | 2.158 | 1.100 | 70 | 420 | 0 | 0 | **1.590** | |
| 17 | Tái bố trí lưới điện trong phạm vi ảnh hưởng của dự án cải tạo Kênh T1 | Kéo mới 2.701 mét đơn tuyến lưới trung thế 3xACV240-b24KV+AC95mm2; XDM 01 trạm 1x400kVA, di dời 03 trạm, cải tạo 01 trạm giàn thành trạm ngồi 1*160KVA; Kéo mới 1.150 mét cáp ABC 4x95mm2; | 4.567 | 200 | 110 | 1500 | 500 | 0 | **2.310** | |
| | ***Xây dựng mới lộ ra*** | | | | | | | | - | |
| | ***Trang bị tài sản cố định*** | | | ***30.840*** | ***8.825*** | ***3.130*** | 0 | 0 | ***42.795*** | |
| | *Các dự án trang bị TSCĐ bổ sung vốn quyết toán* | | | | | | | | | |
| 18 | Lắp đặt hệ thống điện mặt trời nối lưới điện cho nhà làm việc Công ty Điện lực | | 0 | 2.400 | 0 | 0 | 0 | 0 | **2.400** | |
| 19 | Trang bị MBT để TCCS các MBT đầy, quá tải năm 2019 - Công ty Điện lực Hóc | | 0 | 6.585 | 0 | 0 | 0 | 0 | **6.585** | |
| 20 | Trang bị MBT để thay thế các máy không đáp ứng tiêu chuẩn vận hành lâu dài trong năm 2020 | | 0 | 4.435 | 0 | 0 | 0 | 0 | **4.435** | |
| 21 | Trang bị máy biến thế để thay thế các máy không đáp ứng tiêu chuẩn vận hành lâu dài trong năm 2020 (đợt 2) – Công ty Điện lực Hóc Môn | | 0 | 610 | 0 | 0 | 0 | 0 | **610** | |
| | *Các dự án trang bị TSCĐ năm 2021* | | | | | | | | | |
| 22 | Trang bị MBT để thay thế các máy không đáp ứng tiêu chuẩn vận hành lâu dài năm 2021- Công ty Điện lực Hóc Môn | | 0 | 8.910 | 2.965 | 0 | 0 | 0 | **11.875** | |
| | *Trang bị thiết bị đóng cắt có chức năng SCADA* | | | | | | | | | |
| 23 | Trang bị thiết bị đóng cắt có chức năng SCADA năm 2021 – Công ty Điện lực Hóc Môn | | 0 | 3.170 | 550 | 710 | 0 | 0 | **4.430** | |
| 24 | Trang bị thiết bị đóng cắt có chức năng SCADA năm 2021&2022 – Công ty Điện lực Hóc Môn | | 0 | 1.880 | 5.310 | 2.420 | 0 | 0 | **9.610** | |
| 25 | Trang bị xe gàu nâng người có chức năng cẩu và chở hàng | | 0 | 2.050 | 0 | 0 | 0 | 0 | **2.050** | |
| 26 | Trang bị xe tải 2,4T có thùng | | 0 | 800 | 0 | 0 | 0 | 0 | **800** | |
| **II** | **Vốn phân cấp ĐTXD năm 2022** | | **122.054** | **390** | **42.115** | **45.735** | **14.000** | 0 | **101.000** | |

| | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | ***Các dự án cải tạo, XDM trạm công cộng, lưới trung, hạ thế năm 2022, bổ sung quyết toán*** | | ***63.584*** | ***150*** | ***34.140*** | ***12.590*** | 0 | 0 | ***46.880*** | |
| 1 | Xây dựng mới lưới điện và trạm biến thế khu vực các xã Tân Hiệp, Tân Thới Nhì, Xuân Thới Sơn, Xuân Thới Thượng năm | XDM 15 trạm, công suất tăng thêm 6 MVA, kéo mới 1005m cáp TT ACV95, 3655m cáp HT ABC3x95 | 11.912 | 40 | 6.770 | 1.870 | 0 | 0 | **8.680** | |
| 2 | Xây dựng mới lưới điện và trạm biến thế khu vực các xã Thới Tam Thôn, Đông Thạnh năm 2022 | XDM 15 trạm, công suất tăng thêm 6 MVA, kéo mới 1030m cáp TT ACV95, 270 cáp TT 2x3M50, 3910m cáp HT ABC3x95 | 12.909 | 40 | 7.565 | 2.420 | 0 | 0 | **10.025** | |
| 3 | Xây dựng mới lưới điện và trạm biến thế khu vực các xã Tân Xuân, Trung Chánh, Bà Điểm, Xuân Thới Đông năm 2022 | XDM 14 trạm, công suất tăng thêm 5,6 MVA, kéo mới 1048m cáp TT ACV95, 351 cáp TT 2x3M50, 3910m cáp HT ABC3x95 | 13.308 | 40 | 8.095 | 2.400 | 0 | 0 | **10.535** | |
| 4 | Thi công, lắp đặt Live-Line thiết bị đóng cắt có chức năng SCADA năm 2021&2022 cho Công ty Điện lực Hóc Môn để kiện toàn lưới điện trung thế giai | Thi công lắp đặt 49 LBS, 2 tủ RMU, 3 Recloser | 14.041 | 10 | 2.915 | 2.700 | 0 | 0 | **5.625** | |
| 5 | Cải tạo VTTB để đảm bảo trạm biến áp vận hành an toàn trên lưới điện năm 2021 - Công ty Điện lực Hóc Môn | - Thay thế các máy biến thế cũ vận hành lâu năm.<br>- Cải tạo 05 trạm gián sang trạm ngồi:<br>Kéo mới 110 mét cáp ACV95mm2 + AC50mm2 bọc 24kV; Kéo mới 1366 mét dây ABC 4×95mm2.<br>- Thay 15 CDHT bằng tủ MCCB hợp bộ (CB tổng 600A + 4 CB con 250A + 2 lộ dự phòng 250A) | 2.771 | 10 | 890 | 1.250 | 0 | 0 | **2.150** | |
| 6 | Phát triển lưới hạ thế của các trạm biến áp trên địa bàn huyện Hóc Môn năm 2022 | kéo mới 12203 mét cáp ABC 4x95mm2 và đồng bộ lắp mới 381 hộp domino; và Phần lắp đặt mới 80 tụ bù 30kVAR và 723 hộp domino 9 cực | 8.643 | 10 | 1.040 | 1.950 | 0 | 0 | **3.000** | |
| 7 | XDM trạm chuyên dùng khu vực Huyện Hóc Môn năm 2022 | | | | 6.865 | 0 | 0 | 0 | **6.865** | |
| | ***Cải tạo, XDM lưới điện trung thế năm 2022*** | | ***58.470*** | ***240*** | ***6.735*** | ***33.145*** | ***14.000*** | 0 | ***54.120*** | |
| 8 | Phát triển lưới điện trung thế các tuyến dây Gò Lao, Rạch Tra trạm 110kV Đông Thạnh | - Kéo mới 6.620m đơn tuyến cáp 3ACV240 b24kV.<br>- Lắp mới 4 cái LBS và 01 cái recloser | 11.876 | 40 | 5 | 8.570 | 0 | 0 | **8.615** | |
| 9 | Phát triển lưới điện trung thế các tuyến dây Cống Đôi, Tân Xuân | - Cải tạo 6.700m đơn tuyến cáp 3ACV95mm2 thành 3ACV240.<br>- Lắp mới 7 cái LBS | 11.563 | 40 | 4.055 | 4.760 | 0 | 0 | **8.855** | |
| 10 | Xây dựng mới nối tuyến mạch vòng Cụm CN Nhị Xuân năm 2022 | - Kéo mới 1.916m đơn tuyến cáp 3ACV240.<br>- Lắp mới 4 cái LBS | 3.100 | 40 | 2.660 | 1.200 | 0 | 0 | **3.900** | |
| 11 | Xây dựng mới nối tuyến trung thế thuộc xã Tân Hiệp, Xuân Thới Sơn, huyện Hóc Môn năm 2022 | - Kéo mới 8.888m đơn tuyến cáp 3ACV240 kéo mới, 703m cáp 3ACV50 và 116m cáp ngầm 3M240.<br>- Lắp đặt 10 cái LBS. | 14.367 | 40 | 5 | 6.300 | 6.000 | 0 | **12.345** | |
| 12 | Xây dựng mới nối tuyến trung thế thuộc các xã Thới Tam Thôn, Đông Thạnh, huyện Hóc Môn năm 2022 | - Kéo mới 5.963m đơn tuyến cáp 3ACV240 kéo mới, 260m cáp 3ACV50 và 220m cáp ngầm 3M240.<br>- Lắp đặt 7 cái LBS | 10.224 | 40 | 5 | 7.255 | 5.000 | 0 | **12.300** | |
| 13 | Xây dựng mới nối tuyến trung thế thuộc xã Thới Tam Thôn và xã Trung Chánh, huyện Hóc Môn năm 2022 | - Kéo mới 2.109m đơn tuyến cáp 3ACV240 kéo mới, 404m cáp ngầm 2x3M240.<br>-Lắp 3 cái LBS, 1 cái recloser | 7.340 | 40 | 5 | 5.060 | 3.000 | 0 | **8.105** | |
| | ***XDM lộ ra*** | | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | |
| | ***Ngầm hóa lưới điện đường*** | | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | |
| | ***XDM trạm ngắt*** | | | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | |

| | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | **Trang bị tài sản cố định năm 2022 cho Công ty Điện lực Hóc Môn** | | 0 | 0 | **1.240** | 0 | 0 | 0 | **1.240** | |
| | ***Trang bị thiết bị đóng cắt có chức năng SCADA*** | | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | |
| | ***Trang bị thiết bị đóng cắt (không SCADA)*** | | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | |
| | ***Trang bị máy biến thế*** | | | | | | | | - | |
| **III** | **Vốn phân cấp ĐTXD năm 2023** | | **227.695** | **-** | **2.255** | **20.815** | **64.811** | **30.026** | **113.207** | |
| | ***Các dự án cải tạo, XDM trạm công cộng, lưới trung, hạ thế năm 2023*** | | ***0*** | 0 | 0 | ***4.700*** | 0 | 0 | 0 | |
| 1 | XDM trạm chuyên dùng khu vực Huyện Hóc Môn năm 2023 | | ***206.489*** | 0 | ***25*** | 4.700 | ***64.811*** | ***30.026*** | ***98.277*** | |
| | ***Cải tạo, nâng cấp, XDM lưới điện trung thế năm 2023*** | | ***206.489*** | 0 | ***25*** | ***3.415*** | ***64.811*** | ***30.026*** | ***98.277*** | |
| 2 | Cải tạo, phát triển lưới hạ thế của các trạm biến áp trên địa bàn huyện Hóc Môn năm 2023 | | 9.871 | 0 | 5 | 2.400 | 2.000 | 0 | **4.405** | |
| 3 | Cải tạo VTTB để đảm bảo trạm biến áp vận hành an toàn trên lưới điện năm 2023 | | 1.029 | 0 | 5 | 500 | 100 | 0 | **605** | |
| 4 | Nâng cấp, phát triển lưới điện trung, hạ thế và trạm biến thế khu vực xã Đông Thạnh, Nhị Bình, Thới Tam Thôn, huyện Hóc Môn năm 2023 | | 53.195 | 0 | 5 | 100 | 15.000 | 10.000 | **25.105** | |
| 5 | Nâng cấp, phát triển lưới điện trung, hạ thế và trạm biến thế khu vực xã Tân Xuân, Trung Chánh, Bà Điểm, Xuân Thới Đông, Tân Hiệp, Tân Thới Nhì, huyện Hóc Môn năm 2023 | | 52.110 | 0 | 5 | 100 | 15.000 | 10.000 | **25.105** | |
| 6 | Nâng cấp, phát triển lưới điện trung, hạ thế và trạm biến thế khu vực xã Xuân Thới Sơn, Xuân Thới Thượng, huyện Hóc Môn năm 2023 | | 51.598 | 0 | 5 | 100 | 14.000 | 10.000 | **24.105** | |
| 7 | Tái bố trí lưới điện, trạm biến thế trong phạm vi ảnh hưởng của dự án xây dựng công trình đường Thị trấn – Thới Tam Thôn, huyện Hóc Môn | | 5.578 | 0 | 0 | 100 | 3.000 | 0 | **3.100** | |
| 8 | Hạ ngầm lưới điện nổi đoạn còn lại trên đường Lê Thị Hà, huyện Hóc Môn | | 1.342 | 0 | 0 | 50 | 700 | 0 | **750** | |
| 9 | Tái bố trí lưới điện giao cắt đường Vành Đai 3, huyện Hóc Môn | | 31.657 | 0 | 0 | 65 | 15.000 | 0 | **15.065** | |
| | **Các dự án liên quan đến trạm ngắt Phân chi Thị Trấn** | | | | | | | | | |

| | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 10 | Xây dựng mới 04 lộ cấp ngầm thuộc trạm ngắt Phân Chi Thị Trấn, huyện Hóc Môn giai đoạn 1 năm 2023 | - Kéo mới trung thế ngầm cáp đơn pha 3xM400mm2, chiều dài đơn tuyến: khoảng 4.665 mét.<br>- Kéo mới ống nhựa xoắn HDPE F150 với chiều dài: khoảng 3.000 mét.<br>- Kéo mới cáp đồng trần 95mm2, chiều dài đơn tuyến: khoảng 4.665 mét.<br>- Kéo mới trung thế ngầm cáp 3 pha 2x3M240mm2, chiều dài đơn tuyến: khoảng 1.150 mét.<br>- Lắp mới tủ RMU 3L 1MC, có chức năng scada: 01 tủ.<br>- Lắp mới hố cáp viễn thông và ống nhựa HDPE phẳng D90: 01 thành phần. | 59,579 | 0 | 0 | 0 | 5,96 | 14,30 | **20,26** | |
| 11 | Xây dựng mới 04 lộ cấp ngầm thuộc trạm ngắt Phân Chi Thị Trấn, huyện Hóc Môn giai đoạn 2 năm 2023 | - Kéo mới trung thế ngầm cáp đơn pha 3xM400mm2, chiều dài đơn tuyến: khoảng 3.325 mét.<br>- Kéo mới cáp đồng trần 95mm2, chiều dài đơn tuyến: khoảng 3.325 mét.<br>- Kéo mới trung thế ngầm cáp 3 pha 2x3M240mm2, chiều dài đơn tuyến: khoảng 1.620 mét.<br>- Lắp mới tủ RMU 3L 1MC, có chức năng scada: 01 tủ.<br>- Lắp mới LBS có scada: 02 bộ.<br>- Lắp mới hố cáp viễn thông và ống nhựa HDPE phẳng D90: 01 thành phần. | 50,552 | 0 | 0 | 0,00 | 5,06 | 12,13 | **17,19** | |
| | ***XDM lộ ra*** | | ***10.953*** | | ***170*** | ***4.650*** | 0 | 0 | ***4.820*** | |
| 10 | Xây dựng mới lộ ra Công Trừng, lộ ra Bến Đá trạm 110kV Đông Thạnh | XDM 1.468 mét cáp ngầm 24kV 2x3M240mm² màn chắn sợi đồng chống thấm nước; dự kiến lắp đặt 03 LBS và 03 DS. | 10.953 | | 170 | 4.650 | 0 | 0 | 4.820 | |
| | ***Trang bị máy biến thế và TSCD*** | | ***10.253*** | - | ***2.060*** | ***8.050*** | 0 | 0 | ***10.110*** | |
| 11 | Trang bị MBT để thay thế các máy không đáp ứng tiêu chuẩn vận hành lâu dài năm 2023 – Công ty Điện lực Hóc Môn | 40 MBT | 7.672 | | 2060 | 4.610 | 0 | 0 | **6.670** | |
| 12 | Trang bị tài sản cố định năm 2023 cho Công ty Điện lực Hóc Môn | | | 0 | 0 | 1.250 | 0 | 0 | **1.250** | |
| 13 | Trang bị camera nhiệt hồng ngoại cầm tay | | 407 | 0 | 0 | 255 | 0 | 0 | **255** | |
| 14 | Trang bị máy đo phóng điện cục bộ cầm | | 638 | 0 | 0 | 580 | 0 | 0 | **580** | |
| 15 | Trang bị bổ sung thiết bị đóng cắt có chức năng SCADA phục vụ vận hành DAS – Công ty Điện lực Hóc Môn | | 520 | 0 | 0 | 455 | 0 | 0 | 455 | |
| 16 | Trang bị xe đầu kéo chuyên dùng và SMRM chở máy phát điện | | 1.016 | 0 | 0 | 900 | 0 | 0 | **900** | |
| **IV** | **Vốn phân cấp ĐTXD năm 2024** | | **98.391** | 0 | 0 | 0 | **12.700** | **36.500** | **49.200** | |
| | ***Các dự án cải tạo, XDM trạm công cộng, lưới trung, hạ thế năm 2024*** | | ***40.000*** | 0 | 0 | 0 | ***5.000*** | ***15.000*** | ***20.000*** | |

| | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Xây dựng mới lưới điện và trạm biến thế khu vực huyện Hóc Môn năm 2024 | - Xây dựng mới 3.000 mét đơn tuyến trung thế nổi sử dụng cáp 3ACV95mm2 bọc 24kV + AC70mm2;<br>-XDM 45 trạm biến áp với tổng công suất 18.000kVA;<br>-Xây dựng mới 15.000 mét cáp ABC4x95mm2; | 40.000 | 0 | 0 | 0 | 5.000 | 15.000 | **20.000** | |
| | ***Cải tạo, XDM lưới điện trung thế năm 2024*** | | ***54.281*** | 0 | 0 | 0 | ***4.200*** | ***21.500*** | ***25.700*** | |
| 2 | XDM lưới trung thế nối tuyến đảm bảo vận hành N-1 các nhánh rẽ khu vực xã Tân Hiệp, Tân Thới Nhì, Xuân Thới Sơn, Xuân Thới Thượng năm 2023 | Kéo mới cáp ACV240 b24kV (9248m), LBS scada (8 cái) | 13.610 | 0 | 0 | 0 | 1.000 | 5.000 | **6.000** | |
| 3 | Cải tạo nhánh rẽ T3 Tân Hiệp nối tuyến Thị Trấn (NR Tân Thới 3) | ACV240 cai tao 95 -> 240 (1302+242), ACV240 XDM (146) | 1.871 | 0 | 0 | 0 | 100 | 800 | **900** | |
| 4 | Cải tạo nhánh rẽ XTS 16 Ng Va Bua nối tuyến Duong Cong Khi (NR XTS 2B) | ACV240 cai tao 50,95 -> 240 (1721), LBS scada (1) | 2.346 | 0 | 0 | 0 | 100 | 1.000 | **1.100** | |
| 5 | Cải tạo nhánh rẽ Dthanh 4 - Dthanh 10 (tuyen Ap Don) | ACV240 cai tao 50,95 -> 240 (563+34+1178+659), M240 (66+50), LBS scada (1) | 3.684 | 0 | 0 | 0 | 300 | 1.400 | **1.700** | |
| 6 | Cải tạo nhánh rẽ Tam Dong 2 | ACV240 cai tao 50,95 -> 240 (917), LBS scada (2) | 1.919 | 0 | 0 | 0 | 200 | 800 | **1.000** | |
| 7 | Tăng cường đảm bảo vận hành N-1 cho các nhánh rẽ cáp ngầm vận hành 1 sợi | Kéo mới 2107m cáp ngầm M240 | 10.400 | 0 | 0 | 0 | 1.000 | 4.000 | **5.000** | |
| 8 | XDM lưới trung thế nối tuyến đảm bảo vận hành N-1 cụm CN Xuân Thới Sơn, KDC Hoàng Hải | Kéo mới 3.25km cáp 3ACV240, lắp 6 LBS | 6.141 | 0 | 0 | 0 | 500 | 2.500 | **3.000** | |
| 9 | XDM lưới trung thế nối tuyến đảm bảo vận hành N-1 các nhánh rẽ khu vực xã Thới Tam Thôn, Thị Trấn, Đông Thạnh, Nhị Bình năm 2024 | Kéo mới cáp ACV240 b24kV (9757m), LBS scada (9 cái) | 14.310 | 0 | 0 | 0 | 1.000 | 6.000 | **7.000** | |
| | ***Trang bị máy biến thế*** | | ***4.110*** | 0 | 0 | 0 | ***3.500*** | 0 | ***3.500*** | |
| 10 | Trang bị MBT để thay thế các máy không đáp ứng TCVH lâu dài năm 2024 - PCHM | 25 MBT | 4.110 | 0 | 0 | 0 | 3.500 | 0 | **3.500** | |
| V | **Vốn phân cấp ĐTXD năm 2025** | | **58.390** | 0 | 0 | 0 | **500** | **30.000** | **30.500** | |
| | ***Các dự án cải tạo, XDM trạm công cộng, lưới trung, hạ thế năm 2025*** | ***XDM 45 trạm, công suất tăng thêm 18 MVA*** | ***40.000*** | 0 | 0 | 0 | ***500*** | ***20.000*** | ***20.500*** | |
| 1 | Xây dựng mới lưới điện và trạm biến thế khu vực huyện Hóc Môn năm 2025 | - Xây dựng mới 3.000 mét đơn tuyến trung thế nổi sử dụng cáp 3ACV95mm2 bọc 24kV + AC70mm2;<br>-XDM 45 trạm biến áp với tổng công suất 18.000kVA;<br>-Xây dựng mới 15.000 mét cáp ABC4x95mm2; | 40.000 | 0 | 0 | 0 | 500 | 20.000 | **20.500** | |
| | ***Cải tạo, XDM lưới điện trung thế năm 2025*** | | ***14.890*** | | | | | ***7.000*** | ***7.000*** | |
| 2 | XDM lưới trung thế nối tuyến đảm bảo vận hành N-1 các nhánh rẽ khu vực xã Tân Xuân, Trung Chánh, Bà Điểm, Xuân Thới Đông năm 2025 | Kéo mới cáp ACV240 b24kV (11220m), LBS scada (11 cái) | 14.890 | 0 | 0 | 0 | 200 | 7.000 | **7.200** | |
| | ***Trang bị máy biến thế*** | | ***3.500*** | ***0*** | 0 | 0 | 0 | ***3.000*** | **3.000** | |
| 3 | Trang bị MBT để thay thế các máy không đáp ứng TCVH lâu dài năm 2025 - PCHM | 15 MBT | 3.500 | 0 | 0 | 0 | 0 | 3.000 | **3.000** | |

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN HÓC MÔN

**Phụ lục 40**

**DANH SÁCH VĂN BẢN CHỈ TIÊU 8.6 & 8,8 BỘ TIÊU CHÍ HUYỆN NTM NÂNG CAO**

| STT | SỐ/KÝ HIỆU | Ngày ban hành | TRÍCH YẾU |
|---|---|---|---|
| 1 | 5805/KH-UBND | 27/12/2023 | về triển khai công tác bảo đảm an toàn thực phẩm, phòng, chống ngộ độc thực phẩm Tết Nguyên đán Giáp thìn và Lễ hội Xuân năm 2024 |
| 2 | 120/QĐ-UBND | 9/1/2024 | về thực hiện kế hoạch phòng, chống tác hại rượu bia trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2023-2025 |
| 3 | 681/KH-UBND | 7/2/2024 | về việc tăng cường công tác phòng, chống ngộ độc rượu trong dịp Tết Nguyên đán và Lễ hội Xuân năm 2024. |
| 4 | 2700/KH-UBND | 3/6/2024 | về kế hoạch bảo đảm an toàn thực phẩm tại các hoạt động hè trên địa bàn huyện năm 2024. |
| 5 | 4963/BC-UBND | 15/11/2023 | Báo cáo kết quả thực hiện công tác quản lý an toàn thực phẩm năm 2023 |
| 6 | 3318/TB-BQLATTP | 28/12/2024 | kết quả phúc tra thang điểm thi đua công tác đảm bảo an toàn thực phẩm năm 2023 của Ban quản lý ATTP Thành phố |
| 7 | 2235/BC-UBND | 13/5/2024 | Báo cáo kết quả thực hiện công tác quản lý an toàn thực phẩm 6 tháng đầu năm 2024 |
| 8 | 4963/BC-UBND | 15/11/2023 | Báo cáo kết quả thực hiện công tác quản lý an toàn thực phẩm năm 2023 |
| 9 | 3318/TB-BQLATTP | 28/12/2024 | kết quả phúc tra thang điểm thi đua công tác đảm bảo an toàn thực phẩm năm 2023 của Ban quản lý ATTP Thành phố |
| 10 | 2235/BC-UBND | 13/5/2024 | Báo cáo kết quả thực hiện công tác quản lý an toàn thực phẩm 6 tháng đầu năm 2024 |
| 11 | 1259/KH-UBND | 27/3/2024 | Kế hoạch kiểm tra liên ngành vệ sinh an toàn thực phẩm, vệ sinh môi trường, đăng ký kinh doanh trong hoạt động kinh doanh thực phẩm tại các khu vực xung quanh Chợ Đầu mối nông sản thực phẩm Hóc Môn. |
| 12 | 1805/QĐ-UBND | 25/4/2024 | Quyết định kiện toàn Đoàn Kiểm tra An toàn thực phẩm trên địa bàn huyện Hóc Môn. |
| 13 | 3420/QĐ-UBND | 26/6/2023 | Quyết định thành lập Tổ Liên ngành kiểm tra, xử lý vi phạm về trật tự an toàn giao thông, trật tự đô thị, vệ sinh môi trường đối với các tổ chức, cá nhân kinh doanh trên các tuyến đường xung quanh Chợ đầu mối nông sản thực phẩm Hóc Môn. |
| 14 | 2058/TB-QLĐT | 7/7/2023 | Thông báo huy động, phân công lực lượng của Đội tham gia Tổ liên ngành Chợ đầu mối. |
| 15 | 1457/UBND-KT | 4/1/2024 | Công văn đề xuất cơ chế, chính sách tài chính, đảm bảo phương tiện, điều kiện làm việc phục vụ hoạt động của lực lượng thực hiện công tác đảm bảo an ninh trật tự, an toàn thực phẩm, vệ sinh môi trường tại các khu vực xung quanh chợ đầu mối. |
| 16 | 4369/QĐ-UBND | 23/8/2024 | Quyết định thành lập Tổ Kiểm tra liên ngành vệ sinh an toàn thực phẩm, vệ sinh môi trường, đăng ký kinh doanh trong hoạt động sản xuất, kinh doanh thực phẩm trên địa bàn huyện Hóc Môn. |

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN HÓC MÔN

Phụ lục 41

## DANH SÁCH CÁC CƠ SỞ SẢN XUẤT, KINH DOANH THỰC PHẨM THUỘC QUẢN LÝ CỦA HUYỆN

| STT | Tên cơ sở | Tên đại diện | Địa chỉ | Phường/xã | Loại hình | Ghi chú | Đánh giá tuân thủ ATTP (X) |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| **I. Các cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống không bao gồm bếp ăn tập thể, suất ăn sẵn (thuộc lĩnh vực y tế)** | | | | | | | |
| 1 | CĂN TIN THCS ĐÔNG THẠNH | Trần Mạnh Hùng | 18, Ấp 1 | ĐT | DVAU | YTHĐ | X |
| 2 | CĂN TIN TH VÕ VĂN THẶNG | Mai Ngọc Sương | 170 Bùi Công Trừng, ấp 4 | NB | DVAU | YTHĐ | X |
| 3 | HKD CAFE VIACO | Phạm Minh Trường | 02 Phan Văn Hớn, ấp 7 | XTT | DVAU | | X |
| 4 | HKD CĂN TIN THU THỦY | Nguyễn Thị Thu Thủy | 1139 Nguyễn Văn Bứa, Ấp 6 | XTS | DVAU | YTHĐ | X |
| 5 | HKD CĂN TIN THPT HỒ THỊ BI | Trương Thị Diễm Châu | 32, Tân Hiệp 28, ấp Tân Thới 3 | TH | DVAU | YTHĐ | X |
| 6 | CAN TIN THCS TÔ KÝ | Nguyễn Hoàng Tâm | 12, ấp Chánh 1 | TX | DVAU | YTHĐ | X |
| 7 | HKD CĂN TIN THPT LÝ THƯỜNG KIỆT | Bùi Quốc Vương | ấp Nam Thới | TTT | DVAU | YTHĐ | X |
| 8 | HKD CĂN TIN TH TAM ĐÔNG 2 | Trương Thị Minh Nga | 19/23, ấp Thới Tứ | TTT | DVAU | YTHĐ | X |
| 9 | HKD KARASU KOI CAFE GARDEN | Trần Đức Long | 23/2 ấp Hưng Lân | BĐ | DVAU | | X |
| 10 | HKD PHAN VĂN MẠNH | Phan Văn Mạnh | 380 Đặng Thúc Vịnh, Thới tứ 1 | TTT | DVAU | | X |
| 11 | HKD Lê Thi Kim Chi | Lê Thị Kim Chi | 105 Tân Thới Nhì 24, Nhị Tân 1 | TTN | DVAU | YTHĐ | X |
| 12 | Căn tin Trường THCS Trung Mỹ Tây 1 | Trần Ngọc Anh | 3A Nguyễn Ảnh Thủ, ấp Mỹ Huề | TC | DVAU | YTHĐ | X |
| 13 | HKD Phố coffee Koi | Nguyễn Đức Hạnh | 3/104A Trần Thị Bốc, Nam Thới | TTT | DVAU | | X |
| 14 | Căn tin trường TH Nguyễn An Ninh | Nguyễn Thị Huệ | 812, Song hành QL22, KP4 | TT | DVAU | YTHĐ | X |
| 15 | Căn tin trường TH Hoàng Hoa Thám | Trần Thị Thanh Dung | 209 Đặng Thúc Vịnh, Ấp 7 | ĐT | DVAU | YTHĐ | X |
| 16 | Căn tin trường TH Thới Thạnh | Trần Ngân Khánh | 363, Ấp 1 | ĐT | DVAU | YTHĐ | X |
| 17 | HKD Can tin Hoa Ngọc | Trần Thị Ngọc | 1483/1 Đặng Thúc Vịnh, Ấp 3 | ĐT | DVAU | YTHĐ | X |
| 18 | HKD Vườn Thảo Mộc | Nguyễn Văn Mai | 36/3 Ấp 7 | | DVAU | | X |

| STT | Tên cơ sở | Tên đại diện | Địa chỉ | Phường/xã | Loại hình | Ghi chú | Đánh giá tuân thủ ATTP (X) |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 19 | HKD căn tin trường TH Trần VĂn Mười | Trương Thị Hiền | 70 Trần Văn Mười, XTĐ3 | XTĐ | DVAU | YTHĐ | X |
| 20 | HKD 9999 | Cao Minh Tâm | 5/5F Hưng Lân | BĐ | DVAU | | X |
| 21 | Trần Văn Huấn | Trần Văn Huấn | 99A Ấp 3 | ĐT | DVAU | | X |
| 22 | HKD Trần T Thiên Nga (catin Tam Đông | Trần Thị Thiên Nga | 152/5B Tam Đông 2 | TTT | DVAU | YTHĐ | X |
| 23 | HKD Su Bông | Nguyễn Văn Lợi | 1/193A KP7 | TT | DVAU | | X |
| 24 | Căn tin THCS Đặng Công Binh | Lê Thị Bích Liên | 78 Bùi Công Trừng, ấp 3 | NB | DVAU | YTHĐ | X |
| 25 | HKD Quán ăn Dê 7 món | Nguyễn Thị Thu | 33/6A, ấp Tây Lân | BĐ | DVAU | | X |
| 26 | Hương quê Center | Nguyễn Văn Tùng | 94/6A Ấp 1 | | DVAU | | X |
| 27 | HKD Trà sữa Teamo | Lê Ngọc Danh | 129/1 Nguyễn Ảnh Thủ, TC 1 | TC | DVAU | | X |
| 28 | HKD căn tin Hoa Ngọc | Trần Thị Ngọc | 1489/1 Đặng Thúc Vịnh, Ấp 3 | ĐT | DVAU | YTHĐ | X |
| 29 | HKD Căn tin Nhung | Nguyễn Thị Hồng Nhung | 189E Đặng Công Binh, Ấp 5 | XTS | DVAU | YTHĐ | X |
| 30 | HKD Quán ăn Làng Vòng | Nguyễn Hồng Bảo Khoa | 47/5D ấp Mỹ Huề | TC | DVAU | | X |
| 31 | Caăn tin TH Lý Chính Thắng 2 | Phạm Gia Huy | 90/9A ấp Thống Nhất 2 | TTN | DVAU | YTHĐ | X |
| 32 | HKD QAGĐ Vọng các | Trần Viết Hoàng | 53/2A Dân thắng 1 | Tân Thới Nhì | DVAU | | X |
| 33 | HKD 34 | Tạ Xuân Giáp | 34 Nguyễn Thị Thử, Ấp 3 | Xuân Thới Sơn | DVAU | | X |
| 34 | HKD quán bê thui Sài Gòn | Nguyễn Minh Lan | 45/1N ấp Mỹ Hòa 1 | Trung Chánh | DVAU | | X |
| 35 | Nhóm nấu ăn Đức | Nguyễn Văn Đức | 115/4 Tây Lân | Bà Điểm | DVAU | | X |
| 36 | HKD rau má mix | Hà Thị Yến Nhi | 150/1A Nguyễn ẢNh Thủ, ấp TC2 | Trung Chánh | DVAU | | X |
| 37 | HKD trà sữa Te amo 79 | Phạm Bình Nguyên | 1/70C Lê Thị Hà, ấp Đinh | Tân Xuân | DVAU | | X |
| 38 | HKD Cueicha | Hoàng Anh Thư | 46/3I ấp Mỹ Hòa 1 | Trung Chánh | DVAU | | X |
| 39 | HKD Hải sản Nha Trang 2 | Trần Ngọc Loan | 45/2B ấp Chánh 1 | Tân Xuân | DVAU | | X |
| 40 | HKD Café Đại Hải | Trần Văn Thành | 1016 Phan Văn Hớn, Ấp 5 | Xuân Thới Thượng | DVAU | | X |
| 41 | HKD căn tin Minh Tâm | Võ Thị Minh Tâm | 66/6 Lê Thị Hồng Gấm, KP 3 | Thị trấn HM | DVAU | YTHĐ | X |
| 42 | HKD sữa chua trân châu Hạ Long Lê Thị Hà | Lê Quốc Chương | 2/98 Lê Thị Hà, ấp Đình | Tân Xuân | DVAU | | X |
| 43 | HKD cantin trường THCS Lý Chính Thắng 1 | Nguyễn Thị Mỹ Dung | 5/5 Dân Thắng 2, | Tân Thới Nhì | DVAU | YTHĐ | X |
| 44 | HKD Hồng Anh | Lê Hồng Hải | 83/3C ấp Tân Thới 1 | Tân Hiệp | DVAU | | X |
| 45 | HKD cantin TH Bùi Văn Ngữ | Nguyễn Thị Thúy | 1/21 Tiền Lân | Bà Điểm | DVAU | | X |

| STT | Tên cơ sở | Tên đại diện | Địa chỉ | Phường/xã | Loại hình | Ghi chú | Đánh giá tuân thủ ATTP (X) |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 46 | HKD Bia Sệt 567 | Nguyễn Duy Vinh | 56/4 SH-QL22, Mỹ Hòa 3 | Tân Xuân | DVAU | | X |
| 47 | HKD Hana Coffee | Hà Thị Hà | 144 XTT7, ấp 3 | Xuân Thới Thượng | DVAU | | X |
| 48 | HKD Nguyễn Thị Thắng | Nguyễn Thị Thắng | 64/9D Tô Ký, tổ 2, ấp Chánh 2 | Tân Xuân | DVAU | | X |
| 49 | HKD Nướng Ngon | Trần Thị Thúy Sang | 45/2R ấp Mỹ Hòa 1 | Trung Chánh | DVAU | | X |
| 50 | HKD Mì cay Sasin | Trần Thị Xuân Thu | 28/3 ấp Hưng Lân | Bà Điểm | DVAU | | X |
| 51 | HKD Chicken plus Phan Văn Hớn | Nguyễn Thị Hồng CẨm | 51/5 Tiền Lân | Bà Điểm | DVAU | | X |
| 52 | HKD Nguyễn Thị Thu Vân | Nguyễn Thị Thu Vân | 35 Phan Văn Hớn, ấp 4 | Xuân Thới Thượng | DVAU | YTHĐ | X |
| 53 | HKD Thảo Xuân | Lê Thị Thanh Xuân | 43/6B KP8 | Thị trấn HM | DVAU | | X |
| 54 | HKD dê tươi Bà Điểm | Huỳnh Hồ Quốc Dũng | 50/1G Nam Lân | Bà Điểm | DVAU | | X |
| 55 | HKD cơ sở kinh doanh Trần Văn Được | Trần Văn Được | 9/4 Trịnh Thị Dối, Ấp 4 | Đông Thạnh | DVAU | | X |
| 56 | HKD Mộc Coffee & beer | Nguyễn Đức Tuấn | 100/27A Trịnh Thị Dối, Ấp 3 | Đông Thạnh | DVAU | | X |
| 57 | HKD căn tin trường TH Nam Kỳ Khởi Nghĩa | Lê Thị Mười Bốn | 28/1 Hồ Ngọc Cẩn, ấp Trung Chánh 1 | Trung Chánh | DVAU | YTHĐ | X |
| 58 | | Trần Thị Quốc Nghĩa | 26/1C, Ấp 3 | Xuân Thới Sơn | DVAU | YTHĐ | X |
| 59 | HKD Lư Hải | La Tô Múi | 149, ấp Tân Thới 2 | Tân Hiệp | DVAU | | X |
| 60 | HKD Lẩu bò 3 ĐuônL | Biện Văn Phụng | 141/8K, ấp Tân Thới 2 | Tân Hiệp | DVAU | | X |
| 61 | HKD Cantin trường THCS Tân Xuân | Ngô Thị Ngọc Hương | số 1, QL22, ấp Tân Tiến | Xuân Thới Đông | DVAU | YTHĐ | X |
| 62 | HKD Cantin trường TH Tân Xuân | Lê Thị Kim Chi | số 3/6B ấp Mỹ Hòa 4 | Xuân Thới Đông | DVAU | YTHĐ | X |
| 63 | HKD Magic Coffee | Lê Thị Diệu Phương | số F18 ấp Mỹ Hòa 4 | Xuân Thới Đông | DVAU | | X |
| 64 | HKD Nhóm nấu ăn Xuân Thanh | Nguyễn Thị Thanh | 45/4A Tây Lân | Bà Điểm | DVAU | | X |
| 65 | HKD cửa hàng Lê-Vũ | Lê HÙng Sơn | 47/7 Phan Văn Hớn, Tiền Lân 1 | Bà Điểm | DVAU | | X |
| 66 | HKD căn tin trường TH Nguyễn Thị Nuôi | Lê Nguyễn Mộng Huỳnh | 402, Tô Ký, Tam Đông | Thới Tam Thôn | DVAU | YTHĐ | X |
| 67 | HKD X Men | Nguyễn Thanh Quang | 17/3B, ấp Chánh 2 | Tân Xuân | DVAU | | X |
| 68 | HKD Trà sữa Lê Vũ | Lê Vũ Sơn Tùng | 1/83D Lê Thị Hà, ấp Đình | Tân Xuân | DVAU | | X |
| 69 | HKD nhóm nấu ăn Đệ Tam | Mai Thị Thiệu | 2/126B ấp Tân Lập, | Tân Thới Nhì | DVAU | | X |
| 70 | HKD Phố Xưa | Phan Tấn Thuận | 126/8 Trung Chánh 1 | Trung Chánh | DVAU | | X |

| STT | Tên cơ sở | Tên đại diện | Địa chỉ | Phường/xã | Loại hình | Ghi chú | Đánh giá tuân thủ ATTP (X) |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 71 | HKD căn tin Trường Trương Văn Ngải | Nguyễn Thị Bích Hạnh | 107-108 liên xã thị trấn - tân Hiệp, ấp Tân Thới 2 | Tân Hiệp | DVAU | YTHĐ | X |
| 72 | HKD Nguyễn Tứ (THCD thị trấn HM) | Nguyễn Thị Tứ | 23 Lê Thị Hà, KP8, thị trấn HM | Thị trấn HM | DVAU | YTHĐ | X |
| 73 | HKD Dâu Tây | Nguyễn Phương Tú | 27/6 KP4 | Thị trấn HM | DVAU | | X |
| 74 | HKD cà phê Hương Xưa | Phạm Tấn Lập | 108 Ấp 3 | Xuân Thới THượng | DVAU | | X |
| 75 | HKD Glory One Coffee | Lê Tiến Dũng | 67/6 ấp Mỹ Hòa 3 | Tân Xuân | DVAU | | X |
| 76 | HKD Quán ăn gia đình | Trà Văn Thân | 2/57E, ấp đình | Tân Xuân | DVAU | | X |
| 77 | Năm mập | Dương Minh Trí | 9/4C, Bắc Lân | Bà Điểm | DVAU | | X |
| 78 | KHD Cô Chủ Nhỏ | Trương Nguyễn Quang Nhật | 6/7B, ấp Mới 1, | Tân Xuân | DVAU | | X |
| 79 | HKD Hồ Quang Tường | Hồ Quang Tường | 636 Nguyễn Thị Ngâu, Trung Đông | Thới Tam Thôn | DVAU | | X |
| 80 | Hải Long | Hoàng Hưng Thái | 27/11B, HƯng Lân | Bà Điểm | DVAU | | X |
| 81 | HKD Cánh đồng hoang | Nguyễn Thị Băng Tuyết Tâm | 32/5 ấp Trung Đông 2, | Thới Tam Thôn | DVAU | | X |
| 82 | HKD cơ sở Ngọc Hà | Nguyễn Thị Chuyền | 98/62/33 ấp 5 | Đông Thạnh | DVAU | | X |
| 83 | HKD hủ tiếu nam vang A Toàn | Lê Nguyễn Toàn | 40/3F Hậu Lân | Bà Điểm | DVAU | | X |
| 84 | HKD QAGĐ Hoa Sứ | Vương Quốc Thúc | 135/7 Lê Lợi, ấp Tân Thới 2 | Tân Hiệp | DVAU | | X |
| 85 | HKD quán: cây mận | Nguyễn Thanh Điền | 1/31 Trần Thị Bốc, Nam Thới | Thới Tam Thôn | DVAU | | X |
| 86 | HKD căn tin trường TH Mỹ Huề | Hồ Hữu Trung | 59/5A Mỹ Hòa 1 | Trung Chánh | DVAU | YTHĐ | X |
| 87 | HKD Phạm Ngọc Lâm | Phạm Ngọc Lâm | 24/6A Nguyễn Thị Thử, ấp 3 | Xuân Thới Sơn | DVAU | | X |
| 88 | Căn tin TH Mỹ Hòa | Lương Thị Lừng | 58/8D, Mỹ Hòa 3 | Tân Xuân | DVAU | YTHĐ | X |
| 89 | Căn tin TH Xuân Thới Thượng | Nguyễn Tường Khoa | 10 Phan Văn Hớn, ấp 2 | Xuân Thới Thượng | DVAU | YTHĐ | X |
| 90 | Minh Quý | Châu Văn Hiền | 27/6 Thống Nhất 1 | Tân Thới Nhì | DVAU | | X |
| 91 | HKD Quán ăn Sơn Dê quán | Nguyễn Văn Sơn | 1611 Phan Văn Hớn, ấp 1 | Xuân Thới Thượng | DVAU | | X |
| 92 | HKD Đồng Quê | Nguyễn Văn Sơn | 16/5 Mới 1 | Tân Xuân | DVAU | | X |
| 93 | Căn tin TH Thới Tam | Nguyễn Thị Bích Vân | 4/111 Nam Thới | Thới Tam Thôn | DVAU | YTHĐ | X |
| 94 | HKD 123K Nướng ngon - bĐ | Nguyễn Thị Ngọc Mai | 6/7 Tiền Lân | Bà Điểm | DVAU | | X |
| 95 | HKD Trần Ngân Khánh | Trần Ngân Khánh | 1489A ấp 3 | Đông Thạnh | DVAU | YTHĐ | X |

| STT | Tên cơ sở | Tên đại diện | Địa chỉ | Phường/xã | Loại hình | Ghi chú | Đánh giá tuân thủ ATTP (X) |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 96 | HKD Phạm Vĩnh Hồng Châu | Phạm Vĩnh Hồng Châu | 51/2 Hậu Lân | Bà Điểm | DVAU | YTHĐ | X |
| 97 | Căn tin THCS Phan Công Hớn | Nguyễn Lê Phương Vũ | 18/6 Nguyễn ẢNh Thủ | Bà Điểm | DVAU | YTHĐ | X |
| 98 | HKD Căn tin Kim Thủy (TTDN-GDTX) | Trần Thị Thu Thủy | 65 Đỗ Văn Dậy Tân Thới 1 | Tân Hiệp | DVAU | YTHĐ | X |
| 99 | HKD Căn tin THPT Bà Điểm | Nguyễn Phú Hải | 7 Nguyễn Thị Sóc, Bắc Lân | Bà Điểm | DVAU | YTHĐ | X |
| 100 | HKD Sala Coffee | Nguyễn Hữu Quân | 429 Bùi Công Trừng Ấp 1 | Nhị Bình | DVAU | | X |
| 101 | HKD bún đậu Mạc Văn Khoa | Mạc Văn Khang | 198A Tô Ký, Tam Đông | Thới Tam Thôn | DVAU | | X |
| 102 | HKD hủ tiếu nam vang Thanh Sang | La Thanh Sang | 8/2A ấp Chánh 2 | Tân Xuân | DVAU | | X |
| 103 | HKD cantin truong PTTH Nguyễn Hữu Cầu | Lê Thị Hòa | 3 Tô Ký, ấp Mỹ Huề | Trung Chánh | DVAU | YTHĐ | X |
| 104 | HKD Cây Dừa | Nguyễn Văn Minh | 2/7K ấp Chánh 2 | Tân Xuân | DVAU | | X |
| 105 | HKD Đại Việt | Phan Anh Toàn | 45 SH-QLL22, Mỹ Hòa 1 | Trung Chánh | DVAU | | X |
| 106 | HKD Phan T Tuyết Lan | Phan T Tuyết Lan | 50/43 Ấp 6, | Xuân Thới Sơn | DVAU | | X |
| 107 | HKD Quán ăn Kim Quán | Lê Tấn Triết | 186, Lê Thị Hà, ấp Chánh 1 | Tân Xuân | DVAU | | X |
| 108 | Kim Ngọc | Tăng Quang | 13/2A KP6 | Thị trấn HM | DVAU | | X |
| 109 | HKD Mẹt cuốn 47 | Đỗ Văn Minh | 77/3A ấp Vạn Hạnh | Trung Chánh | DVAU | | X |
| 110 | | Trần VĂn Dũng | 1/132B, Trung Mỹ-TX, ấp Đình | Tân Xuân | DVAU | | X |
| 111 | Xưa và Nay | Trần Hưng | 2/87 ấp Đình | Tân Xuân | DVAU | | X |
| 112 | HKD Nguyễn Ngọc Phương Trang | Nguyễn Ngọc Phương Trang | 12/120B Trưng Nữ Vương, KP5 | Thị trấn HM | DVAU | | X |
| 113 | HKD Hồng Trà Ngô Gia | Phạm Thị Hồng | 93/1B, Lê Lợi, ấp Dân Thắng 2 | Tân Thới Nhì | DVAU | | X |
| 114 | HKD Sapa coffee 24H | Nguyễn Văn Dưỡng | 34/5E ấp Đông Lân, | Bà Điểm | DVAU | | X |
| 115 | HKD Quán ăn Hiệp Phước A | Nguyễn T Hồng Giá | 44, ấp Đông | Thới Tam Thôn | DVAU | | X |
| 116 | HKD Con Gà đen | Trần Hải Yến | 17/3C SH-QL22, ấp Chánh 2 | Tân Xuân | DVAU | | X |
| 117 | HKD Anna Koi Cooffee Garden | Trần Thị Bích Đào | 206 Tô Ký, Tam Đông 1 | Thới Tam Thôn | DVAU | | X |
| 118 | HKD Bò Hầu sốt cay | Phạm Chí Hùng | 37/4 ấp TC2 | Trung Chánh | DVAU | | X |
| 119 | HKD Vườn xanh Tĩnh Lặng | Đoàn Thị Mỹ Hạnh | 4/4 ấp Mỹ Huề | Trung Chánh | DVAU | | X |
| 120 | | Nguyễn Thành Thủy | 29/7Đ ấp Chánh 2 | Tân Xuân | DVAU | | X |
| 121 | HKD 2 Anh em Đồng quê | Đoàn Thị Tố Hương | 111/8C ấp Tân Thới 2 | Tân Hiệp | DVAU | | X |

| STT | Tên cơ sở | Tên đại diện | Địa chỉ | Phường/xã | Loại hình | Ghi chú | Đánh giá tuân thủ ATTP (X) |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 122 | HKD Quán ăn Bờ Sông | Phan Vương Quốc Dũng | 9/4G, Tổ 2, ấp Tân Hòa | Tân Hiệp | DVAU | | X |
| 123 | HKD Vườn nướng HQ | Trần Thị Bạch Thủy | 19/9 ấp Chánh 2 | Tân Xuân | DVAU | | X |
| 124 | Cà phê nước giải khát home land | Nguyễn Văn Nam | 120/2B ấp Tây Lân | Bà Điểm | DVAU | | X |
| 125 | HKD Sa pa coffee 24h Bà Triệu | Trương Thị Kim Thủy | 62/4 Bà Triệu, KP 1 | Thị trấn HM | DVAU | | X |
| 126 | | Nguyễn Văn Hờn | 135/4 ấp 5 | Xuân Thới Thượng | DVAU | | X |
| 127 | HKD Quán cơm Dì bảy | Đặng Thiên Hương | 37/9A KP8 | Thị trấn HM | DVAU | | X |
| 128 | HKD Quán bún Nha Trang | Huỳnh Văn Minh | 15/6 Mỹ Hòa 1 | Trung Chánh | DVAU | | X |
| 129 | HKD Đá cà phê | Nguyễn Tăng Quốc | 32/9 Nguyễn Ảnh Thủ, ấp Hưng Lân | Bà Điểm | DVAU | | X |
| 130 | HKD quán ăn Năm Thuyền | Lê Thị Hồng Thủy | 64/2 QL22, ấp 1 | Xuân Thới Sơn | DVAU | | X |
| 131 | HKD Sáu Phát | Nguyễn Đức Quang | 33/6 ấp Vạn Hạnh | Trung Chánh | DVAU | | X |
| 132 | Căn tin THCS Đỗ Văn Dậy | Nguyễn Thị Xuân Mai | 8 Huỳnh Thị Mài, ấp Thới Tây 1 | Tân Hiệp | DVAU | YTHĐ | X |
| 133 | HKD Quốc việt cà phê | Ngô Hùng Đức | 40/1 Lê Thị Hà, KP8 | Thị trấn HM | DVAU | | X |
| 134 | HKD Lê Thị Ngọc Mai | Lê Thị Ngọc Mai | 23/4 ấp 2 | Xuân Thới Sơn | DVAU | | X |
| 135 | HKD Lê Hoàng Anh | Lê Hoàng Anh | 72/5A ấp Mỹ Hòa 1 | Trung Chánh | DVAU | | X |
| 136 | HKD Quán Vị Ngọt | Lương Văn Tuấn | 2/108 SH-QL22, ấp Đình | Tân Xuân | DVAU | | X |
| 137 | Liên | Lê Thị Phượng | 40/6 KP4, TTHM | Thị trấn HM | DVAU | | X |
| 138 | | Nguyễn Kim Hương | 22/2 ấp Đình | Tân Xuân | DVAU | | X |
| 139 | Căn tin trường TH Cầu Xáng | Trần Thị Phương Dung | 50 ấp Thới Tây 2 | Tân Hiệp | DVAU | YTHĐ | X |
| 140 | HKD Lộc Phát | Phan Hữu Lộc | 92/4 ấp Vạn Hạnh | Trung Chánh | DVAU | | X |
| 141 | HKD hệ thống dê tươi city Cúc Phương 9 | Vũ Hải Đăng | 415 Tô Ký, ấp Chánh | Tân Xuân | DVAU | | X |
| 142 | HKD Mì Vịt Tiềm | Lư Ngọc Thu | 34/11 và 34/12 Lê Thị Hà, KP8 | Thị trấn HM | DVAU | | X |
| 143 | HKD A Bầu | Nguyễn Thị Mỹ Siêng | 2/129 ấp Đình | Tân Xuân | DVAU | | X |
| 144 | HKD Đoàn Thị Kim Phượng | Đoàn Thị Kim Phượng | 65/4 Bà Triệu, KP1 | Thị trấn HM | DVAU | | X |
| 145 | HKD Quán Cô ba nữ | Ngô Thị Thùy Trang | 28/8 ấp Trung Đông 2 | Thới Tam Thôn | DVAU | | X |
| 146 | HKD Trăng Non | Phạm Hồng Phúc | 16/6 Nguyễn Ảnh Thủ, ấp Hưng Lân | Bà Điểm | DVAU | | X |
| 147 | HKD Năm Bân | Lê Vinh Quang | 10/4 ấp Đông Lân 1 | Bà Điểm | DVAU | | X |

| STT | Tên cơ sở | Tên đại diện | Địa chỉ | Phường/xã | Loại hình | Ghi chú | Đánh giá tuân thủ ATTP (X) |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 148 | HKD Kim Chi Koi Coffee | Huỳnh Thị Kim Chi | 3/2B ấp Trung Đông | Thới Tam Thôn | DVAU | | X |
| 149 | HKD Hihi Coffee | Ngô Thị Khánh Vi | 219, Tô Ký, ấp Mới 1 | Tân Xuân | DVAU | | X |
| 150 | HKD quán ăn Anh Thư | Trương Văn Vũ | 2/49, Ấp 1 | Đông Thạnh | DVAU | | X |
| 151 | HKD New Moon Bingsu & Takoyaki | Trần Phúc Hậu | 66/3L SH-QL22, ấp Mỹ Hòa 1 | Trung Chánh | DVAU | | X |
| 152 | HKD Caphe Milano Hồng Trí | Nguyễn Thị Mai Anh | 44/4 ấp Thới Tứ | Thới Tam Thôn | DVAU | | X |
| 153 | HKD Phở Hoa Trang | Bùi Thị Ngọc Hoa | 0906.876.246 | Đông Thạnh | DVAU | | X |
| 154 | HKD tiệm cơm Anh Đức | Lưu Thanh Đoan Phượng | 37/3B ấp Tiền Lân 1 | Bà Điểm | DVAU | | X |
| 155 | HKD Sài Gòn Mới | Nguyễn Thị Mai | 74, ấp Đông 1 | Thới Tam Thôn | DVAU | | X |
| 156 | HKD Căn tin trường TH ấp Đình | Đỗ Thị Xuân Hương | 415/47 Tô Ký, ấp Chánh 1 | Tân Xuân | DVAU | YTHĐ | X |
| 157 | HKD Phở Phương | Nguyễn Thị Xuân Phượng | 42, Lý Thường Kiệt, KP4 | Thị trấn HM | DVAU | | X |
| 158 | HKD Quán ăn Cây Xoài | Nguyễn Thị Sáng | 20/4A tổ 10, ấp Chánh 2 | Tân Xuân | DVAU | | X |
| 159 | HKD Sơn Dê Quán | Tô Văn Sơn | 2/212A Dương Công Khi, ấp Tân Lập | Tân Thới Nhì | DVAU | | X |
| 160 | Căn tin trường TC Bách Nghệ | Lê Thị Thanh Thủy | đường Đỗ Văn Dậy | Tân Hiệp | DVAU | YTHĐ | X |
| 161 | HKD Clyn | Nguyễn Văn Nghĩa | 422, Lê Thị Hà, KP 8 | Thị trấn HM | DVAU | | X |
| 162 | HKD Bún đậu vàng | Nguyễn Văn Trọng | 6/4, Nguyễn Ảnh Thủ, ấp Trung Mỹ Tây | Trung Chánh | DVAU | | X |
| 163 | HKD Tĩnh 75 | Lê Thị Thủy | 45/1V đường Đồng Tâm, ấp Mỹ Hòa 1 | Trung Chánh | DVAU | | X |
| 164 | HKD Ẩm Thực Hoàng Ty | Bùi Duy Nghĩa | 370, Phạm Thị Giây, ấp Tam Đông | Thới Tam Thôn | DVAU | | X |
| 165 | HKD Phở Ủ | Nguyễn Thị Hoàng Diệu | 3/54 ấp Đình, xã Tân Xuân | Tân Xuân | DVAU | | X |
| 166 | HKD Hủ tiếu gà Sài Gòn | Nguyễn Văn Hưng | 27/1 Tô Ký, ấp Đông | Thới Tam Thôn | DVAU | | X |
| 167 | HKD Dê 6 Lộc | Lê Thị Bảo Châu | 12 SH-QL22, ấp Trung Chánh 2 | Trung Chánh | DVAU | | X |
| 168 | HKD Nguyễn Ngọc Hạnh | Nguyễn Ngọc Hạnh | 9A, Đông Thạnh 4, ấp 7 | Đông Thạnh | DVAU | | X |
| 169 | Căn tin trường TH Trần Văn Danh | Tô Minh Châu | Ấp 7 | Đông Thạnh | DVAU | YTHĐ | X |

| STT | Tên cơ sở | Tên đại diện | Địa chỉ | Phường/xã | Loại hình | Ghi chú | Đánh giá tuân thủ ATTP (X) |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 170 | | Dương Thị Minh Trang | 78/7C, KP1 | Thị trấn HM | DVAU | | X |
| 171 | HKD W1 Coffee | Võ Thị Hoàng Mỹ | 13/5 Nguyễn Ảnh Thủ, ấp Hậu Lân | Bà Điểm | DVAU | | X |
| 172 | HKD Bún Ngân Thị | Phạm Chí Thanh | 56/1S ấp Tiền Lân 1 | Bà Điểm | DVAU | | X |
| 173 | Cây me 2 | Trần Văn Phong | 16/7 KP8 | Thị trấn HM | DVAU | | X |
| 174 | HKD Lip Café&tea | Trần Minh Liêm | 4/4B, ấp 5, | Đông Thạnh | DVAU | | X |
| 175 | KHKD SOQI | Nguyễn Mạnh SƠn | 125 Lê Văn Khương, ấp 5 | Đông Thạnh | DVAU | | X |
| 176 | HKD Trần T Mỹ Thu | Trần Thị Mỹ Thu | 280/106A Ấp 2 | Đông Thạnh | DVAU | | X |
| 177 | Căn tin Nguyễn Văn Cừ | Phạm Nhuận | 100A, ấp 6 | Xuân Thới Thượng | DVAU | YTHĐ | X |
| 178 | HKD infinitea Tea and more | Vũ Đại | 18/4 Trung Mỹ Tây | Trung Chánh | DVAU | | X |
| 179 | HKD Huỳnh Thảo Center | Võ Văn Thạnh | 1/114 Lê Thị Hà, ấp Đình | Tân Xuân | DVAU | | X |
| 180 | HKD Danamy | Nguyễn Thị Ly Ly | 30/13C Tô Ký, Nam Thới | Thới Tam Thôn | DVAU | | X |
| 181 | HKD Hồng Trà Ngô Gia CN Lê Thị Hà | Trần Kim Oanh | 1/101B Lê Thị Hà, ấp Đình | Tân Xuân | DVAU | | X |
| 182 | Căn tin TH Ngã 3 Giồng | Nguyễn Thị Loan Anh | 1918/5 Dương Công Khi, ấp 1 | Xuân Thới Thượng | DVAU | YTHĐ | X |
| 183 | HKD quán ăn Nguyễn Ký | Đinh Ngọc Thạnh | 1/1Q Tô ký, Tam Đông 1, | Thới Tam Thôn | DVAU | | X |
| 184 | HKD quán Đầm Sen | Trần Quang Phụng | 50/1G ThÁI Thị Giữ, ấp Nam Lân | Bà Điểm | DVAU | | X |
| 185 | HKD mỳ cay Seoul (Phan Văn Hớn) | Nguyễn Văn Tùng | 118/4 Phan Văn Hớn, Tây Lân | Bà Điểm | DVAU | | X |
| 186 | HKD café giải khat Lano | Phan Tiến Sĩ | 1/7A ấp Đình, | Tân Xuân | DVAU | | X |
| 187 | HKD căn tin trường THPT Nhân Việt | Nguyễn Văn Hiệp | 26/25M, 26/25N, 26/25P, ấp XTĐ 1 | Xuân Thới Đông | DVAU | YTHĐ | X |
| 188 | HKD Billiard 68 | Nguyễn Thị Hồng Nguyệt | 6/2Đ ấp Hưng Lân | Bà Điểm | DVAU | | X |
| 189 | HKD Năm Bản | Nguyễn Thị Phượng | 132 TX1, ấp Chánh 1 | Tân Xuân | DVAU | | X |
| 190 | HKD hủ tiếu Nam vang Bích Hà II | Lê Thị Hạnh | 8/4 Lê Thị Hà, ấp Chánh 2 | Tân Xuân | DVAU | | X |
| 191 | HKD Thuận Thành | Nguyễn Thiên Kim | 3/95 ấp Đình | Tân Xuân | DVAU | | X |
| 192 | HKD hệ thống bò tơ TN Nhân phát | Nguyễn Lê Khánh Nhật | 244 Tô Ký, Tam Đông | Thới Tam Thôn | DVAU | | X |
| 193 | HKD Paderborner | Vũ Thị Hoàng Phượng | 8/2E Ngô Quyền, KP8 | Thị trấn HM | DVAU | | X |

| STT | Tên cơ sở | Tên đại diện | Địa chỉ | Phường/xã | Loại hình | Ghi chú | Đánh giá tuân thủ ATTP (X) |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 194 | HKD Khu vui chơi Tô Ký | Nguyễn Thị Ngọc Châu | 435 Tô Ký, Nam Thới | Thới Tam Thôn | DVAU | | X |
| 195 | HKD Quán Lẩu bò, Bê Thui A.Dũng | Trương Anh Dũng | 60 TTN16, ấp Tân Lập | Tân Thới Nhì | DVAU | | X |
| 196 | HKD 6 Quèn | Trần Văn Quan | 34/2B, Tổ 84, ấp Trung Đông 2 | Thới Tam Thôn | DVAU | | X |
| 197 | HKD Quán Cây Dừa | Nguyễn Đình Tuấn | 12/6B, ấp Chánh 2 | Tân Xuân | DVAU | | X |
| 198 | HKD FC Goood Coffee | Nguyễn Đức Cường | 38/4C Nguyễn Ảnh Thủ, ấp Đông 1 | Thới Tam Thôn | DVAU | | X |
| 199 | HKD Crane tea Hóc Môn | Trần Thị Mừng | 125/3A Nguyễn Ảnh Thủ, ấp TC1 | Trung Chánh | DVAU | | X |
| 200 | HKD Tỳ | Trần Dương Thanh Việt | 29/1 KP6, | Thị trấn HM | DVAU | | X |
| 201 | HKD QA Bún bò Gia Hội | Nguyễn Văn An | 56/8 Tiền Lân | Bà Điểm | DVAU | | X |
| 202 | HKD Quán Cây Bàng 2 | Trần Thị Thu An | 827/5 Đặng Thúc Vịnh, ấp 1 | Đông Thạnh | DVAU | | X |
| 203 | HKD Ẩm Thực Kiên Phát 1 | Hồ Thị Thanh Mỹ | 47/5E ấp Mỹ Hòa 1 | Trung Chánh | DVAU | | X |
| 204 | HKD Dê 368 | NGUYỄN THỊ KHUYÊN | 377, Phạm Thị Giây, ấp Tam Đông 1, | Thới Tam Thôn | DVAU | | X |
| 205 | HKD LÊ THỊ KIM CHI | LÊ THỊ KIM CHI | 105 Tân Thới Nhì 24, ấp Nhị Tân 1 - xã Tân Thới Nhì - huyện Hóc Môn, 0392713652 | TTN | DVAU | YTHĐ | X |
| 206 | HKD VÕ THỊ MINH TÂM | VÕ THỊ MINH TÂM | 66/6 đường Lê Thị Hồng Gấm, KP3 - thị trấn Hóc Môn - huyện Hóc Môn, | TT | DVAU | YTHĐ | X |
| 207 | | NGUYỄN DŨNG | 262/25 ấp Chánh 1 | Tân Xuân | DVAU | | X |
| 208 | HKD TRƯƠNG THỊ MINH NGA | TRƯƠNG THỊ MINH NGA | 19/23, ấp Thới Tứ, - xã Thới Tam Thôn - huyện Hóc Môn | Thới Tam Thôn | DVAU | | X |
| 209 | HKD 99 | NGUYỄN THỊ PHƯỢNG | 38 đường Tân Hiệp 18, ấp Tân Thới 2 | Tân Hiệp | DVAU | | X |
| 210 | HKD NGUYỄN THỊ HUỆ | NGUYỄN THỊ HUỆ | 812 đường SH, KP4, | thị trấn | DVAU | | X |
| 211 | HKD NGUYỄN THỊ THU THỦY | NGUYỄN THỊ THU THỦY | 1139, đường Nguyễn Văn Bứa, ấp 6 | uân Thới Thượ | DVAU | | X |
| 212 | HKD Lộc Vàng | TRƯƠNG TUẤN LỘC | 43/3E, Phan Văn Đối, ấp Tiền Lân 1 | Bà Điểm | DVAU | | X |
| 213 | HKD Trần Nam | TRẦN NAM | 89/7, ấp Tây Lân | Bà Điểm | DVAU | | X |

| STT | Tên cơ sở | Tên đại diện | Địa chỉ | Phường/xã | Loại hình | Ghi chú | Đánh giá tuân thủ ATTP (X) |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 214 | HKD PHỞ ĐỆ NHẤT | NGUYỄN VĂN TÙNG | 2/20A QL22, KP2, THỊ TRẤN HÓC MÔN | TT | DVAU | | X |
| 215 | HKD QUÁN CÁNH ĐỒNG GIÓ | NGUYỄN THỊ LỢI | 43/6 TRUNG ĐÔNG 7, TTT | TTT | DVAU | | X |
| 216 | HKD QUÁN ĐỒNG VŨ | HỒ VĂN VŨ | 9/9 SONG HÀNH, Ấp CHÁNH 2, TÂN XUÂN | TX | DVAU | | X |
| 217 | BÙI QUỐC VƯƠNG 1 | BÙI QUỐC VƯƠNG 1 | ấp Nam thới - xã Thới Tam Thôn - huyện Hóc Môn, | TTT | DVAU | | X |
| 218 | LÊ THỊ THANH THỦY | LÊ THỊ THANH THỦY | 146 Đỗ Văn Dậy, ấp tân hòa, - xã Tân Hiệp - huyện Hóc Môn, | TH | DVAU | YTHĐ | X |
| 219 | NGÔ THỊ THU VÂN | NGÔ THỊ THU VÂN | 228/2d, NGUYỄN VĂN BỨA, ẤP 6 - xã Xuân Thới Sơn - huyện Hóc Môn, | XTS | DVAU | YTHĐ | X |
| 220 | NGUYỄN ĐỨC HẠNH | NGUYỄN ĐỨC HẠNH | 3/104A Trần Thị Bốc, ấp Nam Thới, - xã Thới Tam Thôn - huyện Hóc Môn, | TTT | DVAU | | X |
| 221 | TRẦN MẠNH HÙNG | TRẦN MẠNH HÙNG | 18 ấp 1, - xã Đông Thạnh - huyện Hóc Môn, | ĐT | DVAU | YTHĐ | X |
| 222 | TRẦN THỊ THIÊN NGA | TRẦN THỊ THIÊN NGA | 152/5B ấp Tam Đông 2 - xã Thới Tam Thôn - huyện Hóc Môn, | TTT | DVAU | YTHĐ | X |
| 223 | NGUYỄN HOÀNG TÂM | NGUYỄN HOÀNG TÂM | 12, ẤP CHÁNH 1, - xã Tân Xuân - huyện Hóc Môn, | TX | DVAU | YTHĐ | X |
| 224 | NGUYỄN VĂN LÊ TRÍ | NGUYỄN VĂN LÊ TRÍ | 17A NGUYỄN VĂN BỨA, ẤP 2 - xã Xuân Thới Sơn - huyện Hóc Môn, | XTS | DVAU | | X |
| 225 | VŨ TRỤ | VŨ TRỤ | 806 QL22, ẤP MỸ HÒA 3, XÃ TÂN XUÂN - xã Tân Xuân - huyện Hóc Môn, | TX | DVAU | | X |
| 226 | PHAN HỮU HUYNH | PHAN HỮU HUYNH | 806 QL22, ẤP MỸ HÒA 3, XÃ TÂN XUÂN - xã Tân Xuân - huyện Hóc Môn, 0902554000 | TX | DVAU | | X |

| STT | Tên cơ sở | Tên đại diện | Địa chỉ | Phường/xã | Loại hình | Ghi chú | Đánh giá tuân thủ ATTP (X) |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 227 | HUỲNH THỊ MỸ HẠNH | HUỲNH THỊ MỸ HẠNH | 806 QL22, ẤP MỸ HÒA 3, XÃ TÂN XUÂN - xã Tân Xuân - huyện Hóc Môn, | TX | DVAU | | X |
| 228 | NGUYỄN THỊ HUYỀN NHƯ | NGUYỄN THỊ HUYỀN NHƯ | 131, ẤP 3 - xã Đông Thạnh - huyện Hóc Môn, | ĐT | DVAU | | X |
| 229 | NGUYỄN HỒNG BẢO KHOA | NGUYỄN HỒNG BẢO KHOA | 47/5D ẤP MỸ HUỀ - xã Trung Chánh - huyện Hóc Môn, | TC | DVAU | | X |
| 230 | NGUYỄN VĂN VI | NGUYỄN VĂN VI | 8/73 QUANG TRUNG, KP5 - thị trấn Hóc Môn - huyện Hóc Môn, | TT | DVAU | | X |
| 231 | TRƯƠNG THỊ HIỀN | TRƯƠNG THỊ HIỀN | 70 TRẦN VĂN MƯỜI, ẤP XUÂN THỚI ĐÔNG 3 - xã Xuân Thới Đông - huyện Hóc Môn, | XTĐ | DVAU | | X |
| 232 | TRẦN THỊ THU THỦY | TRẦN THỊ THU THỦY | 802 SONG HÀNH QL22, KP4 - thị trấn Hóc Môn - huyện Hóc Môn, | TT | DVAU | | X |
| 233 | LÊ THỊ BÍCH LIÊN | LÊ THỊ BÍCH LIÊN | 78 BÙI CÔNG TRỪNG, ẤP 3, - xã Nhị Bình - huyện Hóc Môn, | NB | DVAU | YTHĐ | X |
| 234 | BÀNH KIM HẰNG | BÀNH KIM HẰNG | 7 ĐẶNG CÔNG BỈNH, ẤP NHỊ TÂN 2 - xã Tân Thới Nhì - huyện Hóc Môn, | TTN | DVAU | YTHĐ | X |
| 235 | TRẦN ĐỨC LONG | TRẦN ĐỨC LONG | 23/2 ấp Hưng Lân, - xã Bà Điểm - huyện Hóc Môn, | BĐ | DVAU | | X |
| 236 | TRẦN THỊ DUNG | TRẦN THỊ DUNG | 52/4Bis ấp Trung Mỹ Tây, - xã Trung Chánh - huyện Hóc Môn, | TC | DVAU | | X |
| 237 | NGUYỄN THỊ MỸ DUNG | NGUYỄN THỊ MỸ DUNG | 5/5 ẤP DÂN THẮNG 2, - xã Tân Thới Nhì - huyện Hóc Môn, | TTN | DVAU | | X |
| 238 | HÀ THÁI BẢO XUYÊN | HÀ THÁI BẢO XUYÊN | 150/1A Nguyễn Ảnh Thủ, ấp Trung Chánh 2 - xã Trung Chánh - huyện Hóc Môn, 0983891216 | TC | DVAU | | X |

| STT | Tên cơ sở | Tên đại diện | Địa chỉ | Phường/xã | Loại hình | Ghi chú | Đánh giá tuân thủ ATTP (X) |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 239 | NGUYỄN VĂN ĐỒNG | NGUYỄN VĂN ĐỒNG | 181/1 SONG HÀNH QL22, ẤP TRUNG CHÁNH 2 - xã Trung Chánh - huyện Hóc Môn, | TC | DVAU | | X |
| 240 | NGUYỄN NGỌC HIỀN | NGUYỄN NGỌC HIỀN | 1072 PHAN VĂN HỚN ẤP 5 - xã Xuân Thới Thượng - huyện Hóc Môn, | XTT | DVAU | | X |
| 241 | NGUYỄN TRẦN THÀNH TRUNG | NGUYỄN TRẦN THÀNH TRUNG | 17/8 ẤP HƯNG LÂN, - xã Bà Điểm - huyện Hóc Môn, | BĐ | DVAU | | X |
| 242 | TRỊNH XUÂN QUANG | TRỊNH XUÂN QUANG | 114/6 ẤP 5 - xã Xuân Thới Thượng - huyện Hóc Môn, | XTT | DVAU | | X |
| 243 | Cao Minh Tâm | Cao Minh Tâm | 5/5F ẤP HƯNG LÂN, - xã Bà Điểm - huyện Hóc Môn, | BĐ | DVAU | | X |
| 244 | Dương Minh Trí | Dương Minh Trí | 9/4C ẤP BẮC LÂN - xã Bà Điểm - huyện Hóc Môn, | BĐ | DVAU | | X |
| 245 | NGUYỄN THỊ THU THẢO | NGUYỄN THỊ THU THẢO | 153/1 NGUYỄN ẢNH THỦ, ẤP TRUNG CHÁNH 2 - xã Trung Chánh - huyện Hóc Môn, | TC | DVAU | | X |
| 246 | TRẦN THỊ KIM YẾN | TRẦN THỊ KIM YẾN | 108/5 ĐƯỜNG XTT 21, ẤP 5 - xã Xuân Thới Thượng - huyện Hóc Môn, | XTT | DVAU | | X |
| 247 | NGUYỄN THỊ HUỆ | NGUYỄN THỊ HUỆ | 31 BÀ TRIỆU, KHU PHỐ 1 - thị trấn Hóc Môn - huyện Hóc Môn, | TT | DVAU | | X |
| 248 | ĐẶNG THỊ NGỌC THY | ĐẶNG THỊ NGỌC THY | 93/1B ẤP TÂY LÂN, - xã Bà Điểm - huyện Hóc Môn, | BĐ | DVAU | | X |
| **II. Các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm (thuộc lĩnh vực nông nghiệp)** | | | | | | | |
| 1 | XƯỞNG SẢN XUẤT - ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT ĐỒ GIA DỤNG THIÊN PHÚ | | 27/7D Ấp 1 | Xuân Thới Thượng | Rang, xay, đóng gói cà phê; Phối trộn, đóng gói: trà hòa tan, cà phê hòa tan | | X |
| 2 | ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH CÔNG TY TNHH SG1000 - KHO HÀNG | | 185 Xuân Thới Sơn 13, Ấp 5 | Xuân Thới Sơn | Chế biến nước xốt; Phối trộn, đóng gói: bột làm bánh | | X |

| STT | Tên cơ sở | Tên đại diện | Địa chỉ | Phường/xã | Loại hình | Ghi chú | Đánh giá tuân thủ ATTP (X) |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 3 | ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH CÔNG TY TNHH SRC PERFORMANCE | | Sạp 4A Chợ đầu mối Nông sản thực phẩm Hóc Môn, số 14/7A Nguyễn Thị Sóc, ấp Mỹ Hòa 4 | Xuân Thới Đông | Kinh doanh thịt heo | | X |
| 4 | HỘ KINH DOANH HỢP PHÁP FOODS | | 710/47 Đặng Thúc Vịnh, Ấp 1 | Đông Thạnh | Chế biến: muối ớt, muối tôm | | X |
| 5 | HỘ KINH DOANH CÀ PHÊ HOÀNG ĐỨC | | 24 hẻm Thới Tam Thôn 12B, ấp Thới Tứ 2 | Thới Tam Thôn | Xay, đóng gói: cà phê | | X |
| 6 | CHI NHÁNH 2 - CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN BONIVA FOOD | | 3/12E Ấp Tiền Lân | Bà Điểm | Kinh doanh: rau, củ, quả, thịt, thủy hải sản, trứng | | X |
| 7 | HỘ KINH DOANH CƠ SỞ TÂN VINH | | 59/9Z ấp Tiền Lân 1 | Bà Điểm | Chế biến nem | | X |
| 8 | CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ THÁI DƯƠNG | | 71 Đường Xuân Thới Thượng 21, Ấp 5 | Xuân Thới Thượng | Đóng gói: bột gia vị; Phối trộn, đóng gói phụ gia thực phẩm (dạng lỏng, dạng bột) | | X |
| 9 | HỘ KINH DOANH CƠ SỞ SẢN XUẤT NEM NƯỚNG | | 35/8A ấp Trung Đông 2 | Thới Tam Thôn | Chế biến nem nướng | | X |
| 10 | CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN PHAN PHAN NGUYỄN | | 56/7S Ấp Chánh 1 | Tân Xuân | Đóng gói đường | | X |
| 11 | CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI CHẾ BIẾN THỰC PHẨM VŨ THẮNG | | 67/10D Ấp Thới Tây 2 | Tân Hiệp | Chế biến: khô gà, chà bông gà | | X |
| 12 | CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM G8 | | 45/11 đường Nhị Bình 4, Ấp 1 | Nhị Bình | Rang, xay, đóng gói: cà phê; Phối trộn, đóng gói cà phê hòa tan | | X |
| 13 | CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI SONG NGUYÊN | | 5/15S Ấp Tiền Lân | Bà Điểm | Chế biến, đóng gói: các loại hạt | | X |
| 14 | CHI NHÁNH 2 - CÔNG TY TNHH HỒNG HÀ CAO NGUYÊN | | 129 ấp 5 | Xuân Thới Thượng | Chế biến: Xúc xích, nem, chạo, thịt và thủy sản dạng viên | | X |
| 15 | CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU ĐÔNG LẠNH TÂN ĐỨC NHÂN | | 40/3C Nguyễn Thị Sóc, ấp Mỹ Hòa 4 | Xuân Thới Đông | Bán lẻ thịt, thủy sản, rau, củ, quả, trứng | | X |

| STT | Tên cơ sở | Tên đại diện | Địa chỉ | Phường/xã | Loại hình | Ghi chú | Đánh giá tuân thủ ATTP (X) |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 16 | CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ AN ĐỊNH PHÁT | | 558/17 Quốc Lộ 22, ấp Trung Chánh 2 | Trung Chánh | Đóng gói: Khô cá tẩm ướp, khô mực, khô bò, khô heo, khô trâu; Chế biến cơm cháy chà bông, củ quả sấy; Sản xuất: bánh tiêu, bánh khoai, bánh bò | | X |
| 17 | ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN THƯƠNG MẠI NGỌC HƯNG PHÁT | | 64/5/1 Xuân Thới Thượng 32 | Xuân Thới Thượng | Kinh doanh: rau, củ, quả, nấm, thịt | | X |
| 18 | CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN YẾN SÀO QUANG MINH | | 309/5G Phạm Thị Giây, Tam Đông 2 | Thới Tam Thôn | Sơ chế, đóng gói: tổ yến | | X |
| 19 | HỘ KINH DOANH CƠ SỞ NEM NƯỚNG HIẾU HÂN | | 13/1L Nguyễn Thị Ngâu, ấp Trung Đông | Thới Tam Thôn | Chế biến: nem nướng, chả lụa | | X |
| 20 | HỘ KINH DOANH THỰC PHẨM CHAY TUỆ NHÃ | | 114/5M ấp Tam Đông 2 | Thới Tam Thôn | Chế biến: nước tương chay, nước mắm chay, sa tế chay; Đóng gói nấm | | X |
| 21 | SẢN XUẤT NGUYÊN KÝ | | 306 đường Xuân Thới Thượng 27, Ấp 4 | Xuân Thới Thượng | Đóng gói: trà, cà phê, bột rau câu, bột ca cao, bột sữa | | X |
| 22 | CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM BẢO VIỆT | | 33/7A Tổ 9, Ấp Mới 1, Đường Trung Mỹ | Trung Chánh | Kinh doanh: thịt, thủy sản, rau, củ, quả, trứng | | X |
| 23 | HỘ KINH DOANH LÊ QUANG FOODS | | 5/13A Ấp 2 | Đông Thạnh | Chế biến: sa tế, nước sốt các loại | | X |
| 24 | HỘ KINH DOANH CÀ PHÊ THANH SANG | | 83 Đường số 4- Mỹ Hòa 4, ấp Xuân Thới Đông 3 | Xuân Thới Đông | Xay, đóng gói cà phê | | X |
| 25 | CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ AN ĐỊNH PHÁT | | 558/17 Quốc lộ 22, ấp Trung Chánh 2 | Trung Chánh | Chế biến: cơm cháy, củ, quả sấy | | X |
| 26 | CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỰC PHẨM SÀI GÒN | | 57/10 Ấp 1 | Nhị Bình | Chế biến đường phèn | | X |
| 27 | CỬA HÀNG ORGA MART | | F24, Ấp Mỹ Hòa 4 | Xuân Thới Đông | Kinh doanh: rau, củ, quả | | X |

| STT | Tên cơ sở | Tên đại diện | Địa chỉ | Phường/xã | Loại hình | Ghi chú | Đánh giá tuân thủ ATTP (X) |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 28 | CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM TRƯỜNG FOODS | | 1/20b Ấp Hưng Lân | Bà Điểm | Kinh doanh: rau, củ, quả | | X |
| 29 | HỘ KINH DOANH THANH LONG | | 17/2 Khu phố 8 | Thị trấn Hóc Môn | Sơ chế, đóng gói: rau, củ, quả | | X |
| 30 | CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ TOÀN THỊNH PHƯỚC | | 31/7N Nguyễn Thị Thử, Tổ 15, Ấp 3 | Xuân Thới Sơn | Kinh doanh thịt heo đông lạnh | | X |
| 31 | CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN LỘC HÒA | | Sạp E3 Chợ Đầu mối Nông Sản Thực Phẩm Hóc Môn, Ấp Mỹ Hòa 4 | Xuân Thới Đông | Kinh doanh rau, củ, quả | | X |
| 32 | DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN RAU CỦ QUẢ MAI HÂN | | K5 Khu dân cư và Chợ Đầu mối phía Bắc Thành phố, ấp Mỹ Hoà 4 | Xuân Thới Đông | Kinh doanh rau, củ, quả | | X |
| 33 | CÔNG TY TNHH CHẾ BIẾN NÔNG SẢN THỰC PHẨM HÒA PHÁT | | 43/5B Nguyễn Thị Ngâu, ấp Trung Đông | Thới Tam Thôn | Chế biến rau, củ, quả sấy | | X |
| 34 | CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM TRƯỜNG FOODS | | 1/20b Ấp Hưng Lân | Bà Điểm | Kinh doanh: thịt, cá, trứng | | X |
| 35 | CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP XANH PHƯƠNG NAM | | 29/4H Đường Phan Văn Hớn, Ấp Nam Lân | Bà Điểm | Đóng gói cà phê hạt, bột. | | X |
| 36 | HỘ KINH DOANH GIÒ CHẢ MINH HOÀNG | | 92/6C ấp 4 | Xuân Thới Thượng | Chế biến giò chả | | X |
| 37 | CHI NHÁNH 2 CÔNG TY TNHH XUẤT NHẬP KHẨU THỰC PHẨM HẢI NGÂN TUYẾT | | D32 Khu dân cư và Chợ Đầu mối phía Bắc Thành phố, Ấp Mỹ Hòa 4 | Xuân Thới Đông | Kinh doanh thịt heo, thịt bò, thịt gà | | X |
| 38 | CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CÀ PHÊ NGUYỄN HOÀNG | | 76/5T Đường Võ Thị Hồi, Ấp Xuân Thới Đông 3 | Xuân Thới Đông | Chế biến: cà phê hạt, cà phê bột | | X |
| 39 | CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI SẢN XUẤT FOODKIDS | | 20/4B Khu phố 2 | Thị trấn Hóc Môn | Kinh doanh thịt, thủy sản, rau, củ, quả, trứng | | X |
| 40 | HỘ KINH DOANH CƠ SỞ CHẾ BIẾN THỰC PHẨM SẠCH MINH THANH | | 25/1B Tây Bắc Lân, ấp Bắc Lân | Bà Điểm | Sản xuất: chả lụa, chả bò, chả chiên | | X |

| STT | Tên cơ sở | Tên đại diện | Địa chỉ | Phường/xã | Loại hình | Ghi chú | Đánh giá tuân thủ ATTP (X) |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 41 | HỘ KINH DOANH TRƯƠNG NGỌC EM | | 9/4D Dương Công Khi, ấp 1 | Xuân Thới Thượng | Đóng gói me | | X |
| 42 | CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ XUẤT NHẬP KHẨU TRƯỜNG AN | | F8 Chợ đầu mối nông sản thực phẩm Hóc Môn, ấp Mỹ Hòa 4 | Xuân Thới Đông | Kinh doanh rau, củ, quả | | X |
| 43 | CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ HOA DOANH | | 140/28 Ấp 4 | Nhị Bình | Chế biến: các sản phẩm từ thịt, thủy hải sản (trừ đồ hộp), phô mai que, phô mai viên, hotdog, corndog, xôi; Đóng gói: thủy hải sản khô | | X |
| 44 | CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ THỰC PHẨM THÁI MINH LONG | | 205D Đặng Công Binh | Xuân Thới Thượng | Kinh doanh thịt heo | | X |
| 45 | HỘ KINH DOANH CƠ SỞ NGUYỄN VĂN MINH | | 1/4 Đỗ Văn Dậy, Ấp Tân Hòa | Tân Hiệp | Chế biến tóp mỡ | | X |
| 46 | CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ TRẦN HOÀNG LONG | | 19/3 ấp 2 | Nhị Bình | Sơ chế, đóng gói: đường phèn | | X |
| 47 | CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ HOÀNG KHÁNH VY | | 436/9 Đường Đặng Thúc Vịnh, Ấp Tam Đông 3 | Thới Tam Thôn | Chế biến: nui chiên, bắp chiên | | X |
| 48 | CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ THỰC PHẨM NGỌC PHÁT | | 4/7 Đường Xuân Thới Sơn 31, Tổ 9, Ấp 3 | Xuân Thới Sơn | Kinh doanh thịt | | X |
| 49 | CÔNG TY TNHH C - KHANG VY | | 123/2 Ấp 5 | Xuân Thới Thượng | Chế biến: nấm đông trùng hạ thảo, mật ong ngâm nấm đông trùng hạ thảo, rượu ngâm. | | X |
| 50 | ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI SẢN XUẤTTHỰC PHẨM NGỌC ĐỨC | | 69 Đường Thới Tam Thôn 6, Ấp Đông 1 | Thới Tam Thôn | Kinh doanh thịt, thủy sản | | X |

| STT | Tên cơ sở | Tên đại diện | Địa chỉ | Phường/xã | Loại hình | Ghi chú | Đánh giá tuân thủ ATTP (X) |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 51 | CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI HOÀNG THIÊN FOOD | | C62A, Đường số 3, Mỹ Hòa 2 | Xuân Thới Đông | Kinh doanh thịt | | X |
| 52 | CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT-THƯƠNG MẠI-DỊCH VỤ KINGFOOD | | 1/50 Ấp Đình | Tân Xuân | Pha lóc, đóng gói thịt | | X |
| 53 | ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM LAN PHƯƠNG - SẠP THỊT HEO P.6B - LAN PHƯƠNG | | Sạp P.6B, Chợ đầu mối Nông sản thực phẩm Hóc Môn, Số 14/7A Nguyễn Thị Sóc, ấp Mỹ Hòa 4 | Xuân Thới Đông | Kinh doanh thịt heo | | X |
| 54 | HỘ KINH DOANH CÀ PHÊ CHUSECO | | 168/2 ấp Thới Tây 2 | Tân Hiệp | Xay, đóng gói cà phê | | X |
| 55 | CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ THƯƠNG MẠI THỰC PHẨM NÔNG SẢN HÙNG HÒA | | 160/1E Thới Tây 2 | Tân Hiệp | Kinh doanh : rau , củ. Quả | | X |
| 56 | CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ SẢN XUẤT HUY KHANG | | 13/1E-13/1M Xuân Thới 2, ấp Xuân Thới Đông 1 | Xuân Thới Đông | Chế biến: Khô bò, Khô mực, khô gà, khô heo,chà bông gà, chà bông heo | | X |
| 57 | CÔNG TY TNHH NGỌC NHƯ NGUYỄN | | 27/9C Tân Xuân 5, Ấp Chánh 2 | Tân Xuân | Chế biến: chanh, tắc, chanh dây, thơm, gừng, me | | X |
| 58 | CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ THỦY HẢI SẢN TƯỜNG PHÁT | | 25/4 Song Hành, QL22, Ấp Trung Chánh 2 | Trung Chánh | Kinh doanh thủy sản | | X |
| 59 | CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI MINH MINH QUÂN | | 56 Nguyễn Ảnh Thủ, Ấp Tiền Lân | Bà Điểm | Chế biến ô mai trái việt quất | | X |
| 60 | CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT - THƯƠNG MẠI - XUẤT NHẬP KHẨU NGỌC LIÊN - NHÀ MÁY THỰC PHẨM NGỌC LIÊN | | 2/245 Dương Công Khi, Ấp Tân Lập | Tân Thới Nhì | Chế biến thực phẩm dạng muối và chua ngọt có nguồn gốc thực vật, động vật và thủy sản; Pha chế, đóng gói: các loại mắm, nước mắm, nước chấm, sốt gia vị các loại, Đóng gói rau, củ, quả đông lạnh | | X |
| 61 | HỘ KINH DOANH GIÒ CHẢ HIẾU THUẬN | | 101/216/31C Ấp 4 | Đông Thạnh | Chế biến giò chả | | X |

| STT | Tên cơ sở | Tên đại diện | Địa chỉ | Phường/xã | Loại hình | Ghi chú | Đánh giá tuân thủ ATTP (X) |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 62 | CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT HẢI HÀ | | 2/161C ấp Tân Lập | Tân Thới Nhì | Chế biến cơm sấy các loại | | X |
| 63 | HỘ KINH DOANH MINH BẢO NGỌC | | 26/10M Ấp Mới 1 | Tân Xuân | Xay, đóng gói cà phê | | X |
| 64 | HỘ KINH DOANH TUẤN TRANG | | 100/48/30 Ấp 3 | Đông Thạnh | Rang, xay, đóng gói cà phê hạt, cà phê bột | | X |
| 65 | HỘ KINH DOANH NGỌC ÁNH | | 88B đường Đặng Công Bình, ấp Nhị Tân 2 | Tân Thới Nhì | Chế biến hành phi | | X |
| 66 | HỘ KINH DOANH NGUYỄN QUYÊN | | 10/2K Tổ 48, ấp Thới Tứ | Thới Tam Thôn | Pha chế, đóng gói dầm ăn | | X |
| 67 | CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI NAM NGUYÊN COFFEE | | 100/71/5 Lê Thị Kim, Ấp Xuân Thới Đông 1 | Xuân Thới Đông | Rang, xay cà phê | | X |
| 68 | HỘ KINH DOANH THÀNH ĐẠI PHÁT | | 205/56/16A ấp 7 | Đông Thạnh | Xay, đóng gói: Cà phê và đậu nành | | X |
| 69 | HỘ KINH DOANH HỢP LINH | | 58/5C Ấp Tân Thới 1 | Tân Hiệp | Chế biến thịt heo quay | | X |
| 70 | HỘ KINH DOANH CƠ SỞ SẢN XUẤT VÀ PHÂN PHỐI THỰC PHẨM ANH TÚ | | 13 Đường số 01-MH4, Ấp Xuân Thới Đông 3 | Xuân Thới Đông | Chế biến: bò viên, gà viên, tôm viên, cá viên, ruốc tẩm, tép tẩm, mực tẩm, bắp sấy, nui sấy, thịt sấy, da heo sấy, hạt sấy, gạo sấy, rong biển sấy, bánh tráng trộn, nước xốt | | X |
| 71 | HỘ KINH DOANH GIA LONG KÝ | | 85/3F, Ấp Xuân Thới Đông 3 | Xuân Thới Đông | Đóng gói: khô bò, khô trâu, khô heo, khô gà, khô mực, chà bông, tép sấy, đậu các loại, hạt các loại, trái cây sấy, rau củ sấy, bánh tráng | | X |
| 72 | CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ QUỐC TẾ HD FOOD | | 293/5, Ấp Tam Đông 2 | Thới Tam Thôn | Sản xuất: chả giò, há cảo, xíu mại, tàu hủ, nước thạch dừa, bánh từ bột, bánh từ hạt, bánh từ phômai; Đóng gói các loại hạt đậu; | | X |
| 73 | CÔNG TY TNHH CHẾ BIẾN ĐỨC NHÂN | | K32, ấp Mỹ Hòa 4 | Xuân Thới Đông | Kinh doanh: thịt, thủy sản | | X |

| STT | Tên cơ sở | Tên đại diện | Địa chỉ | Phường/xã | Loại hình | Ghi chú | Đánh giá tuân thủ ATTP (X) |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 74 | ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI THỰC PHẨM NGỌC ĐỨC | | Số 69 Đường Thới Tam Thôn 6, Ấp Đông 1 | Thới Tam Thôn | Kinh doanh: thịt, thủy sản | | X |
| 75 | CHI NHÁNH DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN CƠM SẤY PHÁT TÀI | | T442, Ấp1, Đường Nhị Bình 3 | Nhị Bình | Chế biến cơm sấy | | X |
| 76 | HỘ KINH DOANH THANH TUYỀN | | 14/6 ấp Nam Lân | Bà Điểm | Chế biến tương hột | | X |
| 77 | CHI NHÁNH 2 CÔNG TY TNHH BẾP NHÀ BÈN | | 22/4B Nguyễn Ảnh Thủ, ấp Trung Lân | Bà Điểm | Sơ chế, đóng gói, chế biến rau, củ, quả, nấm, xốt nấm; Sản xuất mì tươi | | X |
| 78 | CÔNG TY TNHH OCEAN SEAFOOD | | 72/3V ấp Mỹ Hòa 1 | Trung Chánh | Kinh doanh thủy hải sản đông lạnh | | X |
| 79 | CÔNG TY TNHH KINH DOANH THỰC PHẨM BÌNH MINH FOOD | | 40/2B Ấp Trung Đông 2 | Thới Tam Thôn | Kinh doanh: rau, củ, quả, thịt, thủy sản, trứng | | X |
| 80 | HỘ KINH DOANH CƠ SỞ CHẾ BIẾN CHẢ LỤA XUÂN HOA | | 40/3 Đường Trung Mỹ - Tân Xuân, ấp Mỹ Huề | Trung Chánh | Chế biến chả lụa | | X |
| 81 | CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI NHẬT MINH PIG | | P12A Chợ Đầu Mối Nông Sản Thực Phẩm Hóc Môn, Ấp Mỹ Hoà 4 | Xuân Thới Đông | Kinh doanh: thịt heo | | X |
| 82 | HỘ KINH DOANH KIM ĐIỆP | | 11/3 Ấp Trung chánh 2 | Trung Chánh | Chế biến: giò lụa, thịt viên, da bao, nem, chả chiên, lạp xưởng | | X |
| 83 | CÔNG TY TNHH TM DV THỰC PHẨM DŨNG TIẾN | | 1/13C ấp Hưng Lân | Bà Điểm | Kinh doanh: thịt, thủy sản, trứng, rau, củ, quả | | X |
| 84 | CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI RAU QUẢ THỰC PHẨM AN TOÀN | | 126/5C Song Hành, Ấp Tân Thới 2 | Tân Hiệp | Kinh doanh: rau, củ, quả, thịt heo, thịt gà, thủy sản, trứng | | X |
| 85 | XƯỞNG SẢN XUẤT - CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ XUẤT NHẬP KHẨU HUỲNH NGUYỄN | | 56/9A Bùi Công Trừng, Ấp 1 | Nhị Bình | Chế biến: cá viên, bò viên, tôm viên, xúc xích, giò chả, thịt nguội; Đóng gói gia vị | | X |

| STT | Tên cơ sở | Tên đại diện | Địa chỉ | Phường/xã | Loại hình | Ghi chú | Đánh giá tuân thủ ATTP (X) |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 86 | HỘ KINH DOANH NHƠN HÒA | | 4/80 Đặng Công Binh, ấp Nhị Tân 2 | Tân Thới Nhì | Chế biến: hành phi, tỏi phi | | X |
| 87 | CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ THỰC PHẨM THÁI BÌNH DƯƠNG | | 58/1F ấp Tiền Lân | Bà Điểm | Chế biến: ngũ cốc, vảy ngũ cốc | | X |
| 88 | CÔNG TY TNHH MAILEE | | 24 Nguyễn Thị Thử Ấp 3 | Xuân Thới Sơn | Chế biến : thủy sản ăn liền các sản phẩm từ rong biển, gạo, nếp | | X |
| 89 | ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH G KITCHEN 66 - CÔNG TY TNHH FEDDY | | 1/3 Quang Trung | Hóc Môn | Kinh doanh Thịt heo | | X |
| 90 | CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI HẢI HƯNG THỊNH | | 136A Bùi Công Trừng Ấp 4 | Nhị Bình | Chế biến cà phê hạt rang, cà phê bột | | X |
| 91 | HỘ KINH DOANH TRẦN NGỌC TÀI | | 41/7 Ấp Thông nhất 2, | taân thới nhì | quay thịt heo | | X |
| 92 | ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH G KITCHEN 59 - CÔNG TY TNHH FEDDY | | Số 9 ấp 7 | Xuân Thới Thượng | Kinh doanh thịt heo | | X |
| 93 | CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SINH HỌC NAVI | | 9/8 Đường Đại Hải 3 Ấp 7 | Xuân Thới Thượng | Sấy và đóng gói nấm đông trùng hạ thảo | | X |
| 94 | CHI NHÁNH 01 - CÔNG TY CỔ PHẦN SX - TM -XNK ĐẠI CÁT TƯỜNG | | 156A ấp 5 | đông thạnh | Sơ chế. Chế biến. Sấy. Đóng gói: rau, củ, quả | | X |
| 95 | ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH G KITCHEN 56 - CÔNG TY TNHH FEDDY | | 135/6 Ấp Trung Chánh 1 | Tân Xuân | Kinh doanh Thịt heo | | X |
| 96 | CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM HUỲNH HẢI | | 41/1A Ấp mới 1 | Tân Xuân | Sơ chế : rau curquar: sơ chế, tẩm ướp: thịt. Thủy hải sản<br>Kinh doanh: rau, củ, quả, thịt, thủy hải sản | | X |
| 97 | CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI QUANG TƯỜNG | | 29D Đặng Công Binh Ấp 6 | Xuân Thới Thượng | Đóng gói: muối ăn, muối I-ốt, muối sấy | | X |

| STT | Tên cơ sở | Tên đại diện | Địa chỉ | Phường/xã | Loại hình | Ghi chú | Đánh giá tuân thủ ATTP (X) |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 98 | CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ HOMEFARM - ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH SỐ 250 | | 131/4 Nguyễn Ảnh Thủ ấp Trung Chánh 1 | Trung Chánh | Kinh doanh: thịt, thủy hải sản, rau, củ, quả | | X |
| 99 | CÔNG TY TNHH NAVI ĐÔNG DƯƠNG | | 55/1W Ấp Nam Lân | Bà Điểm | Đóng gói gạo | | X |
| 100 | CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ NGÔ GIA - NHÀ MÁY SX CHẾ BIẾN GIA VỊ - THỰC PHẨM SỐ 1 | | Số nhà 30/6A, Ấp Đông 1 | Thới Tam Thôn | Sản xuất: xốt ớt xanh, xốt ớt đỏ, xốt tiêu đen | | X |
| 101 | CÔNG TY TNHH KỸ NGHỆ THỰC PHẨM TÂN BÌNH | | Số 15/4 Đường Xuân Thới Thượng 30, Tổ 8, Ấp 2 | Xuân Thới Thượng | Chế biến: nước mắm, nước chấm, nước tương; đóng gói: bột nêm, bột ngọt. | | X |
| 102 | CÔNG TY TNHH ÁNH DƯƠNG XANH FOOD | | 2/5C Ấp Bắc Lân | Bà Điểm | Kinh doanh thịt heo | | X |
| 103 | HỘ KINH DOANH NGUYỄN THỊ ÚT EM | | 1/71C Lê Thị Hà, ấp Đình | Tân Xuân | Chế biến heo quay | | X |
| 104 | HỘ KINH DOANH CƠ SỞ GIÒ CHẢ TRUNG TÍN | | 29/1C Ấp Trung Lân | Bà Điểm | Chế biến: giò lụa,jăm bông | | X |
| 105 | CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ TT THÀNH NAM | | B60 Đường Nguyễn Thị Sóc, Ấp Mỹ Hòa 2 | Xuân Thới Đông | Pha lóc, cắt, đóng gói thịt | | X |
| 106 | ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ XUẤT NHẬP KHẨU NUTSHEALTH | | 114 đường Nhị Bình 5, ấp 1 | Nhị Bình | Phối trộn, đóng gói: các loại hạt khô, trái cây khô | | X |
| 107 | CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM NHẬT HƯNG | | 2/216 B ấp Tân Lập | Tân Thới Nhì | Chế biến khô trâu, khô bò, mít sấy | | X |
| 108 | CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ XUẤT NHẬP KHẨU TRÀ CÀ PHÊ THIÊN TAM PHÁT | | 37 Trần Văn Mười, ấp 7 | Xuân Thới Thượng | Đóng gói: cà phê hạt; xay, đóng gói: cà phê bột | | X |
| 109 | HỘ KINH DOANH THỰC PHẨM THU HÀ | | 49/104/2C Ấp 6 | Đông Thạnh | Chế biến chả bông gà, khô gà cay | | X |

| STT | Tên cơ sở | Tên đại diện | Địa chỉ | Phường/xã | Loại hình | Ghi chú | Đánh giá tuân thủ ATTP (X) |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 110 | CHI NHÁNH TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH - CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN THỰC PHẨM THÁI BÌNH | | Số nhà 2/8Q, Ấp Tiền Lân | Bà Điểm | Sơ chế, kinh doanh: rau, củ, quả | | X |
| 111 | CHI NHÁNH - CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ XNK TÂN VIỆT ĐỨC | | 12/2A Nguyễn Thị Thử, Ấp 3 | Xuân Thới Sơn | Đóng gói: rau, củ, quả | | X |
| 112 | HỘ KINH DOANH HỘ KINH DOANH THÀNH PHÁT | | 75/15 ấp Dân Thắng 1 | Tân Thới Nhì | Xay, đóng gói cà phê | | X |
| 113 | CHI NHÁNH CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ LONG KING | | 279 Bùi Công Trừng, Ấp 1 | Nhị Bình | Xay, đóng gói cà phê bột; đóng gói cà phê hạt | | X |
| 114 | CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM LONG GIANG | | 29/8 Đường số 6 | Thới Tam Thôn | Sản xuất nem nướng | | X |
| 115 | CÔNG TY TNHH SX TMDV THỰC PHẨM NGUYÊN HOÀNG | | 256/39/21A Ấp 2 | Đông Thạnh | Đóng gói: các loại hạt; khô bò; khô gà; khô mực; chà bông; rau, củ, quả sấy; rong biển sấy ăn liền; gạo lứt sấy | | X |
| 116 | CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH QUỐC TẾ US - NHÀ MÁY SẢN XUẤT | | 10/8B Ấp 1 | Xuân Thới Thượng | Chế biến chà bông, bột thủy sản, cơm sấy, cơm cháy; đóng gói gạo | | X |
| 117 | CÔNG TY TNHH QUỐC TẾ MÍT VN | | 68/3 Tân Thới Nhì 1 | Tân Thới Nhì | Sơ chế, đóng gói: rau, củ, quả | | X |
| 118 | HỘ KINH DOANH HUY KHANG | | 13/1E Ấp Xuân Thới Đông 1 | Xuân Thới Đông | Chế biến: chà bông gà, khô gà | | X |
| 119 | CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI HỒ VINH | | 100 Phan Văn Hớn, Ấp 5 | Xuân Thới Thượng | Đóng gói me | | X |
| 120 | HỘ KINH DOANH NGUYỄN LÊ HỘI | | 48/3 Ấp 2 | Xuân Thới Thượng | Chế biến chà bông từ thịt | | X |
| 121 | HỘ KINH DOANH BẢY DANH | | 40/5 Khu phố 4 | Thị trấn Hóc Môn | Chế biến giò chả | | X |
| 122 | CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ HOA ĐẬU HŨ | | 3/401 Ấp Nhị Tân 1 | Tân Thới Nhì | Sản xuất đậu hũ | | X |

| STT | Tên cơ sở | Tên đại diện | Địa chỉ | Phường/xã | Loại hình | Ghi chú | Đánh giá tuân thủ ATTP (X) |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 123 | HỘ KINH DOANH NGUYỄN THANH PHÚ | | 32/9 ấp Trung Đông 2 | Thới Tam Thôn | Chế biến nem nướng | | X |
| 124 | HỘ KINH DOANH QUANG NGỌC | | 51/5D ấp Tam Đông 3 | Thới Tam Thôn | Phối trộn, xay, đóng gói cà phê bột | | X |
| 125 | ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH CÔNG TY TNHH JUSTICE VIETNAM | | 11/4C đường Xuân Thới 2, ấp Xuân Thới Đông 1 | Xuân Thới Đông | Chế biến, đóng gói đậu tương lên men | | X |
| 126 | XƯỞNG CHẾ BIẾN – CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ PHÚ AN KHANG | | C12 ấp Mỹ Hòa 4 | Xuân Thới Đông | Chế biến kim chi | | X |
| 127 | HỘ KINH DOANH SEN VÀNG | | 290/60/1C Ấp 1 | Nhị Bình | Chế biến chao | | X |
| 128 | CÔNG TY TNHH CÀ PHÊ AN LẠC PHÁT | | 30/4C Nguyễn Thị Thử | Xuân Thới Sơn | Phối trộn, đóng gói: cà phê hòa tan, ca cao hòa tan, trà hòa tan | | X |
| 129 | CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN QUỐC TẾ NGÔ GIA - NHÀ MÁY SX CHẾ BIẾN GIA VỊ - THỰC PHẨM SỐ 1 | | Số nhà 30/6 A, ấp Đông 1 | Thới Tam Thôn | Sản xuất: xốt ớt đỏ, xốt ớt xanh, xốt tiêu đen | | X |
| 130 | HỘ KINH DOANH KHÔ BÒ HÙNG PHÁT | | 48/5A đường Tân Hiệp 8-1, tổ 26, ấp Thới Tây 2 | Tân Hiệp | Chế biến: khô bò, khô trâu | | X |
| 131 | CÔNG TY TNHH NGỌC NHƯ NGUYỄN | | 27/9C Tân Xuân 5, ấp Chánh 2 | Tân Xuân | Chế biến: tắc đường phèn, chanh muối đường phèn, chanh dây đường phèn, tắc thơm đường phèn, mứt gừng dẻo | | X |
| 132 | ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM ĐẠI VÂN- XƯỞNG SẢN XUẤT | | 71/62 Ấp 2 | Nhị Bình | Chế biến: hạt nêm, tương ớt, nước tương, nước mắm chay | | X |
| 133 | HỘ KINH DOANH NEM NƯỚNG HUỲNH PHÁT | | 32/8M ấp Trung Đông | Thới Tam Thôn | Chế biến nem nướng | | X |

| STT | Tên cơ sở | Tên đại diện | Địa chỉ | Phường/xã | Loại hình | Ghi chú | Đánh giá tuân thủ ATTP (X) |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 134 | CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ XUẤT NHẬP KHẨU TRƯỜNG AN | | B69 Đường DS10, ấp Mỹ Hòa 4 | Xuân Thới Đông | Sơ chế, đóng gói: rau, củ, quả; kinh doanh: rau, củ, quả, thịt, thủy sản | | X |
| 135 | HỘ KINH DOANH NGUYỄN HOÀNG HẢI | | 32/1 ẤP Trung Đông | Thới Tam Thôn | Chế biến nem nướng | | X |
| 136 | CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN VÕ BẢO | | 2/88 Lê Thị Hà, ấp Đình | Tân Xuân | Sơ chế, đóng gói tổ yến | | X |
| 137 | CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH XUẤT NHẬP KHẨU GIA HÂN PHÁT | | 183/2A Dương Công Khi, ấp Tân Thới 3 | Tân Hiệp | Sơ chế, đóng gói, kinh doanh: rau, củ, quả | | X |
| 138 | CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI NGUYỄN THANH FOODS | | 24 Bùi Công Trừng, Ấp 3 | Đông Thạnh | chế biến: phô mai que, phô mai viên, hot dog phô mai, chả cá tẩm cốm xanh, cá sốt cam | | X |
| 139 | HỘ KINH DOANH CƠ SỞ SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI THỰC PHẨM HÒA PHÁT | | 3/15B Ấp 6 | Đông Thạnh | chế biến: tương ớt, dầu hào, màu dầu điều | | X |
| 140 | HỘ KINH DOANH BỘT GIA VỊ CHÂN TÂM | | 51/51D1 ấp Tân Thới 1 | Tân Hiệp | phối trộn, đóng gói: bột gia vị | | X |
| 141 | HỘ KINH DOANH THỰC PHẨM MỸ HƯƠNG | | 256/5 Nhị Bình 15, Ấp 2 | Nhị Bình | Chế biến: giò chả, cá viên, bò viên | | X |
| 142 | CÔNG TY TNHH TECO - FOOD | | 182/1F ấp Đông 1 | Thới Tam Thôn | Kinh doanh thịt | | X |
| 143 | HỘ KINH DOANH HOÀNG KHẮC MẠNH | | 34/2C ấp Trung Đông | Thới Tam Thôn | Chế biến nem nướng | | X |
| 144 | CÔNG TY TNHH KINH DOANH THỰC PHẨM NGỌC HÂN | | 145/2E Lê Thị Lơ, Ấp Tân Thới 2 | Tân Hiệp | Kinh doanh: rau, củ, quả, thịt, trứng | | X |
| 145 | CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI HEALTHY NUTS | | 15/4C Xuân Thới Thượng 30, Ấp 2 | Xuân Thới Thượng | Đóng gói: trái cây sấy và các loại hạt sấy khô | | X |
| 146 | HỘ KINH DOANH CƠ SỞ TRÀ LỘC HÒA PHÁT | | 17/5A Ấp 3 | Nhị Bình | Sấy, đóng gói trà | | X |

| STT | Tên cơ sở | Tên đại diện | Địa chỉ | Phường/xã | Loại hình | Ghi chú | Đánh giá tuân thủ ATTP (X) |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 147 | CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI CÀ PHÊ TRẦN TIỀN | | Số 81, Đường TK8, Ấp Tiền Lân | Bà Điểm | Xay, đóng gói cà phê | | X |
| 148 | HỘ KINH DOANH TUẤN TRANG | | 100/4/3A Ấp 3 | Đông Thạnh | Rang, xay, đóng gói cà phê | | X |
| 149 | CÔNG TY TNHH PRIMA THP - ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH SỐ 1 | | 42/10A Trung Đông 11, ấp Trung Đông | Thới Tam Thôn | Chiết rót mật ong | | X |
| 150 | CÔNG TY TNHH KINH DOANH THỰC PHẨM RAU SẠCH DŨNG HẠNH | | 86/1B ấp Xuân Thới Đông 3 | Xuân Thới Đông | Kinh doanh rau, củ, quả | | X |
| 151 | CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI HEALTHY NUTS | | 15/4C Xuân Thới Thượng 30, Ấp 2 | Xuân Thới Thượng | Chế biến, đóng gói các loại hạt; Đóng gói trái cây sấy, rong nho | | X |
| 152 | CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN THƯƠNG MẠI THỰC PHẨM SẠCH NAM NHI | | Sạp P50 chợ đầu mối nông sản thực phẩm Hóc Môn, Ấp Mỹ Hòa 4 | Xuân Thới Đông | Kinh doanh thịt heo | | X |
| 153 | HỘ KINH DOANH CƠ SỞ TÂY NAM PHÁT | | 60/3 Tổ 12, Ấp 3 | Xuân Thới Thượng | Chế biến: khô bò, khô trâu, khô heo, khô gà | | X |
| 154 | XƯỞNG SẢN XUẤT ĐẠI VÂN – CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM ĐẠI VÂN | | 30/23 đường Nhị Bình 17, Ấp 3 | Nhị Bình | Sản xuất: hạt nêm, bột nêm, nước chấm | | X |
| 155 | CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ VẬN TẢI KHÁNH HÀ | | 2/141 ấp Nhị Tân 1 | Tân Thới Nhì | Xay xát: lúa gạo | | X |
| 156 | CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN NÔNG SẢN THẢO ANH | | D50A, ấp Mỹ Hòa 2 | Xuân Thới Đông | Kinh doanh gạo | | X |
| 157 | HỘ KINH DOANH TÂN LỘC THÀNH | | 72/2B Đường XTT 25, Ấp 4 | Xuân Thới Thượng | Sản xuất chả giò | | X |
| 158 | CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ THỰC PHẨM THÁI BÌNH DƯƠNG | | 58/1F ấp Tiền Lân | Bà Điểm | Sản xuất bột khoai lang, khoai tây; Phối trộn, đóng gói nguyên liệu sản xuất cà phê hòa tan | | X |

| STT | Tên cơ sở | Tên đại diện | Địa chỉ | Phường/xã | Loại hình | Ghi chú | Đánh giá tuân thủ ATTP (X) |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 159 | CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI- DỊCH VỤ NAM HIỀN | | 90/7B Nguyễn Văn Bứa, Ấp 4 | Xuân Thới Sơn | Kinh doanh sữa bò tươi nguyên liệu | | X |
| 160 | ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH - CÔNG TY TNHH VƯỢNG PHÚ - KHO CHỨA HÀNG | | Số 15 Đường Xuân Thới 6, ấp Xuân Thới Đông 1 | Xuân Thới Đông | Đóng gói, kinh doanh: hạt, trái cây sấy khô | | X |
| 161 | HỘ KINH DOANH CƠ SỞ THÀNH PHÁT | | Lô D7 khu D, khu dân cư Tân Xuân, ấp Đình | Tân Xuân | Xay, đóng gói cà phê | | X |
| 162 | CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN QUỐC TẾ NGÔ GIA - NHÀ MÁY SX CHẾ BIẾN GIA VỊ - THỰC PHẨM SỐ 1 | | Số nhà 30/6 A, Ấp Đông 1 | Thới Tam Thôn | Chế biến: tương ớt, tương cà, xốt các loại | | X |
| 163 | CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH SX-TP LINH MẠNH | | Sạp P13, Chợ Đầu mối NSTP Hóc Môn-14/7A Nguyễn Thị Sóc, Ấp Mỹ Hòa 4 | Xuân Thới Đông | Kinh doanh thịt heo | | X |
| 164 | CHI NHÁNH 4 CÔNG TY TNHH TUẤN CƯỜNG - KHO HÀNG | | I32, ấp Mỹ Hòa 4 | Xuân Thới Đông | Kinh doanh rau, củ, quả | | X |
| 165 | HỘ KINH DOANH HỢP PHÁP FOODS | | 302/22 Nguyễn Thị Ngâu, Ấp Trung Đông 2 | Thới Tam Thôn | Chế biến muối | | X |
| 166 | CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM GIA HÒA | | 171/1 Đường Huỳnh Thị Mài, Ấp Thới Tây 1 | Tân Hiệp | Chế biến: tương ớt, tương cà, tương đen, tương xí muội, nước tương, gia vị ướp, gia vị sốt | | X |
| 167 | CHI NHÁNH DNTN THANH SƠN HÀ | | 55/2D-55/2R Đồng Tâm, ấp Mỹ Hòa 3 | Tân Xuân | Đóng gói trứng | | X |
| 168 | CÔNG TY TNHH CHẾ BIẾN THỰC PHẨM SAO BIỂN | | 9/5 Đường Đại Hải 3, Ấp 7 | Xuân Thới Thượng | Phối trộn, chiết rót nước mắm; chiết rót nước tương, giấm, mắm nêm | | X |
| 169 | CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI-SẢN XUẤT TRẠI VIỆT | | D8-D9 Cụm công nghiệp - Dân cư Đô thị mới Nhị Xuân, ấp 5 | Xuân Thới Sơn | Đóng gói trứng gia cầm; chế biến, đóng gói trứng cút luộc | | X |
| 170 | HỘ KINH DOANH CƠ SỞ CHẾ BIẾN ĐĂNG MINH | | 46/9D ấp Thới Tứ 2 | Thới Tam Thôn | Chế biến rong biển, cơm cháy, bánh tráng; Đóng gói bánh, kẹo, đậu, hạt các loại | | X |

| STT | Tên cơ sở | Tên đại diện | Địa chỉ | Phường/xã | Loại hình | Ghi chú | Đánh giá tuân thủ ATTP (X) |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 171 | CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM CHAY THỊNH PHÁT | | 290/16A Ấp 1 | Nhị Bình | Chế biến thực phẩm chay | | X |
| 172 | HỘ KINH DOANH LÊ HUY TUẤN | | 14/5C Nguyễn Thị Ngâu, ấp Trung Đông 1 | Thới Tam Thôn | Chế biến giò chả | | X |
| 173 | CÔNG TY TNHH PR STAR | | 39/7 Xuân Thới 13, ấp Xuân Thới Đông 1 | Xuân Thới Đông | Kinh doanh rau, củ, quả | | X |
| 174 | HỘ KINH DOANH NÉT VIỆT | | 91/1Y ấp Xuân Thới Đông 3 | Xuân Thới Đông | Xay, đóng gói cà phê, đậu nành. | | X |
| 175 | HỘ KINH DOANH MAI HƯƠNG | | 45/5Q ấp Đông Lân 1 | Bà Điểm | sản xuất: giò, chả, mọc | | X |
| 176 | CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI HƯNG HƯNG LONG | | 290/60 Bùi Công Trừng, Ấp 1 | Nhị Bình | đóng gói trà; Chế biến trà túi lọc | | X |
| 177 | HỘ KINH DOANH PHẠM THỊ THUỶ | | 28/1F ấp Đông Lân | Bà Điểm | chế biến đậu hũ | | X |
| 178 | HỘ KINH DOANH CƠ SỞ NEM NƯỚNG HIẾU HÂN | | 13/1L Nguyễn Thị Ngâu, ấp Trung Đông | Thới Tam Thôn | chế biến nem nướng | | X |
| 179 | CHI NHÁNH 2 - CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI SẢN XUẤT NUI HÙNG CƯỜNG | | 9/3B, Ấp 1 | Xuân Thới Thượng | sơ chế, chế biến: bắp nguyên liệu | | X |
| 180 | HỘ KINH DOANH NHƠN HOÀ | | 4/80 Đặng Công Bỉnh, ấp Nhị Tân 2 | Tân Thới Nhì | chế biến: hành phi, tỏi phi | | X |
| 181 | SẢN XUẤT NGUYÊN KỲ | | 306 đường Xuân Thới Thượng 27, Ấp 4 | Xuân Thới Thượng | sấy, đóng gói: trà, cà phê; Đóng gói: bột sữa, bột rau câu, bột cacao | | X |
| 182 | CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI THỰC PHẨM KỲ PHƯƠNG | | 32/2S Mỹ Hoà 1 | Trung Chánh | chế biến: giò sống, chả lụa, chả chiên | | X |
| 183 | CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI CHẾ BIẾN THỰC PHẨM VŨ THẮNG | | 67/10D ấp Thới Tây 2 | Tân Hiệp | chế biến: chà bông | | X |
| 184 | CÔNG TY TNHH GU GROUP | | 3/2 ấp Vạn Hạnh | Trung Chánh | Chế biến bánh gạo lứt; Đóng gói: rong biển sấy, cơm sấy gạo lứt, bánh Biscotti, nho khô, yến mạch | | X |
| 185 | HỘ KINH DOANH HỒNG VÂN | | 50/4 ấp Tân Thới 1 | Tân Hiệp | chế biến thịt heo quay | | X |

| STT | Tên cơ sở | Tên đại diện | Địa chỉ | Phường/xã | Loại hình | Ghi chú | Đánh giá tuân thủ ATTP (X) |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 186 | CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH TM - SX NÔNG SẢN THỰC PHẨM QUỐC TẾ QUÂN QUÂN | | 10/9B ấp Mỹ Hoà 4 | Xuân Thới Đông | sơ chế: hành, tỏi, gừng | | X |
| 187 | CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VIỆT THÁI FOOD | | 15/4 Ấp 2 | Xuân Thới Thượng | chế biến: các sản phẩm dạng viên, chả có nguồn gốc từ thịt, thuỷ hải sản; gia vị dạng xốt; Đóng gói: rau, củ, quả, thịt, cá, thuỷ hải sản | | X |
| 188 | CÔNG TY TNHH WELLBEING TRADE CENTER & PACKING | | 40/1C ấp Đông Lân 1 | Bà Điểm | đóng gói: hạt chia, hạt diêm mạch, hạt yến mạch, muối đá hồng, hạt hạnh nhân, hạt dẻ cười, hạt macca, hạt điều, quả óc chó | | X |
| 189 | ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH CÔNG TY TNHH TM-DV-TP PHƯỢNG HOÀNG | | 9/8A Đường số 4, Mỹ Hoà 4 | Xuân Thới Đông | Kinh doanh thịt | | X |
| 190 | CÔNG TY TNHH MTV THỰC PHẨM THÁI NGUYÊN | | 15/8C ấp Mỹ Hoà 4 | Xuân Thới Đông | Kinh doanh thịt | | X |
| 191 | CÔNG TY TNHH RAU CỦ QUẢ NÔNG SẢN HOÀNG PHONG | | 5/1A Ấp 4 | Xuân Thới Sơn | Kinh doanh: rau, củ, quả | | X |
| 192 | HỘ KINH DOANH CƠ SỞ SẢN XUẤT NEM NƯỚNG | | 35/8A ấp Trung Đông 2 | Thới Tam Thôn | chế biến nem nướng | | X |
| 193 | CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI THÀNH PHÁT ĐẠT | | 60/4Đ ấp Mỹ Hoà 4 | Xuân Thới Đông | chiết rót, đóng chai nước mắm | | X |
| 194 | HỘ KINH DOANH NAM VIỆT | | 1/71B ấp Đình | Tân Xuân | chế biến thịt heo quay | | X |
| 195 | ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI BÁCH HOÁ XANH - BHX ONLINE HCM 16 | | Số 31/5E Ấp 3 | Xuân Thới Sơn | kinh doanh: rau, củ, quả | | X |
| 196 | CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH NÔNG SẢN VÀ THỰC PHẨM BÌNH MINH | | 84/4F ấp 3 | Xuân Thới Thượng | kinh doanh: rau, củ, quả | | X |

| STT | Tên cơ sở | Tên đại diện | Địa chỉ | Phường/xã | Loại hình | Ghi chú | Đánh giá tuân thủ ATTP (X) |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 197 | HỘ KINH DOANH CƠ SỞ SẢN XUẤT BÁNH MÌ BA TẬP (DIỄM) | | 1/1 Phan Văn Hớn, ấp Trung Lân | Bà Điểm | chế biến: thịt heo quay, gà quay, vịt quay, giò chả | | X |
| 198 | CÔNG TY TNHH PHƯƠNG MINH BẢO | | 17/10M đường Thới Tam Thôn 9, ấp Trung Đông | Thới Tam Thôn | Đóng gói: tiêu, gạo, bánh tráng, muối;<br>Chế biến: muối ớt, muối tiêu | | X |
| 199 | ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ VINFOOD | | 206/7A ấp Chánh 1 | Tân Xuân | kinh doanh: thịt, thuỷ sản | | X |
| 200 | CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ DU LỊCH LÝ SƠN - CHI NHÁNH TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH | | 97/3H Phạm Thị Giây, ấp Tam Đông | Thới Tam Thôn | sơ chế, đóng gói: hành, tỏi, sả, ớt, củ riềng, củ gừng, củ nén;<br>Đóng gói: rong biển, rau mầm;<br>Chế biến: hành phi, tỏi phi | | X |
| 201 | CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ THỰC PHẨM NGON NGON | | 82/5 ấp Mỹ Hoà 3 | Tân Xuân | Đóng gói: thịt, thuỷ sản và thịt, thuỷ sản đã được tẩm ướp | | X |
| 202 | CÔNG TY TNHH TÂN VÕ TRƯỜNG MINH | | 54/3D ấp Nam Lân | Bà Điểm | Kinh doanh: thịt, thuỷ sản | | X |
| 203 | CÔNG TY TNHH FERSH FOOD SONG HY | | G29 - 30 , ấp mỹ hoà 4 | xuân thới đông | Bán lẻ" rau, củ , quả , thịt, thuỷ sản | | X |
| 204 | HỘ KINH DOANH NĂM HIỀN | | 1/81 Đường Lê Thị Hà, ấp Đình | Tân Xuân | Chế biến heo quay | | X |
| 205 | HỘ KINH DOANH CƠ SỞ TÂN MINH | | 59/9Z ấp tiền lân 1 | Bà điểm | Chế biến heo quay | | X |
| 206 | ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ VINFOOD | | 206/7A ấp Chánh 1 | Tân xuân | Kinh doanh: rau, củ , quả , thịt , thuỷ sản, trứng | | X |
| 207 | CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM TINH HOA TOÀN CẦU | | 80 Đường Xuân Thới Thượng 8 - 4, ap 7 | xuân thới thượng | đóng gói thịt | | X |
| 208 | HỘ KINH DOANH CƠ SỞ KIM QUÍ | | 121 A ấp 6, | xuân thới thượng | Đóng gói: đường, muối, tiêu, bột kem, tương ớt, tương cà, hạt rang các loại | | X |

| STT | Tên cơ sở | Tên đại diện | Địa chỉ | Phường/xã | Loại hình | Ghi chú | Đánh giá tuân thủ ATTP (X) |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 209 | CÔNG TY TNHH SAẢ XUẤT THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU TÍN TRUNG | | 241/15 Â1p mới 1, | tân xuân | Đóng gói, kinh doanh: tổ yến | | X |
| 210 | HÔỘ KINH DOANH CÔNG ĐẠI | | 97/1D ấp Tam đông | thới tam thôn | Chế biến trả lài ( tẩm ướp, sấy, đóng gói ) | | X |
| 211 | HỘ KINH DOANH GIÁC ĐỨC | | 68/3C Trần Văn Mười, ấp Xuân Thới Đông 2 | Xuân Thới Đông | Chế biến thực phẩm chay: chả chay, ham chay, sò điệp chay | | X |
| 212 | HỘ KINH DOANH KHẢ HÂN | | 134/15/17 Đường ấp đông 4, ấp đông | thới tam thôn | Chế biến : giò bò, bò viên, chả lụa | | X |
| 213 | CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM TINH HOA TOÀN CẦU | | Số 80 đường xuân thới thượng 8-4, ấp 7, | xuân thới thượng | pha cắt, đóng gói thịt đông lạnh | | X |
| 214 | CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI THỰC PHẨM THANH HÀ | | 68/3C Đường ấp đông 4 | thới tam thôn | bán lẻ: rau, củ, quả, thịt, cá, trứng | | X |
| 215 | CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI HOA DOANH | | 140/28 Ap 4, | nhị bình | chế biến: các sản phẩm từ thịt, thủy hải sản ( trừ đồ hộp ), phô mai que, hotdog;<br>đóng gói: thịt đông lạnh, thủy hải sản khô | | X |
| 216 | HỘ KINH DOANH NGUYỄN CHÍ THÀNH | | 8/2A Đường trịnh thị miếng, ấp đông | thới tam thôn | Chế biên nem chua | | X |
| 217 | HỘ KINH DOANH CƠ SỞ SẢN XUẤT GIA VỊ THĂNG LONG PHÁT | | 32/33W ấp trung đông 2 | thới tam thôn | Sản xuất: giaấm ăn , nước chấm, tương ớt, nước sốt, sa tế, mắm nêm, nước màu | | X |
| 218 | CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU TÍN TRUNG | | 241/15 Ấp Mới 1 | Tân Xuân | Đóng gói, kinh doanh tổ yến | | X |
| 219 | HỘ KINH DOANH CƠ SỞ KIM QUÍ | | 121A Ấp 6 | Xuân Thới Thượng | Đóng gói: đường, muối, tiêu, bột kem, tương ớt, tương cà, hạt rang các loại | | X |
| 220 | HỘ KINH DOANH THỰC PHẨM CHAY SEN HỒNG | | 89/6A Ấp Xuân Thới Đông 3 | Xuân Thới Đông | Chế biến bột nêm gà chay | | X |

| STT | Tên cơ sở | Tên đại diện | Địa chỉ | Phường/xã | Loại hình | Ghi chú | Đánh giá tuân thủ ATTP (X) |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 221 | CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ XUẤT NHẬP KHẨU ĐẠI LONG | | 31/2D ấp Chánh 2 | Tân Xuân | Kinh doanh: thịt, thủy sản, rau củ quả | | X |
| 222 | CÔNG TY TNHH BA HỒNG | | 23K/3 Quốc lộ 22, Ấp Trung Chánh 2 | Trung Chánh | Kinh doanh thịt heo | | X |
| 223 | CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM ĐÔNG HÀ | | 42H Ấp Hậu Lân | Bà Điểm | Kinh doanh: thịt, thủy sản, rau, củ, quả, trứng | | X |
| 224 | CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN SẢN XUẤT THỰC PHẨM MINH LONG | | 15/4D Ấp Xuân Thới Đông 1 | Xuân Thới Đông | Chế biến: cá viên, gà viên, chả lụa, chả cá các loại, phô mai tẩm bột, gà rán, chạo sả, xúc xích | | X |
| 225 | CÔNG TY TNHH MTV THỰC PHẨM ĐỨC CHÍN | | 158/30A Ấp 3 | Xuân Thới Thượng | Sản xuất: chà bông gà, chà bông heo | | X |
| 226 | HỘ KINH DOANH CHÍ BÌNH | | 65/6A Ấp Dân Thắng 1 | Tân Thới Nhì | Đóng gói trứng gà | | X |
| 227 | CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU CÀ PHÊ MỘC | | 310/95B đường Nhị Bình 6 | Nhị Bình | Rang, xay, đóng gói: cà phê | | X |
| 228 | CÔNG TY TNHH NÔNG SẢN LYSOGA | | 14/4A Ấp Đông | thới tam thôn | Sơ chế, đóng gói: hành, tỏi; Chế biến: hành, tỏi ngâm dấm | | X |
| 229 | CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ MINH PHƯỚC | | Sạp P46 Chợ đầu mối nông sản Hóc Môn Ấp Mỹ Hòa 4 | Xuân Thới Đông | Kinh doanh Thịt Heo | | X |
| 230 | CÔNG TY TNHH TMDV THỰC PHẨM SAO MAI | | 22/2E Đỗ Văn Dậy ấp Tân Thới 1 | Tân Hiệp | Kinh doanh: Rau, củ, thịt, trứng | | X |
| 231 | CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ CHÍN NGÔI SAO | | 10/3 Ấp Thới Tây 1 | Tân Hiệp | Rang, xay, sấy: rau, củ, quả, hạt các loại | | X |
| 232 | CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI HÓC MÔN - CỬA HÀNG THỊT SỐ 1 | | Sạp T10, chợ đầu mối nông sản thực phẩm Hóc Môn Ấp Mỹ Hòa 4 | Xuân Thới Đông | Kinh doanh thịt heo | | X |
| 233 | CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH NÔNG SẢN TÂN THÀNH | | 337A ẤP 1 | Nhị Bình | Chế biếến cà phê hạt rang, cà phê bột | | X |
| 234 | CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ SẢN XUẤT THỰC PHẨM HƯƠNG VIỆT | | 117/E/2 Đặng Công Bình ấp 5 | Xuân Thới Sơn | Chế biếến: rau, trái cây ngâm chua ngọt: sơ chế, đóng gói : rau củ quả | | X |

| STT | Tên cơ sở | Tên đại diện | Địa chỉ | Phường/xã | Loại hình | Ghi chú | Đánh giá tuân thủ ATTP (X) |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 235 | CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI SẢN XUẤT NUI HÙNG CƯỜNG | | 10/8C ẤP 1 | Xuân Thới Thượng | Chế biến: Nui chiên, bắp chiên | | X |
| 236 | HỘ KINH DOANH NHẬT HƯNG PHÁT | | 66/12G Ấp 3 | Xuân Thới Thượng | Chế biến: khô thịt bò, khô thịt trâu | | X |
| 237 | CÔNG TY TNHH CHẾ BIẾN THỰC PHẨM SAO BIỂN | | 85/19A Ấp 7 | Xuân Thới Thượng | Đóng gói: nước nắm, nước tương, giấm ăn. Mắm nêm | | X |
| 238 | CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ THẾ AN KHANG | | 60/99A Ấp 7 | Xuân Thới Thượng | Kinh doanh: rau.củ.quả. Nấm | | X |
| 239 | HỘ KINH DOANH CƠ SỞ NƯỚC MẮM PHÚ HƯNG | | 49/19A KP3 | Thị trấn Hóc Môn | Pha chế, đóng gói nước mắm | | X |
| 240 | CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ SAN HỒ XANH | NGUYỄN VĂN NHÀN | 189 E Đặng Công Binh Ấp 5 | Xuân Thới Sơn | Sản xuất syrup (siro) mứt, sốt, caramel, chocolate; phối trộn và đóng gói mật ong; sản phẩm từ chanh, tắc, cam, mơ, xí muội, me | | X |
| 241 | XƯỞNG SẢN XUẤT PHƯƠNG ĐÔNG | NGUYỄN VIỆT THẮNG | 8/30A Ấp 4 | Đông Thạnh | Sản xuất mì ăn liền, nui | | X |
| 242 | CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN TIỀN ĐỒNG - NHÀ MÁY BIA VI NA KEN | VÕ THỊ QUỲNH VÂN | 05 Đường số 5 - Khu dân cư Hoàng Hải, Ấp Tiền Lân | Bà Điểm | Sản xuất bia | | X |
| 243 | CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ SAN HỒ XANH | NGUYỄN VĂN NHÀN | 6B Nguyễn Văn Bứa, Ấp 1 | Xuân Thới Sơn | Sản xuất: syrup (si rô); mứt; sốt caramel, sốt chocolate; sản phẩm từ chanh, tắc, mơ; phối trộn, đóng gói mật ong | | X |
| 244 | CÔNG TY TNHH TM ĐỨC PHÚ FOODS | HOÀNG THỊ HUYỀN | 1/9 Huỳnh Thị Na, Ấp 2 | Đông Thạnh | Chiết rót dầu ăn, giấm tinh luyện, nước màu đường | | X |
| 245 | CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI VÀ SẢN XUẤT KIM LONG VIỆT NAM | TẠ LẬP HIẾU | 450/60 Đường Đặng Thúc Vịnh | Đông Thạnh | Sản xuất bánh snack | | X |
| 246 | ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI CHẾ BIẾN NÔNG SẢN CNC | | F23, Ấp Mỹ Hòa 4 | Xuân Thới Đông | Chế biến bánh tráng trộn | | X |

| STT | Tên cơ sở | Tên đại diện | Địa chỉ | Phường/xã | Loại hình | Ghi chú | Đánh giá tuân thủ ATTP (X) |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 247 | HỘ KINH DOANH HOÀNG BĂNG KỲ 2 | | 36/2 A Ấp Hậu Lân | Bà Điểm | Phối trộn, đóng gói bánh tráng trộn | | X |
| 248 | CÔNG TY TNHH VUA AN TOÀN | LÊ HỮU TRÍ | 1/13Z ấp Tiền Lân | Bà Điểm | Phối trộn, đóng gói: trà, bột làm kem; chế biến siro | | X |
| 249 | CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN SẢN XUẤT DỊCH VỤ NGÔI SAO PHƯƠNG ĐÔNG | HÀ MINH TUẤN | 158/30/1 Ấp 3 | Xuân Thới Thượng | Sản xuất bánh quy; chế biến: kẹo sô cô la, bánh cốm gạo | | X |
| 250 | XƯỞNG CHẾ BIẾN THỰC PHẨM DU HƯNG PHONG | | 110 Phan Văn Hớn, Ấp 4 | Xuân Thới Thượng | Chế biến: mì sợi, da bánh tráng xốp, da hoành thánh; Pha chế, đóng chai nước mắm | | X |
| 251 | CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM TÂN CHÂN LONG | LƯU THỊ YẾN TRINH | 50/2A Đường Bắc Lân 3 | Bà Điểm | Phối trộn, đóng gói bột gạo, bột nếp, bột mì, bột năng | | X |
| 252 | CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN M&B FOODS | LÊ HÒA HIỆP | 26/7A ấp Xuân Thới Đông 1 | Xuân Thới Đông | Sản xuất: bánh gạo, bột gạo, bột ngũ cốc, cháo sấy | | X |
| 253 | CÔNG TY CỔ PHẦN NHÀ HÀNG & BIA TƯƠI AVA | PHẠM ANH MINH | 26/7F Đường Võ Thị Hồi | Xuân Thới Đông | sản xuất đồ uống lên men | | X |
| 254 | ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH HÓC MÔN - CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM TRUNG MINH THÀNH | NGUYỄN VĂN SỰ | Lô B7 - B8 - B9, Đường B2, Cụm Công nghiệp và Tiểu Thủ Công Nghiệp Xuân Thới Sơn, Số 5A, Quốc lộ 22 | Xuân Thới Sơn | đóng gói phô mai que | | X |
| 255 | CÔNG TY TNHH CHẾ BIẾN THỰC PHẨM MAI HƯNG | TRẦN THỊ THU HẰNG | 342 Đường Bùi Công Trừng | Nhị Bình | sản xuất bánh quế | | X |
| 256 | ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ TƯ VẤN MTC - XƯỞNG SẢN XUẤT CÔNG TY MTC | NGUYỄN VĂN CƯỜNG | 8/3 Tổ 3, ấp Xuân Thới Đông 1 | Xuân Thới Đông | sản xuất các sản phẩm sữa từ hạt ngũ cốc, trà sữa | | X |
| 257 | CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ THÁI DƯƠNG | TRƯƠNG HẢI DƯƠNG | 71 Đường Xuân Thới Thượng 21, ấp 5 | Xuân Thới Thượng | Phối trộn, đóng gói: Phụ gia thực phẩm ( dạng lỏng, dạng bột ), bột gia vị | | X |
| 258 | CÔNG TY TNHH A&D CHẾ BIẾN THỰC PHẨM | ĐẶNG QUẢNG NAM | Số 145/8F Lê Thị Lơ | Tân Hiệp | Sản xuất các loại bánh từ bột | | X |
| 259 | CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ SẢN XUẤT THỰC PHẨM TRAGI | TRẦN NHỰT TRƯỜNG | 18/3 Nguyễn Ảnh Thủ Ấp Hưng Lân | Bà Điểm | Chế biếến phô mai que, hotdog phô mai tẩm bột | | X |

| STT | Tên cơ sở | Tên đại diện | Địa chỉ | Phường/xã | Loại hình | Ghi chú | Đánh giá tuân thủ ATTP (X) |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 260 | CÔNG TY TNHH RƯỢU BẠCH MÃ | HUỲNH QUAN QUYỀN | 40/4A Trần Văn Mười | Xuân Thới Thượng | Pha chế, đóng gói rượu | | X |
| 261 | CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH MAR23 - XƯỞNG SẢN XUẤT | VƯƠNG QUỐC | 53 Tân Hiệp 39 Ấp Thới Tây 2 | Tân Hiệp | Sản xuất bia | | X |
| 262 | CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH TẬP ĐOÀN THÁI TUẤN LOGISTICS | TRẦN MẠNH THÁI | 33 đường Tân Thới Nhì 10, tổ 72, ấp Nhị Tân | Tân Thới Nhì | Sản xuất bia | | X |
| 263 | ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH HÓC MÔN - CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM TRUNG MINH THÀNH | ĐẶNG THỊ UYÊN LINH | Lô B7 – B8 – B9, Đường B2, Cụm Công nghiệp và Tiểu thủ Công nghiệp Xuân Thới Sơn, Số 5A, Quốc Lộ 22 | Xuân Thới Sơn | Đóng gói: phô mai kem, phô mai que | | X |
| 264 | CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ QUỐC TẾ HT FOOD | NGUYỄN VĂN MẠNH | 39/1Z Ấp Trung Đông 2 | Thới Tam Thôn | Sản xuất: bánh panna cotta, phô mai que, nước nha đam, nước sương sáo, nước sương sâm, nước xua xoa, trà sữa; Chế biến: tàu hủ, nước thạch dừa; Đóng gói các loại đậu | | X |
| 265 | CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ SẢN XUẤT VIỆT LÊ | TRẦN THÁI HÀ | 450/60 Đặng Thúc Vịnh, Ấp 1 | Đông Thạnh | Sản xuất bánh mì, bánh bông lan | | X |
| 266 | CÔNG TY TNHH A&D CHẾ BIẾN THỰC PHẨM | ĐẶNG THỊ LOAN PHƯƠNG | Số 145/8F Lê Thị Lơ | Tân Hiệp | Sản xuất các loại bánh từ bột | | X |
| 267 | CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT – THƯƠNG MẠI – DỊCH VỤ BATRAFOCO | | 198/6 Đường Bùi Thị Lùng, ấp Thới Tứ 2 | Thới Tam Thôn | Đóng gói: đậu, hạt, bánh; Chế biến món ăn sẵn: bánh tráng trộn, bánh tráng nướng, cơm cháy, bánh phồng | | X |

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN HÓC MÔN

**Phụ lục 42**

**KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ, XẾP LOẠI CHẤT LƯỢNG ĐẢNG BỘ HUYỆN HÓC MÔN (NĂM 2021, 2022, 2023)**

| Thông báo của BTV.TU về đánh giá, xếp loại hàng năm/Kết quả | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| **Năm 2021** | | **Năm 2022** | | **Năm 2023** | |
| Thông báo số 916-TB/TU ngày 15/8/2022 của Ban Thường vụ Thành ủy | Tốt | Thông báo số 1133-TB/TU ngày 10/4/2023 của Ban Thường vụ Thành ủy | Tốt | Thông báo số 1611-TB/TU ngày 04/5/2024 của Ban Thường vụ Thành ủy | Tốt |

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN HÓC MÔN

**Phụ lục 43**

**KẾT QUẢ XẾP LOẠI CHẤT LƯỢNG CHÍNH QUYỀN HUYỆN, GIAI ĐOẠN 2021 - 2023**

| STT | SỐ/KÝ HIỆU | Ngày ban hành | TRÍCH YẾU |
|---|---|---|---|
| 1 | Công văn số 4173/UBND | 06/08/2024 | Công văn số 4173/UBND của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện về việc cung cấp thông tin theo Công văn số 437/SNV-XDCQCTTN ngày 30/07/2024 của Sở Nội vụ |
| 2 | Quyết định số 741/QĐ-UBND | 15/03/2022 | Quyết định số 741/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân thành phố về tặng Bằng khen đối với các tập thể thuộc thành phố |
| 3 | Quyết định số 954/QĐ-UBND | 20/03/2023 | Quyết định số 954/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân thành phố về tặng Bằng khen đối với các tập thể thuộc thành phố |
| 4 | Quyết định số 611/QĐ-UBND | 05/03/2024 | Quyết định số 611/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân thành phố về tặng Bằng khen của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đối với các tập thể trong cụm, khối thi đua thuộc Thành phố năm 2023 |

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN HÓC MÔN

**Phụ lục 44**

**VĂN BẢN ĐÁNH GIÁ, XẾP LOẠI CHẤT LƯỢNG MẶT TRẬN TỔ QUỐC VÀ CÁC TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ - XÃ HỘI HUYỆN (NĂM 2021, 2022, 2023)**

| STT | Đơn vị | Thông báo của BTV.TU về đánh giá, xếp loại hàng năm/Kết quả | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Năm 2021 | | Năm 2022 | | Năm 2023 | |
| 1 | **Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam huyện** | Thông báo số 407/TB-MTTQ-BTT ngày 14 tháng 12 năm 2021 của Ban Thường trực MTTQ thành phố về kết quả thi đua Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Quận, huyện và thành phố Thủ Đức năm 2021 | Xuất sắc | Thông báo số 490/TB-MTTQ-BTT ngày 07 tháng 12 năm 2024 của Ban Thường trực MTTQ thành phố về kết quả thi đua Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Quận, huyện và thành phố Thủ Đức năm 2022 | Xuất sắc | Thông báo số 569/TB-MTTQ-BTT ngày 11 tháng 12 năm 2023 của Ban Thường trực MTTQ thành phố về kết quả thi đua Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Quận, huyện và thành phố Thủ Đức năm 2023 | Xuất sắc |
| 2 | **Liên đoàn lao động huyện** | Công văn số 1111/LĐLĐ-CSPL ngày 23 tháng 12 năm 2021 về thông báo kết quả bình xét thi đua hoạt động công đoàn năm 2021 và Công văn số 1118/LĐLĐ-CSPL ngày 28 tháng 12 năm 2021 về thay thế tài liệu đính kèm theo Công văn số 1111/LĐLĐ-CSPL ngày 23/12/2021 | Tốt | Công văn số 1337/LĐLĐ-CSPL ngày 13 tháng 12 năm 2022 về thông báo kết quả bình xét thi đua hoạt động công đoàn năm 2022 | Tốt | Công văn số 222/LĐLĐ-CSPL ngày 21 tháng 12 năm 2023 về thông báo kết quả bình xét thi đua hoạt động công đoàn năm 2023 | Tốt |
| 3 | **Hội Nông dân huyện** | Thông báo số 150-TB/HNDT ngày 16 tháng 12 năm 2021 của Hội Nông dân Thành phố về Kết luận kiểm tra, đánh giá công tác Hội và phong trào nông dân huyện Hóc Môn năm 2021 | Xuất sắc | Thông báo số 19-TB/HNDT ngày 31 tháng 01 năm 2023 của Hội Nông dân Thành phố về Kết luận kiểm tra, đánh giá công tác Hội và phong trào nông dân huyện Hóc Môn năm 2022 | Xuất sắc | Thông báo số 239-TB/HNDT ngày 29 tháng 12 năm 2023 của Hội Nông dân Thành phố về Kết luận kiểm tra, đánh giá công tác Hội và phong trào nông dân huyện Hóc Môn năm 2023 | Xuất sắc dẫn đầu cụm |

| STT | Đơn vị | Thông báo của BTV.TU về đánh giá, xếp loại hàng năm/Kết quả | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Năm 2021 | | Năm 2022 | | Năm 2023 | |
| 4 | **Huyện đoàn** | Thông báo 2270-TB/TĐTN-VP ngày 13 tháng 12 năm 2021 của Thành Đoàn về kết quả thi đua công tác Đoàn và phong trào thanh thiếu nhi năm 2021 các cơ sở đoàn khu vực Địa bàn dân cư, Lực lượng vũ trang và công nhân lao động trực thuộc | Xuất sắc | Thông báo 92-TB/TĐTN-VP ngày 22 tháng 12 năm 2022 của Thành Đoàn về kết quả thi đua công tác Đoàn và phong trào thanh thiếu nhi năm 2022 các cơ sở đoàn khu vực Địa bàn dân cư, Lực lượng vũ trang và công nhân lao động trực thuộc | Xuất sắc | Thông báo số 631-TB/TĐTN-VP ngày 26 tháng 12 năm 2023 của Thành Đoàn về kết quả thi đua công tác Đoàn và phong trào thanh thiếu nhi năm 2023 các cơ sở đoàn khu vực Địa bàn dân cư, Lực lượng vũ trang và công nhân lao động trực thuộc | Xuất sắc |
| 5 | **Hội Liên hiệp Phụ nữ huyện** | Công văn số 4070/BTV-VP ngày 11 tháng 11 năm 2021 về thông báo kết quả xếp loại thi đua năm 2021 | Xuất sắc | Công văn số 627/BTV-VP ngày 08 tháng 11 năm 2022 về thông báo kết quả xếp loại thi đua năm 2022 | Xuất sắc | Công văn số 1437/BTV-VP ngày 13 tháng 11 năm 2023 về thông báo kết quả xếp loại thi đua năm 2023 | Xuất sắc |
| 6 | **Hội Cựu chiến binh huyện** | Quyết định số 59/QĐ-CCB ngày 24 tháng 12 năm 2022 của Ban Thường vụ Hội Cựu chiến binh Thành phố về việc công nhận xếp loại chất lượng tập thể, cá nhân năm 2021 | Tốt | Quyết định số 828/QĐ-CCB ngày 15 tháng 12 năm 2022 về việc công nhận xếp loại chất lượng tập thể, cá nhân năm 2022 | Tốt | Quyết định số 794/QĐ-CCB ngày 22 tháng 12 năm 2023 về việc công nhận xếp loại chất lượng tập thể, cá nhân năm 2023 | Xuất sắc |

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN HÓC MÔN

**Phụ lục 45**

**NỘI DUNG CHỈ TIÊU 9.4 "HUYỆN ĐẠT CHUẨN TIẾP CẬN PHÁP LUẬT THEO QUY ĐỊNH" THUỘC BỘ TIÊU CHÍ QUỐC GIA VỀ XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI GIAI ĐOẠN 2021 - 2025**

| Stt | Nội dung chỉ tiêu | Tiêu chuẩn đạt chuẩn | Tài liệu đánh giá |
|---|---|---|---|
| 1 | **Ban hành các văn bản theo thẩm quyền để tổ chức và bảo đảm thi hành pháp luật trên địa bàn** | | |
| 1.1 | Tỷ lệ văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp huyện được ban hành đúng quy định pháp luật<br>*Tỷ lệ % = (Tổng số văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp huyện đã ban hành đúng thẩm quyền, thời hạn và không bị cơ quan có thẩm quyền xử lý hoặc kiến nghị xử lý do trái pháp luật/Tổng số văn bản quy phạm pháp luật được giao ban hành) x100* | 100% | Trong năm 2023, Ủy ban nhân dân huyện Hóc Môn ban hành 05 văn bản quy phạm pháp luật (đính kèm: Quyết định số 01/2023/QĐ-UBND ngày 09/6/2023 về Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức của Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội huyện Hóc Môn; Quyết định số 02/2023/QĐ-UBND ngày 09/6/2023 về Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức của Phòng Y tế huyện Hóc Môn; Quyết định số 03/2023/QĐ-UBND ngày 01/8/2023 về Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức của Phòng Tư pháp huyện Hóc Môn; Quyết định số 04/2023/QĐ-UBND ngày 01/8/2023 về Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức của Phòng Nội vụ huyện Hóc Môn; Quyết định số 05/2023/QĐ-UBND ngày 20/12/2023 về Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức của Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện). |
| 1.2 | Tỷ lệ văn bản hành chính có nội dung liên quan trực tiếp đến quyền, lợi ích của tổ chức, cá nhân do chính quyền cấp huyện ban hành bảo đảm đúng quy định pháp luật (sau đây gọi là văn bản hành chính) | 100% | - Sổ đăng ký văn bản đi của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp huyện (kèm theo).<br>- Báo cáo công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính của Công an cấp huyện (đính kèm: Công văn số 3937/CAHM-TM ngày 20 tháng 6 năm 2024 của Công an huyện Hóc Môn về phối hợp báo cáo tiêu chí huyện đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo Công |

| Stt | Nội dung chỉ tiêu | Tiêu chuẩn đạt chuẩn | Tài liệu đánh giá |
|---|---|---|---|
| | *Tỷ lệ % = (Tổng số văn bản hành chính đã ban hành đúng thẩm quyền, thời hạn và không bị cơ quan có thẩm quyền xử lý hoặc kiến nghị xử lý do trái pháp luật /Tổng số văn bản hành chính đã ban hành) x 100* | | văn 260/Tp ngày 04 tháng 6 năm 2024 của Phòng Tư pháp huyện: Tổng số quyết định thẩm quyền Trưởng Công an huyện trong xử lý vi phạm pháp luật cá nhân, tổ chức trên địa bàn thuộc phạm vi, chức năng, nhiệm vụ được giao: 11.092 Tỷ lệ % = 100%)<br>- Văn bản của cơ quan có thẩm quyền về việc đình chỉ thi hành, bãi bỏ văn bản hành chính hoặc văn bản của cơ quan có thẩm quyền kết luận về việc văn bản hành chính của cấp huyện trái pháp luật (không có). |
| **2** | **Tiếp cận thông tin** | | |
| 2.1 | Thực hiện lập, cập nhật, đăng tải (hoặc niêm yết) Danh mục thông tin phải công khai, Danh mục thông tin công dân được tiếp cận có điều kiện theo quy định pháp luật | Theo quy định tại Điều 6 Nghị định số 13/2018/NĐ-CP ngày 23/01/2018 quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Tiếp cận thông tin | Các Danh mục thông tin của huyện ban hành đều được Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp huyện đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của huyện và niêm yết tại Bộ phận Một cửa của Ủy ban nhân dân huyện:<br>*https://www.hocmon.gov.vn*<br>*https://www.hocmon.gov.vn/phong-noi-vu/tthc/784*<br>*https://www.hocmon.gov.vn/phong-ke-hoach-tai-chinh/tthc/786*<br>*https://www.hocmon.gov.vn/thanh-tra/tthc/787*<br>*https://www.hocmon.gov.vn/phong-quan-ly-do-thi/tthc/788*<br>*https://www.hocmon.gov.vn/phong-kinh-te/tthc/789*<br>*https://www.hocmon.gov.vn/phong-tu-phap/tthc/790*<br>*https://www.hocmon.gov.vn/phong-van-hoa-thong-tin/tthc/791*<br>*https://www.hocmon.gov.vn/phong-lao-dong-thuong-binh-xa-hoi/tthc/792*<br>*https://www.hocmon.gov.vn/phong-tai-nguyen-moi-truong/tthc/793* |

| Stt | Nội dung chỉ tiêu | Tiêu chuẩn đạt chuẩn | Tài liệu đánh giá |
|---|---|---|---|
| | | | *https://www.hocmon.gov.vn/van-phong-hdnd-ubnd/tthc/794*<br>*https://www.hocmon.gov.vn/phong-y-te/tthc/795* |
| 2.2 | Tỷ lệ thông tin được công khai kịp thời, chính xác, đầy đủ, đúng hình thức theo quy định pháp luật<br>*Tỷ lệ % = (Tổng số thông tin đã công khai đúng thời hạn, thời điểm, chính xác, đầy đủ, đúng hình thức theo quy định/Tổng số thông tin phải được công khai) x 100* | 100% | - Các hồ sơ, văn bản, tài liệu phục vụ xây dựng, đều được đăng tải và niêm yết các danh mục thông tin (theo đường link trên Cổng thông tin của huyện và Trang thông tin điện tử của các cơ quan chuyên môn thuộc huyện, lịch phát các tin, bài công khai thông tin trên Đài truyền thanh của huyện và xã - thị trấn, khi được Thủi trưởng các cơ quan phê duyệt… và hình ảnh chụp các bảng niêm yết, công khai thông tin…):<br>*https://www.hocmon.gov.vn/tin-tuc-su-kien/c/4*<br>*https://quantri.hocmon.gov.vn/Admin/News.aspx?apikey=Ow31CYusQcKQ0vn9io32rxdhplus3dw4NxqZ37S3tMZGLaJYdhplusKjXmCFZlF4rUsYbQ2iRGDS1KF98eI00mdequal*<br>- Đơn kiến nghị, phản ánh hoặc biên bản tổng hợp kiến nghị, phản ánh của tổ chức, cá nhân liên quan đến việc công khai thông tin theo yêu cầu của Văn phòng Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp huyện (không có). |
| 2.3 | Tỷ lệ thông tin được cung cấp theo yêu cầu kịp thời, chính xác, đầy đủ, đúng hình thức theo quy định pháp luật<br>*Tỷ lệ % = (Tổng số thông tin đã cung cấp đúng thời hạn, chính xác, đầy đủ, đúng hình thức theo quy định pháp luật/Tổng số thông tin có yêu cầu đủ điều kiện cung cấp) x 100* | 94,29% | - Có trang bị sổ theo dõi cung cấp thông tin theo yêu cầu của Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp huyện, kèm theo Phiếu yêu cầu cung cấp thông tin (kèm theo).<br>- Đơn kiến nghị, phản ánh và biên bản tổng hợp kiến nghị, phản ánh của tổ chức, cá nhân liên quan đến việc cung cấp thông tin theo yêu cầu của Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp huyện đều được tổng hợp, xử lý, giải quyết theo quy định ((Đính kèm: Công văn số 84/TCD ngày 27 tháng 6 năm 2024 của Ban tiếp công dân về cung cấp số liệu tình hình Tiếp công dân, giải quyết kiến nghị, phản ánh, khiếu nại, tố cáo năm |

| Stt | Nội dung chỉ tiêu | Tiêu chuẩn đạt chuẩn | Tài liệu đánh giá |
|---|---|---|---|
| | | | 2023_Trong năm 2023 Ban Tiếp công dân huyện đã chuyển 1.350 đơn đến các cơ quan, đơn vị liên quan, các phòng, ban huyện và Ủy ban nhân dân các xã - thị trấn để xem xét giải quyết và trả lời công dân theo quy định. Qua đôn đốc, theo dõi và cập nhật kết quả giải quyết đơn, Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân huyện đã nhận được kết quả giải quyết 1.273 đơn; tồn 77 đơn chưa nhận được kết quả giải quyết). |
| 3 | **Phổ biến, giáo dục pháp luật, hòa giải ở cơ sở** | | |
| 3.1 | Ban hành Kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật, hòa giải ở cơ sở, đánh giá công nhận đạt chuẩn tiếp cận pháp luật | Đáp ứng yêu cầu về nội dung và thời hạn theo Kế hoạch, văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc trong 10 ngày làm việc kể từ ngày Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành Kế hoạch trong trường hợp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh không có yêu cầu về thời hạn | - Hàng năm Ủy ban hân dân huyện đều ban hành kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật, hòa giải ở cơ sở, đánh giá, công nhận đạt chuẩn tiếp cận pháp luật đ ảm bảo theo quy đ ịnh (đính kèm: Kế hoạch số 01/KH-UBND ngày 03/01/2023 của Ủy ban nhân dân huyện Hóc Môn về công tác phổ biến, giáo dục pháp luật; hòa giải ở cơ sở; xây dựng xã, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật trên địa bàn huyện năm 2023; Kế hoạch số 09/KH-HĐPH ngày 16 tháng 02 năm 2023 của Hội đồng phối hợp phổ biến, giáo dục pháp luật huyện về tổ chức các hoạt động phổ biến, giáo dục pháp luật năm 2023 trên địa bàn huyện Hóc Môn).<br>- Tất cả kế hoạch, văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của Ủy ban nhân dân Thành phố, Ủy ban nhân dân huyện đều ban hành kế hoạch và văn bản triển khai thực hiện kịp thời: (đính kèm: Kế hoạch số 6620/KH-UBND ngày 27 tháng 12 năm 2022 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về công tác phổ biến, giáo dục pháp luật; hòa giải ở cơ sở; xây dựng xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật trên địa bàn Thành phố năm 2023).<br>- Tất cả các chỉ tiêu, nhiệm vụ và tiến độ thực hiện kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật, hòa giải cơ sở, đánh giá, công nhận đạt chuẩn tiếp cận pháp luật hàng năm luôn đạt và vượt các nội dung kế |
| 3.2 | Tỷ lệ hoàn thành nhiệm vụ theo Kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật, hòa giải ở cơ sở, đánh giá, công nhận đạt chuẩn tiếp cận pháp luật | 100% | |

| Stt | Nội dung chỉ tiêu | Tiêu chuẩn đạt chuẩn | Tài liệu đánh giá |
|---|---|---|---|
| | *Tỷ lệ % = (Tổng số nhiệm vụ, hoạt động đã triển khai và hoàn thành trên thực tế/Tổng số nhiệm vụ, hoạt động đề ra trong Kế hoạch) x 100* | | hoạch đề ra (đính kèm: Báo cáo số 28/BC-HĐPH ngày 22 tháng 8 năm 2023 của Hội đồng Phối hợp phổ biến, giáo dục pháp luật huyện về kết quả tự kiểm tra công tác phổ biến, giáo dục pháp luật năm 2023; Báo cáo số 42/BC-HĐPH ngày 09 tháng 11 năm 2023 của Hội đồng Phối hợp phổ biến, giáo dục pháp luật huyện về kết quả thực hiện công tác phổ biến giáo dục pháp luật; hòa giải ở cơ sở năm 2023 trên địa bàn huyện Hóc Môn). |
| 3.3 | Bố trí kinh phí bảo đảm thực hiện Kế hoạch Phổ biến, giáo dục pháp luật, hòa giải ở cơ sở, đánh giá, công nhận đạt chuẩn tiếp cận pháp luật | 100% | - Hàng năm Ủy ban nhân dân huyện đều có phân bổ, bố trí kinh phí phổ biến, giáo dục pháp luật, hòa giải ở cơ sở, đánh giá, công nhận đạt chuẩn tiếp cận pháp luật đầy đủ, đảm bảo kinh phí cho các hoạt động (đính kèm: Quyết định số 5915/QĐ-UBND ngày 23 tháng 12 năm 2022 của Ủy ban nhân dân huyện Hóc Môn về giao định mức, khoán kinh phí thực hiện chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính cho 12 cơ quan chuyên môn và Đội Quản lý trật tự đô thị huyện năm 2023).<br>- Hàng năm Ủy ban nhân dân huyện đều có giao dự toán kinh phí chi cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, hòa giải cơ sở, đánh giá, công nhận chuẩn tiếp cận pháp luật được Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt (đính kèm: Phụ lục 02 giao dự toán thu chi ngân sách năm 2023 kèm theo Quyết định số 5915/QĐ-UBND ngày 23 tháng 12 năm 2022 của Ủy ban nhân dân huyện Hóc Môn về giao định mức, khoán kinh phí thực hiện chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính cho 12 cơ quan chuyên môn và Đội Quản lý trật tự đô thị huyện năm 2023).<br>- Hàng năm, Phòng Tư pháp huyện là cơ quan thường trực Hội đồng Phối hợp phổ biến, giáo dục pháp luật được giao dự toán kinh tổ chức hoạt động phổ biến, giáo dục pháp luật, hòa giải ở cơ sở, đánh giá, công nhận đạt chuẩn tiếp cận pháp luật huyện có báo về kinh phí chung, lồng |

| Stt | Nội dung chỉ tiêu | Tiêu chuẩn đạt chuẩn | Tài liệu đánh giá |
|---|---|---|---|
| | | | ghép vào báo cáo kết quả triển khai các nhiệm vụ của kế hoạch, kinh phí, hồ sơ quyết toán luôn đảm bảo (đính kèm: Báo cáo số 28/BC-HĐPH ngày 22 tháng 8 năm 2023 của Hội đồng Phối hợp phổ biến, giáo dục pháp luật huyện về kết quả tự kiểm tra công tác phổ biến, giáo dục pháp luật năm 2023; Báo cáo số 42/BC-HĐPH ngày 09 tháng 11 năm 2023 của Hội đồng Phối hợp phổ biến, giáo dục pháp luật huyện về kết quả thực hiện công tác phổ biến giáo dục pháp luật; hòa giải ở cơ sở năm 2023 trên địa bàn huyện Hóc Môn). Kèm hồ sơ quyết toán kinh phí. |
| 3.4 | Tỷ lệ báo cáo viên pháp luật cấp huyện được bồi dưỡng, tập huấn kiến thức, kỹ năng phổ biến, giáo dục pháp luật<br>*Tỷ lệ % = (Tổng số báo cáo viên pháp luật cấp huyện được tập huấn, bồi dưỡng/Tổng số báo cáo viên pháp luật của cấp huyện) x 100* | 88,46% | - Hàng năm, Hội đồng Phối hợp phổ biến, giáo dục pháp luật huyện đều xây dựng kế hoạch tổ chức tập huấn, bồi dưỡng kiến thức cho đội ngũ báo cáo viên pháp luật huyện (đính kèm: Kế hoạch số 14/KH-HĐPH ngày 22/8/2023 của Hội đồng Phối hợp phổ biến, giáo dục pháp luật huyện về tổ chức hội nghị tập huấn Bồi dưỡng nghiệp vụ tuyên truyền pháp luật cho đội ngũ Báo cáo viên pháp luật huyện, Tuyên truyền viên pháp luật xã - thị trấn năm 2023; Công văn số 16/HĐPH ngày 10 tháng 5 năm 2023 của Hội đồng Phối hợp phổ biến, giáo dục pháp luật huyện về mời dự hội nghị tập huấn).<br>- Danh sách báo cáo viên pháp luật cấp huyện được công nhận (đính kèm: Danh sách Báo cáo viên pháp luật kèm theo Quyết định số 1000/QĐ-UBND ngày 24 tháng 02 năm 2023 của Ủy ban nhân dân huyện về công nhận báo cáo viên pháp luật huyện Hóc Môn; Quyết định số 3506/QĐ-UBND ngày 30 tháng 6 năm 2023 của Ủy ban nhân dân huyện về công nhận báo cáo viên pháp luật huyện Hóc Môn).<br>- Danh sách báo cáo viên pháp luật cấp huyện xác nhận tham dự tập huấn hoặc được cấp phát tài liệu (đính kèm danh sách). |

| Stt | Nội dung chỉ tiêu | Tiêu chuẩn đạt chuẩn | Tài liệu đánh giá |
|---|---|---|---|
| 3.5 | Tỷ lệ tập huấn viên cấp huyện về hòa giải ở cơ sở được bồi dưỡng, tập huấn về kiến thức, kỹ năng hòa giải ở cơ sở và phương pháp tập huấn<br>*Tỷ lệ % = (Tổng số tập huấn viên cấp huyện về hòa giải ở cơ sở được tập huấn, bồi dưỡng/Tổng số tập huấn viên về hòa giải ở cơ sở của cấp huyện) x 100* | ≥ 80% | - Hằng năm, Hội đồng Phối hợp phổ biến, giáo dục pháp luật huyện xây dựng kế hoạch và tổ chức tập huấn, bồi dưỡng kiến thức cho tập huấn viên về hòa giải cơ sở (Kế hoạch số 09/KH-HĐPH ngày 20 tháng 3 năm 2023 của Hội đồng phối hợp phổ biến, giáo dục pháp luật huyện về tập huấn nghiệp vụ hòa giải viên cơ sở, Tập huấn viên hòa giải ở cơ sở năm 2023 trên địa bàn huyện Hóc Môn; Công văn số 158/TP ngày 17 tháng 4 năm 2024 của Phòng Tư pháp huyện Hóc Môn về mời dự tập huấn nghiệp vụ hòa giải ở cơ sở, Tập huấn viên hòa giải ở cơ sở năm 2023).<br>- Danh sách tập huấn viên về hòa giải ở cơ sở của cấp huyện (kèm theo).<br>- Danh sách tập huấn viên về hòa giải ở cơ sở của cấp huyện xác nhận tham dự tập huấn hoặc được cấp phát tài liệu (kèm theo). |
| **4** | **Trợ giúp pháp lý** | | |
| | Tỷ lệ người dân thuộc đối tượng trợ giúp pháp lý được trợ giúp pháp lý khi có yêu cầu<br>*Tỷ lệ % = (Tổng số người dân thuộc đối tượng trợ giúp pháp lý được trợ giúp pháp lý trên địa bàn/Tổng số người dân thuộc đối tượng trợ giúp pháp lý có yêu cầu trợ giúp pháp lý trên địa bàn) x 100* | ≥ 80% | Năm 2023, huyện Hóc Môn không có nhận được yêu cầu trợ giúp pháp lý của người dân thuộc đối tượng trợ giúp pháp lý. Nhưng Phòng Tư pháp huyện đã chủ động phối hợp Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước thành phố Hồ Chí Minh tổ chức 12 cuộc truyền thông và thực hiện trợ giúp pháp lý ở cơ sở cho người dân trên địa bàn 12 xã - thị trấn và Trung tâm Dạy nghề cho người khuyết tật và Trẻ mồ côi với 904 người tham dự và 116 người được tư vấn pháp luật, trợ giúp pháp lý (đính kèm Công văn số 534/TGPL-NV1 ngày 08 tháng 9 năm 2023 của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước Thành phố về việc thông báo kết quả truyền thông và thực hiện trợ giúp pháp lý ở cơ sở năm 2023). |

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN HÓC MÔN

**Phụ lục 46**

**KẾT QUẢ THỰC HIỆN TIÊU CHÍ 9.6 HUYỆN NÔNG THÔN MỚI NÂNG CAO – CÓ DỊCH VỤ CÔNG TRỰC TUYẾN**

| Stt | Nội dung tiêu chí | Kết quả thực hiện | Đánh giá theo Tiêu chí, hướng dẫn của Văn phòng Chính phủ, Văn phòng UBND Thành phố (tại các văn bản: Công văn số 13872/VP-KSTT ngày 13/12/2023; Công văn số 8456/VP-KSTT) |
|---|---|---|---|
| **Tiêu chí 9.6 – Có dịch vụ công trực tuyến, đánh giá chung: ĐẠT** | | | |
| 1 | Có dịch vụ công trực tuyến | **- Năm 2021,** Bộ phận Một cửa huyện tiếp nhận:<br>+ Tổng số hồ sơ tiếp nhận 8.893 hồ sơ. Kết quả, huyện đã giải quyết đúng hạn 8.823/8.827 hồ sơ, tỷ lệ 99,95%, giải quyết trễ hạn 4/8.827 hồ sơ, tỷ lệ 0,05%.<br>+ Tỷ lệ Dịch vụ công trực tuyến: 3.490/5332 hồ sơ (đối với các TTHC đã được cung cấp DVCTT), tỷ lệ 39,53%.<br>**- Năm 2022, Bộ phận Một cửa huyện tiếp nhận:**<br>+ Tổng số hồ sơ tiếp nhận 16.872 hồ sơ. Kết quả, huyện đã giải quyết đúng hạn 16.740/16.767 hồ sơ, tỷ lệ 99,83%, giải quyết trễ hạn 27/16.767 hồ sơ, tỷ lệ 0,16%.<br>+ Tỷ lệ Dịch vụ công trực tuyến: 6.006/10.866 hồ sơ (đối với các TTHC đã được cung cấp DVCTT), tỷ lệ 55,27%.<br>**- Năm 2023, Bộ phận Một cửa huyện tiếp nhận:** | **Năm 2021**: 65,45%<br>**Kết quả: Đạt**<br><br>**Năm 2022**: 55,27%<br>**Kết quả: Đạt** |

| | | | |
|---|---|---|---|
| | | + Tổng số hồ sơ tiếp nhận 14.802 hồ sơ. Kết quả, huyện đã giải quyết đúng hạn 14.315/14.362 hồ sơ, tỷ lệ 99,67%, giải quyết trễ hạn 47/14.362 hồ sơ, tỷ lệ 3,87%.<br>+ Tỷ lệ Dịch vụ công trực tuyến: 3.889/8.312 hồ sơ (đối với các TTHC đã được cung cấp DVCTT), tỷ lệ 46,79%.<br>**- Trong 10 tháng đầu năm 2024** (tính đến ngày 28/10/2024)<br>+ Tổng số hồ sơ tiếp nhận 12.153 hồ sơ. Qua đó, huyện đã giải quyết 11.842/12.153 hồ sơ, tỷ lệ 97,44%; đang giải quyết 311/12.153 hồ sơ, tỷ lệ 2,56%.<br>+ Tỷ lệ Dịch vụ công trực tuyến: 2.990/5.152 hồ sơ, tỷ lệ 58,04%. | **Năm 2023**: 46,79%<br>**Kết quả: Đạt**<br><br>**Năm 2024**: Theo ghi nhận trên bản đồ thể chế (tính đến ngày 28/10/2024), dịch vụ công trực tuyến huyện đạt tỷ lệ 58,8%.<br>**Kết quả: Đạt** |

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN HÓC MÔN

Phụ lục 47

TIẾN ĐỘ CÁC CÔNG TRÌNH THUỘC ĐỀ ÁN XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI GIAI ĐOẠN 2021 - 2025

| STT | Danh mục công trình | Chủ đầu tư | Địa điểm | TG-TH | Tổng mức đầu tư | Kế hoạch đã giao năm 2024 sau điều chỉnh, bổ sung | Giải ngân từ đầu năm đến ngày 08.11.2024 | Tỷ lệ (%) | Tiến độ thực hiện |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| **I. GIAO THÔNG** | | | | | **498.266** | **255.450** | **158.327** | **62%** | |
| 1 | Nâng cấp, sửa chữa đường Lê Thị Lơ | Ban QLDAĐTXDKV huyện Hóc Môn | TH | 2023-2025 | 49.000 | 30.000 | 14.428 | 48% | Bắt đầu thi công theo Thông báo số 259/TB-QLDA ngày 19/8/2024 (300 ngày: 04/9/2024-01/7/2025). Đang triển khai thi công HTTN, khối lượng đạt khoảng 25% |
| 2 | Xây dựng đường dọc kênh Trần Quang Cơ | Ban QLDAĐTXDKV huyện Hóc Môn | ĐT | 2023-2025 | 34.100 | 8.000 | 1.635 | 20% | - Đóng, mở thầu ngày 02/10,2024.<br>- Hiện nay đang chấm thầu gói tư vấn giám sát, làm rõ hồ sơ dự thầu gói XL<br>- Dự kiến có kết quả đấu thầu và khởi công công trình trước ngày 15/11/2024 |
| 3 | Nâng cấp, sửa chữa đường Xuân Thới Thượng 2 | Ban QLDAĐTXDKV huyện Hóc Môn | XTT | 2023-2025 | 27.973 | 8.400 | 1.093 | 13% | - Đã có kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu thi công xây dựng tại Quyết định số 1769/QĐ-QLDA ngày 25/10/2024<br>- Đang tiến hành hoàn thiện hợp đồng<br>- Dự kiến khởi công công trình trước ngày 15/11/2024 |
| 4 | Nâng cấp, sửa chữa đường Trung Mỹ - Tân Xuân | Ban QLDAĐTXDKV huyện Hóc Môn | TX-TC | 2023-2025 | 39.000 | 11.700 | 1.937 | 17% | Đang tổ chức đấu thầu gói thầu Thi công xây dựng và gói thầu tư vấn giám sát<br>- Đăng tải thông báo mời thầu ngày 08/10/2024<br>- Thời điểm đóng, mở thầu ngày 26/10/2024<br>- Tư vấn đang tiến hành chấm thầu các đơn vị tham gia dự thầu |
| 5 | Nâng cấp, sửa chữa đường Đông Thạnh 8 | Ban QLDAĐTXDKV huyện Hóc Môn | ĐT | 2023-2025 | 25.000 | 8.000 | 1.302 | 16% | - Ban đã trình hồ sơ điều chỉnh dự án theo tờ trình số 2157/TTr-QLDA ngày 18/10/2024. hiện đang phối hợp với Phòng Quản lý đô thị giải trình ý kiến thẩm định. |
| 6 | Nâng cấp, sửa chữa đường Tân Xuân - Trung Chánh 2 | Ban QLDAĐTXDKV huyện Hóc Môn | TTN-TC | 2023-2025 | 30.300 | 9.000 | 6.901 | 77% | - Đã khởi công xây dựng ngày 10/9/2024<br>- ĐVTC đang thi công cấu kiện đúc sẵn, lắp đặt HTTN dọc tuyến<br>- Khối lượng đạt 35% |
| 7 | Nâng cấp, sửa chữa đường Nhị Bình 9 + Nhị Bình 9A | Ban QLDAĐTXDKV huyện Hóc Môn | NB | 2023-2025 | 17.862 | 6.000 | 5.444 | 91% | - Tiếp tục thi công nạo vét mương, đóng cừ tràm gia cố mương hở thoát nước trên đường Nhị Bình 9, gia công cốt thép hố ga, tập kết cống thoát nước. Khối lượng đạt 5% |
| 8 | Nâng cấp, sửa chữa đường đường số 3 ấp Mỹ Hòa 2 | Ban QLDAĐTXDKV huyện Hóc Môn | XTĐ | 2023-2025 | 3.300 | 2.200 | 1.089 | 50% | - Tiếp tục thi công hạng mục thoát nước tuyến đường và các cấu kiện đúc sẵn<br>- Khối lượng thi công ước đạt 50% |
| 9 | Nâng cấp, sửa chữa đường Trương Thị Như | Ban QLDAĐTXDKV huyện Hóc Môn | XTS | 2023-2025 | 33.275 | 10.000 | 9.340 | 93% | Đã có kết quả lựa chọn nhà thầu Thi công xây dựng và tư vấn giám sát<br>Dự kiến khởi công công trình trước ngày 15/11/2024 |

| STT | Danh mục công trình | Chủ đầu tư | Địa điểm | TG-TH | Tổng mức đầu tư | Kế hoạch đã giao năm 2024 sau điều chỉnh, bổ sung | Giải ngân từ đầu năm đến ngày 08.11.2024 | Tỷ lệ (%) | Tiến độ thực hiện |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 10 | Nâng cấp, sửa chữa tuyến Đông Lân 6 | Ban QLDAĐTXDKV huyện Hóc Môn | BĐ | 2023-2025 | 3.031 | 2.000 | 1.500 | 75% | - Đã tiến hành thảm BTNN mặt đường vào ngày 31/10/204<br>- Từ này đến ngày 08/11/2024: Lu lèn bảo dưỡng mặt đường BTNN, thi công các hạng mục tổ chức giao thông<br>- Khối lượng ước đạt 90% |
| 11 | Nâng cấp, sửa chữa đường Tân Hiệp 15 | Ban QLDAĐTXDKV huyện Hóc Môn | TH | 2023-2025 | 5.800 | 5.000 | 3.292 | 66% | - Khởi công dự án ngày 20/7/2024. Đã thi công cơ bản hoàn thành HTTN, bó vỉa, nền hạ, ước đạt 70% khối lượng công trình. |
| 12 | Nâng cấp, sửa chữa đường Nguyễn Thị Sáng | Ban QLDAĐTXDKV huyện Hóc Môn | XĐT | 2023-2025 | 13.395 | 10.000 | 4.992 | 50% | Công trình khởi công ngày 10/7/2024, Đơn vị thi công hệ thống thoát nước, và tái lập nền đường, khối lượng đạt khoảng 55%<br>Dự kiến thi công hoàn thành trước 31/12/2024 |
| 13 | Nâng cấp, sửa chữa đường Đông Thạnh 7-4 | Ban QLDAĐTXDKV huyện Hóc Môn | ĐT | 2023-2025 | 13.617 | 10.000 | 7.549 | 75% | Công trình khởi công ngày 10/7/2024, hiện nay đang thi công hoàn thiện HTTN và tái lập mặt đường, lên bó vỉa khối lượng đạt khoảng 70%<br>Dự kiến thi công hoàn thành trước 31/11/2024 |
| 14 | Nâng cấp, sửa chữa đường Tân Hiệp 19 | Ban QLDAĐTXDKV huyện Hóc Môn | TH | 2023-2025 | 6.500 | 5.000 | 3.698 | 74% | - Công trình đã có GPTC, khởi công ngày 02/8/2024<br>- Hiện nay tiếp tục hoàn thiện vỉa hè, sơn đường, biển báo.<br>- Khối lượng đạt khoảng 98%. |
| 15 | Nâng cấp, sửa chữa đường Tân Hiệp 8 | Ban QLDAĐTXDKV huyện Hóc Môn | TH | 2023-2025 | 13.889 | 11.050 | 7.732 | 70% | - Công trình đã có GPTC, khởi công ngày 20/7/2024,<br>- Hiện nay tiếp tục thi công đào lắp đặt hệ thống thoát nước ngang đường; Thi công bó vỉa, nền đường<br>- Khối lượng đạt 80%. |
| 16 | Nâng cấp, sửa chữa đường Tân Hiệp 10+11 | Ban QLDAĐTXDKV huyện Hóc Môn | TH | 2023-2025 | 12.634 | 10.050 | 6.749 | 67% | Đã thi công hoàn thành dự án. Giải ngân 100% số vốn được giao và soạn hồ sơ chuẩn bị trình Phòng Quản lý đô thị kiểm tra công tác nghiệm thu. Dự kiến trong tháng 11 sẽ trình qua Phòng QLĐT. |
| 17 | Nâng cấp, sửa chữa đường Đông Thạnh 1-2A | Ban QLDAĐTXDKV huyện Hóc Môn | ĐT | 2023-2025 | 13.000 | 9.500 | 7.168 | 75% | Công trình khởi công ngày 10/7/2024. Thi công hoàn nền đường và lên bó vỉa khối lượng đạt khoảng 80%<br>- Dự kiến thi công hoàn thành trước 15/11/2024 |
| 18 | Nâng cấp, sửa chữa đường Xuân Thới Đông 1B | Ban QLDAĐTXDKV huyện Hóc Môn | XTĐ | 2023-2025 | 3.052 | 2.300 | 2.300 | 100% | - Đã thi công hoàn thành công trình ngày 30/8/2024<br>- Tập hợp hồ sơ trình Phòng QLĐT kiểm tra công tác nghiệm thu |
| 19 | Nâng cấp, sửa chữa đường Tân Thới Nhì 11 + nhánh | Ban QLDAĐTXDKV huyện Hóc Môn | TTN | 2023-2025 | 6.099 | 4.200 | 2.939 | 70% | - Đang thi công lắp đặt cống thoát nước<br>- Tiếp tục thi công hoàn thành hạng mục thoát nước.<br>- Khối lượng thi công đạt 60% |
| 20 | Nâng cấp, sửa chữa đường Nguyễn Thị Ly | Ban QLDAĐTXDKV huyện Hóc Môn | XTS | 2023-2025 | 6.000 | 3.000 | 2.692 | 90% | - Tiếp tục thi công hoàn thành hạng mục thoát nước,<br>- Triển khai thi công hạng mục cấp phối đá dăm mặt đường<br>- Khối lượng thi công đạt 90% |

| STT | Danh mục công trình | Chủ đầu tư | Địa điểm | TG-TH | Tổng mức đầu tư | Kế hoạch đã giao năm 2024 sau điều chỉnh, bổ sung | Giải ngân từ đầu năm đến ngày 08.11.2024 | Tỷ lệ (%) | Tiến độ thực hiện |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 21 | Nâng cấp, sửa chữa đường Tân Thới Nhì 32 | Ban QLDAĐTXDKV huyện Hóc Môn | TTN | 2023-2025 | 8.400 | 5.700 | 4.200 | 74% | - Đã hoàn thành công tác thảm BTNN, đang chuẩn bị sơn đường, biển báo.<br>- Khối lượng thi công đạt 98% |
| 22 | Nâng cấp, sửa chữa đường Xuân Thới Sơn 16 | Ban QLDAĐTXDKV huyện Hóc Môn | XTS | 2023-2025 | 14.800 | 7.400 | 7.195 | 97% | Đã thi công hoàn thành hệ thống thoát nước, cấp phối đá dăng mặt đường, bó vỉa, lót gạch vỉa hè. Đang triển khai BTNN đoạn 1 ( Nguyễn Thị Đành - Lê Thị Kim) |
| 23 | Nâng cấp, sửa chữa đường Thới Tam Thôn 11B (từ đường Thới Tam Thôn 12 đến Thới Tam Thôn 11A) | Ban QLDAĐTXDKV huyện Hóc Môn | TTT | 2023-2025 | 4.200 | 3.200 | 1.964 | 61% | - Đã hoàn thành hạng mục thoát nước. Đang thi công mặt đường cấp phối đá dăm. Khối lượng đạt 75%<br>- Tiếp tục thi công, hoàn thiện mặt đường cấp phối đá dăm |
| 24 | Nâng cấp, sửa chữa đường Xuân Thới Thượng 18 | Ban QLDAĐTXDKV huyện Hóc Môn | XTT | 2023-2025 | 9.906 | 7.100 | 4.841 | 68% | - Đã tiến hành thảm BTNN mặt đường vào ngày02/11/2024<br>- Từ này đến ngày 08/11/2024: Lu lèn bảo dưỡng mặt đường BTNN, thi công các hạng mục tổ chức giao thông<br>- Khối lượng ước đạt 90% |
| 25 | Nâng cấp, sửa chữa đường Tam Đông 8 | Ban QLDAĐTXDKV huyện Hóc Môn | TTT | 2023-2025 | 6.068 | 3.000 | 3.000 | 100% | Đang bê tông xi măng mặt đường. Đạt khối lượng 80% |
| 26 | Nâng cấp, sửa chữa tuyến Ấp Chánh 4 | Ban QLDAĐTXDKV huyện Hóc Môn | TX | 2023-2025 | 3.640 | 3.000 | 3.000 | 100% | - Phòng QLĐT đã có Thông báo kết quả kiểm tra công tác nghiệm thu số 3334/TB-QLĐT ngày 30/9/2024<br>- Đang kiểm toán độc lập |
| 27 | Nâng cấp, sửa chữa đường Tam Đông 21 | Ban QLDAĐTXDKV huyện Hóc Môn | TTT | 2023-2025 | 3.800 | 3.000 | 1.900 | 63% | - Đã hoàn thành hạng mục thoát nước. Đang thi công mặt đường cấp phối đá dăm. Khối lượng đạt 80%<br>- Tiếp tục thi công, hoàn thiện mặt đường cấp phối đá dăm |
| 28 | Nâng cấp, sửa chữa đường Tam Đông 20 | Ban QLDAĐTXDKV huyện Hóc Môn | TTT | 2023-2025 | 3.900 | 3.100 | 2.308 | 74% | - Đã hoàn thành hạng mục thoát nước. Đang thi công mặt đường cấp phối đá dăm. Khối lượng đạt 80%<br>- Tiếp tục thi công, hoàn thiện mặt đường cấp phối đá dăm |
| 29 | Nâng cấp, sửa chữa đường Thới Tam Thôn 12Bis | Ban QLDAĐTXDKV huyện Hóc Môn | TTT | 2023-2025 | 3.500 | 1.700 | 1.700 | 100% | Đã thi công hoàn thành, hiện đang tập hợp hồ sơ trình nghiệm thu hoàn thành công tình. |
| 30 | Nâng cấp, sửa chữa đường Thới Tứ 3 | Ban QLDAĐTXDKV huyện Hóc Môn | TTT | 2023-2025 | 3.100 | 1.500 | 1.500 | 100% | Thi công hoàn thành |
| 31 | Nâng cấp, sửa chữa đường Tân Thới Nhì 26 | Ban QLDAĐTXDKV huyện Hóc Môn | TTN | 2023-2025 | 8.495 | 3.900 | 3.900 | 100% | - Đang thi công phần vỉa hè, Lu lèn bảo dưỡng mặt đường cấp phối đá dăm<br>- Khối lượng thi công đạt 85% |

| STT | Danh mục công trình | Chủ đầu tư | Địa điểm | TG-TH | Tổng mức đầu tư | Kế hoạch đã giao năm 2024 sau điều chỉnh, bổ sung | Giải ngân từ đầu năm đến ngày 08.11.2024 | Tỷ lệ (%) | Tiến độ thực hiện |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 32 | Đầu tư hệ thống thoát nước đường Lê Thị Hồng Gấm | Ban QLDAĐTXDKV huyện Hóc Môn | TTN | 2023-2025 | 14.197 | 9.700 | 5.700 | 59% | - Tiếp tục thi công hoàn thành hạng mục thoát nước (dự kiến 90%). Triển khai thi công bó vỉa, nền đường cấp phối đá dăm |
| 33 | Nâng cấp, sửa chữa đường Đông Thạnh 3-3 | Ban QLDAĐTXDKV huyện Hóc Môn | ĐT | 2023-2025 | 13.000 | 9.200 | 5.200 | 57% | - Công trình đã có GPTC, khởi công ngày 26/7/2024,<br>- Hiện nay tiếp tục thi công bó vỉa, nền đường.<br>- Khối lượng đạt 80%. |
| 34 | Nâng cấp, sửa chữa đường Tân Thới Nhì 21 + nhánh | Ban QLDAĐTXDKV huyện Hóc Môn | TTN | 2023-2025 | 5.490 | 3.900 | 2.200 | 56% | - Triển khai thi công mặt đường cấp phối đá dăm. Khối lượng đạt khoảng 80% so với hợp đồng |
| 35 | Đầu tư hệ thống thoát nước đường Tân Thới Nhì 8 | Ban QLDAĐTXDKV huyện Hóc Môn | TTN | 2023-2025 | 14.489 | 10.000 | 5.800 | 58% | - Hiện nay đang thi công HTTN, bó vỉa, vỉa hè.<br>- Khối lượng đạt khoảng 60% |
| 36 | Nâng cấp, sửa chữa đường Tân Thới Nhì 25 + nhánh | Ban QLDAĐTXDKV huyện Hóc Môn | TTN | 2023-2025 | 5.604 | 4.200 | 2.200 | 52% | - Đã hoàn thành hạng mục thoát nước. Đang thi công mặt đường cấp phối đá dăm. Khối lượng đạt 70%<br>- Tiếp tục thi công, hoàn thiện mặt đường cấp phối đá dăm |
| 37 | Nâng cấp, sửa chữa đường Bà Điểm 4 | Ban QLDAĐTXDKV huyện Hóc Môn | BĐ | 2023-2025 | 14.150 | 5.750 | 4.660 | 81% | - Tiếp tục thi công HTTN; khối lượng ước đạt khoảng 500md cống thoát nước<br>- Tổng khối lượng ước đạt 25% |
| 38 | Nâng cấp, sửa chữa đường 02-AM1 và nhánh, Ấp Mới 1 | UBND xã Tân Xuân | TX | 2023-2025 | 2.000 | 2.000 | 1.648 | 82% | Đã thi công hoàn thành. Đã có thông báo nghiệm thu. Đang hoàn thiện hồ sơ trình quyết toán |
| 39 | Nâng cấp, sửa chữa đường đường Xuân Thới 9 | UBND xã Xuân Thới Đông | XTĐ | 2023-2025 | 2.700 | 2.700 | 1.631 | 60% | Công trình đã thi công xong, đang hoàn thiện hồ sơ xin ý kiến kiểm tra công tác nghiệm thu |
| **II. THỦY LỢI VÀ PHÒNG CHỐNG THIÊN TAI** | | | | | **152.342** | **77.290** | **31.927** | **41%** | |
| 40 | Nâng cấp, sửa chữa rạch Ông Đẽo | Ban QLDAĐTXDKV huyện Hóc Môn | NB | 2023-2025 | 27.360 | 22.000 | 8.772 | 40% | Khởi công theo Thông báo số 258/TB-QLDA ngày 19/8/2024 (270 ngày: 04/9/2024-01/6/2025). Đang nạo vét bùn, gia cố cừ tràm chân khay, mái rạch, đỉnh tường chắn; thi công dầm chân khay, dầm xiên, đắp mái, trải vải địa và tấm lục lăng. Khối lượng đạt khoảng 20%. |
| 41 | Nâng cấp, sửa chữa rạch Nhum | Ban QLDAĐTXDKV huyện Hóc Môn | NB | 2023-2025 | 64.269 | 19.000 | 3.434 | 18% | Đơn vị tư vấn đã đóng, mở thầu gói thầu Xây lắp, có 04 nhà thầu tham dự, gói thầu tư vấn giám sát đã đóng, mở thầu ngày 07.10, có 03 nhà thầu tham dự. Hiện đơn vị tư vấn hiện đang thực hiện đánh giá, làm rõ HSDT của các nhà thầu. |
| 42 | Nâng cấp, kiên cố hóa bờ bao kết hợp đường giao thông nội đồng rạch Cầu Cụt | Ban QLDAĐTXDKV huyện Hóc Môn | NB | 2023-2025 | 18.800 | 6.000 | 5.999 | 100% | - Tiếp tục triển khai thi công đào, lắp đặt ván khuôn, gia công cốt thép đổ bê tông chiều dài 70 đầu tuyến. Khối lượng thi công khoảng 10% |
| 43 | Nâng cấp rạch Bà Thân 2 | Ban QLDAĐTXDKV huyện Hóc Môn | TH | 2023-2025 | 21.531 | 11.200 | 6.526 | 58% | Nhà thầu tiếp tục triển khai thi công mương thoát nước. Luỹ kế khối lượng thực hiện đạt 15% giá trị hợp đồng |

| STT | Danh mục công trình | Chủ đầu tư | Địa điểm | TG-TH | Tổng mức đầu tư | Kế hoạch đã giao năm 2024 sau điều chỉnh, bổ sung | Giải ngân từ đầu năm đến ngày 08.11.2024 | Tỷ lệ (%) | Tiến độ thực hiện |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 44 | Kiên cố hóa rạch Bến Gò Trại nối dài | Ban QLDAĐTXDKV huyện Hóc Môn | Xã Đông Thạnh | 2023-2025 | 12.000 | 11.400 | 4.800 | 42% | Tiếp tục thi công lắp đặt cốt thép, đổ bê tông thành mương. Luỹ kế khối lượng thực hiện ước đạt 50% giá trị hợp đồng |
| 45 | Nạo vét, sửa chữa Kênh T3 | UBND xã Bà Điểm | BĐ | 2023-2025 | 3.000 | 3.000 | 220 | 7% | Ngày 06/3/2024, UBND huyện đã ban hành Quyết định số 996/QĐ-UBND về phê duyệt dự án. Ngày 06/5/2024 Ủy ban nhân dân huyện phê duyệt KHLCNT số 1923/QĐ-UBND, Công trình đang thi công |
| 46 | Duy tu, sửa chữa Rạch Hai Bửu nối dài | UBND xã Nhị Bình | NB | 2023-2025 | 2.867 | 2.450 | 1.415 | 58% | Ngày 28/3/2024 UBND huyệt phê duyệt dự án QĐ số 1326QĐ-UBND. Ngày 24/5/2024 Ủy ban nhân dân huyện phê duyệt KHLCNT theo QĐ số 2256/QĐ-UBND. Đang thi công, đạt khoảng 70% khối lượng |
| 47 | Duy tu, sửa chữa Rạch Út Á | UBND xã Nhị Bình | NB | 2023-2025 | 2.300 | 2.050 | 686 | 33% | Ngày 03/4/2024 UBND huyện phê duyệt dự án 1365/QĐ-UBND. Ngày 24/5/2024 Ủy ban nhân dân huyện ban hành KHLCNT theo QĐ số 2257/QĐ-UBND. Đang thi công, đạt khoảng 10% khối lượng |
| 48 | Cải tạo, thay thế cống hộp tại Cầu Đình Bình Xuân | UBND xã Nhị Bình | NB | 2023-2025 | 215 | 190 | 75 | 39% | Ngày 25/3/2024 UBND huyệt phê duyệt dự án QĐ số 1238QĐ-UBND. Ngày 04/6/2024 Ủy ban nhân dân huyện phê duyệt KHLCNT theo QĐ số 2400/QĐ-UBND. Đang thi công, đạt khoảng 95% khối lượng |
| **III. GIÁO DỤC** | | | | | **62.260** | **48.800** | **14.913** | **4** | |
| 49 | Nâng cấp, cải tạo Trường THCS Tân Xuân | Ban QLDAĐTXDKV huyện Hóc Môn | XTĐ | 2023-2025 | 19.241 | 15.000 | 1.300 | 9% | Ngày 16/10/2024 trình phê duyệt bổ sung kế hoạch lựa chọn nhà thầu; ngày 22/10/2024 được phê duyệt KHLCNT; ngày 28/10/2024 tổ chức lựa chọn nhà thầu xây lắp; ngày 20/11/2024 khởi công xây dựng, ngày 15/01/2025 hoàn thành công trình. |
| 50 | Sửa chữa trường Tiểu học Bùi Văn Ngữ | Ban QLDAĐTXDKV huyện Hóc Môn | BĐ | 2023-2025 | 5.537 | 5.000 | 1.696 | 34% | Công trình đang tiếp tục thi công sơn tường, lát gạch các khối nhà<br>Tổng tiến độ công trình đ đạt 85% |
| 51 | Sửa chữa trường Tiểu học Tây Bắc Lân | Ban QLDAĐTXDKV huyện Hóc Môn | BĐ | 2023-2025 | 4.500 | 4.000 | 3.581 | 90% | Ngày 05/11/2024, Ban trình Phòng QLĐT kiểm tra nghiệm thu hoàn thành. |
| 52 | Sửa chữa Trường TH Võ Văn Thặng | Ban QLDAĐTXDKV huyện Hóc Môn | NB | 2023-2025 | 4.900 | 4.300 | 4.147 | 96% | - Công trình đã thi công hoàn thành<br>- Ngày 08/11/2024, Ban trình Phòng QLĐT kiểm tra nghiệm thu hoàn thành. |
| 53 | Sửa chữa Trường MN Sơn Ca 3 | Ban QLDAĐTXDKV huyện Hóc Môn | BĐ | 2023-2025 | 4.900 | 4.100 | 4.039 | 99% | Công trình đã thi công hoàn thành |
| 54 | Nâng cấp, cải tạo Trường Tiểu học Cầu Xáng | Ban QLDAĐTXDKV huyện Hóc Môn | TH | 2023-2025 | 9.000 | 8.350 | 50 | 1% | Công trình đang triển khai thi công, khối lượng đạt 10%. |
| 55 | Nâng cấp Trường THPT Hồ Thị Bi | Ban QLDAĐTXDKV huyện Hóc Môn | TH | 2023-2025 | 9.682 | 8.000 | 50 | 1% | Ban QLDA ký hợp đồng xây lắp ngày 30/9/2024; ngày 04/10/2024 khởi công xây dựng công trình. Hiện đang thi công móng công trình. Dự kiến ngày 31/12/2024 hoàn thành công trình. |
| 56 | Xây dựng lại Trung tâm học tập cộng đồng xã | Ban QLDAĐTXDKV huyện Hóc Môn | BĐ | 2023-2025 | 4.500 | 50 | 50 | 100% | Dự án đang chuẩn bị tổ chức lựa chọn nhà thầu |

| STT | Danh mục công trình | Chủ đầu tư | Địa điểm | TG-TH | Tổng mức đầu tư | Kế hoạch đã giao năm 2024 sau điều chỉnh, bổ sung | Giải ngân từ đầu năm đến ngày 08.11.2024 | Tỷ lệ (%) | Tiến độ thực hiện |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| **IV. VĂN HÓA** | | | | | **97.798** | **48.800** | **13.307** | **27%** | |
| 57 | Nâng cấp, chỉnh trang Cụm Văn hóa - Thể thao Đông Thạnh | Ban QLDAĐTXDKV huyện Hóc Môn | ĐT | 2023-2025 | 32.770 | 16.500 | 2.071 | 13% | Dự án đang chuẩn bị tổ chức lựa chọn nhà thầu |
| 58 | Nâng cấp, cải tạo Trụ sở chính Trung tâm Văn hóa - Thể thao - Truyền thông huyện | Ban QLDAĐTXDKV huyện Hóc Môn | TT | 2023-2025 | 50.000 | 18.050 | 1.934 | 11% | Hoàn thiện hồ sơ trình thẩm định sau TKCS, trình hồ sơ thẩm định thiết kế - dự toán. |
| 59 | Sửa chữa Cụm Văn hóa - Thể thao xã Nhị Bình | Ban QLDAĐTXDKV huyện Hóc Môn | NB | 2023-2025 | 4.800 | 4.100 | 1.599 | 39% | - Đã thực hiện xong công tác ép cọc đại trà<br>- Khối nhà chính<br>+ Sơn lót tường ngoài nhà<br>+ Sơn phủ màu (lớp 2) tường ngoài nhà<br>- Lắp dựng giàn giáo thi công<br>- Lắp máng xối mới<br>- Xây tường vàn khuôn đài móng<br>- Đổ bê tông lót móng, lót dầm<br>- Tiến độ đạt khoảng 35% |
| 60 | Nâng cấp, cải tạo Cụm Văn hóa - Thể thao Tân Thới Nhì | Ban QLDAĐTXDKV huyện Hóc Môn | TTN | 2023-2025 | 4.648 | 4.850 | 3.857 | 80% | Thi công thiết bị. |
| 61 | Cải tạo, sửa chữa Cụm Văn hóa - Thể thao Xuân Thới Thượng | Ban QLDAĐTXDKV huyện Hóc Môn | XTT | 2023-2025 | 5.580 | 5.300 | 3.846 | 111% | Thi công thiết bị. |
| **V. THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG** | | | | | **21.392** | **3.700** | **250** | **7%** | |
| 62 | Xây dựng mới Đài truyền thanh xã Xuân Thới Sơn | Ban QLDAĐTXDKV huyện Hóc Môn | XTS | 2023-2025 | 3.892 | 3.450 | 50 | 1,4% | Tiếp tục thi công khối lượng đạt khoảng 10%. Chuẩn bị đổ bê tông sàn tầng 1 |
| 63 | Di dời, nâng cấp Đài truyền thanh huyện | Ban QLDAĐTXDKV huyện Hóc Môn | TT | 2023-2025 | 4.000 | 50 | 50 | 100% | Dự án đang chuẩn bị tổ chức lựa chọn nhà thầu |
| 64 | Đầu tư xây dựng cụm loa phát thanh mới xã Bà Điểm | Ban QLDAĐTXDKV huyện Hóc Môn | BĐ | 2023-2025 | 4.000 | 50 | 50 | 100% | Dự án đang chuẩn bị tổ chức lựa chọn nhà thầu |
| 65 | Đầu tư xây dựng cụm loa mới trên địa bàn xã Xuân Thới Sơn | Ban QLDAĐTXDKV huyện Hóc Môn | XTS | 2023-2025 | 4.000 | 50 | 50 | 100% | Dự án đang chuẩn bị tổ chức lựa chọn nhà thầu |
| 66 | Xây dựng mới Hệ thống đài truyền thanh xã Xuân Thới Thượng | Ban QLDAĐTXDKV huyện Hóc Môn | XTT | 2023-2025 | 5.000 | 50 | 50 | 100% | Dự án đang chuẩn bị tổ chức lựa chọn nhà thầu |
| 67 | Đài Truyền thanh xã | UBND xã Tân Xuân | TX | 2023-2025 | 500 | 50 | 0 | 0% | Đã có ý kiến thẩm định của Sở Thông tin và Truyền thông, đang hoàn thiện hồ sơ trình phê duyệt BCKTKT |

| STT | Danh mục công trình | Chủ đầu tư | Địa điểm | TG-TH | Tổng mức đầu tư | Kế hoạch đã giao năm 2024 sau điều chỉnh, bổ sung | Giải ngân từ đầu năm đến ngày 08.11.2024 | Tỷ lệ (%) | Tiến độ thực hiện |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| **VI. Y TẾ** | | | | | **2.993** | **3.000** | **2.535** | **85%** | |
| 68 | Sửa chữa Trạm Y tế xã Bà Điểm | UBND xã Bà Điểm | BĐ | 2023-2025 | 993 | 1.000 | 793 | 79% | Ngày 28/2/2024, Ủy ban nhân dân huyện có Quyết định số 935/QĐ-UBND phê duyệt dự án. Ngày 28/3/2024 UBND huyện Phê duyệt KHLCNT số 1317/QĐ-UBND. Đã thi công hoàn thành |
| 69 | Sửa chữa Trạm Y tế xã Tân Xuân | UBND xã Tân Xuân | TX | 2023-2025 | 2.000 | 2.000 | 1.742 | 87% | Đã thi công hoàn thành. Đang hoàn thiện hồ sơ trình nghiệm thu và thanh quyết toán công trình |
| **VII. CÔNG TRÌNH KHÁC HỖ TRỢ ĐẠT CHUẨN NTM NÂNG CAO** | | | | | **38.328** | **32.015** | **18.557** | **58%** | |
| 70 | Sửa chữa hệ thống thoát nước, nhà vệ sinh, sơn lại toàn bộ Trụ sở UBND xã, Ban chỉ huy Quân sự xã Xuân Thới Sơn | Ban QLDAĐTXDKV huyện Hóc Môn | XTS | 2023-2025 | 4.111 | 3.900 | 2.587 | 66% | Công trình đã thi công hoàn thành |
| 71 | Sửa chữa Trụ sở UBND xã và Ban chỉ huy quân sự xã Xuân Thới Đông | Ban QLDAĐTXDKV huyện Hóc Môn | XTĐ | 2023-2025 | 4.204 | 4.000 | 2.674 | 67% | Tiếp tục thi công nhà xe. Hoàn thiện công trình đưa vào sử dụng |
| 72 | Sửa chữa Ban nhân dân ấp Tiền Lân 1 | UBND xã Bà Điểm | BĐ | 2023-2025 | 1.000 | 1.000 | 851 | 85% | Ngày 05/3/2024, UBND huyện đã ban hành Quyết định số 969/QĐ-UBND về phê duyệt dự án. Ngày 28/3/2024 UBND huyện phê duyệt KHLCNT số 1316/QĐ-UBND. Đã thi công hoàn thành |
| 73 | Sửa chữa Ban nhân dân ấp Đông Lân 1 | UBND xã Bà Điểm | BĐ | 2023-2025 | 1.000 | 50 | 49 | 98% | - Ngày 26/4/2024 Ủy ban nhân dân huyện phê duyệt dự án theo QĐ số 1874/QĐ-UBND. Ngày 10/5/2024 Ủy ban nhân dân huyện phê duyệt KHLCNT số 2002/QĐ-UBND-TCKH. Công trình đang thi công |
| 74 | Sửa chữa Văn phòng Ban nhân dân ấp 5 | UBND xã Đông Thạnh | ĐT | 2023-2025 | 400 | 400 | 306 | 77% | Thi công hoàn thành, Phòng Quản lý đô thị đã tổ chức kiểm tra nghiệm thu |
| 75 | Sửa chữa Văn phòng Ban nhân dân ấp 6 | UBND xã Đông Thạnh | ĐT | 2023-2025 | 400 | 400 | 306 | 77% | Thi công hoàn thành, Phòng Quản lý đô thị đã tổ chức kiểm tra nghiệm thu |
| 76 | Sửa chữa Văn phòng Ban nhân dân ấp 2 | UBND xã Đông Thạnh | ĐT | 2023-2025 | 340 | 350 | 274 | 78% | Thi công hoàn thành, Phòng Quản lý đô thị đã tổ chức kiểm tra nghiệm thu |
| 77 | Sửa chữa Văn phòng Ban nhân dân ấp 3 | UBND xã Đông Thạnh | ĐT | 2023-2025 | 400 | 400 | 328 | 82% | Thi công hoàn thành, Phòng Quản lý đô thị đã tổ chức kiểm tra nghiệm thu |
| 78 | Sửa chữa Văn phòng Ban nhân dân ấp 7 | UBND xã Đông Thạnh | ĐT | 2023-2025 | 350 | 350 | 301 | 86% | Thi công hoàn thành, Phòng Quản lý đô thị đã tổ chức kiểm tra nghiệm thu |
| 79 | Sửa chữa Văn phòng Ban nhân dân ấp 1 | UBND xã Đông Thạnh | ĐT | 2023-2025 | 400 | 400 | 341 | 85% | Thi công hoàn thành, Phòng Quản lý đô thị đã tổ chức kiểm tra nghiệm thu |
| 80 | Sửa chữa Văn Phòng Ban nhân dân ấp 2 | UBND xã Nhị Bình | NB | 2023-2025 | 810 | 850 | 665 | 78% | Đã thi công xong, đã có ý kiến kiểm tra công tác nghiệm thu của Phòng QLĐT |
| 81 | Sửa chữa Văn Phòng Ban nhân dân ấp 1 | UBND xã Nhị Bình | NB | 2023-2025 | 934 | 850 | 761 | 90% | Đã thi công xong, đã có ý kiến kiểm tra công tác nghiệm thu của Phòng QLĐT |

| STT | Danh mục công trình | Chủ đầu tư | Địa điểm | TG-TH | Tổng mức đầu tư | Kế hoạch đã giao năm 2024 sau điều chỉnh, bổ sung | Giải ngân từ đầu năm đến ngày 08.11.2024 | Tỷ lệ (%) | Tiến độ thực hiện |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 82 | Lắp đặt Camera an ninh cho 20 tuyến đường trục chính của xã Tân Hiệp | UBND xã Tân Hiệp | TH | 2023-2025 | 500 | 50 | 0 | 0% | UBND xã có Công văn số 1891/UBND ngày 20/08/2024 về việc thông tin danh sách đề xuất vị trí lắp đặt camera an ninh, để Ban dự án huyện lấy ý kiến tổng thể Sở thông tin và truyền thông. Ngày 11/11/2024 Sở Thông tin truyền thông có Công văn số 4798/STTTT-BCVT về việc chỉnh lại hồ sơ trình ý kiến chuyên ngành, UBND xã đang thực hiện điều chỉnh dự kiến trình Sở lại 20/11/2024 |
| 83 | Đầu tư trang thiết bị hệ thống trực tuyến, hệ thống lấy ý kiến phản hồi sự hài lòng tiếp dân công nghệ số tự động | UBND xã Tân Hiệp | TH | 2023-2025 | 2.000 | 50 | 0 | 0% | Ngày 30/7/2024, Phòng Tài chính - Kế hoạch có Công văn số 8467/TCKH có ý kiến về việc lập báo cáo kinh tế kỹ thuật của dự án. Hiện đang trình huyện duyệt BCKTKT đầu tư dự án, Dự kiến triển khia thi công tháng 12/2024 |
| 84 | Phát triển mảng xanh trước kho tang vật đường Đặng Công Bỉnh | UBND xã Tân Thới Nhì | TTN | 2023-2025 | 3.000 | 3.000 | 2.666 | 89% | Đã thi công hoàn thành, đang trình hồ sơ xin ý kiến kiểm tra công tác nghiệm thu |
| 85 | Phát triển mảng xanh khu đất bên cạnh trụ sở UBND xã Tân Xuân | UBND xã Tân Xuân | TX | 2023-2025 | 1.000 | 900 | 50 | 6% | Đã thực hiện đấu thầu. Đang thực hiện xin phép thi công xây dựng |
| 86 | Mô hình camera giám sát an ninh trật tự tại các ấp | UBND xã Tân Xuân | TX | 2023-2025 | 250 | 50 | 0 | 0% | Đang phối hợp với Ban QLDA xin ý kiến sở Thông tin và Truyền thông |
| 87 | Nâng cấp sửa chữa Trụ sở Ban nhân dân ấp Mỹ Hòa 3 | UBND xã Tân Xuân | TX | 2023-2025 | 400 | 400 | 337 | 84% | Đã thi công hoàn thành. Đã nộp hồ sơ trình nghiệm thu |
| 88 | Nâng cấp, sửa chữa Trụ sở Ban nhân dân ấp Mới 1 | UBND xã Tân Xuân | TX | 2023-2025 | 420 | 420 | 357 | 85% | Đã thi công hoàn thành. Đã có thông báo nghiệm thu. Đang hoàn thiện hồ sơ trình quyết toán |
| 89 | Nâng cấp, sửa chữa Trụ sở Ban nhân dân ấp Chánh 1 | UBND xã Tân Xuân | TX | 2023-2025 | 450 | 450 | 389 | 86% | Đã thi công hoàn thành. Đã có thông báo nghiệm thu. Đang hoàn thiện hồ sơ trình quyết toán |
| 90 | Nâng cấp, sửa chữa Trụ sở Ban nhân dân ấp Chánh 2 | UBND xã Tân Xuân | TX | 2023-2025 | 480 | 480 | 416 | 87% | Đã thi công hoàn thành. Đã có thông báo nghiệm thu. Đang hoàn thiện hồ sơ trình quyết toán |
| 91 | Công trình hành lang bảo vệ rạch dọc tuyến Đường vào trường Tô Ký | UBND xã Tân Xuân | TX | 2023-2025 | 2.950 | 2.850 | 50 | 2% | Đang thực hiện thi công |
| 92 | Nâng cấp, cải tạo trụ sở Ban nhân dân ấp Thới Tứ | UBND xã Thới Tam Thôn | TTT | 2023-2025 | 2.000 | 1.750 | 0 | 0% | Ngày 08/4/2024 Ủy ban nhân dân huyện phê duyệt dự án theo QĐ số 1414/QĐ-UBND. Đang thi công (tiến độ đạt 40%) |
| 93 | Nâng cấp, cải tạo trụ sở Ban nhân dân ấp Trung Đông 2 | UBND xã Thới Tam Thôn | TTT | 2023-2025 | 1.800 | 1.635 | 0 | 0% | Ngày15/7/2024 Ủy ban nhân dân huyện phê duyệt dự án theo QĐ số 3684/QĐ-UBND. Đang thi công (tiến độ đạt 35%) |
| 94 | Sửa chữa trụ sở ban nhân dân ấp 3,4 | UBND xã Xuân Thới Sơn | XTS | 2023-2025 | 729 | 50 | 35 | 70% | Dự án đã thi công hoàn thành, đã có ý kiến kiểm tra công tác nghiệm thu |

| STT | Danh mục công trình | Chủ đầu tư | Địa điểm | TG-TH | Tổng mức đầu tư | Kế hoạch đã giao năm 2024 sau điều chỉnh, bổ sung | Giải ngân từ đầu năm đến ngày 08.11.2024 | Tỷ lệ (%) | Tiến độ thực hiện |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 95 | Lắp đặt Camera an ninh cho 09 tuyến đường trục chính của xã | UBND xã Xuân Thới Thượng | XTT | 2023-2025 | 300 | 50 | 0 | 0% | Phối hợp Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình huyện lập Báo cáo tổng thể phương án đầu tư và mô hình hoạt động camera trên địa bàn huyện trình xin ý kiến chuyên ngành Sở Thông tin và truyền thông theo hướng dẫn tại Công văn 702/VHTT ngày 11 tháng 7 năm 2024 của phòng Văn hóa và Thông tin huyện (CV số 2602/UBND ngày 07/8/2024). Đồng thời, phối hợp lập báo cáo kinh tế kỹ thuật gửi Sở TTTT theo Công văn số 9410/TCKH ngày 07 tháng 10 năm 2024 của phòng TCKH |
| 96 | Nâng cấp, Cải tạo Văn Phòng Ban nhân dân ấp 4 | UBND xã Xuân Thới Thượng | XTT | 2023-2025 | 3.000 | 2.700 | 1.857 | 69% | Đã khởi công ngày 16/7/2024. Tiến độ thực hiện đạt khoảng 80% tổng khối lượng. |
| 97 | Nâng cấp, cải tạo Văn Phòng Ban nhân dân ấp 3 | UBND xã Xuân Thới Thượng | XTT | 2023-2025 | 3.000 | 2.700 | 1.844 | 68% | Đã khởi công ngày 16/7/2024. Tiến độ thực hiện đạt khoảng 75% tổng khối lượng. |
| 98 | Sửa chữa Văn Phòng Ban nhân dân ấp 5 | UBND xã Xuân Thới Thượng | XTT | 2023-2025 | 1.500 | 1.350 | 939 | 70% | Đã khởi công ngày 31/7/2024. Tiến độ thực hiện đạt khoảng 90% tổng khối lượng. |
| 99 | Lắp đặt các dụng cụ thể dục thể thao ngoài trời ở khuôn viên trụ sở Ban nhân dân ấp 6 và ấp 2 | UBND xã Xuân Thới Thượng | XTT | 2023-2025 | 200 | 180 | 174 | 97% | Đã thi công xong, đã có ý kiến nghiệm thu của phòng QLĐT, đang hoàn chỉnh hồ sơ trình phê duyệt quyết toán công trình |
| **Các dự án chương trình Nông thôn mới giai đoạn 2021-2025** | | | | | **873.379** | **469.055** | **239.816** | **51,1%** | |

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN HÓC MÔN

**PHỤ LỤC 48**

**DANH MỤC ĐỀ XUẤT BỔ SUNG CÁC CÔNG TRÌNH CƠ SỞ HẠ TẦNG ĐỂ ĐẢM BẢO THỰC HIỆN ĐẠT MỤC TIÊU CHƯƠNG TRÌNH XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI GẮN VỚI ĐÔ THỊ HÓA TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN HÓC MÔN GIAI ĐOẠN 2021 - 2025**

| STT | Tên công trình | Địa điểm | Mô tả chi tiết hiện trạng | Hiện trạng | | | Đề xuất đầu tư | | | Kinh phí thực hiện (triệu đồng) | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Dài (m) | Rộng (m) | Kết cấu | Dài (m) | Rộng (m) | Kết cấu | Vốn ngân sách (Vốn NTM) | Vốn Dân, DN | | | Tổng cộng |
| | | | | | | | | | | | Hiến đất, vật kiến trúc quy ra tiền | Đóng góp tiền | Tổng | |
| **Tổng** | | | | | | | | | | **963.333** | **79.021** | **1.035** | **80.056** | **1.043.389** |
| **I** | **GIAO THÔNG** | | | | | | | | | **474.445** | **66.821** | **642** | **67.463** | **541.908** |
| 1 | Nâng cấp, sửa chữa đường Liên Hẻm Tổ 16 | xã XTĐ | - Điểm đầu: Đường Xuân Thới 3<br>- Điểm cuối: Cuối tuyến<br>- Hiện trạng đất đá, không có hệ thống thoát nước, tuyến đường thường xuyên bị ngập nước vào mùa mưa. Mặt đường đã xuống cấp, hư hỏng không đảm bảo an toàn giao thông cho người dân trong khu vực. | 503 | 3÷4 | Mặt đường đất, đá dăm; chưa có hệ thống thoát nước | 503 | 4÷6 | Đầu tư hệ thống thoát nước + mặt đường BTNN | 10.060 | 21.200 | 0 | 21.200 | 31.260 |
| 2 | Nâng cấp, sửa chữa đường Tân Tiến 2 | xã XTĐ | - Điểm đầu: Đường Quốc lộ 22<br>- Điểm cuối: Nguyễn Thị Sóc<br>- Hiện trạng đường BTXM, hệ thống thoát nước mương hở hai bên đường nên trời mưa thường xuyên bị ngập nước và các tấm đan bị nứt, bể gây nguy hiểm cho người dân tham gia giao thông. | 445 | 4 | Mặt đường BTXM, chưa được đầu tư hệ thống thoát nước hoàn chỉnh | 445 | 4÷5 | Đầu tư hệ thống thoát nước + mặt đường BTNN | 8.900 | 0 | 0 | 0 | 8.900 |
| 3 | Nâng cấp, đầu tư xây dựng hệ thống thoát nước đường Tân Tiến 7 (Đoạn từ đường Quốc lộ 22 đến Tân Tiến 11) | xã XTĐ | Đường hiện trạng đường bê tông, cống thoát nước mương hở ở giữa đường nên trời mưa thường xuyên bị ngập nước và các tấm đan bị nứt, bể gây nguy hiểm cho người dân tham gia giao thông | 110 | 4 | Đường hiện trạng đường bê tông, cống thoát nước mương hở ở giữa đường nên trời mưa thường xuyên bị ngập nước và các tấm đan bị nứt, bể gây nguy hiểm cho người dân tham gia giao thông | 110 | 4 | Đầu tư hệ thống thoát nước + mặt đường BTNN | 1.416 | | | 0 | 1.416 |
| 4 | Nâng cấp, đầu tư xây dựng hệ thống thoát nước đường Tân Tiến 9 (Đoạn từ đường Võ Thị Hồi đến cuối tuyến nhà dân) | xã XTĐ | Đường hiện trạng đường bê tông, cống thoát nước mương hở ở giữa đường nên trời mưa thường xuyên bị ngập nước và các tấm đan bị nứt, bể gây nguy hiểm cho người dân tham gia giao thông | 310 | 5 | Đường hiện trạng đường bê tông, cống thoát nước mương hở ở giữa đường nên trời mưa thường xuyên bị ngập nước và các tấm đan bị nứt, bể gây nguy hiểm cho người dân tham gia giao thông | 310 | 5 | Đầu tư hệ thống thoát nước + mặt đường BTNN | 4.594 | | | 0 | 4.594 |

| STT | Tên công trình | Địa điểm | Mô tả chi tiết hiện trạng | Hiện trạng | | | Đề xuất đầu tư | | | Kinh phí thực hiện (triệu đồng) | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Dài (m) | Rộng (m) | Kết cấu | Dài (m) | Rộng (m) | Kết cấu | Vốn ngân sách (Vốn NTM) | Vốn Dân, DN | | | Tổng cộng |
| | | | | | | | | | | | Hiến đất, vật kiến trúc quy ra tiền | Đóng góp tiền | Tổng | |
| 5 | Nâng cấp, đầu tư xây dựng hệ thống thoát nước đường Tân Tiến 10 (Đoạn từ đường Võ Thị Hồi đến cuối tuyến nhà dân) | xã XTĐ | Đường hiện trạng đường bê tông, cống thoát nước mương hở ở giữa đường nên trời mưa thường xuyên bị ngập nước và các tấm đan bị nứt, bể gây nguy hiểm cho người dân tham gia giao thông | 240 | 5 | Đường hiện trạng đường bê tông, cống thoát nước mương hở ở giữa đường nên trời mưa thường xuyên bị ngập nước và các tấm đan bị nứt, bể gây nguy hiểm cho người dân tham gia giao thông | 240 | 5 | Đầu tư hệ thống thoát nước + mặt đường BTNN | 4.025 | | | 0 | 4.025 |
| 6 | Nâng cấp, đầu tư xây dựng hệ thống thoát nước đường Tân Tiến 11 (Đoạn từ đường Võ Thị Hồi đến Tân Tiến 7) | xã XTĐ | Đường hiện trạng đường bê tông và 1 đoạn đường nhựa, cống thoát nước mương hở ở giữa đường nên trời mưa thường xuyên bị ngập nước và các tấm đan bị nứt, bể gây nguy hiểm cho người dân tham gia giao thông | 290 | 5,5 | Đường hiện trạng đường bê tông và 1 đoạn đường nhựa, cống thoát nước mương hở ở giữa đường nên trời mưa thường xuyên bị ngập nước và các tấm đan bị nứt, bể gây nguy hiểm cho người dân tham gia giao thông | 290 | 5,5 | Đầu tư hệ thống thoát nước + mặt đường bê tông xi măng nhựa nóng | 5.203 | | | 0 | 5.203 |
| 7 | Nâng cấp, đầu tư xây dựng hệ thống thoát nước đường Tân Tiến 12 (Đoạn từ đường Võ Thị Hồi đến cuối tuyến nhà dân) | xã XTĐ | Đường hiện trạng đường bê tông, cống thoát nước mương hở ở giữa đường nên trời mưa thường xuyên bị ngập nước và các tấm đan bị nứt, bể gây nguy hiểm cho người dân tham gia giao thông | 310 | 5,5 | Đường hiện trạng đường bê tông, cống thoát nước mương hở ở giữa đường nên trời mưa thường xuyên bị ngập nước và các tấm đan bị nứt, bể gây nguy hiểm cho người dân tham gia giao thông | 310 | 5,5 | Đầu tư hệ thống thoát nước + mặt đường BTNN | 4.896 | | | 0 | 4.896 |
| 8 | Nâng cấp, đầu tư xây dựng hệ thống thoát nước đường số 2 Mỹ Hòa 2 (Đoạn từ đường Quốc lộ 22 đến đường số 9 Mỹ Hòa 2) | xã XTĐ | Đường hiện trạng đường nhựa, cống thoát nước mương hở hai bên đường nên trời mưa thường xuyên bị ngập nước và các tấm đan bị nứt, bể gây nguy hiểm cho người dân tham gia giao thông | 300 | 5,5 | Đường hiện trạng đường nhựa, cống thoát nước mương hở hai bên đường nên trời mưa thường xuyên bị ngập nước và các tấm đan bị nứt, bể gây nguy hiểm cho người dân tham gia giao thông | 300 | 5,5 | Đầu tư hệ thống thoát nước + mặt đường bê tông nhựa nóng | 7.708 | | | 0 | 7.708 |

| STT | Tên công trình | Địa điểm | Mô tả chi tiết hiện trạng | Hiện trạng | | | Đề xuất đầu tư | | | Kinh phí thực hiện (triệu đồng) | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Dài (m) | Rộng (m) | Kết cấu | Dài (m) | Rộng (m) | Kết cấu | Vốn ngân sách (Vốn NTM) | Vốn Dân, DN | | | Tổng cộng |
| | | | | | | | | | | | Hiến đất, vật kiến trúc quy ra tiền | Đóng góp tiền | Tổng | |
| 9 | Nâng cấp, đầu tư xây dựng hệ thống thoát nước đường số 3A Mỹ Hòa 2 (Đoạn từ đường Quốc lộ 22 đến Giáo xứ Tân Mỹ) | xã XTĐ | Đường hiện trạng đường nhựa, cống thoát nước mương hở hai bên đường nên trời mưa thường xuyên bị ngập nước và các tấm đan bị nứt, bể gây nguy hiểm cho người dân tham gia giao thông | 120 | 6 | Đường hiện trạng đường nhựa, cống thoát nước mương hở hai bên đường nên trời mưa thường xuyên bị ngập nước và các tấm đan bị nứt, bể gây nguy hiểm cho người dân tham gia giao thông | 120 | 6 | Đầu tư hệ thống thoát nước + mặt đường bê tông nhựa nóng | 2.293 | | | 0 | 2.293 |
| 10 | Nâng cấp, đầu tư xây dựng hệ thống thoát nước đường số 6 Mỹ Hòa 2 (Đoạn từ đường Quốc lộ 22 đến đường số 8 Mỹ Hòa 2) | xã XTĐ | Đường hiện trạng đường bê tông xi măng, cống thoát nước mương hở hai bên đường nên trời mưa thường xuyên bị ngập nước và các tấm đan bị nứt, bể gây nguy hiểm cho người dân tham gia giao thông | 260 | 6 | Đường hiện trạng đường bê tông xi măng, cống thoát nước mương hở hai bên đường nên trời mưa thường xuyên bị ngập nước và các tấm đan bị nứt, bể gây nguy hiểm cho người dân tham gia giao thông | 260 | 6 | Đầu tư hệ thống thoát nước + mặt đường bê tông nhựa nóng | 4.969 | | | 0 | 4.969 |
| 11 | Nâng cấp, đầu tư xây dựng hệ thống thoát nước đường số 12 Mỹ Hòa 2 (Đoạn từ đường Quốc lộ 22 đến đường số 8 Mỹ Hòa 2) | xã XTĐ | Đường hiện trạng đường bê nhựa, cống thoát nước ở giữa đường nên trời mưa thường xuyên bị ngập nước và các tấm đan bị nứt, bể gây nguy hiểm cho người dân tham gia giao thông | 200 | 5 | Đường hiện trạng đường bê nhựa, cống thoát nước ở giữa đường nên trời mưa thường xuyên bị ngập nước và các tấm đan bị nứt, bể gây nguy hiểm cho người dân tham gia giao thông | 200 | 5 | Đầu tư hệ thống thoát nước + mặt đường bê tông nhựa nóng | 3.354 | | | 0 | 3.354 |
| 12 | Đầu tư hệ thống thoát nước đường Thới Tứ 2 (từ đường Nguyễn Thị Sáu đến Thới Tam Thôn 7) | xã TTT | Bê tông nhựa nóng hư hỏng, có nhiều ổ gà | 210 | 4+5 | Mặt đường Bê tông nhựa nóng hư hỏng,rộng (4-5)m, chưa có HTTN đấu nối vào đườngNguyễn Thị Sáu và đường Thới Tam Thôn 7 | 210 | khoảng 4-6m | Đầu tư HTTN + mặt đường Bê tông nhựa nóng | 4.237 | | 20 | 20 | 4.257 |
| 13 | Đầu tư hệ thống thoát nước đường Tam Đông 1 (từ đường Nguyễn Thị Ngâu đến đường Trịnh Thị Miếng) | xã TTT | Bê tông nhựa nóng hư hỏng | 247 | 4+5 | Mặt đường Bê tông nhựa nóng hư hỏng,rộng (4-5)m, chưa có HTTN đấu nối vào đường Nguyễn Thị Ngâu và đường Trịnh Thị Miếng | 247 | khoảng 4-6m | Đầu tư HTTN + mặt đường Bê tông nhựa nóng | 4.983 | | 20 | 20 | 5.003 |

| STT | Tên công trình | Địa điểm | Mô tả chi tiết hiện trạng | Hiện trạng | | | Đề xuất đầu tư | | | Kinh phí thực hiện (triệu đồng) | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Dài (m) | Rộng (m) | Kết cấu | Dài (m) | Rộng (m) | Kết cấu | Vốn ngân sách (Vốn NTM) | Vốn Dân, DN | | | Tổng cộng |
| | | | | | | | | | | | Hiến đất, vật kiến trúc quy ra tiền | Đóng góp tiền | Tổng | |
| 14 | Đầu tư hệ thống thoát nước đường QH1 (từ đường H(Đ)-TTT-372 đến Cuối tuyến) | xã TTT | Bê tông xi măng | 150 | 8 | Mặt đường Bê tông xi măng, chưa có hệ thống thoát nước để đấu nối vào đường Tô Ký 6 để thoát ra đường Tô Ký | 150 | khoảng 7-8m | Đầu tư HTTN + mặt đường Bê tông nhựa nóng | 3.122 | | 20 | 20 | 3.142 |
| 15 | Nâng cấp, sửa chữa đường Phạm Thị Hy (Bà Điểm 2) | xã BĐ | - Điểm đầu: Đường Nguyễn Thị Sóc<br>- Điểm cuối: Đường Liên xã Xuân Thới Đông - Bà Điểm<br>- Hiện trạng đường bê tông nhựa, hệ thống thoát nước mương BTCT hai bên, cao độ đáy mương cao nên các tuyến hẻm nhánh xung quang không thể kết nối vào dẫn đến mùa mưa mặt đường thường xuyên bị ngập nước và các tấm đan bị nứt, bể gây nguy hiểm cho người dân tham gia giao thông. | 603 | 6 | BTNN | 603 | 6 | Đầu tư hệ thống thoát nước + mặt đường BTNN | 12.060 | 0 | 0 | 0 | 12.060 |
| 16 | Nâng cấp, sửa chữa đường Cao Thị Cách (Bà Điểm 3) | xã BĐ | - Điểm đầu: Đường Nguyễn Thị Sóc<br>- Điểm cuối: Đường Liên xã Xuân Thới Đông - Bà Điểm<br>- Hiện trạng đường bê tông nhựa, hệ thống thoát nước mương BTCT hai bên, cao độ đáy mương cao nên các tuyến hẻm nhánh xung quang không thể kết nối vào dẫn đến mùa mưa mặt đường thường xuyên bị ngập nước và các tấm đan bị nứt, bể gây nguy hiểm cho người dân tham gia giao thông. | 585 | 6 | BTNN | 585 | 6 | Đầu tư hệ thống thoát nước + mặt đường BTNN | 11.700 | 0 | 0 | 0 | 11.700 |
| 17 | Xây dựng hệ thống thoát nước đường Xuân Thới Thượng 3 (đoạn từ đường Dương Công Khi đến kênh Trung Ương) | xã XTT | Láng nhựa 6m + lề đất 1m x 2 bên, chưa có Hệ thống thoát nước, mặt nhựa xuống cấp. | 1.210 | 8 | Láng nhựa 6m + lề đất 1m x 2 bên, chưa có Hệ thống thoát nước, mặt nhựa xuống cấp. | 1.210 | khoảng 9-10 | Xây dựng mới hệ thống thoát nước, mặt đường BTNN | 33.880 | 5.445 | | 5.445 | 39.325 |
| 18 | Nâng cấp, mở rộng, xây dựng hệ thống thoát nước Tuyến đường Xuân Thới Thượng 4 + Xuân Thới Thượng 3 (đoạn từ đường Xuân Thới Thượng 2 đến đường Dương Công Khi - ấp 4, ấp 1) | xã XTT | Láng nhựa 6m + lề đất 1m x 2 bên, chưa có Hệ thống thoát nước. | 1.261 | 8 | Láng nhựa 6m + lề đất 1m x 2 bên, chưa có Hệ thống thoát nước. | 1.261 | khoảng 9-10 | Xây dựng mới hệ thống thoát nước, mặt đường BTNN | 35.308 | 5.674 | | 5.674 | 40.982 |
| 19 | Nâng cấp, sửa chữa đường Tân Thới Nhì 24 | xã TTN | mặt đường BTNN, rộng 5m, chưa có HTTN | 620 | khoảng 5 | mặt đường BTNN, rộng 5m, chưa có HTTN | 620 | khoảng 5m | Đầu tư HTTN + mặt đường BTNN | 12.400 | 1.500 | 0 | 1.500 | 13.900 |
| 20 | Nâng cấp, sửa chữa đường Tân Thới Nhì 31 | xã TTN | mặt đường nhựa cấp phối, rộng 4÷5m, chưa có HTTN | 290 | khoảng4÷5 | mặt đường nhựa cấp phối, chưa có HTTN | 290 | khoảng 5-6m | Đầu tư HTTN + mặt đường BTNN | 5.000 | 120 | 0 | 120 | 5.120 |

| STT | Tên công trình | Địa điểm | Mô tả chi tiết hiện trạng | Hiện trạng | | | Đề xuất đầu tư | | | Kinh phí thực hiện (triệu đồng) | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Dài (m) | Rộng (m) | Kết cấu | Dài (m) | Rộng (m) | Kết cấu | Vốn ngân sách (Vốn NTM) | Vốn Dân, DN | | | Tổng cộng |
| | | | | | | | | | | | Hiến đất, vật kiến trúc quy ra tiền | Đóng góp tiền | Tổng | |
| 21 | Nâng cấp, sửa chữa đường Trương Thị Như (Đoạn3: Từ Kênh T6 đến Đặng Công Bình) | xã XTS | (Đoạn3: Từ Kênh T6 đến Đặng Công Bình) | 1.614 | 6 | Mặt đường cấp phối đá dăm | 1.614 | khoảng 6 | Đầu tư HTTN + mặt đường BTNN | 13.892 | 60 | 40 | 100 | 13.992 |
| 22 | Nâng cấp, sửa chữa Xuân Thới Sơn 6 | xã XTS | Từ Kênh Trung ương đến Nguyễn Thị Ly | 560 | 3÷5 | Hiện trạng tuyến đường là đường CPĐD rộng trung bình 3-5m đã xuống cấp, không đáp ứng khả năng lưu thông của các phương tiện giao thông. | 560 | 3,5÷5 | Đầu tư HTTN + mặt đường BTNN | 12.320 | 50 | 30 | 80 | 12.400 |
| 23 | Nâng cấp, sửa chữa đường XTS17 | xã XTS | Từ Nguyễn Văn Bứa đến Trương Thị Như | 733 | 4÷5 | Hiện trạng tuyến đường là đường lán nhựa rộng trung bình 4-6m đã xuống cấp, không đáp ứng khả năng lưu thông của các phương tiện giao thông,không có hệ thống thoát nước | 733 | 4÷5 | Đầu tư HTTN + mặt đường BTNN | 17.592 | 50 | 40 | 90 | 17.682 |
| 24 | Nâng cấp, sửa chữa đường Nhị Bình 18 | xã NB | - Điểm đầu: Đường Bùi Công Trừng.<br>- Điểm cuối: Đường Nhị Bình 19A.<br>- Mặt đường hư hỏng, nhiều ổ gà; tuyến đường Nhị Bình 18 hiện nay chưa có hệ thống thoát nước thông suốt nên vào mùa mưa tuyến đường thường xuyên bị ngập nước; Mặt đường láng nhựa bị hư hỏng xuống cấp nghiêm trọng do đọng nước. | 880 | 4÷7 | Láng nhựa | 880 | 6÷7 | Đầu tư hệ thống thoát nước + mặt đường BTNN | 17.600 | 4.400 | 0 | 4.400 | 22.000 |
| 25 | Nâng cấp, sửa chữa đường Nhị Bình 7 | xã NB | - Điểm đầu: Rạch Bà Hồng<br>- Điểm cuối: Cuối tuyến<br>- Mặt đường hư hỏng, nhiều ổ gà; tuyến đường Nhị Bình 7 hiện nay chưa có hệ thống thoát nước thông suốt nên vào mùa mưa tuyến đường thường xuyên bị ngập nước; Mặt đường láng nhựa bị hư hỏng xuống cấp nghiêm trọng do đọng nước. | 1.185 | 4÷7 | Láng nhựa | 1.185 | 6÷7 | Đầu tư hệ thống thoát nước + mặt đường BTNN | 23.700 | 5.925 | 0 | 5.925 | 29.625 |
| 26 | Nâng cấp, sửa chữa đường Tân Hiệp 4 | xã TH | - Điểm đầu: Đường Dương Công Khi<br>- Điểm cuối: Đường Đỗ Văn Dậy<br>- Hiện trạng đường BTNN **chưa có hệ thống thoát nước**, vào mùa mưa tuyến đường thường xuyên bị ngập nước dẫn đến mặt đường xuống cấp, hư hỏng. | 567 | 6 | BTNN | 567 | 6÷7 | Đầu tư hệ thống thoát nước + mặt đường BTNN | 11.340 | 0 | 0 | 0 | 11.340 |
| 27 | Nâng cấp xây dựng HTTN đường Tân Hiệp 2+13 (đoạn từ đường đường Dương Công Khi đến Huỳnh Thị Mai) | xã TH | Hiện đường Tân Hiệp 3+13 chiều dài 1400m rộng 6m, chưa có hệ thống nước. Đề xuất đầu tư xây dựng hệ thống thoát nước, tại lập mặt bằng theo hiện trạng | 1400 | 7 | BTNN | 1400 | 7 | Đầu tư hệ thống thoát nước + mặt đường BTNN | *30.000* | *100* | *30* | 130 | *30.130* |

| STT | Tên công trình | Địa điểm | Mô tả chi tiết hiện trạng | Hiện trạng | | | Đề xuất đầu tư | | | Kinh phí thực hiện (triệu đồng) | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Dài (m) | Rộng (m) | Kết cấu | Dài (m) | Rộng (m) | Kết cấu | Vốn ngân sách (Vốn NTM) | Vốn Dân, DN | | | Tổng cộng |
| | | | | | | | | | | | Hiến đất, vật kiến trúc quy ra tiền | Đóng góp tiền | Tổng | |
| 28 | Nâng cấp, sửa chữa đường Tân Hiệp 38+39+40 | xã TH | - Điểm đầu: Đường Lê Thị Lơ<br>- Điểm cuối: Cuối tuyến.<br>- Hiện trạng đường láng nhựa **chưa có hệ thống thoát nước**, vào mùa mưa tuyến đường thường xuyên bị ngập nước dẫn đến mặt đường xuống cấp, hư hỏng. | 950 | 5 | láng nhựa | 950 | 6 | Đầu tư hệ thống thoát nước + mặt đường BTNN | 19.000 | 0 | 0 | 0 | 19.000 |
| 29 | Nâng cấp, sửa chữa đường Tân Hiệp 17 | xã TH | - Điểm đầu: Đường Tân Hiệp 18<br>- Điểm cuối: Đường Thị trấn - Tân Hiệp<br>- Hiện trạng đường láng nhựa **chưa có hệ thống thoát nước**, vào mùa mưa tuyến đường thường xuyên bị ngập nước dẫn đến mặt đường xuống cấp, hư hỏng. | 562 | 5 | láng nhựa | 562 | 6 | Đầu tư hệ thống thoát nước + mặt đường BTNN | 11.240 | 0 | 0 | 0 | 11.240 |
| 30 | Nâng cấp, sửa chữa đường Tân Hiệp 18A | xã TH | - Điểm đầu: Đường Tân Hiệp 18<br>- Điểm cuối: Đường KP 6-09<br>- Hiện trạng đường BTNN **chưa có hệ thống thoát nước**, vào mùa mưa tuyến đường thường xuyên bị ngập nước dẫn đến mặt đường xuống cấp, hư hỏng. | 445 | 5 | láng nhựa | 445 | 6÷7 | Đầu tư hệ thống thoát nước + mặt đường BTNN | 8.900 | 0 | 0 | 0 | 8.900 |
| 31 | Nâng cấp, sửa chữa ĐT 7 đoạn còn lại (từ cầu Bến Đà đến giáp ranh quận 12) | xã ĐT | Mặt đường đất, đá rộng 6 -7m | 1.535 | 6÷7 | Mặt đường đất, đá rộng (6÷7)m, chưa có HTTN | 1.535 | 10 | Mặt đường BTNN, HTTN tại một số đoạn phù hợp | 28.858 | 18.690 | 0 | 18.690 | 47.548 |
| 32 | Nâng cấp, sửa chữa đườngg Đông Thạnh 2-3-1 và đường Đông Thạnh 1-5 | xã ĐT | - Điểm đầu: Đường ĐT 2-3<br>- Điểm cuối: Cuối tuyến<br>- Hiện trạng đường láng nhựa **chưa có hệ thống thoát nước**, vào mùa mưa tuyến đường thường xuyên bị ngập nước dẫn đến mặt đường xuống cấp, hư hỏng. | 720 | 5÷8 | Láng nhựa | 720 | 6÷8 | Đầu tư HTTN + Mặt đường BTNN | 14.400 | 0 | 0 | 0 | 14.400 |
| 33 | Nâng cấp, sửa chữa đường Đông Thạnh 8- 1 | xã ĐT | - Điểm đầu: Đường Bùi Công Trừng<br>- Điểm cuối: Rạch Bà Hồng<br>- Hiện trạng đường Đông Thạnh 8-1 **chưa có hệ thống thoát nước**, vào mùa mưa tuyến đường thường xuyên bị ngập nước; Mặt đường nhựa đã xuống cấp do đã lâu không bảo trì, vào mùa mưa một số đoạn đường trên tuyến bị đọng nước. | 630 | 6-8 | Láng nhựa | 630 | 6-8 | Đầu tư hệ thống thoát nước + mặt đường BTN | 13.200 | 0 | 0 | 0 | 13.200 |
| 34 | Đầu tư hệ thống thoát nước đường Đông Thạnh 2-1 (từ đường Huỳnh Thị Na đến đường Nguyễn Thị Điệp) | xã ĐT | Tuyến ĐT 2-1 là tuyến kết nối giao thông quan trọng với đường Huỳnh Thị Na đến Nguyễn Thị Điệp, chưa có HTTN, hiện trạng mặt đường láng nhựa có những vị trí đã xuống cấp, hư hỏng do nước đọng trên đường làm hư hại kết cấu. | 705 | 5÷8 | MĐ láng nhựa 5m + Lề (0÷1,5)m x 2, chưa có HTTN hoàn chỉnh | 705 | 5÷8 | Đầu tư HTTN + Mặt đường BTNN | 13.078 | 0 | 45 | 45 | 13.123 |

| STT | Tên công trình | Địa điểm | Mô tả chi tiết hiện trạng | Hiện trạng | | | Đề xuất đầu tư | | | Kinh phí thực hiện (triệu đồng) | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Dài (m) | Rộng (m) | Kết cấu | Dài (m) | Rộng (m) | Kết cấu | Vốn ngân sách (Vốn NTM) | Vốn Dân, DN | | | Tổng cộng |
| | | | | | | | | | | | Hiến đất, vật kiến trúc quy ra tiền | Đóng góp tiền | Tổng | |
| 35 | Đầu tư hệ thống thoát nước đường Đông Thạnh 7-5 (từ đường Đông Thạnh 7 đến cuối tuyến hiện hữu) | xã ĐT | Tuyến ĐT 7-5 là tuyến trục giao thông nội đồng quan trọng kết nối với đường ĐT 7 và Rạch Cầu Tre, chưa có HTTN, hiện trạng mặt đường láng nhựa có những vị trí đã xuống cấp, hư hỏng do nước đọng trên đường làm hư hại kết cấu. | 615 | 5÷8 | MĐ láng nhựa 5m + Lề (0÷1,5)m x 2, chưa có HTTN hoàn chỉnh | 615 | 5÷8 | Đầu tư HTTN + Mặt đường BTNN | 11.408 | 0 | 23 | 23 | 11.431 |
| 36 | Nâng cấp, sửa chữa đường ĐT 1-2 (dcl) | xã ĐT | | 90 | 3÷4 | MĐ đá dăm | 90 | 3,5÷5 | Đầu tư HTTN + Tái lập mặt đường BTNN 3,5÷5m | 1.670 | 338 | 0 | 338 | 2.008 |
| 37 | Đầu tư hệ thống thoát nước đường ĐT 7-1, ĐT 7-2 + Nhánh | xã ĐT | - Điểm đầu ĐT 7-1: Đường Trịnh Thị Dối<br>- Điểm cuối ĐT 7-1: Cuối tuyến<br>- Điểm đầu ĐT 7-2: Đường Trịnh Thị Dối<br>- Điểm cuối: Nhánh ĐT 7-1.<br>- Hiện đường Đông Thạnh ĐT 7-1 + ĐT 7-2 chiều dài 930m rộng 4-7m, **chưa có hệ thống thoát nước**, vào mùa mưa tuyến đường thường xuyên bị ngập nước; Mặt đường BTNN đã xuống cấp do đã lâu không bảo trì, vào mùa mưa một số đoạn đường trên tuyến bị đọng nước. | 930 | 4÷6 | BTNN | 930 | 5÷6 | Đầu tư hệ thống thoát nước + mặt đường BTN | 18.600 | 0 | 0 | 0 | 18.600 |
| 38 | Nâng cấp, sửa chữa đường H(Đ)ĐT 169 | xã ĐT | Tuyến hẻm được duyệt lộ giới, được người dân thực hiện BTXM từ trước, nay đã hư hỏng. | 75 | 2÷4 | MĐ BTXM | 75 | 3,5÷5 | Đầu tư HTTN + Tái lập mặt đường BTNN 3,5÷5m | 971 | 281 | 0 | 281 | 1.252 |
| 39 | Nâng cấp, sửa chữa đường H(Đ)ĐT 106 | xã ĐT | Tuyến hẻm được duyệt lộ giới, được người dân thực hiện BTXM từ trước, nay đã hư hỏng. | 110 | 3÷4 | MĐ BTXM | 110 | 3,5÷5 | Đầu tư HTTN + Tái lập mặt đường BTNN 3,5÷5m | 1.425 | 413 | 0 | 413 | 1.838 |
| 40 | Nâng cấp, sửa chữa đường nội đồng bờ bao Rạch Bà May | xã ĐT | Mặt đường bờ rạch bằng đất, rộng 1,5m - 3m, chưa đảm bảo giao thông nội đồng, một số vị trí bị sạt lở. | 905 | 1,5÷3 | mặt đường đất , rộng khoảng 1,5m - 3m, cao trình dưới +2.2m, một vài vị trí bị sạt lở | 905 | 2÷4 | Sửa chữa, cứng hóa mặt đường đảm bảo kết hợp giao thông nội đồng; Bờ trái Bm=3-4m, bê tông xi măng; Bờ phải Bm=2-3m; bê tông xi măng | 11.943 | 2.576 | 0 | 2.576 | 14.519 |
| 41 | Sửa chữa Cầu Rỗng Bầu | xã ĐT | Hiện bờ bao sông Rạch Tra đã được đầu tư cơ bản toàn tuyến, mặt bờ rộng 3m, đảm bảo ngăn triều cường và phục vụ tốt giao thông nội đồng.Tuy nhiên tại vị trí rạch Rỗng Bầu hiện trạng là cầu tạm, đã hư hỏng, không thông tuyến phục vụ giao thông qua lại | 20 | 1 | Cầu tạm, đã hư hỏng | 40 | 4 | sửa chữa móng trụ, mở rộng mặt cầu; làm lan can | 3.500 | 0 | 136 | 136 | 3.636 |
| 42 | Sửa chữa Cầu Tre | xã ĐT | Hiện trạng là cầu tạm, chỉ phục vụ giao thông cho người đi bộ, hạn chế giao thông nội đồng. | 20 | 1 | Cầu tạm bê tông, rộng 1m, dài 21m, trước đây được HTX ĐT 2 xây dựng tạm phục vụ giao thông nội đồng. Hiện đã xuống cấp, chỉ dành cho người đi bộ | 35 | 4 | sửa chữa móng trụ, mở rộng mặt cầu; làm lan can | 4.800 | 0 | 119 | 119 | 4.919 |

| STT | Tên công trình | Địa điểm | Mô tả chi tiết hiện trạng | Hiện trạng | | | Đề xuất đầu tư | | | Kinh phí thực hiện (triệu đồng) | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Dài (m) | Rộng (m) | Kết cấu | Dài (m) | Rộng (m) | Kết cấu | Vốn ngân sách (Vốn NTM) | Vốn Dân, DN | | | Tổng cộng |
| | | | | | | | | | | | Hiến đất, vật kiến trúc quy ra tiền | Đóng góp tiền | Tổng | |
| 43 | Sửa chữa Cầu Bến Lội | xã ĐT | Hiện trạng là cầu tạm, chỉ phục vụ giao thông cho người đi bộ, hạn chế giao thông nội đồng. | 20 | 1 | Cầu tạm bê tông, rộng 1m, dài 20m, trước đây được HTX ĐT 2 xây dựng tạm phục vụ giao thông nội đồng. Hiện đã xuống cấp, chỉ giành cho người đi bộ | 35 | 4 | sửa chữa móng trụ, mở rộng mặt cầu; làm lan can | 4.900 | 0 | 119 | 119 | 5.019 |
| **II** | **THỦY LỢI** | | | | | | | | | **360.670** | **12.000** | **243** | **12.243** | **372.913** |
| 1 | Kiên cố hóa Mương Nam Thới 6 (từ đường Trần Thị Bốc đến Kênh Hóc Môn) | xã TTT | | 479 | 3÷4 | Mương đường đất, một vài vị trí bị sạt lở. | 479 | khoảng 3-5m | Cải tạo, kiên cố hóa kết hợp giao thông | 14.112 | | | | 14.112 |
| 2 | Nâng cấp bờ bao Rạch Rỗng Hổ (từ đường Trung Đông 7F đến Rạch Hóc Môn) | xã TTT | | 945 | 20÷30 | Bờ bao đắp đất, mặt bờ bao rộng 2,5m, cao trình dưới +2,2m, một vài vị trí bị sạt lở, nước tràn bờ | 945 | 20÷30 | Gia cố các vị trí xung yếu, mái taluy kênh, nạo vét, cải tạo cống thoát nước hiện hữu, đắp sói đỏ dày trung bình 0,5m | 9.450 | | | | 9.450 |
| 3 | Kênh T2 -đoạn còn lại (liên ấp Nam Lân, Hậu lân, Trung Lân, Đông Lân) | xã BĐ | Hiện trạng đường đất, đã có HTTN giữa đường, mưa ngập nước mặt đường, người dân đi lại khó khăn | 670 | 2 đến 5 | đất đá | 670 | 3,5-6 | BTNN | 7000 | 500 | | 500 | 7500 |
| 4 | Nâng cấp, sửa chữa rạch cầu Bà Năm | xã ĐT | Tuyến rạch chưa được nạo vét khơi thông, cây cỏ mọc um tùm, dòng chảy bị bồi lắng, ảnh hưởng đến việc tiêu thoát nước, rác thải trong lòng rạch tương đối nhiều gây ô nhiễm môi trường, hai bên bờ cũng xuất hiện các điểm sạt lở, hàm ếch cũng là mối nguy tiềm ẩn cho người dân sống và canh tác trong khu vực. | 540 | 12-22 | Đất | 540 | theo hiện trạng rạch | Cải tạo, kiên cố hóa kết hợp giao thông | 37.800 | 2.700 | | 2.700 | 40.500 |
| 5 | Duy tu, sửa chữa Rạch Cầu Thầy Mười và nhánh (từ đường Huỳnh Thị Na đến rạch Bà May) | xã ĐT | | 1.040 | 3÷23 | Bờ bao đắp đất , mặt bờ rộng 1,5m, cao trình dưới +2.2m, một vài vị trí bị sạc lở; cao trình bờ thấp, thường xuyên bị bè bờ, tràn bờ | 1.040 | 3÷23 | Duy tu, sửa chữa bờ bao 02 bên bờ, nạo vét khai thông dòng chảy rạch | 2.916 | 0 | 29 | 29 | 2.945 |
| 6 | Duy tu, sửa chữa Rạch Bến Lội (từ đường H(Đ)ĐT 247 đến cuối tuyến) | xã ĐT | | 880 | 4÷23 | Bờ bao đắp đất , mặt bờ rộng 1,5m, cao trình dưới +2.2m, một vài vị trí bị sạc lở | 880 | 4÷23 | Duy tu, sửa chữa bờ bao 02 bên bờ, nạo vét khai thông dòng chảy rạch | 2.419 | 0 | 24 | 24 | 2.443 |
| 7 | Duy tu, sửa chữa Rạch Bến Đá (từ Rạch Cầu Tre đến Rạch Rỗng Gòn) | xã ĐT | | 665 | 11÷35 | Bờ bao đắp đất , mặt bờ rộng 1,5m, cao trình dưới +2.2m, một vài vị trí bị sạc lở | 665 | 11÷35 | Duy tu, sửa chữa bờ bao 02 bên bờ, nạo vét khai thông dòng chảy rạch | 1.828 | 0 | 18 | 18 | 1.846 |

| STT | Tên công trình | Địa điểm | Mô tả chi tiết hiện trạng | Hiện trạng | | | Đề xuất đầu tư | | | Kinh phí thực hiện (triệu đồng) | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Dài (m) | Rộng (m) | Kết cấu | Dài (m) | Rộng (m) | Kết cấu | Vốn ngân sách (Vốn NTM) | Vốn Dân, DN | | | Tổng cộng |
| | | | | | | | | | | | Hiến đất, vật kiến trúc quy ra tiền | Đóng góp tiền | Tổng | |
| 8 | Duy tu, sửa chữa Rạch Tư Hợi và đoạn nhánh (từ Rạch Bến Đá đến cuối tuyến) | xã ĐT | | 1.985 | 14÷51 | Bờ bao đắp đất , mặt bờ rộng 1,5m, cao trình dưới +2.2m, một vài vị trí bị sạc lở | 1.985 | 14÷51 | Duy tu, sửa chữa bờ bao 02 bên bờ, nạo vét khai thông dòng chảy rạch | 5.457 | 0 | 55 | 55 | 5.512 |
| 9 | Duy tu, sửa chữa Rạch Tư Nê (từ Rạch Rỗng Trâm đến Rạch Bến Đá) | xã ĐT | | 875 | 8÷25 | Bờ bao đắp đất , mặt bờ rộng 1,5m, cao trình dưới +2.2m, một vài vị trí bị sạc lở, tràn bờ | 875 | 8÷25 | Duy tu, sửa chữa bờ bao 02 bên bờ, nạo vét khai thông dòng chảy rạch | 2.406 | 0 | 24 | 24 | 2.430 |
| 10 | Duy tu, sửa chữa Rạch Cầu Tre (từ Rạch Cầu Dừa đến Rạch Bến Đá) | xã ĐT | | 760 | 10÷33 | Bờ bao đắp đất , mặt bờ rộng 1,5m, cao trình dưới +2.2m, một vài vị trí bị sạc lở | 760 | 10÷33 | Duy tu, sửa chữa bờ bao 02 bên bờ, nạo vét khai thông dòng chảy rạch | 2.089 | 0 | 21 | 21 | 2.110 |
| 11 | Duy tu, sửa chữa Rạch Đầu Cùi (từ Rạch Rỗng Trâm đến cuối tuyến) | xã ĐT | | 820 | 4÷25 | Bờ bao đắp đất , mặt bờ rộng 1,5m, cao trình dưới +2.2m, một vài vị trí bị sạc lở | 820 | 4÷25 | Duy tu, sửa chữa bờ bao 02 bên bờ, nạo vét khai thông dòng chảy rạch | 2.254 | 0 | 23 | 23 | 2.277 |
| 12 | Duy tu, sửa chữa Rạch Rỗng Trâm (từ Rạch Đầu Cùi đến giáp phường Thạnh Xuân, quận 12) | xã ĐT | | 1.785 | 7÷25 | Bờ bao đắp đất , mặt bờ rộng 1,5m, cao trình dưới +2.2m, một vài vị trí bị sạc lở | 1.785 | 7÷25 | Duy tu, sửa chữa bờ bao 01 bên bờ, nạo vét khai thông dòng chảy rạch | 4.907 | 0 | 49 | 49 | 4.956 |
| 13 | Nâng cấp, sửa chữa rạch Cầu Võ | xã NB | - Điểm đầu: Sông Sài Gòn<br>- Điểm cuối: Cuối tuyến rạch Cầu Võ<br>- Hiện trạng lòng rạch bị bồi lắng, cây cỏ mọc um tùm gây cản trở dòng chảy làm ảnh hưởng đến việc tiêu thoát nước. Mặt khác, hai bên có mật độ dân cư tương đối đông đúc và đất trồng, bên phải tuyến rạch đã có đường giao thông, bên trái tuyến chưa có đường cặp rạch. Dưới lòng rạch có nhiều rác thải gây ô nhiễm môi trường. Hai bên mái rạch có xuất hiện các điểm sạt lở, hàm ếch cũng là mối nguy tiềm ẩn cho người dân sinh sống và canh tác trong khu vực. | 760 | 6÷10 | Đất | 760 | theo hiện trạng rạch | Cải tạo, kiên cố hóa | 41.800 | 3.800 | 0 | 3.800 | 45.600 |
| 14 | Nâng cấp, sửa chữa mương sau lô C | xã XTS | - Điểm đầu: Kênh Trung Ương<br>- Điểm cuối: Đường Vành đai 3<br>- Tuyến mương lô C hiện nay bị bồi lắng nghiêm trọng, cây cỏ mọc um tùm, ảnh hưởng đến việc tiêu thoát nước, rác thải trong lòng rạch tương đối nhiều gây ô nhiễm môi trường. Một bên bờ rạch có khu dân cư đông đúc và một bên rạch là rừng, tuyến đường cặp hai bên mương là đường đất, mái mương xuất hiện các điểm sạt lở, hàm ếch cũng là mối nguy tiềm ẩn cho người dân sống và canh tác trong khu vực. Tuyến mương còn có nhiệm vụ phòng chống cháy rừng trong khu vực. | 2.000 | 5-15 | Đất | 2.000 | theo hiện trạng rạch | Cải tạo, kiên cố hóa kết hợp giao thông | 90.000 | 5.000 | | 5.000 | 95.000 |

| STT | Tên công trình | Địa điểm | Mô tả chi tiết hiện trạng | Hiện trạng | | | Đề xuất đầu tư | | | Kinh phí thực hiện (triệu đồng) | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Dài (m) | Rộng (m) | Kết cấu | Dài (m) | Rộng (m) | Kết cấu | Vốn ngân sách (Vốn NTM) | Vốn Dân, DN | | | Tổng cộng |
| | | | | | | | | | | | Hiến đất, vật kiến trúc quy ra tiền | Đóng góp tiền | Tổng | |
| 15 | Cải tạo Mương sau lô D. (từ Nguyễn Văn Bứa đến cuối tuyến) | xã XTS | | 950 | 3÷6 | Hiện trạng mương rộng trung bình 3-6m, bị lắng đọng rác thải dưới lòng kênh gây ảnh hưởng đến khả năng thoát nước cho khu vực | 950 | 3÷6 | Cải tạo, kiên cố hóa kết hợp giao thông | 18.250 | | | | 18.250 |
| 16 | Cải tạo Mương 4-6. (từ Nguyễn Văn Bứa đến Dương Công Khi) | xã XTS | | 850 | 3÷6 | Hiện trạng mương rộng trung bình 3-6m không đồng bộ, bị lắng đọng rác thải dưới lòng kênh gây ảnh hưởng đến khả năng thoát nước cho khu vực | 850 | 3÷6 | Cải tạo, kiên cố hóa kết hợp giao thông | 17.750 | | | | 17.750 |
| 17 | Nâng cấp bờ cứng hóa, kết hợp nạo vét kênh T1 | xã TH | Bờ bao kênh T1 có chiều dài 3762m, hiện trạng bờ đất sỏi đỏ kết hợp giao thông, xuống cấp không đảm bảo giao thông, cũng như phòng chống lụt bão. Đề xuất cải tạo đất sỏi đỏ, trải cấp phối đá 02 bờ kết hợp phát triển giao thông, nạo vét khai thông dòng chảy | 1881 x2 bờ | bờ trái 4m, bờ phải 2m | đất chọn lọc | 1881 x2 bờ | bờ trái 4m, bờ phải 2m | Đề xuất cải tạo kiên cố hóa bờ bao, kết hợp phát triển giao thông, nạo vét , xử lý lục bình, cô khai thông dòng chảy. | 44.982 | | | 0 | 44.982 |
| 18 | Cải tạo kênh T2 | xã TH | - Điểm đầu: Kênh Xáng<br>- Điểm cuối: Cuối tuyến<br>- Tuyến kênh T2 hiện nay bị bồi lắng ứ đọng bùn rác, cây cỏ mọc um tùm, ảnh hưởng đến việc tiêu thoát nước. Bờ bao kênh T2 có hiện trạng bờ đất sỏi đỏ kết hợp giao thông, xuống cấp không đảm bảo giao thông. | 1.500 | 2÷4 | Đất | 1.500 | 2÷4 | Đề xuất cải tạo kiên cố hóa bờ bao, kết hợp phát triển giao thông, nạo vét , xử lý lục bình, cô khai thông dòng chảy. | 38.454 | | | 0 | 38.454 |
| 19 | Cải tạo kênh T3 | xã TH | - Điểm đầu: Kênh Xáng<br>- Điểm cuối: Cuối tuyến<br>- Tuyến kênh T3 hiện nay bị bồi lắng ứ đọng bùn rác, cây cỏ mọc um tùm, ảnh hưởng đến việc tiêu thoát nước. Bờ bao kênh T3 có hiện trạng bờ đất sỏi đỏ kết hợp giao thông, xuống cấp không đảm bảo giao thông. | 715 | 2÷4 | Đất | 715 | 2÷4 | Đề xuất cải tạo kiên cố hóa bờ bao, kết hợp phát triển giao thông, nạo vét , xử lý lục bình, cô khai thông dòng chảy. | 16.796 | | | 0 | 16.796 |
| **III** | **Văn hóa** | | | | | | | | | **40.301** | **0** | **0** | **0** | **40.301** |
| 1 | Sửa chữa, nâng cấp Văn Phòng BND ấpXuân Thới Đông 1 cũ (nay là ấp 1, 2, 3, 4,5) | xã XTĐ | | Diện tích hiện trạng ban ấp 62,5m2. Hiện trạng trụ sở Văn phòng ban nhân dân ấp đã xuống cấp, cần cải tạo, nâng cấp để phục vụ nhân dân | | | Cải tạo nền sân cổng tường rào, thay trần thay điện, sơn nước, thay cửa đi, cửa sổ, thay thiết bị vệ sinh. | | | 800 | | | | 800 |
| 2 | Sửa chữa, Văn Phòng BND ấp Tân Tiến (nay là ấp 17, 18,19,20) | xã XTĐ | | Diện tích hiện trạng ban ấp 64m2, Hiện trạng trụ sở Văn phòng ban nhân dân ấp đã xuống cấp, cần cải tạo, nâng cấp để phục vụ nhân dân | | | Cải tạo nền sân cổng tường rào, thay trần thay điện, sơn nước, thay cửa đi, cửa sổ, thay thiết bị vệ sinh. | | | 800 | | | | 800 |
| 3 | Văn Phòng BND ấp Mỹ Hòa 4 cũ (nay là ấp 22) | xã XTĐ | | Diện tích hiện trạng ban ấp 75m2, Hiện trạng trụ sở Văn phòng ban nhân dân ấp đã xuống cấp, cần cải tạo, nâng cấp để phục vụ nhân dân | | | Cải tạo, sơn toàn bộ ban ấp, sơn sửa hàng rào, chống thấm cho ban ấp, chỉnh trang mặt tiền ban ấp, thiết bị vệ sinh, thiết bi điện | | | 800 | | | | 800 |

| STT | Tên công trình | Địa điểm | Mô tả chi tiết hiện trạng | Hiện trạng | | | Đề xuất đầu tư | | | Kinh phí thực hiện (triệu đồng) | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Dài (m) | Rộng (m) | Kết cấu | Dài (m) | Rộng (m) | Kết cấu | Vốn ngân sách (Vốn NTM) | Vốn Dân, DN | | | Tổng cộng |
| | | | | | | | | | | | Hiến đất, vật kiến trúc quy ra tiền | Đóng góp tiền | Tổng | |
| 4 | Văn Phòng BND ấp Mỹ Hòa 2 cũ (nay là ấp 25) | xã XTĐ | | Diện tích hiện trạng ban ấp 60m2. Hiện trạng trụ sở Văn phòng ban nhân dân ấp đã xuống cấp, cần cải tạo, nâng cấp để phục vụ nhân dân | | | Cải tạo, sơn toàn bộ ban ấp, sơn sửa hàng rào, chống thấm cho ban ấp, nâng và thay mái tôn, thay la phong,thiết bị vệ sinh, thiết bi điện | | | 700 | | | | 700 |
| 5 | Văn Phòng BND ấpXuân Thới Đông 3 cũ (nay là ấp 12,13,14,15,16) | xã XTĐ | | Diện tích hiện trạng ban ấp 56m2. Hiện trạng trụ sở Văn phòng ban nhân dân ấp đã xuống cấp, cần cải tạo, nâng cấp để phục vụ nhân dân. | | | Cải tạo nền sân, nền vệ sinh cổng tường rào, thay trần thay điện, sơn nước, thay cửa đi, cửa sổ, thay thiết bị vệ sinh, thiết bị điện. | | | 900 | | | | 900 |
| 6 | Văn Phòng BND ấp Xuân Thới Đông 2 cũ (nay là ấp 6,7,8,9,10) | xã XTĐ | | Diện tích hiện trạng ban ấp 78m2.Hiện trạng trụ sở Văn phòng ban nhân dân ấp đã xuống cấp, cần cải tạo, nâng cấp để phục vụ nhân dân | | | Cải tạo nền sân, thay tôn,xà gồ mái, nâng mái, sơn sửa cổng tường rào, sơn toàn bộ văn phòng ban ấp, thay trần, thay điện, , thay cửa đi, cửa sổ, thay thiết bị vệ sinh, thiết bị điện. | | | 1.000 | | | | 1.000 |
| 7 | Nâng cấp, sửa chữa Ban nhân dân ấp Trung Đông | xã TTT | Thực hiện NQ số 11/NQ-HĐND ngày 14/3/2024 của HĐND TP về thành lập, chia tách, sáp nhập, đổi tên khu phố, ấp. Ban Nhân dân ấp Trung Đông được tách làm 04 ấp, do đó số lượng nhân sự BND ấp để thực hiện các công tác ấp là 20 người. Hiện trạng Trụ sở BND ấp đã xuống cấp không đảm bảo để bố trí các phòng làm việc riêng biệt cho từng ấp tại cùng 1 vị trí đất và đồng thời giải quyết được tình trạng không bị trùng lắp các cuộc hội họp của từng ấp | Hiện trạng là khối nhà trệt. Diện tích: 8.2mx11.2m. Tường gạch, mái tôn. | | | Xây mới khối nhà chính: - Diện tích sàn: Tầng trệt: 96m$^2$; Tầng 1: 110.4m$^2$ - Quy mô: Trệt + 01 lầu + Mái. Sân - cổng - hàng rào: Cải tạo sân, cổng - hàng rào; Làm mái che sân để tổ chức hội họp, sinh hoạt văn hóa. | | | 2.896 | | | | 2.896 |
| 8 | Nâng cấp, sửa chữa Ban nhân dân ấp Trung Đông 1 | xã TTT | Thực hiện NQ số 11/NQ-HĐND ngày 14/3/2024 của HĐND TP về thành lập, chia tách, sáp nhập, đổi tên khu phố, ấp. Ban Nhân dân ấp Trung Đông 1 được tách làm 03 ấp, do đó số lượng nhân sự BND ấp để thực hiện các công tác ấp là 15người. Hiện trạng Trụ sở BND ấp đã xuống cấp không đảm bảo để bố trí các phòng làm việc riêng biệt cho từng ấp tại cùng 1 vị trí đất và đồng thời giải quyết được tình trạng không bị trùng lắp các cuộc hội họp của từng ấp | Hiện trạng là khối nhà trệt. Diện tích khoảng 167m$^2$. Tường gạch, mái tôn. | | | Xây mới khối nhà chính: - Diện tích sàn: Tầng trệt: 90m$^2$; Tầng 1: 108m$^2$ - Quy mô: Trệt + 01 lầu + Mái. Sân - cổng - hàng rào: Làm mới sân, cổng - hàng rào; Làm mái che sân để tổ chức hội họp, sinh hoạt văn hóa. | | | 2.839 | | | | 2.839 |
| 9 | Nâng cấp, sửa chữa Ban nhân dân ấp Tam Đông 1 | xã TTT | Thực hiện NQ số 11/NQ-HĐND ngày 14/3/2024 của HĐND TP về thành lập, chia tách, sáp nhập, đổi tên khu phố, ấp. Ban Nhân dân ấp Tam Đông 1 được tách làm 03 ấp, do đó số lượng nhân sự BND ấp để thực hiện các công tác ấp là 15 người. Hiện trạng Trụ sở BND ấp đã xuống cấp, đồng thời dự án GPMB nâng cấp đường phạm thị giây gây ảnh hưởng giảm diện tích sử dụng của trụ sở BND ấp và hiện trạng BND ấp thấp hơn so với đường phạm thị giây không đảm bảo để bố trí các phòng làm việc riêng biệt cho từng ấp tại cùng 1 vị trí đất và đồng thời giải quyết được tình trạng không bị trùng lắp các cuộc hội họp của từng ấp | Hiện trạng là khối nhà trệt và được bố trí thêm sàn đúc giả. Diện tích: 3.81mx11.98m. Tường gạch, mái tôn. | | | Xây mới khối nhà chính: - Diện tích sàn: Tầng trệt: 80m$^2$; Tầng 1: 80m$^2$ - Quy mô: Trệt + 01 lầu + Mái Sân - cổng - hàng rào: Nâng nền sân 30cm; làm mới cổng - hàng rào; Làm mái che sân để tổ chức hội họp, sinh hoạt văn hóa. | | | 2.065 | | | | 2.065 |

| STT | Tên công trình | Địa điểm | Mô tả chi tiết hiện trạng | Hiện trạng | | | Đề xuất đầu tư | | | Kinh phí thực hiện (triệu đồng) | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Dài (m) | Rộng (m) | Kết cấu | Dài (m) | Rộng (m) | Kết cấu | Vốn ngân sách (Vốn NTM) | Vốn Dân, DN | | | Tổng cộng |
| | | | | | | | | | | | Hiến đất, vật kiến trúc quy ra tiền | Đóng góp tiền | Tổng | |
| 10 | Nâng cấp, sửa chữa Ban nhân dân ấp Tam Đông 2 | xã TTT | Thực hiện NQ số 11/NQ-HĐND ngày 14/3/2024 của HĐND TP về thành lập, chia tách, sáp nhập, đổi tên khu phố, ấp. Ban Nhân dân ấp Tam Đông 2 được tách làm 05 ấp, do đó số lượng nhân sự BND ấp để thực hiện các công tác ấp là 25 người. Hiện trạng Trụ sở BND ấp nằm trên tuyến đường rộng 2m và đã xuống cấp không đảm bảo để bố trí các phòng làm việc riêng biệt cho từng ấp tại cùng 1 vị trí đất và đồng thời giải quyết được tình trạng không bị trùng lắp các cuộc hội họp của từng ấp cũng như không đảm bảo được không gian xung quanh để người dân liên hệ giải quyết và hướng dẫn các thủ tục hành chính | Hiện trạng là khối nhà trệt. Diện tích: 10mx13.4m. Tường gạch, mái tôn. Một phần khối nhà nằm trong ranh đường dự phòng | | | Xây mới khối nhà chính:<br>- Diện tích sàn: Tầng trệt: 96m$^2$; Tầng 1: 110.4m$^2$<br>- Quy mô: Trệt + 01 lầu + Mái.<br>Sân - cổng - hàng rào: Cải tạo sân, cổng - hàng rào; Làm mái che sân để tổ chức hội họp, sinh hoạt văn hóa. | | 2.843 | | | | 2.843 |
| 11 | Sửa chữa Trụ sở UBND xã | xã NB | Hiện trạng Trụ sở Ủy Ban đã xuống cấp, một số hạng mục không đáp ứng đủ công năng sử dụng. Việc sửa chữa, cải tạo là hết sức cần thiết, nhằm nâng cao tuổi thọ, tăng mỹ quan và tăng công năng sử dụng của công trình. | | | | Sửa chữa, cải tạo:<br>1/ Khối nhà Ủy ban:<br>- Thay tôn mái;<br>- Thay trần la phong;<br>- Sơn nước toàn bộ trong ngoài;<br>- Sửa chữa nhà vệ sinh;<br>- Thay mới gạch nền;<br>- Thay mới cửa đi cửa sổ bằng nhôm Xing fa, kính cường lực;<br>- Sửa chữa hệ thống điện, điện chiếu sáng;<br>- Sơn sửa hàng rào, cửa cổng;<br>2/ Khối nhà Đảng ủy:<br>- Ngăn phòng<br>- Chống thấm mái;<br>- Sơn sửa toàn bộ;<br>- Thay mới cửa đi, cửa sổ;<br>- Cải tạo nhà vệ sinh; | *9.303* | | | | *9.303* |
| 12 | Sửa chữa Trung tâm học tập cộng đồng xã | xã NB | Trung tâm học tập cộng đồng xã hiện tại do Trường Tiểu học Võ Văn Thặng bàn giao năm 2014 hiện nay đã xuống cấp trầm trọng. | | | | - Nâng nền toàn bộ công trình cao khoảng 80cm, lát gạch, ốp tường.<br>- Thay toàn bộ cửa đi và cửa sổ<br>- Nâng mái, thay mái, thay xà gồ, thay trần<br>- Sơn lại toàn bộ công trình<br>- Thay toàn mới bộ hệ thống điện, nước<br>- Cải tạo nền sân, cổng tường rào.<br>- Mua sắm trang thiết bị phục vụ hoạt động. | *2.455* | | | | *2.455* |
| 13 | Nâng cấp Trụ Sở Ban nhân dân ấp Tân Thới 2 cũ | xã TH | Ban nhân dân ấp được xây dựng năm 2008, diện tích khuôn viên đất 189m$^2$, diện tích khối nhà 100m$^2$ hiện trạng xuống cấp, thiếu thiết bị hoạt động. Đề xuất xây dựng mới 02 tầng: làm mới nền sân hệ thống thoát nước, tường rào khuôn viên, nhà xe, đầu tư trang thiết bị | | | | | | | *2.800* | | | | *2.800* |
| 14 | Nâng cấp Trụ Sở Ban nhân dân ấp Tân Thới 3 cũ | xã TH | Ban nhân dân ấp được xây dựng năm 2012, diện tích khuôn viên đất 400m$^2$, diện tích khối nhà 160m$^2$ hiện trạng xuống cấp, thiếu thiết bị hoạt động; Nâng cấp cải tạo: thay mái, thay trần, thay hệ thống điện nước, sơn tường; thay nền; làm mái che sân; cải tạo nền sân, tường rào... | | | | | | | *1.900* | | | | *1.900* |

| STT | Tên công trình | Địa điểm | Mô tả chi tiết hiện trạng | Hiện trạng | | | Đề xuất đầu tư | | | Kinh phí thực hiện (triệu đồng) | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Dài (m) | Rộng (m) | Kết cấu | Dài (m) | Rộng (m) | Kết cấu | Vốn ngân sách (Vốn NTM) | Vốn Dân, DN | | | Tổng cộng |
| | | | | | | | | | | | Hiến đất, vật kiến trúc quy ra tiền | Đóng góp tiền | Tổng | |
| 15 | Nâng cấp Trụ Sở Ban nhân dân ấp Thới Tây 1 cũ | xã TH | Ban nhân dân ấp được xây dựng năm 2012, diện tích khuôn viên đất 90m², diện tích khối nhà 72m² hiện trạng xuống cấp, thiếu thiết bị hoạt động; Nâng cấp cải tạo: thay mái, thay trần, thay hệ thống điện nước, sơn tường; thay nền; làm mái che sân; cải tạo nền sân, tường rào... | | | | | | | *1.500* | | | | *1.500* |
| 16 | Nâng cấp Trụ Sở Ban nhân dân ấp Thới Tây 2 cũ | xã TH | Ban nhân dân ấp được xây dựng năm 2012, diện tích khuôn viên đất 273m², diện tích khối nhà 138m² hiện trạng xuống cấp, thiếu thiết bị hoạt động ; Nâng cấp cải tạo: thay mái, thay trần, thay hệ thống điện nước, sơn tường; thay nền; làm mái che sân; cải tạo nền sân, tường rào... | | | | | | | *1.500* | | | | *1.500* |
| 17 | Nâng cấp Trụ Sở Ban nhân dân ấp Tân Hòa cũ | xã TH | Ban nhân dân ấp được xây dựng năm 2012, diện tích khuôn viên đất 150m², diện tích khối nhà 61,3m² hiện trạng xuống cấp, thiếu thiết bị hoạt động; Nâng cấp cải tạo: thay mái, thay trần, thay hệ thống điện nước, sơn tường; thay nền; làm mái che sân; cải tạo nền sân, tường rào... | | | | | | | *1.200* | | | | *1.200* |
| 18 | Sửa chữaTrạm y tế xã Tân Hiệp cũ tận dụng làm Ban nhân dân ấp 03 | xã TH | Tận dụng quỹ đất công tại địa phương (trạm y tế xã cũ) diện tích 125m². Cải tạo làm trụ sở Ban nhân dân ấp 3, cải tạo khối nhà chính khuôn viên sân hệ thống thoát nước, tường rào, nhà xe, đầu tư trang thiết bị | | | | | | | *2.000* | | | | *2.000* |
| 19 | Sửa chữa Ban nhân dân ấp Tân Hòa cũ tận dụng làm ban nhân dân ấp 21 | xã TH | Tận dụng quỹ đất công tại địa phương (Ban ấp Tân Hòa cũ) diện tích 325m². Cải tạo làm trụ sở Ban nhân dân ấp 21; cải tạo khối nhà chính, nền sân hệ thống thoát nước, tường rào khuôn viên, nhà xe, đầu tư trang thiết bị | | | | | | | *2.000* | | | | *2.000* |
| **IV** | **THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG** | | | | | | | | | **21.255** | **0** | **0** | **0** | **21.255** |
| 1 | Lắp đặt camera an ninh tại các vị trí trọng điểm | xã XTĐ | Các nút giao thông trọng điểm cần phải được kiểm soát thường xuyên khi có sự cố cũng nắm bắt tình hình tội phạm từ địa phương khác di chuyển vào địa bàn xã. Trong khu dân cư có camera giám sát các khu vực chật có khả năng gây mất an ninh trật tự cao. Hệ thống camera của xã do vận động từ các nguồn khác nhau do đó thiếu tin đồng bộ, hoạt động không hiệu quả | Hiện nay trên địa bàn xã chỉ có 1 số camera giám sát an ninh tại các vị trí trong địa bàn khu dân cư, không đảm bảo công tác nắm tình hình an ninh trật tự trong thời gian sớm nhất | | | Đầu tư 40 cụm camera thay thế, lắp mới dự kiến 330 mắt camera, | | | 1.500 | | | | 1.500 |
| 2 | Đầu tư hệ thống phát thanh chuyển đổi số công nghệ thông minh Đài truyền thanh xã Xuân Thới Đông | xã XTĐ | | Hiện trang đài truyền thanh xã đã bị xuống cấp, hệ thống truyền thanh cũ, bị hư hỏng nặng | | | đầu tư Đài truyền thanh ứng dụng công nghệ thông tin - viễn thông | | | 5.000 | | | | 5.000 |
| 3 | Đầu tư hệ thống phát thanh chuyển đổi công nghệ số Đài truyền thanh xã Thới Tam Thôn | xã TTT | Đã được phê duyệt đầu tư 20 cụm loa khoog dây. Tuy nhiên, hệ thống thu phát thanh là hệ thống cũ không đảm bảo chuyển đổi công nghệ số, | UBND xã đề xuất 33 cụm loa không dây. Tuy nhiên, được phê duyệt đầu tư 20 cụm. Do đó, mật độ phủ song phát thanh còn thưa thớt, có nhiều khu vực của các ấp loa phát thanh chưa phát đến, | | | Lắp đặt 13 cụm loa không dây<br>Đầu tư hệ thống thu phát thanh công nghệ mới phục vụ chuyển đổi số | | | 1.800 | | | | 1.800 |
| 4 | Lắp đặt cải tạo hệ thống camera an ninh | xã BĐ | hiện trạng hư hỏng, cần thay thế và bổ sung đầu thu -mắt camera | | | | thay thế, lắp mới dự kiến 320 mắt camera, 40 đầu thu | | | **1300** | | | | **1300** |
| 5 | Trang bị chuyển đổi đài truyền thanh thông minh | xã TTN | Đài phát thanh hiện trang bị đầu thu công nghệ sóng FM | 01 trạm phát sóng và 31 cụm loa | | | Trang bị hệ thống chuyển đổi sang đài truyền thông thông minh | | | *2200* | *0* | *0* | *0* | *2200* |
| 6 | Nâng cấp Hệ thống Camara trên địa bàn xã | xã NB | Hệ thống camera an ninh hiện có của xã do vận động từ các nguồn khác nhau do đó thiếu tính đồng bộ, hoạt động không hiệu quả | | | | -Trang bị thêm 50 mắt camera;<br>- Trang bị Ổ cứng có dung lượng 10tb;<br>- Trang bị tivi hiển thị 50 inchs;<br>- Trang bị bộ điều khiển và thiết bị phụ trợ. | | | *455,2* | | | | *455,2* |

| STT | Tên công trình | Địa điểm | Mô tả chi tiết hiện trạng | Hiện trạng | | | Đề xuất đầu tư | | | Kinh phí thực hiện (triệu đồng) | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Dài (m) | Rộng (m) | Kết cấu | Dài (m) | Rộng (m) | Kết cấu | Vốn ngân sách (Vốn NTM) | Vốn Dân, DN | | | Tổng cộng |
| | | | | | | | | | | | Hiến đất, vật kiến trúc quy ra tiền | Đóng góp tiền | Tổng | |
| 7 | Nâng cấp đài truyền thanh ứng dụng công nghệ thông tin - viễn thông và hệ thống loa đến các ấp | xã TH | Xã được đầu tư xây dựng hệ thống đài truyền thanh năm 2019, qua 4 năm sử dụng hệ thống xuống cấp chưa đáp ứng công nghệ thông tin - hệ thống loa viễn thông vô tuyến, 01 nhà đài truyền tải đến các ấp | | | | Thay thế 1 số loa tại 38 trạm lo, nâng cấp hệ thống nhà đài sử dụng công nghệ thông tin mạng 4G Lan | | | 4000 | | | | 4000 |
| 8 | Nâng cấp đài truyền thanh xã Đông Thạnh | xã ĐT | | Hệ thống đài truyền thanh không dây | | | Nâng cấp thành Hệ thống đài truyền thanh thông minh | | | 5.000 | 0 | 0 | 0 | 5.000 |
| **V** | **Y TẾ** | | | | | | | | | **5.680** | **0** | **0** | **0** | **5.680** |
| 1 | Nâng cấp, sửa chữa Trạm y tế xã | xã XTS | Hiện trạng nay đã xuống cấp, không đảm bảo thực hiện nhiệm vụ tại địa phương | Hiện trạng nay đã xuống cấp, không đảm bảo thực hiện nhiệm vụ tại địa phương | | | Nâng nền, gia cố tường gạch, thay mái tôn và các thiết bị điện, nước.<br>Nâng nền, lát gạch phần sân. Xây dựng mảng công viên cây xanh.<br>Diện tích đất: 1351,5m2, diện tích xây dựng 410,66m2 | | | 3.000 | | | | 3.000 |
| 2 | Sữa chữa Trạm Y tế xã | xã NB | Trạm Y tế xã Nhị Bình được xây mới từ năm 2015, đến nay một số vị trí đã xuống cấp: sơn tường bong rốc; nền bị lún và hư gạch lót; Mái tôn bị đột và trần nhà bị thấm; Nhiều thiết bị điện, nước bị hư hỏng | | | | -Sơn nước tường;<br>- Sửa chữa nền, thay ghạch lót nền;<br>- Chống dột mái tôn, chống thấm trần nhà;<br>- Thay các thiết bị điện, nước bị hư hỏng | | | *680* | | | | *680* |
| 3 | Sữa chữa cải tạo Trạm Y tế x | xã TH | Hiện trạng Trạm Y tế xã xây dựng năm 2014, qua thời gian xuống cấp cần được cải tạo | | | | Cải nạo hệ thống phòng chức năng và chỉnh trang hiện trạng, góp phần phục vụ công tác thăm khám bệnh tại địa phương | | | 2000 | | | | 2000 |
| **VI** | **CÔNG TRÌNH KHÁC HỖ TRỢ ĐẠT CHUẨN XÃ NTM NÂNG CAO** | | | | | | | | | **60.982** | **200** | **150** | **350** | **61.332** |
| 1 | Cải tạo Trung tâm học tập cộng đồng xã để bố trí Trụ sở Ban Chỉ huy Quân sự xã | xã TTT | Tổng diện tích hiện đang sử dụng 140,5m2 sử dụng làm Trung tâm học tập cộng đồng xã. Thực hiện Chỉ đạo của UBND huyện, UBND xã có văn bản số 674 ngày 27/3/2024 về việc bố trí vị trí đặt trụ sở Công an xã theo định mức sử dụng đất an ninh tại QĐ 7978/QĐ-BCA-H02 là 1000m2. Theo đó UBND xã đề xuất bố trí vị trí trụ sở Công an và Quân sự xã đang sử dụng giao cho Công an xã sử dụng toàn bộ và tăng diện tích phía sau Trụ sở hiện tại tiếp giáp với khuôn viên UBND xã để đảm bảo định mức 1000m2. Song song đó UBND xã cũng đã đề xuất bố trí Trụ sở BCH Quân sự xã tại vị trí đất công hiện nay là Trung tâm học tập cộng đồng. | Khối nhà 1 trệt + 1 lầu, diện tích 140,5m$^2$ tường bị thấm và một số vị trí bị dột, nền sân BTXM bị phá vỡ do các rễ cây trồng, hàng rào phía sau không đảm bảo an toàn | | | Đề xuất xây dựng trụ sở Ban Chỉ huy Quân sự xã tại vị trí đất công thuộc thửa 35, tờ bản đồ số 35(TL 2005) do UBND xã quản lý, hiện đang là Trung tâm học tập cộng đồng với diện tích 302,7m$^2$ | | | 4.312 | | | | 4.312 |
| 2 | Lắp đặt camera an ninh tại các vị trí trọng điểm | xã TTT | Xã Thới Tam Thôn giáp ranh các xã Tân Hiệp, Tân Xuân, Đông Thạnh, Trung Chánh, Thị trấn Hóc Môn và Quận 12. Do đó, các nút giao thông trọng điểm cần phải được kiểm soát thường xuyên khi có sự cố cũng như nắm bắt tình hình tội phạm từ địa phương khác di chuyển vào địa bàn xã Thới Tam Thôn. Trong khu vực dân cư chưa có camera giám sát các khu vực chất có khả năng gây mất an ninh trật tự cao. | Hiện nay trên địa bàn xã chỉ có 05 cụm Camera giám sát an ninh tại các vị trí trong địa bàn khu dân cư, không đảm bảo công tác nắm bắt tình hình an ninh trật tự trong thời gian nhanh nhất | | | Đầu tư 40 cụm Camera giám sát an ninh tại các vị trí nút giao thông trọng điểm và địa bàn khu dân cư trên địa bàn xã | | | 1.170 | | | | 1.170 |

| STT | Tên công trình | Địa điểm | Mô tả chi tiết hiện trạng | Hiện trạng | | | Đề xuất đầu tư | | | Kinh phí thực hiện (triệu đồng) | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Dài (m) | Rộng (m) | Kết cấu | Dài (m) | Rộng (m) | Kết cấu | Vốn ngân sách (Vốn NTM) | Vốn Dân, DN | | | Tổng cộng |
| | | | | | | | | | | | Hiến đất, vật kiến trúc quy ra tiền | Đóng góp tiền | Tổng | |
| 3 | Nâng cấp, cải tạo Trụ sở UBND xã | xã TTT | UBND xã được Cải tạo, sửa chữa năm 2011, đến nay một số khu vực đã xuống cấp.<br>1. Hội trường UBND xã: toàn bộ phần mái bị dột, phần tường bị nứt dẫn nước vào làm rò rỉ và chập các thiết bị điện. Hiện trạng hội trường quá nhỏ chỉ đảm bảo số lượng mỗi lần hội, họp với số lượng <100 người.<br>2. Kho lưu trữ UBND xã: phần mái tôn bị dột, tường nứt dẫn nước vào làm rò rỉ thiết bị điện và ướt một số khu vực lưu văn thư quan trọng, nền gạch một số điểm bị sụp. 3. Bộ phận tiếp nhận: hiện tại số lượng liên hệ giải quyết hành chính của người dân trên địa bàn xã rất cao, nhưng phòng tiếp nhận năm 2011 chỉ được cải tạo lại chứ không được mở rộng. Phần tường một số vị trí bị thấm nước tạo nhiều mảng rong.<br>4. Phần mái Trụ sở UBND xã: hiện tại phần mái UBND xã bị dột nặng vào các phòng làm việc của CBCC, sập một số trần laphon gây hư hỏng một số trang thiết bị.<br>5. Hàng rào và cổng UBND xã: hiện tại đường Đặng thúc vịnh đã được nâng cấp mở rộng, do đó hàng rào bảo vệ Trụ sở UBND xã với phần chiều cao còn lại không đảm bảo. Năm 2011 đã được cải tạo nhưng đến hiện tại một số khung hàng rào bằng sắt đã bị mục, gãy. Phần cửa cổng cơ quan, hiện tại cửa cổng xe ra vào của UBND xã vẫn còn sử dụng cửa lùa sắt kéo tay rất nặng và chậm, do đó UBND xã đề xuất nâng cấp hàng rào và cổng để đảm bảo cho việc ra vào khi có việc đột xuất được đảm bảo. | Hội trường UBND xã xuống cấp<br>Kho lưu trữ văn thư không đảm bảo<br>Bộ phận tiếp nhận 01 cửa diện tích chưa đảm bảo để phục vụ người dân trên địa bàn xã<br>Cải tạo hàng rào và cổng UBND xã | | | Xây mới hội trường UBND xã<br>Cải tạo các hạng mục xuống cấp kho lưu trữ<br>Mở rộng phòng làm việc của bộ bô phận tiếp nhận 01 cửa Xử lý hệ thống mái bị dột, thấm UBND xã<br>Cải tạo lại hàng rào và cửa bảo vệ UBND xã | 8.000 | | | | 8.000 |
| 4 | Sửa chữa BND ấp Tây Lân | xã BĐ | Tường gạch sàn BTCT mái tôn đã xuống cấp | | | | sửa chữa, cải tạo | | | 1500 | | | | 1500 |
| 5 | Sửa chữa BND ấp Trung Lân | xã BĐ | Tường gạch sàn BTCT mái tôn đã xuống cấp | | | | sửa chữa, cải tạo | | | 1500 | | | | 1500 |
| 6 | Sửa chữa BND ấp Hậu Lân | xã BĐ | Tường gạch sàn BTCT mái tôn đã xuống cấp | | | | sửa chữa, cải tạo | | | 1500 | | | | 1500 |
| 7 | Sửa chữa Trụ sở Ban chỉ huy quân sự xã | xã BĐ | Tường gạch sàn BTCT mái tôn đã xuống cấp | | | | Sửa chữa theo hiện trạng | | | 1500 | | | | 1500 |
| 8 | Sửa chữa, cải tạo Trụ sở Ủy ban nhân dân xã Tân Thới Nhì | xã TTN | Trụ sở UBND xã đã xuống cấp, hệ thống tường, cửa, điện, nền sân đã xuống cấp, ngập khi mưa. | Diện tích khuôn viên 3098,2m2, diện tích sân xây dựng 1497m2, diện tích khối đoàn thể 402m2, diện tích sân 1616m2 | | | Sửa chữa, cải toán lại toàn bộ trụ sở UBND xã: diện tích trụ sở làm việc, nền sân | | | *6000* | *0* | *0* | *0* | *6000* |
| 9 | Sửa chữa, thay thế camera an ninh trên địa bàn xã Tân Thới Nhì | xã TTN | Hiện có 102 hệ thống Camera an ninh bị hỏng | 102 mắt camera an ninh bị hỏng, 05 tuyến đường trục chính chưa được trang bị camera an ninh | | | Thay thế 102 mắt camera an ninh bị hỏng, trang bị thêm 25 camera an ninh trên 05 tuyến đường trang bị đầu ghi hình, màn hình | | | *600* | *0* | *0* | *0* | *600* |

| STT | Tên công trình | Địa điểm | Mô tả chi tiết hiện trạng | Hiện trạng | | | Đề xuất đầu tư | | | Kinh phí thực hiện (triệu đồng) | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Dài (m) | Rộng (m) | Kết cấu | Dài (m) | Rộng (m) | Kết cấu | Vốn ngân sách (Vốn NTM) | Vốn Dân, DN | | | Tổng cộng |
| | | | | | | | | | | | Hiến đất, vật kiến trúc quy ra tiền | Đóng góp tiền | Tổng | |
| 10 | Sửa chữa, cải tạo trụ sở Ban Chỉ huy quân sự xã | xã TTN | | Diện tích xây dựng khoảng 90m2, một trệt, 2 lầu.<br>Hiện trạng đã xuống cấp: tường đã bong tróc, hệ thống điện xuống cấp, quạt hư, trần thấm, nhà vệ sinh xuống cấp. | | | Sơn tường, cửa, thay trần thạch cao, thay thế hệ thống điện, thiết bị điện, chống thấm, cải tạo nhà vệ sinh. | | | *1200* | *0* | *0* | *0* | *1200* |
| 11 | Sửa chữa ban ấp 4 (ấp Dân Thắng 2 cũ) | xã TTN | | Ban ấp được đầu tư nâng cấp cải tạo giai đoạn nông thôn mới năm 2013-2015. Bao gồm một trệt, một lầu. Kết cấu tường, cột bê tông cốt thép, mái tôn. | | | - Sơn tường, sơn lan can cầu thang.<br>- Thay thiết bị điện hư hỏng, thay thiết bị nước hư hỏng.<br>- Chống thấm sênô, trần hành lang.<br>- Thay thiết bị vệ sinh, bàn ghế, tủ hỏng. | | | 350 | *0* | *0* | *0* | *350* |
| 12 | Sửa chữa ban ấp 19, 20 (ấp Tân Lập cũ) | xã TTN | | Ban ấp được đầu tư nâng cấp cải tạo giai đoạn nông thôn mới năm 2013-2015. Bao gồm một trệt, một lầu. Kết cấu tường, cột bê tông cốt thép, mái tôn. | | | - Chống thấm sàn sê nô sàn ô cầu thang.<br>- Thay thiết bị điện hư hỏng, thiết bị nước hư hỏng.<br>- Sơn lại tường, cửa, thay thế bàn ghế hỏng. | | | 300 | *0* | *0* | *0* | *300* |
| 13 | Sửa chữa, cải tạo cơ sở 1 trường Tiểu học Nhị Tân (cũ) thành ban nhân dân ấp 20, 21 | xã TTN | | Công trình được trường Tiểu học Nhị Tân bàn giao tháng 6/2023 diện tích xây dựng khoảng 170 m2, diện tích khuôn viên 327m2, đã xuống cấp trầm trọng, nền nhà thấp hơn đường khoảng 50 cm, mái tôn cũ nát, hệ thống điện nước không còn sử dụng được nữa, tường mục nứt nghiêm trọng. | | | - Sân: Nâng nền khoảng 50cm, diện tích khoảng 157m2; làm mới nền sân, hệ thống thoát nước.<br>- Cải tạo ban ấp trên nền hiện trạng, diện tích xây dựng khoảng 170m2: Nâng nền, nâng mái, thay mới hệ thống điện, nước, sơn tường, làm trần, làm cửa...<br>- Cung cấp trang thiết bị. | | | 1.800 | *0* | *0* | *0* | *1800* |
| 14 | Sửa chữa, cải tạo cơ sở 2 trường Tiểu học Nhị Tân (cũ) thành ban nhân dân ấp 16 | xã TTN | | Công trình được trường Tiểu học Nhị Tân bàn giao tháng 6 năm 2023, diện tích xây dựng khoảng 230m2, diện tích khuôn viên khoảng 444m2 đã xuống cấp trầm trọng, nền nhà thấp hơn đường, mái tôn cũ nát, hệ thống điện nước không còn sử dụng được nữa, tường mục nứt nhiều chỗ. Nền sân có mục um tùm | | | - Sân: Nâng nền khoảng 50cm, diện tích khoảng 324m2; làm mới nền sân, hệ thống thoát nước.<br>- Cải tạo ban ấp trên nền hiện trạng, diện tích xây dựng khoảng 120m2: Nâng nền, nâng mái, thay mới hệ thống điện, nước, sơn tường, làm trần, làm cửa, nhà vệ sinh...<br>- Cung cấp trang thiết bị. | | | 1.500 | *0* | *0* | *0* | *1500* |
| 15 | Sửa chữa, cải tạo khu nhà hợp tác xã thành ban nhân dân ấp 7, ấp 9 | xã TTN | | Diện tích khoảng 112 m2, kết cấu tường gạch,cột thép, mái tôn, nền xi măng thấp hơn đường khoảng 20cm. | | | - Nâng nền, nâng mái, làm mới hệ khung bằng bê tông cốt thép, tường gạch, mái tôn, làm mới trần bằng tấm tôn, làm mới nhà vệ sinh, làm mới hệ thống điện. Làm mới cửa đi và cửa sổ.<br>- Cung cấp trang thiết bị. | | | 1.000 | *0* | *0* | *0* | *1000* |
| 16 | Sửa chữa, cải tạo Văn phòng Hội đồng nhân dân xã cũ thành ban nhân dân ấp 3 | xã TTN | | Diện tích khoảng 60 m2, kết cấu tường gạch, mái tôn, nền xi măng thấp hơn đường khoảng 20cm. | | | - Nâng nền khoảng 20cm, sơn tường, thay la phông, mái tôn, cải tạo hệ thống điện, nước, nhà vệ sinh, cửa. | | | 250 | *0* | *0* | *0* | *250* |
| 17 | Phát triển mảng xanh lề trái đường Nguyễn Thị Nuôi | xã TTN | | Diện tích khoảng 2100m2, thuộc lộ giới đường Nguyễn Thị Nuôi, chưa được cải tạo, không đảm bảo mỹ quang đô thị | | | Đầu tư mảng xanh, lát gạch nền, cải tạo vỉa hè diện tích khoảng 2100m2 | | | 2200 | *0* | *0* | *0* | *2200* |

| STT | Tên công trình | Địa điểm | Mô tả chi tiết hiện trạng | Hiện trạng | | | Đề xuất đầu tư | | | Kinh phí thực hiện (triệu đồng) | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Dài (m) | Rộng (m) | Kết cấu | Dài (m) | Rộng (m) | Kết cấu | Vốn ngân sách (Vốn NTM) | Vốn Dân, DN | | | Tổng cộng |
| | | | | | | | | | | | Hiến đất, vật kiến trúc quy ra tiền | Đóng góp tiền | Tổng | |
| 18 | Lắp đặt camera an ninh tại các vị trí trọng điểm xã Xuân Thới Sơn | xã XTS | Xã Xuân Thới Sơn giáp ranh các xã Xuân Thới Đông, Tân Thới Nhì, Xuân Thới Thượng, Thị trấn Hóc Môn, xã Phạm Văn Hai huyện Bình Chánh và tỉnh Long An . Do đó, các nút giao thông trọng điểm cần phải được kiểm soát thường xuyên khi có sự cố cũng như nắm bắt tình hình tội phạm từ địa phương khác di chuyển vào địa bàn xã Xuân Thới Sơn. Trong khu vực dân cư chưa có camera giám sát các khu vực chật có khả năng gây mất an ninh trật tự cao. | Hiện nay trên địa bàn xã chỉ có 05 cụm Camera giám sát an ninh tại các vị trí trong địa bàn khu dân cư, không đảm bảo công tác nắm bắt tình hình an ninh trật tự trong thời gian nhanh nhất | | | Đầu tư 40 cụm Camera giám sát an ninh tại các vị trí nút giao thông trọng điểm và địa bàn khu dân cư trên địa bàn xã, lắp mới dự kiến 250 mắt. | | | 1.100 | | | | 1.100 |
| 19 | Nâng cấp xây dựng hệ thống thoát nước đường Tân Hiệp 1-2 | xã TH | Láng nhựa 6m + lề đất (1 - 2)mx2, chưa có Hệ thống thoát nước, mặt nhựa xuống cấp. | 300 | 6 | láng nhựa | 300 | 6 | Đề xuất đầu tư xây dựng hệ thống thoát nước 01 lề, lắp đặt cống ngang thu nước tại các hầm ga, tại lắp mặt bằng theo hiện trang | *6.000* | *200* | *50* | *250* | *6.250* |
| 20 | Nâng cấp xây dựng hệ thống thoát nước đường Tân Hiệp 7 | xã TH | Láng nhựa 6m + lề đất (1 - 2)mx2, chưa có Hệ thống thoát nước, mặt nhựa xuống cấp. | 220 | 6 | BTNN | 220 | 6 | Đề xuất đầu tư xây dựng hệ thống thoát nước 01 lề, lắp đặt cống ngang thu nước tại các hầm ga, tại lắp mặt bằng theo hiện trang | *3.500* | | *50* | *50* | *3.550* |
| 21 | Nâng cấp xây dựng hệ thống thoát nước đường Tân Hiệp 25 | xã TH | Láng nhựa 6m + lề đất (1 - 2)mx2, có Hệ thống thoát nước, mặt nhựa xuống cấp. | 500 | 6 | BTNT | 500 | 6 | Đề xuất đầu tư xây dựng hệ thống thoát nước 01 lề, lắp đặt cống ngang thu nước tại các hầm ga, tại lắp mặt bằng theo hiện trang | *11.000* | | *50* | *50* | *11.050* |
| 22 | Lắp đặt hệ thống camera an ninh nhận diện biển số xe | xã DT | | Hiện nay trên địa bàn xã có 28 mắt camera giám sát an ninh được bố trí rải rác tại các vị trí trong địa bàn khu dân cư, chưa có camera nhận diện biển số xe, chưa đảm bảo công tác nắm bắt tình hình an ninh trật tự trong thời gian nhanh nhất | | | Đầu tư các cụm Camera giám sát an ninh tại các vị trí nút giao thông trọng điểm và địa bàn khu dân cư trên địa bàn xã | | | 1.700 | | | | 1.700 |

| STT | Tên công trình | Địa điểm | Mô tả chi tiết hiện trạng | Hiện trạng | | | Đề xuất đầu tư | | | Kinh phí thực hiện (triệu đồng) | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Dài (m) | Rộng (m) | Kết cấu | Dài (m) | Rộng (m) | Kết cấu | Vốn ngân sách (Vốn NTM) | Vốn Dân, DN | | | Tổng cộng |
| | | | | | | | | | | | Hiến đất, vật kiến trúc quy ra tiền | Đóng góp tiền | Tổng | |
| 23 | Sửa chữa Hội trường Ủy ban nhân dân xã Tân Xuân | xã TX | | Hội trường UBND xã đã được đầu tư xây dựng từ năm 2011, đến nay một số hạng mục đã hư hỏng, xuống cấp ảnh hưởng đến các hoạt động của xã | | | - Phá dỡ hai phòng kho bên trên sân khấu, nền sân khấu, Lát đá hoa cương lại nền sân khấu<br>- Xây mới bậc tam cấp lát đá hoa cương.<br>- Lát nền gạch Ceramic sân khấu<br>- Tháo dỡ cửa sổ, cửa đi, thay mới bằng cửa sắt kính<br>- Vệ sinh, sơn nước toàn bộ bên trong và bên ngoài hội trường.<br>- Thay mới trần giả gỗ hội trường.<br>- Ốp gỗ tường sân khấu.<br>- Sửa chữa nhà vệ sinh hội trường.<br>- Cung cấp lắp đặt thiết bị hội trường (bàn, ghế, máy lạnh, hệ thống loa, màn hình LED, bục phát biểu, bục tượng bác, bảng khẩu hiệu, thiết bị pccc, phông màn sân khấu, ...) | | | 2.200 | | | | 2.200 |
| 24 | Cải tạo, sửa chữa trung tâm làm việc Ban Chỉ huy Quân sự xã Tân Xuân | xã TX | | Trụ sở làm việc xây dựng đã lâu, qua thời gian làm việc đã xuống cấp hư hỏng một số vị trí ảnh hưởng đến hoạt động và làm việc của lực lượng dân quân | | | - Cạo bỏ lớp sơn trên bề mặt tường cột, trụ<br>- Cạo bỏ lớp sơn trên bề mặt xà, dầm, trần<br>- Công tác bả bằng 1 lớp bột bả vào các kết cấu - tường<br>- Công tác bả bằng 1 lớp bột bả vào các kết cấu - cột, dầm, trần<br>- Sơn dầm, trần, cột, tường trong nhà đã bả - 1 nước lót, 2 nước phủ<br>- Cạo bỏ lớp sơn trên bề mặt kim loại<br>- Sơn sắt thép - 1 nước lót, 2 nước phủ<br>- Sơn kết cấu gỗ - 1 nước lót, 2 nước phủ<br>- Thi công trần phẳng bằng tấm thạch cao 600x600 (những chỗ bị hỏng)<br>- Cung cấp lắp đặt cửa giếng trời: 1,2*1,2, cửa dầy bằng Poly đặt dày 3mm<br>- Chống thấm vị trí hộp gen<br>- Lắp đặt các loại đèn ống dài 1,2m, loại hộp đèn 1 bóng<br>- Lắp đặt các thiết bị vệ sinh<br>-Láng nền sàn không đánh màu, chiều dày 3cm, vữa XM M100, PC40<br>- Lát gạch sân Terrazzo 40x40x4<br>- Kho chứa hàng và chòi gác | 800 | | | | 800 |